TUYỂN TẬP

NHỚ HUẾ

Số 16

2005

Central Vietnamese Restaurant

9727 Bolsa Ave.
Westminster, CA 92683
(714) 775-7179

10212 Westminster Ave., Suite 113
Garden Grove, CA 92843
(714) 636 - 1652

KIM THOA và TÔN THẤT CẨN KÍNH MỜI

Tuyển Tập Nhớ Huế

Chủ Trương:

Hội Thân Hữu Huế - Thừa Thiên

Chủ Biên:

Võ Văn Tùng

Ban Biên Tập:

• *Tôn Thất Tùng* • *Hà Thúc Như Hỷ* • *Thái Doãn Ngà* • *Bửu Lộc* • *Nguyễn Khoa Thiều* • *Nguyễn Phúc Bửu Tập* • *Hoàng Tuấn Lộc* • *Hồ Văn Phú* • *Hoàng Thi Thao* • *Nguyễn Ngọc Thanh* • *Nguyễn Văn Y* • *Võ Tít Cầu* • *Trần Tiễn Khanh* • *Võ Đình Đắc* • *Bùi Minh Đức* • *Hoàng Trọng Bách*

Kỹ Thuật:

Phan Đắc Khôi

Hình bìa

Hoa Phượng Kinh Thành Huế

Thư từ, bài vở, xin vui lòng gởi về:

Tuyển Tập Nhớ Huế

9559 Bolsa Ave., Suite D
Westminster, CA 92683
Phone: (714) 531-5754
Fax: (714) 531-5824
E-mail: tvomd@yahoo.com

Những bài vở đăng trong **Tuyển Tập Nhớ Huế** không nhất thiết phản ảnh quan điểm của Nhóm Chủ Trương và do người viết hoàn toàn chịu trách nhiệm. Mọi trích dịch đều phải có sự thỏa thuận của Ban Biên Tập.

(Source of images: Terragalleria)

Một vài cảm nghĩ

Tháng 7, 2002 năm tôi được may mắn đi du lịch qua những nước ở gần Bắc cực gồm Phần Lan, Thụy Điển và Đan Mạch với những rừng bạch dương ngút ngàn tuyệt đẹp. Cuối năm 2004 tôi lại được dịp thăm hai nước ở gần Nam Bán Cầu là Tân Tây Lan và Úc Đại Lợi với những đồi cỏ xanh tươi chạy dài đến cuối chân trời. Hai miền nầy có một mẫu số chung là đất trống bao la, dân cư thưa thớt. Miền Bắc cực nổi tiếng với những cơn lạnh thấu xương và tuyết rơi bao phủ, Miền Nam khí hậu hiền hòa dễ chịu, ít lạnh mưa chiều. Điều đáng kể là nơi nào cũng có nhiều người da vàng trong đó có dân Việt hiện an cư lập nghiệp.

Phần Lan và Đan Mạch mỗi nơi dân số chỉ vào khoảng 5 triệu, tập trung vào các thành phố lớn, lợi tức mỗi đầu người rất cao và tuổi thọ được xếp vào loại cừ nhất thế giới. Cả một châu Úc rộng lớn như vậy mà dân số chưa đến 20 triệu, ở đó nhờ tài nguyên dồi dào và trí óc thông minh, con người đã lập nên một nơi giàu có của vùng Thái Bình Dương. Đặc biệt chính phủ những nước Bắc và Nam bán cầu đã ban hành một hương trình trợ cấp xã hội cho người nghèo rất hậu hỹ giúp cho họ có một đời sống thoải mái, khiến một số người thích ở nhà ngồi chơi không muốn đi làm việc.

Đi trên những đồng cỏ tươi tốt không người ở, tôi chợt nghĩ đến nước mình dân cư đông đúc, chen chúc nhau trong từng thước đất dọc theo các dòng sông hay những quốc lộ chạy dài từ Bắc xuống Nam. Hai bên con đường từ Sài Gòn lên Đà Lạt

(Xem tiếp trang 2)

(Tiếp theo trang 1)

năm xưa dân cư thưa thớt nay nhà liền nhà, vườn cạnh vườn không bỏ một chỗ trống.

Bên Tàu, bên Nhật thì khỏi nói, nguyên một tỉnh Trùng Khánh đã có đến 30 triệu dân rồi và thủ phủ Trùng Khánh, đứng hạng nhất Trung Quốc, có dân số hơn 15 triệu. Đứng giữa Thượng Hải, thành phố đông dân thứ hai 13 triệu, nhìn cảnh thiên hạ đi dạo phố cũng đủ chóng mặt. Còn những bãi biển ở Nam Dương, Thái Lan, Tích Lan, Ấn Độ cũng đầy người nên chỉ một cơn Tsunami nhỏ đã dư sức quét sạch ra biển hàng trăm ngàn người vô tội. Nếu đợt sóng thần cao thêm vài thước nữa, số tử vong sẽ không biết bao nhiêu mà kể.

Rồi đây một vài thế kỷ nữa dân Trung Quốc sẽ tăng thêm số Tỷ, dân Việt Nam sẽ sinh sôi nẩy nở lên hàng trăm triệu, các thành phố lớn như Sài Gòn, Hà Nội, Huế sẽ đông nghẹt người thì thử hỏi trẻ con sinh ra còn chỗ đâu mà ở. Lúc ấy dù muốn dù không Liên Hiệp Quốc cũng phải đặt nặng vấn đề di dân. Các nước đất rộng ít người không thể khăng khăng đóng cửa mãi được và các nước đông dân cũng sẽ không chịu ngồi yên....

Nhìn về tương lai thật xa theo đà phát triển sẽ có hàng chục khu phố Việt Nam xuất hiện ở hải ngoại và hàng trăm tiệm phở sẽ được tìm thấy trong các nơi xa xôi trên địa cầu. Các phương tiện truyền thông tiến bộ vượt bực ngoài computer, e-mail còn nhiều phát minh mới không thể tưởng tượng và tiên tri được, sẽ đem con người xích lại gần nhau hơn. Người Việt tha phương chúng ta bất luận ở đâu sẽ không còn cảm thấy xa quê nhà nữa, và mọi người ở bốn bể đều là anh em, "tứ hải giai huynh đệ".

• **Võ Văn Tùng**

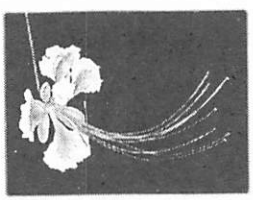

Mục Lục

- 01. Một vài cảm nghĩ . . . . . VÕ VĂN TÙNG
- 05. Năm Dậu nói chuyện gà . . . . . HƯƠNG GIANG THÁI VĂN KIỂM
- 15. Thương nhớ Cổ Bi . . . . . THÂN TRỌNG TUẤN
- 43. Từ Anh Khóa, Thầy Đồ đến Ông Quan . . . . . MINH VŨ HỒ VĂN CHÂM
- 58. Đàn ông Hu?, chàng trai xa lạ ấy . . . . . THÁI KIM LAN
- 66. Đòn bánh tét . . . . . TRẦN KIÊM ĐOÀN
- 72. Qua một kiếp khác . . . . . NHÃ CA
- 83. Nghề "Neo" và hiện tượng Xâm? . . . . . LÊ VĂN LÂN
- 94. Ngôi nhà ở phố Gia Hội . . . . . BÙI BÍCH HÀ
- 98. Kỷ niệm 100 năm Arthur Koestler . . . . . NGUYỄN PHÚC BỬU TẬP
  và tác phẩm Darkness at Noon
- 108. Văn như Siêu Quát... . . . . ĐOÀN KHOÁCH
- 115. Tình anh gửi trên cao . . . . . PHAN MỘNG HOÀN
- 124. Lại nghe tin lụt ở quê nhà . . . . . HUY PHƯƠNG
- 127. Một tấm lòng . . . . . VÕ VĂN TÙNG
- 136. Trở Lại Phú Xuân . . . . . NGUYỄN PHÚC VĨNH TUNG
- 142. Chung quanh cái chết của Nguyễn Bá Trác . . . . . NGUYỄN LÝ TƯỞNG
- 149. Tình ta xứ người . . . . . YLA LÊ KHẮC NGỌC QUỲNH
- 157. Vua Chúa Nhà Nguyễn và Phật giáo . . . . . TÔN THẤT AN CỰU
- 162. Hệ quả của đảo chính Nhật 1945 . . . . . TÔN THẤT ĐỆ
- 165. Giặc I-Meo . . . . . TRẦN KIÊM ĐOÀN
- 175. Nhớ Tuổi Đá Buồn . . . . . GIÁP CẨM TÚ
- 182. Khảo chứng về Nữ sắc và Nữ tướng . . . . . LÊ VĂN LÂN
- 191. Đồng Khánh Địa Dư Chí... . . . . BỬU DIÊN – HOÀNG OANH
- 195. Bài ca Vọng Cổ . . . . .
- 200. Trăng lặn cổ thành khóc cố nhân . . . . . TÔN THẤT XỨNG
- 203. Bài góp ý trong buổi ra mắt sách Vòng Tay Định Mệnh . . . . . BÙI BÍCH HÀ
- 211. Địa danh, thắng cảnh, di tích lịch sử xứ Huế . . . . . BỬU BIỀN

THƠ:

- 57. Thư em chiều cuối năm . . . . . HỒ VĂN MẪN
- 82. Ngõ Tím . . . . . HOÀNG BÍCH ĐÀO
- 93. Nhật Nguyệt . . . . . NGUYỄN KHOA TIỂU THƯ
- 123. Mùa Xuân cho em . . . . . MỘNG HOA HUYỀN

- 126. Nỗi đau quê nhà . . . . . HUY PHƯƠNG
- 141. Độc ẩm . . . . . MAI LĨNH
- 161. Huế vẫn trong tôi . . . . . TRƯƠNG NHƯ TRẤN
- 193. Vào xuân . . . . . VÕ NGỌC LAN
- 194. Tình khúc - Hội làng . . . . . VÕ NGỌC LAN
- 201. Huế Hạ Huyền . . . . . TÔN THẤT XỨNG
- 208. Hoa phượng Hương giang – Về thăm Huế . . . . . NGUYỄN KHUÊ
- 209. Chiều Sàigòn nhớ Huế . . . . . NGUYỄN KHUÊ
- 210. Lệ đá . . . . . HOÀNG BÍCH ĐÀO
- 216. Thương người chị Huế . . . . . LỆ VÂN

❀

Với sự góp mặt của:

■ Bửu Biền ■ Nhã Ca ■ Minh Vũ Hồ Văn Châm ■ Tôn Thất An Cựu ■ Nguyễn Phúc Bửu Diên ■ Tôn Thất Đệ ■ Trần Kiêm Đoàn ■ Bùi Bích Hà ■ Phan Mộng Hoàn ■ Mộng Hoa Huyền ■ Thái Văn Kiểm ■ Đoàn Khoách ■ Nguyễn Khuê ■ Thái Kim Lan ■ Võ Ngọc Lan ■ Lê Văn Lân ■ Nguyễn Khoa Diệu Lê ■ Mai Lĩnh ■ Hồ Văn Mẫn ■ Phạm Thị Hoàng Oanh ■ Huy Phương ■ Nguyễn Phúc Bửu Tập ■ Nguyễn Khoa Tiểu Thư ■ Trương Như Trấn ■ Nguyễn Phúc Vĩnh Tung ■ Giáp Cẩm Tú ■ Võ Văn Tùng ■ Nguyễn Lý Tưởng ■ Tôn Thất Tùng ■ Thân Trọng Tuấn ■ Lệ Vân ■ Tôn Thất Xứng ...

Tuyển Tập Nhớ Huế xin chân thành cám ơn:

◆ Chị Hoàng Bích Đào (nhà sách Diễm Phương tại Paris - ĐT: (4) 582-6660)
◆ Chị Lê Khắc Ngọc Quỳnh tại Toronto ◆ Chị Phan Mộng Hoàn ở San Jose
◆ Chị Tôn Nữ Minh Đức ở Virginia ◆ Anh Chị Nguyễn Khoa Thiều ở Dallas
◆ Chị Nguyễn Kim Soa ở Houston ◆ Anh Hồ Văn Lợi ở Chicago
◆ Chị Đoàn Hương ở Seattle.

đã giúp đỡ phổ biến Tuyển Tập Nhớ Huế đến tay bạn đọc ở địa phương.

❀

Tuyển Tập Nhớ Huế có đặt bán tại các nhà sách Tú Quỳnh, Tự Lực, Văn Bút, Văn Khoa, ZipPost ở Orange County và

- **Nhà sách Tự Do Bookstore:**
  Lion Plaza - 1818 Tully Road, # 158A - San Jose, CA 96122
- **Nhà sách Trường Giang Bookstore:**
  8200 Willcrest # 5 - Houston, TX 77072.

❀

DANH SÁCH ÂN NHÂN ỦNG HỘ

Tuyển Tập Nhớ Huế

- Ô.B BS Lê Văn Cẩm, Westminster.
- Ô.B Tôn Thất Cẩn, Quán Hỷ, Westminster.
- Ô.B BS Võ Văn Cầu, Westminster.
- Ô.B Trần Ngọc Châu, Van Nuys.
- Chợ Á Châu, Fountain Valley.
- Cơm Tấm Trần Quý Cáp, Westminster.
- Ô.B DS Quách Nhứt Danh, Danh & Linh Pharmacy, Westminster.
- Ô.B Trần Dũ, Little Saigon Market, Westminster.
- Ô.B Lê Phúc Điềm, Westminster.
  KT Furniture, Anaheim —
  Kim Thọ Jewelry
- Ô.B BS Bùi Minh Đức, BS Bùi Minh Tâm, BS Bùi Thanh Hằng, Westminster.
- Ô.B BS Thượng Hải, Garden Grove.
- DS Trịnh Lê Hồng, DS Lê Thị Minh Tâm, Catinat Pharmacy, Westminster.
- Hương Giang Restaurant, Westminster.
- BSNK Trần Ngọc Tâm Hương, Reseda.
- BS Võ Đình Hữu, Pomona
- Ô.B BS Phạm Gia Khánh, Westminster.
- BS Lê Phước Lộc, Van Nuys.
- Ô.B Bửu Lộc, Seafood World Restaurant, Westminster
- BS Thái Diệu My Michelle, Westminster.
- Ô.B BS Trần Nhơn, Westminster.
- Ô.B BS Võ Văn Phác, Long Beach.
- Ô.B BSNK Hồ Văn Phú, Hồ Như Mai, Hồ Lý Kelly, Hawthorne, Los Angeles.
- Bà Phương Hiền
  Pacific Outpatient Medical Center, Newport Beach & Placentia.
- Royal Seafoord & Phương Restaurant, Westminster
- Ô.B BS Bửu Phụng, Westminster.
- BS Tôn Nữ Kiều Tiên và Dương Thùy Trang, Westminster.
- Ô.B BS Võ Văn Tùng, Laura & Brian VõVăn, Westminster.
- Tam's Pharmacy, Westminster.
- Ô.B Tôn Thất Vinh, Westminster.
- Ô.B Trần Dạ Từ - Nhã Ca, Westminster.

NĂM DẬU nói chuyện Gà

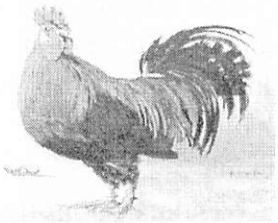

Hương Giang Thái Văn Kiểm

Theo ca dao truyền khẩu nói về mười hai con giáp thì:

Tuổi Thân con khỉ ở lùm,
Chuyền qua chuyền lại, té ùm xuống sông.
Tuổi Dậu con gà vàng lông,
Có mỏ có mồng, sáng gáy ó o
Tuổi Tuất là con chó cò...

Vậy là dân chúng sắp hết cảnh té ùm xuống sông mà đến thời "sáng gáy ó o" rồi đấy. Hoan nghênh con gà.

Với phương danh Ất Dậu, chúng ta đang ở trong vạn niên lục giáp thứ 78, bắt đầu từ năm 1984 và chấm dứt vào năm 2043. Người di tản chúng ta đã ăn 29 cái Tết ở hải ngoại kể từ 1975. Nói là ăn Tết chứ thật ra tâm trạng người Việt hải ngoại trong những dịp này chỉ hoài vọng về quê cha đất tổ nhớ tiếc những ngày thanh bình ấm cúng có gia đình bà con quen thuộc, có hoa trái cỗ bàn, có nêu cao pháo nổ. Thế hệ người lớn còn nhớ chút ít phong tục tập quán của dân tộc, nhưng thế hệ con cháu kế tiếp ngày một đồng hóa với dân bản xứ, ngày giỗ ngày Tết chẳng còn gì trong lòng họ. Tuy nhiên với ước mong bảo tồn văn hóa, những dòng viết về phong tục và truyền thống Việt vẫn tiếp tục trải dài qua không gian và thời gian ở tất cả những nơi có người Việt cư ngụ.

Nói tới gà thì ai cũng biết. Ở quê mình, thịt gà là món ăn thích khẩu quý giá mà Việt Cộng gọi là "món ăn cao cấp". Nhưng ở hải ngoại, nhất là ở Mỹ, thì thịt gà rẻ hơn rau cỏ nên *"chicken"* là món ăn bình dân.

Trong văn hóa Việt, gà được nhắc đến trong nhiều lãnh vực: lịch sử, văn chương, phong tục, thuốc men, võ thuật... Trước hết ta hãy tìm hiểu về nguồn gốc giống gia cầm này.

✦ GÀ: CHỦNG LOẠI VÀ XUẤT XỨ

Theo ông Edmund Saul Dixon, tác giả một cuốn sách xuất bản tại Luân Đôn năm 1849, thì giống gà rừng Red Jungle Fowl xuất phát từ vùng Đông Nam Á Châu. Người Đông Nam Á đã biết cách thuần dưỡng giống này từ lâu lắm, khoảng mười ngàn năm trước.

Vào khoảng 3000 năm trước tây lịch, gà được nuôi nhiều ở Ấn Độ, thung lũng Indus, Miến Điện, Phi Luật Tân và các hải đảo. Ông Dixon phân ra bốn loại gà chính:

– Gallus Gallus tìm thấy ở tây bắc Ấn Độ, Cao Miên và quần đảo Sumatra. Chúng đẻ trứng màu nâu.

– Gallus Lafayetti tìm thấy ở Ceylon, đẻ trứng màu lốm đốm.

– Gallus Sonnerati nuôi nhiều ở đồng bằng Ấn Độ, trứng màu trắng.

– The Feather Shanked Bird có nhiều ở Trung Hoa và bán đảo Đông Dương, trứng màu nâu, mình to chậm chạp, cánh rộng có thể bay được.

– Năm 3341 trước tây lịch, Hoàng đế Trung Hoa Fu Hsi đã hạ lệnh cho dân chúng nuôi nhiều gà để cung cấp cho hoàng tộc và tăng khẩu phần dinh dưỡng trong bữa ăn hàng ngày. Ông là người đầu tiên trong lịch sử biết lợi ích của gà nên đã đưa vào thể chế cai trị dân. Để gia tăng số lượng gà, người Trung Hoa đã biết cách ấp cho trứng nở hàng loạt. Cách thông dụng là dùng hơi nóng của phân súc vật. Người ta đắp một lò bằng đất sét hình bát, đổ tro hay trấu dưới đáy rồi xếp đầy trứng và đậy nắp. Dưới đáy lò thông với hầm hơi nóng của chuồng phân. Một cách khác là người ta mướn người mặc áo bông dày xếp đầy trứng trước bụng và hai bên hông, ngồi yên ủ trứng từ ngày này qua ngày kia cho tới khi trứng nở.

Khi Tần Thủy Hoàng xây Vạn Lý Trường Thành, ông đã ra lệnh lấy lòng trắng trứng gà trộn thành thứ hồ dẻo có sức chịu đựng bền bỉ trước thời tiết khắc nghiệt của vùng biên giới phương bắc để xây, cho tới nay vẫn còn là một kỳ quan của nhân loại.

Người Ai Cập nuôi gà rất sớm, từ thế kỷ 14 trước tây lịch. Trong lòng Kim Tự Tháp, những hầm chứa xác các vị vua chúa được xây bằng gạch nung và hồ trộn với lòng trắng trứng để chống cháy, nóng quá độ. Triết gia Aristote, 400 năm trước tây lịch, đã viết về cách ấp trứng gà của người Ai Cập: Người ta xếp trứng vào ống cây rồi ủ trong đống phân súc vật, khi nào gà nở mới đem ra nuôi ở chuồng. Sau này người Ai Cập cũng xây những lò ấp bằng hơi nóng phân súc vật to lớn tới độ mỗi lần có từ 15 đến 20 triệu con gà con nở.

Những lò này xây dọc theo bờ sông Nil và vẫn tồn tại tới ngày nay.

Người Pháp rất thích ăn thịt gà. Họ đã chọn gà trống làm quốc huy. Gà cũng được sản xuất hàng loạt tại nước này và khắp Âu Châu.

Riêng Mỹ tuy là nước sinh sau đẻ muộn nhưng lại có nhiều giống gà tốt nhất. Họ đã kỹ nghệ hóa việc nuôi gà để đủ cung cấp vì Mỹ vốn là một thị trường tiêu thụ thịt gà lớn nhất thế giới.

Dân Mỹ mỗi năm ăn một số lượng thịt gà bằng tổng số gà của các nước thứ ba gộp lại. Hoa Kỳ cũng có những *show* và *game* để trình bày những con gà đẹp nhất, đắt giá nhất, nổi tiếng là *"Modern Game Bantams"*.

Về gà đẻ, có:

– *White Rosks:* Lông trắng, mỏ và chân vàng, mồng đỏ, đẻ hàng năm từ 250 tới 312 trứng. Con trống nặng khoảng 9.5 lbs, con mái nặng 7.5 lbs. Đặc biệt chúng đẻ cả trong mùa lạnh.

– *Anconas:* Lông đen chấm trắng, chân và mỏ vàng, mồng đỏ. Giống này nguyên thủy ở Ý, triển lãm ở Anh năm 1851 và năm 1888 được nhập cảng qua Mỹ. Mỗi năm đẻ từ 221 đến 319 trứng.

– *Austria Whites:* Lông trắng lốm đốm đen, mỏ và chân màu vàng, đẻ từ 202 đến 324 trứng hàng năm.

Với các loại thịt gà, gà chọi hay gà cảnh, có:

– *New Hampshires:* Giống này từ Rhode Island, phổ biến ra thị trường từ năm 1930. Lông màu đỏ tía, chân và mỏ màu vàng, mồng đỏ, nặng khoảng 8,5 lbs.

– *Silver Spanged Hamburgs:* Nguyên thủy ở Đức, lông trắng điểm chấm đen, mồng đỏ, da trắng, chân chì rất đẹp, nặng khoảng 5 lbs.

– *Black and White Langshans:* Giống này thuộc loại Ascel hay Malay, là một trong những gia cầm có từ 3000 năm trước ở tỉnh Quảng Đông bên Tàu và năm 1872 được du nhập Anh quốc.

Con trống màu đen, nặng khoảng 9,5 lbs, chân và da màu trắng, mồng đỏ. Con mái lông trắng, nặng khoảng 7,5 lbs.

– *Columbian Wyandottes:* Lông màu bạc, cổ và đuôi màu đen; mỏ, chân và da màu vàng, được triển lãm tại Chicago năm 1893. Con trống nặng khoảng 8 lbs, con mái nặng 6 lbs.

– *White Crested Black Polish:* Nguyên thủy ở Ba Lan. Rất đẹp. Lông màu xanh tía, đầu có chùm lông màu trắng, đuôi, mỏ màu vàng có bìu đỏ, chân chì. Nhập cảng vào Mỹ năm 1874. Con trống nặng chừng 6 lbs, con mái 4,5 lbs.

– *Buff Cochins:* Bộ mã rất đẹp. Nguyên thủy ở Trung Hoa. Năm 1843 Đại sứ Anh đã mua một cặp ở Thượng Hải đem về làm quà tặng Nữ hoàng Victoria. Lông chúng màu vàng pha hồng, mòng đỏ, mỏ và chân màu vàng, đuôi dài cong, đặc biệt hai chân và đùi có lông dầy phủ kín. Con trống nặng tới 11 lbs, con mái khoảng 8.6 lbs.

– *Buff Laced Polish:* Giống này đẹp như công. Lông vàng nhạt, điểm những đốm vàng sậm, đầu có chùm lông như đội mũ, mỏ vàng, chân chì, gà trống có đuôi dài cong vút. Nguyên thủy ở Ai Cập, Nga và Thổ Nhĩ Kỳ. Lần đầu tiên được triển lãm ở Amsterdam và nhập cảng Mỹ năm 1874. Con trống nặng khoảng 6 lbs, mái khoảng 4 lbs.

– *Partridge Cochins:* Khoảng 1400 năm trước tây lịch, người Tàu đã thuần dưỡng giống này thành gia cầm. Loại gà này rất đẹp. Con trống có lông đỏ tía ở cổ, lưng và đuôi; màu đỏ vừa ở hai cánh, xanh tía ở trước ngực và hai chân. Đặc biệt hai chân có lông dài phủ kín. Mồng đỏ, chân và mỏ màu vàng. Con trống nặng tới 11 lbs, mái nặng 8 lbs.

– *Turkens:* Có tên khác là Naked Neck. Đây là giống lai gà chọi, rất khỏe, cổ dài màu đỏ không lông, mồng to màu đỏ, hai chân vàng, cao, lông trắng có đốm đen, duôi dài cong. Con trống nặng khoảng 7,5 lbs, mái chừng 6 lbs.

– *Frizzles:* Giống gà này trông rất lạ, lông mọc chìa ra chứ không úp vào, trông như có nhiều đợt sóng. Lông màu đỏ pha trắng, lẫn những chấm đen, đuôi và chân màu trắng, mỏ vàng, mồng đỏ, chân đặc biệt có năm ngón. Nguyên thủy từ Nhật và Phi Châu.

– *Yokimahas:* Tên khác là Beautiful long tails. Giống này ở Nhật và Đại Hàn.

Đuôi dài tới 20 feet, di chuyển rất khó khăn. Lông trắng từ cổ tới lưng; đen ở hai cánh, ngực và bụng; đuôi có ba màu đỏ, đen và trắng; chân và mỏ màu trắng. Con trống chỉ nặng 4 lbs, mái 3 lbs.

Ở Việt Nam chúng ta có năm loại chính:

– *Gà rừng:* Nhỏ con, bay giỏi, hiếu chiến. Ở trong rừng.

– *Gà tây* hay *gà lôi*: Cao lớn, lông đen hoặc lốm đốm, đầu sần sùi, con trống có bìu đỏ ở cổ và đuôi có thể xòe rộng như đuôi công.

– *Gà nước:* Loài chim đồng lớn, hình dạng giống gà.

– *Gà gô* hay *đa đa:* sống ở chỗ đồi núi ít rậm rạp.

– *Gà nhà:* Chỉ các loại gà thường được nuôi trong vườn, ruộng. Gồm có: *Gà ác* hoặc *gà ri*, lông trắng, chân chì, da đen, nhỏ con; *Gà tàu* lông nâu, da vàng, thịt ngon; *Gà tre* nhỏ con, màu sắc sặc sỡ, hiếu chiến; *Gà chọi* hay gà đá, ít lông, cao lớn, nuôi để đánh nhau.

✦ NHỮNG GIAI THOẠI VỀ GÀ

– Con gà nòi thành Cổ Loa: Năm 1257 trước tây lịch, An Dương Vương xây thành Cổ Loa. Theo *Lĩnh Nam Chích Quái* thì thành xây trên đất Việt Thường, phía tây Hà Nội bây giờ, nơi làng Cổ Loa, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên. Xây đắp gần xong thì thành lại sụp. Thục Vương mới lập đàn, ăn chay, kiêng sắc dục cho trong sạch, cầu đảo suốt ba tháng.

Ngày mồng bảy tháng ba, bỗng một Đạo sĩ từ phương tây đến thẳng cửa thành, vừa đi vừa than rằng:

– Xây đắp thành thế này thì bao giờ cho xong?

Thục Vương rước Đạo sĩ vào, lạy và hỏi kế:

– Ta đắp thành này đã xong lại đổ, hao tốn công sức mà không thành tựu là tại làm sao?

Đạo sĩ thưa:

– Ngày nào có sứ giả Thanh Giang cùng đắp với Vương thì thành này mới xong. Nói xong thì cáo từ biến ngay.

Rạng ngày. Thục Vương đứng ở trước cửa đông trông ra thì thấy một con rùa vàng theo hướng đông bơi lại. Rùa đứng trên mặt nước và nói, tự xưng là Thanh Giang sứ giả, biết rõ lẽ âm dương trời đất, quỉ thần. Vương cả mừng, sai lấy kim dư (xe vàng) rước vào thành, mời ngồi trên điện, hỏi vì cớ gì mà thành không đắp được.

Thần Kim Qui trả lời:

– Ở đây có tinh khí núi sông, con Tiên Vương (tức Hùng Vương) phụ vào để báo thù việc mất nước (Văn Lang). Lại có con gà trắng sống ngàn năm, hóa thành yêu tinh ẩn ở núi Thất Diệu. Trên núi có quỉ, nguyên có một nhạc công chôn cất ở đây hóa ra quỉ. Bên kia có một cái quán để hành khách qua lại ngủ nhờ thì quỉ tinh hóa ra thiên hình vạn trạng mà giết hại rất nhiều. Bây giờ nên bắt con gà trắng và đứa con gái của chủ quán mà giết đi thì tinh quái sẽ hết. Nhưng chắc là nó lại hóa ra yêu thư, sai chim si-hưu (chim cú mèo) ngậm thư bay lên cây chiên đàn tâu với Thượng đế để xin phá thành ấy đi. Thần xin cắn cho rơi cái thư ấy xuống, Vương lập tức thu lấy (mà sử dụng) thì tất nhiên thành ấy mới đắp xong.

Cũng trong núi Thất Diệu, lúc đào đất và đá để xây thành, dân quân ta đã tìm thấy một nhạc khí đời thượng cổ bên cạnh là tản cốt của nhạc công. Đây là cây đàn xưa nhất nước ta, và có thể đó là một thạch cầm mà các nhà khảo cổ đã phát hiện được ba, bốn bộ trên toàn cõi Việt Nam.

Thục Vương nhờ có thần Kim Qui mà thời nay ta gọi là Kiến Trúc sư với quyển *Chỉ Nam Kiến Trúc Thành Trì,* lâu nay do chim cú gìn giữ, mà thành mới hoàn tất, dài nghìn trượng, rộng lớn, xoáy tròn hình trôn ốc, đặt tên là Tư Long. Người nhà Đường bên Tàu thì gọi thành này là Sát Quỉ Côn Lôn thành.

- ***Hưng Đạo Vương và hịch Tướng Sĩ:***

Năm Giáp Thân (1824), đời vua Trần Nhân Tông, giặc Nguyên sang xâm lấn nước ta. Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn làm một bài hịch kêu gọi toàn quân đoàn kết chống ngoại xâm. Trong bài hịch bằng Hán văn, Ngài đã đề cập đến thú chọi gà và những tệ trạng khác làm nhụt chí chiến đấu của tướng sĩ:

Hét cờ bạc, vui chơi gà chọi.
Thôi rượu chè, lại ngỏi hát hay,
Vợ con quấn quít đêm ngày,
Ruộng vườn chăm chút riêng tây cửa nhà...

Rồi Ngài cảnh giác:

Giặc Nguyên trở lại đùng đùng.
Lấy gì chống đỡ hay cùng cam tâm?
Cựa gà sắc không đâm giáp giặc,
Mẹo bạc gian khó đoạt mưu quân,
Vợ con thêm bận vướng chân,
Ruộng vườn khôn chuộc cái thân ngàn vàng.

(Bản dịch của Bửu Văn Phan Kế Bính)

- ***Tả quân Lê Văn Duyệt và thú chọi gà:***

Sử ta ghi chép, Tả quân Lê Văn Duyệt (1763–1832) từ trẻ đã rất ưa thú chọi gà. Năm 1785, Ngài theo phò Chúa Nguyễn Ánh. Khi Chúa thống nhất non sông, lên ngôi Hoàng đế tức Vua Gia Long, Ngài nghiễm nhiên là bậc khai quốc công thần, oai quyền tột đỉnh nhưng vẫn mê thú đá gà. Ngày kia, vua Gia Long thiết triều, Tả quân đến chậm hơn các quan, bị vua nghiêm trị phán hỏi, nghi ngờ Ngài vì mê gà mà bê trễ việc nước. Tả quân bình tĩnh quì tâu:

– Muôn tâu, nếu hạ thần đã làm được việc gì nhỏ trong ấy, ấy cũng là nhờ gà cả. Người xưa đã nói, gà có đủ năm đức lớn: Đầu có mồng như đội mão là *văn:* chân có cựa nhọn như gươm dao là *võ*, thấy kẻ địch trước mặt dám xông vào là *dũng;* thấy cái ăn được thì gọi đồng loại đến cùng ăn là *nhân;* ban đêm cứ tới giờ, tới canh thì gáy là *tín. Văn, võ, nhân, dũng, tín* rất cần cho kẻ cầm quân, làm tướng. Nếu không có đủ năm đức ấy, ba quân không lấy gì làm phục, quân giặc không lấy gì để thua. Hạ thần học thiển, tài sơ, toàn nhờ gà chọi dạy cho năm đức ấy ngay từ thuở nhỏ nên nay mong ơn vũ lộ mới được dự làm kẻ nhân thần. Dám mong bệ hạ tha cho cái tội ham chơi gà chọi.

Tâu xong, Tả quân dập đầu lạy mãi. Vua Gia Long mỉm cười tha tội và khen ngợi Ngài đã có những lời chính xác, chí tình, chí lý.

- ***Con gà của Trạng Quỳnh:***

Thời Lê trung hưng, chọi gà đã trở thành thú tiêu khiển hàng ngày của giới giàu có, quan lại, đặc biệt là trong giới

quan thị (hoạn quan). Trạng Quỳnh vốn tính ưa hài hước, bèn phao tin rằng mình có nuôi được một con gà chọi rất cừ, đá thắng cả gà của sứ Tàu. Đám hoạn quan tò mò, mang gà đến xin chọi. Trạng Quỳnh chối, bảo không có gà qué gì cả. Nhưng bọn hoạn quan không tin, nằng nặc xin đòi đấu cho bằng được. Trạng Quỳnh hẹn hôm sau sẽ cho gà đọ sức.

Buổi sáng ngày hẹn, Trạng đến nhà hàng xóm mượn một con gà trống thiến đem về nhà ngồi đợi. Lúc bọn quan thị đem gà đến chọi, Trạng liền thả con gà trống thiến ra. Nhưng vừa lâm trận, ngay hiệp đầu, gà của Trạng đã bị gà chọi chuyên nghiệp đá một phát trúng chỗ nhược, lăn ra chết. Bọn quan thị vỗ tay reo mừng, chê gà của Trạng quá dở. Trạng lập tức thanh minh:

– Các ngươi không biết, trước gà của ta đâu có tệ như thế này, nó chọi đâu thắng đấy, nhưng từ lúc ta thiến nó đi thì nó đổ đốn ra như vậy.

Rồi Trạng ôm lấy con gà chết, vừa khóc vừa kể:

– Gà ơi là gà! Khốn khổ thân mày! Mày phải biết phận mày không có dái thì sao không chịu thua chạy trước đi, để ngứa nghề đến nông nỗi này! Mày có chết cũng là đáng kiếp, chẳng ai thương tiếc mày đâu!

Bọn hoạn quan thấy Trạng xỏ xiên như vậy, vội ôm gà lẳng lặng đi về.

• ***Mất ngôi vì gà:***

Thời vua Lê chúa Trịnh, tương truyền Đoan Nam Vương Trịnh Khải rất mê chọi gà. Đó cũng là một trong những lý do khiến cha là Trịnh Đô Vương Trịnh Sâm ghét bỏ, không lập làm Thế Tử vì cho rằng ham chơi lêu lổng, mà lập con út còn nhỏ tuổi là Trịnh Cán, con của ái phi Đặng Thị Huệ. Trịnh Khải bất mãn, lập một sân chọi gà để che mắt thiên hạ, nhưng thục ra là để mưu đồ đại sự.

Hàng ngày Khải đến đó, vừa xem chọi gà vừa bàn mưu tính kế với thầy học là Hân Quận Công Nguyễn Phương Dinh và các đồng chí. Sau này, lên làm Chúa (1783-1786) ông vẫn hâm mộ môn tiêu khiển này và nuôi được nhiều gà chọi rất hay.

• ***Hải Ninh Quận Công chết vì gà:***

Nguyễn Miên Tàng, Hoàng tử thứ 42 con vua Minh Mạng, tước Hải Ninh Quận Công, vốn là một người hư hỏng, chơi bời lêu lổng, ưa cờ bạc hát xướng. Ông mê đá gà, hát bội đến nỗi khánh kiệt gia sản phải ở nhờ một chiếc đò nuôi lợn. Cuối năm 1896 ông đến xem một buổi chọi gà ngoài thành nội Huế. Thấy một con gà chọi có dáng vẻ oai hùng, ông lớn tiếng reo hò, cổ võ nhưng bất ngờ nó bị đối thủ phản công phải thua chạy khiến ông phẫn uất, máu đưa lên cổ, nằm chết ngay tại trường gà, thọ 68 tuổi. Tương truyền vì lúc sống chơi bời xa xỉ nên lúc chết ông không một đồng dính túi, ngay cả bộ triều phục để khâm liệm cũng không có. Người nhà phải lấy giấy xanh đỏ cắt một bộ áo mão Quận Công để mặc cho.

• ***Vương Bột và hịch Anh Vương Kê:***

Vương Bột tự là Tử An, sinh năm thứ 21, niên hiệu Trinh Quán, đời Đường Thái Tông, ông nổi tiếng thần đồng, năm 6 tuổi đã biết làm văn, 9 tuổi viết bài phê

bình những điểm sai lầm trong sách của Nhan Sư Cổ chú giải Hán thư. Năm 20 tuổi, ông làm chức Tu Soạn tại vương phủ. Nhân thấy những người trong hoàng tộc thích đánh bạc bằng lối chọi gà, ông làm bài *Hịch Anh Vương Kê* (Trách con gà của Anh Vương) để đùa giỡn.

Không ngờ bài ấy đến tai vua Đường Cao Tông. Vua giận, trục xuất Vương Bột khỏi vương phủ. Rời kinh đô, Vương Bột đi du lịch nhiều nơi. Trên đường sang Giao Chỉ thăm thân phụ, ông được dự bữa tiệc của Đô đốc Diêm Bá Tự tại Đàng Vương Các. Trong tiệc này, ông làm ra áng văn nổi tiếng Đằng Vương Các Tự với những câu bất hủ: *Lạc hà dữ cô vụ tề phi. Thu thủy cộng trường thiên nhất sắc.*

Vương Bột bị đắm thuyền, chết đuối ở cửa Thần Phù (thuộc tỉnh Hà Nam Ninh ngày nay). Năm ấy ông mới 29 tuổi.

✦ GÀ TRONG VĂN CHƯƠNG, VĂN HÓA VIỆT NAM

Gà chiếm một địa vị khá quan trọng trong đời sống ở thôn quê. Gà, vịt, mèo, chó, trâu, bò là những giống vật gia đình, gần gũi loài người hơn hết vì được nuôi trong nhà, ngoài sân, hàng ngày ra vào, chung sống bên nhau.

Tên *gà (cà)* và động từ *gáy (cáy)* đều là những nghĩ thanh từ (onomatopée) dựa theo tiếng kêu, tiếng hót của giống vật mà gọi, cũng như chữ *kê, coq, cocorico, gallus, gallinacées,* và cũng như trường hợp những chữ *bò, boeuf, beef, buffalo, beugler, bovidés, v.v...* trong ngôn ngữ sơ khai của loài người.

Trong văn chương truyền khẩu, ta thấy có rất nhiều thành ngữ, tục ngữ và ca dao nhắc đến con gà, dùng gà để ẩn dụ:

Gà đẻ gà cục tác: Kẻ nào làm gì thì tự để lộ hình tích việc mình làm ra.

Gà què ăn quẩn cối xay: Chỉ hiếp đáp hay chơi gác người cùng làng, cùng xóm.

Gà ghét nhau tiếng gáy: Tính đố kỵ, ghét kẻ khoe khoang, khoác lác.

Gà được dùng để ví von cũng nhiều. Bà nào sanh đẻ dễ thì ví: *Đẻ như gà.* Người trông có vẻ như mất hồn, ngơ ngáo thì bảo: *Ngây ngô như gà cồ, lờ đờ như đom đóm đực.* Vợ chết ở vậy nuôi con là lâm vào cảnh *gà trống nuôi con.* Chữ viết xấu là *chữ như gà bới.*Vận xui chưa hết thì than: *Tội vịt chưa qua, tội gà đã đến.* Nói năng dài dòng, lôi thôi thì bị chê *cà kê dê ngỗng.* (Theo nhà ngôn ngữ học Lê Ngọc Trụ, câu này phải là *"cà kê nghê ngỗng"*. Lý do: thành ngữ này gồm hai vế ngang và đối nhau, chỉ có hai con vật là *gà* và *ngỗng* được lập đi lập lại: *gà* là *cà* là *kê; nghê* là *nga* là *ngỗng.* Nếu cho lọt con dê vào vế 2 sẽ mất sự cân đối).

Trong sinh hoạt hội hè đình đám, con gà cũng không vắng mặt. Làng Tích Sơn. huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Yên, Bắc Việt, hàng năm có tục chém gà vào ngày mồng ba Tết. Con trai đến tuổi chịu việc làng nghĩa là 18 tuổi mỗi người phải nuôi một con gà cúng thần. Ngay từ đầu năm trước, họ đã mua gà, đem thiến để nuôi cho tới ngày hội. Trong lúc nuôi, phải vỗ sao cho béo, chắc, lông mã bóng mượt. Đến ngày, họ mang gà ra ngồi thành hai hàng hai bên bản thờ để các cụ trong làng kiểm soát. Khi vị tiên chỉ thắp hương khấn xong, các chàng trai ôm gà của mình nhảy nhót, vái lễ trước bàn thờ. Lễ xong, từng chàng trai một, dùng một con dao thật sắc chém đứt đầu gà, tiết được

hứng riêng vào một chiếc bát con đoạn mang gà ra sau làm lông cúng thần.

Nếu tục "chém gà" dành cho thanh niên thì lễ "luộc gà" là phần của phụ nữ. Hội đầu xuân của Làng Chuông tỉnh Hà Đông hàng năm ngoài tục thổi cơm thì còn có tục thi luộc gà. Con gái tới tuổi 18 phải kiếm mua cho được con gà giò trống tốt, đem thiến trước khi nuôi. Phải săn sóc, nuôi vỗ thế nào cho tới ngày dự thi gà càng nặng ký càng tốt. Những năm có dịch toi, gần tới ngày gà lăn cổ ra chết, chủ nhà cuống quýt lo lùng mua gà khác thay thế nhưng luôn bị thua điểm do gà không được chăm sóc kỹ từ đầu.

Cứ ngày mồng bảy Tết, các cô gái dự thi đã quần áo tề chỉnh, quảy gánh gà và phụ tùng ra trình làng. Điều lệ thi tóm tắt như sau: Trước khi gà bị giết, phải được Ban Giám Khảo cân đo và chấm sắc diện bề ngoài (má gà). Khi có trống lệnh thì chỉ một mình người dự thi đem gà vào bếp. Ở đó đã có sẵn bã mía nhóm lửa, dao thớt, nước, nồi luộc và những vật dụng được Ban Giám khảo cho phép và công nhận hợp lệ. Thí sinh tự tay một mình cắt tiết, làm lông, chỉ được nhóm lửa khi có tiếng trống và tắt lửa khi tiếng trống báo hiệu cuộc thi chấm dứt. Luộc xong, gà được đặt ở thế nằm úp trên mâm đồng nhỏ, lòng gan đầy đủ, hai cánh, hai chân úp xuôi theo mình, cổ ngẩng cao, đầu thẳng không cong vẹo, mỏ ngậm đóa hồng đỏ. Các mâm gà được đặt trên bàn thờ để tế Thành Hoàng, sau đó mới bưng xuống cho Giám khảo chấm điểm. Gà luộc phải chín tới, da vàng lườm, thịt trắng tinh. Phao câu và đầu cánh để biếu quan viên, còn lại đem về cho cả thôn cùng dự.

Buổi hội xuân thi luộc gà được cả làng ra xem. Mọi người đứng quanh sân đình reo hò cổ võ, nhất là các gia đình có con em dự thi. Các cô người nào cũng mặc áo mới, trông gọn gàng xinh xắn. Nhưng khi cuộc thi bắt đầu là cô nào cô nấy cuống cuồng vội vã, mồ hôi mồ kê nhễ nhại, nhọ nồi bụi than lấm lem trông rất ngộ nghĩnh. Có cô khi cắt tiết gà không chết, để gà chạy tung ra ngoài, dân làng reo hò đuổi bắt thật vui nhộn. Gà không bắt được, cô chủ gà đứng khóc tu tu. Có cô cắt tiết gà chưa chết, khi nhúng vào nước nóng để làm lông, gà giãy nước tung tóe làm phỏng cả mặt mày các cô cũng vừa làm vừa khóc. Những cô này làng phạt mỗi người 2 con gà giò. Những cô chiếm hạng nhất nhì ba tư thì được thưởng từ bốn con đến một con. Đây là một tục lệ hữu ích vì nó khuyến khích các cô gái lo việc tề gia nội trợ.

Ngoài việc dùng gà để cúng bái trong những dịp giỗ, Tết, dân ta còn dùng gà trong lễ mở cửa mả. Theo sự tin tưởng, gia đình người có tang, đúng ba ngày sau khi chôn người thân, có buổi cúng mở cửa mả, để vong hồn người chết từ dưới mộ được trở về dương thế. Cây chuối nhỏ, cây mía lau, con gà giò lại phải có mặt. Trong lễ cúng này, con gà không được giết. Gia đình cúng mả chỉ cột con gà bằng một sợi dây và kéo đi vòng quanh mả ba lần để cho tiếng kêu của gà báo thức hồn người chết nằm dưới mộ biết mà trở về.

Nếu những con gà nhỏ được dùng trong lễ mở cửa mả thì những con gà trống lớn, có mồng có tích được dùng trong việc thề thốt của người dân trước thần linh. Ngày trước, ở miền Nam, mỗi khi có chuyện tranh chấp, người dân không đưa nhau

lên quan để kiện tụng mà họ thách cùng nhau đến trước một vị thần linh thiêng (như Đức Tả Quân, bà Chúa Xứ Châu Đốc, v.v...) để mạnh ai nấy khai báo là mình trong trắng, vô tội. Sau đó họ vặn cổ con gà trống trước bàn thờ với lời thề dứt khoát: "Nếu tôi nói sai trái sẽ bị thần vặn cổ chết như con gà này". Con gà bị vặn cổ khèng khẹc giãy chết trông thật hãi hùng. Sau đó hai bên ra về. Nào ai thấy các vị thần "bẻ cổ" ai bao giờ đâu nhưng chắc chắn buổi thề thốt đó gây một ấn tượng tâm lý mạnh mẽ đến những người liên hệ không dám làm điều sai trái hoặc tái phạm.

Các con gà hy sinh trong vụ thề thốt thì cũng có những con gà đem máu xương giúp đời. Con gà ác nhỏ bé, lông trắng, da đen thui nhưng rất được chuộng trong y học dân tộc. Gà ác (làm việc thiện mà mang tên ác!) được nhổ sạch lông, bỏ vào một thố sành lớn chung với sâm, dương qui, nhãn nhục, sanh địa, *v.v...* rồi đậy nắp, trét bít không cho kẽ hở xì hơi. Thố sành này bỏ trong nồi lớn đem đun cách thủy khoảng ba giờ. Nước trong nồi lớn có cạn thì châm thêm, chờ nước trong thố có gà và thuốc chỉ sôi âm ỉ cho con gà rục rã, không bị cạn. Nước hầm này bổ gan, mát tì, mát vị, rất tốt cho người bệnh. Cũng giống gà ác, khi bỏ vào cối giã nát cả xương thịt, lòng, máu me rồi trộn với các vị thuốc gia truyền, nó sẽ là chất thuốc làm xương cốt mau lành hơn chuyện bó bột ở bệnh viện. Các võ sư, các ông thầy chuyên trị trặc tay, gãy chân... rất ưa loại gà này. *Chó liền da, gà liền xương mà!*

Dung dịch giấm, trứng gà cũng giúp cho người thấp khớp, người già, người bệnh mau phục hồi sức khỏe. Phương pháp chế biến vị thuốc này không khó khăn: Dùng giấm gạo (chế biến từ gạo) có độ chua là 9 độ với dung lượng là 180cc ngâm chung với một trứng gà sống trong bình thủy tinh. Thời gian ngâm khoảng 48 giờ thì vỏ trứng gà sẽ mềm dần và tan rã, quả trứng hơi phình ra một chút, chỉ còn lớp màng mỏng bao bọc. Dùng đũa chọc bể lớp màng mòng, khuấy đều lòng trắng và lòng đỏ vào giấm ngâm để tạo ra dung dịch giấm trứng. Với liều lượng này, người lớn uống từ 5 đến 7 ngày, uống vào mỗi sáng khi mới thức dậy, bụng còn đói. Nếu pha thêm một muỗng mật ong, càng dễ uống hơn.

Trong tiền tệ, con gà cũng được nhắc tới: Đồng bạc Kê Ngân. Đây là đồng bạc một lượng của Mexico. Vào khoảng thế kỷ 18, 19, thương khách các nước đều lấy đồng bạc này làm căn bản để trao đổi. Công ty Anh Đông Ấn hay thương khách Trung Quốc qua xứ ta mua bán tại Phố Hiến, Hội An vẫn dùng đồng bạc này cho đến thế kỷ thứ 19. Việt Nam có tiền bạc, tiền vàng của các triều vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, nhưng số phát hành rất hạn chế. Đa số dân chúng sử dụng tiền đồng, tiền điếu. Giá trị loại tiền này thấp nên mỗi khi xài vào những chuyện mua bán lớn, hoặc cất giấu để dành làm của, người dân thích giữ tiền bằng kim loại quý hơn. Các nhà bá hộ, do đó, ngoài những nén vàng, thoi bạc, họ chuộng đồng bạc Mexico. Đồng này một mặt đúc hình con ó miệng cắn con rắn, mặt kia hình cái mũ (nón vải) có tia sáng tỏa ra. Mỗi đồng nặng 27 gram, chất pha bạc 900, có giá trị bằng 5 quan tiền hay 3000 tiền điếu. Trong lúc 3000 tiền điếu phải vác nặng gần 7 kí-lô rưỡi thì ai lại không thích đổi lấy một đồng bạc con cò cầm cho gọn? Chỉ ngộ một điều là đồng

bạc có hình con ó, các cụ ta lại gọi "bạc con cò" hay đồng "kê ngân" (con gà). Thôi, cò hay gà gì cũng được vì có câu hát:

Cưới em bằng bạc con cò,
Nào phải đưa đò nói chuyện đẩy đưa !

Năm gà mà không nói thú đá gà (chọi gà) là một thiếu sót lớn. Đây là một tiêu khiển rất thịnh hành ở quê hương ta, gây thích thú cho nhiều tầng lớp từ già đến trẻ, dân giã đến quan quyền. Vì khuôn khổ bài viết có hạn, chúng tôi chỉ xin lướt qua tên tuổi họ hàng nhà gà với các danh từ chuyên môn của thú chơi này, để các bạn xa quê khi đọc đến những dòng này, nhớ lại một trường gà nào đó của thời xưa cũ.

– Gà nòi: Gà đúng giống tốt, chỉ nuôi để đá độ.

– Gà đòn: Loại gà chân trơn, không cựa hoặc cựa mọc không dài. Gà này lớn con, chân to, cẳng bự, đá rất hăng, đòn nào đáng đòn nấy, như võ sĩ hạng nặng nên còn được kêu là "gà cù lự".

– Gà cựa: Đá bằng cựa dài. Mỗi khi có độ, chủ gà chỉ được phép chuốt cho nhọn bén một tí.

– Gà cựa dao: Loại gà không cần giống tốt, đá đòn hay mà chỉ cần cột thêm một loại dao bén nhỏ xíu vào hai cựa để hai con gà... giết nhau mau hơn.

– Gà bướm: Sắc lông lốm đốm đẹp như con bướm.

– Gà mồng trích: Có mồng đỏ như chim trích.

– Gà nhạn: Lông trắng như chim nhạn.

– Gà chuối: Lông xen lẫn nhiều màu, vàng, xám, trắng, đỏ, nâu như thân cây chuối lốm đốm.

– Gà điều: Lông đỏ óng ánh màu nâu sậm.

– Gà ó: Lông như chim ó.

– Gà ô: Lông đen tuyền.

– Gà xám ô: Lông pha đỏ và xám.

Còn nhiều tên do chủ gà đặt nhưng phải nhìn nhận là màu lông gà rất quan hệ trong trận đấu gà vì chúng nó cũng bị kỵ màu lông như: Gà điều ăn chắc gà xám, gà chuối, gà ó ăn gà xám, gà xám lại sợ màu lông của gà nhạn, v.v...

Ngoài tên gọi theo màu lông, gà đá còn được xưng tụng như các tay anh hùng: Tiết Nhơn Quí, Tiểu La Thành (vì có ngón đá hồi mã thương, giả bộ quay đầu như bỏ chạy để đối thủ xông tới thì quay mình đá ngược vào cổ đối thủ), Triệu Tử Long (con gà của chú Tám tôi đã thắng thật mau, máu của gà địch chưa kịp dính vào bộ lông trắng toát của nó)... Lại có nhiều con mang danh Thần ô, Điện Quang (đá mau như điện xẹt là gà kia đã giãy chết). Nhật Nguyệt vì một chân vảy đen một chân vảy trắng ngà... Ngoài lông, bộ vó, tài nghệ gà còn được gọi chung dưới địa danh nó xuất xứ như: Gà Cao Lãnh, Gà Bà Điểm, Gà Hóc Môn, Gà Kế Sạch...

Ngày nay ở quê người, chúng ta hãy ráng nhớ những tên gà vang danh của thời xưa cũ mà khi nhắc đến ai cũng trầm trồ khen ngợi, và quên đi những con gà rớt, gà rù, gà chạy mặt... hại chủ trút túi tại trường gà như những "con gà" ngoài đời đã hại chúng ta phải bỏ xứ ra đi nay đang lăm le trở lại đấu trường. Những con gà đó chỉ đáng được kêu là gà hường tâm (hầm tương) hay gà kỳ ra (cà–ri) thôi...

■ ***Hương Giang Thái Văn Kiểm.***

Thương nhớ Cổ Bi

Kính dâng Ông Bà Nội và đại gia đình.

Thân Trọng Tuấn

Làng Cổ Bi thuộc huyện Quảng Điền, sát chân núi Trường Sơn. Muốn ra chơi làng Cổ Bi có thể theo hai cách: đường bộ hay đường thủy. Từ phố Huế, đi theo quốc lộ số một ra hướng bắc, đến cây số thứ 17, tức là phía bắc bờ sông Bồ, queo tay trái chuyển sang hướng tây, ra ngả Tân Sơn về các làng Cổ Bi, Hiền Sĩ. Khúc sông Bồ có con đập nước chảy réo rắt suốt ngày đêm. Người ta dùng nhiều tên để gọi: Cầu sông Bồ, Cầu An Lỗ, Chợ An Lỗ, Sông Phù Lễ, Xứ Phú Ốc, Bái Đáp Giang, v.v.. Ra tới làng An Lỗ, queo tay phải dọc theo hướng bờ sông, có nhà thờ họ Thân, họ Nguyễn cạnh bến Song Ngư. Đi thẳng theo quốc lộ sẽ ra tới Hiền Lương, Mỹ Chánh. Queo trái, ghé chợ An Lỗ bên sông, xong theo con đường cái phẳng phiu, tre lau lộng gió sông Bồ trên bốn, năm cây số, vượt qua cái dốc đường rầy xe lửa, qua cầu Hiền Sĩ, uốn lượn cái hói cạn xanh rêu nương dựa sông Bồ khởi nguồn sông Bái Đáp. Con đường làng Cổ Bi khúc khuỷu mù khơi. Qua khỏi chợ Cổ Bi, kế là trường học, rồi đình làng, chùa khuôn hội, dọc đường có mấy bụi cây căng cho quả tròn sữa đắng, gai nhọn lẻu đâm đau thấu trời xanh. Thời xa xưa vượng khí tràn đầy, cây cỏ tốt tươi. Sau kháng chiến, binh lửa điêu tàn, lũy tre còm, chen mấy cây cau tơi tả, chuối lưa thưa ra quả leo teo. Nghèo thiệt là nghèo, nắng mưa đầy đọa. Cỏ dại bên đường cũng lao xao gầy ốm, rất mực đìu hiu! Khúc cuối đường làng, nếu quành theo tay phải sẽ đi ra làng Sơn Quả xa xăm, có suối nước nóng tên Thang Hoằng danh tiếng. Còn như đi thẳng chạy tọt vô con đường nhỏ, tức đã vào khuôn viên An Cổ Trại, êm đềm dưới chân núi ven sông.

- **Thăm trại An Cổ**

Một chút chi để nhớ, để khơi dòng, để trở về thăm chút không gian xưa cũ tan loãng gần năm chục năm nay. Nhớ chi hè? Bụi cây, đường đất. Bông cỏ may điểm tím tuổi hồng. Cây dừa xiêm trơ trọi giữa đồng, miễu Ông Cọp bụi lùm dày đặc. Nhớ những mẩu vụn vặt của chuyện ngày xưa. Mỗi thứ một ít, nhớ hết lại nhớ thêm. Nhớ thương quanh quẩn. Nhớ một chút xưa xưa ở mô dưới nớ. Nhớ vài điều cũ cũ cợ chặng trên ni. Rất dịu. Rất êm. Căn nhà lầu hai tầng lợp ngói đỏ quét vôi

trắng toát, bao quanh hoa hồng đủ loại. Dãy nhà ngang lặng lẽ, cái sân gạch hiền hòa. Mấy ràng trâu ngoài góc xa xa. Rơm từng đụn, củi từng chồ ăm ắp. Trại rộng thênh thang, cây xanh tươi mát. Mít, chè, cam, chuối: thẳng lối ngay hàng! Ơi xứ Cổ Bi! Tuy hơi lộn xộn nhưng triền miên nỗi nhớ. Nhớ mảng nắng quái tròng trành sau độn. Nhớ cụm mây buồn lửng đửng trên non. Gió núi sấy đen da, khô môi, nhám mặt. Trời thật trong, và lạnh cũng thật trong! Sương buổi sáng kéo bầu trời xuống thấp. Sương lùa từng đợt. Gió thốc vù vù. Đến nửa trưa đứng bóng, mặt trời dọi chói chan, nắng đến độ tưởng chừng nẻ đầu quấn tóc. Lúc giao mùa từ hạ sang thu, thời tiết chuyển vần đổi thay thiệt rõ ràng năm ngày ba tật. Cũng mưa buồn thúi đất. Cũng mưa tắt mất mặt trời. Sấm sét liên hồi. Cơn mưa ngàn ồ ạt mờ trời tối đất. Trùn Cổ Bi ngập nước trồi lên. Màu tím da lươn, vòng khoang cổ trắng. *Don* thì bằng chiếc đũa, *nậy* cũng cợ mô chừng chị chị em em như con rắn học trò! Bò thôi lổn nhổn, nằm la liệt đầy đường chật sá. Mấy trự địa long nổi tiếng: Trùn Cổ Bi đuổi vịt chạy băng đồng! Vị thuốc quý trị hen suyễn kinh phong thương hàn sốt rét! (1) Miễu Ông Cọp linh thiêng, rũ buông mành cây dương liễu lơ thơ. Cho dẫu có gan góc tàng trời cũng phải né tránh thiệt xa. Xớ rớ lỡ gặp *"huông"* liền bị *"ôn"* cho một cọng râu là rồi đời mốt trọ, sau đó mặc dù cả họ có đến năn nỉ van xin *"ôn"* cũng không tha. Mấy đứa *chự trâu* không may *đạp róm*, bàn chân sưng vù xây tổ đỉa nhức đau. Sức nóng lưỡi cày thổ róm trục râu, đau chết ngất thiệt thương tâm biết mấy. (2)

- **Bến đò quan Thượng:**

Nắng Cổ Bi nhiều khi mong manh trông còn lỏng hơn hớp nước chè quết sót lại cuối ngày. Trong chập chùng, càng nhìn nắng càng chạy thiệt xa. Sự hoang vu bao trùm lấy mấy bụi tre oằn lên màu xám khói, rã rời mệt mỏi hết muốn đong đưa réo rắt nước sông Bồ trong vùng Tân Sơn vắng lặng. Nắng vàng rất trong phai màu trắng lạnh. Nắng lang thang như có chút duyên còm với lũ đá cuội đỏ nâu nằm tênh hênh dưới mấy cây sim mỡ trên sườn đồi Mâm Sỏi. Xuân ở đất Cổ Bi thật hồng vì muôn triệu cánh hoa Mua đua chen táo bạo. Hạ tím than ấp e bẽn lẽn chùm hoa Sim bên lớp lá đậm màu. Trong hoang dã, tùy theo mùa mà hai loại Sim, Mua trải màu hoa dưới nắng gió rung rinh theo mấy sườn đồi thoai thoải. Người hiếu động không ưa nhìn hoa dại. Kẻ thừa nhàn thong thả chút phù du nên cho dù một chút ti hoa lá cũng trở thành vướng vít bộn bề. Cây trên rú trông xa nên thấy thấp, dọc theo truông lau sậy mọc lao xao. Sát bờ sông, tre nứa kín hàng rào. Trên bến nhỏ, chiếc tròng ngao lặng lẽ. Cái cầu tre xinh xắn, quấn đơn sơ nhưng ngay ngắn mấy nuộc mây. Cây cọc khẳng khiu, thẳng thớm gắn hai hàng lan can láng mướt. Từ dưới thuyền đi lên trên bến, mấy bước chân thong thả qua cầu. Trong đám rong xanh, đàn cá cấn cá bầu bơi lượn. Bến đò Quan Thượng. Suốt cả ngày chỉ đậu mỗi một chiếc tròng ngao. Thuyền có mui che cả trước cả sau. Chiếu bông nẹp vải, gối mây gối dựa. Chiếc sập không chân nhỏ vừa một người nằm kê ngang ở ngoài khoang trước. Sập

tuy nhỏ nhưng cũng có hai cánh cửa kéo hai đầu gắn quai cầm bằng đồng sáng giới. Ống điếu thuốc trà, chiếc đèn dầu phụng và bó đóm tre xếp sát tầm tay. Khoang sau là chỗ của phu trạo và lương thực nọ kia các thứ. Sau cùng là cái bếp lò siêu nồi ấm chén và cái siểng đọi gỗ mun. Tuy là chiếc tròng hình con ngao nhưng vẫn gọi là thuyền. Ba người phu tên Đạt, Xáng, Trì luôn luôn túc trực. Chú Đạt chèo lái, chú Xáng chèo đốc, chú Trì là hỏa đầu quân! Khi rảnh việc các chú thay phiên chia bài hầu kiệu! Hàng vạn hàng văn, ông Thang ông Vũ, ông chi chi cũng đủ thứ chi chi. Cỗ tài bàn cũ cũ, tách trà mới thơm thơm, viên kẹo cau ngọt thanh hương vị. Quan Thượng thong dong vui thú núi sông. Nghĩ lại thử coi: Bến An Cổ của quan Thượng sang hơn bến Phong Kiều của Trương Kế. Dùng thuyền văn, nương gió bắc, qua tuốt bên Tàu: thấy bến Phong Kiều sóng vỗ phập phềnh, bệ đá tảng ngả nghiêng loạn thạch. Tên là Phong Kiều nhưng cầu toàn bằng gạch đá nặng nề, chẳng có lấy một sớ gỗ phong gỗ gió. Bến ồn ào phàm tục có treo chuông chia bãi hẳn hòi. Thuyền khách, thuyền buôn, thuyền câu, thuyền sách, tụ hội ngoài thành Cô Tô gần chùa Hàn Sơn nhỏ bé. Con sông đào dài nhất Trung Quốc nối Bắc Kinh và Giang Châu mang tên là Đại Vận Hà tưởng là dài rộng theo như tên, nhưng thật ra bề rộng còn nhỏ hơn con sông Đông Ba, nước lại đục ngầu ô nhiễm không thể tưởng. Đại Vận Hà dùng để chở lúa gạo, đào dưới đời nhà Tùy trước khi có Trương Kế. Hàn Giang cũng tưởng đâu nước sâu sóng lớn chạy ngang thành Cô Tô danh tiếng, ai ngờ sông Hàn còn nhỏ hơn cả con sông đào An Cựu nắng đục mưa trong! Mấy con kênh và các rãnh nước như bàn cờ trước thành Cô Tô có một loại cá như cá mương nhưng không nổi trên mặt nước, là món lợi của các ngư ông thuộc kẻ vạn Hàn Giang!

Bên ni xứ Tân Sơn gọi theo tiếng An Nam là Núi Mới cho dù rằng núi đã cũ ngàn đời: Bến An Cổ chim hót thay chuông, trúc xanh muôn thuở thay thế cho phong đỏ phong vàng đổi dời theo tứ thời bát tiết. Chiếc tròng ngao lườn đan tre cật trát nhựa chai bền nhẹ an toàn hơn lườn gỗ niệt đinh, tương tự như chiếc ghe bầu đi buôn sông buôn biển. Khi sắm chiếc thuyền, quan Thượng cũng cho đóng thêm một *chiếc mẫu* tỉ tỉ dài khoảng nửa thước tây giống hệt chiếc tròng ngao thu nhỏ để vừa quán tưởng vừa làm món đồ chơi. Mấy vỏ ốc xà cừ, cửu khổng kêu lanh canh theo gió nhẹ trước mui. Đêm không trăng, bến An Cổ túi thui, trong bụi duối có con chim đỏ mắt. Nỏ cần Phong Kiều Dạ Bạc với Nhật Bạc mần chi cho lôi thôi kiểu cách, bến tiêu sơ tre trúc thầm thì lời giản dị hồn nhiên của sông của núi. Có sao nói vậy, ai hơi mô chơi chữ ví von. Nếu như nói chuyện con chim đậu trong bụi duối bên sông nhìn ra bến nước, cặp mắt chim bắt ánh đèn đỏ rực thì bảo rằng *"con chim đỏ mắt"*, bắn hạ đem về ướp sả vằm, chiên lên *nghe thơm lựng* thiệt ngon. Còn chuyện ông Trương Kế thời xưa, vì xa nhà và phải lo việc quan kiểm kê hàng hóa trên bến nước ồn ào không ngủ được, làm bài thơ tạo nhiều cảm xúc khác nhau. Có người thưởng ngoạn hứng quá, diễn tả ra ngoài ý muốn

của tác giả, thêm thắt nọ kia trái hẳn ý thơ. Ngay đề tựa *"Phong Kiều Dạ Bạc"* là sau này người ta đặt giùm, chứ tác giả bài thơ cũng không hề hay biết. Trương Kế tiên sinh nằm trên thuyền trong đêm khuya thao thức có thể là chuyện có thật, chứ chiếc cầu Phong dịch từ hai chữ Phong Kiều không biết ở nơi mô? Câu hỏi trớ trêu, thôi thì cứ gọi đại là Bến Phong Kiều cho tiện. Không cầu thì bến, sông nước gắn liền hai thứ rất chị em! Hai bên bờ sông Hàn, nội trong tầm mắt quanh bến Cô Tô chắc chi đã có cây phong cho dù Trương Kế có viết rõ mấy chữ *"giang phong ngư hỏa"*. Câu chuyện đơn giản, khi không lại bày đặt giải thích theo lối suy diễn quá đáng thành ra sai lạc vô cùng. Chi bằng như trong buổi mát trời của một chiều thu trong vùng An Cổ trại, ngồi ghe nan, chèo vô hói ông Đàm câu cá. Nghệ nhân cần phải có chút tay nghề: Biết cách móc mồi và cách giật cần câu đủ kiểu. Cá ăn mím, đội phao nằm ngang là cá diếc, thì phải giật nhẹ hay là *"Giở"* xong lựa chiều đưa lần cá vào bờ. Kéo mạnh tay, rách mép sẩy mất cá còn chi. Loại cá rô, cá bống, cắn câu kéo phao mấp mô nổi lên chìm xuống thì *"Giựt"* theo cách bình thường. Nếu cá kéo phao phăng phăng chìm lỉm thường là cá trê, cá phác lác nên phải *"Trặc"* tức giật mạnh tay, nhiều khi trặc một phát, cá văng tuốt lên bờ. Câu giá diếc thì có cám rang, bùn non và trùn huyết; câu cá rô cá bống thì lấy trùn thường làm mồi câu; câu cá trê thì trùn nước và phải dùng cào quậy bùn chỗ muốn buông câu; câu cá phác lác phải dùng mồi bằng con chàng mày tức là con bà mụ, sống dưới nước, trước khi hóa thành con chuồn chuồn. Chuyện chỉ có vậy. Thiệt dễ nhớ và cũng thiệt dễ thương, tụi con nít nhỏ tí ti đứa mô cũng biết. Ai hơi đâu làm chuyện lục lác xách cần câu ống móc con nhái cơm đi câu mấy con cá mương cho rộn chuyện. Còn chuyện bên Tàu, thời ông Trương Kế cách nay hơn một ngàn hai trăm năm, khúc sông Hàn trước thành Cô Tô, ngư phủ săn cá vào ban đêm với đèn nhựa chai và chim cốc đế. Không dùng lưỡi câu, mắt lưới, mồi, nhữ nọ kia. Một chiếc vòng tre đan tròng ngang qua cổ chim cột theo sợi dây vừa để giữ chim khỏi lạc sang thuyền khác, vừa chận họng không cho chim nuốt cá. Dưới ánh sáng cây đèn, đàn cá bu lại, chim lặn xuống nước bắt cá. Ngư phủ kéo chim lên thuyền, một tay bóp họng chim một tay cầm lấy đuôi cá kéo ngược trở ra. Ui cha, phải chăng từ hình ảnh này mới nẩy sinh ra danh từ nôm na bóp hầu chận họng, ăn cướp cơm chim? Bốn chữ Giang phong ngư hỏa mà dịch là *"trên bờ có những cây phong, dưới sông mấy ngọn đèn chong kẻ chài"* ngâm ông ổng ba bốn mươi năm nay, bây chừ nghĩ lại thấy thiệt là sai. Tản Đà dịch là *"lửa chài soi bóng"* vẫn chưa hết ý vì sự hạn chế của câu thơ lục bát. Nạn tam sao thất bổn, sách Song Kiều của Lê Anh Minh mới xuất bản tại Việt nam ghi *"lửa chài cây bến"*. Nguyên nghĩa chữ Giang Phong là cây phong mọc ven sông. Hồ Phong là cây phong mọc bên bờ hồ. Sơn Phong là cây phong mọc trên núi. Tiền Đình Phong là cây phong mọc trước sân. Hậu Viên Phong là cây phong mọc sau vườn. Ý nghĩa chữ Phong trong câu thơ đã quá rõ ràng, nhưng có lẽ phải hiểu theo

nghĩa khác. Nửa khuya, trăng mờ, sương giăng đầy trời là điều ai cũng nhìn thấy. Còn cây phong, cứ nhìn thử xem, dáng thì có dáng mù mờ, nhưng màu sắc thì đen thẫm cũng giống như phần lớn các cây khác trong bóng đêm. Càng lớn tuổi, càng thức dậy sớm. Có khi ba giờ sáng đã dậy uống trà. Giờ này, gặp khi trăng vừa lặn, sương phủ đầy trời, thử khoác áo ấm, không cần đèn, âm thầm ra vườn nhìn ngắm cây phong thì sẽ bị cụt hứng! (Ngay như tại quận Cam, đại lộ Edinger ngang khúc công viên Mile Square, giữa hai con đường Ward và Brookhurst lúc nửa đêm thu, cây phong lá đỏ lá vàng trông đen thui cũng giống như cây thông lá xanh một thứ!) Ban đêm, ba thứ: ánh trăng tàn, màn sương bạc và tiếng quạ kêu trong đêm đã quá đủ, thêm cây phong vào thành thừa thãi vì không nhìn thấy màu sắc vàng hay đỏ của lá phong! Thừa thãi hay mơ hồ là điều tối kỵ trong thơ Đường! Chữ Giang Phong trong bài thơ nên hiểu theo nghĩa khác. Chữ phong trong bài thơ ấn chứng ý niệm về màu sắc rực rỡ của lá phong vào mùa thu như ánh lửa. Lửa đèn những cá trên sông rực rỡ sống động như một dòng sông lá phong. Giang phong ngư hỏa phải gom về một ý. Có như vậy mới đối với giấc ngủ buồn phiền vì ý niệm đối với ý niệm. Lúc nửa khuya, trăng tàn, quạ khóc. Dân Cô Tô chắc đã ngủ say. Dưới sông ánh lửa kẻ chài. Trên bờ tối mịt ai người thấy phong? Hàn giang nước chảy xuôi dòng. Trương Kế thao thức, nhưng chắc chi ông ta đã làm thơ trong lúc này. Người ta đồn rằng Trương Kế chỉ làm được ba câu rồi bí! Đến nửa đêm, nghe tiếng chuông trên chùa Hàn sơn vọng về mới làm tiếp câu cuối: "*Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền.*" (3)

Chuông chùa thường đánh vào buổi sáng và buổi tối tức là triêu và mộ. Chuông Thiên Mụ thường "*rung*" từ tám giờ tối. Buổi sáng ít nghe rung (4). Tiếng trống cầm canh do nhà chức trách lo hàng đêm, có thể nhìn theo hướng chuyển của ngọn lá dâu tằm mà xác định thì giờ (5). Chuông chùa Hàn Sơn dộng lúc nửa đêm về sáng, vọng đến tai của thi nhân Trương Kế đang trằn trọc không yên trên bến nước phập phòng. Thiền gia có thể cho đây là tiếng chuông vô âm vang lừng vọng đến, thức tỉnh cảnh đời đang bị quấy rầy vì tiếng quạ giữa đêm khuya, cuộc sống vất vả tràn đầy săn bắt, cướp giựt, khổ, chấp, nghiệp chướng, luân hồi, thất tình, lục dục, sinh tử, sân si, v.v..

Hay thì thiệt hay nhưng bài thơ không thay thế được đọi trà bào ảnh, uống một nghỉn thiệt là sướng khoái bất tử, thư thới từ trước ngực vòng ra tuốt sau lưng! Mà ri nì, hỏi thử chút chơi cho biết, rứa chơ có khi mô *nhà eng* hay *mụ mự* được uống thứ trà *bào ảnh* ni chưa? Uống *nước trà gió* qua văn thư sách vở hay nghe lời kể chuyện thì mần răng bằng uống *nước trà thiệt* để sau khi uống xong, cho dẫu hương vị chan chát ngòn ngọt chưa tan hết trong miệng, đã có được cái say nghèn nghẹn hơi khó chịu ở lồng ngực nhưng đầu óc tay chân thông khiếu đã củ tỉ vô cùng. Chuyện ít ai nói ra, nhưng rõ ràng là sướng toát mồ hôi! Có điều, vừa ngồi câu cá, vừa uống đọi nước chè bọt thấy không hợp tình hợp cảnh. Ông ngự ra câu thì nên mang theo bầu rượu chén con cho

dễ sắp xếp. Nhắp tí rượu xong nhìn khói sóng xây thành! Nhưng mà nì, liệu có biết uống rượu hay không? Biết uống mới nhìn thấy khói của sóng, còn không biết uống say rớt xuống nước sẽ mất hết vui. Có lẽ Trương Kế thiếu ba chén rượu (bán dạ tam bôi tửu) nên phiền toái không ngủ được trên bến lạnh Cô Tô. Cái xứ chi mô mà núi sông đều lạnh giá nên có tên là Hàn Sơn và Hàn Giang. Bên ni cái con sông Bái Đáp của người ta nước trong veo mát rượi, thi nhân thường ngủ quên khiến nàng thơ đơn lẻ theo sương mù vào núi tắm suối tiên một mình một chắc, để mặc cho thi nhân khi thức giấc ôm vần thơ trinh nguyên như gốc gỗ trầm còn cả lá cả cành tươi.

...

Năm ngoái ở phố pháo đì dùng
Năm nay ở trại vắng như không!
Lấy gì cho trẻ: Xu nửa hai đồng,
Lấy gì đãi khách: Trà rượu sơ sịa không người nào không!...

(Tết ở Trại) (6)

Sông Bồ là tên gọi tắt từ Thạch Xương Bồ giang, loài cỏ thơm mọc bên bờ nước cạn, tỏa hương thơm xuống dòng nước trong xanh. Bồ giang là con sông có nhiều cỏ bồ. Lại còn tên Bái Đáp (7), vài trăm năm trước kia trên sông Bồ có nhiều loại Tấy tức là con rái cá, lớn nhỏ khác nhau. Có loài rái cá loại lớn, gặp người cắc cớ, chắp tay chào rái, tự nhiên rái thường hay lạy trả, do đó sông mới có biệt danh. Khi quân Trịnh kéo vào, quân của chúa Nguyễn dàn trận lớn ở đây. Ngày nay mấy ai còn biết chuyện? Bây chừ chỉ có vài khúc tre trên bợt đò quan Thượng mà cũng gây xúc cảm nhớ thương, trôi bềnh bồng qua tuốt bên Tàu, lục lạo thi tứ của người ta thiệt cũng lạ đời.

Ra thăm Cổ Bi, đi bằng xe, đến bằng thuyền, thiệt là chuyện nhớ chuyện thương không hề câu nệ. Thương nhớ là tình, cho nên thiếu lý. Người ta chỉ cãi lý, không ai cãi tình. Hoài niệm về Cổ Bi: Cấm cãi. Chút bâng khuâng nhớ lại thuở xa xưa!

- **Ấp mới An Cổ**

Quan Thượng đậu Phó Bảng triều Thành Thái. Làm quan đến chức Bố Chánh Sứ tỉnh Quảng Trị. Khi về hưu thăng hàm Lễ Bộ Thượng Thư. Vua cho phép khẩn thêm đất xứ ông Đàm thuộc xã Cổ Bi lập An Cổ Trại an hưởng tuổi già.

Từ nhà thờ nhánh ở Nguyệt Biều, xuôi theo sông Hương, ra phá Tam Giang, ngược dòng sông Bồ đến nhà thờ họ Thân ở An Lỗ. Bến Song Ngư là tên đặt trong nhà. Cụ Tú họ Nguyễn có hai người con gái là Ngư Chị và Ngư Em mới chừng tám chín tuổi. Trưa hè nóng bức, hai cô rủ nhau xuống bến sông *tắm miếng*! Bì bõm bơi quanh, thuyền quan Thượng đang đậu hơi tròng trành, Bến Song Ngư có tên từ đấy. Tiếp tục ngược dòng, qua khe Hiền Sĩ đến xã Cổ Bi. Quan Thượng lập ấp mới, đặt tên là ấp An Cổ lấy từ hai tên An Lỗ và Cổ Bi. Ấp An Cổ có cái hói nhỏ, gọi là hói Ông Đàm, vòng quanh trái núi con gọi là đồi Mâm Sỏi. Đất núi có nhiều than bùn non và đá cuội mềm. Từ trên đồi, nhìn xuống biền tre dọc bờ sông Bồ,

băng qua bên kia là làng Bường mịt mù hiu hắt. Có một bàu nhỏ thông với sông Cổ Bi, quan Thượng cho thả sen, mang luôn tên là Bàu Sen. Quanh bờ, tre giang và lau lách mọc dày đặc.

Dã thú như hươu, nai, chồn, mễn, nhím, heo rừng, tây u (một loại bò rừng), lang (chó rừng), khỉ, vượn, cọp, v.v.. Loại bò sát như trăn nước, trăn gió, rắn hổ mang, kỳ đà vô số. Đủ các loại chim rừng từ công trĩ đến gà tre, chim bông lau, chim sâu sâu lách chách. Dưới nước có cá rô, cá trê, cá diếc, cá gáy, cá chình, cá dét, lươn, chạch, tép, tôm v.v.. Có một năm mưa lụt thật to, nước dâng bao quanh chân núi. Các dã thú kéo lên cao tránh lụt. Hươu nai cọp sói trong cơn hoạn nạn chia nhau quả núi trông rất hòa bình!

Thời tiết thì mùa hè nắng nồng, nhiều gió Lào cháy tóc. Mùa đông mát lạnh, mưa dầm, sương móc mịt mù. Các loại cây như cam, chè, mít có thể tạm trồng. Thanh trà, thơm, chuối không-không mấy thích hợp. Nhãn, vải, tranh, tre cũng trồng được. Ruộng chiên và ruộng mùa. Bắp, đậu các thứ. Thổ sản như cây Kè, cây Chằm Tơi, cây Lá Nón thuộc họ nhà Cọ đa dụng trong việc chằm áo tơi để dùng khi trời mưa, hay chằm nón. Mấy thứ sim, móc, ổi rừng, hột xoay, hột muồng trâu tràn đìa khắp lối. Than bùn trên núi, gặp lúc kẹt củi, dùng tạm để nấu cũng chín nồi cơm.

- **Những chuyện khó quên:**

Quan Thượng có mười sáu người con gồm tám cậu và tám cô. Lúc quan về hưu thì người con trai trưởng đã là Đốc học kiêm giáo sư dạy Toán và người con trai út đang lo bằng Sơ Học Yếu Lược. Người con trai thứ năm của quan Thượng cũng yêu thích thú điền viên, tục gọi là Cậu Ấm Năm, có tài ghép trồng cam xã Đoài vỏ dày múi vàng tươi ngọt lịm. Cậu có một sở cam ở ấp An Cổ. Cậu trồng để vui chơi, không cầu lợi. Vườn cam của cậu có trổ cửa thật lớn. Hàng năm đến mùa cam chín, cậu cho rao, hẹn ngày bán cả vườn. Người muốn mua cam phải là thiếu nữ đẹp, chưa chồng và quán xuyến đảm đang. Ai cũng nghĩ là cậu bày trò kén vợ. Cam chín đỏ nọc, khách mua xếp thúng ngồi chờ chật cả hai bên đường. Cậu đi hỏi lý lịch từng người xong xét thúng gióng và đòn gánh. Ai cũng bị cậu đánh hỏng hoặc vì gióng không đủ dai, thúng không đủ chắc, đòn gánh không đủ sức và nhất là người mua không đủ tiêu chuẩn để gánh cam. Sau ba ngày không bán được, cậu giao cho quản điền xong bỏ đi chơi xa! Năm nào cũng vậy, cậu có được ba ngày vui chuyện bán cam! Người mua cam trì chí, ngày thứ tư ai cũng có phần, giá lại rẻ vì dài công chờ đợi. Cậu ấm Mười Ba lại khác. Cậu cũng thích trồng cây lập trại, nhưng rất thực tế, không đàn địch vui chơi như cậu Ấm Năm. Trại của cậu Ấm Mười Ba không trổ cổng. Quanh trại trồng các loại cây làm hàng rào như trúc, căng và cây móc mèo gai cong dày đặc. Người của cậu Ấm Mười Ba theo tiêu chuẩn *"Ngày làm vườn, đêm luyện võ"*. Để luyện tập, thay vì trổ cửa ngõ trang trại, cậu cho trồng hàng rào cao ngang ngực. Khi muốn vô ra phải *"cóc"* thiệt cao. Nhảy vô nhảy ra, cấm không được đụng hàng rào, nếu đụng phải, ngày

hôm đó sẽ bị cúp phần đường và thuốc lá. Chân hàng rào, có khoét một lỗ nhỏ cho chó chui qua. Những ai không muốn nhảy hàng rào, thì cứ tự nhiên chui lỗ chó! Trại của các cậu chỉ là chỗ trồng cây, nuôi gà, nuôi heo. Nơi ăn chốn ở của các cậu thuộc một khu riêng, gồm cái nhà lầu hai tầng và dãy nhà ngang. Nhân viên của các cậu ấm đều có đất có nhà riêng biệt, quanh gian nhà chính.

Bà Thượng Cả ở Nguyệt Biều với người con gái trưởng, cùng nhau nuôi tằm và buôn cau khô vô cùng bận rộn. Bà Thượng Hai mất sớm. Bà Thượng Ba theo quan Thượng ra Cổ Bi. Bà Thượng Ba là em ruột của bà Thượng Cả. Các cậu ấm, cô chiêu chỉ về chơi trong dịp nghỉ hè. Trang trại nhộn nhịp cả lên. Các cậu, các cô khi về An Cổ trại, thường đem thêm vài người bạn. Càng đông, càng vui. Cô út học trường đầm, về chơi đi đâu cũng cỡi ngựa đỏ có người cầm cương.

Mùa hè thường là lúc thâu hoa lợi. Mùi rơm tươi, mùi lúa phơi mới vừa khén hừng hực nồng nàn chưa kịp đổ vô bồ. Mùi cây mè ngai ngái mới gánh về chưa ỉu. Mùi bó đậu xanh đậu đỏ nhất là những bó đậu phụng nhung nhúc lủng lẳng những hột tươi mềm vị thơm ngọt như sâm. Mùi mít chín thơm lừng oang oang tiếng quạ. Bắp nếp bắp lòn hột trắng hột vàng quăn xoắn râu ngô. Chuối lau chè lá gánh nọ gánh kia. Khoai sắn Cổ Bi củ trân củ bở, xắt lát phơi khô để phòng khi đói kém mất mùa.

Ấp An Cổ vẫn gọi là sở, là trại. Chỉ có cậu Ấm Năm và cậu Út chưa tập ấm ở tại sở thường trực với quan Thượng. Về sau, cậu Ấm Cả dạy trường Quốc Học, qua Nguyễn Tri Phương rồi sau khi về hưu thành lập trường Hàm Long trên chùa Báo Quốc. Cậu Ấm Hai và cậu Ấm Ba sống đời công chức. Cậu Ấm Năm lấy vợ xong ra lập nghiệp ở Thanh Hóa. Cậu Ấm Bảy làm xếp ga xe lửa, sau là Chủ sự phòng Thông Tin Huế. Cậu Ấm Mười Ba đi tập kết. Cậu Ấm Mười Bốn đi Tây. Cậu Mười Sáu thủ từ. Trước khi hồi cư 1947, An Cổ Trại bị hủy vì lệnh tiêu thổ kháng chiến. Cũng may là quan Thượng qua đời trước khi quốc biến nên không thấy cảnh tượng tang thương đau lòng dành cho An Cổ Trại thân thương.

- **Sập hầm heo rừng:**

Thời gian ở trại, quan Thượng có rất ít cháu ngoại, trái lại cháu nội thì đông, nhất là cháu nội trai, đủ mọi trang lứa. Từ mấy *eng nậy nậy* xuống mấy *cậu tỉ tỉ*. Có cô thắt bím mặc áo đầm nhưng lại là *cái thằng* vì ba mạ không có con gái, bắt cải trang *nơ bím đầm đìa* một chút cho nó đỡ thèm! Đậu và đường coi như món chính vì lũ trẻ ăn chè suốt ngày. Ban ngày chơi đùa ở đâu tùy ý. Ăn trưa xong phải ngủ một giấc rõ ràng. Thức dậy, sẵn chén chè, thêm trái chuối có khi biểu cầm nguyên cả nải đi chơi. Tối lại, sau khi ăn xong, tụi con nít lo diễn trò đóng kịch để người lớn xem. Theo tinh thần lớn trị bé, đùm bọc và đoàn kết, nên lúc nào cũng chơi chung một đám. Người lớn nhất đám cầm đầu nêu gương và chịu trách nhiệm. Tuổi niên thiếu tuy nghịch ngợm phá phách nhưng trong tinh thần vô tư thánh thiện. Tinh quái có giới hạn thành thử gây nên rất nhiều kỷ niệm thật dễ thương không

bao giờ quên. Nhiều khi ngồi nhớ lại mà bồi hồi muốn khóc. Ôi xã Cổ Bi! Ơi An Cổ trại! Chẳng có chi nhiều bằng mấy luống khoai vồn sắn bị heo rừng ủi nát đêm qua. Nhìn ông Cả Dĩnh, người lính hầu còn sót lại của quan Thượng, có tài đâm heo rừng nổi tiếng mang biệt danh *"phát một"*, luôn tay cầm khăn quàng cổ may bằng thứ vải to, thấm mồ hôi để che dấu sự thương tiếc mấy luống đất bị ủi trồi gốc rễ *"Thiệt là **dệ két**! Thiệt là **dệ két**! Trình quan cho đào thêm vài hầm **trập** đi thôi!"* Lạ chưa tề, sợ cọp, người ta gọi là *ông ba mươi*, hay *ôn trên núi,* gọi tắt là *ôn*. Còn như mấy con heo rừng, theo như cách nhắc nhở thì có vẻ kiêng khem hơn cả cọp, chỉ dám gọi trống không. Dễ ghét nói nặng thành *dệ két*, sập nói thành *trập*. Những sợ nói rõ ra heo rừng nghe được ắt chuyện mưu tính trị heo sẽ không thành. Trong đêm tối, đàn heo rừng về phá rẫy. Chúng ủi phá vài thước, mới ăn một củ khoai hay miếng sắn, còn bao nhiêu không động đến, tiếp tục ủi thêm. Chẳng thà heo ủi bao nhiêu ăn bấy nhiêu thì còn ít bực, đàng này đào bày ngổn ngang cả trăm củ mới ăn một củ, lại bỏ mứa dở dang, thấy mới tức lộn ruột. Hầm sập heo rừng thường đào trên lối heo vẫn hay đi. Rộng và sâu khoảng một mét rưỡi, dài ba hay bốn mét. Đào rất tốn công, nhất là việc gánh đất mới đào đi đổ cho xa. Đào xong, gác cây, xếp mành mành, phủ lá rồi rải đất ngụy trang như không có hố. Cẩn thận hơn nữa, dọc theo lối heo hay chạy về, dùng dây chìu chìu đánh lưới, cao khoảng một mét, càng dài càng tốt, có thể hàng trăm mét. Cuối hàng rào để chướng ngại vật như khúc cây khô, mấy hòn đá lớn; liền sau chướng ngại vật căng một cái lưới mây thật chắc, mỗi bề rộng khoảng hai thước tây. Lưới căng bốn góc trên bốn cọc tre rất to chôn thiệt sâu, và mặt lưới cách mặt đất khoảng nửa thước tây. Khi phác giác heo rừng kéo về phá rẫy, người ta làm ầm lên như gõ mõ, đánh phèng la cho heo sợ, sẽ chạy dọc theo hàng rào dây chìu, đến chỗ chướng ngại vật thì cần phải rượt đuổi thật gấp để heo vội phóng băng qua sẽ lọt vào lưới, nếu không heo sẽ rẽ sang hướng khác thoát ra ngoài. Heo mắc lưới, nhùng nhằng phải dùng mác lào hay mác lồ ô mà xuyên tâm ngay trước khi heo cắn rách lưới, nổi hung quày trở lại rất nguy hiểm. Còn heo bầy sập hố, có khi sập cả đàn. Thường là hầm cũ, hết mùi, mất dấu, hoặc là bầy heo vì lý do nào đó chạy càn sa xuống, chứ heo rừng vô cùng tinh khôn, ít khi sa hố. Khi heo sa hố, người đứng trên bờ chọc cho heo giận ngẩng đầu lên xong dùng mác lồ ồ xỉa vào nách trái xuyên tâm để hạ. Có kẻ không vững, heo quẫy, thất thế sa xuống hầm, heo xúm lại tấn công, nếu kéo lên không kịp có khi rồi đời tánh mạng. Ông Cả Dĩnh biệt tài *"phát một"* lụi heo rừng không thọc đến hai lần.

Heo rừng màu đen, lông thô, trông có vẻ xơ xác, gầy mảnh. Tiếng kêu eng éc, hực hực náo loạn chứ không hiền lành ủn ỉn như heo nhà. Phải đâm cho chết hẳn mới nhặt xác vì nhiều khi chúng tinh khôn giả đò nằm bất động, láo liên đôi mắt lợn lòi, bất thần vùng dậy tất công thì thiệt hết nước đỡ. Heo rừng con khi còn bú sữa có hai sọc trắng dọc theo hai bên sống lưng. Tuy là heo sữa nhưng cũng thiệt là

đại hung dữ cách chi! Lớ quớ heo táp cho một cái là rồi đời mấy ngón tay táy máy thò què thọt quẹt. Muốn bắt sống heo rừng con từ dưới hầm phải dùng cái rọ. Xúc heo con về nuôi thử, càng ngày trông càng nhỏ hẳn đi, và không sống được lâu. Thịt heo rừng không có mỡ, mềm ngon. Ướp nước mắm tiêu hành mè sả thêm chút mật mía, nướng trên than ăn ngon nhứt hạng! Nanh heo rừng cho con nít đeo cổ để trừ tà. Tủy heo rừng được cho là bổ chẳng kém lộc nhung! Heo lăn chai, tục gọi là con heo một, lâu lâu cũng xuất hiện. Mỗi lần như vậy, đã có cậu Ấm Năm. Khẩu súng săn gởi mua tận bên Tây, kèm đèn dọi, máy làm đạn, cân tiểu ly, hột nổ, chì, thuốc súng. Thứ heo một về rẫy rất âm thầm, không như heo bầy kêu la eng éc, chạy một hàng như *nhật bản động binh*. Thủng thẳng từng đêm, con heo một quầy chơi một mảng. Ban ngày ban mặt, heo rúc ngủ bụi lùm. Dấu chân to tổ chảng, ấn rất đều trên đất xốp đỏ nâu. Không vội vàng, heo một đủng đỉnh lựa từng bụi khoai gốc sắn rồi mới ủi, khác hẳn heo bầy cuống quýt tạp phá tạp ăn. Tuy bị cận thị, nhưng mũi heo rất thính, nên thợ săn rất khó lại gần. Hai bên hông lớp nhựa chai dày cộm, súng đạn thường bắn chẳng ăn thua. Phải đối diện mới may ra hạ được vì phần ngực của con heo rất ít nhựa chai. Heo một tinh khôn, không bao giờ bị sa hầm, sập bẫy, lại có tài lẩn trốn như giỏi phép tàng hình. Rõ ràng là thấy lủi vô bụi một cái ào, rồi biến mất tìm hoài không *chộ*. Nhờ vết máu, thợ săn lần theo dấu. Cẩn thận vô cùng, vì beo cọp cũng không nguy hiểm cho bằng con heo một, nhất là sau khi đã bị thương. Mấy con chó săn có khi bị heo một *"hột"* cho mấy tiếng, sợ cúp đuôi rên ăng ẳng chạy thụt lui. Trúng đạn, lủi vô bụi nằm im re, heo thà chết chứ ít khi chịu rời chỗ núp. Cậu Ấm Năm thiện nghệ, có khi bắn trúng heo một ngang lưng chừng đồi, nhưng cậu lại xuống bờ suối chờ heo nạp mạng.

- **Chuyện cậu Ấm Năm**

Cậu ấm là con trai thứ năm của quan Thượng. Chiếu theo lệ con quan nên được tập ấm. Cậu học trường Pellerin, xong có học thuốc. Năm người con của cậu do chính tay cậu đỡ lấy, cắt rốn chôn nhau bằng trách đất cho người đi mua khi vừa chuyển bụng. Tính cậu thích chơi thể thao như tập võ và đá banh lông. Trồng cây, nuôi thú, câu, săn đều giỏi tay nghề. Tiếng đàn mandoline của cậu làm đứt gánh nhiều cô. Dì Hai theo cậu cũng vì tiếng đàn trước ngõ.

Tính khí cậu Ấm Năm không thích bon chen danh lợi. Không uống rượu, không hút thuốc, không bạc bài. Triều Duy Tân, Khải Định, vườn hoa hồng của cụ Đông Các Thân Trọng Huề đẹp nhất đế đô, cậu cũng có nhúng tay chút tí. Hoa trồng trong trại, giống thì do bác Ấm Cả mang về, cậu là người đứng ra chăm sóc. Có người bà con bên ngoại làm quản tượng là Hoàng trọng Nột, người Nguyệt Biều, dùng voi cái dụ voi đực một ngà ra khỏi rú Sơn Quả, cậu Ấm Năm đưa vua Bảo Đại vào săn. Thưởng chi cũng không chịu nhận, sau cậu Ấm xin vua ban cho Nột chữ Nghè thuộc hàng Tiến Sĩ, giống như ông Nghè Thợ Rèn bên tê cầu Gia Hội đã

vinh quy bái tổ sau một đêm hàn bóng đèn xe hơi thành công cho Ngài Ngự. Ông Quản Nột vốn không được đi học, một chữ bẻ đôi cũng không biết, bây chừ thăng lên thành ông Nghè Nột xênh xang, về nhà vật heo mời họ hàng làng xóm ăn mừng danh xưng *"Ông Nghè"*. Làng Nguyệt Biều sau này có rất nhiều Khóa, Viên, Cửu, Đội, Quyền, Nghè v.v.. (Khóa Thúc, Khóa Duyện, Viên Bái, Viên Sấn, Cửu Trưng, Cửu Khiêm, Đội Tuyên, Đội Dục, Quyền Hàn, Nghè Bộc, Nghè Nột v.v..) Ngài Ngự có chụp bức hình đứng bên con cá lưỡi kiếm khổng lồ. Cá này do cậu Ấm Năm câu, sai người treo lên để Ngài Ngự đứng bên cạnh chụp hình. Ngài Ngự thưởng cho cậu Ấm chiếc cần câu rút, về sau vì chiếc cần câu này mà cậu mang họa.

Tính cậu Ấm hay đùa. Một hôm đi săn về lúc trời còn rơ rơ đất. Bắn được một con trăn gió rất lớn, cậu biểu *"mấy cái thằng"* hè nhau khiêng về để trước sân, xong chạy đi trốn chỗ khác. Còn một mình, cậu lấy trăn quấn khắp người rồi kêu cứu ầm lên, cả nhà ùa ra thấy cậu bị trăn quấn hoảng sợ cô cùng. Tá điền xúm lại, gỡ bên này, trăn quấn bên kia, lát sau cậu thản nhiên đứng dậy làm cho mọi người chưng hửng! May mà quan Thượng về Huế lãnh hưu, về sau nghe chuyện cũng cười xòa. Còn mợ Ấm Năm lúc ấy vừa mới về làm dâu, cứ cho là vì vậy mà sau này mợ bị chứng đau tim.

Cậu Ấm Năm có bầy chó săn. Lại nuôi thêm một con chồn hương, tục danh là chồn Ngận. Cậu huấn luyện chó và chồn sống chung, thả chồn Ngận ra, chó xúm lại đùa giỡn. Mang chó đi săn, gặp chồn hoang bên ngoài đuổi cắn không tha!

- **Gà tre chồn cỏ**

Bàu Sen đầy lau sậy quanh bờ. Chim sâu sâu làm tổ, chim cúc cu vào ăn cắp trứng xong lại đẻ nhờ. Tội nghiệp hai vợ chồng chim sâu sâu bé tí, nuôi đứa con lộn giống ăn chẳng bao giờ biết no, có bộ lông rằn ri xấu xí lại to lò lò lớn hơn cả cái tổ chim sâu! Kêu xèng xẹc đòi ăn suốt ngày. Chợt một buổi bay đi mất dạng, cặp chim sâu kêu chinh chích đi tìm. Trẻ nhỏ thường hay thích bắt chim con trên tổ như loại chuốc miều, sẽ đá manh manh mang về nuôi nhốt trong lồng tre. Chim không sống lâu vì không biết cách chăm sóc. Người lớn cũng nuôi chim cu cườm, khướu, cưỡng. Có dịp họ cũng bắt mấy con gà rừng về nuôi để nghe nó gáy te te! Giống gà rừng lúc bình thường cũng như gà nhà: gáy, cục tác, trè cạnh, kêu trống ỏm tỏi. Khi bóng người xuất hiện thì lủi trốn vào bụi hay bay lên núp trên cành cây rất kín. Mấy chú gà con, hoặc là chui xuống lớp lá khô, hoặc chạy trốn không kịp thì cứ nhắm mắt nằm ngay đơ chẳng nhúc nhích, cho dẫu có dẫm phải cũng không cựa quậy kêu la. Đem về nuôi, cũng như mấy con heo rừng, rất chậm

lớn! Khi thả ra, gà không chịu quen chuồng, làm một mạch tuốt lên trên núi như giống chim cu cườm bạc nghĩa vô tình. Đánh bẫy gà tre cũng như đánh bẫy chim cu gáy. Người mê chim cu gáy tức là con chim cu cườm, nuôi trong cái chuồng khum khum chật hẹp, vẫn thường huấn luyện con chim mồi của mình gáy nhịp một, nhịp ba khiến con chim bên ngoài thua tiếng gáy, tức khí bay đến đá, đậu lên cái lẩy cò trên đầu con chim mồi làm sập lưới... tàn đời! Người *"sập cu"* tùy ý sẽ nuôi hay hầm chim vừa bắt được với đậu xanh thêm tí nếp cho đủ vị dẻo bùi! Đánh bẫy gà rừng, gọi tắt là *"đánh gà"* cũng tương tự như *"sập cu"* cần có con gà mồi thật chiến. Gáy thật dài hơi và vỗ cánh rất oai phong! Bẫy sập gà không cần đến lưới, mà chỉ cần cái lồng tre có tấm cửa sập *"đúng đô"* là đủ! Thịt gà rừng ăn dễ bị phong, sinh chứng ngứa. Khi kho nấu phải cho nhiều sả, ớt!

Quanh bãi cỏ tranh có giống chồn Mồn, chuyên lấy nùi cỏ nhém hậu môn giữ ruột. Trời sinh cái giống chi lạ, khuyết tật ngay cửa hậu dưới đuôi. Gặp đám trẻ ranh, cầm cây rượt đuổi, chạy vài chục bước chồn ta phải dừng chân để nhém lại nùi cỏ. Càng đuổi gấp, nùi cỏ càng lỏng thêm, đến khi sút hết, chồn ngồi chịu trận. Lũ trẻ chỉ vây quanh con chồn để la hét cười đùa. Chồn nhe răng nhưng chẳng hề cào cắn. Đùa giỡn chán chê, lũ trẻ bứt quăng cho mớ cỏ, càng quăng vào, chồn càng nhặt lấy cỏ cuốn ngoạm làm nùi, khi vừa đủ, ngửa người nhém nùi cỏ xong cúp đuôi nhảy trái!

- **Rắn trăn tát nước**

Từ nhà ngang ra cho tới bàu Sen, con đường mòn trèo lên trụt xuống, vừa đi vừa chạy tuy vui nhưng cũng có lúc hết hơi, mệt thở dốc như chơi trò xoay chong chóng. Lúc băng vạt ruộng, khi vượt khe con, sườn đồi, dốc đất: trời luôn luôn có gió thổi tứ bề. Có lúc cả bầy con nít lặng thinh, chỉ còn nghe gió lùa qua lá và tiếng chim kêu mô trong núi thiệt xa. Trong hoang vắng, chợt nghe tiếng tát nước ngập ngừng uể oải, như khoảng chừng phía dưới bàu Sen. Lũ trẻ nhìn nhau, mắt sáng ngời một ý: Xuống xem chơi, xong xin mấy con cá về nuôi trong bể cạn! Kéo rốc nhau đi không kể đất trời, băng qua khỏi khu vực vườn chè là tới. Gió vườn chè mát rượi. Cỏ ống mọc cao cao. Chè trồng thành hàng thẳng ro, cứ lối giữa chạy vào thì sẽ không bị lạc. Nhưng mà nì, có ai chơi thiệt ác, giữa vườn chè khi không lại đem gác cây ngang, *cúi trụp* xuống cho mau, nếu không đụng bổ ngửa la làng ai tới cứu? Chui qua cây, xong quay đầu nhìn lại. Cây sào di động, rớt cái sạt xuống một bên cành chè lại còn uốn xoắn lộ vàng đen. Dựng tóc gáy: Trời ơi! Rắn Hổ! Con rắn hổ dài ngoằng, nửa trưa quấn mình qua hai cây chè tắm nắng. Cả lũ nhỏ tuông chạy thục mạng. Qua một khúc đồi mới dám dừng chân. Thôi, lát nữa tìm về theo lối khác bất kể xa gần, chứ theo lối cũ lại sợ gặp ông Thần Rắn! Bàu Sen trước mặt, xuống gặp người tát nước để hỏi chuyện rắn thần! Chuyện xong xuôi có lẽ sẽ hỏi xin được cá. Lạ chưa tề, tiếng tát nước không đều tay, khi lưng, khi đầy, khi dài khi ngắn, lúc liên hồi, lúc ngưng nghỉ một thời gian. Hết nhìn quanh bàu, lại nhìn lan ra đám

ruộng, chẳng thấy bóng người. Phải lần xuống tận nơi để tìm cho dễ. Theo tiếng tát nước, cả bọn hướng về. Đứng trên đất cao, nhìn xuống bờ bàu sáng loáng. Con rắn thiệt dài đang tát nước giữa trưa. Đầu đuôi níu ở trên bờ. Tấm thân khúc giữa lững lờ bùn rêu. Thình lình rút thẳng thân lên, nước văng hất cá bay lên trên bờ, vội vàng bắt lấy cá to, cả bọn con nít sững sờ đứng ngây! Rắn bắt cá có thể là rắn nước hiền lành và cũng có thể loại rắn hổ mang rất độc. Cả bọn nhìn xong lặng lẽ rút lui. Trốn giấc ngủ trưa rủ nhau đi dang nắng, lúc trở rồi sẽ bị phạt bị la; nhưng rất vui vì thấy nhiều chuyện quá lạ lùng. Rắn Thần trong sở chè. Rắn Ngài ngoài bờ nước. Biết mô chừng tối ni lại có rắn hổ mang Vua vào trại thổi nọc độc bắt gà. Giống rắn hổ mang ngụy tặc, đứng trước cửa chuồng gà, nghểnh cổ cao ngang đầu người, thổi phì một hơi, con gà đậu trên đà tre chỉ kịp oác lên một tiếng, nhào đầu xuống đất đập cánh vài cái rồi quay lơ. Hôm sau chỉ còn cách đem gà đi chôn cho thiệt sâu để phòng ngừa nọc rắn. Có người tá điền tên Ngựa một hôm đi thăm rẫy, thấy rắn liền dùng cuốc định giết rắn. Rắn tránh thoát, cuốc thêm vài nhát cũng không trúng, rắn hung hăng chống trả. Chú hoảng sợ quăng cuốc bỏ chạy, bị rắn hổ mang rượt theo. Chú Ngựa chạy từ bờ khe, băng qua đám ruộng, nhìn lui vẫn thấy rắn chàng ràng theo dấu. Phóng lên ruộng cao, rắn ta cũng kiếm cách leo bờ. Trèo lên tầng ruộng nữa, chạy thẳng về nhà hớt hãi kêu cứu om sòm. Mọi người ùa ra, mõ tre, thùng thiếc đánh vang trời dậy đất, rắn trốn vào bụi mất tăm. Sợ thất kinh, người tá điền ngả bịnh nằm rên la quẫy đạp liên tiếp mấy ngày. Quan Thượng phải cho uống thuốc an thần quy tỳ thang mới khỏi. Xong cho về Nguyệt Biều tránh rắn cả tháng trời mới phục hồi thần sắc. Lũ con nít tinh quái, bày đặt thêm câu chuyện rắn và ngựa chạy đua, cùng nhau thầm thì to nhỏ, có lúc còn thách nhau vào hỏi người lớn để phân định hơn thua!

- **Đánh bẫy Trăn, Chình**

Cổ Bi có nhiều loại trăn. Đáng kể nhất là trăn gió và trăn nước. Trăn gió màu xám nâu, thường ở trên cây. Trăn nước có màu xanh lục, thỉnh thoảng hiện sọc vàng, ở quanh các bờ đầm, khe suối. Trăn nước chậm chạp lúc lên cạn, rất dễ bị bắt. Giống trăn nước hiền lành, nuôi chơi cũng dễ. Trăn nước thường thấy ở Cổ Bi dài hơn một sải tay, thân to vuông lớn gần bằng bắp chân người lớn. Răng có chấu như lưỡi liềm, cắt đi sẽ mọc lại rất chóng. Trăn nước ăn cá, ếch nhái, chim gà các thứ. Loại trăn gió có thân to như cột nhà, dài cả mấy thước. Dưới bụng con trăn gió gần phía đuôi thường có hai cái mấu vẫn thường được người địa phương gọi là chân. Thỉnh thoảng, gặp con trăn gió mọc thêm hai mấu phía dưới phần ngực, thành ra trăn có đến bốn mấu. Trăn gió lúc bình thường di chuyển nhẹ nhàng, không gây tiếng động, chuyền từ cây này sang cây khác theo những cành cây đan vào nhau. Khi cần để báo động, trăn ép gió kêu phì phì như tiếng máy xe lửa. Lúc biến động cần kíp như rượt theo bắt khỉ hay trốn tránh kẻ thù, trăn ép gió, phóng ào ào nghe như gió bão thổi qua trong cánh

rừng yên tĩnh. Vì lý do này mới mang tên trăn gió.

Hàng năm, vào tháng bảy nhằm dịp kỵ bà thân mẫu quan thượng, tổ chức tại Nguyệt Biều. Ông Cả Dĩnh ngoài việc kiếm những thổ sản cần thiết, vẫn thường lo thêm một vài món riêng dâng lên bà Cố. Khi thì con nai, lúc thì con heo rừng. Có năm ông dâng hầu kỵ bà Cố con trăn gió với tất cả lòng thương kính của ông. Gánh trăn về Nguyệt Biều để trước sân. Đêm đó trăn thoát cũi, sáng hôm sau mới biết, cả nhà hoảng sợ. Quan Thượng sai người đi tìm. Bất chợt sát nhà có tiếng kêu phì phì. Thì ra trăn còn núp trên cây măng cụt. Quan Thượng khiến ông Cả Dĩnh bắt xuống và cho làm thịt ngay.

Có năm ông Cả Dĩnh lại bắt đưa về mấy con chình bông nặng cong đòn gánh. Chuyện bắt mấy con cá chình bông to như cột nhà đối với ông Cả Dĩnh chẳng có chi là khó khăn. Trước hết, ông đi dọc theo bờ đá ven sông, nhắm chừng mấy cái bộng tức là mấy cái hang ngầm mà loại chình hay ẩn náu. Với một mớ trùn Cổ Bi loại khoang cổ dài cả nửa thước tây, cột từng con vào sợi dây, thả xuống trước bộng. Nếu là cá lấu, sẽ phóng ra bắt trùn xong thụt vào rất nhanh. Cá lấu chỉ lớn bằng cánh tay là cùng, màu vàng xám sỉn như đất thường khó nhận, chỉ thoáng một cái là mất dạng. Còn chình bông thì sẽ ra thong thả, khoan thai bắt mồi, thấy rõ cả cái đầu vằn vện xanh đen và hai con mắt. Giống cá chình hay cá lấu, nếu dùng dây câu sẽ không bao giờ kéo lên cho được vì mấy loại nầy sau khi mắc câu sẽ chui tọt vào hang, quấn chặt cứng, quẫy mấy cái là đứt dây nhợ, gãy lưỡi câu trong nháy mắt. Dùng lưới giăng, chình cũng tránh không vào. Chỉ có cách là làm rọ bẫy. Khi biết chỗ nào có chình bông hay chình mun ẩn náu, phải kiên nhẫn dụ chình. Hàng ngày thả trùn cho chình ăn. Lại phải lựa chừng mà đan rọ vì có khi chình lườn ra khỏi hang rồi phóng trở vào, cũng đủ phỏng chừng kích thước lớn nhỏ của chình. Lấy tre đan rọ cho khít sợi. Rọ to và dài như thân cây chuối sứ. Rọ nhốt heo thân tròn, đan mắt cáo, tròn đầu, chỉ có một cửa hay nắp phía đuôi rọ. Rọ bẫy chình có bụng phẳng, đan dày khít rịt, sống lưng rọ chừa vài lỗ nhỏ để thả trùn cũng như xem chừng là chình đã nằm trong rọ hay chưa. Lại đan thêm hai vòng quai để khiêng rọ. Rọ bẫy chình rỗng hai đầu, vì khi nhử mồi, chình có thể vào thám thính xong phóng thẳng ra rất lẹ. Nếu bịt một đầu, chình sẽ quẫy và biết rằng nguy hiểm, sẽ không vào rọ nữa. Rọ có cột theo đá đủ nặng cho chìm hẳn dưới đáy sông và không bị nước chảy làm chao động. Hai đầu rọ có hai nắp đậy nằm lọt hẳn vào phía bên trong rọ. Nắp và miệng rọ được *"bất"* vành kiên cố như vành cái rá nhỏ. Nắp rọ được điều khiển bằng sợi dây câu, khi cần, kéo dây là đóng được nắp, có cái lưỡi gà khóa lại. Hai sợi dây chằng cột ở hai đầu dùng để giữ rọ yên dưới nước cũng như kéo rọ lên bờ. Khi chình ăn quen, cứ thả mồi xa dần miệng hang, tiến dần đến miệng rọ. Sau đó, để hẳn thức ăn trong rọ, chình sẽ chui vào ăn. Liệu chừng đã đến lúc bắt chình, thường là buổi sáng sớm, thả thêm mồi xong chờ chình chui vào rọ hẳn hoi hoặc còn lòi tí đuôi mới kéo dây đóng nắp. Kéo sợi dây phía đầu cá chình lên trước

để chình sẽ theo phản ứng tự nhiên mà chùng lại, khi chình bắt đầu quẫy thì đã bị kéo lên bờ. Chỉ cần thắt sợi dây tại hai cái nắp rọ, tháo bỏ mấy viên đá chằng, xong hai người xuyên cái đòn khiêng cò ke gánh chình về trại. Trong chiếc rọ chật chội, chình thường nằm im re, thỉnh thoảng ép hơi nghe chút chít.

Việc bắt trăn nước hay trăn gió đối với ông Cả Dĩnh cũng chẳng khó khăn chi. Muốn bắt trăn nước thì cứ dò theo dấu trăn bò gần bờ nước mà đặt bẫy. Trăn gió thì khó hơn vì kiếm không ra dấu vết. Bẫy trăn nước đặt để trên mặt đất. Thường đan mắt cáo hay bện mành mành. Cửa ra vào tháo ráp thay đổi tùy theo trăn lớn nhỏ dựa theo dấu vết dò được do trăn trườn bò để lại trên đất ẩm. Trong bẫy để tối thiểu một con gà lớn gấp đôi lỗ cửa. Trăn vào ăn gà, bụng lớn, không chui ra được. Hôm sau đi thăm bẫy chỉ việc bắt lấy dễ dàng. Bẫy trăn nước có khi bị lang sói hoặc rắn hổ mang phá bẫy. Lang sói cắn nát tan hoang, còn các thứ rắn khác vào bắt gà thì bẫy vẫn còn nguyên, không biết được trong bẫy là rắn hay trăn cho đến khi tháo lớp cành lá cây che bẫy. Bẫy trăn gió thường đặt trên cây. Bẫy được đan thật chắc chắn, cột chặt vào các cành cây. Cũng bẻ cành lá phủ che để mấy con gà làm mồi nhốt trong bẫy ngủ qua đêm khỏi bị trúng gió nhiễm sương. Cửa bẫy trăn gió *"bất nút"* thiệt kỹ, lỗ to có thể đút lọt cây chuối bà lùn. Trong bẫy ngăn hai lớp để gà khỏi chui ra. Lớp vách ngăn này gọi là tấm mành mành, đan thưa đủ để chặn gà, khiến đầu trăn chui lọt qua thư thả, xong trăn phá cũng dễ trước khi bắt gà. Nuốt hết mấy con gà, trăn chỉ còn cách cuộn tròn nằm ngủ vì muốn chui ra cũng không được. Hôm sau khi thăm bẫy, nếu không có trăn thì cho gà ăn và uống nước, còn như trăn đã vào bẫy thì cột thêm miếng cửa chắc chắn để trăn khỏi chui đầu ra, xong tháo dây thòng bẫy xuống đất gánh về.

- **Cách lấy ngọc rắn**

Luôn tiện chuyện trăn, nhắc luôn chuyện lấy ngọc rắn. Trong những bộng cây, thường khi có mấy con rắn lạ ẩn núp. Không ai biết là loại rắn gì. Hình dáng xù xì xám mốc, dài chừng một thước và to bằng bắp tay. Kẻ chuyên môn bắt rắn sau khi thoa thuốc ném vào tay, vỗ bộng cây, rắn bò ra sẽ nắm cổ bỏ vô bao dễ dàng như vấn điếu thuốc hút! Bắt rắn về, giam đói một vài tuần, luôn thể ngắm chừng là ngọc đã đủ tuổi để lấy hay chưa. Khi sẵn sàng, lấy một cái vại tức là cái ang đất nung, đáy vại lót một lớp cát. Thả một con gà vào vại, xong chồng lồng rắn lên trên miệng vại. Rắn đói thấy gà trong vại, kiếm cách bắt. Loay hoay di chuyển uốn lượn, viên ngọc rắn sẽ bất chợt chui từ bụng qua cổ họng rắn rớt ra ngoài rơi xuống vại. Ngọc thường có màu xám, hình dẹt, thô nhám, lớn cỡ móng tay út. Người ta cho rằng lấy ngọc rắn theo cách này thì ngọc mới tốt, chứ mổ rắn tìm ngọc, phẩm lượng sẽ kém đi rất nhiều. Dùng ngọc rắn áp vào các vết rắn hay rít cắn để hút chất độc. Khi đặt vào, ngọc rắn dính chặt như nam châm hút sắt, lúc hết chất độc, ngọc sẽ rời ra. Đem ngọc thả vào bát nước lạnh để giải hết nọc độc. Khi không có ngọc rắn, có thể dùng cục

nam châm cũ tháo từ bình điện của chiếc xe đạp, áp vào vết thương có khi cũng hút nhưng không hiệu quả lắm. Mấy em bé chăn trâu khi với tay hái quả dứa dại thường hay bị rắn hổ gấm hay hổ lửa nằm trên sống lá cắn phải, hoặc những người *"bứt tranh"* tức là cắt cỏ tranh dùng lợp mái nhà cũng thường hay bị rắn lục hay rít núi dài cả mấy gang tay cắn khi lùa mớ cỏ tranh cho vào liềm để cắt. Viên ngọc rắn áp vào là có thể cứu tính mạng và làm giảm sự đau nhức. Sau đó đắp thêm thuốc ngoại hay thuốc dấu tùy người. Khi có được viên ngọc rắn, thường cho vào túi vải khâu nhỏ tí mang ở cổ. Lúc cần dùng, tháo ra cho mượn để cứu người làm phước. Ngọc rắn có thể là viên sỏi trong mật của con rắn bị bệnh. Trâu bò cũng có sỏi gọi là ngưu hoàng. Sỏi của chó cũng gọi là cẩu hoàng. Sách thuốc của đông y rất ít khi nhắc đến chuyện ngọc của rắn rít!

- **Ôn Cọp đã ra**

Miễu Ông Cọp linh thiêng không ai dám phạm. Những người canh tác bên ngoài cũng thường tránh né một vòng đai. Nhìn vào khuôn viên thấy vắng hoe. Ngôi miếu cổ đen rêu khuất trong xa, cây lá khẳng khiu, lưa thưa cỏ dại cao quá thắt lưng, vàng hoe èo uột. Khuôn viên chừng vài mẫu tây, vì coi như đất cấm nên trở thành bí hiểm. Người ta kháo nhau rằng lâu lâu gặp bữa thiệt tối trời ông Cọp ngự về chơi. Biết được ông có về, vì sau khi ông đã hồi sơn, vùng miếu lạnh còn vương lại mùi giẻ cháy. Ông cọp hiển thần hay vẫn còn là cọp thường sống trên núi không ai dám chắc. Những tối ông về, chó thường chui vô nhà rúc xuống gầm giường. Ông về bắt trâu, bắt heo mang lên trên núi. Ăn quen bén mùi luẩn quẩn suốt mấy đêm liền. Không bắt được trâu, ông xoay bắt chó. Đói quá ăn càn chứ thịt chó làm ông cọp say đi lảo đảo, nước miếng nhểu hai hàng như hai cọng bánh canh. Ban đêm, cọp đóng đèn, đôi mắt lóe màu đỏ rực. Mùa thu dùng súng bắn đạn chài đi săn chim đỏ mắt, nhưng phải liệu chừng vì mắt cọp cũng như mắt chim. Cọp bẻ súng săn như người ta bẻ chiếc đũa. Mấy hột đạn chì làm trầy da khiến ông cọp nổi hung. Giữa đêm khuya đen tối mịt mùng, người bắn cọp hay cọp vồ người chỉ có núi rừng biết chuyện.

- **Thả bò, xổ bổi**

Mùa mưa lụt tháng mười không làm việc đồng áng rẫy nương. Tá điền rảnh rỗi. Chặt bổi thả bò. Kiếm những cây không gai, khó rụng lá, chặt lấy cành dài cả thước, bó lại từng ôm như cái chổi. Cây hoang đủ loại, nhiều tên, cứ gọi chung là *"bổi"*. Cuối bó bổi, có sợi dây dùng cột vào cây cọc trên bờ để khỏi bị nước cuốn trôi. Cái rổ sề thật lớn, thật sâu dùng để xổ cá. Bó bổi sau năm ba ngày nằm dưới nước, được nhẹ nhàng kéo vào trong cạn, chuồi lọt vào cái rổ sề kê treo trước bụng. Một sào tre nho nhỏ có làm móc ở đầu để nâng nẹp rổ bên ngoài lên khỏi mặt nước cho cá khỏi bơi ra khi bổi vừa đụng trong rổ. Gác cái sào tre, tay cầm cuống bổi, giở lên xổ xuống vài lần cho ra hết cá tôm, xong quăng ra ngoài, lại lấy cây sào tre đẩy bó bổi ra cho xa, từ

từ chìm sâu xuống nước. Cái rổ sề có sợi dây cột hai bên nẹp quàng qua cổ được chiếc sào tre móc giở phía ngoài cao khỏi mặt nước khiến cá trong rổ trôi về phía người. Chiếc oi cá vẫn đeo bên hông, bây chừ xoay nhẹ một cái chuyển ra trước bụng, xách bỏ vào rổ sề để đựng những con cá vừa xổ bổi xong. Tiếng xổ bổi xào xạc, nước bùn lạnh tê tê. Trời mưa buồn, cơm gạo mới, cá kho khô. Ngon hí?

Bó bổi dễ làm. Thả bò mới công kỹ. Cái bò hình hộp, cao và rộng chừng một thước; chiều dài từ một thước rưỡi tới hai thước. Phải dùng tre đan năm miếng mành mành dày khít. Ba miếng hình chữ nhật, dùng cho hai bên hông và dưới đáy chiếc bò. Hai miếng hình vuông ghép ở hai đầu. Mặt trên để trống, hoặc có công làm nắp bò thì chừa lỗ đủ to để cá vô ra cho dễ. Mỗi góc cạnh của bò đều kẹp cây tre chắc chắn. Trong bò bỏ lá bổi. Bốn góc của miệng bò cột bốn sợi dây xong thắt chùm hai múi một. Từ múi dây này cột sợi dây nữa dùng thắt vào hai cây cọc đóng ở trên bờ, giữ cho bò thăng bằng và nằm yên dưới nước. Bò thả năm ba ngày lá bổi có mùi chua, chờ cho cá tôm rúc vào ở, sẽ kéo. Kéo bò gồm hai người hai đầu dây, đồng loạt kéo thiệt êm. Khi miệng bò lên cao hơn ngang mặt nước tí xíu thì ngưng, thắt dây giữ bò nằm yên, xong từ từ vớt bổi cho ra ngoài rồi bắt cá. Dùng bò thường bắt được cá lớn và nhiều hơn xổ bổi. *"Bổi"* có thể do chữ Bối mà ra. Còn *"Bò"* thì do chữ chi, ai biết? (8)

Mùa nước lụt thì đi cất rớ. Cứ xuống bờ sông, chọn chỗ nước êm êm hạ cọng. Phần nhiều là cá gáy và cá lúi. Mưa gió lụt lội, ra đồng lên rẫy ướt át lại sợ *dẫm đẹ đất dập nương*. Không có việc chi làm, vác sào ôm lưới xuống bờ sông cất rớ kiếm vài ba con cá ăn chơi! Lụt hết, nước êm, xách cần đi câu cá. Chiếc ghe mành hạ xuống, mấy cần câu lách cách chạm ống trùn. Cá thia mốc, thia tho to hơn bàn tay núp dưới rễ bèo cắn lưỡi câu giật nghe *kêu cái ộn*. Cá trê vàng lườm, con cá hẻn xám đen, kéo lên bờ cứ vênh râu uốn mình ép miệng kêu dim díp. Phải coi chừng cái ngạnh, lớ quớ để cá *nẻ* cho một cái đau tá hỏa tam tinh, cho dù có bôi mấy vệt bùn lên trên trán, vẫn cứ còn buốt nhức tận tâm can.

- **Khỉ bẻ măng vòi**

Dọc theo bờ sông vòng chân núi, quan Thượng cho trồng tre nứa lồ ô. Khỉ bên tê sông bơi sang bẻ trộm măng vòi. Mùa đông tháng giá, thực phẩm hiếm khan, măng vòi là một trong những thứ khỉ bầy ưa dùng đến. Vấn đề khỉ bẻ ăn mấy mụt măng bằng ngón tay không có chi đáng nói, cứ như việc khỉ bắt chước người bẻ bắp ạo ạo, cầm lên rớt xuống nhảy nhót la hét rộn quăng cũng chẳng có chi vì chỉ là trò khỉ! Chuyện khỉ *vấn lận* măng vòi đáng nói hơn cả chuyện khỉ bên Phi Châu dùng cọng cỏ non câu con mối đất. Cây dây chìu trong núi thuộc loại lá nhám như lá mít, thân leo, bền dai số một. Vẫn dùng làm dây nuộc trâu hay giăng lưới làm hàng rào trong việc đuổi bắt heo rừng. Hoa trắng li ti thơm lừng nở suốt mùa xuân. Không biết học ở mô mà lũ khỉ biết lấy khúc dây chìu nhỏ quấn vòng quanh bụng làm đai, bơi qua sông, bẻ măng vòi dắt quanh thân mình mấy chục mụt rồi

bơi trở lại. Tre dày đặc, ngả nghiêng, sà sà mặt nước. Theo ghe nan lủi vào, tóm lấy khỉ êm rơ. Thả trong ghe, khỉ ta từ từ lần ra ngồi trước mũi, trông hiền lành ngoan ngoãn như đứa trẻ thơ. Khi đến khúc quanh cách bờ chừng chục thước, khỉ nhảy tòm xuống nước bơi thật lẹ vào bờ. Cả bầy trên đất liền la ré vang trời, kêu *hồn hột*, gãi đùi, chỉ chỏ! Có con lại cầm khúc dây chìu đập lên đập xuống, chạy tới chạy lui, kẻ ngồi trên ghe cũng phải bật cười. Thiệt là chuyện lạ đời, ới khỉ ơi là khỉ!

- **Dẫn chó đi săn**

Những khi tốt trời, rảnh rỗi, vác gậy tre, lùa đàn chó rủ nhau đi săn chồn, bắt nhím. Các giống chồn đèn, chồn vòi, chồn vỏ cua thường săn được quanh rồn tre, hốc đá. Chồn Ngận Hương thiệt quý vì túi xạ hiếm hoi. Chó sủa vang, cào xới phá hang, chồn lặng lẽ trèo lên bụi tre, leo từ rồn này qua rồn nọ. Khi thung dung, khi vội vã chồn leo. Người đi săn cầm gậy thọc, hay chống sào vào mắt cây tre mà rung ào ạt, miệng la to hồ hụi liên hồi. Chồn sợ hãi, tuột chân, vướng nè, sa xuống đất. Chó chờ bên dưới, xúm nhau chận đạp cắn đánh chồn hoang. Tiếng chồn ré nhiều khi nghe chói óc. Bầy chó săn vờn cho chồn mệt lữ, hết kêu la cựa quậy, chỉ nằm yên. Người đi săn bắt lấy, kéo chân chồn trói ôm quanh cây gậy, thế là chồn hết đường vùng vẫy hay cắn đứt dây chằng để hòng chạy thoát thân. Vui ở lúc chạy sau đàn chó sủa, đuổi theo chồn chui đầu lên từ dưới mấy gốc tre. Ẩn hiện màu lông vằn vện vàng nâu, có lúc thật lẹ bóng chồn lướt qua như ánh chớp. Miệng hò la ơi ới *"Vàng, Vá, Vện, Mực, Khoang, Đốm, Luốc"*, ồn ào như ông tướng cầm quân. Con chó đầu đàn khôn thật là khôn, bao tài cán hiện ra rõ rệt. Chó đang non đứng sủa vòng ngoài. Con lão luyện bắt mồi dâng chủ. Chó chuyên môn, chủ vừa trói con mồi vào cây sào, chưa kịp vác lên vai là vội chạy đi tìm con mồi khác để săn. Chó tập sự, sau khi bắt được mồi, cứ chạy theo hục hặc, hư hử, khìn khịt, chồm chồm, như bực tức vì mấy vết thương bị chồn làm sướt mặt. Chó săn già dạy chó săn non. Cùng trong bầy học lẫn nhau chóng vánh. Con có tài âm thầm làm việc, chủ trọng dụng, thương yêu nuôi nấng suốt đời. Chó bất tài chạy sủa rộn quăng, không nên việc có ngày vui riềng é!

Săn chồn vui nhưng khó hơn săn nhím. Chồn bắt gà. Nhím đào hang, làm ngạch, rủ rê nhau phá khoai sắn bộn bề. Giống nhím tuy chậm nhưng coi chừng gai nhím. Chó bị lông nhím ghim phải vào mép vào tai, càng lắc quẫy, lông nhím càng dính chặt. Chà xuống đất càng đau, chó kêu rên ăng ẳng. Chủ phải liệu đường sớm nhổ đi cho. Khi bị chó tấn công, nhím thường cuộn cong người lại, xòe lông nhọn lởm chởm bảo vệ lấy thân, nằm yên một chỗ. Bầy chó săn cũng xoải cẳng nằm sấp chúi mũi vào nhím sủa vang lừng chói lói. Chủ săn vác cây, huện cho nhím vài đùi phải xếp lông thẳng cẳng. Từ nhím mẹ đến con làm cả đàn sạch bách. Người ta đồn nhím biết bắn lông để tự vệ, cần đề phòng mà đứng xa xa. Thực ra, mấy cọng lông già, chó đụng phải tạo thành huyền thoại. Lông nhím đem rửa

sạch kỹ càng, dùng ghim mứt bí, mứt khoai gọi là ăn chơi kiểu cách. Lúc đi săn nhím, thỉnh thoảng cũng lôi lên con trút xám nâu. Giống trút tức là rút chậm chạp, chuyên ăn kiến lửa. Sách ghi là Xuyên Sơn Giáp, vảy dùng làm thuốc. Thịt trút ít người ăn. Bắt được con trút, chỉ ngó chơi một lúc xong rồi thả.

Người rành đi săn, đêm nằm nghe tiếng mấy con lang tức là mấy con chó rừng sủa tru trong núi, đoán biết được lang bắt chụp con mồi ở phần cổ hay phần đuôi. Chúng chỉ ăn bộ đồ lòng còn xương thịt để cho người. Trước khi bỏ mồi để chạy đi chỗ khác, cả bầy sủa tru báo hiệu. Sáng hôm sau, nhằm chừng theo phương hướng, người ta rủ nhau vào trong rú vác nai về. Người đối với lang cứ để tự nhiên, không hề săn đuổi. Lang cũng không bao giờ xuống làng xâm phạm rẫy nương.

Đồi Mâm Sỏi đá cuội mòn trơn láng. Có thể bắt sống nai tơ bằng cách vây ép cho chúng nó nhảy càn sau những lúc trời mưa. Sỏi cuội trộn bùn kẹt cứng giữa móng chân, không đi được đành đứng yên một chỗ. Thòng dây ngang, quấn vòng trói cẳng, xong xỏ đòn cây rồi hai người hè nhau gánh treo ngược tòn teng. Quan Thượng năm xưa có lần bị bệnh nặng, người hầu cận trung thành là ông Cả Dĩnh nghe theo lời thầy thuốc, rượt bắt sống con mễn tí hon bằng con dê non (9) trên núi Mâm Sỏi vác về làm thuốc. Quan Thượng phục hồi, thọ thêm được mấy năm.

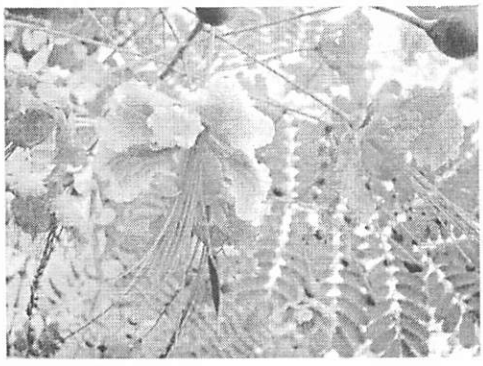

- **Ơn vua lộc nước**

Đến kỳ lãnh hưu, chọn các tháng mạnh, trọng hay quý của bốn mùa, quan Thượng đi thuyền vào Huế. Từ Cổ Bi từ lúc hừng đông, qua An Lỗ cũng vừa buổi chợ. Dừng ăn trưa ở vùng chợ Sịa, xã An Gia. Qua gió lộng Tam giang, thủng thẳng chèo qua. Vượt bến sông Cổ Cò thì trời đã xế. Ngang khúc phân giang, ấp Vỹ Dạ êm đềm, lửng lơ Bến Cạn. Góc ngã ba cồn thầm lặng, miệt Phủ Ba Cửa vàng son. Đêm thanh vắng vọng ra chương nhạc phủ. Khúc Phú Lục chậm nỉ non, điệu Hành Vân rộn rã. Có lúc quan Thượng cũng hứng tình biểu Trì, Xáng hò ca. Đèn vườn sau bật sáng, Cụ Thúc Dạ cho thuyền ra mời rước. Khách thi thư hội kiến chủ nhân ông, trong không gian thanh nhã, hương mai trắng tưởng chừng thoang thoảng trong đêm. Chuyện vãn, canh khuya, khách lui chủ nghỉ. Thuyền đi êm lên thẳng bến Phủ ở Nguyệt Biều. Ngày hôm sau quan Thượng thăm hết bà con, xa gần nội ngoại. Mấy bó chè tươi, bắp, khoai, mè, đậu, mỗi thứ một tí gọi là chút từ bên Sở Cổ Bi. Cháu chắt mỗi đứa vài đồng xu nửa. Đãi khách đến thăm: trà rượu sơ sịa mời quan Phủ quan Tiên. Kêu người dạy việc: công cán rõ ràng, giao ông Thừa, ông Cửu! Anh em con cháu, chuyện cửa chuyện nhà, quan Thượng nhất nhất hỏi thăm cặn kẽ. Giỏi thì khen

thưởng, hư dở răn la! Ngày chạp ngày kỵ, phân minh bàn định. Phải năm ba bữa, mới rảnh rang lo đến chuyện lãnh lương hưu. Xuôi dòng Hương Giang, chèo băng ngang qua Kim Long Bạch Hổ. Quan cho đậu thuyền ở bến cây Me trước cửa nhà Đồ, xong hai chú Trì, chú Xáng võng vào trong Bộ (Nội Vụ). Ký sổ lương xong, hoặc là ra đường Lục Bộ thăm nhà quan thông gia họ Lê, hoặc ra cửa Đông Ba hầu thăm nhà quan Đông Các. Hai chú Trì, Xáng gánh lương tiền xuống thuyền. Thuyền nặng thêm một chút vì một hai thúng lúa, thúng gạo, những chuỗi tiền xâu. Quan Thượng cho gắn thêm mái chèo đốc phía đàng trước để cho chú Trì giúp sức, nhưng chú thường gác mái chèo bàn vẫn vơ chuyện chợ búa chè xôi. Về tới bến, quan Thượng bèn giở sổ: Lương tiền lộc nước, cả họ được nhờ. Phân phát sạch, vợ con chỉ nghe tiếng là quan Thượng phải dùng thuyền lãnh *"bổng"* nhưng không bao giờ trông thấy một đồng *"lương"*! Có lúc gặp chuyện, quan Thượng lại còn hỏi mượn thêm nơi bà Thượng Cả. Gánh nọ gánh kia, quan thừa quan thiếu. Mượn nhưng không bao giờ trả, cứ cấn qua cấn lại vui thiệt là vui! Bà Thượng Cả đảm đang: con trai con gái theo học trường Tây, ngoài phần học bổng, còn lại bao nhiêu phải trả bằng bạc Đông Dương bà lo đều đặn. Có lần cậu Ấm Năm đi săn cầm súng bắn trật con nai, bà cười hiền hòa đùa rằng thế là mất tiêu viên đạn ngang hàng với số tiền cả nhà dùng cho buổi chợ. Bà Thượng Ba, em ruột bà Thượng Cả, rất mực căn cơ nhưng lại không có số giữ tiền. Quan Thượng giao cho cai quản cả An Cổ Trại thế mà nhiều khi vẫn còn có lúc lo toan không đủ. Thời cuộc chuyển vần thiệt nguỵ tạc, chứ không phải bà bất tài, cầm tiền không đậu. Năm 1965 bà có đưa đơn kiện Mỹ về vụ thả thuốc khai quang làm mít chè chết hết. Mấy năm sau bà qua đời. Hè 1975, Luật sư của bà hủy hồ sơ, lên đường di tản.

- **Thắp nén hương lòng**

Sông Cổ Bi nhỏ hơn sông An Cựu. Núi Cổ Bi thấp hơn núi Ngự Bình. Đường thủy bộ vào tới Kinh đô, xa cả trăm dặm lẻ. Khỏe đi bộ, yếu dùng thuyền; đi cả ngày mới tới.

Quan Thượng bẩm tính nhân hậu, luôn luôn tươi vui, không bao giờ gắt gỏng. Thuở thiếu thời, tuy là con quan, nhưng vì gia đình thanh liêm nên vẫn có khi bị thiếu hụt, chẳng hạn như ngày giỗ kị nhà thầy, mỗi người học trò phải góp hai giác bạc (20 xu), cụ bà thân sinh phải tảo tần cả hai tháng mới lo xong. Tập viết chữ trên những tờ giấy đã dùng xong, lộn ngược trở lại, hoặc là trên những miếng lá chuối cau phơi khô dằn ép phẳng phiu, hoặc viết trên cát. Cuối cùng là viết trên tấm kiếng, vật mà quan Thượng đã đổi với người thợ mộc khi sửa nhà thờ bằng mấy chữ đại tự. Do đó chữ viết của quan Thượng rất xấu. Lúc đi thi, tuy khi khảo hạch đỗ đầu xứ, nhưng vì cứ lo làm bài thuê nên hỏng mấy kỳ, về sau người anh cả phải cử người theo kèm không cho làm bài thuê nữa mới đậu Hương Cống. Kế thi Hội đáng lẽ đậu Tiến Sĩ nhưng vì nét chữ xấu nên bị trừ mất mấy phân, phải đậu Phó Bảng.

Lúc làm quan, chuyên lo về đê điều kiều lộ. Khéo ngoại giao nên được lòng các quan sở tại. Ngoài ra cũng được các bậc vương tôn thương mến vãng lai.

Quan Thượng lo cho gia đình dòng họ rất mực chu đáo. Lúc bàn việc, không giữ kẽ như một số quan lại đương thời, chẳng chút nề hà khi ngồi chung bàn với mấy ông bộ ông xã. Đối với bà con, luôn luôn hòa nhã thăm hỏi thật tình. Với kẻ dưới, cũng xử sự thương yêu như kẻ thân tình. Thấy như cảnh người tá điền bị rắn hổ mang rượt theo mấy cánh đồng, về nhà sinh bệnh, quan Thượng cho về Nguyệt Biều điều dưỡng cả tháng trời. Hoặc có anh chăn trâu vẫn được quan Thượng hỏi chuyện, và được các cậu ấm dạy đánh vần ABC, lại giảng cho nghe về đời sống văn minh. Sau nhờ thời cuộc, anh chăn trâu theo con đường của Đào Duy Từ mà được vinh quang tướng ấn (10)!

Quan Thượng nghỉ hưu, hưởng thú vui đồng nội. Lấy thiên nhiên thay thế dã viên. Lại chọn sẵn sinh phần dưới chân núi. Hai cây kiền kiền còn đang non chưa đầy một ôm, trồng một bên làm cây lọng che lăng. Tấm bia đá khắc chữ quốc ngữ gốc la tinh tô son đỏ chói:

- **Mộ ông Thân Trọng Ngật – Thượng thư Trí sự**

Quan Thượng mất năm 1946. Thời buổi loạn ly, đám tang phải đưa bằng thuyền vào ban đêm, không đèn đuốc vì sợ máy bay bỏ bom.

Sau năm 1975, gặp thời buổi khó khăn. Dân Cổ Bi cầu chuyện làm ăn, và nhất là ốm đau bệnh tật, cầm ba cây nhang thắp trước mộ phần, khấn xin phần nhiều đều linh nghiệm. Đường ra mộ xa xôi bất tiện, dân trong làng xin rước linh vị vô đình, trước là thờ vong linh ông khai canh ấp An Cổ, sau thờ lên như vị Thành Hoàng, hàng năm đèn nhang tế hưởng. Một số kẻ gian sống bằng nghề đào trộm lăng mộ, lợi dụng đêm khuya canh vắng, động đến lăng quan Thượng cả thảy hai lần. Cậu Mười Sáu không đành tâm, cải dời vô Huế, chôn ở nghĩa trang họ Thân trên núi Nguyệt Biều, cũng dễ bề thăm viếng. An Cổ Trại bây chừ chỉ là chút ít dư âm. Có nhắc lại cũng ít người còn nhớ!

▪ *Thân Trọng Tuấn*
California tháng 2, 2003

⌘

Phụ lục: **Giang Phong Ngư Hỏa**

Lật trang sách cũ, biết rằng *"Vua Hoàng Đế sai ông Lực Mục hái quả ép lấy dầu tẩm bông đốt làm để làm đèn cho vua hàng đêm soạn duyệt Hà Đồ Thư."* Như vậy dầu đốt đèn tìm ra dưới thời Hoàng Đế. Nhớ chuyện xưa, thấy những người làm ruộng, vẫn lấy hai mảnh tre cật khô xát vào nhau để lấy lửa hút thuốc lá ngoài đồng khi con cúi bằng rơm đã cháy hết. Lại nhớ thời người Mỹ cho người Việt Nam hàng triệu cây đèn *"Hoa Kỳ"* thắp bằng dầu hỏa và bấc vải tỏa ánh sáng lù mù. Người dân quê được phát không cây đèn nhưng phần đông không có tiền mua *"dầu hỏa"* để thắp. Hơn nữa dân quê ban đêm không cần thắp đèn nhiều vì thường đi ngủ sớm để lấy sức

làm việc ngày hôm sau. Ngày xưa, dân các làng Nguyệt Biều, Lương Quán, Long Hồ, An Ninh v.v.. thường tắt đèn đi ngủ khi nghe chuông Thiên Mụ *"rung"*, tức là khoảng 8 giờ tối. Dân các làng khác có thể đi ngủ sớm hơn. Khi nói mấy chữ *"nhà không còn đèn"* có nghĩa là đã đi ngủ. Mùa đông mưa gió, lại càng đi ngủ sớm. Tình trạng vật chất, hạng làm vườn làm ruộng khá hơn hạng làm thuê làm mướn. Khổ cực nhất có lẽ là dân vạn đò, làm nghề đánh cá ven sông. Sống chen chúc trên con đò nhỏ, trời nắng ráo thì lên bờ kê bếp nấu cơm. Trời mưa bão thì việc nhen lửa mới thiệt là khổ. Ánh lửa chài leo lét và rất ít thấy xuất hiện về đêm trong vùng thượng lưu sông Hương từ Kim Long trở lên, ngoại trừ vài bóng đèn soi cá lúc đầu đêm. Thuyền đò dưới phố Huế có thể thắp đèn vì khách thuê hay những ghe con bán hàng rong quà bánh bún cháo. Tuy nhiên khoảng sau nửa đêm cũng chẳng còn ánh đèn. Từ bến đò *"Cây Đa"* của làng Nguyệt Biều nhìn thẳng qua bến đò *"Chợ Đồn"* của Văn Thánh, trước năm 1975, có một vạn đò tụ tập quanh bến đò Chợ Đồn. Năm 1955, khi đài bán nguyệt trên bến sông nhà ông Đốc Phước cạnh bến Cây Đa xây xong, có cho mở tuồng hát bội thuê ban Đồng Xuân Lâu của Bà Tuần lên hát cho cả làng Nguyệt Biều xem. Bên kia sông, trên bãi đất trống trước đền Văn Thánh có năm làng An Ninh vẫn thuê các ông Hè, ông Chái, và cô Sen lên hò giã gạo. Những đêm rằm, ngồi trên đài bán nguyệt nhìn dòng sông bàng bạc nên thơ, thêm lâu lâu có vài tiếng quạ kêu rời rạc trên cây ươi cao ngất ở góc vườn khiến thấy câu thơ của Tản Đà *"Trăng tàn tiếng quạ kêu sương"* thiệt là thấm thía. Bên kia sông, bờ tre che khuất hàng quán chợ Đồn, dưới nước, vạn đò âm u không một ánh đèn. Càng nhìn, cảnh vật càng thấy mông lung, một màu xám đen mờ mịt và xa thăm thẳm. Bên ni làng Nguyệt Biều cũng như bên tê làng Hồ, làng An Ninh không có cây phong. Bến ông Đốc Phước có trồng dừa và bốn cây phượng sát bờ sông. Mùa hè, hoa phượng nở đỏ rực, nên sau này có thêm tên là bến cây Phượng. Lại những đêm hè sáng trăng, xuống ngồi chơi trên đài bán nguyệt của bến cây Phượng: Tàn lá và hoa phượng ban ngày nhìn ngang tầm mắt đẹp bao nhiêu, thì khi đêm xuống trông càng lạnh lẽo buồn chán bấy nhiêu! Có lần trên đường vào Đà Nẵng, lúc sắp đổ đèo, nhìn xuống rừng cây thấy có mấy cây lá vàng và đỏ thẫm nổi bật hẳn lên. Hỏi bác tài xế, thì được cho biết đó là cây Phong! Bến cây Phượng không có cây Phong nhưng màu hoa phượng cũng tạm thời gượng ép làm màu quan san của cây Phong rực rỡ! Nhưng cảnh gượng ép này không chấp nhận được vì *"cây bến"* xám đen bệnh hoạn dưới ánh trăng khuya chẳng có chút gì thơ mộng! Nghĩ mà thấy thương cho một số những người theo lệ cũ, hễ người xưa nói là thường phải đúng vì *"có tích mới dịch nên tuồng"* nên mở lời tán tụng không cần phải trái. Lá phong nhiều cánh như chân gà, trong khi lá bàng to như cái quạt mo.

Ai cũng tưởng Trương Kế đậu bằng Tiến Sĩ tất là có một bằng cấp rất cao, thuộc hạng Đại Khoa kinh bang tế thế; nhưng lẩn thẩn tra cứu, bằng Tiến Sĩ của

Trương Kế là bằng cấp thấp trong chế độ thi cử của nhà Đường. Trương Kế có làm một số thơ, nổi tiếng có lẽ chỉ được hai bài tứ tuyệt là Phong Kiều Dạ Bạc và Thương Môn Tức Sự (Tả việc bắt lính). Vấn đề ái quốc hay ưu quốc của Trương Kế chẳng thấy bằng chứng qua thơ của ông! Đành rằng phần lớn luật thơ Đường đều do nhà sư Thích Hiệu Nhiên nghĩ ra, và các người thi đậu đời nhà Đường đều được viết tên lên bia dựng trong khuôn viên chùa Từ Ân, nhưng không phải vì vậy mà tất cả sĩ tử Trung Hoa đều theo đạo Phật hay tu thiền! Trương Kế đậu Tiến Sĩ Cập Đệ năm Thiên Bảo thứ 13 (năm 754) của thời Thịnh Đường, theo lệ không được ghi tên trong sổ khoa hoạn để được bổ đi làm quan như các khoa xuất thân. Người đậu Tiến Sĩ, được quan trường cho người đậu cùng khoa có nét chữ đẹp dùng mực viết lên bia dựng trong chùa Từ Ân, vài mươi năm sau, không còn nét chữ! Nếu muốn dùng bằng Tiến Sĩ để đi làm quan thì phải có người giới thiệu và phải có chỗ khuyết. Nếu được làm quan, tùy văn hay võ thì lên chùa Từ Ân dùng son đỏ viết thêm chữ văn hay võ cạnh tên mình. Quan chỉ là các chức nhỏ nhất như chức Huyện Duyến (thư ký bút thiếp ở quận) hay Huyện Tá (tùy phái) ở các quận huyện xa cách triều đình cả vạn dặm. Theo Đường Thi Tam Bách Thủ của Hành Đường thoái sĩ biên đính ghi: Trương Kế: Tự Ý Tông, Tương Châu nhân, Đăng Thiên Bảo Tiến Sĩ, Kiểm Kiểm Giáo... (Trương Kế tự là Ý Tông, người Tương Châu, đậu Tiến sĩ năm Thiên Bảo, giữ chức Kiểm Kiểm Giáo...) Trương Kế được chức Kiểm Kiểm Giáo, có nghĩa là công việc của ông chỉ lo giữ một chiếc ấn nhỏ tí xíu, khi cấp chỉ huy của ông là các quan Kiểm Giáo kiểm soát hàng hóa trên các tàu chở hàng trước bến Cô Tô xong, áp dấu xác nhận, thì Trương Kế cũng dò lại danh sách xong áp dấu *"Kiểm"* trước khi chấm dứt cuộc kê cứu hàng hóa xác nhận là không có gian lận! Thời Trương Kế, chữ khắc trên con dấu nét nhỏ như *"sợi tóc"*, không như mấy trăm năm sau, chữ khắc trên ấn của triều đại nhà Tống to như *"đầu đũa"*. Triều đại nhà Đường không có áp tự tức *"ký tên"*, chỉ áp ấn là đủ. Tiến Sĩ Cập Đệ Trương Kế chỉ có chừng ấy công việc. Thuyền cặp bến, kiểm soát xong lúc nào thì áp dấu ấn lúc đó, không kể giờ giấc, và dĩ nhiên là không có các ngày *"thứ bảy, chủ nhật và các ngày lễ"* như bây giờ! Quan Kiểm Kiểm Giáo chỉ chuyên đóng ấn Kiểm sau khi kê cứu, còn thua cả quan dán thuế chợ thuế đò! Vị quan phải thức mà áp dấu kiểm trả nợ áo cơm nhờ một bài thơ mà được người sau vinh thăng khoác cho mối sầu quốc hận thao thức đêm trường trên bến nước Cô Tô một thời vang bóng! Trong việc thăng quan tiến chức, năm Đại Lịch thứ 11 (776), hai mươi hai năm sau ngày đậu Tiến Sĩ, Trương Kế giữ chức vụ cao nhất trong đời là: Kiểm Hiệu Từ Bộ Viên Ngoại Lang Phân chưởng Tài phú Hồng Châu. Từ chức Kiểm Kiểm Giáo lên chức Kiểm Hiệu cũng chỉ vài cấp, chứ làm gì có chuyện xuất thân Y Công, sau vài chục năm phục vụ sẽ lên làm Bác Sĩ! Nhà Đường có bốn khoa thi: Thấp nhất là Minh Kinh, kế Tiến Sĩ, tiếp theo là Hoành Từ và cao nhất là Bạt Tụy. Người

đậu hai khoa Minh Kinh và Tiến Sĩ gọi là cập đệ, chỉ hư danh, không như hai khoa Hoành Từ và Bạt Tụy gọi là xuất thân, đậu xong ra làm quan ngay, thăng chức rất nhanh. Nếu cần tuyển người ra giúp nước thì mở Chế Khoa để lấy Tú Tài do nhà vua làm giám khảo. Thế sự xoay vần, ở đời có kẻ đâm ra nhầm lẫn, cho Trương Kế là "Quan Lớn mới đậu Tiến Sĩ năm ngoái" buồn vì Tể Tướng An Lộc Sơn náo động triều chính hai năm Thiên Bảo 14 và 15 (năm 755–756) nên mới đi ngao du sơn thủy, thường hay bị mất ngủ khi ghé bến *"Phong Kiều"*. Có người chưa hề thấy cây phong *(Acer*)* mà cũng ca ngợi rối rít, có khi còn cho cây phong là cây bàng (Tên khoa học là *Terminalia catappa*. L. họ *Combretaceae*) tiếng Pháp gọi là badamier mới thiệt là ngụy tặc.

Thời thơ ấu, được các chú các bác truyền khẩu cho một số các bài thơ, trong đó có bài thơ lục bát của Tản Đà dịch thơ Trương Kế. Nhớ rõ ràng là *"Lửa chài soi bóng"* dịch từ *"Giang phong ngư hỏa"* chứ không phải là *"Lửa chài cây bến"* như thấy đã in sau này. Ngoài ra, ở đời, việc vô tình sửa thơ cũng thường thấy, và chuyện tự nhiên *"đạo thơ"* cũng vẫn xảy ra ngay cả với một vài người đã nổi tiếng! Bài thơ Phong Kiều Dạ Bạc ghi theo âm Hán Việt như sau:

Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên
Cô Tô thành ngoại Hàn San tự
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền

Tản Đà dịch:
Trăng tàn tiếng quạ kêu sương,
Lửa chài soi bóng sầu vương giấc hồ,
Thuyền ai đậu bến Cô Tô,
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San.

Trần Trọng Kim dịch:
Quạ kêu, trăng lặn, sương rơi
Lửa chài, cây bãi, đối người nằm co.
Con thuyền đậu bến Cô Tô,
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San.

Bản dịch của Ngô Tất Tố:
Quạ kêu, sương tỏa, trăng lui,
Đèn chài, cây bãi, đối người nằm khô.
Chùa đâu trên núi Cô Tô,
Tiếng chuông đưa đến bến đò canh khuya.

Bản dịch của Trần Trọng San:
Trăng tà, tiếng quạ, vẳng sương rơi,
Sầu đượm hàng phong, giấc lửa chài,
Ngoài lũy Cô Tô, chùa vắng vẻ,
Nửa đêm chuông vẳng đến thuyền ai.

Bản dịch của Nguyễn Hàm Ninh:
Quạ kêu trăng lặn trời sương,
Lửa chài le lói sầu vương giấc hồ,
Thuyền ai đậu bến Cô Tô,
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San.

TchyA Đái Đức Tuấn (Mai Nguyệt) dịch 2 bài:

I.
Quạ kêu trăng xế trời sương
Lửa chài cây bến đối sườn Sầu Miên
Hàn San vẳng tiếng chuông chiền

Nửa đêm đưa mãi đến thuyền Cô Tô

II.

Quạ kêu trăng xế sương tuôn
Lửa chài cây bến đối buồn nằm khan
Thành Cô Tô miếu Hàn San
Nửa đêm chuông vẳng tiếng sang thuyền người

Bùi Khánh Đản và Đỗ Bằng Đoàn dịch:

Quạ kêu, trăng lặn, khắp trời sương
Cây bến, đèn chài, giấc ngủ suông
Bên núi Cô Tô thuyền khách đậu
Chùa Hàn đêm vẳng một hồi chuông.

Trong cuốn sách viết về nghệ thuật tiểu cảnh bằng tiếng Mỹ của Quingquan Zhao nhan đề *"Penjing: Worlds of Wonderment"* xuất bản năm 1998, dịch câu thứ tư của bài thơ Phong Kiều Dạ Bạc rằng *"Tôi nghe tiếng chuông lúc nửa đêm trên núi lạnh ngoài thành Cô Tô báo tin khi thuyền cặp bến"*! Người Tàu Qingquan Zhao có trình độ được bằng ban khen của đại học Nhà Nước nói chuyện bên Trung quốc về bài thơ Đường lúc nửa đêm trăng tàn sương phủ đầy trời!

Bài thơ bằng tiếng Anh như sau:

A Night Mooring by Maple Bridge
A setting moon
A cawing crow
Frost–laden sky
Maple by the river bank
Lanterns twinkling from fishing boat
Lying in the dark with a restless heart
I hear the midnight bell at Chilly mountain Monastery outside Quzhou announceing the arrival of the boat

(Penjing: Worlds of Wonderment – 1997)

Anh Trúc Chi Tôn Thất Kỳ sau khi nghe bài dịch trên qua điện thoại, phán rằng: *"Cái thằng quá dốt, cả Khoa Văn của đại học Bắc Kinh cũng dốt luôn!"*

Theo Trung Quốc cổ thi bách thủ độc (Hoa nữ giáo học xuất bản xã) – 100 bài thơ được đọc bằng Quan thoại trong 1 cassette thì bài Phong kiều dạ bạc dịch ra English như sau:

Mooring at night Maple Bridge
The moon goes down, crows cry under frosty sky
Dim–lit fishing boats 'neath maple sadly lie
Beyond the Gusu Walls the Temple of Cold Hill
Rings bells which reach my boat, breaking the midnight still

(Tài liệu của anh Lê Văn Lân)

Bản dịch Anh Ngữ của University of Virginia Library

A night–mooring near mapple bridge
While I watch the moon go down, a crow craws through the frost;
Under the shadows of the mapple trees a fisherman moves his torche;
And I hear, from beyond Suzhou, from the temple on Cold Mountain,
Ringing for me, here in my boat, the midnight bell.

Còn rất nhiều bài dịch tiếng Việt, Anh, Pháp, nhưng không tiện ghi ra, sợ choán chỗ.

Theo ngày giờ âm lịch, một đêm có năm canh. Nửa đêm giờ Tý canh ba. So với giờ hiện tại, tạm gọi giờ Tý nằm trong khoảng 11 giờ khuya đến 1 giờ sáng. Giờ Sửu từ 1 giờ sáng đến 3 giờ sáng. Giờ Dần từ 3 giờ sáng đến 5 giờ sáng. Tháng đầu của một năm là tháng giêng, tức tháng Dần. Giờ đầu của một ngày là giờ Dần, gọi là Triêu. Vua quan bắt đầu làm việc lúc đầu ngày, nên thiết triều vào giờ Dần vì lẽ ấy. Ngày trước không hiểu chuyện, cứ thắc mắc vì sao mà vua quan thiết triều làm gì mà sớm như vậy. Lẩn thẩn tìm hiểu *"hồi chuông triêu mộ"* tức là chuông chùa đánh vào ban sáng (Triêu hay Chiêu, đầu ngày) và ban đêm (Mộ, đầu đêm: giờ Tuất tức từ 7 giờ tối đến 9 giờ tối). Chuông đánh 108 tiếng tính theo âm lịch gồm một năm có cả thảy 12 tháng 24 tiết và 72 hậu (12 + 24 + 72 = 108). Trăng càng sau rằm càng mọc trễ: *"Mười một lưỡi liềm. Mười hai cù liêm. Mười ba cù léo. Mười bốn trăng méo. Mười lăm trăng treo. Mười sáu trăng tròn. Mười bảy sảy giường chiếu. Mười tám trăng thiếu. Mười chín nín hông xôi. Hai mươi Tuất rốt. Hăm mốt Hợi sơ...."* Ngày hai mươi trăng mọc vào cuối giờ Tuất tức gần 9 giờ tối. Ngày hai mươi mốt âm lịch trăng mọc vào đầu giờ Hợi, tức khoảng sau 9giờ tối. Vào những đêm này, trăng còn cho tới sáng hôm sau, cho nên hồi chuông sáng dưới trăng không còn thắc mắc. Người dân quê đi ngủ sớm, khi con trăng hôm mười bảy vừa mọc. Mười bảy sảy giường nằm vào khoảng cuối giờ Dậu tức là trước bảy giờ tối! Thức khuya làm chi cho hao tốn dầu đèn! Đi ngủ sớm để lấy sức làm việc ngày hôm sau. Học trò mới cần thắp dĩa đèn dầu phụng. Câu ca dao:

Canh một dọn dẹp cửa nhà,
Canh hai dệt cửi, canh ba đi nằm

tả công việc của người vợ đảm đang, nuôi chồng ăn học. Đèn trong nhà thắp đến khuya để chồng đọc sách, vợ quay tơ. Đến ba bốn giờ sáng lại thắp đèn cho chồng đọc sách. Cả xóm nhiều khi cả làng chỉ có chừng vài nhà! Dầu thắp đèn phát minh dưới thời Hoàng Đế. Bốn ngàn năm sau, thời Tam Quốc, Quan Công không đốt đèn mà *"đốt đuốc"* đứng hầu chị dâu ngủ suốt đêm làm Tào Tháo càng thêm khâm phục. Một ngàn năm trăm năm sau nữa, năm Gia Tĩnh triều Minh vẫn còn dùng đuốc hoa trong đêm tân hôn. Thêm ba trăm năm nữa, Ngô Thời Nhậm của Việt Nam mới viết Tam Thiên Tự, nhắc đến mấy chữ *"Chúc đuốc, Đăng đèn"*. Cho tới năm 1968, tại Thừa Thiên, người dân của một vài làng vẫn còn đốt đuốc đi đêm, sau vì thiết quân luật, cấm đi đêm nên mới bỏ hẳn. Thời thịnh Đường, nằm khoảng giữa thời Tam Quốc và Minh, việc thắp sáng bằng đuốc là chuyện thường tình. Trương Kế không dùng *"ngư chúc"* mà dùng *"ngư hỏa"* chỉ loại lửa thường, không sang như lửa của bó đuốc. Gượng ép dịch ra tiếng Mỹ là *"fire"* hoặc *"torche"* còn chấp nhận, chứ dịch là *"Lantern"* thì không chính xác. Dân đánh cá tức là dân kẻ chài ngày xưa nghèo khổ, và cho dù có bắt được hũ

vàng đi nữa, cũng không có bán loại *"đèn lồng, đèn bão"* dành riêng cho việc đánh cá để mua! Thời Trương Kế, người Trung Hoa chỉ mới biết dùng lông vịt cột vào sợi dây tơ khi câu cá. Ba trăm năm sau, thuộc triều đại nhà Tống, mới chuyển từ phao lông vịt ra phao bằng cỏ khô. Người đánh cá trên sông Hàn trước thành Cô Tô thời xưa, cho đến bây giờ, không dùng lưới mà dùng loại chim sống dưới nước mang nhiều tên khác nhau như Cốc Đế, Lư Từ, Lộ Từ, Ô quỷ, Thủy lão nha (**). Ở trên Phá Tam Giang quận Hương Điền tỉnh Thừa Thiên cũng có loại tương tự, người ta gọi là con chim Cột. Tiếng Pháp là Cormoran, tiếng Anh là Cormorant. Tên Điểu học: *Phalocrocorax carbo*. Ban đêm, chèo thuyền ra giữa sông Hàn, thắp ngọn đèn sáng cho cá kéo đến, xong thả chim lặn xuống nước bắt cá. Khi chim trồi lên, thấy có ngậm cá thì kéo cá ra, thu lấy, chim lại lặn xuống bắt cá tiếp. Thông thường, khi nói đến đánh cá, ai cũng hình dung đến lưới giăng, dây nhợ, lưỡi câu, v.v.. Thời Trương Kế chưa có lưới bắt cá mà chỉ có dây câu! Nhà vua có khi ngự xem *"đánh cá"* là xuống khúc sông hay hồ đã có người vây sáo mành mành chận cá hoặc tát cạn bớt nước, để dễ bắt cá. Người Tàu dùng chim Lô Từ để bắt cá như dùng chó để bắt chồn, bắt nai. Vì vậy chuyện *"giăng lưới đánh cá"* thời Thịnh Đường là chuyện khó tin y như nhà thơ hay rượu Lý Bạch chuyên uống rượu cúc nay bảo rằng ông vẫn uống Cognac hay Whisky và ngồi xe Ford này nọ!

Từ ý niệm *Giang Phong Ngư Hỏa* là hình ảnh của ánh lửa kẻ chài đốt sáng trên sông khi đánh cá, chiếu lấp lánh trên sông Hàn rực rỡ đỏ cam vàng như một dòng sông tạo thành bởi những lá phong, để từ đây đối với ý Sầu Miên của khách Trương Kế hoặc bất kỳ ai đó trên bến Cô Tô. Như vậy, Sầu Miên không còn là Núi Sầu Miên như *TchyA* nghĩ! Trên bờ Hàn Giang cũng không còn những cây phong ảm đạm dưới sương khuya!

Cho dù chưa đậu Cử Nhân, với Đoạn Trường Tân Thanh, Nguyễn Du cũng đã là một thi hào.

Cho dù với bằng Tiến Sĩ quèn, chỉ một bài thơ tứ tuyệt, Trương Kế đã trở thành bất tử!

■ ***Thân trọng Tuấn***

California Nov. 2004

Ghi chú:

(1) *Địa long: Nuôi vịt con bằng trùn. Người ta hay đùa rằng trùn Cổ Bi quá lớn khiến vịt thấy phải sợ không dám ăn. Lại dùng làm thuốc bệnh và thuốc bổ.*

– Trị thương hàn, sốt rét, bụng báng: Trùn Cổ Bi mổ rửa sạch, phơi khô, tán bột, hợp với mật ong, dầu mè mỗi thứ 2 đồng cân, pha vào đọi nước chè quết, uống nóng: thần phương.

– Chữa cao huyết áp: Địa long 2 đồng cân, Hạ khô thảo 3 đồng, Ngưu tất 3 đồng, Liên tiền thảo (Rau má) 7 đồng rưỡi, Trúc diệp (lá tre) 7 đồng rưỡi, Liên tâm (tim sen) 2 đồng, Bạch mao căn (rễ cỏ tranh) 5 đồng, Tang ký sinh (tầm gửi cây dâu tằm) 5 đồng. Sắc ba chén còn tám phân, uống ấm.

(2) Đạp róm: Mấy đứa chăn trâu dẫm phải râu cọp, làm độc, tạo nùi như tổ đỉa, đen như con sâu róm, không cách chi khều ra được,

phải chờ cho chín, xong cột chân đau trên cọc tre cho chắc, bên dưới chân cách khoảng gang tay kê lưỡi cày sắt nung đỏ để vỡ tung nhọt mủ ra, thầy thuốc giúp thêm bằng cách vỗ mạch vào mu bàn chân sưng vù của bệnh nhân để cồi độc rớt xuống sẽ bị lưỡi cày đốt cháy, gọi là thổ róm. Đau đớn vô cùng.

(3) Xem thêm phụ lục: Giang Phong Ngư Hỏa

(4) Chuông nhà thờ Sơn Quả thường nghe lúc giữa trưa (đúng ngọ). Ngày trước, đồn An Lỗ lính Tây vẫn thường cho nổ một tiếng súng vào lúc đúng 12 giờ trưa. Chùa khuôn hội Phật giáo Cổ Bi không có chuông treo.

(5) Người xưa thường dựa theo mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao để ấn định thì giờ. Dùng nhang đốt lên để tính thời gian theo từng khúc cháy. Đồng hồ nguyên là cái bình bằng đồng chứa cát mịn hay nước chuyển đổi vào ra để theo đó mà ấn định mức thời gian. Sau này chế biến dùng máy thay cát, đổi hình dáng vẫn gọi là đồng hồ. Giới biết xem quẻ diệc, quẻ dâu, gặp ngày mưa bão hay những lúc không có mặt trời, mặt trăng, cùng các ngôi sao thì dựa vào sự chuyển hướng của chiếc lá dâu trên cành mà định giờ giấc.

(6) Quan Thượng không làm thơ chữ Hán hay chữ Nôm mà làm thơ chữ Quốc ngữ viết trên tờ giấy tây có kẻ hàng với ngòi bút muỗng bằng sắt chấm mực đựng trong chai thủy tinh có nắp. Người lo dịch gia phổ từ chữ Hán ra chữ Quốc ngữ, sợ rằng sau này con cháu không đọc được chữ Hán, vì ***"có ngó thì cũng như ngó bụi tre"****.*

(7) Triều Minh Mạng, còn đâu vài con. Có một con lang thang trên bãi cát Nguyệt Biều Lương Quán, vua tuần hạnh thấy được, lấy làm lạ, sau khi hỏi chuyện, liền cho tên bãi cát là Lại Bái Châu và dựng bia đá để truyền

hậu thế. Thạch xương bồ dùng làm thuốc, có mọc ở Mỹ, loại cỏ Cat tail, tên khoa học là Acorous gramineus thuộc họ Ráy Araceae.

(8) Bồ đựng lúa hình tròn, không đáy, cũng có lúc dùng chận bắt cá dưới ao, khác hẳn cái bò bẫy cá.

(9) Loại hươu xạ, nhỏ. Rất hiếm.

(10) Tướng Nguyễn Chí Thanh

(*) Cây Phong: Cây Phong (Acer) có hàng trăm loại, nhiều màu sắc lá và vỏ khác nhau. Ví dụ: Phong đỏ Nhật Bản Acer Palmatum var. atropurpureum dịch sang tiếng Mỹ là Bloodgood, hay Phong Mỹ Quốc là Sweetgum tên khoa học là Liquidambar styraciflua...

(**) Theo Vân Đài Loại Ngữ của Lê Quý Đôn quyển thứ 9 mục 259 ghi: "Chim Lư Từ (chim Cốc) theo sách Bản Thảo lông đen như quạ, mỏ dài, hơi cong, tài lặn nước bắt cá. Các thuyền đánh cá vùng Nam thường bắt nuôi đến mấy chục con để cho nó bắt cá. Đó tức là chim mà ta gọi là con Cốc.

Khi tôi đi sứ qua Dương Sóc và Bình Lạc thường thấy nhân dân vùng ấy nuôi chim ấy. Họ buộc chân nó vào đầu cần tre to, thả nó xuống nước cho nó bắt cá; nhưng lấy cái giây buộc lỏng vào cổ nó, cho nó không nuốt được cá, thấy nó bắt được nhiều thì lôi lên, cậy mỏ, lấy cá ra; cũng được khá nhiều. Phải nộp thuế nuôi Cốc."

Từ Anh Khóa, Thầy Đồ đến Ông Quan

Minh Vũ Hồ Văn Châm

Tiêu Đề 'Từ Anh Khóa, Thầy Đồ, đến Ông Quan' là câu tóm lược tiến trình sự nghiệp của người học trò theo học chữ Nho thời phong kiến.

Thời đó, ở nước ta, chữ Nho là văn tự chính thức của tất cả các hoạt động trong xã hội, từ lãnh vực hành chánh, giáo dục, luật pháp, truyền thông, cho đến tôn giáo, văn học, kiến trúc, mỹ thuật và giao tiếp. Chữ Nho, còn gọi là Hán tự, là chữ Hán, là chữ An Nam, là chữ mà mọi người phải dùng tới. Trên các giấy tờ giao ước viết bằng chữ Nho, các bên liên quan cho dù không biết chữ cũng phải lăn tay điểm chỉ vào. Vì thế, thông thạo chữ Nho dù chỉ mới ở mức độ biết đọc biết viết đã là chuyện tốt. Huống hồ thông thạo chữ Nho tới mức độ mở miệng ra là ngọc nhả châu phun, vung tay lên là rồng bay phượng múa, thì quả thật là tuyệt vời, đương nhiên được mọi người chung quanh quí trọng. Người trong nước, ai ai cũng thi đua nhau cho con em theo học chữ Nho. Học để thông thạo chữ nghĩa, để thi đậu đi làm quan, trước là nở mặt nở mày, rạng rỡ tông môn, sau là giúp vua an dân trị quốc.

✧ I. Vai trò của Sĩ Nhiếp.

Chữ Nho truyền vào nước ta từ đời Hán. Người có công lớn trong việc truyền bá chữ Nho tại Giao Châu là Sĩ Nhiếp, nên được đời sau tôn là Nam Giao Học Tổ, được nhà Trần phong làm phúc thần, tước vị là Gia ng Thiện Cảm Linh Vũ Đại Vương. Sĩ Nhiếp là người Thương Ngô, tổ 6 đời gốc người nước Lỗ (Sơn Đông), cha là Sĩ Tứ làm Thái Thú Nhật Nam nên lúc nhỏ theo cha ở thành Tây Quyển (phía bắc Huế), rồi sang Kinh sư (Lạc Dương) du học, được cử là Hiếu Liêm, trước bổ làm chức quan Lệnh Hàm Dương, rồi đến đời Hán Hiến Đế chuyển làm Thái Thú Giao Chỉ. Gặp lúc thiên hạ đại loạn, Lưu Biểu ở Kinh Châu sai Lại Cung sang kiêm tính Giao Châu. Sĩ Nhiếp bèn cùng Thái thú Thương Ngô là Ngô Cự đánh đuổi Lại Cung, nhân đó vua Hán cho Sĩ Nhiếp làm An Viễn Tướng quân, thống lĩnh binh mã 7 quận, tước phong Long Độ Đình Hầu. Sĩ Nhiếp chia các em đi làm Thái Thú các quận Nam Hải, Hợp Phố, Cửu Chân, còn tự mình kiêm lĩnh hai quận Thương Ngô và Giao Chỉ. Khi nước

Tàu chia ba, Sĩ Nhiếp theo về Đông Ngô. Ngô chủ Tôn Quyền cử Bộ Chất làm Thứ Sử Giao Châu, nhưng Sĩ Nhiếp không cho Bộ Chất đến nơi trấn nhậm, buộc lòng nhà Ngô phải phong cho Sĩ Nhiếp làm Long Biên Hầu, Đệ nhất Thiên Tướng Quân, lĩnh Giao Châu Thái Thú (1). Sĩ Nhiếp thọ 90 tuổi, cai trị Giao Châu trong 48 năm, đã gia công mở mang việc học chữ Nho và truyền bá nếp sống phương bắc, làm cho vùng Lĩnh Nam Hán hóa đậm đà. Sau khi Sĩ Nhiếp chết, con là Sĩ Huy lên thay. Nhà Ngô sai Lữ Đại sang đánh, Sĩ Huy xin hàng. Ngô chủ Tôn Hạo bèn chia Giao Châu làm hai là Giao Châu và Quảng Châu.

- **Tiến cử và Thi cử.**

Các triều đại Tấn, Tống (Nam Bắc triều), Tề, Lương, Trần vẫn theo lề lối tuyển dụng cũ của nhà Hán, tức là giao cho các quan địa phương tiến cử người hiền tài ra làm việc, chia làm các hạng hiếu liêm (cử nhân) và mậu tài (tú tài). Đến đời Tùy, vua Tùy Dạng Đế bắt đầu mở khoa thi để tuyển chọn người ra làm quan. Nhưng phải đến đời Đường việc thi cử mới có quy củ.

Người trúng tuyển được chia làm ba loại: sinh đồ, cống cử, và chế cử. Sinh đồ là các học sinh đã tốt nghiệp các trường ở Kinh sư hay châu quận, nay trúng tuyển kỳ thi sát hạch ở Tòa Thượng Thư tại tỉnh. Cống cử là những người không theo học ở các Học (quán), các (học) Hiệu, chỉ thi đỗ sát hạch ở châu quận, nay trúng tuyển kỳ thi tại Tòa Thượng Thư. Cống cử còn được gọi là hương cống. Chế cử là những người trúng tuyển kỳ thi đặc biệt do vua đích thân ra đề bài.

Từ cuối đời Đường sang đời Tống, danh xưng chế cử được đổi thành tiến sĩ, chia làm tiến sĩ cập đệ và tiến sĩ xuất thân (2). Việc học chữ Nho lúc này tại Giao Châu rất phổ cập. Sĩ tử Giao Châu gốc bản địa thành đạt mỗi ngày một nhiều nên năm 845, vua Đường hạn chế số người Nam thi khoa Tiến sĩ không được quá 8 người, khoa Minh kinh không được quá 10 người (3).

- **Quá trình hình thành tiếng Hán Việt.**

Nhà Đường dấy nghiệp từ Thái Nguyên, đóng đô ở Trường An, quan lại bổ nhiệm sang Giao Châu phần lớn là người Quan Nội (Thiểm Tây), nên người Giao Châu được học chữ Hán phát âm theo phương ngữ Trường An. Từ nhà Tống trở đi, Giao Châu độc lập, và vẫn dùng chữ Nho làm văn tự chính thức. Nhưng người Việt không còn học chữ Nho trực tiếp với người Tàu nữa. Bởi vậy, tại Trung Quốc, trải qua các triều Tống, Nguyên, Minh, Thanh, trung tâm chính trị và văn hóa của Trung Quốc chuyển dần về phía đông rồi lên phía bắc, đời sống văn hóa xã hội nhiều mặt mang đậm dấu ấn Mông Cổ và Mãn Châu, nên nghĩa chữ và tiếng nói đổi khác đi, trong lúc đó, người Việt vẫn tiếp tục học chữ Nho với lối phát âm theo phương ngữ Trường An đời Đường. Đó là quá trình hình thành tiếng Hán Việt. Với tiếng Hán Việt, người Việt và người Tàu có thể bút đàm với nhau, nhưng người Việt đọc lên hoặc nói ra thì người Tàu không hiểu được.

Cũng cùng một lý do này mà các bài thơ Đường đọc theo âm Hán Việt nghe rất xuôi tai, còn đọc theo âm quan thoại nhiều khi lại khổ độc, vi phạm luật bằng trắc.

✧ II. Việc thi cử trong thời kỳ trước nhà Nguyễn.

Các triều đại buổi đầu của Giao Châu tự chủ Đinh, Lê, Lý, không tổ chức việc học việc thi để tuyển dụng người làm việc nhà nước, mà sở cậy giới tăng lữ sử dụng chữ Nho làm văn tự chính thức trong việc cai trị dân chúng và giao thiệp với người Tàu. Mãi đến đời Lý Thánh Tông mới dựng Văn miếu vào năm 1070, và đời Lý Nhân Tông mới mở khoa thi Nho học Tam trường vào năm 1075 để chọn người Minh kinh bác học, và xây Quốc tử giám vào năm 1076 để con em các hoàng thân quốc thích đến học tập. Sau đó, mỗi khi cần người, nhà Lý mới mở khoa thi, như năm 1086 để kén người vào Hàn lâm viện, năm 1165 thi Thái học sinh để tuyển người ra làm quan ở các trấn, năm 1185 và năm 1193 để kén người vào Thị học (hầu vua học), và năm 1195 thi Tam giáo cho xuất thân (ra làm quan). Ngoài ra còn có các kỳ thi Hình luật, Thư toán để kén lại điển (2, 4).

Đời Trần và đời Hồ, việc học hành và thi cử đã tương đối được tổ chức hoàn bị. Buổi đầu chỉ ở Kinh sư có Quốc học viện. Đến cuối đời Trần, Lê Quý Ly tổ chức ở các lộ, châu, phủ, các nhà Học, nhà Hiệu do các Đốc học và Giáo thụ trông nom. Năm 1232, đời Trần Thái Tông, mở khoa thi Thái Học sinh, người đỗ chia ra Tam giáp: đệ nhất giáp, đệ nhị giáp, và đệ tam giáp. Năm 1247 lấy 3 người đỗ đệ nhất giáp làm Tam khôi: Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa. Năm 1256 mở khoa thi Thái Học sinh, phân biệt Kinh (châu thổ sông Hồng) và Trại (Thanh Nghệ). Đến khoa thi năm 1274 đời Trần Thánh Tông thì việc phân biệt Kinh Trại này được bãi bỏ. Năm 1304 đời Trần Anh Tông, định phép thi Thái Học sinh 4 trường: trường 1 thi Ám tả, Kinh nghĩa, trường 2 thi Thi Phú, trường 3 thi Chiếu, Chế, Biểu, trường 4 thi Đối sách. Mạc Đỉnh Chi đỗ Trạng nguyên khoa này. Tam khôi được đưa ra Long môn và Phụng thành dạo chơi, sau đó, Trạng nguyên được bổ chức Thái Học sinh, Bảng nhãn chức Chi hậu bổ thư, Thám hoa chức Hiệu thư. Năm 1396 đời Trần Thuận Tông, định phép thi Cử nhân 4 trường: trường 1 thi Kinh nghĩa, trường 2 thi Thi Phú, trường 3 thi Chiếu, Chế, Biểu, trường 4 thi Sách vấn, hỏi về Kinh, Sử và Thời vụ. Kể từ đây, thi lấy Cử nhân gọi là thi Hương, thi lấy Thái Học sinh gọi là thi Hội, trúng tuyển thi Hương rồi mới được thi Hội, trúng tuyển thi Hội mới được vào Ngự thí, tức là thi Đình. Thi Đình chỉ làm một bài Sách vấn để sắp hạng Tam khôi, Tam giáp. Lại định lệ năm trước thi Hương, năm sau thi Hội và thi Đình. Năm 1400 đời Hồ Quý Ly, mở khoa thi Thái Học sinh. Nguyễn Trãi đỗ khoa này. Năm 1405, đời Hồ Hán Thương, mở khoa thi Cử nhân 5 trường, có thêm 2 môn thi Viết và Toán ở trường 5.

Triều Hậu Lê, buổi đầu đại định, việc trị an bề bộn nên thi cử còn giản lược. Năm 1429, đời Lê Thái Tổ, mở khoa thi

Hoành từ, cho sĩ dân và quan viên từ tứ phẩm trở xuống được ứng thí để kén người, tùy tài bổ dụng. Trong khoa này, Thừa chỉ Nguyễn Trãi được cử làm Giám thí, dưới quyền Thượng thư Lê Văn Linh giữ chức Đề điệu (5). Năm 1434, đời Lê Thái Tông, định phép thi 4 trường, lại định lệ 6 năm một khoa, năm trước thi Hương, năm sau thi Hội, người trúng tuyển gọi là Tiến sĩ xuất thân. Năm 1442 bắt đầu dựng bia đá khắc tên Tiến sĩ. Năm 1448, những người trúng tuyển Đình thí được chia làm Cập đệ, Chánh bảng và Phụ bảng. Năm 1462 đời Lê Thánh Tông, đặt ra lệ Bảo kết Hương thí, ai đi thi phải đến bản quán đăng ký, danh sách trúng tuyển được chuyển về Lễ nghi viện duyệt xét, chỉ những ai được bản quán bảo kết thực sự đức hạnh mới được cho dự Hội thí. Năm 1466, định lại 3 năm một khoa, ban mũ áo, đãi ăn yến, cho vinh quy bái tổ. Năm 1475, vẫn đời Lê Thánh Tông, thi Hương đổi gọi là thi Cống sĩ, Cử nhân gọi là Hương cống, Tú tài gọi là sinh đồ. Năm 1484, Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa cải gọi là Tiến sĩ Cập đệ, Chánh bảng là Tiến sĩ Xuất thân, Phụ bảng là Đồng Tiến sĩ Xuất thân.

Triều Mạc rất trọng khoa cử. Nói chung việc thi cử vẫn theo lệ cũ nhà Lê. Chỉ duy năm 1565, đời Mạc Mậu Hợp, kỳ đệ tứ khoa Tiến sĩ xảy ra chuyện có bài Phú làm bằng chữ nôm. Nguyễn Hiển Tích vào trường 4 không làm được bài, cao hứng xoay qua viết bài phú Lưu Hầu bằng quốc âm rất hay, và vẫn được lấy đỗ (6). Cũng dưới triều Mạc, Dương Văn An là người Thuận Hóa đầu tiên đỗ Tiến sĩ. Lại nữa, khoảng đầu thế kỷ 17, lúc nhà Mạc đã chạy lên Cao Bằng, đời Mạc Kính Cung, có Nguyễn Thị Du cải nam trang thi đỗ Trạng nguyên (7).

Đời Lê Trung Hưng, buổi đầu chỉ mở các Chế khoa tại Thanh Hóa song song với các khoa Tiến sĩ của nhà Mạc ở Đông Kinh. Sau khi diệt xong nhà Mạc thì việc thi cử lại được tổ chức theo lệ cũ. Về sau, từ đời Bảo Thái trở đi, đặt phép Huyện khảo để lấy Thứ thông, chuyển lên hai Ty Thừa Hiến duyệt khảo lại để lấy Sảo thông, sĩ tử phải nộp 5 tiền để trả phí tổn trường thi, gọi là tiền minh kinh. Sảo thông đỗ tam trường thì gọi là Sảo thông Sinh đồ, đỗ tứ trường thì gọi là Nhất cử Hương cống. Đến năm 1750, đời Lê Hiển Tông, Thự phủ Đỗ Thế Giai đặt lệ nộp 3 quan tiền, gọi là tiền thông kinh, thì được thi Hương không phải khảo hạch, khiến nẩy sinh tệ đoan 'sinh đồ ba quan', lái buôn không biết chữ cũng nộp tiền rồi thuê người đi thi hộ, trẻ con 10 tuổi cũng thi đỗ sinh đồ. Chuyện này chỉ xẩy ra ở Đàng Ngoài. Ở Đàng Trong, sau khi Nguyễn Hoàng vào làm Trấn thủ Thuận Hóa năm 1558, qui chế học hành thi cử thay đổi khác hẳn Đàng Ngoài. Đến năm 1775, chúa Trịnh đưa quân đánh chiếm Phú Xuân và năm sau ra lệnh cho Phạm Ngô Cầu tổ chức thi Hương tại Thuận Hóa theo qui chế khoa cử Đàng Ngoài, nhưng chỉ mới tiến hành khảo hạch ở huyện đã thấy sĩ tử không ai hưởng ứng.

Nhà Tây Sơn chỉ chú trọng võ công. Tuy vậy, trong địa bàn cai trị của mình, Quang Trung biết trọng dụng các nho sĩ Bắc Hà do khoa mục xuất thân. Năm 1789, mở khoa thi Tuấn tài ở Nghệ An, chỉ thi 2 kỳ: chế nghĩa và văn sách. Người

thi đỗ gọi là Tuấn sĩ. Khoa này do La sơn Phu tử làm Đề điệu, và bài thi thuần dùng tiếng Nôm. Đây là một tiến bộ lớn mặc dù đề thi còn dùng Hán tự.

✧ III. Qui chế thi cử chữ Nho dưới triều Nguyễn.

Việc thi cử chữ Nho dưới triều Nguyễn có thể chia làm 3 giai đoạn:

– Thời kỳ các chúa Nguyễn ở Đàng Trong;

– Thời kỳ các vua Nguyễn trên toàn bộ đất nước thống nhất;

– Thời kỳ Pháp thuộc tại các xứ Bảo hộ Trung Bắc Kỳ.

- **Thời kỳ các chúa Nguyễn ở Đàng Trong.**

Từ năm 1632, cứ 5 năm một lần, các chúa Nguyễn cho mở Xuân thiên Quận thí tại các dinh trấn, thí sinh làm trong một ngày một bài thơ, một bài văn, người thi đỗ được gọi là Nhiêu học, được tuyển dụng làm Huấn đạo. Ngoài ra còn có kỳ thi viết chữ tốt gọi là Hoa văn tự thể để chọn người làm thư lại ở các ty Xá sai, Tướng thần lại và Lệnh sử. Cứ 9 năm một lần, các chúa Nguyễn cho mở Thu vi Hội thí tại phủ chúa, thi trong 3 ngày, trải qua 3 trường: trường 1 làm 3 bài tứ lục, trường 2 làm thơ phú, trường 3 làm văn sách, người trúng tuyển chia làm 3 hạng: hạng giáp gọi là Hương cống, bổ dụng làm Tri phủ, Tri huyện, hạng ất gọi là Sinh đồ, bổ dụng làm Huấn đạo, hạng bính cũng gọi là Sinh đồ, bổ dụng làm Lễ sinh. Về sau, năm 1646, Nguyễn Phước Lan cải gọi Thu vi Hội thí là khoa Chính đồ, định lệ 6 năm một khoa, trúng tuyển hạng giáp thì gọi là Giám sinh, còn các hạng ất, bính thì vẫn gọi là sinh đồ. Năm 1691, Nguyễn Phước Chu lập Văn Miếu ở làng Triều sơn. Năm 1695, sau kỳ thi Chính đồ, Nguyễn Phước Chu mở thêm tại sân phủ chúa 2 khoa mới là thi Văn thức và thi Tam ty, có thể xem như là hình thức thi Đình đầu tiên ở Đàng Trong (8). Nguyễn Phước Khoát định lại lệ 3 năm một khoa quận thí, và về sau bỏ việc thi ở quận, chỉ tổ chức thi Hội nhưng tăng lên 4 trường: trường 1 làm 3 bài tứ lục, thi đỗ cho làm Nhiêu học tuyển trường, trường 2 thi thơ phú, trường 3 làm 2 bài kinh nghĩa, thi đỗ cho làm Nhiêu học trúng tuyển, trường 4 làm 1 bài văn sách, thi đỗ được gọi là Hương cống, bổ dụng làm Tri phủ, Tri huyện, Huấn đạo (9). Nói chung, các chúa Nguyễn không vụ hình thức, chỉ nhắm việc thực tiển là tuyển chọn người giỏi để dùng. Thí dụ Nguyễn Phước Tần không mở một khoa Chính đồ nào cả, mà cũng không lấy một người Nhiêu học. Ngược lại, chúa đã đặt ra khoa Thám phỏng, chỉ thi trong một ngày, hỏi về việc binh, tình trạng quốc dân, việc vua Lê chúa Trịnh, v.v.., người trúng tuyển được bổ dụng vào làm việc ở các ty Xá sai, Tướng Thần lại, hay Lệnh sử, là những tổ chức tương đương với các ty Đô, Thừa, Hiến ở Đàng Ngoài.

- **Thời kỳ các vua Nguyễn.**

Gia Long thống nhất đất nước, dự tính cứ 3 năm một lần mở các khoa thi Hương, thi Hội, nhưng mãi đến năm 1807 mới mở khoa thi Hương đầu tiên. Phép thi chia làm 4 trường: trường 1 thi Kinh Truyện,

trường 2 thi Chiếu Chế Biểu, trường 3 thi Thi Phú, trường 4 thi Sách vấn. Đỗ trường trước mới được vào trường sau, đỗ 3 trường gọi là Sinh đồ, đỗ cả 4 trường gọi là Hương cống. Lúc bấy giờ trong nước có 6 trường thi: Nghệ An, Thanh Hoa, Kinh Bắc, Sơn Nam, Sơn Tây và Hải Dương. Năm sau 1808, Gia Long xây Văn miếu tại làng An ninh, gần Long Hồ, cách chùa Thiên Mụ khoảng nửa kilômét. Khoa thi Hương tiếp theo, mở năm 1813, đặt thêm 3 trường thi Quảng Đức (Huế), Thăng Long (Hà Nội), và Gia Định (Sài Gòn), nhưng lại bãi bỏ 2 trường Kinh Bắc và Sơn Tây. Sĩ tử hai nơi này hiệp thí ở trườngThăng Long. Năm 1819, trường Quảng Đức cải gọi là trường Trực Lệ. Năm 1821, Minh Mạng năm thứ 2, mở ân khoa. Năm sau, 1822, mở Hội thí ân khoa. Đây là khoa thi Hội đầu tiên của triều Nguyễn. Định lệ các Hương cống và Giám sinh thì làm bài quyển mực, Thư lại và Đằng tả thì làm bài quyển son (4). Sau kỳ Điện thí, những người trúng tuyển được phân làm 2 hạng: Tiến sĩ và Đồng Tiến sĩ xuất thân, được ban áo mão, trâm, vải vóc, được đãi yến, và được cấp cờ, biển vinh qui. Năm 1825, Minh Mạng thứ sáu, định lệ 3 năm mở khoa thi một lần, Hương thí thi vào các năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu, Hội thí thi vào các năm Thìn Tuất, Sửu, Mùi. Lại cải gọi Hương cống làm Cử nhân, Sinh đồ làm Tú tài. Sĩ tử muốn đi thi phải qua kỳ khảo hạch ở Phủ Huyện do các quan Huấn đạo, Giáo thụ phụ trách. Người học trò qua được khảo hạch thì gọi là Khóa sinh. Tiếp theo, anh Khóa còn phải trúng tuyển kỳ phúc hạch tại tỉnh nhà do quan Đốc học chủ khảo nhiên hậu mới được gọi là Thí sinh, có quyền nộp quyển đi thi Hương. Khoa thi Hương năm này, mỗi trường thi được vua ban một tấm bài Phụng Chỉ, và một lá cờ Khâm Sai. Trường thi Trực Lệ được đổi tên là trường thi Thừa Thiên (Trường Thừa), trường thi Thăng Long đổi tên là trường thi Hà Nội (Trường Hà), trường thi Sơn Nam đổi tên là trường thi Nam Định (Trường Nam). Trong khoa thi Hội lần này, (năm 1826), Phan Thanh Giản, người An Thạnh, Vĩnh Bình, đỗ Đệ Tam giáp Tiến sĩ, là người Nam Kỳ đầu tiên đậu đại khoa. Từ khoa Hội thí năm 1829, vẫn đời Minh Mạng, bài thi được chấm điểm và phân hạng theo phân số: được 10 hay 9 phân là ưu hạng, được 8 hay 7 phân là ưu thứ hạng, được 6 hay 5 phân là bình hạng, được 4 hay 3 phân là bình thứ hạng, được 2 hay 1 phân là thứ hạng, không được 1 phân là liệt, tức là bị loại ngay. Những người đỗ cả 3 kỳ và được 10 phân trở lên được sắp vào Chánh bảng để vào Đình thí. Những người đỗ cả 3 kỳ với phân số từ 4 đến 9, và những người đỗ được 2 kỳ nhưng được 10 phân trở lên thì được xếp vào Phó bảng. Phó bảng cũng được kể là Đại khoa, nhưng không phải là hàng giáp đệ. Năm 1843, đời Thiệu Trị, trường Thừa Thiên được kiến thiết bằng gạch ngói với quy mô lớn tại phường Ninh Bắc để làm nơi thi Hương và thi Hội, và để làm mẫu cho các tỉnh xây cất lại trường thi. Đến năm sau Hội thí (1844), định lệ cho các Giáo thụ và Huấn đạo do Cử nhân xuất chính, và các Giám sinh và Tú tài xuất thân được dự Hội thí. Năm 1850, niên hiệu Tự Đức thứ 3, mở thêm trường thi Bình Định. Lại chia việc phê điểm làm 6

hạng: ưu, ưu thứ, bình, bình thứ, thứ, thứ thứ, và định lệ trở lại thi Hương thi Hội gồm 4 trường. Về Hương thí, đỗ trường 3 là Tú tài, đỗ trường 4 là Cử nhân. Về Hội thí, đỗ 4 trường thì được vào Đình thí. Nếu bài đối sách được 4 phân trở lên thì đỗ giáp đệ. Nếu 3 phân trở xuống là Phó bảng. Cuối đời Tự Đức, năm 1876, lại cải đổi chỉ thi 3 trường. Đến năm 1884, Kiến Phúc nguyên niên, lại định lệ người nào trúng cả 3 trường mà quyển thi có ưu, bình thì cho yết bảng ngay, số còn lại thì chia vi vào thi lại cả 3 trường trong 3 ngày để phúc khảo. Lại định thêm lệ 'nhất Cử tam Tú', cứ một Cử nhân thì lấy thêm 3 Tú tài.

- **Buổi đầu thời Pháp thuộc tại Bắc và Trung Kỳ.**

Người Pháp đánh Gia Định năm 1859 và chiếm trọn Nam Kỳ năm 1867, từ đó việc học hành thi cử chữ Nho ở xứ thuộc địa Nam Kỳ bị bãi bỏ. Trên lãnh thổ 2 xứ bảo hộ Bắc Kỳ và Trung Kỳ, sau hòa ước Patenôtre năm 1884, Nhà Nguyễn vẫn tiếp tục mở các khoa thi Hương thi Hội theo thể lệ cũ. Tuy nhiên người Pháp dần dà đưa vào một số thay đổi như có thêm môn nhiệm ý thi chữ Pháp (dịch Pháp văn ra quốc ngữ). Sự can thiệp của người Pháp có phần mạnh mẽ và lộ liễu ở Bắc Kỳ hơn ở Trung Kỳ. Trường thi Hà Nội bị bãi bỏ năm 1886, sĩ tử Hà Nội phải vào thi chung với Nam Định tại trường mới được cải danh là trường thi Hà Nam. Tổng Trú sứ Paulin Vial gợi ý ra đề mục trường 1 là *'Phép xã giao đối với bạn hữu và người ngoại quốc'*, và đề mục trường 3 là *'Thí sinh nghĩ gì về đương triều và cuộc khởi nghĩa của Văn thân?'* để dọ dẫm dư luận sĩ tử Bắc Kỳ (10). Năm 1903, Thống sứ Bắc Kỳ Luce tư cho Công sứ các tỉnh yêu cầu các Đốc học loại bớt thí sinh trong danh sách. Năm 1906, Thống sứ Groleau sức cho Đốc học các tỉnh, tùy tỉnh lớn tỉnh nhỏ, mỗi tỉnh không được lấy quá 500, 600 người đi thi.Vụ này đã gây nên cuộc biểu tình của hơn 2000 thí sinh trước cổng trường thi Hà Nam, và mào đầu cho phong trào xuất dương du học. Đến năm 1907, Duy Tân nguyên niên, đặt thêm bộ Học ở Huế. Việc thi cử trước đây thuộc Tân Hưng Ty bộ Lễ, từ nay thuộc bộ Học. Khoa thi năm 1909 có cải cách lớn là ngoài Kinh Truyện, Bắc Nam Sử, Thi Phú, không còn thi Chiếu Chế Biểu mà thi 2 đề Luận, một đề chữ Nho và một đề quốc ngữ. Điểm phê từ 0 đến 20, được 10 điểm trở lên là trúng bảng. Nếu có tình nguyện thi chữ Pháp thì thi thêm 1 trường riêng, cũng phê điểm từ 0 đến 20, nhưng chỉ lấy hàng số lẻ các điểm thi trên 10 cộng chung vào sổ điểm các trường kia. Trường 1 và trường 2 phải đủ 10 điểm trở lên mới được thi trường trên. Những quyển thi mà 3 trường được từ 40 điểm trở lên, cùng những quyển thi 3 trường được tối thiểu 30 điểm cộng thêm số lẻ của bài thi chữ Pháp được từ 40 điểm trở lên, thảy đều được chấm đậu vào trường phúc hạch. Vào phúc hạch thì làm 1 đạo Văn sách, 1 bài Phú và 1 bài Luận quốc ngữ. Được từ 7 điểm trở lên thì đỗ Cử Nhân. Tổng cộng các trường được từ 30 đến 39 điểm thì được xếp vào hàng Tú tài để theo thứ tự được lấy đỗ theo lệ nhất Cử tam Tú. Từ khoa thi này, sĩ tử phải không quá 50 tuổi mới được đi thi,

ngoại trừ các hạng Tú tài xuất thân, Giám sinh, Tôn sinh, Ấm sinh, không hạn chế tuổi. Đến năm 1912 thì hạn tuổi được đi thi giảm còn 40 tuổi trở xuống, và 2 môn Thi Phú bị đình bãi. Riêng trường thi Hà Nam thì chỉ còn thi 3 trường với rất nhiều cải đổi mới: trường 1 thi Văn sách gồm các môn Luân lý, Văn chương, Nam sử, Đông Dương Chính trị hay Nam triều Luật lệ, trường 2 thi quốc ngữ về Văn chương, Toán pháp, Sử Địa và Cách trí, trường phúc hạch thi Luận chữ Nho 1 đề và Luận quốc ngữ 1 đề. Năm 1915, niên hiệu Duy Tân thứ 9, môn Pháp văn trở thành môn thi bắt buộc. Khoa Ất Mão năm 1915 này là khoa thi chữ Nho cuối cùng ở Bắc Kỳ. Năm 1918, niên hiệu Khải Định thứ 3, tại trường thi Thừa Thiên có thêm môn Toán Đo lường. Khoa Mậu Ngọ năm 1918 này là khoa thi chữ Nho cuối cùng ở Trung Kỳ.

✧ IV. Thập niên đăng hỏa.

Trước kia, người Tàu truyền bá chữ Nho vào Giao Châu là để dân ta biết đọc biết viết mà giao tiếp với họ, giúp họ trong công việc cai trị và khai hóa dân bản xứ. Dần dà người Tàu mở mang việc học hành, tổ chức việc thi cử, để tuyển chọn người thừa hành, giúp việc cho chính quyền đô hộ, và cả cho chính quốc. Ngoại trừ giới tăng lữ học chữ Nho để đọc kinh đọc kệ, đối với những người khác, học chữ Nho là để được tuyển dụng ra làm việc nhà nước. Kịp đến khi Giao Châu dựng cờ tự chủ thì chữ Nho vẫn là văn tự chính thức, việc học hành thi cử vẫn na ná như trước kia, vẫn ít nhiều mô phỏng khuôn mẫu của Trung Quốc, và tinh thần giới nho sĩ thì trước sau như một, từ Lý Trần đến Lê Nguyễn, vẫn là ra sức mở mang tri thức và trau dồi phẩm hạnh để thực hiện 3 mộng tưởng lớn trong đời: *'Đỗ Tiến sĩ, Làm Thượng thư, và Đi Sứ'*.

Mười năm đèn sách quả đã chứa đựng không biết bao nhiêu là công tình. Công là công lao bản thân dùi mài kinh sử, là công lao gia đình chạy tiền chạy gạo, là công lao thầy học roi đòn dạy dỗ. Tình là tình nghĩa cha mẹ hy sinh lạc thú bản thân để nuôi nấng, chăm sóc, khuyến khích con cái cố học thành tài, là tình nghĩa họ hàng, làng nước tôn trọng người học trò hôm nay còn hàn vi nhưng mai kia có thể làm rạng danh tông môn, hương đảng, là tình nghĩa người vợ tao khang biết xem nhẹ tình chăn gối để thúc dục chồng thức khuya dậy sớm, nấu sử sôi kinh, ngõ hầu *'mai kia chồng chiếm bảng vàng, võng anh đi trước võng nàng theo sau'*.

Tiến trình thập niên đăng hỏa bắt đầu khi đứa trẻ lên 5, lên 7, bằng lễ Khai tâm tại gia hoặc lễ Nhập môn ở trường học. Nếu đứa trẻ học vỡ lòng tại nhà với cha anh hay với thầy đồ nuôi trong nhà thì trước hết phải ăn mặc chỉnh tề để làm lễ yết cáo Thánh sư, lễ khấn cáo gia tiên, và lễ bái lạy thầy học, xong rồi bắt đầu buổi học đầu tiên, thường là học thuộc lòng mấy chữ trong Tam tự kinh. Nếu đứa trẻ theo học một trường tư thục của thầy đồ thì cha mẹ dắt con đến nhà thầy với một mâm lễ trầu cau xôi gà để làm lễ Nhập môn. Nếu làng có Văn chỉ thì thầy đồ sẽ cùng cha mẹ đứa trẻ đưa mâm lễ vật ra đấy để cho đứa trẻ bái yết Thánh sư, rồi

mới trở lại trường làm lễ bái sư, và cho đứa trẻ bắt đầu bài học vỡ lòng. Chương trình học là chương trình ấu học và tiểu tập. Sách học buổi đầu là Tam tự kinh, Ấu học ngũ ngôn thi. Tập viết chữ thì khởi đầu tập đồ trên bảng gỗ bằng bút tre nhúng nước, tiếp đến dùng bút lông tô mực theo chữ son viết sẵn trên giấy, rồi tập viết phóng, viết buông, viết chữ hàng đôi, hàng ba. Đến 7 tuổi học Sử, Truyện, Luận ngữ. Đến 9, 10 tuổi học làm câu đối và thơ văn, và tập viết ám tả. Cậu học trò nhỏ còn được rèn luyện phẩm hạnh, phép tắc, biết lễ phải trái, biết kính trên nhường dưới, thông suốt đạo tam cương, ngũ thường. Học giỏi thì được thưởng giấy mực, bị phê liệt thì phải quét nhà, ăn roi vọt hoặc luồn khố.

Khi được từ 11 đến 14 tuổi, cậu bé theo chương trình trung tập, vẫn tại trường thầy đồ trong làng, hay tại trường các quan Huấn Đạo, Giáo thụ ở phủ huyện. Sách học gồm Tứ Thư, Ngũ Kinh, Bắc sử, Nam sử, Bách gia chư tử (11), Đường Tống bát đại gia (12). Hàng ngày đọc và nghe giảng nghĩa sách, tập viết chữ hàng sáu, hàng tám. Hàng tuần học làm văn: Đối thơ 7 chữ, Đối phú 8 chữ, kinh nghĩa, văn sách, chiếu, biểu. Học trò lấy đầu đề đem về nhà làm bài, hôm sau nộp. Thầy chấm xong, lựa các đoạn hay, bài hay, đưa ra bình văn.

Khoảng 15, 16 tuổi trở lên, nếu học giỏi thì lên tỉnh theo chương trình đại tập ở trường quan Đốc học, hay các trường tư của các quan cư tang hay hưu trí, để luyện thi Hương. Năm 1825, Đời Minh Mạng, định lệ khóa tập làm văn tiến hành hàng tháng ở nhà Học vào các ngày 3, 9, 17, 25, chiếu theo đầu bài 4 kỳ thi Hương, có yết bảng để khuyến khích. Trước mỗi kỳ thi Hương lại có tổ chức thi thử, làm bài ngay tại trường. Lúc này, người học trò trẻ tuổi đã tạm đủ kiến thức nên được cho đi thi khảo. Trúng tuyển thi khảo thì được gọi là Khóa sinh, được miễn sưu dịch và được đi thi hạch để ghi tên vào danh sách những người có đủ khả năng thi Hương chuyển đệ về bộ Lễ. Trúng tuyển thi hạch thì là Thí sinh, nhưng tùy theo tuổi tác vẫn được mọi người chung quanh gọi là anh Khóa, thầy Khóa, hay ông Khóa, ngoại trừ người thi hạch đỗ đầu thì được gọi là ông Đầu xứ.

Đến ngày Vua xuống chiếu mở khoa thi, anh Khóa sửa soạn lều chõng lên đường. Hành trang gồm có bộ gọng lều và cuộn vải sơn (hoặc giấy dầu) để căng mái che mưa nắng, cái chõng tre và chiếc chiếu để ngồi làm bài, cái yên gỗ để kê quyển lên trên mà viết, cái ống quyển để cất quyển thi, cái bầu be để chứa nước uống, cái tráp sơn để đựng nghiên bút, giấy mực, các thứ lặt vặt như dao kéo, dùi nhọn và chỉ giấy xe tẩm sáp để phòng khi phải đóng quyển mới, vài cây đèn sáp, mồi lửa bùi nhùi, vàng mã và một ít thức ăn làm sẵn. Trước kỳ thi 3, 4 tuần, thí sinh phải nộp cho quan Đốc học 3 quyển thi, trên mặt quyển có ghi rõ tên họ, niên canh, quê quán, và cung khai tam đại. Nếu được vào phúc hạch thì quyển thứ tư sẽ đệ nộp sau. Trước ngày lên đường, bà con họ hàng thường đến thăm và giúp đỡ tiền lộ phí. Trừ những người may mắn ở gần trường thi, đa số sĩ tử phải đi xa, hoặc đi bộ, hoặc đi thuyền, có khi cả nửa tháng trời mới tới nơi thi. Con em nhà giàu đi thi

có người nhà đi theo mang hộ lều chõng, con em nhà nghèo phải tự mang lấy. Mỗi lần đi thi là mỗi lần tốn kém, 'nhị niên tử tam ngưu' (6), nào tiền ăn, tiền nhà trọ, tiền đò giang, tiền thù tạc, kéo dài hơn cả tháng trời.

Trường thi gồm có: Khu Thí sinh chia làm 4 vi giáp ất tả hữu, khoa nào quá đông thí sinh thì mỗi vi lại chia thành 2 phân vi nhất nhì, chính giữa khu là nhà Thập đạo; Khu Khảo quan chia làm Nội trường dành cho các Sơ khảo, Phúc khảo, Giám khảo, Giám sát Ngự sử nội trường cùng các lại viên, và Ngoại trường dành cho Chánh Phó Chủ khảo, Phân khảo cùng Giám sát Ngự sử ngoại trường và lại phòng; và Khu Đề tuyển (12) nằm giữa Nội trường và Ngoại trường. Trước ngày thi 6, 7 hôm, quan Đốc học chuyển quyển thi đến trường thi. Trước ngày thi 3, 4 hôm, các Khảo quan tiến trường và ăn ở luôn trong trường cho đến khi thi cử xong xuôi. Đề tuyển ngoại trường đóng dấu Diện lên mặt quyển thi, Đề tuyển nội trường đóng dấu Giáp phùng lên giữa trang 2 và trang 3. Các Đề tuyển chia thí sinh ra làm 4 vi; đôn đốc lại phòng đóng sổ ghi số hiệu các quyển thi, và rọc phách, rồi lập danh sách thí sinh từng vi để kịp trước ngày thi 1 hôm treo bảng Yết danh cùng bảng Trường quy (13) trước cửa mỗi vi.

Đến ngày thi, từ đầu canh ba, sĩ tử tụ họp ở cửa trường để nghe điểm danh. Nghe gọi đến tên, thí sinh dạ to rồi mang lều chiếu tiến vào cổng trường để lính kiểm soát, xong nhận quyển và tiến vào vi tìm chỗ cắm lều ngồi làm bài thi. Đến trưa thì cầm quyển lên nhà Thập đạo xin dấu Nhật trung. Nếu cánh quyển (quyển thi bị tì ố phải thay quyển thi mới) thì phải mang theo cả quyển cũ lên nhà Thập đạo để xin đóng dấu Giáp phùng vào quyển mới. Làm bài xong, đếm số tẩy xóa ghi vào khoản Cộng quyển nội rồi đem nộp quyển cho Đề tuyển ở nhà Thập đạo. Bấy giờ người thí sinh mới dọn dẹp đồ đạc, nhổ lều ra về, chờ kết quả. Nếu trúng tuyển thì được vào thi trường kế tiếp, mọi chuyện lại diễn tiến y như lần trước, chỉ duy số lượng thí sinh thì giảm xuống hơn nửa phần. Nếu trót lọt cả 3 trường, nghĩa là tổng số điểm từ 40 trở lên thì được vào phúc hạch (14). Trước ngày thi phúc hạch 1 hôm, thí sinh phải đến trường nộp 1 quyển thi mới cho Đề tuyển. Lúc này vào được trường 4, thí sinh còn rất ít, mà khoa danh cũng đã gần kề, không Cử thì cũng Tú.

Thí sinh vào phúc hạch thì làm 1 đạo Văn sách, 1 bài Phú, và 1 bài Luận quốc ngữ. Được từ 7 điểm trở lên thì đỗ Cử Nhân. Thí sinh vào phúc hạch không đỗ được Cử Nhân, và thí sinh đã thi 3 trường có tổng số điểm từ 30 đến 39, tất cả được xếp vào hàng Tú Tài để theo thứ tự lấy đỗ theo lệ nhất Cử tam Tú. Việc công bố danh tánh các ông Cử Nhân tân khoa được diễn ra ở cổng trước trường thi và gọi là lễ xướng danh. Sau đó, trường cho yết bảng Cử Nhân (Hổ bảng) ở cửa vi Giáp và bảng Tú Tài (Mai bảng) ở cửa vi Ất. Người đỗ đầu cử nhân được dân chúng gọi là Thủ khoa hoặc Giải nguyên. Các Cử Nhân được ân tứ mũ áo, vải vóc, tiền bạc, và được ban yến Lộc minh. Trước khi dự tiệc, các vị tân khoa làm lễ bái vọng nhà vua và lễ bái tạ các khảo

quan tại Thí viện, hoặc tại Hành cung, hoặc tại dinh Tổng Đốc. Sau đó, mỗi vị được quan Tổng Đốc tặng 1 cái lọng xanh để vinh quy bái tổ. Về tới bản quán, vị tân khoa vào chào quan huyện sở tại rồi được hương lý và thân thuộc rước về làng làm lễ bái tổ ở từ đường, bái tạ Thành hoàng và Thánh sư ở đình miếu, và dự tiệc khao vọng. Khao vọng là chuyện không thể thiếu. Tục ngữ có câu: *'Vô vọng bất thành quan'*. Vị tân khoa được mọi người trọng vọng gọi là quan Cử. Thế là anh Khóa đã trở thành ông Quan, cho bõ công trình mười năm đèn sách, và khỏi phụ lòng kỳ vọng của người vợ tấm cám đã *'chẳng tham ruộng cả ao liền, tham vì cái bút cái nghiên anh đồ.'*

✧ V. Tiến vi Quan, thoái vi Sư.

Quan Cử có thể tiếp tục dùi mài kinh sử để năm sau lều chõng đi thi Hội, hoặc nằm chờ sắc chỉ bổ dụng làm quan, thông thường là Huấn đạo, Giáo thụ ở phủ huyện, hay chức Hành tẩu ở Lục Bộ, vào hàng thất, bát phẩm, với hàm Hàn Lâm viện Đãi Chiếu, hoặc Cung Phụng (15). Trừ những trường hợp đặc biệt, hoạn lộ của người đỗ Cử nhân thường được gọi là Hương khoa Huyện lệnh, nghĩa là chỉ làm đến Tri huyện Tri phủ là cùng. Phải đi thi Hội thi Đình để đậu Đại khoa, nhiên hậu mới làm tới Đại thần.

Trước kia, vào đời Lê, những người đỗ Tiến sĩ được chia làm Cập đệ, Chánh bảng, và Phụ bảng. Đến năm 1484, Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa cải gọi là Tiến sĩ Cập đệ, Chánh bảng là Tiến sĩ Xuất thân, và Phụ bảng là Đồng Tiến sĩ Xuất thân. Sang triều Nguyễn, mãi đến năm 1822, đời Minh Mạng mới mở khoa thi Hội đầu tiên, và sau kỳ Điện thí, vì là ân khoa, những người trúng tuyển chỉ còn được phân làm 2 hạng Tiến sĩ và Đồng Tiến sĩ xuất thân. Từ khoa Hội thí năm 1829, bài thi Hội được chấm theo phân số tính từ 1 đến 10. Không được 1 phân là liệt, bị loại ngay. Đỗ cả 3 kỳ với tổng số điểm từ 10 phân trở lên được xếp vào Chánh bảng. Đỗ cả 3 kỳ với phân số từ 4 đến 9, và đỗ 2 kỳ nhưng phân số được 10 phân trở lên thì được xếp vào Phó bảng, cũng được vào Đình thí, nhưng không phải là hàng Giáp đệ (16). Trước kia, chỉ có Cử nhân chưa ra làm quan mới được đi thi Hội. Từ khoa Hội thí năm 1884, đời Thiệu Trị, có định lệ cho Giáo thụ và Huấn đạo do Cử nhân xuất chính, và các Giám sinh và Tú tài xuất thân được dự thi Hội. Từ năm 1850, đời Tự Đức, định lại lệ thi Hội 4 trường, đỗ cả 4 trường thì được vào Đình thí, nếu bài Đối sách được 4 phân trở lên thì đỗ Giáp đệ, được 3 phân trở xuống là Phó bảng.

Như vậy, rõ ràng có sự khác biệt giữa Phụ bảng đời Lê với Phó bảng đời Nguyễn. Phụ bảng đời Lê vẫn thuộc hàng Giáp đệ. Phó bảng đời Nguyễn thời Minh Mạng là đỗ vớt Hội thí, tuy được vào thi Đình, nhưng được xếp vào bảng riêng, không được truyền lô, không dự vào hàng Giáp đệ. Phó bảng đời Nguyễn cuối triều Tự Đức được quyết định trong kỳ thi Đình. Lại còn có vấn đề nhập nhằng trong ngôn ngữ dân gian về danh vị *'quan Bảng, cụ Bảng'*. Quan Bảng, Cụ Bảng đời Nguyễn là Phó bảng chứ không phải là Bảng nhãn đời Trần và Lê sơ. Ngoài ra

còn có sự khác biệt giữa *'quan nghè'* của miền Bắc với *'thầy nghè'* của vùng Huế. Quan nghè là người đỗ Tiến sĩ. Thầy nghè là Thừa phái ở Lục Bộ và phủ huyện. Người đỗ Đại khoa sau khi vinh quy bái tổ là được bổ dụng ngay, Phó bảng đi Tri huyện, hàng lục phẩm, Tiến sĩ đi Tri phủ, hàng ngũ phẩm, rồi từ đấy hoạn lộ thênh thang, thường thường lên đến ngôi vị Đại thần đứng đầu một địa phương (Tổng đốc) hay lương đống ở chốn triều miếu (Thượng thư).

Nhưng tiến trình sự nghiệp của người theo học đạo Nho không phải duy nhất chỉ có mỗi một hướng *'tiến vi quan'*. Thật vậy, tôn chỉ của đạo Nho không phải giản đơn là gắng học để thi đỗ ra làm quan (17), mà chủ yếu là học tập đạo lý Thánh Hiền để rèn luyện bản thân nên người vừa có kiến thức, vừa có đạo đức, để *'tùy thời xuất xử'*. Gặp đời thịnh trị, lương tể minh quân, người theo học đạo Nho ra tay kinh bang tế thế, giúp vua trị nước, biết xem nhẹ quyền lợi riêng tư để dốc lòng chăm lo phúc lợi đại chúng. Nhà Nho hiển đạt *'biết lo trước cái lo của thiên hạ, và chỉ vui sau cái vui của thiên hạ'* (tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc). Gặp đời suy đốn, tôi nịnh vua hèn, người theo học đạo Nho *'thoái vi sư'*, nghĩa là lui về ở ẩn, cam phận hàn nho, mở trường dạy học, rèn luyện môn đồ vun trồng nghĩa khí sĩ phu, giữ gìn tiết tháo người quân tử, biết tôn trọng thầy, biết hiếu kính cha mẹ, biết phép tắc lễ nghi, biết trước khi học văn phải lo học lễ, không xu phụ kẻ quyền thế, không ruồng rẫy vợ tao khang, không bỏ rơi bạn nối khố thuở hàn vi, và nhất là luôn luôn giữ

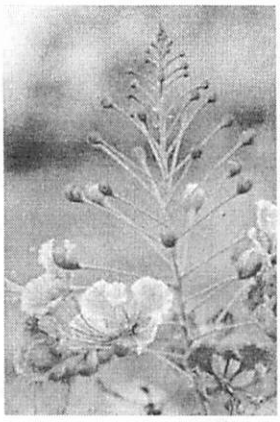

mình theo chính đạo,'giàu sang không hoang dâm, nghèo hèn không đổi chí, uy vũ không chịu khuất' (phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất).

Tiến vi quan có nghĩa là ra làm việc với triều đình, thụ hưởng ơn vua lộc nước. Thoái vi sư là lui về mở trường dạy học trò, đứng ngoài hệ thống triều chính. Bởi vậy, những vị học quan phụ trách việc dạy học trò như Huấn đạo, Giáo thụ, Đốc học, Tư nghiệp, Tế tửu, Phụ đạo, vẫn là những vị tiến vi quan. Mặt khác, những vị thoái vi sư không nhất thiết là những ông quan từ nhiệm, mà bao gồm cả những ông quan hưu trí, cư tang, những người học giỏi nhưng ở ẩn không đi thi, và những người lận đận trường ốc. Có thể kể một vài vị thoái vi sư nổi tiếng: cáo quan như Chu Văn An đời Trần, cáo lão như Nguyễn Bỉnh Khiêm đời Mạc, ẩn dật như La sơn phu tử đời Tây sơn, hưu trí như Nguyễn Khuyến, cư tang như Nguyễn Đình Chiểu, lận đận trường ốc như Trần Tế Xương đời Nguyễn. Ngoại trừ các vị Khoa bảng mở các buổi bình văn theo chương trình đại tập, các vị thoái vi sư mở lớp dạy học trò được người đời gọi là Thầy Đồ.

Thầy Đồ ngồi dạy học tại tư gia các phú hộ, được nuôi cơm và cung ứng quần áo, hoặc có thể mở trường tư tại nhà riêng. Thầy Đồ có thể có cùng lúc một số học trò có trình độ khác nhau: học vỡ lòng, học chương trình ấu học, tiểu tập, hoặc trung tập. Thầy Đồ thường chọn trong số học trò theo học một người lớn tuổi và học khá nhất làm Trưởng Tràng, giúp đỡ Thầy Đồ trong việc trông nom kềm cặp các học trò học vỡ lòng hoặc học kém. Thầy Đồ nào cũng có một cây roi mây dài để phạt học trò. Bổng lộc của Thầy Đồ rất khiêm tốn. Tiền học mỗi học trò trả cho Thầy Đồ mỗi năm chỉ 4, 5 quan tiền, ngày tư ngày Tết thì tùy hỉ, con gà, dĩa xôi, chiếc bánh, be rượu, hậu bạc thế nào cũng xong, chỉ cốt đủ lễ nghĩa. Bởi vậy, Thầy Đồ thường kiêm thêm nghề bốc thuốc, và viết mướn đối liễn. Thầy Đồ nuôi nổi thân mình đã là may, việc con cái, nhà cửa đều trút hết lên vai bà Đồ. Tuy nghèo nhưng Thầy Đồ rất mực quan tâm tới việc giữ gìn phẩm hạnh, vừa để xiển dương đạo lý Thánh Hiền, vừa để làm mẫu mực cho học trò noi theo, vì vậy, Thầy Đồ rất được mọi người quý trọng.

✧ VI. Kết Luận.

Trên tiến trình sự nghiệp của người học chữ Nho trong xã hội phong kiến thời trước, Thầy Đồ là vị trí trung gian giữa Anh Khóa và Ông Quan. Lúc còn trẻ, Anh Khóa 'niên thiếu công danh' thi đỗ, tức khắc trở thành Ông Quan. Anh Khóa trong lúc hăm hở dùi mài kinh sử để tiến vi quan đã có lúc tạm làm Thầy Đồ. Lúc lớn tuổi, thi mãi không đỗ, Anh Khóa trở thành Ông Khóa 'lạc tri thiên mệnh' (vui biết mệnh trời), cam lòng thoái vi sư, tiếp tục làm Thầy Đồ. Ông Quan rong ruổi trên hoạn lộ, gặp phải thời thế không thuận lợi, hoặc giả đến lúc lớn tuổi, ngựa nản chân bon, bèn quyết chí thoái vi sư, cáo quan lui về dạy học, tuy không ai gọi là Thầy Đồ, nhưng trong thực tế đúng là Thầy Đồ. Thành thử, Anh Khóa, Thầy Đồ, Ông Quan, cả ba tạo thành cái thế chân vạc thành phần của một giai cấp xã hội gọi là *sĩ phu* hay *kẻ sĩ*. Kẻ sĩ đứng đầu tứ dân trong xã hội cũ. Ở chốn triều miếu, kẻ sĩ là chính cương chính sách, là mưu lược trị quốc an dân. Ở nơi hương đảng, kẻ sĩ là mẫu mực đạo đức luân thường, là ngọn đuốc soi sáng chính đạo và hướng dẫn công luận. Kẻ sĩ được từ Vua đến Dân quý trọng và nghe lời. Được vậy là vì kẻ sĩ theo học đạo Nho. Kẻ sĩ là nhà Nho, chứ không giản đơn chỉ là người được đào tạo để ra làm quan. Cho dù là hàn nho, hiển nho, hay ẩn nho, nhà Nho là người theo học đạo Thánh Hiền từ tuổi ấu thơ, và suốt đời chăm chăm chú chú xiển dương và truyền bá cái tinh hoa trong sách vở Thánh Hiền.

Ngày nay, nhân loại đã bước qua khỏi thời kỳ phong kiến nông nghiệp, nhà Nho trở thành lỗi thời. Tuy vậy, nhắc lại vài điểm chính yếu của tổ chức học hành thi cử chữ Nho thời trước cũng là một việc hay, bởi lẽ trong vô số những điều mà người hôm nay trích dẫn ra để phê phán người xưa vẫn có rất nhiều điều có thể bổ khuyết cho việc đào luyện tư cách con người và hoàn thiện cấu trúc xã hội hôm nay và ngày mai.

Tháng tư, 2004

■ ***Minh Vũ Hồ Văn Châm***

Chú giải:

1. Lý Tế Xuyên. Việt Điện U Linh Tập. Bản in lại từ báo Nhân Dân Điện tử ngày 14/04/2002.

2. Nguyễn Thị Chân Quỳnh. Khoa Cử Việt Nam. An Tiêm xuất bản. Paris 2002.

3. Lê Tắc. An Nam Chí Lược. Ủy Ban Phiên dịch Sử liệu Việt Nam, Viện Đại Học Huế, 1961.

4. Phạm Đình Toái và Cao Xuân Dục. Quốc Triều Hương Khoa Lục. Bản dịch của Hà Mai Phương, Mai Hiên xuất bản, Santa Clara, CA, 1980.

5. Minh Vũ Hồ Văn Châm. Vụ án văn học Lệ Chi Viên. Tập san Định Hướng số 27, Mùa Hè 2001. Trung tâm Văn hóa Nguyễn Trường Tộ, 13G rue de l'Ill, 67116 Reichstett, France.

6. Vũ Phương Đề. Công Dư Tiệp Ký. Bản dịch của Tô Nam Nguyễn Đình Diệm, Bộ Quốc gia Giáo dục, Sài Gòn 1961 & 1962.

7. Nguyễn Thị Chân Quỳnh. Lối Xưa Xe Ngựa. An Tiêm xuất bản. Paris 1995.

8. Trần Gia Phụng. Thi cử tại Huế trước thời Quốc Học. Giai phẩm Xuân Giáp Thân 2004 Quốc Học–Đồng Khánh Bắc California, CA, USA.

9. Lê Trọng Ngoạn, Ngô Văn Ban, Nguyễn Công Lý. Lược Khảo và Tra Cứu về Học chế – Quan chế ở Việt Nam từ 1945 về trước. Văn Hóa Thông Tin, Hà Nội 1991.

10. Vial Paulin. Nos premières années au Tonkin. Voiron 1889.

11. Tứ Thư là Đại Học, Luận Ngữ, Trung Dung, Mạnh Tử.

Ngũ Kinh là Dịch, Lễ, Thi, Thư, Xuân Thu.

Bắc sử là sử Trung Quốc, Nam sử là sử nước ta.

Bách gia chư tử là gọi chung các học giả, triết gia liên hệ đến đời sống chính trị và văn hóa Trung Quốc ngày trước: Mặc Tử, Tuân Tử, Hàn Phi Tử, Lý Tư, Dương Tử, Lão Tử, Trang Tử.

Đường Tống bát đại gia là Hàn Dũ, Liễu Tôn Nguyên đời Đường; Âu Dương Tu, Vương An Thạch, Tô Tuân, Tô Thức, Tô Triệt, Tăng Củng đời Tống.

12. Đề tuyển, còn gọi là Đề điệu, thời Lê và Nguyễn sơ, là Chánh khảo. Từ năm 1828, đặt thêm các chức Chánh Phó Chủ khảo, Đề tuyển chỉ phụ trách việc lập danh sách thí sinh, ghi số hiệu, rọc phách, phát quyển, thu quyển, chứ không dự vào việc chấm thi.

13. Trường quy là những luật lệ thi cử mà thí sinh phạm phải thì bị đánh hỏng và nhiều khi còn bị tù tội: kỵ húy, khiếm tị, khiếm trang, khiếm đài, khiếm cung, bất túc, bất cập, duệ bạch, bạch tự, di tự, đồ bất thành tự, tù ố, dấu nhật trung, dấu giáp phùng, thiệp tích, cộng quyển nội, ngoại hàm.

14. Căn cứ vào thể lệ cải cách của khoa thi năm 1909, việc thi cử bắt đầu thuộc thẩm quyền bộ Học. Trước năm 1907, Duy Tân nguyên niên, là năm lập thêm bộ Học, việc thi cử do Tân Hưng Ty bộ Lễ đảm trách.

15. Quan chế nhà Nguyễn phân biệt rõ ràng chức, tước, phẩm, hàm. Thí dụ:

Chức: Huấn đạo, Tri huyện, Lãnh binh, Án sát, Bố chính, Tiểu phủ sứ, Tổng đốc, Đô thống, Ngự sử, Tế tửu, Thượng thư v.v..

Tước: Vương, Công (Quốc công, Quận công, Huyện công), Hầu, Bá, Tử, Nam.

Phẩm: Từ Cửu phẩm đến Chánh Nhất phẩm, chia ra Văn giai và Võ giai.

Hàm: Đãi chiếu, Cung Phụng, Biên tu, Tu soạn, Thị độc, Thị giảng, Hồng lô tự khanh, Thái thường tự khanh, Hiệp tá, Đông các, Võ hiển, Văn minh, Cần chánh v.v.

16. Giáp đệ là Đệ nhất giáp, Đệ nhị giáp (còn gọi là Hoàng giáp), và Đệ tam giáp. Triều Nguyễn không lấy Đệ nhất giáp đệ nhất danh, chỉ có Đệ nhất giáp đệ nhị danh và Đệ nhất giáp đệ tam danh.

17. Nguyễn Gia Kiểng. Tổ Quốc Ăn Năn, Tác giả Xuất bản, Paris 2001. Nguyễn Gia Kiểng đã nặng lời khi đề cập đến thân phận kẻ sĩ vì lẫn lộn 士 (sĩ trong kẻ sĩ) với 仕 (sĩ là người làm quan) được viết có thêm bộ nhân đứng.

thư em chiều cuối năm

Viết tặng một người bạn vong niên

Nhận thư em, những dòng thư rất Huế,
Lời ngọt ngào thỏ thẻ quá em ơi.
Chiều cuối năm, lòng bỗng thấy yêu đời,
Em gió thoảng, ru hồn anh rất nhẹ...

Nồi bánh chưng năm nào nơi quê mẹ
Hai đứa mình canh thức ấm đêm thâu.
Soi mắt nhau, trong suốt mối tình đầu,
Lửa bập bùng reo vui ngày cận Tết.

Chiều ba mươi, gió còn đem chút rét,
Hai đứa mình đi dạo cạnh dòng Hương.
Màu áo em xanh ngát một bờ sông,
Chuông Diệu Đế âm vang còn vọng lại.

Đêm giao thừa, đất trời thay lộc mới,
Hai đứa mình rộn rã đón xuân sang...
Bao nhiêu năm ân nghĩa dẫu cũ càng,
Tình vẫn đọng nơi buồng tim còm cõi.

Buổi chiều nay đọc lá thư em gởi
Vẫn nhắc hoài bao kỷ niệm thân thương.
Nỗi chia xa không giữ trọn cung đường,
Tình một thuở còn vương trong nỗi.

Hồ Văn Mẫn

Đàn ông Huế, chàng trai xa lạ ấy...

Qua cái nhìn Con Yêu Bánh Nậm

Thái Kim Lan

Đầu tóc có lần được bác thợ cúp dạo nào đó đi qua ghé lại bên vườn, dùng tông đơ hớt lên đến tầm tai, để lộ chân tóc xanh và cái gáy còn thanh sạch trẻ trung trên cần cổ chưa sạm nắng.

Mái tóc đàng trước hình tam giác chạy dài từ đỉnh đầu bỗng chảy xuống đột ngột, phất phơ rủ trên vầng trán, những sợi tóc mật thẳng tưng không uốn lượn cứ lòa xòa, đôi khi vướng mắt, tạo thói quen hất đầu ra phía sau khá ngổ ngáo hay kiểu đưa bàn tay lên vuốt tóc vừa kênh nghênh vừa ngượng nghịu vụng về.

Đôi con mắt thường to, hình như chứa được cả bầu trời tháng ba xanh trong hay tháng mười vần vũ mây của xứ Huế, trung thành soi lại, chưa xao xuyến một lần bất chợt!

Mũi to hay nhỏ, thẳng đều hay vồng lên múi tỏi hay quả cà chua, điều ấy không đáng bận lòng chi mấy...

Chỉ nên nhớ không quên là vành môi khá đầy không mỏng, khi nghiêm thì bướng bỉnh mà lúc cười nửa miệng thì... như 'bóng núi chạy dài nơi chân trời xa ngái' [1], mơ hồ nồng nàn cơn nắng mồng năm tháng năm...

Thế rồi... như thế ấy... còn lại cuối cùng là khuôn mặt vẽ nét chữ điền chưa rõ... cứ dần dà với năm với tháng rõ thêm góc cạnh nơi quai hàm xương xẩu, tạo một nét ương ngạnh bất ngờ chỏi với vầng trán thanh bình hiền hậu phía trên.

Sự tương phản làm linh động mặt người...
Con trai Huế đó!

Mẹ cười, ngồi trước thềm nhà tranh hay nhà ngói, vừa cuốn xong lá trầu têm với vôi tàu hay vừa uống ngụm nước chè xanh mới hái trong vườn, nhìn ra sân: trong vùng ánh sáng ban mai rộng lượng phấp phới gió lùa qua hàng chè tàu, bóng người con trai cùng với bóng lá, như thể "cây quỳnh cành dao" [2]!

"Chơ răng!" Con trai của mạ chơ phải chơi! Cục vàng, hòn ngọc của trời ban cho đó! Ui chao là cưng là chiều là thương là quí. Con gái có mười cũng bằng không mà con trai chỉ một là tất cả! Có bất công yêu thương nào của mẹ cha hơn bất công

rộng hơn biển mà con trai Huế uống cạn vào trong lòng ngay từ thuở sơ sinh! Cả lũ chị em gái nép vào góc nhà để nhìn... vừa ghen... nhưng cũng đồng một lòng với mẹ... vừa thương.

Mà thương thật đến xuýt xoa khi thấy chú trai: đĩnh ngộ khôi ngô một thời xuân trẻ, với nước da láng mướt năm năm đã từng được mưa phùn của Huế thoa dịu những cơn sóng dậy thì, họa hoằn đôi khi sần sùi sủi lên những hột mụn trứng cá bồng bột rồi thôi. Hãy nhìn đi! như mẹ mỗi ngày đã trìu mến nhìn theo,– chú trai ấy đội cái mũ cối trắng hay mũ cát két vải, áo sơ mi vải quyến, quần sọt kaki, đi đôi guốc hay đôi dép quai cắp sách ra ngõ đến trường...

"Xuân đi học coi người hớn hở" với nắm xôi mẹ treo cho lủng lẳng bên hông và trong túi cái ná, con căn, quả cầu để chơi lúc trống ra trường hay dọc đường cũng có khi! Còn nhớ không quên... dù mẹ nghèo đi mấy cũng ráng chắt bóp, nhịn ăn, dè xẻn từng đồng từng trự để con trai mẹ đến trường... bởi vì "con trai đi đến trường" đối với bà mẹ Huế đã là một điều thiêng liêng, một bổn phận tổ tiên, cho nên mẹ có thể hi sinh hết cả cuộc đời để cho con trai đi học đi thi, mong sao có lần... con "đậu trạng", không trạng nguyên thì cũng ông nghè ông cống hay... cũng thành những ông trạng lừng danh ở Huế mà tác giả "Chuyện ngày xưa, nhớ nhớ quên quên" sẽ kể ra trong trang sắp tới.

Nếu có lần ai đó đã nhận xét đàn bà Huế có những triệu chứng của "femme-enfant" (đàn bà trẻ con) như "dì Út Nguyệt" [3] một thời điển hình ở Huế và có lẽ vẫn còn mãi đến bây giờ trong những lá thư duyên dáng của dì mới đây về "con trai Huế", thì cũng có thể nói đàn ông Huế – "cục thương" của "mạ" – hầu như đều là những "enfants terribles" [4]. Hay nói nôm na, mỗi người đàn ông Huế – trong từ trường cưng chìu của cha mẹ – đều đã được nuôi dưỡng trong vô thức như một thứ "ông trời con", "một loại ông cụ non" với tất cả... ngây thơ... vô tội [5] của sự non trẻ theo nghĩa "làm tàng", làm vua muốn chi được nấy trên cái "nền phú hậu", trong mạch "nết đất, tính trời" [6] của gia phong Huế!

Hay có thể nói theo lối Huế: người con trai Huế đã ít nhiều mang giấc mơ "nam kha" của mẹ vào trong tâm khảm của mình. Chính giấc mộng nam kha ấy đã tạo ít nhiều dáng dấp "mandarin" (ông quan) của con trai Huế – vừa là vẻ công tử văn nhân (Nếu đọc đến đoạn này, có lẽ Trần Kiêm Đoàn sẽ viết thêm chữ "g" thành "văng" nhân, như tác giả đã thường gán cho những chữ "văn") nhưng cũng vừa là nỗi đoạn trường gian truân của con trai Huế "làm trai cho đáng thân trai... đi mô cũng nhớ mẹ "ngài" chờ cơm" [7]?

Dù muốn hay không, cái vòng càn khôn *"mẹ ngồi ru con đong đưa võng buồn"* cho đến *"mẹ nhìn con đi phút giây bàng hoàng"* ấy là những lẩn quẩn bên lòng mà chàng trai Huế mang theo suốt đời, và rất nhiều khi "không nỡ" mà cũng không thể nhảy qua để đi xa hơn bước nữa chung sống với ai như chàng Trịnh Công Sơn thuở nọ, dù có "terrible" với bao nỗi tình nhớ tình xa tình quên tình sầu tình phụ tình yêu, trước sau suốt đời vẫn

một lòng là "enfant", trọn vẹn người "con trai" của mẹ Huế mà thôi.

Nói con trai Huế khép kín trong vòng tay của gia đình, của mẹ – điều thường làm cho trai Huế bị đàn ông khác xứ chê trách là thủ cựu, bảo thủ, quan lại, ích kỷ, chủ quan, thiển cận... – chỉ là mới nói một nửa về con trai Huế, và nói oan cho đàn ông Huế, nửa kia của khái niệm ấy còn đọng lại trong chữ "terrible", thường được mấy o Huế trẻ măng (chứ không phải bà mẹ, bà nội, bà cố phát biểu mô) phát âm thuỡn ra, kéo dài với giọng Huế rất chi là dễ thương: "dễ sợ" [8].

Vâng, đàn ông Huế "terrible", "dễ sợ"! Nhưng trước hết xin đừng hiểu chữ "dễ sợ" này đồng nghĩa với ba trợn kiểu Sở Khanh, Mã Giám Sinh về bên cực này hay anh hùng (tướng cướp) quen thói vẫy vùng kiểu Từ Hải về cực bên kia. Cũng xin nhắc tính mập mờ trong cách dùng chữ của mấy cô gái Huế, lắm khi họ nói "dễ sợ" mà thiệt ra là "dễ thương" cũng chưa biết chừng. Xin hãy tạm gác ba khả năng nói trên sang một bên, mà chỉ nhấn mạnh tính tương phản nguyên thủy của "dễ sợ" và "dễ thương" theo chiều hướng lý luận "nước đôi" như thế này: Nếu đàn bà Huế "dễ thương" (mà thương không dễ) thì con trai Huế thiệt là "dễ sợ" (mà không đáng sợ chút nào!), để nắm được sự trung thực "tạm thời" của chữ nghĩa người Huế dùng... tuy không chắc chắn cho lắm.

Như thế con trai Huế thiệt là "dễ sợ"! Cứ cho là như thế cái đã, đúng sai đã có thiên hạ bình luận về sau.

Tuy nhiên, điều mà chữ "dễ sợ" ở đây muốn nói đến vượt hẳn lên trên ba khả năng trên: Ý nghĩa "dễ sợ" (terrible) của trai Huế hình như có một thoáng siêu hình, đụng chạm đến vũ trụ quan của con người Huế bên cạnh cái nhân sinh quan "ông trời con" nhìn từ lăng kính gia đình – xin nhớ "ông trời con" khác với "thiên tử" (con trời) mà người Huế thường kiêng cấm – Ông trời con thì có thể có trong mỗi gia đình Huế, còn "con trời" thì chỉ có một trong hoàng thành Đại Nội!

Bước ra khỏi sự vây quanh của ông bà, cha mẹ, anh chị em, bà con, mà con trai Huế thường là trung tâm, thế giới quan của người đàn ông Huế bỗng tỏa rộng đến chiều không gian thứ tư thâm sâu bí hiểm huyền hoặc của đất thần kinh mà khu vườn Huế bao quanh căn nhà của mẹ đã hơn một lần gợi cảm tâm thức con người muốn vượt giới hạn hiện sinh của mình như một thao thức không nguôi. Có thể nói mảnh vườn Huế – không cứ là mảnh vườn của riêng ai, mà có thể là vườn nhà, vườn chùa, vườn bạn, ngay cả vườn của người yêu hay những khu vườn xa lạ không tên trên đất Huế – với những hoa trái quanh năm, sương mù buổi sáng, trăng treo đầu ngõ, nắng chiều còn đọng trên tàu cau, hương oanh trảo về khuya, hải đường say nắng, dạ lan trong đêm, hoa khế đơn sơ hay hoa ngâu dại khờ, đều là những tín hiệu khai tâm cảm nghiệm thế giới quan cho người con trai Huế: trước khi tiếng nói con trai Huế "bể giọng" với âm trầm ngô nghê "đực rựa" hay "vịt đực" thành lời tỏ tình với núi sông, hình như đã có một thứ ngôn ngữ không lời giữa tầng rung cảm thiên nhiên và xúc động ngũ quan thân xác mở ra một hướng tâm linh thâm sâu hơn chính giác

quan trần trụi. Có ai đã từng nghe tiếng huýt gió của chàng trai Huế vào một buổi sáng đứng rất lâu, sững sờ nhìn ra khu vườn đang huyền hoặc định hình trong nắng gió mông lung? Có lẽ người ấy sẽ giật mình chợt nghiệm ra trong tiếng nhạc ngộ nghĩnh này chuyên chở một chút thần giao cách cảm giữa con người và thế giới bao quanh. Hình như hành động huýt sáo hay huýt gió của những người con trai hay đàn ông Huế (đàn bà không làm thế bao giờ) mà người lớn tuổi – như bà nội tôi – hay cấm kỵ, cho là một cách gọi hồn ma bóng quế hay không tao nhã văn nhân, bật ra một cách diễn tả sự thôi thúc trong lòng, một thứ cảm hoài trong "run sợ" trước thiên nhiên quá thần tú đến nỗi hóa linh của xứ Huế.

Sự run sợ này là một thứ dao động với đất trời, một cơn động đất lăn tăn hay dữ dội thuộc loại "terrible" theo nghĩa đen của chữ, âm vang trong tâm cảm của con người. Cho nên nói con trai Huế "dễ sợ" trong nghĩa "dễ cảm nghiệm" với ngoại cảnh, từ đó nhen nhúm trong tâm thái độ chiêm bái của một thực thể thiết tha chìm đắm trong vũ trụ, như Xuân Diệu có lần thốt lên

"Tôi chỉ là một cây kim bé nhỏ
Mà vạn vật là muôn đá nam châm"...

"Không có cánh nhưng vẫn thèm bay bổng,
Đi trong sân mà nhớ chuyện trên trời
Trút ngàn năm trong một phút chơi vơi
Ngắm phong cảnh giữa hai bề lá cỏ"

(Xuân Diệu, Gửi hương cho gió) –

Trong lúc người đàn ông khác xứ lại đo thế mà thường cho là con trai Huế "thâm", "hiểm" hay "trời biển" trong nghĩa tiêu cực. Nhưng thật ra thái độ chiêm bái này có thể xem như một thứ hành thâm quán tưởng khởi nguồn từ một tâm hồn giàu đạo vị nội tâm, cho nên con trai Huế "dễ sợ" trước ngoại cảnh, trước cảnh và người, trước những vẻ đẹp của tha nhân, hay nói rõ, trước mỹ nhân, con trai Huế thường ngậm câm như hến mà mỹ nhân Thượng Tứ Huế, dì Út Nguyệt của chúng ta đã tả một cách rất là trung thực:

"Con trai Huế thường hay im lặng đi lẽo đẽo theo sau cô gái Huế, một ngày nọ tìm đến nhà thăm, thật là dễ thương [9], nhưng thăm thì ngồi vậy nhìn trời nhìn đất nói bâng quơ vài chuyện rồi người đẹp đem nước ra uống, uống xong thì đi về, cứ như vậy nhiều lần, có buổi mẹ người đẹp, sau khi thấy khách của con ra về bèn hỏi 'ông bạn đến làm chi mà không nghe nói chuyện chi hết, ông đến uống nước hay sao' người con gái thấy buồn cười và cũng trả lời đại 'chắc trời nắng dễ khát nước đó Mạ' [10].

Người đẹp có lẽ không ngờ rằng trên đường trở về, người con trai... người viết bài này nhấn mạnh giả thuyết có thể – vừa đi vừa huýt gió – bởi vì không biết ngỏ lời với ai hơn và nói điều gì cho rõ – lòng tràn trề hạnh phúc đã được uống chén nước từ tay người đẹp trao mời.", rõ ràng:

"Tôi là kẻ qua sa mạc...
Tạm lánh hè gay: thế cũng vừa"

(Xuân Diệu, Gửi hương cho gió): đúng như người đẹp nói "trời nắng dễ khát".

"Thế cũng vừa!" mà là tất cả đấy, bởi vì æcô là nguồn suối mát" vô cùng, là tất cả vũ trụ trong mắt anh. Tình yêu của người con trai Huế có lẽ nói mấy cũng không vừa... bởi vì xét cho cùng... "có nói chi mô!". Anh chờ em nơi cuối phố, theo em trên đường đi học, đưa em (dù cách nhau một khoảng đường) đi chợ, đi dạo trên những con đường xứ Huế mộng mơ. Anh đứng nhìn em mải miết sững sờ, đến nỗi em đi qua rồi mà phải trở nón ngoái lui. Từ trước đến giờ mọi giải thích về "cái nhìn lui" của con gái Huế hình như đều trật lất. Nào Trần Quang Long, nào Mường Mán, nào Thu Bồn, tất cả đều rập theo một khuôn sáo, cho rằng o gái Huế giả vờ e thẹn, làm dáng dù "tình trong như đã". Những người này hình như chưa hiểu thấu cường độ "tình si" của con trai Huế, nỗi đam mê như một thứ từ trường, chính cái nhìn như sức hút nam châm không chịu "nhả" mới làm cho người con gái phải nhìn lui. Cái quay đầu của cô gái Huế không phải tự ý quay mà do ma lực của cái nhìn mê say dõi theo không lời nhưng ồn ào tiếng gọi chới với trong khắp không gian. Bởi vì đàn ông Huế ngoài mặt thì tỉnh bơ mà trong lòng thì bão táp mưa sa, "yêu em yêu luôn tình phụ" [11] mới hết lòng anh... dù cho những mối tình Huế lắm khi là những khối tình Trương Chi...

Biết bao lần "bụi hồng lẽo đẽo đi về chiêm bao"?, bao nhiêu con đường bao nhiêu tình yêu dang dở ở nơi xứ Huế lạ lùng ấy đến nỗi mộng mị siêu hình trở thành phép lạ tình yêu theo kiểu Huế rặt Trần Kiêm Đoàn:

"Tình yêu không có phép lạ là tình chăn gối, tình yêu có phép lạ là TÌNH YÊU CỦA TÌNH YÊU! Phép lạ trong tình yêu Huế không phải là cái ĐƯỢC mà là CÁI CHƯA ĐƯỢC VẪN CỨ TÌM HOÀI. Và cái dễ thương của đàn ông Huế là "Yêu ba năm chưa ngỏ một lời..." Đó chính là vùng trời thơ mộng nhất của một THIÊN ĐƯỜNG TÂM HỒN không bao giờ đổi sắc!"

À ra thế! Anh đi theo bóng giai nhân, nhưng mẹ đã ngắm nghía, đã nhắm, đã lo cho "ông trời con" của mẹ một người chăn gối, để anh thành President của cái hội "Huế rặt" gọi tắt là HSV nổi tiếng khắp địa cầu! Nhưng trong anh vẫn còn giữ mãi "thiên đường tâm hồn" vĩnh cữu.

Và hai mươi năm sau giai nhân tá hỏa thốt lên: "Đồ ngu, thương người ta mà không nói" [12].

Tình Huế đó, biết bao lần dang dở, như một thứ vong thân định mệnh của đàn ông Huế.

Vong thân của "đàn ông Huế dễ sợ" có thể nói không cùng, nhưng biện chứng của nó đi từ cái "dễ sợ" đến điều "dễ

thương" mà chính đàn ông Huế tự nhận cho mình như Trần Kiêm Đoàn và như Quế Chi thú nhận: đàn ông Huế thường chất một lô TRẠNG lên người và Trạng nào cũng dễ thương cả, – Trạng vừa là giấc mơ của mẹ nhưng cũng là hình thức thoái hóa hay tiến hóa của "enfant terrible" hay "ông trời con": Trạng Liều, trạng Lém, trạng Nằm vạ, trạng Mê gái, trạng Nói dốc, trạng Lì, trạng Bướng v.v. và v.v. Quế Chi cũng vén màn bí mật "dễ thương" như sau:

"Con trai Huế có vô số cái bần tiện dễ thương là *ham hố* ưng ai cũng yêu mình dù cho mình không ra chi, là *hay ghen bóng ghen gió* như đàn bà, là *ích kỷ* khi mô cũng ưng chiếm đoạt đối tượng cả tinh thần lẫn thể xác, còn bản thân mình thì tự cho *đặc miễn ngoại lệ*."

"Đặc miễn ngoại lệ" là một thứ "enfant terrible", một thứ "ông trời con" dễ thương bức dễ sợ!

Theo Quế Chi: "Cái ni cũng là một yếu tính khác của con trai Huế: *Miệng Hùm gan Sứa, nói Liều mà lại sợ dị, sợ trẻn*".

"Sợ dị sợ trẻn" phải chăng là những hình thức "dễ sợ" đang biến thành "dễ thương" trong đầu những ôn Huế:

"Có thêm cái dễ thương là... như tui (nhưng rất hiếm), là hơn sáu mươi mà tình yêu khi mô cũng tươi roái như thuở mười sáu nếu gặp được đối tượng xứng đáng như hằng mơ ước. Dễ thương hơn nữa là liều mạng... (tra ?) hơn cả bọn thanh niên nhưng điều đó lại chứng tỏ là "I'm really loving you with white hair and wrinkles, but youth fuels in my heart and my mind! Do you understand what I mean ?"

Hóa ra giả thuyết ban đầu của bài viết không sai: "enfant terrible", con trai Huế "dễ sợ" thiệt tình: từ khúc huýt gió tuổi dậy thì cho đến khi về già bỗng huyên thuyên tiếng Anh tiếng Mỹ xi lô xi la đến điều "nguyệt nọ hoa kia" còn dễ thương và trẻ hơn cả bọn trẻ. Ngày trước thì ngồi không nói giờ đây thì thao thao bất tuyệt, thật đúng y chang đàn ông của xứ Huế!

Nhưng có lẽ để kết luận bài này, còn có một điều vượt lên trên tất cả mọi đối đãi thuần lý hay nghịch lý về người đàn ông Huế, kẻ luôn luôn hầu như xa lạ không giống ai ấy. Đó là một thứ tình khác hơn thứ "tình yêu của tình yêu" [13] ấm ớ không ra lời nói trên.

Nếu người đàn bà Huế thương "nhớ... ngõ sau" quê mẹ như một mảnh hiện sinh cụ thể của đời mình, thì người đàn ông Huế có một vũ trụ quan thương nhớ bao la hơn. Cái cảm nhớ của trai Huế là cả bầu trời Huế đó!

Cả vũ trụ mở ra với Trường Sơn Kim Phụng thâm u, "Hương giang... sử nhân sầu", sóng Thuận An, mây Túy Vân, chiều Tam Giang, sớm Ngự Bình, trưa Đại lược, tối Kim Long, gió Bãng Lãng, nắng Nguyệt Biều, trăng Vạn Niên, chuông Linh Mụ, cầu "Trường Tiền tội quá đi không kịp", sân "Đại Nội vắng tiếng loa xưa", "bến đò Thừa Phủ một lần quẩy nhịp", "chiều chiều bên bến Văn Lâu", tiếng trống bãi trường Thượng Tứ, canh gà Thọ Xương thánh thót, tất cả những cảnh tượng nơi cõi đi về ấy nằm trong trong vô thức của chàng trai Huế từ thuở nảo thuở nao.

Hình như trong ánh mắt của người con trai Huế, tâm cảnh Huế đã chìm sâu trong

đó, đã làm nên một góc tâm hồn "trai Huế", làm nên cái mà Trần Kiêm Đoàn gọi là "đạo tâm" [14]. Dù đi cho đến chân trời góc biển nào, chỉ cần thoảng nghe tên gọi một chiếc cầu, một bến nước, một mảnh vườn, một góc chùa, một con đường thuở đi học cũng đủ gợi âm thanh bản tình ca xứ Huế bất ngờ và lê thê. Tuồng như tâm hồn ấy mặc nhiên đồng hóa với "tứ đại cảnh", "lưu thủy hành vân", "cái tình chi, chim nhạn bay đi" với nước non ngàn dặm Huế, cho nên mỗi nhắc nhở là một niềm nhớ không nguôi. Thiệt tình mà nói, chưa thấy đàn ông con trai xứ nào – dù cho chàng trong Quảng có lớ ngớ, chàng Hà nội có chơi trội hay chàng Sài thành có thiệt thà mấy đi nữa – thiệt chưa có ai có thứ bệnh "Nhớ Huế" như người Huế và đặc biệt "chàng Huế" thì phải nói rất chi là "mít ướt" với "Huế mình".

Chưa có ai tha phương có thể nhắc về quê cũ của mình như người Huế – nhất là khi mấy "ôn Huế" nói về Huế – khi nhắc về con cá Thuận an, con tôm Cầu Hai, rau muống Thế lại, trái thơm trái mít làng Hồ, cá bống thệ kho khô cong uốn cái lưng, quýt Hương cần thanh cam, họ say sưa, thiết tha và "sô vanh" [15] đến nỗi những chàng trai xứ khác "chịu không nỗi" phải nhường "giải nhất" cho Huế dù Huế "tộng bộng hai đầu", dù gạo de An cựu ít ỏi nhỏ nhoi so với gạo thơm đồng bằng Cửu Long hàng vạn hộc... dù con cá nục Nha Trang nhiều vô số kể nhưng sao bằng được con cá nục chuối thon thon thơm ngọt dịu dàng của Thuận an!? Và bánh khoái Lạc thiện, kem Lạc thành "nhớ nhớ quên quên", và cơm hến bún bò chè hột sen của "Chuyện khảo về Huế" một thời, còn ai có thể minh chứng rõ hơn tấm lòng sắt son với Huế bằng những tay bút nam nhi Huế chay này?

Có thể nói đàn ông Huế có một mối tình gắn bó kỳ lạ với quê hương của mình. Thử tính lại mà xem. Khắp năm châu bốn bể người xa xứ cũng nhiều hàng triệu, nhưng trên trời dưới đất, trong không gian ảo, thời gian thực, từ trong nước ra ngoài nước, báo giấy báo điện tử năng nổ nhất và nhiều nhất vẫn là những tờ, những trang "Nhớ Huế" tung rãi khắp năm châu. Nào Nhớ Huế của bs Tùng, rồi QHĐK của bs Phạm Cơ, rồi Nhớ Huế của Châu Ngọc Bính tài hoa kiêu kỳ rồi Nhớ Huế của Lê Khắc Trực son trẻ như trai Huế lên mười, rồi Nhớ Huế của Trần Hữu Lục lão luyện đứng đắn như cột cờ Phú Văn lâu ở Sàigòn, rồi Học trò Huế ở Mỹ, Hội người yêu Huế ở Paris, ...

Cung đàn "Nhớ Huế" như được căng giây trên khắp mọi nẻo, chỉ cần một giọt nước mưa rơi trên cầu Bến Ngự, một chút nắng trên tàu chuối trong vườn Vĩ dạ, một câu hò vẳng xa mô đó trong một bài thơ hay một tiếng rao hàng não nuột trên một trang giấy, là y như "Huế của tôi" "Huế của anh", "Huế của chị" "Huế của em" rộn ràng lên tiếng đồng ca.

Trong tâm tình nhớ Huế, người con trai Huế, gã đàn ông xa lạ ấy, bỗng có một phút lãng đãng gần gũi như là người thân quen vừa bước ra từ trong bóng lá, trên vai lấp lánh ánh nắng ấm áp bên dậu thưa có nụ cười đen nhánh [16] của mẹ sau tay áo đơn sơ...

Muenchen, đông chí 2004

■ ***Thái Kim Lan.***

Chú thích:

(1) Thái Kim Lan, Nắng Phú Xuân, "Khi đến cũng như khi đi thấy nụ cười con trai Huế giống như bóng núi chạy qua qua nơi sân Phú bài, dáng núi rất thân rất gần gũi, đã từng như ôm vai tôi ngay khi chân vừa đặt lên tầng cấp thứ nhất xuống tàu, bên ni triền núi là mây mờ, bên kia triền núi nắng đang lên, như nụ cười nửa miệng..."

(2) Nguyễn Du, Truyện Kiều, Kim Trọng trong mắt Thúy Kiều:

"Hài văn lần bước dặm xanh,
Một vùng như thể cây quỳnh cành dao..."

(3) Chị Võ thị Nguyệt, nguyên giáo sư Đồng Khánh, người đẹp Thượng Tứ trong "Chuyện đời xưa, nhớ nhớ quên quên" của Quế Chi Hồ Đăng Định.

(4) ...

(5) Mary Phan Mộng Hoàn sẽ lập tức bổ túc thêm chữ "số" giữa chữ "vô" và chữ "tội", như trong các cuộc đàm thoại về sự ngây thơ của con người Huế.

(6) Nguyễn Du tả về thân thế của Kim Trọng:

"Nền phú hậu, bậc tài danh,
Văn chương nết đất, thông minh tính trời"

(7) Tác giả mạn phép sửa lại câu ca dao: *"Làm trai cho đáng thân trai, xuống đông đông tĩnh lên đoài đoài yên"*.

(8) Nghĩa chữ "terrible" từ đoạn này về sau được diễn dịch phóng khoáng theo kiểu "hủy cấu trúc", hủy văn phạm của Derrida như khi ông viết "difference" thành "differAnce". Chứ không phải theo nguyên nghĩa tiếng Pháp.

(9) Hay "dễ sợ" theo nghĩa của bài viết này.

(10) Trích điện thư của dì Nguyệt về "con trai Huế dễ thương."

(11) Trịnh Công Sơn.

(12) Thư của dì Út Nguyệt: Thế rồi vài năm sau người con trai Huế đi lấy vợ, có lẽ đến giờ phút đó mới thấy mình can đảm cho nên có một hôm gặp lại người đẹp năm xưa thì rất vui mừng. Bây giờ chàng trai Huế mới ra tay phán một câu "Hồi đó anh yêu 'người đẹp' (không nói tên, for privacy Act) etc..." Người đẹp giận (angry) quá trả lời:
"Đồ ngu, thương người ta mà không nói!!" Thật là đáng giận cả đôi bên làm một mối tình cảm tan vỡ chỉ vì cái chất Huế quá nặng trong con người Huế. Im lặng là vàng bạc nhưng có những trường hợp im lặng là vô duyên và ngốc! Con trai Huế có muôn mặt, và cái dễ thương nhất là dí dỏm!

(13) Trần Kiêm Đoàn, đã dẫn .

(14) TKĐ: Con trai Huế cuối đời 90% về với Đạo, về với Mạ và về với gia đình, i meo 13/ 12/ 04.

(15) Óc địa phương.

(16) Thơ Lưu Trọng Lư:

"Tôi nhớ me tôi thuở thiếu thời
Lúc người còn sống tôi lên mười.
Mỗi lần nắng mới reo ngoài nội
Áo đỏ người đem trước dậu phơi...
Hình ảnh me tôi chửa xóa nhòa
Hãy còn mường tượng lúc vào ra
Nụ cười đen nhánh sau tay áo
Trong nắng trưa hè dưới dậu thưa".

⌘

ĐÓN BÁNH TÉT

Trần Kiêm Đoàn

– Happy New Year! Cung Hỷ Pạt Chòi![1]

Sáng mồng một Tết, người hàng xóm Mỹ tốt bụng, thân thiện chào buổi sớm. Bên cạnh lời chúc mừng năm mới thường lệ tiếng Mỹ, bà ta còn chêm một câu "Cung Hỷ Phát Tài" bằng tiếng Tàu lơ lớ mà ngon ơ! Trong cả con đường và trong cả khu phố có nhiều giống dân tộc trên thế giới cư ngụ nầy, hình như chỉ có hai ông bà già, nguyên là cựu chiến binh Việt Nam, hưu trí biết hôm nay là ngày "New Year" Á Đông mà phần lớn người Mỹ quen gọi là "Năm Mới Tàu" (Chinese New Year).

– Tết Ma Rốc người Mỹ mới biết Tết Việt Nam là gì!

Đã biết điều đó trong suốt gần 25 năm sống trên đất Mỹ, vậy mà khi nghe lời bình luận như thế, tôi vẫn cảm thấy chưng hửng và chợt buồn. Xa quê hương nghìn dặm là xa luôn cái Tết thiêng liêng mà mình cứ ngỡ như gắn liền với khúc ruột. Mồng một Tết năm nay, gặp ngày thứ Tư, ngày hội thiêng liêng nhất của toàn đất nước Việt Nam. Nhưng riêng đối với người Việt xa xứ Tết có chăng cũng chỉ là một chút lửa ấm nhóm lên trong lòng, chờn vờn và lay lắt rất riêng tư; trong khi đối với xã hội bên ngoài thì hôm nay cũng chỉ là một ngày thứ Tư làm việc như mọi ngày.

Tôi xin nghỉ làm việc ngày mồng một Tết, cố nhen lên một chút hương trầm trên bàn thờ. Khói hương phơ phất bay không đủ quyện cái không gian vắng lặng trong nhà. Các cháu vẫn đi làm, đi học bình thường. Bà xã tôi có khách hẹn ở tiệm. Ngồi một mình uống hết mấy bình trà King Tea 913 và nhâm nhi dĩa mứt gừng mà vẫn chưa bắt gặp hương Xuân lạc loài hé cửa vào nhà. Tôi hình dung những gì đang diễn ra giờ nầy ở Việt Nam, ở Huế, ở làng. Mê nhất là vẻ Xuân mới ở vùng quê. Những gót chân nứt nẻ đi trên những đôi guốc mộc mới sơn; chút xíu điểm trang trên những khuôn mặt rám nắng quen với mồ hôi và nắng gió ruộng đồng; một tí quần áo lượt là trên những cánh tay trần, những bắp chân quanh năm quần xăn quá gối của những mẹ quê, chị

quê, em bé quê... sao mà đầy dáng vẻ hương hoa lễ hội đất trời đến thế!

Đối diện hoài với sự vắng vẻ làm tôi suýt quên cái "máy chống cô đơn" của thời đại mới: Cái điện thoại! Tôi gọi chúc Tết người thân và bạn bè. Hầu hết đều đi làm. Có một cụ già nói tiếng Huế vùng nông thôn bập bẹu:

– Chú ơi chú! Mùng một Tết mà tụi hắn đi mần hết, tui ở nhà một mình nghe điện thoại kêu sợ đứt hơi, lo Mỹ nói mình không biết tiếng. Ở nhà với hai con chó và một con mèo thì tụi hắn cũng không biết tiếng như tui. Tự nhiên tui đang mạnh khỏe ở ngoài làng thì tụi con đem vô đây. Chừ thì tui thành què vì không biết lái xe, thành câm vì nói tiếng Mỹ không được, thành điếc vì Mỹ nói không nghe, thành đui vì coi chữ xí lô xí la không hiểu... Chú có cách chi giúp cho tui về lại với!

Cái sớ táo quân phàn nàn về tình hình "Sốc văn hóa"[2] của ông cụ còn dài lê thê, nhưng tôi phải tiếp tục cuộc hành trình chống cô đơn của mình trong ngày đầu năm mới. Đợi đến hơi trưa trưa một chút, yên chí là đã có người xông đất phía "bên tê", tôi gọi về Việt Nam thăm gia đình. Không đợi tôi lên tiếng trước, tiếng càu nhàu phía đầu dây bên kia đã vang lên:

– A lô! Ai đó? Đầu năm đầu tháng mà gọi chi giờ ni "hiểm"... rứa hè! Mới ba giờ sáng chưa bét mắt đã mở miệng...

Tôi chợt thót người và lẹ làng gác điện thoại không lên tiếng minh oan, không xưng danh báo hiệu. Tôi quên đi mình ở phía bên nầy địa cầu. Bên tê là 3 giờ sáng ngày mồng hai Tết. "Sorry" hí, my dear, hỡi quê hương yêu dấu!

Tết! Tôi xông đất mình tôi trong căn nhà thênh thang vắng lặng nầy. Tôi có 10 năm sống ở làng, 24 năm sống ở Huế và 24 năm sống ở Mỹ. Mười năm đầu nhỏ dại không tính (Mười lăm trẻ năm mươi già không kể...[3]). Hai mươi bốn năm tiếp để hình thành "bản sắc dân tộc" và 24 năm vừa qua để so sánh, dùi mài và tìm lại bản sắc của chính mình. Nơi xứ người, mà nhất là trong một xã hội đa chủng, đa văn hóa nhân văn như Mỹ, tôi mới có dịp hỏi lại mình: "Ta là ai?" Nếu ngày xưa ở làng hay ở Huế mà tôi hỏi lẩn thẩn như thế, chắc sẽ bị coi như ông Mèo Què khùng khùng làm nghề đan nôi bội ở làng hay thằng Vui Điên chạy rông trên đường phố Huế. Nhưng trên đất Mỹ nầy, chút tâm tình ngỡ như lẩn thẩn trên quê hương ngày đó, có khi làm mình xót xa ứa nước mắt. Không lẽ phải định nghĩa "cái tôi đáng thương" như lão tâm lý gia tiền bối Eric Erickson, rằng là, "Tôi là tổng thể của con chó có tâm tư, của cục đất có linh hồn và của cây sỏi có cảm xúc"?!

Nhìn lên bàn thờ, trong cái xa lạ của bình hoa đủ mầu sắc của cúc, của hồng, của dalia, camelia và tulip, mắt tôi đậu lại trên đòn bánh tét. Tôi rón rén với tay lấy đòn bánh tét trên bàn thờ. Trong một thoáng mắt, tất cả vẻ xa lạ bỗng mờ nhạt đi sau cái phất tay của tấm màn ký ức. Màu bánh tét xanh xanh, mùi bánh tét thơm thơm. Cả những mùa Xuân xưa lại về!

Ngày còn nhỏ, sớm mồ côi Cha, tôi cứ tưởng tượng Tết về mà không có Mẹ thì có ai trên đời nầy sẽ cho tôi "ăn Tết". Tết báo hiệu từ đầu tháng chạp sau mùa lụt

bắt đầu từ tháng Bảy. Nước bạc vùi dập đất phèn liên miên như "yêu cho roi cho vọt" để bồi cho mấy lớp phù sa. Lớp phù sa chếch trước sân nhà tôi là giang sơn đất lành của những luống cải vàng đầu Xuân. Mùi hoa cải hăng hắc nhức mũi, nhưng mẹ tôi là bà tiên biến những luống cải vàng thành dưa, thành rau sống ăn với khuyếc tươi, thành cơm lành canh ngọt.

Trời mưa rây rây lạnh, luống cải vàng trước sân và bàn tay chăm chút của mẹ đã hơn 50 năm rồi mà vẫn cứ nẩy mầm bề sâu trong tôi. Chỉ cần một chút gió hoài tưởng phơ phất hương hoa ngày cũ là quá khứ bừng trỗi dậy.

Đòn bánh tét là ngọn gió Xuân thổi lòng tôi về quá khứ...

Làng tôi chuyên sống nghề làm ruộng. Nông dân thường trồng mười mẫu ruộng lúa mới có một mẫu ruộng nếp. Nếp có hai loại là nếp Sáp và nếp Đinh. Nếp Đinh hương thơm và dẻo là chất liệu căn bản tuyệt với nhất để gói bánh tét. Hàng năm, dù cảnh nhà thăng trầm đến mức nào thì mẹ tôi vẫn rán chừa hai vuông nếp cho ngày Tết. Hai phần gói bánh và một phần nấu xôi. Thuở nhỏ, khi bắt đầu biết giúp làm việc lặt vặt trong nhà, tôi ghét nhất là công việc giã gạo. Dù đã chọn cái chày vồ nhẹ nhất nhưng cứ cái nhịp điệu giáng lên, bổ xuống đều đều làm cho bắp thịt mõi nản thì ít mà tâm lý mỏi nãn thì nhiều. Giã gạo tay đôi, tay ba đỡ buồn hơn nhưng lại dễ bị va chày vào nhau côm cốp, có khi cũng toé gạo, trặc tay. Giã gạo với lớp tuổi nam nữ sồn sồn trong làng là "ngán" nhất vì sự tinh nghịch một cách hồn nhiên không cần giữ gìn của họ. Đã có lần tôi chứng kiến chú Đoài (nay đã mất) trong một lần giã gạo hò đã "mời" người đẹp tham gia hò giã gạo bằng một câu hò như thế nầy:

Ai mà giã gạo không hò,
Bắt qua bên Huế ngủ đò ba năm (!!!)

Cho dẫu chỉ ngủ đò "chay" để học hò mái nhì, mái đẩy thì vẫn... dễ sợ như thường, Huế ạ! Có lẽ nhờ sợ bị bắt qua Huế ngủ đò như vậy mà ngày mới lớn, những đêm giã gạo dưới trăng trong làng Liễu Hạ của tôi bao giờ cũng đồng vọng những câu hò vay trả trữ tình.

Nét trào phúng và sự tinh nghịch mang tính thi ca, thanh cũng như thô, của nền văn hóa làng xã Việt Nam phải ghi thành những dòng bách khoa tâm bút.

Hàng năm, mẹ tôi chọn tối ba mươi Tết để gói bánh tét. Khác với người trong làng thường gói bánh tét từ 25 tháng chạp. Bởi vậy, cả nhà tôi thường có cái thú quây quần thay nhau canh nồi bánh tét thức đợi Giao Thừa.

Thuở đó, chiến tranh vây bủa làng xóm Việt nam như trò chơi định mệnh. Mỗi đêm khuya nghe tiếng "cắc bụp" một nơi nào đó trong xóm là cả làng, cả xóm lạnh người đợi sáng ra đi tìm xác người thân. Cả làng tôi biến thành tro sau một buổi Tây đốt nhà vì bị bắn sẻ. Những đòn bánh tét là tài sản quý báu duy nhất có thể mang theo được trong biết bao lần chạy loạn mùa Xuân.

Mẹ tôi thường gói bánh tét với dáng vẻ trì chí, đam mê và xông xáo của người thợ cả chí thú với công trình giữa buổi thi công. Bao nhiêu lần gói bánh tét Tết đi

qua mà tôi vẫn chưa được cất nhắc lên một chức vụ quan trọng hơn ngoài nhiệm vụ chùi phấn trên lá chuối. Tôi say sưa và thán phục nhìn mẹ tôi trải lá, đổ nếp, đặt nhụy và gói bánh thoăn thoắt. Đòn bánh tét mẹ tôi gói tròn trĩnh, đều đặn lớn bằng lon sữa bò Ông Thọ và dài chừng hai gang tay, mười đòn như một. Người góp phần tô điểm cho đòn bánh tét vẫn giữ được dáng tròn đều từ khi ra khỏi lò tay mẹ cho đến khi nấu chín vớt ra khỏi cái nồi bảy là anh Thiện. Anh có tài chẻ lạt hóp[4] buộc bánh tuyệt vời. Sợi lạt mỏng, dẻo, vừa tầm, buộc vòng đôi và nút đơn; cách nhau đều đặn chừng lóng tay. Nghệ thuật cột lạt bánh tét quyết định cho vẻ đẹp tự nhiên của đòn bánh sau khi nấu chín. Đòn bánh tét đạt tiêu chuẩn là chín mềm, không góc nào bị nhão nước và không bị tình trạng "ỏng bụng" như cô gái "eo gà thành ra eo lợn" vì áo may quá chặt.

Nhưng rồi chinh chiến vẫn triền miên. Tiếng giã gạo hò vắng dần và những nam nữ thanh niên trong làng bao nhiêu người phiêu bạt. Anh Thiện đi lính. Tôi phải thay chân anh chẻ lạt buộc bánh tét cho mẹ. Rồi những mùa Tết làng xưa, những đêm giao thừa gói bánh qua đi với cuộc sống vô thường. Mẹ tôi cũng tới lúc qua đò phù du đi mãi không về. Tôi rời quê hương qua Mỹ. Những đòn bánh tét năm xưa vẫn là cột mốc tình cảm của người ở lại và kẻ ra đi. Cái bánh cổ truyền đã vượt lên quá tầm của một món ăn truyền thống để thành một biểu tượng của tâm hồn.

*

Xa Việt Nam là xa luôn cái Tết. Cái Tết trên quê hương là ngày hội lớn của toàn dân tộc. Cái Tết cũng có thể về với người Việt trên quê người, nhưng đó chỉ là dấu hiệu tượng trưng trong gia đình hay lớn lắm cũng chỉ là sinh hoạt đón Xuân trong nội bộ cộng đồng người Việt. Xã hội xung quanh nơi xứ người chẳng ai để ý hay quan tâm đến ngày Tết.

Làm sao tôi quên được mùa Tết đầu tiên xa Việt Nam. Dù ở trên đất Tàu nhưng vẫn vắng bóng mùa Xuân trong trại cấm Chi-Ma-Wan, Hồng Kông. Hình ảnh đòn bánh tét đón Xuân ngỡ như sẽ vĩnh viễn không gặp lại trên những vùng đất mới từ ấy. Mùa Tết thứ hai sau đó thì lại chợt xa mà chợt gần bánh tét là lần đầu tôi định cư trên đất Mỹ ở thành phố Baton Rouge, tiểu bang Louisiana. Một buổi gần trưa đi trên đường phố Baton Rouge, người bạn kêu lên:

– Bên mình bây giờ là Giao thừa!

Giao thừa không chỉ là tên gọi của một giờ khắc từ năm cũ sang năm mới. Nó là cả một khung trời đầy thiêng liêng. Phút đó, tôi nhắm mắt mường tượng trên bàn thờ sực nức hương trầm có bóng dáng tổ tiên về ngự; có tiếng pháo, tiếng chuông và tiếng lâm râm cầu nguyện. Tất cả chỉ còn là một hoài niệm êm đềm khơi sâu thêm nỗi nhớ nhà quay quắt.

Tôi vội vàng ra chợ Việt Nam. Những đòn bánh tét cuối mùa chưa bán hết vẫn nằm ỉu xìu như những kẻ ngủ đường, ngủ chợ bị đánh thức giữa đêm. Đòn bánh tét không có quá trình xôn xao gói, nấu cũng giống như tấm huy chương không có lịch sử và bộ quân phục không có chiến công. Có khác nhau chăng là một bên nếp và

lá; còn bên kia là sắt, là vải và sơn màu. Tôi quay mặt chỗ khác để khỏi nhìn nhau là bánh tét giữa chiều 30 Tết Baton Rouge! Vắng mẹ, vắng quê hương hay vắng một cái gì hơn thế nữa.

Có lẽ ngày xưa mẹ tôi, dù là trong ước mơ hoang dại nhất, cũng không hề nghĩ rằng một ngày đẹp trời nào đó, thằng con trai út vụng về như tôi chỉ quen yên thân chùi lá chuối sẽ có ngày anh dũng vươn lên gói bánh tét! Thế mà tới năm thứ ba sống trên đất Mỹ tôi đã liều mình làm thật.

Gần Tết, nhìn những đòn bánh chưng, bánh tét chợ của bạn bè biếu tặng nằm lạnh lẽo đợi đón Xuân trong tủ lạnh, tôi lại nhớ một nhận xét của ai đó, nói rằng, "chuẩn bị đón Tết vui hơn ăn Tết" và "Tết có nằm khoèo Xuân cũng qua". Nghĩ vậy, tôi rón rén mở khóa mùa Xuân để tạo một không khí đón Tết trong gia đình trên quê người. Tôi mua giấy màu làm câu đối, qua hàng xóm xin Đào Mai (Quince)[5] để chưng và hâm nóng linh hồn của việc tạo ra một không khí đón Xuân cho gia đình là nấu bánh tét.

Tôi hồi tưởng lại và chuẩn bị vật liệu gói bánh tét giống như mẹ tôi ngày trước. Nhưng có khác chăng hôm nay là hình hài của đòn bánh tét không phải cô gái quê lớn lên trên cánh đồng làng mà tôi từng quen biết. Tôi phải làm quen với một hình ảnh mới. Dáng rất quen trong tâm ảnh mà rất lạ giữa cuộc đời thường: Nếp thơm Thái Lan, lá chuối Hạ Uy Di, đậu Đài Loan, thịt heo Mỹ, dây cột Mễ Tây Cơ. Lần đầu gói được một đòn bánh tét tròn trĩnh, liền lặn không thương tích từ đầu tới chân, tôi thưởng thức "tài gói bánh có hoa tay" – như lời "ma maison" khen lấy khen để – thì ít mà nhớ mẹ thì nhiều. Mỗi năm tới mùa Tết, những đòn bánh tét thời thơ ấu lại ngự về trong tôi. Tay cột những đòn bánh tét mà nước mắt cứ chực chờ chảy xuống. Mẹ tôi vẫn là bà tiên không chịu buông cây gậy thần tình cảm. Cây gậy thần của bà tiên trong cổ tích đưa lên vẫy mưa, rãi nắng có mùa xưa và giới hạn. Nhưng cây gậy tâm hồn của bà mẹ Việt Nam là nguồn suối yêu thương bốn mùa không có quá khứ vị lai. Tình mẹ là một hiện sinh cứ sẵn sàng như hơi thở. Đâu có cuộc đời là có mẹ. Dù mẹ không còn.

Nếu cuộc sống chỉ đơn thuần là vật chất thì người ta có thể an tâm hưởng một cái Tết hoàn toàn Việt Nam trên đất Mỹ. Sau 30 năm xa xứ, những hạt giống quê hương mang theo đã nẩy mầm và lớn dậy. Hầu như tiệm thực phẩm Á Châu nào cũng bán đầy đủ các mặt hàng Tết Việt Nam cả ba miền Nam Trung Bắc. Bánh chưng, bánh tét, bánh tổ; các thứ bánh truyền thống; nem, chả, tré, khô nai, khô bò, khô cá; mứt món đủ loại; kể luôn cả pháo đỏ, cau trầu, rượu trắng ba–xi–đế mới ra lò; bài tới, bài chòi, bài vụ tôm cua, tranh mộc bản gà lợn... cũng đều có mặt.

Hai hình ảnh của bà tiên và bà mẹ đã nói lên cái có trong ta và cái có ngoài ta. Tết, Mẹ và Đòn Bánh Tét là cái có trong ta, trong mỗi tâm hồn Việt Nam. Dù thực thể hay biểu tượng thì cũng đã nằm trong máu thịt từ khi mới ra đời, có thể hiện thế – thể hiện – nhưng không thể thay thế. Tết Việt Nam trên đất Mỹ là một sự hiện

thế chứ không thể nào thay thế cho một cái Tết Việt Nam trên quê hương.

Dù có ngát hương trầm nơi xứ lạ
Cũng không thay mùi đất mặn quê nhà[6]

Người Mỹ có lễ Giáng Sinh, Năm Mới, lễ Tạ Ân (Thanksgiving), ngày Tình Yêu (Valentine) ngày của Cha, ngày của Mẹ, sinh nhật bản thân... lớn nhỏ có đến cả hàng chục ngày lễ hội hàng năm để gia đình quây quần đoàn tụ, vui chơi, trao tặng quà cáp và bày tỏ tình cảm. Với người Việt thì tất cả những ngày đó dồn lại một ngày: Đó là ngày Tết Nguyên Đán.

Và đòn bánh tét là "đòn gánh quan hà" để gánh những tâm hồn phiêu bạt suốt năm dài xa xôi cách trở về lại với nhau trong ba ngày Tết. Từ phía bên nầy biển Đông của mình mà "biển Tây" của Mỹ, những tàu bay siêu thanh của thời đại mới chỉ chở được con người và hành lý. Nhưng đòn bánh tét mộc mạc gói trong nếp lá đơn sơ gánh được nỗi lòng của những đứa con xa xứ như tôi về với Mẹ, với Cha, với anh em bà con trên quê hương yêu thương; một thời mà mãi mãi.

■ ***Trần Kiêm Đoàn***

Chú thích:

[1] Happy New Year (Tiếng Anh) có nghĩa là "Chúc Mừng Năm Mới". Năm Mới của người phương Tây, nhất là Mỹ chỉ có nghĩa là bắt đầu một năm khác, chứ không mang ý nghĩa sâu sắc đầy nét truyền thống như khái niệm Tết của người Việt Nam. Cống Hỷ Pạt Chòi (Tiếng Tàu) có nghĩa là Cung Hỷ Phát Tài. Người Trung Hoa thiên về thương mãi. Họ mang ý niệm "phát tài" làm lời chúc tốt đẹp cho năm mới.

[2] Cultural shock (Sốc văn hóa) là tình trạng tâm lý bị khích động của người từ một vùng văn hóa nầy mới đến một vùng văn hóa khác. Họ phải đối diện với sự khác biệt về lối sống, ngôn ngữ, phong tục quá khác biệt với nếp sống cũ.

[3] Thơ Nguyễn Công Trứ.

[4] Lạt là dây buộc mỏng chẻ ra từ mây hay tre. Thường người ta dùng lạt của cây giang để làm dây buộc bánh tét. Riêng các vùng quanh Huế có một loại tre nhỏ gọi là "hóp" cũng có thể dùng thay cho cây giang để làm lạt buộc bánh. Lạt mềm buộc chặt. Tháng tám tre non làm nhà, tháng năm tre già làm lạt (Theo Đại từ điển Tiếng Việt; Nguyễn Như Ý. 1998)

[5] Quince: Xin tạm dịch là hoa "Đào Mai." Đây là một loại hoa nở đúng vào dịp Tết như hoa mai, hoa đào Việt Nam. Loại hoa nầy có 3 màu: Đỏ, hồng và trắng. Cánh và đài hoa tương tự như hoa mai và hoa đào. Người Việt ở Mỹ dùng Quince để chưng trong nhà thay cho anh đào hay hoàng mai vào dịp Tết.

[6] Thơ Nguyên Thọ.

⌘

Qua một kiếp khác

Nhã Ca

Thuận đi học tập cải tạo, được tha về, nhưng hồ sơ, giấy tờ giao cho phường quản chế. Có nghĩa là chỉ tạm trú, chưa thực sự có hộ khẩu, và mỗi tháng phải ra công an phường trình diện.

Về nhà, con thì còn nhưng vợ mất. Cái giường của anh đã có một thằng cha khác nằm chung với vợ anh. Giang sơn của anh là cái ghế bố, mỗi tối đem ra kê ở phòng ngòai, sáng phải dậy sớm, xếp ghế bố lại để trả chỗ. Quần áo thì đâu có nhiêu, vỏn vẹn chỉ hai bộ mang từ trong tù về, với vài thứ lỉnh kỉnh, lưỡi dao lam để cạo râu, cái bàn chải đánh răng.

Chắc vợ anh tưởng anh sẽ không bao giờ về, sẽ chết rục trong tù. Chị nghĩ vậy cũng không phải quá đáng. Bạn anh, nhiều người đâu có về mà nằm sắp măng ngoài bìa đồi, có người không ai khắc cho cái tên nên vợ con có được phép đi thăm cũng khó khăn lắm mới tìm ra. Vợ anh, cũng tưởng có ngày phải đi ra bìa đồi để tìm kiếm một miếng đất u lên như vậy, với lại cũng quá khổ, quá cô đơn, nên phải chắp nối với một người đàn ông. Hắn đã lớn tuổi, lại có chỗ dựa lưng, còn cho chị tiền để chi nên chị đỡ phải bị phiền lụy nhiều vì có chồng đi học tập.

Quên sao được bữa mới được tha về. Anh bước vào sân, hồi hộp gõ cửa. Lâu rồi, xấp nhỏ đi theo một bà cũng thăm chồng, ở chung xóm, nói là má bị gãy chân, không đi lại được. Vợ anh gãy chân ra sao? Anh bước vô nhà tới nơi rồi này. Anh sẽ ôm cái chân gãy của chị, vuốt ve nhẹ nhàng, có thể sẽ khóc nữa. Vì chắc chắn chị cũng khóc, nước mắt mừng tủi thâm tình nghĩa chồng vợ sẽ hòa với nhau, rơi trên đốt xương chân bị thương của chị.

"Ba. Ba... A Ba..."

Hai đứa con trai mở cửa reo lên. Bất ngờ quá mà. Anh ôm chầm cả hai đứa bằng hai cánh tay gầy guộc.

"A, ba về, ba về..."

Ôm nữa. Hai đứa làm như anh bằng giấy, bằng bột, sẽ tan biến mất. Thằng lớn dụi mắt, tưởng bị hoa:

"Ba thiệt hôn? Sao ba về mà không báo trước..."

Thuận vội vã:

"Má con đâu? Há, bả đâu?"

Anh chờ để nghe giọng nói của con: "Má ở trỏng, ba. Ba vô đi..." Và chúng sẽ kéo anh tuồn tuột, anh bước theo không kịp chúng, và anh thấy chị đang ngóc cái đầu ra, ngong ngóng chờ đợi anh. Rồi anh....

"Má...Ờ, má chưa về, ba."

Thằng nhỏ:

"Má đi công chuyện, ba."

"Má bây đi được? Bả đi lại được..."

Không thấy đứa nào trả lời. Hai đứa ngó nhau. Chuyện gì đây?

Anh ôm cái bọc quần áo đi vào trong. Anh còn nhớ như in, chỗ nào kê cái giường ngủ, và tấm màn vải hoa che kín phía ngoài. Cái màn vải do chính tay chị tự may bằng tay và cả anh cả chị rất hài lòng khi chọn lựa. Tất cả còn y nguyên, chỉ có cái màn vải hoa cũ đi nhiều quá, bị ố, bẩn và có nơi sờn mục. Anh vén tấm màn qua một bên. Đặt lưng nằm xuống đó, ôi hạnh phúc xiết bao. Cái giường, cái chỗ gối đầu, căn nhà, vợ anh, con anh...

Anh còn nhớ, lúc đó chiều mới xuống, còn sáng lắm. Chiếc chiếu hoa ngày xưa đã thay vào một tấm nệm dày, có khăn trải đàng hoàng. Và anh đứng chết sững, trên giường, có một cái quần đùi đàn ông đang để cẩu thả. Và nữa kìa, nơi cây đinh đóng trên tường phía cuối giường, treo một cái áo sơ mi đàn ông. Anh đã hiểu. Cái đầu choáng lên một cái, rồi ruột anh quặn đau. Bao năm tù đày, anh đã tập được một điều là bất cứ chuyện gì, giận dữ, bi thảm, đều phải nuốt xuống, nuốt xuống...Anh đã phải nuốt xuống quá nhiều, lần này thì nó cứ mắc ở cổ họng.

"Ba. Ba."

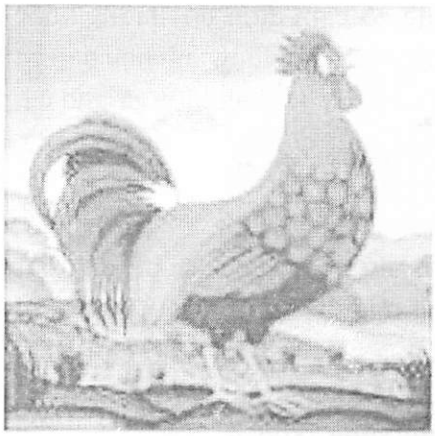

Anh có nhìn thấy hai đứa con mặt mũi xanh le xanh lét, đứa nhỏ còn như muốn run. Anh vày vò mé tấm màn trong tay. Cũ quá rồi, nó sút chỉ ra và rách bựt, có ít chút bụi mủn trong lòng tay anh vẫn còn nắm chặt. Anh phải thả nó ra. Thả ra. Và anh buông ra được. Thả ra rồi, anh hụt hẫng, không thấy hai bàn tay đâu nữa. Nhưng anh biết còn hai cái chân, hai cái chân muốn bước.

"Ba. Ba. Ba ơi!"

Anh cắm đầu bước đi, bỏ mặc tiếng gọi thảm thiết của hai đứa con đằng sau lưng. Kêu không được, chúng chạy theo:

"Ba ơi, đừng đi. Đừng đi ba..."

Anh vẫn đi. Hai đứa nhỏ òa khóc. Rồi cứ vừa khóc vừa bước lẽo đẽo sau lưng anh. Làm như anh là chiếc quan tài, còn hai đứa nhỏ đang khóc lóc đằng sau đưa đám ma anh. Thì dù chưa nằm trong quan tài, anh khác gì một xác chết. Hai chân cứ bước, còn đi tới đâu, sẽ làm gì, anh hoàn toàn không biết!

Nhưng rồi anh phải biết. Tờ giấy lệnh tha của anh còn nằm trong cái bọc anh đang ôm trong tay. Tờ giấy chỉ ghi một địa chỉ. Trừ phi anh can đảm chết đi thì không còn gì để nói. Nhưng rõ ràng anh

không có cam đảm đó. Tiếng khóc của hai đứa nhỏ sau lưng anh như dao cắt nát từng khúc ruột. Anh hiểu là anh cứ phải sống, và nếu còn muốn sống , không cách gì không về cái địa chỉ đã ghi trong tờ giấy lệnh tha.

Hai đứa con thu xếp để anh gặp vợ. Cũng ngay tối hôm đó thôi. Người đàn ông đưa chị về rồi bỏ đi. Đến chết anh cũng không quên được vẻ mặt thất thần, sượng sùng, khổ đau của chị. Chị sụp xuống dưới chân anh:

"Anh Thuận. Anh đừng nhìn em vậy. Anh giết chết em đi."

Mắt anh nhìn chị làm sao? Hung dữ? Hằn học? Thù hận? Dịu dàng? Hình như quá dịu dàng. Làm sao không thể chia sẻ với người vợ ánh mắt trìu mến nhớ nhung của bao năm trời xa cách. Anh còn muốn ôm chầm lấy chị, muốn khóc. Cả hai cùng khóc cho trôi bớt những tủi hờn, nhục nhã. Nhưng hai bàn tay của anh không còn tuân theo cái đầu của anh, nó như đã rời khỏi thân thể anh rồi!

"Ôi!"

Anh chỉ kêu lên được tiếng đó. Rồi thôi. Anh ngồi như pho tượng đá, nghe chị kể lể, khóc lóc. Có lúc anh nghe rất rõ, có lúc tai anh lùng bùng, trí anh đi đâu, và có lúc anh giật mình như hụt chân, sắp rơi vào vực thẳm. Có lúc anh bật cười khan, có lúc mắt anh rươm rướm lệ, rồi khuôn mặt anh hóa đá.

Hai đứa con đã vứt ra ngoài biển đông, phó mặc cho giông tố và sự sống chết. Không được sống cũng không được chết, chúng vào tù. Một thân một mình, chị cầu cạnh khắp mọi nơi để con được thả ra. Nghe lời hứa hẹn, vay mượn tiền bạc để chạy vạy. Không xong, còn bị cán bộ lợi dụng làm nhục. Sau đó, hắn, người đàn ông đã nằm trên cái giường của anh ra tay nghĩa hiệp, cứu vớt người phụ nữ bơ vơ. Bỏ tiền chuộc hai đứa nhỏ, và bao bọc luôn người mẹ. Chị vẫn lo thăm nuôi anh đều đều, do đứa con lớn mang lên trại tù.

Anh còn nói gì được nữa. Hắn cũng đã góp vào những món ăn thăm nuôi mà anh đã nhận, đã ăn. Bữa cơm cho con anh ăn bao nhiêu năm nay, hắn cũng có góp phần. Anh nhìn chị, thấy chị ốm đi nhiều, mặt mày xanh xao, đôi má ngày xưa đầy đặn nay đã hóp vào. Chị không cười, nhưng anh cũng biết là chị đã mất mấy cái răng. Chị đã hết thời xuân sắc quá sớm.

Nhà dài kiểu hộp, chia được ba phòng và bếp. Chị đã cho một cặp vợ chồng già, con cái đi vượt biên hết trơn thuê một phòng. Họ được xử dụng bếp chung và đi bằng lối cửa bên hông. Căn phòng này nối với bếp, có một phần lộ thiên sáng sủa. Phòng giữa là phòng của anh chị hồi đó. Còn bây giờ, hai đứa nhỏ ở phòng ngoài cùng. Có hai bàn học ọp ẹp. Buổi tối, sau khi mọi người đã đi ngủ, hai đứa mới bày hai cái ghế bố ra để nằm. Bàn thờ tổ tiên cũng biến đi đâu mất, anh còn nhớ trên bàn thờ có bộ lư hương, chân đèn bằng đồng từ đời ông cố ông sơ, đến đời anh. Bức ảnh ông sơ ngồi như quan đại thần, được lồng trong tấm khung bằng gỗ mun chạm trổ mà cha anh rất quý, cũng biến. "Bán hết rồi ba, hồi trước ba mới đi tù, ở nhà chẳng có gì ăn hết trơn..."

Anh còn biết đi đâu trong những ngày đầu tiên. Thằng cha cũng ý tứ, mấy ngày không về nhà ngủ. Chị thì đi suốt ngày,

làm như cố tránh mặt anh. Chị có đi gặp "hắn" không? Gặp ở đâu? Nhiều khi trong đầu anh dấy lên sự thắc mắc.

Ban đêm, khi hai cái ghế bố ngả xuống, hai đứa con ép nhau nằm một ghế, trở đầu trở đuôi, anh nằm một ghế. Căn phòng vuông vức, có một cái bàn dùng tiếp khách và làm bàn ăn luôn, hai cái bàn học, và hai cái ghế bố khi bày ra, do sự trăn trở của người nằm, chúng cũng bực dọc hích nhau hà rầm. Còn chị, lúc này thì một mình, nằm ở phòng trong. Anh biết, nhiều đêm chị đã khóc suốt vì sáng ra, hai quầng mắt chị sưng vù, bầm tím.

Qua chừng một tuần, anh dịu lại. Anh gọi chị, nói nhẹ nhàng, nhưng muốn kêu tiếng em cũng không thể nào thoát cái tiếng đó ra được ngoài cổ họng:

"Bà đừng vì tui mà phiền hà cho bà quá. Bà cứ nói với... người ta về nhà mà ngủ. Đừng để tui thành một cục nợ cho hai người."

Thằng Út, có vẻ khá nhiều tình cảm với hắn, nói vô:

"Phải đó má, chú Tám không về con cũng nhớ. Ba, Ba, chú Tám rất thương con, mua quần áo, giày dép sách vở cho con. Chú Tám còn đưa con vô sở thú coi khỉ nữa."

Anh cay đắng. Còn vô sở thú coi gì nữa, trong nhà có hai con khỉ già coi chưa đủ sao. Nhưng nghĩ điều ác trong bụng mà không nói ra lời. Anh cũng cảm thấy vướng víu. Hình như về một mặt nào đó, anh còn phải cám ơn hắn.

"Đừng ngó tui vậy. Tui nói thiệt với... bà đó. Bà biểu người ta về đi. Còn không tui dọn ra riêng..."

Nói vậy nhưng anh biết điều đó không làm được. Còn cái hộ khẩu. Đã đi trình diện phường, công an phường dặn kỹ, mỗi tháng tới trình diện một lần. Không được đi ra khỏi ngoại ô qua đêm. Nếu sai trái thì cắt luôn tạm trú.

"Hay em... hay tui lấy lại cái phòng sau để anh ở tạm. Khi hết hạn quản chế rồi thì... tính."

Anh cười chua chát:

"Ở đằng sau hay đằng trước cũng trong nhà này. Căn nhà này là...."

Anh muốn nói căn nhà này là anh mua trước kia. Nhưng anh ngăn lại kịp. Nói như vậy thật không đàn ông chút nào. Anh bị tù đày, chị thân cô thế cô, đáng lẽ đã phải bán căn nhà này lâu lắm rồi, nếu không nhờ hắn...

Hồi còn ở trong tù, một bạn tù biết tin vợ ở nhà đã lấy chồng, anh bạn tuyệt vọng muốn chết. Anh khuyên: "Mình phải hiểu cảnh các bà ở ngoài. Mình ở tù là yên phận tù rồi, còn các bà phải đối mặt với bao nhiêu điều, mà một mình yếu đuối, đôi khi không chống chỏi nổi..."

Hoàn cảnh người ta thì anh cảm thông. Còn hoàn cảnh vợ mình? Anh đã nghĩ bao đêm nát óc rồi mà. Nhưng chị nhất định không là không. Anh biết là trong lòng chị vẫn còn thương anh. Nhưng anh không thể ở không trong nhà, không làm gì hết. Mấy ngày anh ăn cầm hơi, nghĩa là không ăn cơm trong nhà. Thằng con đầu tuy chưa tới tuổi trưởng thành, nhưng thương cha, tự ý đi mua bánh mì, xôi, bánh giò:

"Tiền riêng của con, con mua cho ba ăn đó."

Anh ôm con. Chính anh mới là người bất lực, không bảo vệ được vợ con. Anh mới là người có lỗi. Để chuộc lại, anh làm gì cho chúng đây? Phải đem chúng đi khỏi nơi này, đi thật xa, cho các con làm lại một đời khác, sống một kiếp khác.

...

Sau cùng anh gặp một người bạn cũ. Anh đi tìm một người bạn cũ khác, nhưng không gặp. Lúc ra hẻm thì thấy một người đàn ông gánh hai cái thúng đầy những thứ lỉnh kỉnh, giấy báo, chai lọ, bao ni lông, cả mấy cái thau nhôm cũ... Theo anh là một người đàn bà, vừa đi vừa rao:

"Ai có bao ni lông, đồ nhôm, giấy báo, quần áo cũ bán... khô..ông?"

"Bà con cô bác ai có giấy báo, bao ni lông...."

Anh không nhận ra người đàn ông mà nhận ra người đàn bà. Trước đây là vợ một người bạn cũ khá thân. Anh ta cũng đi học tập. Còn bây giờ, chị đang ra sao đây?

"Chị Hồng? Phải chị Hồng không?"

Người đàn bà chậm bước, có vẻ hơi khựng:

"Tui... phải rồi. Sao ông biết tên tui."

"Chị Hồng ơi! Thuận đây. Thuận "rằn ri" đây."

"Ui cha, mèn ơi! Anh Thuận. Làm sao nhìn ra anh."

Người đàn ông vội đặt hai cái thúng xuống, mặt vui mừng nhưng có vẻ trầm tĩnh:

"Thì vậy. Còn tui, ông cũng nhìn không ra mà."

"Thọ. Phải Thọ không?"

"Thì Thọ, chồng tui. Ông tưởng tui đã bỏ ông Thọ lấy người khác chớ gì. Trời đất, có bỏ chồng thì cũng lấy một thằng cha ngon lành, chớ anh Thuận coi, thằng cha đi học tập về thân tàn ma dại như vậy đó. Chỉ có tui hổng chê ổng thôi."

Tim anh thót lại. Hai anh chị đi buôn bán ve chai, chồng gánh vợ rao, coi có cực khổ mà cũng hạnh phúc quá. Còn mình? Anh cố gắng nuốt tiếng thở ra.

"Mèn ơi. Đâu có ngờ gặp nhau chớ. Mấy ông đi học tập nhiều ông không về. Vậy đâu phải mình tui hên có lại ông Thọ, mà nhiều bà cũng hên nữa... Ha, từ ngày mấy ổng vô, mỗi nhà tan nát mỗi kiểu, tui chưa hề gặp chị Thuận đó nha... Bả khỏe hôn?"

Anh lừng khừng:

"Ờ... thì cũng... cũng khỏe."

"Khỏe là được rồi. Chỉ cần khỏe là hai cái chưn chạy được ra đường kiếm cơm kiếm củi...Ôi, mình đáng gì, mấy bà tướng bà tá cũng đứng chợ trời, thiếu giống!"

Thuận nhớ ngày xưa, Thọ nói nhiều, hay đùa, nói chuyện tếu, còn Hồng thì lúc nào cũng nghiêm nghị, ít lời, bây giờ đổi ngược lại hết.

Lát sau cả ba ngồi quán cóc uống cà phê. Thấy quán vắng, Thọ thì thầm tâm sự:

"Tụi này lo gom đủ tiền, cũng tính..."

Thuận gật đầu. Nói chừng đó đã đủ hiểu hết từ trong tim gan phèo phổi của bạn. Thuận cũng kể hoàn cảnh của mình cho bạn nghe. Thân nhau từ ngày còn nhỏ. Lúc Thọ lấy vợ, Thuận cũng hết lòng lo đám cưới cho bạn. Thọ lắc đầu, còn Hồng thì nước mắt rơm rớm:

"Mèn ơi! Vậy thì khổ quá, chịu gì nổi. Nếu là tui..."

Thọ nhăn mặt:

"Mỗi người một hoàn cảnh, em đừng có... nhiều chiện. Bây giờ phải nghĩ cho anh Thuận một cách gì để kiếm tiền...."

Chị Hồng:

"Rồi. Tui nghĩ ra. Đã nói chiện gì ông cũng chậm hơn tui mà, nhất là từ ngày đi cải tạo về, cứ làm như tiên ông bị lạc xuống núi đó anh Thuận. Tui nghĩ vậy nè, ở nhà tui còn cái cân cũ, tui cho anh. Sau đó, sắm gánh gióng, anh cũng làm nghề ve chai. Ý cha, lóng này người ta mua đồ sắt đồ đồng nhiều lắm nha, mảnh vụn, ve chai đang trúng mối."

Không đợi cho Thuận suy nghĩ mông lung, Hồng quyết định:

"Vậy đi. Trưa mai, tụi mình cũng hẹn nhau tại đây. Được rồi, tui mua luôn cho anh gióng thúng, đòn gánh, đưa anh cái cân luôn... Anh định nói gì? Hổng được. Mình giúp nhau, có qua có lại mà, hồi...anh cũng giúp anh Thuận nhiều rồi, nghe anh kể...."

"Hồi trước khác, bây giờ khác...."

"Khác là khác với ai kìa, chứ người mình thương nhau hổng hết. Anh Thuận à, khi nào ngặt quá anh cứ tới nhà tụi này..."

Chị lại ngừng. Thời buổi này ai dám chứa ai. Nửa đêm, gần sáng, ban trưa, giữa chiều, đập cửa ầm ĩ: Kiểm tra hộ khẩu. Chứa chấp người không có tên trong hộ khẩu, người đó khổ đã đành mà mình cũng "hậu" khổ luôn. Chị Hồng nói trớ đi:

"....tới tụi này... ăn cơm".

Thấy Thuận có vẻ ngượng nghịu, khó xử. Thọ nói:

"Bà nói ít chút được hôn? Anh Thuận, tụi này có chút dư, ra vốn cho anh mượn rồi sau này anh trả lại, mất mát đi đâu mà lo."

Thuận cắn môi. Vậy là trưa hôm sau, Thuận có quang có gánh và bắt đầu hành nghề. Thọ đưa cho Thuận một số vốn nhỏ để mua hàng. Chiều tối Thuận ghé nhà Thọ đổ hàng rồi vợ Thọ sẽ gom chung lại với hàng đã mua đem tới vựa bán lấy tiền. Mấy ngày đầu đi rục cả chân mà Thọ không mua được bao nhiêu vì anh không biết rao, cất tiếng lên thì ngượng nghịu. Nhiều lúc buổi trưa, ba người cũng gặp nhau nghỉ chân ở quán cóc, nghe anh kể về sự vụng về của mình, chị Hồng cười:

"Bị anh hiền quá mà. Cứ bị mấy con mẹ ve chai giựt mối chớ gì. Gặp tui là "xui tận mạng" đó nha."

Thọ cười mím, lắc đầu:

"Lóng này bả chửi hay lắm đó."

Thuận thấy thương chị Hồng quá. Mới đây là một người đàn bà đằm thắm, không biết một tiếng nói giỡn, nói đùa, con nhà nề nếp, vậy mà trong cuộc đổi đời đã biến chị thành một con người khác hẳn.

Một thời gian Thuận quen dần, bạo dạn hơn. Anh đã thay đổi lối rao mua hàng. Anh thường đi vô sâu trong các hẻm, ngõ nghách và khi nhớ tới bộ lư hương, chân đèn nhà anh cũng gửi vô đám ve chai, anh cay đắng rao:

"Ai có lư hương, nhang đèn, bàn thờ ông bà ông vải... bán hôn?"

Mới nghe thì hỗn. Nhưng thấm lắm. Dân nghèo trong hẻm nhìn anh cười thiện cảm. Mấy ông già đi ngang vỗ vai anh, kéo anh vào nhà mời uống nước. Uống nước xong thì lục lọi giấy báo, bao ni lông, còn nói:

"Chỉ còn chừng đó thôi. Bàn thờ ông bà ông vải bán lâu rồi!"

Một hôm anh đang rao:

"Bà con cô bác ơi! Ai có lư hương, nhang đèn, bàn thờ ông bà ông vải... bán..."

Thì một bàn tay đập vào vai anh. Anh quay lại đụng ngay bộ quần áo vàng của công an. Hắn đang cưỡi xe đạp và làm như rà rà theo anh lâu rồi. Anh dừng lại, xe đạp cũng dừng, nhưng hắn ngồi trên xe đạp.

"Giấy tờ?"

Mặt gườm gườm như sắp giết người, giọng dấm dẳng khó nghe. Hắn cầm tờ lịnh tha, lật ngược lật xuôi coi một hồi làm như sợ giấy giả.

"Còn quản chế sao "nại" dám bán buôn? Tội đáng đi tù cải tạo "nại"."

Thọ và Hồng đã chỉ cách cho anh. Mời điều thuốc, dấm dúi ít tiền. Tên công an trả tờ lệnh tha. Không nói là anh trái luật gì cả, vì nếu không có bọn buôn bán ve chai làm trái luật thì chúng tiền đâu mà vơ vét!

"Thôi đi đi."

Chờ hắn đi khuất, anh lại cất tiếng rao lanh lảnh:

"Ai có bàn thờ, khung ảnh ông bà ông vải bán khô... ông....?"

Rồi anh bật cười khan, hơi hạ giọng nhỏ xuống một chút:

"Ông bà ông vải bán không?"

Một ông cụ già, giữa trưa mà bắc cái ghế ngồi phơi nắng trước nhà, ở trần, chỉ có cái quần đùi vải thâm, nghe anh rao thì gọi:

"Có, còn cái bát nhang mua không?"

Anh gật đầu. Ông lão mang cái bát nhang bằng đồng ra. Anh giật mình, sao giống cái bát nhang của cha anh để lên bàn thờ trước đây y chang vậy!

"Bao nhiêu, cụ?"

"Chẳng biết tính giá bao nhiêu nữa. Hồi thằng con tui đi cải tạo về, bịnh chết. Rồi..."

"Rồi sao, cụ?"

" Thì chết ngắc. Thiệt là xấp ngửa, hổng có tiền mua áo quan, bó chiếu đem thiêu. Lấy chút tro bụi bỏ vô cái hũ kia kìa..."

Thuận nhìn lên cái bàn ghép bằng bốn cái chân gỗ và một miếng ván, ọp ẹp. Chắc có cả ngàn con mối đục ở bên trong. Hũ gì đâu? Là một cái lon gui–gô cũ mèm. Một cái dĩa nhựa để ba thì mười họa có một trái quả gì đó.

"Bữa đám ma hàng xóm tới coi... hổng phải coi đám rình rang có thằng thổi kèn tí toe mấy bài giựt xương sống đâu nghen. Mà coi cái... nghèo, cái thảm, cái đói. Rồi con mụ làm nghề ve chai trong xóm đem cho cái bát nhang này, nói là đồ xưa. Đồ xưa sao đem cho. Chớ hôn, tui cũng cân kí lô bán với đồng vụn, sắt vụn. Thời buổi này, có cục vàng đổi lon gạo cũng hổng có, bo bo hôn à, báu gì. Tiên sư nhà... tui!"

Thì chửi vậy. Chớ tiên sư nhà nó là có một thằng lòi mặt ra, hăm dọa thưa phường xóm cũng khổ hết biết. Là thành ngụy, phản động liền.

Ông cụ với tay đóng cửa lại, cho ăn chắc. Nhưng ăn chắc gì chớ. Bụi tre có lỗ tai nghe. Thằng hàng xóm để lỗ tai trong vách tường báo cáo lấy điểm. Thuận lớn giọng:

"Cụ bán nhiêu, tui mua."

Một giá rẻ mạt. Lúc đầu mới nghe, Thuận mừng thấp thỏm, nhưng chỉ vài giây sau, thấy trong lòng có chút ân hận, mình đã mừng vì mua giá rẻ đối với một người nghèo khổ, tuy không ép, nhưng thấy không ổn tí nào.

"Tui bán đi để lâu lâu mua cái quả, miếng xôi cúng nó. Chớ đã không mua được nhang thắp thì để cái lư hương làm gì cho chật chỗ."

Ông cụ nói lạ kỳ không. Bàn thờ rỗng hoách. Quên chưa nói tới cái khung ảnh nhỏ xíu, trong lồng hình một cậu bé chừng mười ba tuổi. Thuận hỏi:

"Sao cậu ấy nhỏ con quá vậy? Có phải cậu ấy không?"

"Là nó. Đâu có cái hình nào lúc nó lớn đâu. Từ lúc bả chết, tui cho hai vợ chồng đứa cháu về ở chung, chúng nó cũng nghèo mạt rệp. Thấy miếng giấy vụn nào là vơ vét đem bán, riết trong nhà còn tờ giấy gì đâu. Những tấm ảnh chúng nó lồng vào giữa giấy báo để cân cho thêm kí lô. Tìm lỏi con mắt, được có tấm đó... Chiện là vậy."

Thuận trả tiền, còn "boa" thêm cho ông cụ chút đỉnh. Ông cụ trợn mắt, làm như Thuận là người ở trên trời hay dưới âm phủ lên, còn lũ nghèo đói nhân gian đâu có ai xài sang vậy.

Để gói cẩn thận cái lư hương, anh phải hy sinh một tờ giấy báo. Lúc về tới nhà, anh lại cẩn thận kiếm mớ giẻ rách quấn quanh, rồi bọc báo quấn lại. May mà cái lư hương hơn cỡ cái chén ăn cơm, anh còn có thể giữ được.

Đêm, nằm ngủ trên ghế bố, để cái lư hương gói kín phía một bên đầu, anh cảm thấy như còn chút gần gũi với tổ tiên, ông bà cha mẹ đã qua đời.

Ai ngờ, vì cứ đi rao mua "đồ đồng, lư hương khung ảnh bàn thờ ông bà ông vải", mà anh kiếm gặp được vật kỷ niệm thờ cúng của gia đình từ thời ông cố ông sơ.

Không biết có phải các cụ cảm kích, thương tình không, mà từ ngày đó anh ăn nên làm ra. Rồi một hôm, hai vợ chồng Thọ rủ anh đóng "cây" đi vượt biên. Số tiền dành dụm chỉ vừa đủ cho một chỗ. Anh rứt áo ra đi, để hai đứa con lại.

Tổ tiên phù hộ. Anh tới nơi an toàn. Được vào Mỹ. Anh ôn lại tiếng Anh mấy tháng rồi xin việc làm. Bất kể việc gì anh cũng làm, hai job, ba job, lãnh việc về nhà làm thêm ban đêm. Các con của anh ở Việt Nam đã có thùng quà. Anh thi quốc tịch và bảo lãnh cho hai đứa con sang ở với anh.

Thọ và Hồng cũng đã có một cửa hàng. Họ vẫn thăm gặp nhau. Lúc Thuận mua được căn nhà ở khu Garden Grove, mời vợ chồng Thọ tới ăn cơm. Hồng thấy cái cân đi buôn mua ve chai của chị cho Thuận bày trang trọng trong tủ kính. Bên trên tủ kính là bàn thờ, tất cả đều chưng bày những đồ đẹp, từ bộ lư hương, chân đèn bằng bạc, tới đèn hoa sen bằng điện chiếu đủ màu, có một cái bát nhang bằng đồng cũ mèm. Bát nhang đầy cứng chân hương. Hồng hỏi:

"Tất cả đồ đẹp, mới, sao anh không thay cái lư hương cũ đó đi. Nó nằm ở giữa những thứ đó trông không hợp."

Thuận cười:

"Nhưng nó hợp với tôi. Cám ơn anh chị đã truyền nghề ve chai cho tôi. Nhờ đó mà tôi tìm được một vật của tổ tiên tôi đã thất lạc."

Đứa con nói theo:

"Cô Hồng à. Có bữa, ba còn thắp nhang, lạy lạy cái đó nữa kìa. Nó thấy ghê..."

"Cái gì?"

"Thì nó. Nó ở trong tủ."

Nó là cái cân. Thằng bé chưa khi nào thấy hoặc nghe ba nó rao hàng đi mua đồ cúng bái, ai bán bàn thờ ông bà ông vải không.

...

Vậy mà Thuận đã ở Mỹ được mười lăm năm. Như đã qua một kiếp người khác. Hai đứa con, bây giờ là tên Mỹ, Kevin và John. Hồi trước, anh thường gọi hai thằng là cu Anh và cu Em. Lúc đầu chị nghe thấy chướng tai, ngượng lắm, nhưng riết rồi hai vợ chồng thấy hai cái tên dễ thương, đậm đà như tình yêu của anh chị.

Thời gian này, Thọ và Hồng tới thăm hai đứa nhỏ đều đặn lắm. Anh cảm kích hai vợ chồng bạn rất nhiều. Hai đứa con thiếu tình mẫu tử, đã dựa vào cô Hồng. Thì gà trống nuôi con mà! Anh lại vụng về, còn nghiêm khắc. Hai đứa nhỏ chưa bao giờ dám làm phật lòng anh.

Thời gian gần Tết, Thọ tới chở Thuận ra quán cà phê. Lâu lâu Thuận và Thọ đều thích vậy, ngồi nhâm nhi cà phê, ăn bánh ngọt, có thì giờ để nhắc lại không biết bao nhiêu chuyện đời trước ở Việt Nam. Hôm nay, hình như Thọ có điều gì muốn nói, nên khi Thuận nói phải về thì Thọ giữ lại. Thuận ngạc nhiên:

"Giờ này ông chưa về đón mấy đứa nhỏ?"

"Bả lo rồi. Bữa nay tôi có chút chuyện nói với anh..."

"Chuyện gì? Sao bí mật quá vậy?"

Thọ cười, đưa cho Thuận thêm điếu thuốc:

"Hỏi thiệt nghe, có khi nào cậu còn nhớ tới người vợ ở bên kia không?"

Có? Không? Nhiều phần là có. Nhưng chuyện đời trước, kiếp trước qua rồi. Không muốn nhớ, không muốn nhắc."

"Chị ấy rất tội."

"Thì tôi có oán trách gì đâu! Nghĩ cho cùng thì mỗi người có một số mạng... Bà ấy... đã nói thôi không nhắc thì không nhắc."

"Trước đây vợ chồng tôi cũng đồng ý là không nhắc lại với anh, nhưng bây giờ đến lúc phải nhắc."

Thuận ngạc nhiên:

"Tại làm sao?"

Thọ kể, vợ anh đã vượt biên, đến đảo. Thằng Kevin được tin, sợ anh không dám nói nhưng có cầu cứu vợ chồng tôi. Tôi có chỉ vẽ cho nó gửi thư qua đảo, làm giấy bảo lãnh và hiện nay..."

Thọ nhìn Thuận như dò phản ứng, rồi nói nhanh:

"Bả đang ở Mỹ."

Thuận thấy chới với. Cái đầu như ngất đi một giây rồi tỉnh lại, yếu đuối, bàng hoàng. Thọ tiếp:

"Anh đừng xúc động. Vợ chồng tôi có lỗi là đã giúp các cháu mà dấu anh. Nhưng anh hãy nghe tôi giải thích."

Theo lời Thọ kể, người chồng sau của vợ anh đã chết sau một thời gian ngắn khi hai đứa con anh qua Mỹ. Cái chết có nhiều khả nghi, người thì nói tự tử, người thì nói bị ám sát. Ông ta có làm ăn, móc ngoặc, có ân oán giang hồ, và cái chết của ông là rớt từ trên lầu cao xuống. Vợ anh đi vượt biên, đến đảo, liên lạc với thằng con lớn. Thằng Kevin đã bảo lãnh được mẹ nó vào Mỹ.

"Tôi có nói với chị là liên lạc với anh, nhưng chị nói thôi, thôi. Chúng tôi đã hết rồi. Lỗi về phần tôi. Chị ấy bây giờ sống tội lắm, không đi đâu, không giao thiệp với ai. Chị chỉ đi chùa, chùa nào cũng đi... Cả tháng nay rồi!" Thọ nói lửng lơ, rồi yên lặng nhìn anh.

Lòng anh có mềm đi. Hèn chi hai thằng con, mùa lễ Giáng Sinh vừa qua, nhất định xin đi Florida ăn lễ do gia đình người bạn mời. Chúng nó đã đi gặp mẹ mà dấu anh.

"Tụi con đi chơi trước để Tết ở nhà với ba."

Ha, thì ra anh là một thằng khờ, hết vợ gạt, con gạt rồi bạn gạt. Nhưng anh cũng không có lý do gì trách Thọ.

Anh trở về nhà. Lúc lái xe qua phố, anh thấy đã có một vài chỗ bày bán hoa. Tết cứ từ từ mà tới, anh không biết vì lòng anh đã không có Tết từ lâu rồi. Nhưng hôm nay sao trong lòng anh là lạ, như có cái gì mới mẻ len lén nhen nhúm trong anh. Anh bước vào nhà, hai đứa con trai, đã tự lo xong bữa ăn chiều. Ba cha con ngồi ăn cơm. Kevin nói:

"Ba à. Con muốn sơn lại nhà cửa."

Anh cao hứng:

"Rồi mua cây chưng trong nhà, mua hoa trồng trước sân. Ừ, mình phải sửa sang nhà cho đẹp."

Hai đứa con ngó nhau như thầm hỏi "chiện" gì đây?

"Và ba có chuyện nói với con."

"Ba, ba nói đi."

"Ba báo cho con một tin vui. Ba sẽ đem về cho con một bà mẹ... mới toanh."

Hai đứa lại ngó nhau. Kevin hầm hầm:

"Không được đâu ba."

Thằng em:

"Lấy vợ thì ba dọn đi nhà khác. Chúng con không ở với ba."

Tự nhiên anh vọt miệng:

"Sao hồi đó má bây lấy người khác, tụi bây không bỏ đi ở chỗ khác?"

Kevin đã lớn rồi, đủ lý lẽ để bào chữa cho mẹ:

"Ba à, hồi đó khác. Hồi đó, má con vì hai đứa con. Má con có thể chết, có thể cắt thịt cho con ăn, nhằm nhò gì chuyện có một người đàn ông để giữ ba mạng người."

Ôi thằng con. Nó đã lớn. Lớn hơn cả anh nữa. Kevin tiếp:

"Tụi con thán phục ba vì cách ba cư xử tốt đẹp với má, chớ không..."

"Chớ không thì sao?"

"Tụi con ở lại cùng chịu khổ với má."

Anh đặt bát cơm đang cầm trên tay xuống bàn, nghiêm trang nói:

"Hai con nghe đây. Ba đã nhất quyết rồi. Ba không thể ở một mình mãi, ba già rồi..."

"Già rồi mà còn ham lấy vợ. Sao không cưới vợ cho con đi."

"Con cũng phải cưới vợ. Nhưng ba muốn con có một người mẹ..."

"Con không muốn một người mẹ nào khác nữa ngoài má con."

Anh cười, nhìn con âu yếm:

"Thì bởi vậy nên ba sẽ đón... đón ai tụi con biết không?

Hai cái mặt lại ngơ ngác, anh nói mau:

"Đón má con. Má ruột của tụi con."

Mặt hai đứa tái ngắt. Đứa này nhìn đứa kia, há hốc mồm.

"Ba biết hết rồi, sao tụi con dấu ba?"

"Con... con"

Thằng lớn nghẹn lời. Anh nhìn hai đứa con bằng con mắt dịu dàng, thương yêu, giống cái nhìn lần đầu tiên với chị, trong ngày cưới.

"Ba mới biết đây. Các con hư lắm. Má con sang đã cả tháng mà vẫn dấu ba..."

"Ba, ba, tha lỗi cho chúng con."

"Chúng con không có lỗi. Chỉ có lỗi dấu ba thôi."

"Ông ấy đã chết. Má con ở một mình."

"Ba biết. Đưa cho ba số điện thoại. Tối nay ba gọi má con. Ngày mai mình sửa nhà, trồng cây, ăn Tết lớn."

"Ô Ba. Thiệt há Ba. Thiệt hôn Ba?"

Hai đứa con bỏ ghế đứng dậy ào qua phía anh, ôm chặt lấy anh. Hai đứa con bật khóc. Anh cũng khóc. Ba cha con ôm nhau khóc vùi. Bao nhiêu năm trái tim anh ngủ miết, bây giờ mới hồi sinh thức dậy...

Trước khi gọi điện thoại cho chị, anh chải đầu, soi gương. Anh mở cửa sổ, thấy như có chút gió xuân lùa trên mớ tóc bạc của anh. Anh cầm điện thoại lên.

Bên kia đầu giây chuông reo, có người nhấc máy.

"Alo. Alo, anh đây. Anh đây."

Thuận chẳng nghe gì ngoài tiếng khóc.

■ *Nhã Ca*

THƠ HOÀNG BÍCH ĐÀO

Ngõ Tím

Bâng khuâng dừng bước dưới hàng phong,
Nghe lá xôn xao nhuộm nắng hồng,
Tưởng như phượng nở, mùa thu cũ,
Mà người năm ấy mắt vời trông.

Nhớ lắm đường trăng thu cổ tích,
Nụ hôn đầu bỡ ngỡ... men say,
Dấu xưa vời vợi niềm u uẩn,
Và mỗi hoàng hôn thương nhớ đầy

Chiều nay trở lại quãng đường thơ
Nhìn phượng bay bay, nhạt nhạt mờ
Ngõ tím người ơi bao kỷ niệm
Đường vào thu ấy nay bơ vơ...

Thôi hết rồi anh, người đôi ngả,
Duyên đời chưa thắm đã xa nhau!
Em đi nghe nặng hồn rưng rức,
Sương khói chiều nay bỗng nhạt nhòa

Hoàng Bích Đào

Nghề "Neo" và Phong trào "Xâm"

LÊ VĂN LÂN

AI LÀ THÁNH TỔ CHO NGHỀ "NEO" CỦA NGƯỜI VIỆT NAM?

- **Bằng cấp bộn bề chẳng bằng nghề "Neo"!**

Sách nho có câu: *Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh*. Nhưng người Việt mình lại nói nôm na là: *Ruộng tư bề không bằng có nghề trong tay*!

Ở Hoa kỳ, vào trong hai thập niên vừa qua, câu nói trên tưởng có thể đổi là: *Bằng cấp bộn bề không bằng nghề Neo*! (Neo tức là chữ Nail là móng chân móng tay mà người Việt dùng thông dụng). Thật đúng vô cùng vì một sinh viên tốt nghiệp PhD nói tiếng Anh như gió, giốp khó kiếm mà lương tiền không bằng một thợ làm Neo mới Việt Nam qua, Anh ngữ vừa đủ nói, làm việc cần cù, nhất là có thêm vốn mở tiệm gặp Tổ đãi nên đông khách, tiền bạc rủng rỉnh mua xe mua nhà bạc triệu trả Cash.

Nhìn lại Việt Nam, thời còn Nho học chỉ có vài ông đồ để móng tay dài như lá lan lâu lâu dùng nước chanh vắt để rửa cho trắng. Trong vòng mấy chục năm qua ở Việt Nam Cọng Hòa, các cô các bà hiện đại thì mới học đòi sửa soạn cắt dũa và sơn móng tay mỗi khi có tiệc tùng, nhưng họ phải tự làm lấy cho nhau chứ không đi tiệm manicurist như mấy bà đầm Pháp! Giới vũ nữ hình như trước đây mới dám sơn móng mầu đỏ chót nên mới có câu: đó là những "con mèo móng đỏ"! Tuy nhiên, phong trào làm đẹp móng tay móng chân càng ngày càng phổ biến ở miền Nam, đến nỗi khi Cộng sản ngoài Bắc mới vô, có tin đồn là họ rất ghét nên họ thế nào cũng lấy kềm mà nhổ khiến các bà các cô sợ hãi vô cùng. Trong một lần họp tổ địa phương, có một cán bộ công kích gay gắt thói sơn móng tay, nhưng một chị bán cá bèn đứng lên phản pháo một cách bất ngờ: Móng tay sơn ngó vậy mà giúp ích giới lao động tụi tui vô cùng! Móng tay để nguyên cả ngày dầm nước, bốc cá nên thâm xì thâm xịt, tanh ôm nhưng móng tay sơn thì chỉ rửa qua xà phòng là sạch ngay!

Bỗng thời thế đổi thay, ở Hoa kỳ trong vòng hai chục năm nay, nghề Neo trở

thành một dịch vụ hái ra tiền vì đó là một nhu cầu mới cho con người. Tóc tai thì vài tháng mới đi sửa soạn sấy uốn chứ móng của 10 ngón tay 10 ngón chân cứ độ hai tuần lại phải đi tiệm rồi, cứ như trồng rau thơm hai tuần, lại thu hoạch một lần !

- **Thợ Cạo còn có tổ sư, tại sao thợ Neo không có nhỉ ?**

Tôi nghĩ dân Neo Việt Nam làm ăn phát đạt thế nào cũng biết trọng đạo nghĩa tìm hiểu tổ sư ngành nghề của mình mà cúng vái tạ ơn, không lẽ chỉ cúng quải chuối xanh và xôi chè kèm lon Coca cho Ông Địa Mỹ, Nhưng tìm kiếm ai là người sáng lập đầu tiên ra nghề này hay cùng lắm ai là những thánh sư phò hộ, vấn đề không phải là chuyện dễ.

Người Việt mình bắt chước văn hóa Trung hoa nên từ lâu vẫn giữ phong tục cúng Tổ sư hay Thánh Nghiệp Sư. Tôi tra cứu thì thấy ví dụ như:

– ngân hàng thờ Tăng Phú Tài Thần

– tiệm thuốc bắc thờ Thần Nông, Hoàng Đế

– tiệm may thờ Hiên Viên Đế

– tiệm mộc thờ Sào thị, Lỗ Ban

– tiệm sách hay nhà in thờ Thương Hiệt, Văn Xương Quân

– tiệm ăn và tiệm rượu thờ Táo Quân, Nghi Địch, Đỗ khang

– tiệm bán trà thờ Lục Vũ

– tiệm bán sành sứ thờ Lão Quân

– tiệm đóng giày tờ Tôn Tẫn

– tiệm bán thịt thờ Phàn Khoái. Trương Phi

– gánh hát thờ Lão Lang thần

– nhà điếm thờ thần Bạch Mi Thanh Nhãn v.v...

Danh sách còn dài nữa, mà tôi chưa thấy ai là tổ sư của nghề làm móng tay dù là có một vài nghề lao động sản xuất tầm thường cũng thờ tổ, ví dụ như:

– nghề giặt ủi, nghề nhuộm thờ Mai Cát tiên

– nghề làm đậu hũ thờ Lưu An

– nghề bồi bếp, phục dịch thờ Đồng Tam Lang v.v...

Cuối cùng tôi lại thấy một nghề khá gần gũi trong việc chăm sóc tóc tai cơ thể cho người ta là nghề thợ cạo cũng có tổ! Sư tổ của thợ cạo, hớt tóc là ***La Tổ*** mà ngày húy kỵ (hay vía) là ngày 13 tháng 7 âm lịch và thánh sư phò hộ thợ cạo là ***Lữ Đồng Tân***. [Tương truyền La Tổ là tác giả cuốn sách *Chỉnh Phát Tu Tri* (Khi hớt tóc cần biết)! Còn Lữ Đồng Tân là người trong Bát Tiên được một ông vua nhà Minh cầu khẩn xuống trần cạo tóc cho mình vì da đầu rất nhạy cảm, ai cạo cũng rát.]

Có nên kết luận vội vã rằng nghề Neo là một chuyện quá son trẻ của thời hiện đại nên không ai làm tổ như kiếm ai là tổ sư ngành Computer vậy. Nhưng không, chuyện săn sóc móng tay có một chiều sâu lịch sử lâu đến 4000 năm!

- **Lịch sử của chuyện săn sóc nhuộm sơn móng tay ra sao?**

Lịch sử chép rằng ở vùng Babylonia (Iran, Iraq ngày nay) giới quý tộc đã chăm sóc móng tay và chân bằng những dụng cụ bằng vàng. Nữ hoàng Cleopatra của Ai cập (69- 30 trước TC) rất thích sơn móng tay mầu đỏ hoét! Theo một thủ bản đời Minh bên Trung Hoa, chất sơn móng

tay có thể bắt nguồn sáng chế từ 3000 năm trước TC tại lãnh thổ Trung hoa. Người ta đã dùng mủ gôm, lòng trắng trứng, rau câu, sáp ong để chế tạo thành đủ loại sơn móng. Vào đời Chu 600 năm trước TC, vua chúa thuở đầu dùng vàng và bạc, về sau thì dùng mầu đen hay đỏ cho móng tay, lớp bình dân chỉ dùng màu nhạt hơn, nếu vi phạm thì tử hình!

Chuyện thiên hạ từ đời xửa đời xưa, nói hươu nói vượn ra sao thì mình chỉ biết vậy mà thôi. Bây giờ, ta hãy trở về với chuyện Việt Nam, tôi thấy những giòng chữ tra cứu sau đây từ cuốn Việt Nam Phong tục của Phan Kế Bính về ngày Tết Mồng Năm Tháng Năm. Điều ghi chép này rất gần gũi chúng ta vì đã kinh nghiệm sống qua:

Mồng năm tháng năm gọi là tết Đoan Ngọ hay là Đoan Dương.

*Tết này ta hay **lấy lá móng nhuộm các đầu ngón tay, ngón chân cho trẻ, mà trừ ra ngón tay trỏ và ngón chân trỏ**. Sáng sớm hôm ấy, ăn rượu nếp, trứng luộc, kê, bánh đa, đào, mận, muỗm* (một loại xoài nhỏ trái, chua chua), *dưa hấu, uống nước dừa. Người lớn thì uống rượu hòa ít tam thần đơn, hoặc hồng hoàng, gọi là giết sâu bọ. Trẻ con ăn xong thì bôi hồng hoàngvào thóp đầu, vào ngực, vào roan để trừ trùng.*

Nhiều người mua bùa chỉ đeo cho con trẻ... có ý để trừ tà ma cho khỏi quay.

Giữa buổi trưa hôm ấy thì làm cỗ cúng gia tiên, rồi đi hái lá mồng năm... đem về ủ rồi phơi cho khô, về sau đem mấu uống, cho rằng uống thế thì lành.

Bỏ riêng ra phong tục đặc biệt có tính cách y học pha lẫn tin tưởng huyền bí như tục giết sâu bọ và hái lá mồng năm, chúng ta bèn thấy dân Việt Nam từ mấy ngàn năm đã biết lấy lá móng mà nhuộm các đầu ngón tay, ngón chân cho con nít. Tại sao không nhuộm ngón tay trỏ và ngón chân trỏ thì chưa ai giải thích được, chứ biết dùng lá móng làm vật liệu để nhuộm móng là điều quan trọng và thú vị nhất cho ta tìm hiểu trên phương diện vừa văn hóa vừa khoa học.

- **Chuyện ly kỳ quanh tên một ngọn lá!**

Lá Móng là lá gì? Những dân tộc nào trên thế giới đã dùng nó? Hiện nay loại lá này còn dùng không? Dùng vào việc gì?

Lá móng hay Nhuộm móng ta có tên la tinh là **Lawsonia inermis L.** (thuộc họ Bằng lăng – Lythraceae). Còn gọi là *Cây móng tay* nhuộm với tên Hán tự là *Chỉ giáp hoa*. Loại tiểu mộc cao 6 mét, trồng ở Việt Nam, Căm bốt, Lèo làm cây cảnh và có hoa thơm. Gốc từ vùng Arabia hay Ấn Độ, nhưng nay thì di thực và chịu khí hậu ở các xứ nhiệt đới. Lá dùng trị vàng da, phong cùi và lở loét. Ở Căm bốt, cây này dùng trị lậu mủ và lợi tiểu.

Vì lá có chất ra mầu là *lawsome* nên vào ngày tết Đoan ngọ ở Việt nam người ta dùng nhuộm móng taythành màu đỏ da cam. Ở các xứ Ấn độ, Phi châu, Tiểu Á, ngoài chuyện nhuộm móng tay, còn dùng để vẽ hình trên gan bàn tay hay gót chân.

[Một điều cần phân biệt là ở Việt Nam cũng có một loại cây gọi là *Cây bông móng tay*, với cái tên la tinh là *Impatiens balsamina Linn*. Cũng gốc từ Ấn độ được trồng qua Việt Nam và đặc biệt thay vì dùng lá như cây lá móng nói trên thì bông

của cây này dùng phối hợp với phèn (alum) để nhuộm móng tay Nguyễn văn Dương, Medicinal Plants of Viêt nam, Cambodia, Laos]

Một điều khiến ta ngạc nhiên là chính cây lá móng (Lawsonia inermis L) bây giờ đang được dùng phổ biến ở Hoa kỳ dưới cái tên thông dụng là **Henna** hay *Mehndi*. Henna là tên Ả rập, còn Mehndi hay Mehandi là tên Ấn độ. Hiện nay đang có *"phong trào Henna"* vì người ta thường thấy nhiều thanh thiếu niên Mỹ vẽ những hình nhiều mầu trên da bàn tay, cổ tay cổ chân mà nguyên liệu căn bản là bột của cây lá Móng hay Henna mua từ các tiệm tạp hóa Ấn độ hay Trung Đông ở Hoa kỳ. Chữ Henna trở thành một động từ chỉ phương pháp vẽ bằng lá Henna! Nghệ thuật Henna cũng phong phú vì đã mô phỏng theo nhiều kiểu thức hoa-văn trong nghệ thuật Ả rập hay Ấn độ.

Từ năm 1890, lá Móng hay Henna được dùng phổ biến ở Âu châu để nhuộm tóc dưới dạng nước shampoo với nhiều mầu khác nhau bằng cách pha trộn với lá của vài cây khác như chàm (indigo); hoặc còn dùng nhuộm da hay móng thì nghiền thành bột pha với catechu hay Lucerne. Chất mầu lawsome từ lá Móng chứa nhiều chất tannin gọi là *hennotannic acid* (2-hydroxyl – 1.4-naphtoquinone) tác dụng nhuộm màu vào chất collagen của tế bào da và chất keratin, chất sừng của tóc và móng. Những vùng nhuộm henna lâu chừng nào lớp tế bào ngoại biên chưa tróc tùy theo cá nhân. Lá Móng hay Henna được dân Ai cập xưa chính thức dùng nhuộm móng tay hơn cả.

- **Chọn những ai để làm thánh tổ nghề Neo?**

Để kết luận, ta thấy cây lá Móng là một mắt xích lý thú liên hệ từ tục nhuộm móng của dân Việt Nam vào ngày Tết Mồng Năm với tục vẽ trên da của những dân tộc Ả rập và Ấn độ mà bây giờ dân Mỹ bắt chước để gây ra phong trào Henna. Phải chăng có một nguồn giao lưu văn hóa từ Tây sang Đông vào một thời xa xưa? Sự giao lưu này phải chăng thực hiện qua đường biển qua quần đảo Mã lai vốn là nơi phát nguyên của nòi giống Bách Việt

Các dân Ả rập và Ấn độ thuở nguyên thủy lấy lá Henna vẽ trên da bàn tay với một tin tưởng bùa phép hơn là nhằm mục đích trang sức vào những dịp lễ tôn giáo hay văn hóa như hôn phối hay liên hoan còn dân Việt thì vẽ móng tay móng chân không phải làm đẹp vào ngày Tết Mồng Năm mà với một tin tưởng huyền bí để trị liệu bệnh tật như tục bôi và uống bột hồng hoàng hoặc tục Giết sâu bọ. Do đó, dân Việt làm Neo bây giờ dù không biết tìm ai làm thủy tổ thánh sư nghề nhuộm sơn móng tay thì thiết tưởng họ cũng nên *chọn lấy ngày Tết Mồng Năm là ngày Vía Tổ* để vinh danh một phong tục có từ thuở

nào không biết như dân Mỹ mừng ngày Thanksgiving để nhớ về những người Pilgrim thế kỷ xưa!

Lịch sử về chuyện nhân loại lưu ý chăm sóc móng tay móng chân trên thực tế thì có lâu đời nhưng chẳng bao giờ trở thành một nghề nghiệp đúng như tên gọi. Tuy nhiên, cũng như bao nhiêu tục lệ của những dân tộc khác như vẽ trên da, xâm mình, xỏ tai... gốc gác tại bản xứ thì tầm thường chẳng ai thèm để ý nếu không nói là khinh khi, thế mà một khi được du nhập vào cái xứ Hoa kỳ siêu kỹ nghệ thì các tục lệ trên, từ thân phận những nàng Lọ lem đen đui chúng bỗng thoát xác trở thành những nàng công chúa diễm lệ trong đó có nghề Neo làm điển hình! Hoa kỳ xứng danh là một tân thế giới của cơ hội, đãi ngộ những ai dám ăn dám làm, chứ không phải như cựu thế giới "con vua thì lại làm vua, con ông sãi chùa lại quét lá đa"!

Nghề Neo ở Hoa kỳ bây giờ là một nghề rất trẻ và còn tiến triển mạnh mẽ không ngừng vì biết cầu tiến trong sự ứng dụng nhiều kinh nghiệm và kỹ thuật của nhiều ngành nghề khác. Ví dụ như biết sáng chế những dụng cụ mài dũa móng phỏng theo dụng cụ nha khoa. Còn về thuốc sơn nhuộm (nail varnish, nail polish) đủ mầu thì không còn dùng thuốc nhuộm (dyes) lấy từ cây cỏ thiên nhiên mà chuyển qua dùng những sắc tố (pigments) nguồn gốc hóa học như kỹ thuật tiên tiến trong sự sơn xe hơi nên ngó bóng láng. Ngoài ra, còn nhiều điều sáng chế khác như móng tay giả, keo dán không tróc vừa khít trông như móng tay thiệt.

Người Việt Nam định cư tại Hoa kỳ bỗng thành công trong nghề Neo tại đây không phải là chuyện ngẫu nhiên mà chính là kết quả của sự hội tụ nhiều thành tố về Thiên thời, Địa lợi, Nhân hòa cộng với bản tính cần cù, bàn tay khéo léo, tính tình nhu hòa chiều khách, đầu óc kinh doanh... và biết đâu cũng nhờ vào Vía Tổ ngày xưa phò hộ ban cho nhiều phước lộc. Một bà làm nghề neo từng tâm sự rằng nghề này quả là một nghề cứu tinh cho phụ nữ Việt Nam chân yếu tay mềm, chỉ học thời gian ngắn là có license, không cần nói tiếng Anh cho giỏi, cần cù kiên nhẫn làm việc là thành công.

Nhìn lại tinh thần Tạ Ơn tổ của dân Á Đông mà điển hình là Trung Hoa, gọi là Tổ sư có thể người phát minh ra nghề đó hay là người đầu tiên đem nghề đó mà truyền bá cho người khác. Nếu vị Tổ sư có tên tuổi, lý lịch sự nghiệp rõ ràng thì ngày húy kỵ của vị đó trở thành Ngày Giỗ Tổ, ví dụ tiệm bán giấy thờ Sái Luân là người làm giấy trước tiên, tiệm bán trà thì thờ Lục Vũ là trà tổ vì ông viết ra cuốn Trà Kinh, nhà bình khang thờ Quản Trọng vì ông này có chủ trương đầu tiên lập nhà nuôi gái điếm để thâu thuế v.v...

Tuy nhiên, có nhiều nghề không kiếm ra ai là người sáng lập hay truyền bá cụ thể thì dân trong nghề bèn chọn một người trong lịch sử có thực hay theo truyền thuyết hoang đường mà hành tích đức hạnh có liên quan ít nhiều đến nghề mình đang làm để làm Thánh Nghiệp Sư phò hộ cũng như bên Tây phương có những vị Thánh Quan Thầy (Saint Patron). Ví dụ như các khách sạn, lữ điếm của Tầu thờ Quan Công làm thánh sư để

cho những kẻ cướp phải sợ uy linh không quấy phá, còn dân ghe thuyền đi biển thì thờ Bà Thiên Hậu phò hộ qua sóng gió hiểm nguy.

Còn nhớ thời Việt Nam Cộng Hòa, các binh chủng đã chọn những thánh tổ như sau: Trần Hưng Đạo thánh tổ Hải Quân; Phù đổng Thiên vương, thánh tổ Thiết giáp; An Dương Vương xây thành Cổ loa là thánh tổ Công binh; Người nhái lấy thánh tổ là Yết Kiêu; Nhảy Dù lấy Thiên thần Gabriel làm quan thầy hộ mạng.

Xét như trên, những đồng bào Việt Nam nghề Neo ở Mỹ, theo tôi nghĩ phải lấy Lạc Long Quân làm Thánh tổ thì ý nghĩa vô cùng thích hợp vì tướng mạng của ngài là Rồng với nhiều vút móng thiêng liêng. Ngoài ra, còn nên tôn vinh thêm Thần Kim Qui là vị đã cho An Dương Vương một cái móng chân để làm lẫy nỏ thần bắn một phát thì "giặc chết hàng vạn người" (sic! Đúng như nguyên văn trong cuốn Việt Nam sử lược của Trần Trọng Kim) còn hơn bom nguyên tử bây giờ.

Tổ Rồng và Thần Rùa là hai vị thánh tổ phò hộ thì thiên hạ năm châu thế giới làm sao ăn đứt nổi chứ! Nhưng đồng bào Việt Nam làm neo mà biết đoàn kết thành nghiệp đoàn tương trợ nhau để chống với sự cạnh tranh hay kiện tụng thì càng hay vô cùng.

PHONG TRÀO "XÂM"

- **Những cao trào trên vùng đất cơ hội**

"Xâm" và "xỏ" là hai phong trào hiện đang thịnh hành trên xứ Mỹ, song hành với những phong trào Neo (làm đẹp móng tay), phong trào Henna (vẽ hình trên tay chân) và nghệ thuật Sơn mình (body painting).

Xỏ là body piercing còn xâm là tattooing.

Một điều trước tiên mà chúng phải công tâm công nhận là nước Mỹ với danh xưng là Hiệp Chủng quốc thật vô cùng đúng. Riêng tại đô thị New York, theo thống kê, người dân tứ xứ đã nói hơn 60 ngôn ngữ rồi bên cạnh English và Spanish. Không những đa ngôn ngữ, Hoa kỳ còn là cái nồi xào-bần đa-văn-hóa (cultural melting-pot).

Một điều kế tiếp là nước Mỹ là *"xứ của cơ hội"*, *"xứ của diệu-kỳ phép lạ"*: những cái gì trong những xứ khác coi cổ lỗ, tầm thường hay đôi khi nói quá đáng là bị khinh rẻ nếu nhập cảnh vào xã hội Mỹ mà quần chúng trẻ trung thấy hạp nhãn, hạp gu thì bỗng trở thành một cao trào ngay như chuyện làm Neo, chuyện bôi vẽ trên da, chuyện xỏ chuyện xâm bên cạnh những món Pizza Ý, phở Việt, Sushi Nhật, Taco Mễ đã đi vào qui củ! Và các cao trào này càng ngày càng được nghiên cứu, điểm tô một cách khoa học để thoát xác như nàng Lọ lem dưới cái đũa phép của bà Tiên.

Phong tục xỏ tai, xỏ mũi của những thổ dân bán khai được dân Mỹ bắt chước một cách hãnh diện và thời thượng cũng như những điệu nhạc nhập cảnh từ vùng Phi châu hoang rợ làm quần chúng say mê. Ở Việt Nam mình, chỉ con gái mới xỏ tai đeo nữ trang còn con trai mà xỏ tai là con cầu con tự, con xấu háy khó nuôi.

Tục xâm mình tuy rằng hiện diện nhiều nơi trên thế giới nhưng chỉ có một thiểu

số đặc biệt nào đó như giang hồ, băng đảng hay những quân nhân, thủy thủ mới hay làm.

- **Nghệ thuật Thân xác hay những dấu ấn về Nhân cách.**

Khác hơn mọi dân tộc trên thế giới, dân Mỹ đủ mầu da và đa văn hóa trong cái nồi xào bần "hiệp chủng" luôn luôn có một mặc cảm về nguồn gốc nhân cách. Điển hình rõ ràng nhất là những mặc cảm sau: Dân da đen thì có mặc cảm "Bánh kẹp Orio" (loại bánh gồm hai miếng bánh đen tròn kẹp một lớp kem trắng ở giữa). Dân Mỹ vàng gốc Á thì có mặc cảm "Trái chuối". Đừng lấy màu da bên ngoài mà xét đoán cái suy nghĩ trong ruột. Cũng như ở Mỹ, đừng dựa trên tên họ mà truy tầm nguồn gốc!

Là dân tứ xứ hội tụ chung sống trên một vùng đất để xây dựng thành một quốc gia thống nhứt, dân Hoa kỳ luôn luôn thao thức một sự tự do mênh mông, hầu như không nề hà ranh giới mà họ từng khẳng định như quyền tự do phát biểu trong tu chính án của Hiến Pháp.

Một lối phát biểu mà dân Mỹ học hỏi từ lịch sử nhân loại từ thượng cổ đến hiện đại là dùng thân xác của mình ra làm tấm vải bố (canvas) để vẽ ra những bức họa hay thông điệp ngỏ cái tâm tình và ước nguyện của mình. (Tự thiêu, tự nổ bom hay trích huyết viết thư là những hình thức phát biểu thái độ một cách quá cực đoan vô cùng tuyệt vọng để đi đến một sự hủy hoại bản thân đương nhiên không thể bàn ở đây, vì không còn mang tính nghệ thuật thân xác).

Nhìn lại mấy ngàn năm, nhân loại khắp thế giới luôn luôn có nhu cầu làm đẹp thân xác. Dù là tạo ra những dấu tích vĩnh viễn trên da như xâm, xỏ, rạch cắt hoặc tạm thời như bôi, vẽ, makeup, diện áo quần hay cắt bới tóc râu kiểu này kiểu nọ, nghệ thuật thân xác (body art) là một hình thức phát biểu rằng cá nhân mình đang có một địa vị trong xã hội nhân quần, hay thuộc về một băng nhóm, hay để đánh dấu một thời điểm, đang ăn mừng một sự chuyển tiếp hay chỉ đơn thuần nói rằng: Có ta đang đứng đây nhé! Ngày xưa, coi hát bội ta thấy nhiều bộ mặt được vẽ của các diễn viên nhìn vào là nhận biết ai là thiện ác, hay trung nịnh...Những bộ mặt vẽ này được gọi là những mặt na hay persona, từ đó nảy sinh ra danh từ Person để chỉ một người nào đó.

Tại Viện Bảo tàng Mỹ Quốc về Lịch sử Thiên Nhiên, người ta đã sưu tập hơn 600 món đồ và nhiều hình vẽ quanh thế giới xưa cổ từ 3000 năm trước đến hiện tại gồm bao nhiêu tài liệu về những dụng cụ tô điểm thân xác từ Nhật bản, Đa đảo Thái bình dương, những đồ nghề hay khuôn dấu kiểu thức dùng để xâm và vẽ trên mình từ đảo Borneo, Phi Châu, Thổ dân Bắc Mỹ thậm chí cả những kim đâm vào môi, những ống căng dái tai từ Phi Châu, Nam Mỹ... Với một tinh thần phóng khoáng, người Mỹ mở rộng tầm mắt gia công học hỏi, mô phỏng, cải tiến và áp dụng một cách linh động và khoa học hóa cho nhu cầu Nghệ Thuật Thân xác của người dân. Họ quan niệm khoa Nghệ Thuật Thân xác mới mẻ sẽ dùng chính bản thân mình mà sáng tạo và tái

phát minh những điều xưa cổ ngõ hầu để thách thức những giá trị xã hội cùng những thiên kiến văn hóa hiện đại về cái đẹp, về nhân cách và về chính thân xác của mình.

- **Xâm mình**

"Tiệm xâm mình bây giờ mọc nhanh hơn quán ăn Mễ!", một nghệ sĩ hành nghề xâm đã nhận xét như vậy, Còn một chủ tiệm xâm khác lại nói: "Thân chủ tôi gồm nhiều linh mục Công giáo, nhiều luật sư kiếm tiền như nước, dưới bộ "suit" đáng giá bạc ngàn là một thân thể chi chít hình xâm". Những nhận xét trên cho thấy chuyện xâm mình bắt đầu xâm nhập rộng rãi vào Mỹ. Ngoài ra, người ta ước tính một phần ba dân số của lứa tuổi giữ 25 đến 29 đã xâm mình, và có khoảng 15 ngàn tiệm xâm ở Hoa kỳ,

Nếu xâm mình đúng là một lối phát biểu cá nhân, thì ta thấy đa số dân Mỹ trẻ trung đến độ họ dùng xâm mình để nói về cái "tôi" hay cái "tự kỷ" (ego) của họ. Ở Á Đông, yêu thích hay sùng bái ai thì để trong lòng nên không bao giờ ta thấy một cái sticker dán ở cản xe hơi nói: "Tôi yêu Phật Thích Ca", "Tôi tôn thờ Khổng tử" thì ở Mỹ câu nói "I love Jesus!" kèm theo xâu chuỗi , tượng ảnh treo tràn lạn trên xe hơi. Vào thế hệ năm 60 cũng như lớp trẻ MTV (Music TeleVision) thì hình ảnh của những thần tượng Rock hay những Supermodels được xâm lên người như một trận dịch truyền nhiễm. Từ Britney Spears qua Sean Connery đến Cher đều được vào danh sách thần tượng. Dân Mỹ lại hăng hái đua đòi theo những mốt gì tân kỳ lập dị như xâm hình rồng Nhật bản, hình Âm Dương trên ngực một thanh niên cũng như một thiếu phụ xâm một đóa hồng đỏ tươi vào cái kín đáo nhất của nàng chỉ để riêng người tình ngắm nghía. Nhưng cái cá tính xốc nổi mau chán đã khiến ông Lyle Tuttle ở San Francisco, một vị thượng thặng trong làng nghệ thuật xâm thế giới từng xâm cho Cher đưa ra một qui luật số 1 là Không và Không! Ông phán:

"Xâm tên người là không ổn. Thay vì xâm tên, hãy xâm là 'Cưng', là 'Ý Trung Nhân' hay một bí danh nào đó. Chớ dại mà xốc nổi nói: 'Anh mãi mãi yêu Mary hay một người nào đó'."

"Cái gì hôm nay là vàng óng ánh sẽ là nâu ngày mai", Ông Tuttle nói thêm. Ngay dù mai có thể nâu nhưng chẳng nâu hoài mãi mãi. Nếu bạn đổi ý, bây giờ bạn còn có thể đổi cái phông vẽ trên thân hình bạn. Ví dụ bác sĩ Martin Braun ở Vancouver hiện nay đang dùng kỹ thuật laser mới làm chuyện đó.

- **Lai lịch của Xâm mình**

Xâm mình một khi du nhập vào Bắc Mỹ trẻ trung thì hoàn toàn thoát xác. Nó không còn là lối trang sức cơ thể của một số người, hoặc là thiểu số quyền quí, hoặc là những người thuộc xã hội đen hay thác loạn. Nhìn lại quá khứ, tục xâm mình có một chiều dầy lai lịch đến 2000 năm hay hơn nữa ở vài nơi trên thế giới.

Ở Ai cập, dấu vết xâm tìm thấy đặc biệt trên mình nữ pháp sư Amunet thờ Nữ thần Hathor. Xâm là một tập tục dành cho phái nữ và mang tính chất nghi lễ phát xuất từ nhóm Nubian rồi lan tràn thịnh hành vào thời Middle Kingdom.

Ở Nhật, tục xâm rất thịnh hành qua các thời đại Jomon, Yayoi và Kofun nhưng ý nghĩa thay đổi theo thời: như dưới thời Yayoi 300 năm trước và sau Công Nguyên, đàn ông xâm mình và xâm mặt để làm cho thuồng luồng mãng xà hay quỉ thần phải lánh xa. Thời Kofun (300- 600 năm Công nguyên), xâm là một trừng phạt dành cho những tội đồ như hình Thích chữ vào trán mặt hay là một dấu hiệu phân biệt những băng đảng của xã hội đen mà giới quí tộc không bao giờ sử dụng.

Nhưng ngộ thay, xâm mình lại theo chân những thủy thủ Âu châu đi thám hiểm vùng Nam Thái Bình Dương trở về gây mê thích cho hàng vương giả như các vua George V, Edward VII... để họ phải bắt chước. Lớp bình dân đừng hòng bắt chước vì không đủ vàng bạc mà trả cho nghệ sĩ để xâm.

Ở Mỹ châu, những thổ dân có tục xâm mà nhiều người Mỹ gốc Âu châu cũng bắt chước. Nhưng tục xâm trở thành khá phổ biến trong quân đội trong thời Thế chiến thứ hai. Thủy thủ và binh lính thường bầy tỏ lòng trung trinh của mình với tổ quốc và với người yêu dấu. Họ lại kiêu hãnh xâm trên mình tên đơn vị, tên tầu và tên sư đoàn. Ở quanh các bến cảng và trại đóng quân, mọc ngay những tiệm xâm.

Xâm có đau không? Ở các xứ hậu tiến còn dùng kim tay nên nỗi đau đã thể hiện qua câu nói: Tôi không dám "xâm mình" đâu! Nhưng từ khi áp dụng súng xâm điện thì giá cả xâm đã giảm xuống nên đáp ứng túi tiền của mọi người.

"Tốn bao nhiêu tiền và có đau không? Cái đó cũng tùy" một chuyên gia xâm tiết lộ, " Gọi là đau, ừ cũng có, nhưng tôi dám nói là tiêu chuẩn 10 phần đau thì chỉ cảm thấy 7 thôi!"

"Mỗi lần xâm tiêu chuẩn lâu một giờ, ăn khoảng dưới 100 đô! Nhưng phân nửa tiền này bị ăn mất bởi chi phí mua những kim loại xịn cho mỗi lần, tiền thuốc sát trùng, tiền mực."

"Phong trào xâm nổi lên, đừng tưởng đông nhiều khách vì tiệm xâm mọc như cỏ sau cơn mưa".

- **Xâm mình ở Việt Nam**

Đây là chuyện mà nhiều người muốn nghe nhất! Từ đời Hùng Vương, dân Việt Giao chỉ có tục xâm vẽ trên mình những hình quái vật để làm nghề đánh cá dưới nước khỏi bị giao long cắn hại như ghi chép trong sách *Lĩnh Nam Chích Quái* của Trần Thế Pháp vào hậu bán thế kỷ 14. Các vua vẫn có tục lấy chàm vẽ rồng vào đùi đến đời vua Trần Anh Tông (1293-1314), nhà vua không chịu vẽ nên từ đó các vua kế tiếp mới bỏ tục này. Năm Quí Hợi (1333), vua Trần Minh Tông ra lệnh cấm quân sĩ xâm mình như trước nên từ đó tục xâm mình không còn phổ biến ở nước Việt.

Tuy nhiên tục này vẫn không chết hẳn mà mãi cho đến ngày nay còn tồn tại ở một số người trong giới giang hồ võ nghệ còn thích xâm trên tay, trên ngực những hình vẽ hay giòng chữ Nho hay quốc ngữ theo ý thích ngông lạ đời của ho. Ví dụ như *Kiến nguy bất bất dũng giả, Hận đời đen bạc, Tiền tài như phấn thổ, Xa quê nhớ mẹ hiền* (hay một câu khá lạ đời là

trên ngực một thanh niên là: *Xa nhà nhớ chị dâu!*) Hỏi ra mới biết chàng này ở hoàn cảnh giống như truyện Trầu Cau, hai anh em cùng yêu mến một cô gái, nhưng người anh lại được kết duyên cùng nàng nên chàng em phải bỏ nhà ra đi!) Vài giai thoại về xâm: Nghe đồn Nữ Chúa Rằn ri ở Sài gòn ngày trước đã xâm hai con rồng mà hai đầu rồng dũng mãnh tựa vào hai nhũ hoa còn thân mình rồng uốn khúc dài đến tận hai bắp tay.Vào tuổi già và thiếu tiền choác nên hai đầu rồng này thõng xuống chầu lỗ rốn. Chuyện vài người nhái thời VNCH bị CS bắt tù cải tạo phải gồng mình lấy đầu thuốc lá cháy mà thui xóa hai chữ Sát Cộng trên bắp tay. Trong cuốn BẩyViễn, Le Maitre de Cholon, tác giả Pierre Darcourt đã viết về cuộc đời ngang dọc của ông Lê văn Viễn từng làm chúa tể vùng Chợ Lớn. Sau đây là một đoạn viết giật gân, "Vào một đêm, nàng Lily đã rơi vào bàn tay thô kệch, vuông vức của Bẩy Viễn, ông đã liên tục làm nàng rên rỉ suốt một đêm qua cách dùng "phần chi thể kếch sù được xâm vẽ của mình" mà rà kiếm trên nàng" (Bay Vien la fera gémir toute une nuit en la fouillant inlassablement de son grand sex tatoué – trang 362).

- **Thế hệ MTV Việt Nam đã chuyển hướng xâm mình ra sao?**

Thế hệ MTV là giới trẻ sinh vào giai đoạn 1980 đến nay thích Music TeleVision kế tiếp Thế hệ X sinh vào giai đoạn 1960 đến 1980.

Xâm mình một thời ở Việt Nam bị khinh rẻ vì là thói tục của những băng đảng, những dân lính và tù nhân bỗng được phục hồi và càng ngày càng phổ biến trong giới trẻ thế hệ MTV trong lứa tuổi trên dưới 20 như là một thái độ phát biểu để theo bén gót của phong trào quốc tế về xâm mình. Những cô choai choai xâm hình rắn rện dưới thắt lưng quần mặc xệ hay những cậu trẻ xâm hình giây kẽm gai hay kiểu thức khác trên bắp tay hay bờ vai bây giờ đầy rẫy trên đường phố Saigon nơi mà những tiệm xâm mình bị coi là phạm pháp phải hành nghề chui. Xâm mình cũng được thấy trên những dân trẻ Việt nam từ Mỹ trở về hay là cựu tỵ nạn từ trại Hồng kông.

Ở Mỹ, băng đảng gốc Việt Nam không những đông ở Quận Cam Cali mà cũng hoạt động nhiều chỗ như Houston, Chicago. Những băng đảng này lấy tên như Wolf Boys (lang sói), Black Widows (Nhện Quả phụ đen), Local Boys (Chicago) hay BTK viết tắt Born To Kill: đẻ ra để giết (trên toàn quốc) hay Beating- Torture- Killing. Theo Trung sĩ Cảnh sát Ken Whitley, phụ trách mạng Website "Convicts and Cops" nói càng ngày đám trẻ tạm-dung (parolees) càng xâm mực (inked):

"Tụi này thích xâm để nói về quê hương như bản đồ nước Việt Nam trên lưng, giòng chữ Vietnamese Pride (Hãnh diện là dân Việt) dưới cổ; hoặc xâm 3 chấm hay 3 chữ T. Đôi khi là hình 4 chữ T viết theo kiểu Gothic là Tình, Tiền, Tù, Tội.

Ba chữ NCA cũng phổ thông trong những băng đảng Việt Nam nghĩa là Ninja Clan Assassin – Nhóm ám sát Ninja! Dấu hiệu để các đảng viên nhận

đồng bọn là 3 chấm phỏng do đầu thuốc lá cháy ám hiệu cho "Tôi không cần gì cả" hay 5 chấm nghĩa là Tứ Hải Giai Huynh Đệ.

Bên cạnh sự xâm dữ dằn mà thiên hạ ngán ngẫm trên vì liên quan đến tội phạm băng đảng, lại có một loại xâm "hợp pháp" mà giới phụ nữ Việt Nam rất khoái là xâm lông mày, xâm mí mắt, xâm môi. Nhiều người đã vô nhà thương hay nhờ những chuyên gia thẩm mỹ công khai hay "chui" làm việc này cho họ. Những thẩm mỹ viện ở Hoa kỳ và Việt Nam đang kiếm tiền dễ dàng với sự xâm này. Hồi sơ khởi cũng có vài chuyên viên xâm "dạo" nhưng vì xâm tay và không chích thuốc tê nên vừa lâu vừa đau. Còn xâm bằng súng và chích thuốc tê ở các thẩm mỹ viện thì mau hơn và không đau, tuy nhiên nghe nói, xâm tay kỹ và sâu nên không chóng phai như xâm súng vì xâm cạn nên lớp biểu bì tróc đi thì vết xâm nhạt đi. Xâm mí mắt trên hay dưới mỗi lần giá cả hiện thời trên dưới hai trăm. Xâm lông mày thì tương đối rẻ hơn.

Hiện tượng Xâm tại Mỹ ngó vậy chưa ly kỳ bằng hiện tượng Xỏ mà tôi sẽ có dịp trình bầy về sau.

■ *LÊ VĂN LÂN*

THƠ NGUYỄN KHOA TIỂU THƯ

Nhật Nguyệt

Thấy giữa môi em, một mặt trời
Từng làn nắng ấm sưởi hồn côi
Nắng không hò hẹn nên chẳng tới
Bên đời có kẻ nhớ xa xôi

Thấy giữa tay em gió bốn mùa
Hạ nồng thu biếc mặc gió mưa
Xuân mơ đông đến long lanh lửa
Lùa xuống hồn ta đủ bốn mùa

Thấy giữa tóc mây suối mộng thường
Ngạt ngào hương cốm mải còn vương
Lá sen còn đọng bao thương nhớ
Ru mảnh tình riêng qua bến mơ

Thấy giữa mắt nai một thoáng buồn
Ngỡ trời hờn dỗi gió mưa tuôn
Mưa trên mắt biếc đôi giòng suối
Cuốn cả hồn ta theo suối nguồn

Thấy giữa hồn ta một giấc nồng
Mộng tràn thương nhớ, biết gì không
Đêm thanh nguyệt lộ tương giang rộng
Ấp ủ niềm riêng một cõi hồng.

Nguyễn Khoa Tiểu Thư.

Ngôi nhà ở phố Gia Hội

BÙI BÍCH HÀ

Rất nhiều lần, khi Hân cố nhớ lại xem câu chuyện về gia đình nàng bắt đầu như thế nào, từ đâu và từ bao giờ thì trăm lần như một, cái địa chỉ 72 phố Gia Hội Huế, bật ra khỏi vùng bóng tối của ký ức Hân, như một cái lò xo mới tinh.

Ngôi nhà cũ, tầng lầu thấp hơn tầng trệt, giống như những bức vẽ của trẻ con tập vẽ nhì nhằng trên giấy với không một ý niệm nào về sự cân đối trong kiến trúc. Cửa chính vào nhà ở giữa, bên trái có cái dốc xi măng thoai thoải để anh tài xế Phúc lái chiếc xe ô tô mầu đen của bố Hân, khăn bọc đệm trắng toát, lên xuống, vào ra, đưa đón ông những khi ông cần đi đâu (mà thường là đi xa) . Những lá cửa xếp bên cánh phải không bao giờ mở vì phần nhà bên trong nó, mẹ già Hân, bà Ly, vợ chính thức thứ hai của bố Hân, không biết vì lý do gì, đã cho ông bà Cả Dư thuê lại toàn bộ để làm nơi sản xuất tương bắc. Hè đường trước nhà rộng chừng ba thước, có hai cây bàng tán lá xum xuê, án ngữ hai bên. Những cái lá bàng dầy dặn, tròn xoe, mầu vàng pha đỏ, thò vào hai cửa sổ trên lầu, khiến cho phần trên của ngôi nhà trông như ở giữa một khu vườn rậm.

Ngoại trừ cửa phía gara luôn luôn mở những khi bố Hân không dùng xe, anh Phúc khăn mặt vắt vai, giẻ lau trong tay, suốt ngày o bế nó, nên phần diện tích này của ngôi nhà có ánh sáng, toàn bộ còn lại chừng mươi thước bề dài, mươi thước bề ngang, lúc nào cũng tối om và ẩm thấp. Những cái chum lớn bằng gạch nung mầu mắm ruốc, có nắp đậy, xếp hàng kín mít phía bên phải. Ngày ấy lên năm hay lên sáu, Hân hay lảng vảng chơi một mình ở chỗ này. Thỉnh thoảng, nhìn lũ chum, Hân lại ngẩn ra một lúc, tưởng tượng tới những anh trộm trong chuyện Ali Baba rồi cười một mình. Những hôm bà Cả Dư thổi xôi nếp để ủ mốc, bà rải xôi ra mấy cái nia to đặt trên dãy ngựa gỗ, thế nào Hân cũng lẻn vào, cấu vụng những hõn xôi nếp lứt còn nóng hổi và cho vào mồm. Những hạt nếp chưa giã, mầu nâu nhạt pha lục, nây nả, mập ú, béo ngậy, kêu lép bép trong mồm Hân, bao giờ cũng làm cho Hân có cảm giác thống khoái đến tê dại từng ngón tay, ngón chân. Ngày nào Hân cũng có một lúc nhớ tới những cái nong xôi ấy, ù té chạy ra chỗ để chúng, rón rén nâng miếng đậy và nhìn vào nhưng xôi lên mốc rất nhanh, qua hôm sau hay hôm sau nữa là sẵn sàng cho bà Cả ủ tương chứ không còn tốt cho Hân ăn vụng nữa. Không còn gì chơi, Hân ra ngồi ở bực cửa, nhìn kẻ qua, người lại, phần

đông là những người bán hàng rong. Hân thích nhất ông Tầu già bán bánh bò gạo ở ngõ nhà thờ Trung Bộ. Ổ bánh của ông hình tròn, bề dầy cao hơn tấc, đường kính cỡ năm, sáu tấc, đặt vừa kín hết mặt cái thớt gỗ ông cắp ở bên nách. Khi có người gọi mua, ông hạ cái giá chân tréo hình chữ X đang khoác trên vai xuống đất, xoạc nó ra, bầy thớt bánh lên và cắt những miếng bánh hình tam giác, đều đặn, mười miếng như chục, bằng con dao to tướng, sáng loáng. Bánh được đặt lên những vuông giấy báo có chữ Tầu ông đã cắt sẵn từ nhà và trao cho khách. Nhiều chục năm sau, Hân vẫn không bao giờ quên những miếng bánh bò gạo trắng ngà, mềm, ấm, xốp, dưới lớp vỏ trên mặt láng bóng, thỉnh thoảng lỗ chỗ tổ ong, lúc cắn giữa hai hàm răng, vị ngọt dịu dàng lẫn vào mùi thơm chua của tinh bột lên men là một kích thích đầy quyến rũ... *Anh hôn lên môi mềm, gọi cây lá vào mùa...*

Người bán quà rong thứ hai mà Hân nhớ nữa là anh Định. Anh vừa đen đủi vừa rỗ hoa. Hình dung diện mạo xấu nhưng anh rất hiền lành. Mỗi khi anh cười, hàm răng vẩu của anh và đôi môi nhỏ làm thành một chữ o tròn xoe. Anh Định bán kẹo kéo và yến thoòng. Kẹo của anh rất ngon. Những thanh kẹo mảnh mai như ngón tay, trắng muốt, tuốt từ ổ kẹo to bằng cái chầy đặt trên miếng bửng gỗ, dài ngắn tùy người mua, nứt thành khe ở những chỗ có hạt đậu phụng và óng ánh mấy sợi tơ đường kết tinh khi bẻ rời ra, bao giờ cũng lôi cuốn đôi mắt ham hố của Hân. Tuy vậy, Hân thích ăn yến thoòng hơn là kẹo kéo. Cả hai trông bề ngoài có hình dáng giống nhau. Trên cái bửng gỗ, hai thỏi kẹo nằm song song như hai cái chai. Không biết anh Định có làm kẹo bằng những vật liệu khác nhau hay không nhưng kẹo của anh bán ra không giống nhau. Với yến thoòng, bàn tay trái của anh nắm chặt phần đuôi ổ kẹo trong khi anh tuốt kẹo với bàn tay phải. Anh không bẻ kẹo gẫy lìa như kẹo kéo để giao cho khách mà anh kéo yến thoòng như người quay tơ, vòng đi vòng lại mãi cho tới khi nào anh có một bụm chỉ mầu hoàng yến trong cái khăn vải lót tay thì anh đặt cái bụm chỉ ấy lên miếng giấy, rắc thêm lên nó ít bột đậu xanh sấy, khô và mịn, thơm mùi lửa rang, rồi mới mời người mua cầm lấy. Hân thường chăm chú nhìn anh Định kéo kẹo, nét mặt quê mùa, sự kiên nhẫn và thận trọng trong công việc của anh gợi cho tâm hồn trẻ thơ của Hân cảm xúc mơ hồ về một điều gì thật bình yên và đáng tin cậy. Những buổi tối mùa đông, anh Định còn bán thêm lục tào xá nhưng Hân chỉ nghe mẹ kể lại vì vào giờ khuya khoắt đó, tuy mẹ còn phải thức để hầu hạ chiếu bạc đánh qua đêm của mẹ già nhưng Hân thì đã ngủ say rồi.

Người bán hàng rong thứ ba mà Hân còn nhớ là chị bán hạt sen tươi từ hồ Tịnh Tâm. Suốt những ngày hè, cứ khoảng một giờ trưa, chị xề quang gánh trước thềm nhà, ơi ới gọi mẹ. Mẹ Hân nhớ chừng, cắp cái rổ ra, ngồi thụp xuống bên cạnh một đầu thúng của chị, bắt đầu vục tay vào lựa. Hỏi mẹ lựa gì, lựa thế nào, mẹ chưa trả lời, chị đã hé đôi môi đỏ cắn chỉ, cười bằng hai hàm răng lánh đen và bảo Hân: "Cô lựa những hột đầy đặn,

đừng non quá, vỏ xanh, cũng đừng già quá, vỏ đã tím xậm, là được." Lựa một lúc xong, áng chừng vừa đủ dùng cho bữa đó, mẹ bảo chị hàng đưa cho mẹ chiếc lá sen tươi rồi mẹ bắt đầu đếm từng 5 hột một từ rổ sang lá. Khi đã đếm tới lần thứ 40, mẹ ngưng. Mẹ bốc thêm một dúm tay, túm chiếc lá sen lại rồi đổ trở vào thúng chị hàng chỗ còn thừa. Có hôm, ngoài việc mua bán với mẹ, chị dúi cho Hân một cái gương sen, dạy Hân cách moi những hạt non ra mà ăn. Sau đó, Hân thường theo mẹ xuống nhà bếp ở mãi tận sân sau. Mẹ không cho Hân cầm dao, sợ đứt tay. Mẹ gọt từng hạt sen theo đường vòng tròn như người ta gọt bưởi, cắt phạt đầu đuôi để cái tim sen lòi ra rồi thả chúng vào chậu nước sạch. Nhiệm vụ của Hân là giúp mẹ lột cái màng áo nâu ra khỏi mỗi hạt sen, dùng chiếc tăm tre thụt tim sen ra ngoài. Hạt sen mẹ sẽ nấu chè, tiềm gà hay vịt cho mẹ già và các bạn đánh bài của bà ăn. Vỏ và tim sen sẽ được đem phơi hay sấy khô, làm thức uống dỗ giấc ngủ cho bà.

Ngoài những lúc quanh quẩn với các hàng quà vặt, Hân thường ngồi hẫu ở thềm nhà, nhìn theo cái bóng dáng to lớn của ông Cả Dư lúc nào cũng phục sức tươm tất: áo sơ mi cổ cồn, thắt nơ, quần có dây đeo thay cho thắt lưng, đi ra đi vào như một ngôi sao màn bạc tây phương. Theo những gì mà ký ức Hân còn lưu giữ được, Hân không nhớ đã nhìn thấy ông nhúng tay vào bất cứ chỗ nào ở cái dãy chum chứa đầy tương hay ở chỗ những cái nia ủ mốc. Hình như ông chỉ tới để đóng tiền thuê nhà cho mẹ già Hân hoặc thỉnh thoảng ghé một chân tổ tôm, tài bàn với bà.

Toàn bộ phần trước ngôi nhà như Hân vừa mới kể được nối với phần sau bằng một hành lang có mái che, gọi là nhà ngang. Từ đây là bắt đầu ranh giới giang sơn của mẹ già Hân. Khu vực này khá rộng, tầng trên dành riêng cho bố Hân, dẫy cửa sổ mặt sau của tầng lầu nhìn xuống sông Hương, tầng trệt ngó ra khoảng sân rộng lát gạch đỏ, có bể nước và nhiều cây xanh. Bây giờ, Hân không nhớ hết cách trần thiết của những căn phòng này ngoài một vài thứ vì lý do nào đó, đã in dấu trong ký ức Hân ngày ấy. Ví dụ, Hân nhớ rõ một khung cửa sổ phòng bố trên lầu là vì đêm xảy ra trận đánh Việt Minh cướp chính quyền từ tay người Nhật, lúc mẹ bế Hân chạy ra nấp ở cái nhà tắm cuối vườn, Hân tỉnh giấc nhìn lên, thấy bố đứng vịn hai tay vào song cửa, rõi mắt về phía bên kia sông đang đì đùng tiếng súng và nhập nhoàng đường đạn bay. Hân cũng nhớ cái sập gỗ thấp, rộng bằng ba cái giường đơn ghép lại của bố, kê ở chính giữa căn phòng. Đầu giường được thiết kế để có chỗ cho bố cất vài vật dụng quí giá, những cuốn sách bố đang đọc, hoặc để ông trưng bày những đồ chơi cổ vật mỹ thuật mà ông sưu tầm được. Quan trọng hơn cả là bộ bàn đèn thuốc phiện ngăn đôi cái giường, bố nằm một bên, người hầu tiêm một bên, trên hai tấm nệm bông lót gấm hồng đào, cạp xa tanh mầu lục biếc. Hân không mấy khi được phép lai vãng đến gần nơi bố nằm hút mặc dầu Hân rất thích nhìn những đồ dùng đẹp mắt trên bàn đèn của bố: cái xe điếu nạm ngọc ở hai đầu, những cái gác tiêm chạm trổ tinh vi, ngọn đèn dầu lạc

có cái chụp pha lê hình thoi khắc mờ mấy cánh hoa mai, cái điếu thuốc lào nạm xà cừ với các đường viền xung quanh bằng bạc thật, bộ ấm tách mầu gan gà và mấy cái chén hạt mít mỏng tang như vỏ trứng. Những hôm bố không đi kinh lý các cơ sở kinh doanh ở xa, ông nằm bàn đèn suốt ngày đêm tuy không phải lúc nào cũng hút. Khi bố không hút, người hầu tiêm tắt đèn, lau dọn dụng cụ sạch sẽ rồi lui xuống nhà dưới. Thay chỗ người hầu tiêm là thầy Vàng, thư ký của bố. Ông sẽ cùng với thầy Vàng xem xét sổ sách, kiểm soát công việc và ra lệnh mới cho những ngày tới. Bình thường bố ít nói và nói nhỏ, đủ cho người trước mặt nghe. Ông lặng lẽ di chuyển trên sàn căn gác gỗ, giữa bàn đèn và cái bàn viết cũng thật to, có nhiều ngăn kéo, kê sát với lan can cầu thang. Thế mà có một hôm Hân nghe bố hét thật to, tiếng hét vang dội từ căn gác thường ngày im lặng làm Hân hoảng hốt phóng một mạch từ nhà trước vào nhà sau, nghểnh cổ trông lên. Hân thấy thầy Vàng hấp tấp xuống cầu thang, như người chạy dưới gạch ngói đổ, đầu rụt giữa hai vai. Kể từ lúc đó, Hân không những cảm thấy bố vốn đã rất xa cách mà Hân còn sợ ông thêm nữa.

Bố Hân có nhiều khách quí: người Pháp, người Tầu, người Nhật. Họ đến nhà Hân bằng ô tô có tài xế đưa đón hoặc trên những cái xe tay gọng mạ kền hay mạ đồng sáng loáng. Bố tiếp họ bên cạnh bàn đèn thuốc phiện. Những ông khách này, để bắt đầu câu chuyện, thường nằm ở phía đối diện bố, theo kiểu úp thìa trong lòng người hầu tiêm ngoại trừ khi chính họ cũng muốn hút. Những giọt thuốc phiện sống, sánh như mật, nướng trên lửa đèn, nở bung như hạt ngô ở đầu mũi tiêm nhọn, được người hầu tiêm nhồi thật kỹ trên cái mặt tẩu nhẵn nhụi trước khi se thành hình ngọn giáo nhỏ và cắm nó vào giữa nõ. Hân rất thích cái cử chỉ khi người hầu tiêm làm xong điếu thuốc, ông nhẹ nhàng quay dọc tẩu về phía khách, một tay nâng chiếc dọc tẩu ngang với đèn, tay còn lại đỡ khuỷu tay bên kia như một lời mời trịnh trọng. Phải mất chừng một phút để điếu thuốc phiện cháy ro ro trên lửa, đủ cho người hút lấy hết khói vào phổi, nhả khói ra, lim dim mắt tận hưởng hương thơm của chất nhựa nâu lan tỏa trong từng mạch máu nhỏ. Gian gác những hôm bố Hân không đi xa, bao giờ cũng ấm áp ánh đèn. Qua song cửa sổ, mùi nha phiến thoảng bay thơm lừng cả một khoảng không gian nhấp nhô những mái nhà rêu tối. Đêm mùa thu sáng trăng, mẹ Hân thường nghỉ tay giữa đống công việc bề bộn, ra ngồi ở thềm bếp. Đó là vài dịp hiếm hoi mà Hân không bao giờ bỏ qua không sà vào lòng mẹ, hít lấy hít để mùi mắm muối trên vạt yếm vải che bầu ngực no đầy của bà. Mẹ kể khi sinh Hân được vài tháng, mẹ bị sốt rét nên phải cai sữa cho Hân. Có lẽ vì rời xa vú mẹ sớm, Hân vẫn có nỗi thèm thuồng được rúc vào ngực mẹ những khi mẹ ôm Hân vào lòng. Mẹ vừa xoa đầu Hân, vừa phe phẩy cái quạt nan nên chỉ một lúc là Hân ríu mắt lại, mang theo trong giấc ngủ những cái đuôi đom đóm xanh biếc lượn lờ quanh bờ rào và cái ô cửa sổ sáng đèn từ căn lầu cao của bố, với Hân, là một thế giới rất xa xôi.

■ ***Bùi Bích Hà***
(trích truyện dài MẸ)

Kỷ niệm 100 năm

ARTHUR KOESTLER

(1905 – 2005)

và tác phẩm DARKNESS AT NOON, 1942

"Lại thêm một điểm nhỏ tô màu tươi đẹp cho xứ Huế, kinh đô miền Trung, nghèo khổ và cằn cỗi, nhưng rất ưa chuộng văn học, các tác phẩm của Koestner, Plisnier, Weissberg... chưa kể của André Gide, một thời theo Mác, trở lại chống Mác sau khi đi Moscow về, và André Malraux theo Cộng ở Sàigòn và Thượng Hải, sau cũng chống Cộng, các tác phẩm của những văn hào trên nằm chĩnh chệ trên kệ sách thư viện L'Acceuil thuộc dòng Chúa Cứu Thế Rédemptoristes, chính tôi đã được đọc mùa hè năm 47 khi làm việc với cha Charles Bolduc. Cũng nhân tiện xin phép thông tri cho các bạn từng quen với cha Bolduc, sau khi Pháp đến chiếm tại Huế, đã sang Paris làm một đề án về Madame Bovary (1857) của Gustave Flaubert, trở thành giáo sư ở Đại học Laval, và mất năm 1990."

NGUYỄN PHÚC BỬU TẬP

Khoảng những thập niên ba, bốn mươi ở thế kỷ trước, Arthur Koestler đại diện cho lớp thanh niên trí thức Châu Âu, có mặt trong mọi cuộc tranh chấp bằng vũ khí hoặc bằng ngòi bút, trong các đạo quân chí nguyện đánh Quốc xã và Phát-xít, trong nhà lao tù ngục, trong bệnh viện sau khi bị tra tấn, và tại những nơi ma thiêng nước độc, hoặc những vùng băng giá Bắc cực, bị đày đến đó nếu còn được sống sót. Lớp người này đương thời với vua Duy Tân, Nguyễn Thái Học, Nguyễn An Ninh ..., trong khung cảnh nhỏ hẹp hơn của nước Việt Nam ta, xả thân tranh đấu phá xiềng xích của quân cướp nước da trắng.

Tính ra, năm nay 2005 đánh dấu một trăm năm tiên sinh Arthur Koestler chào đời, và lớp hậu sinh chịu ảnh hưởng của người trên toàn trái đất – trong đó có rất nhiều người Việt Nam bây giờ đang ở tuổi sáu, bảy, tám mươi – phải kính cẩn tưởng niệm nhà văn hào có tư tưởng đi ngược lại trào lưu cộng sản, cái trào lưu tệ hại hơn cả chủ nghĩa thực dân, trong quá khứ gần đây tưởng có lúc đã chinh phục toàn trái đất. Nếu không có lớp người mà Arthur Koestler tiêu biểu, số mệnh của nhân loại ngày nay ra sao, chỉ cần nhìn vào đất nước Cuba, Bắc Triều Tiêu và Việt Nam hiện tại để suy nghiệm. Bài này phần trước giới thiệu sơ lược Arthur Koestler; tiếp theo trình bày – cũng sơ lược – tác phẩm lừng danh của ông, *Darkness at Noon*; và sau cùng lạm bàn về ảnh hưởng chính trị, nghệ thuật, và phẩm chất thần bí của kiệt tác trên tư

tưởng và hành động của lớp người sống vào hậu bán thế kỷ 20, tư tưởng và hành động đã dẫn đến việc sụp đổ toàn diện của chủ nghĩa và chế độ Mác–xít.

- **Tiểu sử Arthur Koestler**.

Tiên sinh gốc người Do Thái, sinh vào tháng Chín năm 1905 tại Budapest, thủ đô của nước Hungary ở trung bộ châu Âu. Ông thụ huấn tại đại học University of Vienna, tốt nghiệp khoa Báo chí. Ông được tuyển chọn vào làm việc tại Luân Đôn cho tờ báo *News Chronicle* và được gởi đi làm phóng sự cuộc nội chiến Y Pha Nho, giữa phe quân phiệt do tướng Franco cầm đầu và chính phủ dân chủ vừa mới thắng cử trong cuộc phổ thông đầu phiếu dựng lên Phong trào Bình dân thuộc khuynh hướng xã hội. Nội chiến Y Pha Nho kéo dài ba năm 1936 – 1939, phe quân phiệt Franco toàn thắng. Arthur Koestler bị quân quốc xã cầm tù, nhiều lần bị đe dọa đem ra hành quyết, thoát chết nhờ chính phủ nước Anh can thiệp. Tài liệu chiến tranh và tù ngục được trình bày trong sách *The Spanish Testament* (1937), bổn dịch tiếng Pháp là "Le Testament Espagnol" – xin các bạn trẻ đừng ngạc nhiên và xin thứ lỗi vì chúng tôi chú thích nhiều bằng tiếng Pháp, bởi lẽ cách đây sáu mươi năm thanh niên Việt Nam không đọc được Anh ngữ, và có nhiều nơi như ở Trung Việt, học tiếng Anh còn bị sở Mật thám Pháp lưu ý.

Koestler gia nhập đảng Cộng sản năm 1931. Sau những điều tai nghe mắt thấy về đảng tại Âu châu, ông trả lại thẻ đảng năm 1938. Tuy vậy, ông vẫn tiếp tục ủng hộ chính sách Xô-viết cho tới khi Stalin gia nhập Liên minh Đức Quốc xã và Nga Xô–viết, kéo cờ lũy phát súng thành, chào đón ngoại trưởng Đức Quốc xã Ribbentrop tại phi trường Moscow, Nga xô công khai trở mặt với đồng minh châu Âu. Từ ngày đó, Koestler trở thành cây bút – rất lợi hại – chống Hitler và Stalin, đi tiên phong trong phong trào dân chủ thế giới.

Sáng tác văn học của tiên sinh trong giai đoạn này gồm một số tiểu thuyết hư cấu, lồng vào tư tưởng đấu tranh, lưu danh là tác phẩm *The Gladiators* (1939, bổn dịch tiếng Pháp "Les Gladiateurs", "Đấu sĩ", người ở La Mã cổ đại, được huấn luyện để ra vũ trường chém giết nhau cho công chúng xem), và *Arrival and Departure* (1943, bổn dịch tiếng Pháp "Croisade sans croix", "Thập tự quân không thánh giá"). Đề tài những tác phẩm này nêu lên vấn đề trách nhiệm con người trước đạo đức khi hoạt động chính trị. Ông đi sâu hơn vào vấn đề này trong những tác phẩm kế theo, *The Yogi and the Commissar* (1945, bổn dịch tiếng pháp "Le Yogi et le Commissaire", "Thầy Yoga và Ông Dận Ủy"), và *The God That Failed* (1949, người viết không tìm thấy bài tiếng Pháp và tiếng Việt). Các tác phẩm này phân tích những điều sai lầm của tư tưởng Mác-xít.

Từ năm 1940, để tránh việc dịch thuật nhiêu khê từ tiếng Đức sang hai loại tiếng phổ thông trên thế giới là Anh ngữ và Pháp ngữ, ông chỉ còn viết bằng Anh ngữ. Năm 1948, tiên sinh nhập tịch Anh quốc. Thập niên 50, Koestler bắt đầu viết tự truyện, xuất bản cuốn *Arrow in the Blue* (1952 "Tên bắn vào Huyền thoại") và

Invisible Writing, (1954, "Bút ký không nhìn thấy"). Từ thập niên 60, tiên sinh đi vào lĩnh vực khoa học huyền bí, phân tích khoa học, phân tích thuyết sáng tạo, phân tích thuyết huyền nhiệm. Tác phẩm thu hút được sự chú ý của khoa học gia là *The Ghost in the Machine* (1967, "Bóng ma trong máy"), phân tích quá trình sáng tạo khoa học và quá trình sáng tạo tác phẩm nghệ thuật. Cuốn sách phải thu hút được sự chú ý của khoa học gia và những người có tín ngưỡng ở phương Đông là cuốn *The Lotus and the Robot* (1960, "Hoa sen và Người máy") phân tích liên hệ cấu trúc giữa não bộ và ý niệm hương linh.

Arthur Koestler không quên được nguồn gốc Do Thái của ông, tìm hiểu vì sao con người văn minh hiện đại có thể độc ác đem hãm hại hàng triệu người vào lò hơi ngạt, là chuyện người Đức Quốc xã Nazi đã giết năm triệu người Do Thái bằng hơi độc cyanide trong Thế chiến Hai. Năm 1976, ông xuất bản cuốn *The Thirteen Tribe*, chứng minh là hận thù truyền kiếp giữa người theo đạo Ki Tô và người Do Thái phát xuất từ một điểm sai lầm vĩ đại, bởi lẽ giống người Do Thái ngày nay xuất xứ từ một cội nguồn không liên hệ với lịch sử tín ngưỡng Ki Tô. Nếu giả thuyết Koestler đúng, người theo đạo Ki Tô phải làm sao?

Tưởng cần phải nhắc thêm tác phẩm cuối cùng của ông, *Bricks to Babel* (1981, ("Góp gạch xây đền Babel") gom góp mọi bài viết của tiên sinh trong bốn mươi năm cầm bút, kèm theo những lời bình luận của chính ông.

Những năm tháng cuối cùng của tiên sinh, cũng như của bà Cynthia Koestler, bị con bệnh ung thư máu và bệnh Parkinson hành hạ. Tiên sinh tin tưởng vào thuyết trợ tử (euthanasia). Một buổi sáng mùa rét tháng ba 1983 tại Luân đôn, cô trợ tá cần vụ mở cửa phòng, thấy hai vợ chồng tiên sinh từ trần, ngồi trên ghế vì đã uống độc dược.

- **Tóm lược truyện *Darkness at Noon*.**

Tác phẩm lừng danh nhất của Arthur Koestler là *Darkness at Noon* ("Giữa trưa trời chợt tối"). Tựa đề lấy trong một câu thơ của thi hào Anh quốc Milton, thế kỷ 17: *"Oh dark, dark, dark, amid the blaze at noon"*, (Giữa nắng trưa sao trời làm tăm tối mịt mù). Bổn dịch tiếng Pháp, làm sách gối đầu của người trẻ Việt Nam ngày đó, mang tên là *Le Zéro et l'Infini* ("Số không và Vô tận") cụm từ nghe trừu tượng hơn. Gần đây, một tác giả Việt Nam viết một đề tài chính trị hiện đại, chắc cũng đã mượn ý của Milton và Koestler, gọi tên sách là "Đêm giữa ban ngày". Bổn Darkness at Noon (từ sau viết tắt là DaN) người viết đang đọc, do nhà xuất bản The New American Library, tái bản lần thứ 11 năm 1960 tại Mỹ. Sách viết tại Pháp, trong ba năm 1938 – 1940, nguyên văn tiếng Đức, tức thời được dịch qua ba mươi ngôn ngữ khác trên thế giới. Truyện gồm bốn chương, ba chương đầu thuật lại ba lần một tù nhân, lão Rubashov, bị lấy khẩu cung, chương cuối là bài tường thuật phiên tòa kết án tội phạm phải hành quyết.

Chương một. Cánh cửa xà lim đóng sập sau lưng lão Rubashov, cánh cửa ghi số 404 và tên lão trên một tấm 'các' đặt

trên một lỗ kính nhỏ, nhìn từ phía ngoài vào xà lim để kiểm soát. Rubashov là một cựu ủy viên chính trị, đã đóng góp xây dựng lên chế độ, và đã có thời cầm trong tay việc sinh sát hàng triệu người. Lão bị cơ quan mật vụ bắt tại nhà giữa đêm khuya, bí mật dẫn tới nhà ngục và bây giờ lão nhận ra mình bị giam biệt lập trong khu những người bị tình nghi làm chính trị phản động.

Hồi bảy giờ sáng tiếng kèn nhà lao đánh thức lão, nhưng lão vẫn nằm im. Tiếp theo, lão nghe tiếng động ngoài hành lang. Lão suy đoán có người đang bị hành hạ, và lão giật mình nghe tiếng rên xiết của nạn nhân. Lại có tiếng nhộn nhịp khác gần xà lim. Nhìn qua lỗ khóa, lão thấy cai ngục đang phân phát thức ăn sáng. Lão không được ăn sáng, vì hôm qua đã khai bệnh. Lão ngồi dậy, đi trong xà lim, sáu bước rưỡi chiều dài đến khung cửa sổ sau, và đi ngược lại sáu bước rưỡi.

Bỗng nhiên lão nghe tiếng đập bên tường, xà lim 403. Tù nhân liên lạc với nhau bằng một tín hiệu tứ giác, một hình vuông xếp bằng hai-mươi-lăm mẫu tự, năm hàng ngang, năm hàng dọc, mỗi hàng ngang năm chữ cái; tiếng đập đầu chỉ số thứ tự hàng ngang, tiếng đập tiếp theo chỉ ngôi mẫu tự trong hàng. Qua tín hiệu, Rubashov hình dung được đối thoại là một sĩ quan trong Quân lực Nga hoàng, không chút cảm tình với nhân vật số một (tức là Stalin, theo đúng truyền thống truyện hư cấu, tên nhân vật lịch sử không lúc nào được nói đến), và chính người đối thoại cũng không tránh khinh bỉ thù ghét đối với chính lão.

Lão nhìn qua cửa sổ phía sau, thấy tù nhân được dẫn đi bách bộ làm thể thao. Một tên tù sức môi, chốc chốc lại liếc nhìn lên phía cửa sổ xà lim của lão. Người tù nhân láng giềng xà lim 402 cho lão biết, qua tín hiệu, tên sứt môi là một tù nhân chính trị, cách đây một hôm đã bị tra tấn bằng cách tắm hơi nước. Một lúc sau, sứt môi ở xà lim 400 nhờ xà lim 402 chuyển lời chào của y đến Rubashov, nhưng y không cho biết danh tánh.

Ba ngày sau, Rubashov được dẫn lên thẩm vấn lần thứ nhất. Thẩm vấn viên Ivanov là người lão quen, lúc trước là bạn ở trường đại học, có lúc chỉ huy một tiểu đoàn trong Thế Chiến Hai. Rubashov được thông báo lão bị buộc tội đã đối lập với Đảng, và lão đã tham dự một âm mưu toan ám sát nhân vật số Một. Ivanov cho lão biết nếu lão hợp tác nhận tội, lão sẽ được kết án hai mươi năm khổ sai, và y tránh cho lão tội chết. Ivanov cho lão mười lăm hôm để suy nghĩ quyết định.

Chương hai: Mặc dù Rubashov lễ phép im lặng, nhưng Ivanov theo đường lối y quen áp dụng với các đảng viên kỳ cựu, vẫn cho phép lão, sau lần khẩu cung thứ nhất, được cấp phát giấy bút, thuốc lá và xà phòng, khăn mặt. Lão còn được phép dùng tiền khi bị bắt mà lão đã mang theo, mua ít thức ăn ở câu lạc bộ. Rubashov bắt đầu dùng bút giấy ghi cái ý nghĩ của mình về đường lối của Đảng và phong trào. Lão nhớ lại ngày trước khi lão điều khiển cơ quan tình báo và kiểm tra của Đảng, lão ra lệnh bắt tại nước Đức một người trẻ tuổi tên là Richard. Lão lại nhớ đến một biến cố xảy ra hai năm sau

đó tại nước Bỉ. Rubashov đã bị bắt, bị tra tấn, bị đánh đập tàn bạo. Tại Bỉ, lão đuổi ra khỏi Đảng một đảng viên háo hức và nhiệt tình, khiến y phải treo cổ tự tử. Rubashov cũng không quên được Arlova, người tình nhân cũ của lão, đã vì lão mà bị tội chết.

Cái hẹn mười lăm hôm đà hết. Đêm cuối cùng Rubashov cảm thấy trong không khí một mối căng thẳng. Người bạn xà lim bên cạnh thông báo cho lão biết sẽ có một tội phạm bị hành quyết. Tội nhân bị lôi kéo trong hành lang, đi qua xà lim của lão. Tội nhân, Michael Bogrow là bạn đồng chí năm xưa của lão, đã đóng góp xây dựng chế độ, đã được tuyên dương đệ nhất huy chương Cánh mạng. Tù nhân trong xà lim đập tín hiệu vào tường thông báo cho nhau giây phút hành hình. Rubashov tin là người đồng chí bị hành quyết, lúc bị lôi kéo trong hành lang, đã gọi to tên lão.

Chương ba: Cuộc thẩm vấn lần hai xảy ra lúc ban đêm. Ivanov tay cầm một chai rượu mạnh, đến tận xà lim của lão cùng lão uống để nói chuyện. Vẫn một luận điệu, thà sống trung thành với lý tưởng cách mạng, hơn là chết phản bội những người bạn đã chết vì cách mạng. Rubashov nhượng bộ một phần. Lão chịu viết một bức thư cho công tố viện từ bỏ lập trường chống đối lề lối mới của Đảng, và trong một phạm vi nào, nhìn nhận đó là lỗi của lão. Lão giao bức thư cho người giám ngục. Ba hôm sau lão bị dựng dậy lúc nửa đêm dẫn vào phòng lấy cung lần thứ ba. Người lấy khẩu cung là Gletkin, phụ tá cũ của Ivanov. Gletkin tiêu biểu cho lớp người mới do Cách mạng tạo nên. Mặt sắt như tiền, y báo cho Rubashov rõ là Ivanov đã bị hành quyết vì đã tỏ ra thiếu cẩn trọng trong vụ án đang xử của lão. Căn phòng sáng rực, với ngọn đèn pha chiếu thẳng ánh sáng vào mặt lão. Từ giờ phút đó, lão Rubashov bị tra hỏi ngày đêm liên miên không ngừng. Lão bị hỏi cung đối diện với tên Sứt môi. Rubashov khó khăn mới nhận được con người tàn tật đã bị chỉ định tố cáo lão là con của một người đã từng làm việc ngày trước với lão tên là Keiffer. Bị ánh đèn chói liên miên vào mặt, bị tra hỏi không lúc nào yên nghỉ được một phút, Rubashov đã tận lực, phải ký một bổn tự thú đã được sắp sẵn là lão đã tham dự vào một âm mưu ám sát nhân vật số một.

Lão hoàn toàn không biết một chút gì về công việc đã được bịa đặt ra. Lão biết mình chỉ là nạn nhân của một cuộc thay đổi trong đường lối của Đảng. Lão bất lực trước phương pháp tra tấn tàn bạo và lão chỉ còn mong muốn một điều là được ngủ. Và sau khi lão ký tờ thú nhận, Gletkin đã cho lão trở về xà lim để ngủ.

Chương bốn: Như thường lệ, cô con gái của người gác cổng tòa chung cư Rubashov trú ngụ, sau khi làm việc trở về, và sau khi học lớp huấn luyện chính trị, ngồi đọc báo cho bố nghe. Đề tài hôm nay là bổn tường thuật phiên tòa kết tội lão Rubashov phản Cách mạng, phản Đảng, phản tổ quốc. Rubashov đã nhìn nhận mọi tội lỗi trước tòa, lão thành tâm thú nhận tội ác của lão đối với nhân dân. Xoay mặt vào tường, sợ cô con gái thấy cha phản ứng như một người của chế độ

cũ, lão gác cổng thở dài thườn thượt và im lặng giả vờ ngủ.

Một đêm sau trong nhà lao, Rubashov nghe tiếng trống trong hành lang. Bọn cai ngục đem tên Sứt môi ra hành quyết. Khi tiếng trống lại nối tiếp thêm lần nữa, lão Rubashov biết đã đến lượt mình. Cai ngục trói tay kéo lão xuống nhà hầm trảm quyết. Một tên sĩ quan mật vụ mang súng có bao thơm mùi da mới bắn lão một phát vào đầu. Lão cảm thấy một đợt sóng dạt dào xô tới. "Một phát súng thứ hai xáng vào tai lão. Rồi tất cả trở về im lặng. Nghe như sóng biển lại vang dội đến. Một làn sóng đến nâng người lão lên. Đợt sóng đến từ xa, dõng dạc đường hoàng, như một thoáng nhún vai của vô tận."

- **Cảm nghĩ của người đọc lại Darkness At Noon:**

Darkness at Noon, trước tiên là một *dẫn chứng lịch sử* đối với người đọc sáu mươi năm sau ngày xuất bản, và đối với bao nhiêu thế hệ tới nếu còn tìm hiểu, hoặc nếu đang bị kiềm hãm trong cơn ác mộng Mác–xít. Cuốn truyện không những là một tài liệu lịch sử quá bổ ích mà còn là một *dẫn chứng nghệ thuật*, và một hình thức tiếp cận giải thích cái *không khí thần bí* đã biến chủ nghĩa Mác thành một tôn giáo có thời đã mê hoặc chúng ta, và đang mê hoặc những người thân yêu của chúng ta, không may sống dưới chế độ Mác–xít. Trước tiên, ta hãy tìm hiểu giá trị lịch sử.

Tưởng nơi đây cần xin phép ôn lại – nhất là cho bạn đọc trẻ ngày nay không còn, và không cần hiểu chủ nghĩa Mác–xít là gì – những điều đã xảy ra khoảng đầu thế kỷ hai mươi. Cách mệnh Cộng sản tại Nga thành công năm 1917 nhờ nhóm người gọi là Bolsheviks (Bônsêvic, viết theo Từ điển Việt Nam) trong Quốc hội Nga ngày đó. Phần đông những người Bônsêvic thuộc thành phần trí thức nước Nga, đã đứng lên chống đối chế độ phong kiến Nga hoàng. Họ là những người có tư tưởng xã hội, sống trong giấc mơ làm cách mệnh hoàn vũ. Stalin thay thế Lenin, chủ trương thực hiện cách mệnh bằng đường lối tiếp cận thiết thực, hành sự thực tế, không dây dưa với tình cảm. Muốn vậy trước phải loại bỏ những "bậc đại danh" Bônsêvic đã từng sát cánh với Lenin tranh đấu chống Nga hoàng vì những bậc đại danh đó mỗi người một ý gây ra chia rẽ, không áp dụng được kỷ luật sắt cho cách mệnh thành công. Do đó mà từ thập niên 30, xẩy ra trong lịch sử Nga và lịch sử các nước Cộng sản theo Stalin những vụ án gọi là "vụ án Moscow". Những người đã xây dựng lên Cách mạng Cộng sản, đã từng sống sót qua chế độ đàn áp tàn độc của Nga hoàng, những người đã xem cái chết tựa lông hồng, bây giờ ra trước tòa án nhân dân vỗ ngực thú nhận mình là người phản đảng, phản Cách mệnh, phản quốc, và xin tòa ban cho tội chết để làm gương cho những người đang chống Cách mệnh, trong lúc chính họ cũng không rõ họ đã làm nên tội gì. Đảng của Stalin đã tạo ra được đa số quần chúng trong chế độ chính trị mới, tin tưởng sắt đá vào đường lối mới, chứng cớ là cô bé cháu nội lão gác cổng chung cư Robashov trú ngụ, làm công nhân ban ngày, tan việc đi học tập chính trị, và ban đêm đọc báo cho ông

nội nghe để huấn luyện đầu óc ông nội phải theo Đảng. Đảng đã tạo nên được một số cán bộ công an cảnh sát, thẩm sát viên (như Gletvin trong truyện) và công tố viên như Vichinsky, ngoài đời, là nhà hùng biện, Ngoại trưởng Nga sô, đại diện cho chế độ Nga sô trước Liên hiệp quốc, một tay đã giết hằng ngàn hằng vạn người "phản cách mệnh". Ta thử nghe một đoạn buộc tội của Vichinsky đối với Bukharin, bạn thân của Lenin và Stalin, đã từng bị tra tấn và lưu đày, đã từng làm nhân viên Bộ Chính trị, đứng đầu tổ chức Comintern tức là tổ chức Đệ Tam Quốc Tế: "Không có một danh từ nào trong ngôn ngữ con người có thể diễn tả được tội ác ghê tởm của phạm nhân. Những người như y cũng như quân chó ghẻ làm mật thám phản cách mệnh phải đem ra bắn chết như loài súc vật dơ bẩn... Nhân dân ta chỉ khao khát một điều là chà đạp hết loại rắn độc này. Chôn xác chúng xuống đất làm phân bón cho loại cây cỏ mới, mọc lên dưới sự chỉ dẫn của Đồng chí lãnh đạo, vị thầy yêu quý của chúng ta là Đồng chí Stalin."

Và ta hãy nghe lời thú tội của Bukharin:

"Tôi xin hoàn toàn đồng ý với những lời buộc tội của đồng chí Công tố viên, người đã trình bày rõ ràng tội ác vô cùng dơ bẩn khốn kiếp của chúng tôi. Hôm nay chắc hẳn là lần cuối cùng tôi được lên tiếng, tôi xin giải thích cặn kẽ bằng cách nào tôi đã nhìn thấy rõ sự việc công bằng của những biện pháp công lý đã áp dụng cho tôi... Tôi đã hiểu được khi tôi từ bỏ đường lối lãnh đạo của nhóm Bônsêvic là tôi đã tự dấn thân vào con đường cướp bóc tội lỗi. Tôi xin quỳ trước hồn thiêng quốc gia, trước Đảng, trước nhân dân để nhận tội... Tôi ước mong là tội trạng và hình phạt áp dụng cho tôi sẽ mở được mắt của bao nhiêu người hiện đang muốn chống đối đường lối vĩ đại và trong sáng của Đồng chí Stalin..."

Sáu mươi năm sau, đọc lại những đoạn văn này, chúng ta vẫn khó tin đó là chữ nghĩa thật!

Sau hơn nửa thế kỷ được thấy tận mắt những biến cố đã xảy ra trên thế giới do chủ nghĩa Mác-xít đem lại, gây ra sự diệt vong thảm khốc của hàng trăm triệu người, chúng ta bây giờ – những người Việt Nam nạn nhân trực tiếp của cuộc tang thương, có thể bình tâm nhìn lại nguyên nhân sâu xa của cuộc điêu linh đó, mà Darkness at Noon là một dẫn chứng cụ thể, đồng thời là một khí cụ cho ta dùng để phân tích giải phẫu.

Tác phẩm bất hủ dài 222 trang, mỗi giòng đều cô đọng, được tác giả gọi là một tiểu thuyết hư cấu. Trước câu chuyện tác giả đã cẩn thận báo rõ là mọi việc trùng hợp về tên họ, cử chỉ hay hành vi của nhân vật trong truyện, nếu có chút giống người ngoài đời, phải xem là hoàn toàn ngẫu nhiên. Dễ hiểu thôi, tác giả viết về một chế độ đói khát, muốn sống phải tố cáo nhau. Thế nhưng không một ai đã học hay đọc lịch sử lại có thể nhầm lẫn được. "Nhân vật số một" trong sách là Stalin, cốt lõi câu chuyện là "các vụ án Moscow", quốc gia Nga sô và kinh đô Moscow không lúc nào được nhắc đến trong truyện, cố ý tạo nên một nhãn quan hoàn vũ, áp dụng được cho mỗi một quốc gia thờ chủ nghĩa Mác. Thật sự, các vụ án

Moscow đã xẩy ra không riêng gì ở Moscow, đơn cử như vụ án kết tội lãnh tụ Bonsêvic nước Hung Gia Lợi tên là Rajk, bị bí thư Đảng là Rakosi xử tử sau khi Rajk phát lời tự thú đã phản Đảng, phản quốc năm 1949. Bốn năm sau, tại Tiệp Khắc, một nhân vật lãnh tụ Bônsêvic cũng vỗ ngực tự xưng là phản Đảng để nhận tội chết.

Giá trị lịch sử của Darkness at Noon khiến ta liên tưởng đến các câu chuyện cùng một đề mục, một kỹ thuật diễn tả lịch sử của người làm cách mệnh theo Stalin và người làm cách mệnh không theo Stalin, các câu chuyện đi trước hay sau Koestler một vài năm. Điển hình là câu chuyện trong tiểu thuyết **Faux Passeports* (1936, "Thông hành giả") của Charles Plisnier, người Bỉ đã theo Cộng sản rồi từ bỏ Cộng sản. (Nhà văn Nguyễn Tuân của chúng ta, vì ham đọc Plisnier đã được Mật thám Pháp hỏi thăm sức khỏe; câu chuyện được nhắc lại trong hồi ký của Tô Hoài). Một câu chuyện thứ hai không xa lạ với chúng ta ngày đó là *Les Accusés* (1951, "Những kẻ đắc tội") của Alex Weissberg.

Ta còn tìm thấy giá trị lịch sử của Darkness at Noon trong nghệ thuật mô tả linh động các nhân vật sinh hoạt trong guồng máy cách mệnh đầu thế kỷ 20. Ngay cái tên Rubashov cũng là cách chơi chữ 'amalgam' của tác giả Koestler, dùng tên vợ chồng hai người bạn thân là Alex và Eva Weissberg, từng vào tù ra khám ở Nga và về sau cũng không thoát khỏi bàn tay đẫm máu của Vichinsky. Và một phần hình ảnh của Trotsky được làm sống lại qua bức tranh tác giả Koestler vẽ lại người bạn xà lim 403 của Rubashov. Tả hình dung được y là một sĩ quan cao ngạo của quân lực Nga hoàng, xem tên phản loạn làm cách mệnh Rubashov như đồ rơm rác. Y mang cái kính 'monocle' đeo một mắt, dùng gọng kính đập vào tường để thông ám hiệu với Rubashov. Ngày đầu tiên, lão Rubashov quá thèm thuốc lá năn nỉ xin y chút đỉnh. Y "thong thả và dõng dạc" trả lời: "Có, ta có thuốc lá chứ, nhưng không để cho quân bây." Thật đúng là bức tranh truyền hình của nhà lãnh tụ cách mệnh Trotsky, gốc người Do Thái, thượng lưu trí thức, chống đối Bônsêvic thành lập nhóm thiểu số Mansêvic, chủ trương cách mệnh thường trực và cách mệnh hoàn vũ, điều khiển bộ máy quân sự của Đảng, đã từng làm ủy viên Ngoại giao và Chiến tranh Sô-viết.

Một điểm nhỏ nữa khêu gợi tò mò – ngạc nhiên thì đúng hơn – của người đọc là tác phong của sĩ quan và quân nhân trong quân lực Nga Sô viết. Hai mươi năm sau cách mệnh, Ivanov, người bạn cũ của Rubashov, nay ở trong hàng ngũ quân lực cách mệnh, vẫn giữ trọn vẹn cách cư xử đối với người thuộc hạ cộng sự viên Gletkin (ý hẳn thuộc thành phần "chính trị viên" mới), khinh khi không che dấu, gây ra phản ứng "cách mệnh trả thù" của Gletkin tố cáo Ivanov thiên vị và lập tức bị thủ tiêu. Một dữ kiện ghi vào hồ sơ tiêu biểu Hồng quân bách chiến của Nga sô!

"Lại thêm một điểm nhỏ tô màu tươi đẹp cho xứ Huế, kinh đô miền Trung, nghèo khổ và cằn cỗi, nhưng rất ưa chuộng văn học: các tác phẩm của Koestler, Plisnier, Weissberg... chưa kể của André Gide, một thời theo Mác, trở lại chống Mác khi đi Moscow về, và André Malraux theo Cộng ở Saigon và Thượng Hải, sau cũng chống Cộng, các

tác phẩm của những văn hào trên nằm chĩnh chệ trên kệ sách thư viện L'Accueil, thuộc Giòng Chúa Cứu Thế Rédemptoristes, chính tôi đã được đọc mùa hè năm 47 khi làm việc với cha Charles Bolduc. Cũng nhân tiện xin phép thông tri cho các bạn từng quen với cha Bolduc, vị linh mục khả ái người Gia Nã Đại, có tác phong khác hẳn các "ông Cha Tây", là Cha Bolduc, sau khi Pháp đến chiếm lại Huế, đã sang Paris làm một đề án về *Madame Bovary* (1857) của Gustave Flaubert, trở thành giáo sư ở Đại học Laval, và mất năm 1990".

Thế nhưng nếu Darkness at Noon chỉ là một tài liệu lịch sử thuật lại những tình tiết và cảnh huống của các vụ án Moscow xảy ra trong các thập niên 30, 40 thế kỷ 20 trước, thì tác phẩm này của Koestler bây giờ chắc cũng đã bị quên lãng trong kệ sách thư viện, như tác phẩm của Plisnier, của Weissberg... Ngày nay, sau hơn nửa thế kỷ được ấn hành, Darkness at Noon còn được lưu truyền, giữ nguyên nguồn hấp dẫn, bởi lẽ tác phẩm của Koestler, không những là một tài liệu sử học, mà trước hết là một *tác phẩm nghệ thuật*. Tài liệu lịch sử, nếu hữu dụng, phải được đồng hóa với sự thật khoa học mà sự thật khoa học thường trắng trợn, phũ phàng, khó tìm chỗ đứng trong văn chương. Mô tả khoa học vẽ ra từng nét, từng lớp bề ngoài của vật thể ta chung đụng và kinh nghiệm. Sự thật nghệ thuật khác hơn: nhìn với con mắt nghệ thuật, diễn tả bằng nghệ thuật, tức là làm cho vật vô tri trở nên có linh hồn. Vật thể, sự kiện đem ra diễn tả mang nặng tình cảm của người nhìn, thiện cảm hay ác cảm.

Này nhé: từ trang đầu sách ta đã lờm lợm ghét lão Rubashov. Cái hình ảnh lão bị một tên lính trẻ của sở Mật vụ "lớn lên không hề biết lão là một vị đại quan của Cách mệnh, chỉ quen thuộc với các "bậc anh hùng" mới của Đảng, không chút nể vì, còng tay lão dẫn ra xe bít bùng, cái hình ảnh đó không làm cho người đọc buồn, trái lại làm vui với ý nghĩ là lão ngày trước đâu có thương xót ai, bây giờ bị trời trả báo. Nhưng rồi, từng khúc đoạn câu chuyện, trong cuộc lấy cung lần đầu, lão gặp người bạn cũ Ivanov bây giờ ở bên kia hàng ngũ chống đối lão, có quyền sinh sát trên vận mệnh lão, nhưng trực diện lão vẫn giữ được khí phách không để cho tên thẩm sát viên quan sát tìm chỗ hở của lão, mà trái lại lão mỉm cười nhìn chỗ sơ hở của tên thẩm sát viên. Tự nhiên ta định tâm bớt căng thẳng với lão. Nhất là khi vào Chương hai, lão gặp tên thẩm sát viên người của chế độ mới, tác phong tàn bạo như chú lính Mật vụ đến nhà bắt lão, nhưng có nhiều học thức hơn, nhiều quyền hành hơn, thấm nhuần tư tưởng của đường lối mới, biết dùng mưu mẹo đẩy lão vào tròng. Tuy cực nhọc dưới ánh đèn và tìm cách gỡ ra những câu hỏi moi móc, bịa đặt, xoắn lấy lão, lão ngạc nhiên không dấu chút vui mừng và tự hào là Gletkin, người đang tìm phương pháp giết lão, con người của thế hệ mới – lại chính là do lão đã góp phần đắc lực đào tạo nên. Gletkin, tên "chính trị viên" đang phục vụ đúng tiêu chuẩn của nền cách mệnh mà thâm tâm lão không bao giờ chối từ. Lão xót thương người bạn thẩm sát viên, người của thế hệ lão, Ivanov, người của chế độ mới nhưng giữ tác phong của chế độ cũ – trước cách mệnh – đã vì chút cảm tình vụn vặt đối với lão, mà đã mất mạng, do lời tố cáo của

Gletkin (ta hiểu vậy, trong truyện không nói tới).

Và ta bị thuyết phục bởi cái lôgic của hoàn cảnh, ta tự nhiên không dấu được cảm tình với lão. Và không phải ta mà thôi, một triết gia cỡ lớn của Pháp, Maurice Merleau–Ponty, đương thời đã viết một tác phẩm triết học *Humanisme et Terreur* ("Nhân đạo xã hội và chánh sách khủng bố", Paris 1947), tán thành cái cảm tình của Rubashov đối với Gletkin. Merleau–Ponty lý luận là Rubashov và các "bậc đại nhân" làm ra cách mệnh, thành công tạo ra lớp người mới xây dựng xã hội mới như Gletkin, và đương nhiên lớp người mới này phải chà đạp, không chút tiếc thương lớp người cũ, vì chút cảm tình vụn vặt theo kiểu phong kiến và tiểu tư sản của chúng ta sẽ làm hư cách mệnh! Cái lôgic trói buộc Rubashov – sau khi tính toán và suy gẫm – đã chấp nhận thái độ tàn nhẫn của Gletkin, và tự thú trước tòa. Chúng ta, người đọc Koestler, chịu ảnh hưởng của Merleau–Ponty, tán thành hay chối bỏ tư tưởng Mác, cũng phải phần nào ngã theo lôgic của Rubashov và chia sẻ cảm tình với lão.

Một điểm không thể bỏ qua nơi đây là cách mệnh có dùng cực hình tra tấn hay không. Trong Darkness at noon, thẩm sát viên Ivanov và Gletkin không dùng cực hình (như tra tấn, đảo huyền, điện cao thế, trấn nước...) mà chỉ dùng một lối cực hình khoa học (dọi ánh đèn vào mặt, tra khảo liên miên không nghỉ...), và khêu gợi lý luận của nạn nhân phải hy sinh cho đường lối cách mệnh. Trong thập niên 40, nhà học giả Hoa kỳ danh vang bốn bể John Dewey, được dư luận báo chí và trí thức Mỹ mời đi điều tra các vụ án Moscow, đã sang Mexico gặp Trotsky, và đã kết luận là nhà tù và cách tra tấn Moscow tốt đẹp như trong truyện Koestler. Hai mươi năm sau, Khrushchev đọc trước Đại hội Cộng sản lần thứ 20 bài diễn văn tố cáo tội ác của Stalin, giết chết bảy triệu người đồng chí và lưu đày tàn sát 15 triệu người vào vùng kinh tế mới ở Siberia, cũng đã buộc tội Stalin hệ thống hóa việc dùng cực hình. Như vậy, Koestler đã "thi vị hóa" khá nhiều chế độ lao tù của Stalin, một khía cạnh của nghệ thuật.

Đi xa hơn giá trị lịch sử và giá trị nghệ thuật vừa trình bày ở trên, đặc phẩm Darkness at Noon – theo thiển ý của người viết những giòng này – còn phải gọi là một *dẫn chứng hướng linh*, cho phép người nhân chứng như chúng ta gặp được phần không khí thần bí chứa đựng trong điều nhận thức sâu sắc chợt bừng sáng để giải thích vì sao chủ thuyết của Mác (cũng chỉ là một tư tưởng triết lý như bao tư tưởng triết lý khác) đã trở thành một tôn giáo làm nhiều người tôn thờ. Dẫn chứng cụ thể là Tố Hữu. Ai trong chúng ta, những người Việt Nam ở tuổi bảy mươi lại đã không từng đọc thơ Tố Hữu? Một người như Tố Hữu chắc chắn đã đọc Gide, Malraux, Plisnier..., Koestler, và chắc chắn muôn phần tội ác của Stalin, vì sao lại đã làm những câu thơ ca tụng tên sát nhân "thương mình thương một, thương ông thương mười"?

Có điều không chối cãi được là lịch sử đang tái diễn. Sáu mươi năm sau, nhân loại chúng ta đang sống với điều thần bí (mystique) của tôn giáo Islam, và cái cảnh tượng tra khảo trong tù ngục giữa Gletkin và Rubashov (không kém ghê rợn) đang xảy ra trong chiến tranh Hoa kỳ – Iraq.

■ ***Nguyễn Phúc Bửu Tập.***

Văn như Siêu Quát...

Đoàn Khoách

Là bốn chữ đầu trong hai câu thơ sau đây không biết xuất hiện từ hồi nào và do ai sáng tác - có thuyết cho là của vua Tự Đức - (1) nhằm suy tôn văn tài của bốn nhân vật nổi tiếng một thời ở Huế đã đi vào lịch sử dân tộc cũng như lịch sử văn học:

"Văn như Siêu Quát vô Tiền Hán,
Thi đáo Tùng Tuy thất Thịnh Đường"

文如超适無前漢
詩到從綏失盛唐

Siêu là Nguyễn Văn Siêu, Quát là Cao Bá Quát, Tùng Thiện vương là Nguyễn Phúc Miên Thẩm, Tuy Lý vương là Nguyễn Phúc Miên Trinh, con thứ mười và thứ mười một của vua Minh Mệnh nhà Nguyễn.

Nói chuyện bên Tàu thì đời Tiền Hán rất nổi tiếng về văn, nhất là lối văn chép sử. Hai bộ sử lớn là *Sử Ký* của Tư Mã Thiên và *Hán Thư* của Ban Cố ở vào thời kỳ đó. Chính Tư Mã Thiên đã làm một cuộc đổi mới lớn lao trong phương pháp chép sử, khiến cho Trung Quốc vang danh trên văn đàn thế giới. Còn thời Thịnh Đường thì rất nổi tiêng về thơ, không những số thi nhân đã nhiều, mà số thi phẩm cũng đặc biệt phát triển cả về lượng lẫn về phẩm. Đỗ Phủ là một thi thánh, Lý Bạch là một thi tiên. Lý là ngôi sao bắc đẩu trên thi đàn muôn thuở của Trung Quốc. Tài của Lý rất đặc biệt, tâm hồn của Lý cũng rất đặc biệt, Lý không phải là một người phàm, mà Lý là một tiên ông bị đày xuống trần thế. Ấy thế mà nói đến văn của Nguyễn, của Cao thì như không còn thấy văn chương thời Tiền Hán là trác tuyệt ; nói đến thơ của hai vị thi ông, thi bá Tùng Thiện, Tuy Lý thì thơ thời Thịnh Đường cũng không còn theo kịp.

Ý kiến trên đây có xác đáng hay có cường điệu nhiều ít chi chăng, thiết tưởng các nhà nghiên cứu văn hóa và văn học có thể giúp chúng ta ước định được điều này? Riêng bài viết nho nhỏ này của chúng tôi chỉ nhằm giới thiệu một bài văn của họ Cao viết vào năm 1843. Đó là bài *Hậu tự* viết cho một cuốn Truyện Nôm có nhan đề : *Đệ Bát Tài Tử Hoa Tiên Ký Diễn Âm*. Nhưng trước khi trình bày lai lịch bài hậu tự này, chúng tôi cũng xin phép được nói qua một chút về tác giả bài văn đó.

I .- Cao Bá Quát, cuộc đời và tác phẩm: Cao Bá Quát là một bậc tài tử. Sinh vào khoảng những năm đầu thế kỷ XIX, quán làng Phú Thị, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh. Tự Mẫn Hiên, hiệu Chu Thần, tư chất thông minh nhưng tính rất kiêu ngạo. Thường nói: "Thiên hạ có bốn bồ chữ, mình tôi chiếm hai bồ, anh tôi Bá Đạt và bạn tôi Nguyễn Siêu giữ một bồ, còn một bồ phân phát cho các kẻ khác".

Năm 24 tuổi, họ Cao không may phải táng thê. Ông làm bài văn khóc vợ như sau đáng danh tài tử:

嗚呼
女不幸而爲才子婦
男不幸而爲紅顏夫
爾今二十有一一朝千
古我今二十有四四海
九洲
噫紅顏薄分才子無緣
惟我與爾有是夫

Ô hô!
Nữ bất hạnh nhi vi tài tử phụ,
Nam bất hạnh nhi vi hồng nhan phu,

Nhĩ kim nhị thập hữu nhất, nhất triêu thiên cổ ;
Ngã kim nhị thập hữu tứ, tứ hải cửu chu.
Y ! Hồng nhan bạc phận, tài tử vô duyên, duy ngã dữ nhĩ hữu thị phù!
(Than ôi!
Gái không may mới làm vợ kẻ tài tử,
Trai không may mới làm chồng khách hồng nhan.
Mình nay hai mươi mốt, một sớm thình lình thiên cổ,
Ta nay hai mươi bốn, bốn bể trôi nổi chín châu . . .
Hỡi ôi! Hồng nhan bạc phận, tài tử vô duyên, chỉ có mình với ta như vậy ru ?) (2)

Văn chương tỏ khí phách ngang tàng và không chịu đi vào khuôn sáo. Năm Minh Mệnh thứ 12 (1831) đậu Á nguyên kỳ thi Hương ở Hà Nội, nhưng sau bị đánh xuống hàng cuối bảng. Năm sau vào Kinh thi Hội, rớt, rồi rớt liền trong mấy khoa sau. Cao Bá Quát sinh chán nản, phẩn uất, bỏ khoa cử, đi ngao du rày đây mai đó, lại hay dùng lời thơ trào phúng để mỉa mai những việc dọc đường. Năm Thiệu Trị thứ nhất (1841), họ Cao được quan tỉnh Bắc Ninh tiến cử, được vời vào Kinh lãnh chức Hành tẩu bộ Lễ. Trong khi giữ trách nhiệm một vị sơ khảo ở trường thi Thừa Thiên, ông lấy muội đèn sửa giúp mấy quyển thi phạm húy. Việc phát giác, bị cách chức và phát phối vào Đà Nẵng. Hai năm sau nhân có phái bộ Đào Trí Phú đi công cán sang Tân-Gia-Ba, ông được cho đi theo để chuộc tội. Lúc về được Triều đình cho phục chức, sau đó được vào làm việc ở Viện Hàn lâm. Tuy chức nhỏ nhưng nhờ văn tài, nên thời gian này họ Cao được giới quyền quý ở Kinh đô trọng nể. Ông kết thân với những văn nhân nổi tiếng như Nguyễn Hàm Ninh, Đinh Nhật Thận, Miên Thẩm,... nhưng lại thường làm cho nhiều người bất bình vì thái độ cao ngạo. Một số hành vi của họ Cao đối với vua quan lúc bấy giờ đã trở nên những giai thoại đi vào văn học sử.

Nghe nói rằng vua Tự Đức là một người hiếu học và hay chữ, có câu đối sau đây treo ở điện Cần Chánh :

子能承父業
臣可報君恩

(Tử năng thừa phụ nghiệp,
Thần khả báo quân ân)

Vua lấy làm đắc ý mà các quan cũng chịu là hay. Riêng Cao Bá Quát thì tỏ vẻ không phục, than rằng : "hảo hề! hảo hề! phụ tử quân thần điên đảo".

好兮好兮父子君臣顛倒

Nhà vua nghe nói, mới cho gọi vào phán hỏi duyên do. Cao Bá Quát liền tâu: "chữ *tử* đứng trên chữ *phụ*, ấy là con trên cha; chữ *thần* đứng trên chữ *quân*, ấy là tôi trên vua, xin thưa điên đảo là thế" . Vua bảo chữa, liền đọc :

"Quân ân thần khả báo,
Phụ nghiệp tử năng thừa"

君恩臣可報
父業子能承

Nghe câu chữa lại, nhà vua chắc không vui nhưng cũng phải nhận chữa như thế thì *cương thường* thuận lẽ mà ý tứ cũng già giặn hơn.(3)

Một lần khác, văn thần Phan Văn Nhã vâng lệnh vua Tự Đức thảo một bài văn *Ngọc điệp*. Khi thảo xong, họ Phan đặt một tiệc rượu mời các đồng liêu đến dự, nhân đó để khoe tài. Không ngờ trong số các quan có người lại chê bài văn có mấy chỗ hỏng. Lời qua tiếng lại, gây nên chuyện đánh nhau.

Sau vua nghe kể lại, biết hôm đó có mặt họ Cao, mới gọi vào hỏi rõ đầu đuôi. Cao Bá Quát liền tâu : "Bất tri ý hà, lưỡng tương đấu khẩu. Bỉ viết cẩu, thử viết cẩu, bỉ thử

giai cẩu, dĩ chí đấu ẩu. Thần khủng phệ thần, thần hoảng thần tẩu" 不知意何兩相鬥口彼曰狗此曰狗彼此皆狗以至鬥毆臣恐吠臣臣恍臣走

(Chẳng biết ý sao, hai bên cãi nhau, bên này bảo chó, bên kia bảo chó, hai bên đều chó, rồi đến đánh nhau. Thần sợ cắn thần, thần hoảng thần chạy).

Tuy Lý, Tùng Thiện không những nổi tiếng là thi bá, thi ông ở đất Thần Kinh, mà còn được văn nhân nước ngoài kính phục, thế nhưng *Mạc Vân Thi Xã* của hai ngài vẫn không tránh khỏi lời lẽ chê bai của họ Cao bằng hai câu thơ diễu cợt :

Ngán cho cái mũi vô duyên,
Câu thơ Thi Xã, con thuyền Nghệ An

慘朱丐鼻無緣
句書詩社猥船乂安

Với họ Cao, thi xã Mạc Vân cũng giống như con thuyền Nghệ An chở nước mắm nên nặng mùi khó ngửi!

Còn khá nhiều giai thoại đại để như thế.

Ở đâu văn tài họ Cao cũng được người ta phục, nhưng thái độ cao kỳ, ngạo mạn của con người tài tử đó lại làm cho người ta ghét. Năm 1854, Cao Bá Quát được lệnh rời Kinh đi nhậm chức Giáo thụ phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây. Hoàn cảnh sinh hoạt của một viên Giáo thụ tỉnh lẻ ở vùng quê xa Kinh đô :

" *Nhà trống ba gian, một thầy một cô một chó cái; Học trò dăm đứa, nửa người nửa ngợm nửa đười ươi* "

dễ làm cho họ Cao vừa chán nản, vừa phẫn uất. Nhiệm chức được mấy tháng, ông cáo bệnh từ chức về quê ở Bắc Ninh ... rồi biệt tích.

Trở lại từ những năm ba mươi, bốn mươi, thế kỷ XIX, phong trào "phiến loạn" ở Bắc kỳ nhiều lần bùng nổ, tuy đã dẹp yên nhưng mồi phản loạn vẫn còn âm ỉ. Đến năm 1854, vùng Sơn Tây lại hạn nặng, thêm nạn châu chấu, nên mùa màng mất sạch, đời sống dân chúng hết sức khó khăn. Bấy giờ một nhóm hào mục do Nguyễn Kim Thanh cầm đầu, mượn tiếng phù Lê, tôn Lê Duy Cự làm minh chủ. Cao Bá Quát liên lạc với nhóm này và tự xưng làm Quốc sư, kêu gọi dân chúng khởi nghĩa. Trên lá cờ của nghĩa quân ở Mỹ Lương có ghi hai dòng chữ lớn :

"Bình-dương Bồ-bản vô Nghiêu Thuấn,
Mục-dã Minh-điều hữu Võ Thang"

(Ở Bình-dương Bồ-bản không có vua tốt như vua Nghiêu vua Thuấn, thì ở Mục-dã Minh-điều phải có người chống lại như vua Võ vua Thang)

Theo *Đại Nam Liệt Truyện* (Q. 46, mục Nghịch thần) thì nghĩa quân đã đánh phá được một số nơi, nhưng cuối cùng bị quân triều phá tan, họ Cao thua chết tại trận. Việc đến tai vua, vua truyền đem đầu Bá Quát bêu khắp các tỉnh Bắc kỳ, rồi giã nhỏ ném xuống sông. Có thuyết bảo họ Cao bị bắt, đưa về giam ở Sơn Tây, rồi giải về nguyên quán Phú Thị để chịu án tử hình. Dầu sao, chung cục cũng thật thương tâm cho một kiếp tài hoa!

Thi văn Cao Bá Quát cho đến nay góp nhặt lại trên cả nghìn bài, gồm có hai phần : Hán và Nôm. Phần văn Nôm ít, gồm có một bài phú *Tài tử đa cùng*, mươi bài hát nói, một số bài thơ ngắn và một số câu đối. Phần chữ Hán nhiều hơn, được tập hợp trong các tập có tên:

Cao Bá Quát Thi Tập (A.210),
Cao Chu Thần Di Cảo (VHv.1431/1-2),
Cao Chu Thần Thi Tập (A.299),
Mẫn Hiên Thi Tập (VHv.48).

Các thi văn tập trên đây hiện có tại Thư viện Viện Hán Nôm Hà Nội, tại các Thư viện Hiệp hội châu Á và Học viện Viễn đông Bác cổ Pháp.

Bài văn của họ Cao chúng tôi giới thiệu dưới đây không có trong các thi văn tập nói trên.

II.- Bài *"hậu tự" Đệ bát tài tử Hoa tiên ký diễn âm* : *Đệ bát tài tử Hoa tiên ký Diễn âm là sách gì* ? Tại sao Cao Bá Quát lại đề tự cho sách đó ?

Đệ bát tài tử Hoa tiên ký Diễn âm, còn có tên *Truyện Hoa Tiên*, là một tác phẩm thơ Nôm làm theo thể lục bát. Tác giả là Nguyễn Huy Tự, một danh sĩ sống cuối thời Lê Trịnh, phỏng tác theo một ca bản miền Nam Trung Hoa có tên *Đệ bát tài tử Hoa tiên ký*.

Có thể nói *Truyện Hoa Tiên* là một bài thơ dài ca ngợi tình yêu trong lịch sử văn học Việt Nam. Sau khi ra đời vào nửa sau thế kỷ XVIII, tác phẩm lại được một danh sĩ khác là Nguyễn Thiện nhuận sắc. Ý hẳn đây là một tác phẩm thơ Nôm của hàng sĩ đại phu có học vấn cao, có hàm dưỡng sâu, nội dung lại thuật chuyện luyến ái của hạng giai nhân tài tử, nên dễ dàng lôi cuốn cảm tình và thẩm mỹ quan của người đồng điệu như họ Cao. Do đó, Cao Bá Quát sau khi đọc *Hoa tiên ký Diễn âm*, đã tìm cách hiệu đính những chỗ lầm lẫn, bổ sung những điều thiếu sót, mong cho quyển sách trở nên tác phẩm giá trị của một nhà và nhân đó nói ra những cảm nghĩ chân thật của mình đối với tác phẩm.

Bài "*hậu tự*" này trước đây vào năm 1946, Dương Quảng Hàm khi giới thiệu *Truyện Hoa Tiên*, có phiên âm ra chữ quốc ngữ, nhưng chỉ chép lại bài phỏng dịch sơ lược của Đặng Trần Tiến in ở *Đông Dương tạp chí* năm 1916. Những bản *Truyện Hoa Tiên* chữ Nôm có bài hậu tự của họ Cao như bản của Dương Quảng Hàm, bản của Học viện Viễn đông Bác cổ Pháp, từ sau năm 1946, các nhà nghiên cứu *Truyện Hoa Tiên* cho là không còn tìm thấy nữa. Do đó mà đến năm 1961, Lại Ngọc Cang khi giới thiệu bài tự này, cũng chỉ dựa vào bản phiên âm nói trên mà dịch ra, nên không khỏi có chỗ lầm lẫn. Hôm nay nhờ bản phóng ảnh *Đệ bát tài tử Hoa tiên ký Diễn âm* của Học viện Viễn đông Bác cổ Pháp, chúng tôi xin trình bày đầy đủ bản chữ Hán bài *"hậu tự"* của Cao Bá Quát cùng các phần phiên âm và dịch nghĩa.

Chữ Hán.- Chép theo nguyên bản bài "*Hậu tự*" của Học viện Viễn đông Bác cổ Pháp (4):

音演記箋花子才八第

後序

可也廢心文哉莫觸思旨起暱倫之而典草正勢散隱壯此鑄金近柄
言語可匠之也而之理之也狎之偲大之氣義語聚續悲致陶使也話
之國書人吾窺情伸之箋說愛子切情節風其窒于斷發之將而者爲
語讀之古翼淺于而下花爲情父友之勸態奇不至遇辭挫猶者後資
國也翹噫羽以苦引天於其際於朋好忠世文而經境離頓秕作其徒
也可雲也以可莫合之吾焉之達義相褒情其辨有置陸極糠被乎之
邦不金可所而人遇長矣感匹而之弟謀人微則而位怪文垢衣瞠薄
是乎箋不旨也古于而半有配私臣兄兵而之理詭歡光音塵瓦翹輕
生廢花乎妙章夫難類過良於之主雅政小木說則悲現之其百雲世

爲予檢悶加釐之嗟未語韓如宮曲雲語而事雲世
委夫篦愁妄謬家就吾國國溫郡傳金國進之金警
察也廢之復訛書得章觀我立鵬于篾觀必章何則
不悲翁閱輒其一未文章焉林陵至花語矣文謂篾
往可鄰而寶訂成卒爲文取家少魏得國可吾其花
往曲于取巨欲勒涉語以有作模漢復以作乎好語
家艷偶本獲方屑遠國苟竊後規驟吾夫不通同世
觫辭久是如正煩適以也吾以古馳工焉書以我達也
操淫廢得中点其書夫敢則詮述詞之翹二求與翹語

旨

紹治癸卯七月將望

愛菊堂道人

高周臣适

富市序

Phiên âm .-

Đệ Bát Tài Tử Hoa Tiên Ký Diễn Âm Hậu Tự

Sinh thị bang dã, quốc ngữ chi ngôn khả phế hồ ? Bất khả dã. Độc quốc ngữ dã, *Hoa Tiên, Kim Vân Kiều* chi thư khả phế hồ ? Bất khả dã. Y ! cổ nhân tượng tâm diệu chỉ, sở dĩ vũ dực ngô chi văn chương dã, nhi khả dĩ thiển khuy dã tai ?

Phù, cổ nhân mạc khổ vu tình, nhi mạc nan vu ngộ hiệp. Dẫn nhi thân chi, xúc loại nhi trưởng chi, thiên hạ chi lý, tư quá bán hỹ. Ngô ư *Hoa Tiên* chi chỉ, lương hữu cảm yên. Kỳ vi thuyết dã, khởi ư phối thất chi tế, tình ái hiệp nật chi tư, nhi đạt ư phụ tử chi luân, chủ thần chi nghĩa, bằng hữu thiết ti chi nhã, huynh đệ tương hiếu chi tình, đại nhi triều chính binh mưu, bao trung khuyến tiết chi điển, tiểu nhi nhân tình thế thái, phong khí thảo mộc chi vi, kỳ văn kì kỳ nghĩa chính, thuyết lý tắc biện nhi bất trất, ngữ thế tắc quỉ nhi bất kinh. Chí vu tụ tán bi hoan, vị trí cảnh ngộ, đoạn tục ẩn hiện, quang quái lục ly, từ phát bi tráng chi âm, văn cực đốn tỏa chi trí. Thử kỳ trần cấu khang chủy, do tương đào chú bách ngõa (a), y bị tác giả, nhi sử *Kim Vân Kiều* sanh hồ kỳ hậu giả dã.

Cận thế khinh bạc chi đồ, tư vi thoại bính, thao cô (b) gia vãng vãng bất sát, ủy vi dâm từ diễm khúc, khả bi dã phù ! Dư phế cửu, ngẫu vu lân ông phế lộc (c), kiểm đắc thị bổn, thủ nhi duyệt chi, sầu muộn trung như hoạch cự bảo, triếp phục vọng gia điểm chính, phương dục đính kỳ ngoa mậu, ly kỳ phiền tiết, lặc thành nhất gia chi thư, thích viễn thiệp, tốt vị đắc tựu.

Ta phù! dĩ quốc ngữ vi văn chương, ngô vị cảm dã. Cẩu dĩ văn chương quan quốc ngữ, tắc ngô thiết hữu thủ yên. Ngã quốc Hàn Thuyên dĩ hậu, tác gia lâm lập, Ôn Như thuật cổ, quy mô Thiếu Lăng, Bằng Quận cung từ, trì sậu Hán Ngụy. Chí vu truyện khúc chi công, ngô phục đắc *Hoa Tiên, Kim Vân Kiều* yên.

Phù, dĩ quốc ngữ quan quốc ngữ, nhị thư bất tác khả hỹ, tất tiến nhi cầu dĩ thông hồ ngô văn chương chi sự. Dữ ngã đồng hiếu, kỳ vị hà ? *Kim Vân Kiều* đạt thế ngữ, *Hoa Tiên* tắc cảnh thế ngữ dã.

Thời

Thiệu Trị quý mão thất nguyệt tương vọng

Ái cúc đường đạo nhân Phú Thị (d)

Cao Chu Thần Quát tự

Biệt chú .-

(a) nguyên văn ghi 百氏 (bách *thị*)

(b) nguyên văn ghi 操瓢 (*tháo bầu*)
(c) nguyên văn ghi 廢麓 (*phế lộc*)
(d) nguyên văn ghi 富江 (Phú *Giang*)

Dịch nghĩa .-

Đệ Bát Tài Tử Hoa Tiên Ký Diễn Âm Hậu tự

Sống ở đất nước này, có thể bỏ lời nói quốc ngữ được không ? Không thể được. Đọc văn quốc ngữ, có thể bỏ các sách *Hoa Tiên, Kim Vân Kiều* được không ? Không thể được. Ôi ! tình hay ý đẹp của người xưa đã làm vây cánh cho văn chương ta, vậy ta có thể nào nhìn nông xét cạn được sao ?

Này, người ta chẳng có gì khổ bằng tình, mà chẳng có gì khó bằng gặp gỡ sum họp. Lấy đó mà suy, về cái giống nhau của các sự vật, xét rộng ra thì cái lý trong thiên hạ cũng đã hiểu được quá nửa rồi.

Đối với cái hay cái đẹp của *Hoa Tiên*, ta đã có mối thiện cảm đặc biệt. Đó là một cuốn truyện bắt đầu từ chỗ lứa đôi gặp gỡ, riêng tư khắng khít yêu thương, rồi đạt đến đạo cha con, nghĩa vua tôi, gắn bó lịch sự giữa bè bạn, tình cảm thắm thiết với anh em ; lớn là việc triều chính binh mưu, làm phép tắc cho việc khen trung khuyến tiết, nhỏ là chỗ tinh tế của thế thái nhân tình, của cỏ cây mây gió. Văn thì lạ, nghĩa thì chính. Nói về lý thì rành mạch mà không bế tắc, bàn việc đời thì biến ảo mà không trái lẽ thường. Đến như tan hợp buồn vui, hết vị trí này đến cảnh ngộ khác, đứt nối ẩn hiện, biến hóa hấp dẫn; lời phát ra tiếng nghe bi tráng, văn đặt thật có ý vị lắng trầm. Từ bụi bặm cám bả, tác giả đã hun đúc nên gạch ngói, khiến cho *Kim Vân Kiều* sau đó ngước mắt theo mà xuất hiện. Gần đây, những kẻ khinh bạc mượn cớ bàn tán, thường chẳng suy xét, nên đã xếp *Hoa Tiên* vào loại " lời dâm, khúc đẹp ", thật đáng buồn thay.

Ta bị bỏ đã lâu,(5) tình cờ tìm gặp quyển này trong góc tủ nhà ông hàng xóm, lấy về đọc. Trong lúc sầu muộn, như được vật báu lớn, liền mạo muội chấm sửa, chỉ muốn đính chính những chỗ sai lầm, sửa sang những chỗ vụn vặt phiền phức, mong làm thành tác phẩm của một nhà.(6) Vừa gặp lúc đi xa, nên cuối cùng chưa làm xong được. Than ôi ! Lấy quốc ngữ làm văn chương,(7) thì ta chưa dám ; nhưng lấy văn chương để xem quốc ngữ,(8) thì ta cũng trộm cho là phải. Nước ta, từ sau Hàn Thuyên, tác gia mọc lên như rừng ; thơ thuật cổ của Ôn Như, mẫu mực ngang với Thiếu Lăng,(9) điệu cung từ của Bằng Quận (10) tài tình kịp Hán Ngụy. Đến như truyện hay, ta thấy có *Hoa Tiên* và *Kim Vân Kiều*. Ôi, lấy quốc ngữ để xem quốc ngữ, thì hai quyển sách kia không có cũng được ; nhưng nếu phải tiến lên để cầu cho văn chương của ta khỏi bế tắc, thì các bạn cùng yêu thích như ta, nghĩ sao ? Ta thì cho *Kim Vân Kiều* là lời nói thông suốt sự lý ở đời, còn *Hoa Tiên* là lời nói răn đời.

Thời gian
Gần ngày rằm tháng bảy, năm Quý mão đời Thiệu Trị (1843)
Ái cúc đường đạo nhân
Phú Thị Cao Chu Thần là Quát
đề tựa.

Chú thích :

(1) Theo Kiều Oánh Mậu, trong *Bản triều bạn nghịch liệt truyện*, tờ 28b, thì hai câu này là của người Tàu (Thanh nhân) lúc bây giờ.
(2) Lãng Nhân, *Giai thoại làng Nho*, Nam Chi tùng thư xb., Saigon, 1966, trang 307-308.
(3) Trần Trung Viên và Hư Chu, *Văn Đàn Bảo Giám* Q,4, Mặc lâm xb., Saigon, 1968,trang 186.
(4) Xin cám ơn anh Lê Văn Đặng và anh Alexandre Le đã gởi cho bản phóng ảnh *Hoa Tiên Ký Diễn Âm*.
(5) Ý hẳn chỉ thời gian bị phát phối vào ĐàNẵng sau khi phạm tội ở trường thi Thừa Thiên.

(6)"Nhất gia chi thư" là tác phẩm đầy đủ, có giá trị của một nhà có danh tiếng.
(7) "Lấy quốc ngữ làm văn chương" : ý nói vì quá yêu văn quốc ngữ mà bất kỳ tác phẩm quốc ngữ nào cũng cho là có giá trị.
(8) "Lấy văn chương để xem quốc ngữ ": ý nói phải lấy cái hay cái đẹp của văn chương làm tiêu chuẩn để đo giá trị những tác phẩm quốc ngữ.
(9) Ôn Như là tên hiệu của Nguyễn Gia Thiều, tác giả *Cung Oán Ngâm Khúc*. Thiếu Lăng là tên hiệu của thi hào Đỗ Phủ đời Đường.
(10) Bằng Quận tức Bằng Quận công, tước của Nguyễn Hữu Chỉnh , tác giả tập thơ Nôm *Cung Oán Thi* , mấy bài phú Nôm như *Quách Tử Nghi Phú, Trương Lưu Hầu Phú* và tập thơ *Ngôn Ẩn Thi Tập* bằng chữ Hán.

Phụ lục : Trích mấy dòng đầu và cuối bài ***"Hậu tự"*** của **Cao Bá Quát** trong *Đệ bát tài tử Hoa Tiên Ký Diễn Âm* (microfilm của Học viện Viễn đông Bác cổ Pháp) :

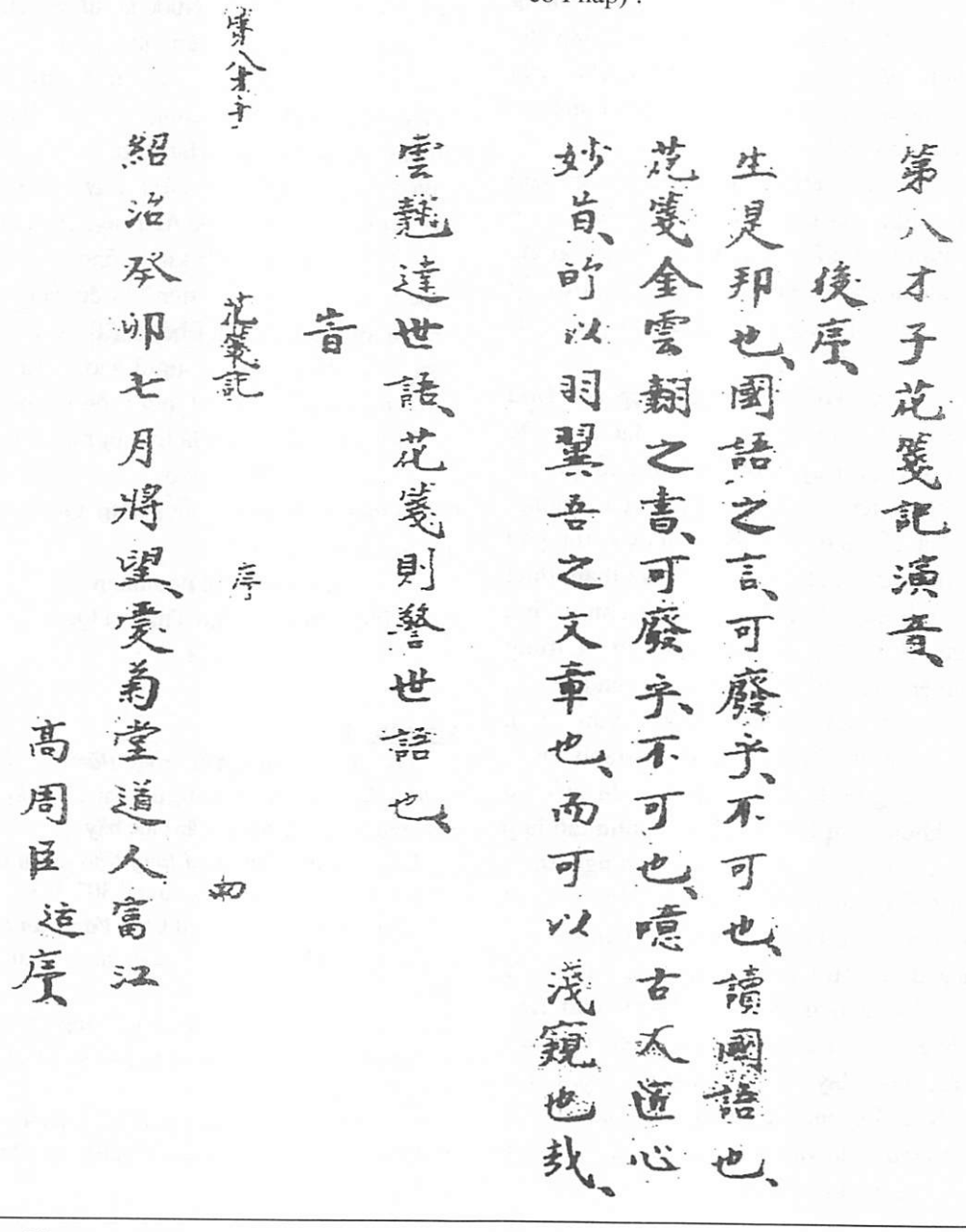

第八才子花箋記演音
後序
生是邦也、國語之言、可廢乎、不可也、讀國語也、
花箋全雲翹之書、可廢乎、不可也、噫古人遣心
妙旨、豈以羽翼吾之文章也、而可以淺窺也哉、
雲翹達世話、花箋則警世語也、
音
花箋記 序 如
紹治癸卯七月將望、愛菊堂道人富江
高周氏述序

Tình anh gửi trên cao

Phan Mộng Hoàn

Minh mượn chiếc xe đạp Phượng Hoàng của Như Ý, con gái út của người bạn thân. Anh thủng thẳng đạp một vòng thăm lại Huế xưa khi anh tròn 18 tuổi.

Chiếc xe màu đen còn mới tinh, sản xuất từ Trung quốc, chở anh nhẹ nhàng đi khắp mọi xó xỉnh cố đô. Anh về thăm quê hương nhằm mùa lạnh của Huế, trời mát mẻ dễ chịu. Vừa qua cái lụt cuối tháng 10 âm lịch, nên vùng ven thành phố thấy xơ xác. Minh đạp xuôi rồi đạp ngược tìm tới nhà đám bạn hồi cùng học Quốc Học, nhưng không thấy tên nào, may còn có Khang ở Ngự Viên. Vợ chồng con cái túm tụm ở với nhau trông đầm ấm. Hôm tới nhà hắn, tên bạn này mặc bộ bà ba trắng kiểu Huế, tiên phong đạo cốt, ra vẻ ngoại công công. Con gái lớn Khang, lấy chồng năm kia, nay đã sinh cho vợ chồng bạn một thằng cu kháu khỉnh. Thằng bé khiến Minh nhớ cháu nội của mình ở bên ấy. Nó lên hai và thông minh đáo để, là nguồn vui vô tận của tuổi già họ. Ông nội nó về chơi một mình vì vợ Minh phải ở lại để giữ trẻ là cháu nội. Minh không ra ở ngoài Khách Sạn vì Khang nhất định níu anh ở nhà hắn để hai đứa tha hồ tâm sự. Khang dành cho Minh một phòng nhỏ, với cái giường kiểu cổ, 4 chân giường kê chênh vênh trên 4 cục táp lô chất hai lớp, Khanh giải thích để phòng lụt, khi nào nước lên cao xấp xỏa chân giường! Phòng là cái chái xung quanh có mấy kệ gỗ cao ngất chứa ăm ắp sách quý Khang ký cóp được từ mấy chục năm qua. Hắn ta là dân chuyên khảo cổ về Huế mà. Tối hôm qua vợ Khang pha ấm trà ướp sen cho đôi bạn ngồi hàn huyên chuyện đời trải hơn 40 năm của họ. Minh tình cờ thoáng nghe bạn nhắc *người xưa một thời da diết* của mình vẫn còn ngự trên cao như thuở nào và *người ta* vẫn còn cô đơn chiếc bóng. Vậy là suốt đêm Minh trằn trọc không chợp được mắt. Mải khi tiếng gà xóm bên rộn ràng đua nhau gáy, Minh vừa mơ màng một tí thì phải chỗi dậy. Anh bàng hoàng vì hình như anh mơ thấy nàng, vẫn mảnh mai dáng liễu, áo lụa màu mỡ gà, tóc xỏa ngang lưng và yểu điệu cúi đầu chào Minh, ánh mắt đen láy nhìn anh. Lúm đồng tiền một bên má tròn hoay làm Minh nao lòng.

Trưa nắng ấm, Minh rảo bộ đi tìm *nàng thơ*. Người ấy tên là Vân Thi, một trong những hoa khôi của Huế. Ngày xưa, Minh quen nàng nhân tình cờ dọn lên học thi ở nhà vợ chồng người chị gái ở Thượng Thành. Vân Thi cũng cư ngụ nhà ông anh họ ở trên này. Minh muốn tìm

thăm lại chốn xưa để xem thoáng mây trắng có còn vương vấn trên cõi cao ấy?

Minh lững thững qua cầu Gia Hội, mới tân trang kiểu cọ kỳ cục. Những hành lang bằng xi măng kết hợp bởi hàng loạt những trụ cột uốn éo chỗ thắt chỗ loe cho mình cảm tưởng đang đi trong một chùa chiền nào. Nó lại còn quanh co, từng bậc dâng cao nữa và sơn trắng. Minh nghĩ chắc lại là tác phẩm của một ông cụ nhà quê *ngoài ta* vào, nổi hứng bắt Huế *thi công*. Dưới cầu sông nước lặng lờ trôi, đám "đệ thất hạm đội" (*) đò gia di tản đâu hết không thấy. Chỉ có hàng dừa đứng buồn hiu xõa tóc soi bóng hai bờ con sông đào. Minh ghé qua chợ Đông Ba, trước 75 xây cao hai tầng khang trang rộng rãi nhưng hồi đó Minh đã rời khỏi Huế. Anh vào hàng trái cây tính mua kí nho đỏ. Cô hàng khoe, "nho Mỹ thứ thiệt không có hột chú ơi". Cô ta liến thoắng chào mời nghe vui tai, khiến khách mua thêm chùm nhãn lồng trái to như ngón chân cái và hột nhỏ xíu cỡ mút tay út, chở từ trong Nam ra. Anh vui vẻ theo gợi ý cô hàng, mua nửa tá Thanh Long tươi rói màu đỏ tím là loại trái cây đặc biệt của Nha Trang. Bây giờ Huế buôn bán đủ món ngon vật lạ tứ xứ dồn về. Nổi bật nhất là măng cụt Huế, trái tròn nhỏ da nâu đen, chất gọn một rổ nhỏ, cô chủ hàng khoe, *dạ mới hái xuống và không phải khi mô cũng có, măng vườn Kim Long ngon ngọt chịu không thấu*. Minh ăn thử loại trái quý này, nó còn có tên thiệt đẹp là Giáng châu. Trái cắt đôi để lộ những múi trắng ngần, và nó sẽ tan trong miệng, ngọt dịu mát cả lòng dạ. Tự nhiên nghe lời chào ngọt như mía lùi của cô hàng, khách đã mua một đống trái cây, Minh phải nhờ cô ta mua dùm cái bị lát to sù mới chứa hết mớ trái trăn sắm *đột xuất* này. Rời chợ ôm đồm như thế nên Minh đành "ngự" lên chiếc xích lô, nói chú tài xế xe 3 bánh hướng vào cửa Đông Ba, khoảng gần chợ Xép thì cho anh xuống. Chiếc xe xuôi vào đường hồi trước là Ngã Giữa, còn có tên Gia Long. Anh ngồi thoải mái sâu trong lòng xe, mắt ngắm những cửa hàng nho nhỏ, đến cửa hàng Mỹ Thắng với bà chủ *vang bóng một thời*, giờ chắc đã thay đổi chủ nhân. Ngày ấy bọn con trai thích rủ nhau ghé "chộ mệ" xem nhan sắc trung niên mỹ phụ, coi thử *ra răng* khiến lảo đảo trái tim của hơn một chàng trai nghệ sĩ. Dọc hai bên đường, Minh thấy những cửa hàng bày đồ điện sáng ngời chất cao như núi, nối tiếp là hàng bếp gia dụng tối tân không thua chi bên Mỹ. Khi xe rẽ tới ngã ba vì con đường chợt tách đôi. Minh nhớ tiệm Châu Anh, hồi đó lâu lâu cả bầy rủ nhau vào đó kêu tô mì ngon thiệt ngon. Tô mì nước lèo mùi vị thanh tao lẫn béo bùi, thịt xa xíu nhai sừn sựt, điểm lá xa lách xanh mượt, nhất là sợi mì cao có ngọn, thỏa mãn dạ dày háu ăn của tuổi trẻ. Minh vừa dòm cảnh xưa dần hiện ra trước mắt anh vừa lơ đãng nghe người bạn lái xe đang líu lo. Chú ta ốm nhom mép có hàng ria. Hắn tiá lia đủ thứ trên trời dưới đất không một lúc ngơi nghỉ. "Em cho là bác mới ở bên tên về, ngó qua là thấy ngay, ai cũng trắng tươi!" Xe chạy một loáng đã gần lối rẽ lên cầu vào cổng Đông Ba. Minh ngó trật thấy góc kia có quán nhỏ treo bán đầy nem, chả, tré. Chú xích lô đoán ra ý đồ của khách nên tự động quành xe ghé đến

chỗ *Mợ Tôn* ngày trước. Minh lại mua vài chục nem, tré và đòn chả lụa. Minh bâng khuâng. Biết cô ấy có còn nhớ mình?! À mà không có nàng, nàng không nhìn ra mình, không có ai quen trên ấy thì đem về nhà nhậu với Khang, không được sao? Minh tự trấn tỉnh như thế.

Xe bò lên cầu và chui vào lòng cổng Đông Ba cao đồ sộ. Minh nói chú tài rẽ theo con đường nhỏ hướng tay phải, anh nhớ đi một chút nữa là tới Chợ Xép. Minh biểu xích lô dừng lại. Tần ngần trước lối lên Thượng thành, khách ngẩn người ra đứng nhìn mải những cấp đá thanh. Chú ria mép hỏi, *bác có cần xe đợi dưới ni không*? Nhưng Minh lắc đầu. Anh muốn yên tĩnh lúc này mà chú ta thì ồn ào liến thoắng quá.

Những cấp đá thanh đã ngã màu xám xịt, nhiều chỗ lõm vẹt xuống. Hai bên vách cao ngất và bám đầy những rễ đa ngoằn ngoèo như bầy rắn từ trên cao mải miết bò xuống. Minh ngập ngừng leo lên từng bậc cấp. Không biết có phải vì xách đồ quá tải làm anh lê không nổi? Nghiêng mắt nhìn lên trên ấy, bóng mát của lùm bụi sum xuê tỏa ra một sắc xanh đậm. Khách ngẩn ngơ vì lối xưa giờ sao âm u. Nhưng không phải thế. Vượt hết mấy chục bậc thang lát bằng đá, Minh ngỡ ngàng vì trước mắt hiện ra cảnh nhà cửa xây ngay hàng thẳng lối, nhà nào cũng mái ngói đỏ au không giống chút chi ngày xưa. Hồi đó, khoảng 40 năm trước, nơi đây là khu nhà nhếch nhác. Những căn nhà gỗ tạp, mái lợp tôn hay nhà vách táp lô sơ sài. Dân ngụ cư đa số nghèo nàn, thường là gia đình hạ sĩ quan. Chẳng hạn ông anh chú bác của Minh, là thượng sĩ quèn, vợ ốm yếu mà ham sinh bầy sáu đứa con đẻ năm một. Hàng xóm là những gia đình chạy tản cư không muốn trở về quê cũ. Họ nấn ná ở lại thành phố, dựng tạm túp lều sống qua ngày, sinh con đẻ cái rồi định cư luôn trên mặt thượng thành.

Minh dòm quanh. Phía sau vẫn còn những cây mía mừng thân đỏ nâu, san sát mọc thành bụi rậm rạp, lá mía vươn cao phất phơ như cờ trước gió. Đằng trước, nơi mép Thượng thành những rẻo đất được vun xới thành luống thành vồng, trên đó trồng rau thơm, rau răm và từng đám rau cải xanh non mơn mởn. Những con bướm vàng bay lượn xập xòe sao mà thanh bình thế. Phía trước hiên nhà nào cũng *tranh thủ* dựng dàn tre, trên ấy bò lan đám hoa giấy màu tím rưng rức, khi là sắc trắng tinh khiết. Nơi khác là dàn Tigôn hồng phơn phớt, đang chúm chím cười nụ. Trên hiên nhà bày chậu hoa thọ vàng rực, nơi là chậu kiểng sứ men lam trồng gốc mai. Cành mai gầy guộc chi chít mầm lá xanh non, hứa hẹn cho bao nhiêu nụ mai vàng rực rỡ khi gió xuân về. Không trung bầu trời xanh lơ, lững lờ cụm mây trắng hiền hòa nhìn xuống thế nhân. Gió trưa mát rượi, lòng Minh dâng lên niềm thương mến quê hương, sau bao cảnh hãi hùng vì cuộc thế đổi thay, nay đã sống lại, vì anh thấy cảnh vật đã sống động tươi vui. Giữa trưa hanh nắng, Minh lang thang trên con đường đất đỏ nện phẳng phiu. Anh cố tìm lại mái nhà xưa nơi anh từng cư ngụ, nhưng không thể nào thấy được. 40 năm trôi qua với cảnh đời dâu biển, dễ chi tồn tại mãnh linh hồn cũ!

Minh dặt dìu bước ngắn, nhẩm tính rằng thuở ấy từ chỗ cấp đá lên mặt Thượng thành, nhà Minh ở cách đó chừng vài trăm mét. Xa hơn và khuất nẻo nơi khúc uốn của Thượng thành, là nhà nàng. Căn nhà nhỏ hai căn ba chái, mái tôn. Nơi cửa sổ treo rèm xanh nhạt, thấp thoáng cô học trò xinh như mơ... Trưa nay, Minh đã lui tới khoảng đó và rảo chân đến cả chục lần, vẫn không cách chi đoán ra được nhà nàng ngày xưa. Không còn căn nhà nhỏ với cửa sổ giăng màn thiên thanh và nhất là không cả thiếu nữ xinh tươi thuở ấy. Cuối cùng Minh đành may rủi ghé vào một căn nhà xinh xinh, mái ngói đỏ đã ngả sang màu nâu. Vách sơn xám ửng hồng, nơi hàng hiên treo lủng lẳng giò lan hé nụ hàm tiếu sắc tim tím. Cửa lớn hai mặt lát kính vân hoa trang nhã. Minh ấn nhẹ nút chuông điện gắn bên tường. Không phải chờ lâu, nửa phút sau cánh cửa lớn hé mở. Một cái đầu thò ra nhìn khách. Cậu thiếu niên tóc ngắn, mặt mày khôi ngô khẽ chào:

– Dạ thưa bác muốn hỏi nhà ai?

– Cậu cho tôi hỏi thăm xóm này có bà Vân Thi?

Cậu trai nhỏ nhíu mày như lạ lẫm trước cái tên ấy. Cậu lắc đầu nói:

– Cháu về ở đây đã nửa năm nay và chưa nghe có ai tên như thế. Bà Vân Thi bác hỏi, trước ở đây khoảng thời gian nào?

Minh nghĩ ngợi một lúc rồi nói:

– Tôi từ xa về. Bà Vân Thi là bạn quen thân từ lâu, vào năm 1969...

Cậu bé tròn xoe mắt ngắm khách:

– Lúc đó cháu chưa được sinh ra. Hay là mời bác vào nhà nghỉ cho khoẻ, và chờ cháu hỏi ông nội cháu, may ra ôn biết.

Minh theo chân cậu bé dễ thương bước vào nhà. Vì nhà ở trên Thượng thành diện tích mặt bằng buộc phải giới hạn nên người ta thường cơi thêm cái gác lửng bằng gỗ trong phòng khách. Trên đó là phòng ngủ cho cả nhà vừa kín đáo vừa lịch sự. Minh ngồi vào bộ xa lông đặt trước bàn thờ tổ tiên. Anh dòm quanh, đoán đời sống chủ nhân có vẻ nhẹ nhàng, vì qua đồ đạc trang trí nội thất thấy khá lịch sự. Anh nhìn mấy khung ảnh đặt trên cái tủ thờ cẩn xa cừ, chân dung của hai ông bà cụ vận quốc phục, mặt mày hiền từ. Minh chợt nghe tiếng đằng hắng từ trên gác lửng, rồi một ông già tóc râu bạc phơ bước xuống từ chiếc thang gỗ. Ông cụ trọng tuổi nhưng vẻ người còn khang kiện, Ông vui vẻ chào Minh. Anh đứng lên đáp lễ và hỏi thăm về người bạn gái ngày xưa. Ông cụ nhìn thẳng vào mặt khách chậm rãi nói:

– Thưa, như ông đây là thế nào với bà Vân Thi?

– Dạ, tôi là bạn ngày xưa rất thân của cô ấy, khoảng 40 năm về trước.

Ông lão ngó mông ra cửa, trả lời:

– Vậy thì ông hỏi đúng địa chỉ. Nhà này nay là nhà của chúng tôi. Tôi là thân phụ của Vân Thi. Trước đây vợ chồng tôi ở tận Truồi. Gửi con gái lên Huế trọ học nhà thằng cháu kêu tôi bằng chú, tức anh họ của Vân Thi. Sau mùa lụt dữ tợn cuối năm 1999, chúng tôi dọn lên đây ở...

Minh có vẻ sốt ruột, vội cắt ngang:

– Còn Vân Thi, cô ấy...?

Ông cụ lại đăm đăm nhìn khách:

– Nó không còn ở đây nữa.

Minh thất vọng, ngồi thừ người ra không nói năng gì. Ông cụ khẽ ho và tiếp lời:

– Con gái chúng tôi hiện ở dưới kia, coi việc buôn bán một tiệm thuốc Tây.

Minh thở phào nhẹ nhõm. Anh vội soạn từ cái xách quà lấy ra bao nhiêu là trái cây tươi ngon. Anh gọi cậu thiếu niên đưa cho anh cái dĩa bàn lớn. Minh xin phép ông cụ được dâng cúng ít trái cây lên bàn thờ gia tiên. Ông già theo dõi người khách bạn của con gái sắp sửa lễ vật và nghiêm trang thắp hương khấn vái trước bàn thờ. Sau đó, khách chào từ giã. Ông cụ hỏi:

– Vậy ông không muốn gặp lại bạn cũ sao?

– Dạ, có chứ ạ. Bác cho cháu xin địa chỉ của Vân Thi, có lẽ bạn bè cũ chúng cháu sẽ hẹn nhau một buổi hội ngộ nay mai.

Minh từ giã chủ nhân và lững thững đi dạo sâu hơn vào khúc quành của Thượng thành. Vừa đi anh vừa hồi tưởng lại thuở ấy khi Minh đang là chàng trai Quốc Học, chăm việc học thi Tú tài hai...

Minh người gốc Huế, nhưng sau Tết Mậu Thân, gia đình chuyển vào làm ăn ở Đà Nẵng. Khi đỗ xong Tú tài Bán phần, anh trở ra Huế học lớp đệ nhất Quốc Học ban B. Vốn người Huế nên bạn bè Minh nhiều và vì anh học thuộc loại giỏi nên ai cũng muốn anh về ở chung với họ để kềm kẹp nhau. Cuối cùng anh chọn về trọ nhà chị gái, chồng là thượng sĩ quân nhu. Hai vợ chồng anh Hiến sang cái nhà nhỏ ở tạm trên Thượng thành cho vợ tiện việc buôn bán. Chị Nga của Minh có quầy nhỏ bán vải, vóc, tơ lụa ở Chợ Xép, chân Thượng thành. Mẹ của Minh lo giúp mua tơ lụa từ xứ Quảng ra cho con gái bán lại. Minh lâu lâu vô ra Huế Đà Nẵng giúp chở hàng hóa cho chị mình. Như thế anh vừa có chỗ trọ học vừa trông coi nhà cửa cho anh chị, vì gần như nhà bỏ trống cả ngày, tối mịt họ mới trở về tổ ấm. Minh ở trên này yên tĩnh ôn tập bài thi. Anh hầu như không bước chân ra khỏi cửa đi chơi đâu. Suốt ngày ngoài việc đạp xe đến trường rồi về nhà, Minh ở lì trong căn phòng nhỏ dành riêng cho mình cắm cúi vào chuyện đèn sách. Tụi bạn kháo với nhau, thằng Minh phen này muốn giật bảng thủ khoa tú tài toàn! Minh ham học đến xanh xao. Chị Nga tội nghiệp quá phải mỗi ngày kiếm mua thêm đồ ăn nóng sốt bán ở quán chợ đem về bồi dưỡng cho em trai.

Qua tuần lễ thứ hai, vào đêm có trăng thượng tuần. Minh vươn vai rời bàn học. Anh mở cửa lớn ra khỏi nhà định dạo một vòng cho dãn gân cốt. Chung quanh Minh, cảnh vật hư ảo dưới ánh trăng non. Nhà cửa xa xa gần gần đều bất động và in đen sậm một màu trên nền trời tím thẫm. Nơi mép Thượng thành, đám lau sậy đằng trước nghiêng ngã khi chụm đầu vào nhau khi tách rời ra, và nghe như chúng thì thào những lời to nhỏ bí mật. Phía sau, những bụi mía mừng cao ngất ngưởng, không ngớt xạc xào lay động, bóng trăng chiếu dọi xuống mặt đất thành những khối hình thù quái dị. Minh nghe vẳng trong đêm khuya âm thanh ken két kéo dài ra rồi có lúc đứt đoạn, tưởng chừng một kẻ nào mắc oan uổng thở than. Đôi lúc như tiếng nghiến răng của ai không phải trên cõi thực. Minh tò mò hơn là hãi sợ, vì anh quen sống ở nhà quê, nơi ấy với nhà cửa thưa thớt và cảnh đồng không mông quạnh, thỉnh thoảng có

mộ bia rải rác khắp nơi. Anh tiếp tục dấn bước về phía khúc quành xa nhà mình. Trước mặt anh lô nhô những mái nhà nhỏ lợp tôn, dựng chen lên giữa bụi chuối mọc um tùm, với tán lá te tua vì trên cao này không có gì che chắn. Bụi chuối đứng chen nhau sít rịt sát chân đám mía mừng vừa cao vừa rậm. Cảnh tượng sao mà bí ẩn và buồn ảm đạm. Không như xóm anh ở ngoài kia, khang trang và sáng sủa hơn trong này nhiều. Càng đi xa hơn Minh càng nghe tiếng rên kin kít vang rõ hơn. Anh có hoa mắt không? vì qua liếp cửa bằng phên tre một túp lều, phải gọi thế vì căn nhà gỗ nhỏ thấp lè tè, anh rõ ràng thấy những tia sáng xanh lạnh lẽo bắn xẹt ra như ma trơi thường thấy ở vùng mộ địa một quê làng hẻo lánh nào. Minh thấp thoáng nhận ra một bóng đen đang cúi đầu rung rung và gục gặt giữa vùng huỳnh quang đó. Anh không sao đoán hiểu đó là hiện tượng gì.

Sáng hôm sau, nhằm ngày chúa nhật không phải đến trường, Minh lò dò quyết đi tìm hiểu cho bằng được vì sao xóm nhà phía khúc quành đêm khuya lại vang tiếng ken két bí ẩn như thế. Nắng sớm mai trong veo, gió xuân thổi mơn man, Minh vừa đi vừa nghiêng ngó cảnh vật. Giữa ban ngày ban mặt, cảnh trí ở đây không còn gây cho anh cảm giác hoang mang nữa. Trái lại Minh thấy nhà cửa thô sơ và nằm cách xa nhau. Cây cỏ mọc um tùm hoang dại. Lau lách nở hoa trắng xóa. Từng lùm bụi mía mừng mọc vươn lên và rậm rạp làm nên bức thành dày kịt. Đang đi, Minh chợt giật mình vì một thoáng áo trắng vụt lướt qua anh về hướng ngược lại. Minh quay ngoắt nhìn lui. Bóng áo trắng là một thiếu nữ, vì dáng cô gái thanh mảnh, chiếc nón lá đội nghiêng trên đầu. Minh kêu với theo vừa rảo chân chạy theo cô ta:

– Làm ơn cho tôi hỏi thăm!

Người áo trắng dừng bước, nghiêng đầu nhìn Minh chăm chú, không trả lời. Thay vào đó là đôi mày thanh tú hơi cau lại như thắc mắc, *Ông muốn hỏi chi?* Minh cảm thấy bối rối trước đôi mắt đen láy nhìn thẳng vào mắt anh. Cô bé xinh quá, trẻ măng e chừng 15 hay 16 tuổi là cùng. Minh lại hỏi:

– Xin lỗi chị, chị là người ở quanh đây?

Cô ta gật đầu. Minh hỏi tiếp:

– Đêm qua, chị có nghe tiếng rên ken két kéo dài lúc có lúc không... không?

Áo trắng không trả lời, vẫn gục gặc cái đầu nhỏ, chiếc nón bài thơ còn mới, lá lợp trong veo lồng ánh nắng sớm mai làm ửng hồng khuôn mặt trái xoan kiều diễm của cô ta. Minh ngập ngừng một chút rồi đánh bạo thắc mắc:

– Ư... ư... rứa... chị có phát âm được không?

Áo trắng liền le dài lưỡi, trợn tròn mắt với Minh rồi chạy như bay như biến, thoáng cái đã mất tăm dạng chỗ lên xuống Thượng thành. Anh ngớ người ra, đứng như trời trồng nhìn mải theo thiếu nữ.

Cuối cùng Minh cũng khám phá ra được hiện tượng có vẻ ma quái về cảnh và âm thanh của xóm người đẹp áo trắng.

Những người sống lâu năm trên mặt Thượng thành, kể cho Minh hay rằng, một số gia đình ở đây sống bằng nghề thủ công. Họ chuyên sản xuất những đồ trang sức cho phụ nữ. Những chiếc lược chải

tóc uốn lượn, trên cán khắc chạm hoa văn cầu kỳ. Những trâm cài tinh xảo, những bộ nút chạm lộng hình hoa mai, hoặc đôi bướm, khi là cặp chim linh động... Tất cả đều chế biến từ xương thú. Cả gia đình người thợ thủ công khéo tay xúm vào làm việc kiếm tiền sinh sống qua ngày. Các bà vợ, các người phụ nữ trong nhà, lo tỏa đi khắp các chợ hay về các vùng quê nơi thường hạ trâu bò để bán lấy thịt, tìm mua xương trâu xương bò đem về. Họ sẽ rữa cho thiệt sạch những vụn thịt, gân còn bám trên xương. Xong ngâm vào nước và sau đó hong khô. Tiếp theo những người đàn ông, là chồng hay anh sẽ cưa xương ra, rồi mài xẻ xương để chuẩn bị khâu khắc chạm thành đủ loại trang sức. Người thợ làm việc suốt ngày và luôn cả đêm khuya. Họ dùng máy mài có tay quay và dùng chân đạp cho máy khởi động. Từng lúc máy chạy rồi nghỉ nên Minh đã thấy bóng đen gục gặc và âm thanh rên xiết đứt đoạn hay liên tục... những tia lửa xẹt ra xanh lè như ánh ma trơi... Minh tìm đến thăm một gia đình chế tạo thủ công. Cầm trên tay chiếc lược chạm trổ công phu, bóng mượt và xinh đẹp không khác chi chiếc lược làm bằng ngà voi. Anh phải tấm tắc khen phục sự khéo tay của những nghệ nhân âm thầm này. Hôm đó anh tình cờ khám phá ra tông tích mỹ nhân lém lỉnh.

Thiếu nữ tên là Vân Thi từ quê lên trọ học nhà người anh con chú bác. Cô là nữ sinh Đồng Khánh lớp đệ tứ. Cô gái vừa đi học về nhà còn giúp anh chị kèm dạy lũ cháu nhỏ. Gia đình họ không làm thủ công mà là hạ sĩ quan. Cô giáo kèm trẻ này tính tình náo nhiệt có lẽ vì luôn phải hò hét bầy trẻ thơ cho vào khuôn phép. Nhà Vân Thi nằm kẹp giữa các nhà thủ công. Do thế mà cô ta đã có phen hù dọa, chọc ghẹo Minh. Rồi dần dà hai người quen và thân thiết nhau.

Thỉnh thoảng Vân Thi ôm sách vở đến nhà Minh cầu cứu *thầy* giải toán. Đôi khi Minh tìm tới nhà "em gái kết nghĩa" để giảng cho cô học trò mấy bài khó đến *điên đầu*, cô ta quen nói thế. Cô ta thông minh nhưng lười. Nghe giảng thoáng cái đã hiểu ngay rồi bỏ không thèm học tiếp. Thầy Minh cũng không mất công quở mắng. Hai người còn bận vui vẻ chuyện trò toàn những đề tài vô hại. Cũng do thế mà Minh ít khi *hạ sơn* thăm thú bạn bè ngoài thời gian đi học. Có cô em *hú họa* xinh tươi, liếng láu như thế khiến anh thầy thương thầm lúc nào không hay!

Những lần học trò chăm chú làm bài, Minh tha hồ ngắm mà không sợ cô ta quắc mắt nhìn lại, dù cho đôi mắt tròn, đen lay láy ấy mà trợn lên trông xinh lắm, nhưng Minh cũng ngán! Mái tóc thề lúc ấy buộc túm lại sau gáy bằng chiếc khăn lụa mềm, để lộ cần cổ trắng ngần và thanh tú như cổ thiên nga. Đôi môi hồng như san hô mím lại, cương quyết giải bài toán hóc búa thầy buộc làm, cái cằm xinh xẻo nhô ra... Khi nào giải được bài toán, Vân Thi ngẩng mặt lên nhìn thầy cười đắc ý, Minh choáng voáng trái tim, vì chiếc lúm đồng tiền hiện ra in trên má hồng hào. Cô bé xinh ơi là xinh.

Rồi mùa hè năm đó, Vân Thi chào từ giã *anh thầy toán* để về quê nghỉ hè với ba má. Trong lúc ấy Minh bận ráo riết cho kỳ thi Tú tài toàn phần. Và sau đó anh thi đỗ hạng Ưu, trở vào Đà Nẵng chuẩn bị

vào SàiGòn học đại học. Trước khi từ giã Huế, từ giã Thượng thành, Minh đã hỏi thăm quê của Vân Thi. Gia đình bà con của thiếu nữ chỉ biết nhà Vân Thi mà không biết rõ ràng địa chỉ. Họ lại bận bịu con cái nên không thể dẫn Minh về quê thăm nàng. Sau đó là cách biệt luôn vì *sau 75 trời đất đảo lộn... Ai biết tìm ai nơi đâu*! Trước ngày gia đình Minh lo cho con trai vượt biên, anh đã tìm ra Huế, ghé lên Thượng thành thăm chốn cũ. Nhưng gia đình người bà con đã dời đi chỗ khác ở. Căn nhà nhỏ với khuôn cửa sổ treo tấm màn lụa màu xanh da trời đóng im ỉm, cửa nẻo khóa lại vì không có người ở đó. Vậy là biệt vô âm tín cô em áo trắng cho đến hôm nay, Minh trở về sau... 40 năm chia xa.

Minh xuống khỏi Thượng thành. Anh tìm tới địa chỉ mà ông cụ Vân Thi cho biết. Anh đứng trước tiệm thuốc tây nhỏ, trang trí mỹ thuật, biển hiệu ghi "Thi Vân". Minh nghĩ, đích thị là nhà người ấy. Minh nhìn vào phía trong tiệm, không thấy ai quen, thoáng hai cô gái trẻ đang lăng xăng bán hàng cho khách. Anh tiến vào hỏi thăm tên chủ nhân, nhưng cả hai cho hay hôm nay ngày Rằm bà chủ đi chùa lễ Phật. Như thế đích xác anh biết nàng vẫn hiện diện trên cõi đời này. Anh xin số phone để tiện liên lạc. Một cô bán hàng hỏi khách có muốn ghi lại vài chữ không? Anh nhã nhặn từ chối và nhắn với cô ta, "có người quen lâu năm từ xa về sẽ tìm gặp bạn 40 năm về trước".

Hôm trước ngày rời Huế, hai *thầy trò* gặp nhau. Minh ghé qua tiệm "Thi Vân" đón nàng, hai người hai chiếc xe đạp thong thả dạo chơi khắp Huế. Bây giờ sắp đến Tết. Ngang qua Phu Văn Lâu Minh ngợp mắt vì cảnh hoa xuân đua nhau nở rực rỡ. Xứ Huế yêu kiều đón Xuân. Rừng mai vàng lộng lẫy đẹp như cõi thiên thai. Hoàng thành trầm tư dưới nắng xuân ấm áp. *Cô bé* im lặng không hé lời, y như lúc họ mới chạm mặt lần đầu tiên ngày ấy.

Họ gửi xe nơi hàng giữ xe bên kia Công viên Nguyễn Hoàng. Rồi chậm bước bên nhau dọc theo bờ sông Hương. Sông nước Hương giang gờn gợn sóng. *Cô bé* ngày xưa lắng nghe chàng kể lể niềm nhung nhớ quê hương. Mây trời trắng xóa chiếu dọi xuống lòng sông trong vắt đang xao xuyến như lòng một người từ xa xưa đã âm thầm thổn thức. Hai chiếc xe lại sóng vai lên đường thăm Chùa Linh Mụ. Hai người ngồi nơi tầng cấp dưới chân chùa quay mặt nhìn ra mênh mông một dòng sông. Xa xa dãy núi Kim Phụng biêng biếc tím, in hình xuống miên man sóng nước, dòng sông tuôn chảy dịu dàng như muôn thuở.

San Jose, chiều 31 tháng 12 năm 2005

■ ***Phan Mộng Hoàn***

(*) Cụm từ có vẻ khôi hài này là do một vị GS ĐH Khoa Học Huế, khi ông muốn ám chỉ đội quân chị em ta thường hành nghề bán hoa hay "ngủ đò". Ở đây, dân Kẻ Vạn từ lâu đời ngụ cư trên sông Gia Hội. Sau 75, chính quyền mới dẹp tan, bắt họ lên định cư trên đất liền.

⌘

THƠ MỘNG HOA HUYỀN

Mùa Xuân cho em

Bài thơ này cho em
Có hoa tươi bốn mùa
Có nắng và gió nhẹ
Cỏ mượt mà chân êm

Em bảo làm thơ Xuân
Cho cuộc đời vui hơn
Như mắt em, mắt chị
Sáng như vì sao hôm

Mùa Xuân đến rồi đó
Bao nhiêu là ước mơ
Có em và có chị
Đời đẹp đến bao giờ!

Mộng Hoa Huyền
Cali ngày 01/01/năm 2005

• TẠP GHI

Lại nghe tin lụt ở quê nhà

HUY PHƯƠNG

Những ngày còn bé dại, mỗi lần nghe cơn lụt đến là hí hửng mừng thầm, vừa được nghỉ học, vừa được lội nước trên những con đường xóm, được xếp thuyền thả ngay trong sân nhà hay theo anh em kết những thân cây chuối làm bè. Đó là những cơn lụt nhỏ. Những năm lụt lớn, nước vào nhà làm ướt hết cả sách vở, áo quần, lúa gạo vì chạy không kịp, có ngày chỉ ăn một bữa. Cả gia đình chồng chất giường tủ lên nhau để làm nơi trú ngụ tạm thời. Nhiều khi suốt đêm, cha mẹ ngồi chong mắt kẻo sợ trong bầy con có đứa lăn ùm xuống nước. Cha tôi còn chuẩn bị một cái rựa sắc để phá mái tranh ngôi nhà cho gia đình thoát ra ngoài trong trường hợp nước vẫn tiếp tục dâng cao. Sau khi nước rút lại là những ngày vất vả dọn lại nhà cửa, phơi phong vật dụng trong khi vườn tược lẫn đường sá ngập đầy một lớp bùn non.

Nhưng chuyện ấy, ngày xưa vài năm lại mới xẩy ra một lần. Mấy năm gần đây, vì đói nghèo, con người tranh nhau chặt rừng làm củi, gỗ quí theo túi tham xuống chợ, mạnh ai nấy tàn phá rừng, nên năm nào cũng nghe tới lụt lội ở quê nhà. Số kiếp miền Trung èo uột nghèo đói, xưa nay đã làm thân đòn gánh cho hai thúng gạo Bắc Nam, Huế bây giờ lại là trung tâm điểm để nước thượng nguồn đổ về mỗi năm. Nghèo đói, oan khiên lại lũ lụt, sao số phận của mảnh đất cằn cỗi quê hương tôi lại có nhiều đắng cay đến thế. Lũ lụt lại kéo theo bão táp, tàn phá ruộng vườn, quét sạch ngô khoai, tương lai mù mịt mà con người cũng phải ôm lấy đất mà sống, ôm lấy mồ mả ông cha, ôm lấy bất hạnh của đời người. Năm này cơn lụt vừa xong, dọn dẹp ruộng vườn, trồng lại ngô khoai, chưa lai tỉnh thì năm sau cơn lụt khác lại đổ đến.

Cha ông đã kể lại cơn bão năm Thìn (ngày 8 tháng 6 năm 1904), cơn bão phải lớn lắm, tàn phá hủy hoại tất cả mới có thể mang cả bốn vài cầu sắt Trường Tiền gởi gió bay đi. Người ta cũng không quên cơn lụt năm 1953, sức nước mạnh hơn pháo đạn, bom mìn ngày nay, xô đổ các cửa thành Thể Nhơn (cửa Ngăn), Quảng Đức (sau trận lụt này gọi là cửa Sập), cửa Tây Nam (nằm phía Hữu hoàng thành). Cả ba cửa thành này đều hướng về phía Tây Nam, đều chịu sức nước từ phía

thượng nguồn sông Hương đổ về. Những cổng thành này xây bằng hàng vạn viên gạch nung và vôi vữa thời đó, không có gì đục thủng, không có gì có thể xô ngã, mà sức nước réo qua đêm đã xô sập cả ba cổng thành, như vận nhà Nguyễn đã tới hồi chung cuộc. Mới đây cơn lụt năm 1999, đã cuốn đi bao nhà cửa, cướp đi bao sinh mạng con người, do vậy mà ngày nay nhà nhà đều cất cao, nếu ai còn chút khả năng đều lên lầu, khiến cho những khu nhà dân cư trông lô nhô, nhếch nhác chẳng còn chi là lối kiến trúc nhà vườn tĩnh lặng ngày xưa. Hãy về coi những Vương Phủ, cổng tam quan trùng tu, xây lại điểm long tô phụng, nhưng nhà trong vườn cất cao như cái chòi canh thời hiện đại, vươn cao lên làm thành cái bối cảnh thiếu cân đối cho cổng phủ tráng lệ, nghiêm trang.

Mỗi trận lụt đều có những thảm cảnh riêng của nó, nhưng đều chung một cảnh ngộ con người chống chỏi với sức nước. Nạn nhân đều ở trong những gia đình nghèo khó, nhà tranh vách đất, chỉ cần một cơn mưa lớn, một trận cuồng phong đủ để cho cái tổ ấm che mưa đụt nắng này tan tác. Sức con người yếu đuối không thể nào đương đầu với gió mưa, bão táp, con người chỉ là một chiếc lá khô bọt bèo trong trong biển nước mênh mông, "*như chiếc lá tre khô nổi trong vũng máu, như con muỗi mắt chết đuối trong nghiên son*" như lời viết của Khái Hưng trong "Anh Phải Sống". Có những người nghèo, nhân cơ hội nước nguồn về kéo theo gỗ mục, đã cố gắng chèo thuyền vượt dòng vớt những cây khô, dành dụm cho những ngày giá rét, thổi nồi cơm độn khoai, hay gánh ra chợ bán đổi lấy vài ký gạo. Họ là những chị Lạc của những thời đại mới, thời đại sau Tự lực Văn Đoàn hơn nửa thế kỷ, vẫn mang cái cảnh ấy khốn khổ, bần hàn, bữa đói bữa no, sẵn sàng xả thân để mang về cho gia đình một vài thanh củi mục.

Có những gia đình mẹ cha, chồng con và cháu chắt, trước cảnh tượng nước càng lúc càng lên cao, nhà lẻ bạn giữa đồng không mông quạnh, lời kêu cứu lạc giữa gió gào, để khỏi xác trôi mỗi người một ngả, đã đành cột dính vào nhau để chờ cái chết đang đến. Ôi, những cảnh chết chùm, có khác chi cùng một đoạn dây sắt trong một mồ chôn tập thể những ngày Tết Mậu Thân. Oan khuất chi lắm Huế của tôi ơi!

Có những mẹ già thấy con bận bịu theo mình, đã tự buông tay theo dòng nước lũ, để nhường sức lực con mình cho đàn cháu nhỏ, khác chi người mẹ trung kiệt thời xưa, tự kết liễu đời mình cho con đừng bịn rịn chữ hiếu với mẹ mà quên chữ trung với nước. Có những người mang tấm lòng vị tha, hết lòng cứu giúp láng giềng chòm xóm trong cơn hoạn nạn, mà quên nghĩ đến thân mình, cho tới lúc sức tàn lực kiệt, thân xác bị nhận chìm dưới làn sóng dữ.

Phù sa của Cửu Long luôn luôn bồi đắp cho đồng bằng miền Nam một lớp đất bồi bổ sau mỗi trận lụt, làm cho ruộng lúa tốt tươi, đem tôm cá từ sông vào ruộng đồng, làm rau quả đầy ngập trên những khoang thuyền từ vườn ra chợ. Lụt miền Trung nạo vét dòng sông, đem phủ lên ruộng đồng vốn đã thiếu màu mỡ lại dày thêm cát sỏi.

Nói về sức chịu đựng của con người, quả là con người miền Trung đã truyền

kiếp chịu đựng với địa dư nghèo khó, với khí hậu khắc nghiệt và luôn luôn cam phận với cuộc đời mà số mệnh đã ban cho. Tôi có một hai người chị con ông bác ruột, từ lúc sinh ra đã lớn lên với ruộng đồng, khoai sắn, qua nhiều cuộc chiến tranh, ly loạn, đã biết tới đói, rét, bão lụt; biết sợ hãi, lo lắng vì bom đạn, bố ráp, và điều chắc chắn là họ chưa bao giờ có miếng ăn ngon, mặc được chiếc áo đẹp. Tôi có nhiều người anh họ trong làng, bên này hay bên kia, người xương đã mục trong những nấm mồ quên lãng; kẻ vẫn sống còn như nhánh giây khô giữa ruộng đồng cằn cỗi. Vậy mà bây giờ cả nước vào thời mở cửa, đi lên kinh tế thị trường, vẫn không nghe có ai ra đi bán sức xứ người hay lớp con cháu rắp tâm trang điểm, rao bán thân xác trong khu chợ người, ước mơ được có một tấm chồng ngoại nhân.

2004

■ *Huy Phương*

NỖI ĐAU QUÊ NHÀ

Những đêm nay tôi thường ít ngủ
Trên e-mail đầy những tin nhà
Cơn nước lũ lên nhanh từng lúc
Gợi người xa những nỗi xót xa.

Mái nhà xưa lam chiều ủ khói
Mảnh vườn em hoa cải đang vàng
Ngôi làng tôi tre trúc xanh mướt
Cuốn theo cùng biển nước mênh mông.

Mẹ tuyệt vọng tay già vẫy gọi
Bầy cháu thơ khản tiếng khóc gào
Các em tôi tay trần chống đỡ
Tiếng kêu nào lạc giữa đêm thâu.

-"Buông mạ ra - Con còn nuôi cháu" !
-"Cột tay vào - Sống chết cùng nhau"!
Những cái chết mang niềm oan khuất
Nỗi sống còn theo với nỗi đau.

Giòng máu chảy ruột mềm đôi đoạn
Quả tim đau bóp chặt từng hồi
Không thấy khóc mà trào nước mắt
Xót thương ai lận đận bên trời.

Những bản tin như hồi trống trận
Thúc lòng ai nỗi nhớ quê nhà
Những hình ảnh như nghìn mũi nhọn
Đâm vào lòng những đứa con xa.

Saigon mùa này chắc vui lắm
Vũ trường kèn vẫn trổi đêm nay
Rượu vẫn chảy mềm môi thương nữ
Có còn chi cho nỗi đau này.

11-99

HUY PHƯƠNG

Một Tấm Lòng

VÕ VĂN TÙNG

Bà Tư Nguyễn thị Nhàn năm nay đã gần 80 tuổi nhưng đi đứng vẫn khoan thai, thân thể còn tráng kiện, trí óc minh mẫn, phản ứng bén nhạy với lối ăn nói dịu dàng từ tốn.

Bà mới từ Sài gòn bay qua Mỹ làm việc tại thành phố New York ở góc đại lộ Fifth Avenue và 82th Street. Bà Jacob, chủ cũ của bà đã gởi vé máy bay khứ hồi và hứa sẽ tặng ba ngàn dollars tiền mặt để trả công cho một việc làm không khó nhọc lắm trong vòng một tháng.

Tuổi đã lớn, đáng lẽ bà Tư Nhàn không nên bon chen làm ăn chi nữa cho mệt, nên dành thì giờ còn lại để vui sống với con cháu, nhất là thời buổi nầy đi đâu bằng máy bay cũng bị kiểm soát phiền phức và khám xét gắt gao.

Thế nhưng, sau khi suy đi nghĩ lại thật chín chắn bà đã nhận lời.

Thật ra không phải cần tiền, vì bà đã để dành khá nhiều sau 20 năm cần cù làm việc ở Pháp và 10 năm chịu khó ở Mỹ. Bà đã mua được ba căn nhà ở Sài Gòn nhờ những người cháu đứng tên. Ngoài ra bà mới tậu được một mẫu đất ở vùng ngoại ô với ý định xây một căn nhà thật lớn gồm nhiều phòng để nuôi và dạy dỗ đám thanh thiếu niên nghèo quanh vùng, điều mà bà ước nguyện từ lâu.

Tuy nhiên ba ngàn dollars không phải là một số tiền nhỏ mà người cỡ tuổi như bà Tư một sớm một chiều có thể kiếm được. Lại thêm chuyện tình cảm nữa; người chủ cũ ở New York cứ gọi điện thoại viễn liên năn nỉ hoài nên bà không nỡ từ chối. "Người mình là vậy đó!" Bà tự nhủ, "Người Do Thái họ cũng sống nặng tình nặng nghĩa giống như người mình!" Bà từng nhận xét.

Sau đó bà thu xếp, nhờ đứa cháu chở lên Tân Sơn Nhứt một thân một mình đi Mỹ.

Đến NewYork bà Tư được bà Jacob ra tận phi trường JFK tiếp đón niềm nở.

Gần hai năm xa thành phố nhộn nhịp bậc nhất nhì trên thế giới, bây giờ mới bước xuống phi cơ bà thấy quang cảnh quá đổi thay, nhất là sự hiện diện của binh sĩ cầm súng đứng khắp nơi trong tư thế sẵn sàng nhả đạn, trông phát khiếp!

Trước kia đi đứng tự do bây giờ lại bị hạn chế, pass-port phải lo cầm sẵn trong tay phòng khi nhân viên an ninh phi trường xét hỏi.

Đường vào trung tâm thành phố vẫn đông ngẹt xe cộ, phố xá chen chúc người qua lại.

Bà Jacob có nhã ý lái xe chậm chậm trên Fith Avenue để bà Tư được ngắm lại tòa nhà Empire State Building ở góc đường 34th, thư viện New York góc đường 47th, Trung tâm Rockefeller góc đường 50th, Trump Tower góc đường 56th đến Plaza Hotel góc đường 57th. Bà Tư vui mắt nhìn thấy những cửa hàng Sacks Fifth, Versace, Cartier, Gucci, Christian Dior, Louis Vitton, Disney store, tất cả cũng đều nằm trên đường Fifth Avenue, treo đèn kết hoa mừng Giáng sinh rất mỹ thuật.

Bà Tư nhận xét bây giờ ra vào những nơi công cộng hay công sở đều phải đi qua những máy dò khí giới trông giống như cái khung cửa, khi kêu lên "tít tít" thì người vừa đi qua bị chận lại và bị soát thêm một lần nữa bằng cái dùi cui màu đen rà lên rà xuống khắp thân thể. Chỗ bà làm việc lúc trước nhân viên ra vào thong thả không bị hỏi han bây giờ có cảnh sát tư canh gác 24 trên 24, phải xưng tên họ, khai báo nhiêu khê. Thấy vậy bà Tư định bụng sẽ không thèm đi ra ngoại quốc nữa, xem chuyến đi nầy có thể là chuyến cuối cùng và dự tính sau khi làm xong công việc ở Nữu Ước, sẽ bỏ chút thì giờ đi thăm bạn bè rồi qua Paris lo cho xong việc bán nhà trước khi về Sài Gòn ở luôn.

Về đến nhà bà Jacob, Bà Tư được trao nhiệm vụ là coi sóc nhà cửa và giữ đứa con trai út tên Aron để bà chủ yên trí đáp phi cơ về Tel Aviv lo công chuyện khẩn cấp. Công việc chỉ có thế thôi, rất tầm thường, mà người ta phải mời một người Việt Nam cao niên từ bên kia Thái Bình Dương đến làm chỉ vì bà ta là người được tin cậy trong gia đình triệu phú nầy, chuyện thật khó tin mà có thật.

Thấm thoát thời gian một tháng trôi qua rất nhanh, bà Jacob trở lại Mỹ an toàn, cám ơn bà Tư rối rít đã làm xong việc đàng hoàng, trả tiền đầy đủ lại còn hậu hỹ tặng thêm một món quà có giá trị. Bà Tư định từ giã Nữu Ước đi San Francisco vào ngày hôm sau thì không dè bị kẹt lại ở thành phố nầy thêm ba tháng nữa.

Số là vừa lo xong việc cho gia đình bà Jacob thì gia đình bà Elazar, người hàng xóm cùng ở một tầng lầu trong cao ốc có người chồng vừa mới bị đứt mạch máu não, bán thất bất toại. Mặc dầu mấy ngày nay bệnh tình có phần thuyên giảm nhưng ông Elazar phải nằm một chỗ không tự mình ăn uống hay lo vệ sinh riêng được. Bà Elazar thì bận bịu công việc làm ăn lớn rất quan trọng vào dịp cuối năm, đang đi kiếm người tin cẩn đến giúp nhưng chưa tìm ra. Gặp bà Tư Nhàn là chỗ quen biết với bà Jacob, họ năn nỉ nhờ bà Tư ở lại săn sóc ông Elazar vài tháng, lương tiền bao nhiêu cũng trả. Mới đầu bà Tư từ chối nhưng cuối cùng vì tính hay cả nể, bà bằng lòng nhận công việc mới, lẽ tất nhiên với số lương khá lớn. Bà Tư Nhàn không hẩu hảo như thời còn son trẻ, bây giờ khôn ngoan đáo để, biết mặc cả và biết làm eo.

Bà cảm thấy tự ái được thỏa mãn, ở tuổi gần bát tuần mà thấy mình còn hữu ích, còn được người ta trọng dụng nhất là ở trong cái xóm Do Thái giàu có nầy. Sau

biến cố 911 họ không còn tin tưởng tuyệt đối ở các cơ quan tình báo như CIA, FBI, ngày đêm lo sợ bị bọn khủng bố Palestine hay Al Qaeda trà trộn vào sát hại cho nên họ phải luôn luôn đề cao cảnh giác, chỉ tin cậy ở những người quen thuộc từng cộng tác với mình.

Sau mấy năm làm việc với họ, bà Tư nhận xét người Do Thái có một lối sống tình cảm giống như người mình: kính trọng người già, lo chăm sóc phụng dưỡng cha mẹ, trong gia đình anh em thường quây quần, đùm bọc nhau. Họ biết người Việt không theo Hồi giáo, có tinh thần chống cộng cao nên rất thích thuê mướn làm việc.

*

Bà Tư tên thật là Nguyễn Thị Nhàn, sinh trưởng trong một gia đình giàu có miệt Cái Răng thuộc tỉnh Cần Thơ. Cha bà là đại điền chủ, có hàng ngàn mẫu ruộng, trên bộ có xe hơi, dưới nước có ghe thuyền kể cả ca-nô chạy máy. Trong nhà có nhiều tá điền giúp việc. Ông lấy nhiều vợ vì cần có đủ người thân tín để trông coi một tài sản to lớn và điều hành công việc đồng áng. Mỗi bà vợ được ông giao cho một nhiệm vụ để hoàn thành. Nhàn là con gái đầu sinh sau anh Hai và anh Ba trong số 14 đứa con. Gia đình theo đạo công giáo gốc. Thuở nhỏ Nhàn được cho học trường "Bà Sơ" ở Quận, đến bậc trung học thì được cha cho lên Đà Lạt cũng theo học trường đạo do các Bà Sơ giảng dạy.

Tuy được gia đình bỏ tiền cho ăn học nội trú trong một ngôi trường nữ danh tiếng nhất thời bấy giờ ở vùng cao nguyên nhưng tình cảm giữa cha mẹ con cái không được đậm đà thân thiết lắm. Ông cha lo làm giàu, ham ăn chơi lại có năm thê bảy thiếp, đâu còn thì giờ để hỏi han và gần gũi với con nên nhiều lúc Nhàn tủi thân và cảm thấy như mình bị bỏ rơi.

Những ngày lễ lớn thường thường học sinh nội trú đều được cha mẹ hay thân nhân lái xe đến rước ra ngoài chơi, riêng Nhàn thì không ai đưa đón phải thui thủi một mình trong ngôi trường rộng lớn vắng tanh. Nhiều đêm cô bé khóc thầm bên chiếc gối trắng tinh dầm dề nước mắt. Từ từ Nhàn dành hết tình thương cho các bà Sơ mong lấy tình thầy trò thay thế tình gia đình. Các bà Sơ cũng thấy Nhàn cô đơn tội nghiệp nên mở rộng vòng tay ra tiếp nhận làm Nhàn cảm thấy an ủi phần nào và dần dần thấy thích nếp sống đạo hạnh của các nữ tu trẻ tuổi trong bộ áo dòng trắng toát che từ cổ xuống chân với chuỗi tràng hạt đen tuyền đeo lủng lẳng bên hông. Những lời dạy dỗ, khuyên răn, hình ảnh "Ma Soeur" dịu hiền, đã ngự trị trong tâm hồn của cô gái tuổi trăng tròn thơ ngây từ bao giờ không hay.

Hơn nữa tính tình của Nhàn cũng hơi khác lạ, nàng không thích chỗ đông người hoặc những nơi ồn ào náo nhiệt mà chỉ thích một đời sống khép kín với một số bạn bè chọn lọc. Ở tuổi dậy thì nàng cũng không mơ mộng viễn vông, tâm hồn trong trắng không thoáng qua một ham muốn tình dục. Tốt nghiệp xong trung học Nhàn suy nghĩ thật nhiều, rồi đi đến một quyết định rất quan trọng của đời mình là xin với Mẹ Bề trên được vào dòng tu.

Thế là sinh viên Nguyễn Thị Nhàn được đặt thêm tên mới, Denise; sang Paris bắt đầu những ngày học đạo. Sau mấy năm thử thách, cô khấn nguyện trọn đời làm tu sĩ. Soeur Denise thuộc loại người cấp tiến, bên cạnh việc tu tập thường tìm cách mở rộng kiến thức nên ngoài Pháp văn vốn là ngôn ngữ chính thường dùng ở tu viện, cô học thêm Anh ngữ, nghiên cứu về tâm lý nhi đồng cũng như cách săn sóc trẻ em. Ngoài ra Soeur cũng chú tâm đến nhu cầu phục vụ con người nên khi rảnh rỗi học nấu ăn và tự nhận mình có năng khiếu về môn nầy.

Trong gần hai mươi năm sống khép kín trong tu viện, Soeur Denise không tiếp xúc với đời sống bên ngoài, rồi đến thời kỳ chiến tranh Việt Nam bùng nổ dữ dội, những hình ảnh điêu tàn thảm khốc ở quê nhà mỗi tối được chiếu trên truyền hình làm Soeur Denise thức tỉnh. Cô đã khóc ròng khi nhìn thấy cảnh chết chóc thương tâm hằng ngày xảy ra trên đất nước của mình. Cô cảm thấy mình quá vô dụng và ích kỷ, cứ lo xem lễ, cầu nguyện, chỉ nghĩ đến bản thân trong khi quê hương đang bị chiến tranh tàn phá cần được giúp đỡ. Cô không biết than thở cùng ai và chỉ biết thổn thức một mình.

Ngày tháng trôi qua, tâm thần bị dồn ép làm cô biếng ăn mất ngủ. Thân hình xanh xao, gầy gò, nét buồn hiện rõ trên khuôn mặt khiến Mẹ Benedict nhìn thấy.

– Này Denise, Mẹ nhận thấy mấy lúc nầy con có vẻ lo âu buồn bã. Con có đau ốm hay có vấn đề gì trong lòng! Hãy nói rõ cho mẹ biết.

– Kính thưa Mẹ quí mến, mẹ đoán quá đúng, con đang đau khổ cho tổ quốc của con. Con lo cho dân tộc, cho đồng bào của con hiện đang sống trong tình trạng chiến tranh khốn khổ vô cùng. Người miền Nam chúng con hiền lành chất phác, chỉ biết lo làm ăn, an thân thủ phận tại sao Chúa không giúp để nước con phải chịu cảnh chiến tranh cốt nhục tương tàn.

– Thế bây giờ con dự tính làm gì?

– Thưa Mẹ, con đã suy nghĩ kỹ và quyết định. Xin các Mẹ cho con được phép ra khỏi tu viện. Con phải làm bất cứ một chuyện gì để giúp dân tộc, giúp đất nước con.

Sau một hồi suy nghĩ Bà Mẹ nhận xét:

– Mẹ thấy con chân yếu tay mềm, ở nơi xứ lạ quê người làm sao thân gái như con có thể thực hiện được điều con mong muốn. Mẹ lo cho con lắm vả lại... con nên nhớ con đã khấn nguyện trọn đời. Lạy Chúa!

Nhàn cúi đầu trả lời:

– Thưa mẹ, con nghĩ thân phận bé nhỏ của con không thể làm chuyện gì to tát nhưng con chỉ cần kiếm một việc làm nhỏ, dành dụm được chút tiền gởi về giúp cho cô nhi quả phụ cũng là một sự đóng góp có ý nghĩa.

Biết không thể làm gì lay chuyển được ý chí của Nhàn, Mẹ Benedict kết luận:

– Thôi được, Mẹ sẽ hợp ý với các Mẹ lớn rồi sẽ cho con biết quyết định.

Một tuần sau Soeur Denise được mời lên trình diện Hội đồng các Mẹ Bề trên.

Mẹ Nhất Madeleine nghiêm khắc hỏi:

– Denise, có phải con muốn bỏ dòng tu ra ngoài đời làm ăn sinh sống?

– Dạ thưa không, con vẫn muốn giữ đời tu sĩ như con đã khấn nguyện trước mặt Thiên Chúa nhưng con chỉ xin không ở

trong tu viện và không mặc áo dòng mà thôi. Lý do thì con đã thưa với Mẹ Benedict.

Mẹ Madeleine thở dài, nét mặt bối rối:

– Thật là khó xử, luật lệ dòng tu chưa bao giờ xảy ra trường hợp như thế nầy. Mẹ chỉ sợ con ra ngoài đời, ảnh hưởng của vật chất sẽ làm cho con khó giữ được lời nguyện.

– Thưa mẹ...

Rồi như chợt như tìm ra một giải pháp thỏa đáng, Mẹ Madeleine cắt ngang lời của Denise:

– Thôi ta thông cảm với con và không còn ngăn cản nữa, nhưng con hãy về phòng viết một lá đơn cặn kẽ xin phép Đức Thánh Cha cho con được toại nguyện.

Không hiểu Đức Thánh Cha trả lời như thế nào mà ba tháng sau Soeur Denise trở thành Nguyễn Thị Nhàn mặc thường phục ra khỏi tu viện với sự thương mến của các Mẹ Bề trên và các nữ tu cùng khóa.

Lúc bấy giờ Nhàn có một người em khác mẹ tên Maria đang du học ở Aix en Provence, một tỉnh thơ mộng danh tiếng thuộc miền Nam nước Pháp.

Aix en Provence là một thành phố của nghệ thuật, nơi hằng năm có nhiều đại nhạc hội thế giới được tổ chức và cũng là nơi an nghỉ cuối cùng của nhà danh họa Picasso dưới chân núi Saint Victoire. Đặc biệt Aix en Provence có hơn 100 suối nước nóng, có đại lộ Mirabeau với hai hàng cây Platanes đầy bóng mát và nhiều quán Café lúc nào cũng đông khách.

Nhàn báo tin cho Maria biết và xin về ở tá túc với em trong những ngày đầu tiên

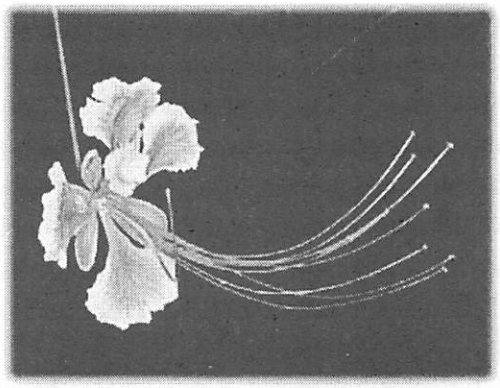

ra khỏi tu viện. Các Mẹ Bề trên biết vậy nên không còn lo ngại cho Nhàn nữa...

Maria ở trọ trong một studio nhỏ trên tầng lầu thứ ba của một một cao ốc nằm gần trung tâm thành phố. Phòng chỉ có một giường nên Nhàn phải mua thêm nệm, gối tối mang ra nằm tạm. Tuy ở Pháp được mấy năm nhưng Nhàn chưa bao giờ chung đụng với đời sống bên ngoài, chuyện gì xảy ra cũng thấy lạ đời, ví dụ như bạn bè mỗi khi gặp nhau, trai cũng như gái nói "bonjour" rồi kề hai má hôn xã giao trông thật khó chịu. Cảnh trai gái âu yếm lộ liễu bên đường làm xốn mắt. Gặp trường hợp như vậy Nhàn chỉ xoay mặt và kín đáo làm dấu thánh giá xin được Chúa tha tội và nguyện luôn luôn giữ lòng mình được trong trắng. Nàng có dịp tâm sự nỗi niềm của mình với Maria và ngỏ ý muốn tìm việc làm.

Thật may cho Nhàn, một buổi sáng đẹp trời không lâu sau khi đến Aix en Provence Nhàn chợt nhìn thấy ở tầng trệt trong chung cư trên tấm bảng dành cho tin tức có một thông báo cần tìm người săn sóc cho một bà già lớn tuổi. Nhàn tìm đến xin việc và may mắn được nhận ngay. Gia đình người nầy thuộc hạng khá giả

trong vùng nên có phòng riêng cho nhân viên ăn ở luôn trong nhà, lương tiền trả cũng khá. Công việc không có gì khó nhọc, hằng ngày sáng dậy lo giúp bà già làm vệ sinh cá nhân, đọc báo cho bà nghe rồi đưa đi dạo trong vườn. Trưa lo cho bà ăn rồi được nghỉ giải lao hai tiếng. Xế chiều hết việc được tự do đi lại hoặc vào phòng riêng nghỉ ngơi.

Ra sống ngoài đời nhưng Nhàn vẫn cố gắng giữ nội tâm của người tu sĩ, tối nào cũng thức khuya đọc kinh và mỗi tuần đi nhà thờ đều đặn ba lần.

Săn khóc người già chỉ là bước đầu của sinh kế chứ một người đầy cương quyết và nghị lực như Nhàn không cho đó là mục tiêu. Chữ nghĩa đầy mình, kiến thức rộng rãi nàng phải kiếm con đường khác để tiến thân.

Thế rồi hai năm sau Nhàn tìm được việc mới trong một công ty bảo hiểm. Làm việc siêng năng, giao thiệp rộng rãi đem lại nhiều kết quả đáng kể cho hãng, nàng từ từ leo lên đến hàng ngũ cấp chỉ huy, lương tiền cao hơn. Nhờ vậy Nhàn để dành được khá nhiều tiền đủ để mua một căn nhà nhỏ ở vùng phụ cận. Cô tự đặt bàn thờ Chúa rất trang nghiêm và luôn luôn quỳ gối đọc kinh cầu nguyện như thuở còn ở Tu Viện.

*

Hai mươi năm trôi qua Bà Tư Nhàn đến tuổi được về hưu non và được lãnh hưu bằng 2/3 tiền lương của mình lúc còn đi làm. Ở Pháp chính quyền khuyến khích nhân viên về hưu sớm, cho hưởng nhiều quyền lợi đặc biệt, mục đích dành chỗ trống cho lớp trẻ mới lớn lên.

Bà Tư có nhà ở, có tiền hưu, tiền dành dụm, thường xuyên gởi về giúp bà con bạn bè và người nghèo ở quê nhà. Bà là người nhiều kiến thức, giàu lòng bác ái muốn làm một cái gì thật hữu ích cho quê hương. Bà mơ ngày trở về Việt Nam, đem tiền để dành mua đất cất nhà, tạo lập một nhà nuôi trẻ, giáo dục cho chúng thành người.

Mộng ước không có gì to lớn lắm nhưng thực tế không dễ như mình tưởng. Sống ở ngoại quốc ai cũng phải làm việc tất bật, muốn có nhiều tiền thường phải làm hai ba "job". Bà Tư cũng vậy, thấy mình còn mạnh khỏe bà quyết định đi tìm việc làm thêm. Ở Pháp việc dễ kiếm nhất và được trả tiền mặt là những dịch vụ phục vụ cho người già, trẻ con. Bà Tư không đặt vấn đề tự ái, không nề hà khổ cực, miễn sao có nhiều tiền để giúp tha nhân.

Nhớ lại những ngày ra sống ngoài đời đầu tiên ở Aix en Provence không một xu dính túi, bà may mắn kiếm được việc săn sóc cho người cao niên, có nơi ăn chốn ở, tháng tháng lãnh lương, đời sống tu hành đơn giản nên để dành được nhiều. Đến ngày ra làm tư chức, tuy tiền lương khá hơn nhưng chi tiêu nhiều, lại phải đóng thuế lợi tức thành ra để dành không hơn bao nhiêu.

Bà Tư đặt kế hoạch gây vốn. Ngoài lương hưu cố định, nếu bà chịu khó tìm việc săn sóc người già như đã từng làm, bà sẽ có tiền và có nơi ăn chốn ở miễn phí, căn nhà hiện đang ở sẽ đem cho thuê. Bà quyết định rời Aix en Provence lên Paris kiếm việc cho được nhiều tiền hơn. Loại công việc định tìm không khó và lẽ

tất nhiên với kinh nghiệm sẵn có bà đã thành công.

Đầu năm 1990 một người bạn cũ rất thân từ NewYork điện thoại cho bà.

– Hello chị Nhàn! Chị muốn sang làm việc ở New York không! Trang đang làm việc với một gia đình người Do Thái, họ thích và tin cậy Trang lắm nên người bà con của họ nhờ giới thiệu giùm một người cỡ như Trang. Trang nghĩ đến chị, vả lại Trang ở bên nầy sống một mình buồn quá, nếu chị qua đây làm việc có bạn bè lui tới thì đỡ khổ!

Bà Nhàn nhanh miệng trả lời:

– Lương tiền họ trả khá không em, nghe nói tụi Do Thái nó keo kiệt lắm mà!

– Không đâu chị ơi, tụi nầy giàu có lắm. Nó trả lương hậu hỹ đến độ chị không thể nào từ chối được.

– Vậy hả, cỡ bao nhiêu ?

– Tùy mình và khả năng, nếu làm việc giỏi và được tin cậy thì chẳng khác nào chuột sa hũ gạo đấy.

Bà Tư thích chí hỏi tiếp:

– Thế thì bao giờ bắt đầu làm việc?

Trang trả lời ngay:

– Giờ nào cũng được, tùy chị lựa chọn. Họ đang cần người lắm. Dịp may hiếm có bỏ qua rất uổng.

Bà Tư vừa cười vừa nói:

– Được rồi, để chị suy nghĩ thêm chút nữa. Chị sẽ gọi lại cho Trang sau. Merci.

Bà Tư thu xếp bỏ việc ở Paris vì gặp lúc người Việt tị nạn qua Pháp nhiều, ai cũng muốn có công ăn việc làm bằng tiền mặt nên không khó tìm người thay thế.

Đầu tháng Mười hai Bà Tư lên phi cơ bay qua New York nhận việc mới.

Trang đi đón bà Tư trên chiếc xe BMW mới tinh. Thành phố đã lên đèn, đại lộ Fifth Avenue màu sắc rực rỡ với những cửa hàng đồ sộ treo đèn kết hoa từ trên cao buông xuống thật đẹp mắt. Hai người dừng lại trên góc đường số 82 với Fifth Avenue cạnh bên Metropolitan Museum of Art, đi bộ đến một cao ốc tám tầng đèn đuốc sáng choang. Trên đường đi, Trang cho Bà Tư biết nơi chốn và công việc phải làm là quản gia cho một gia đình ba mẹ con người Mỹ gốc Do Thái. Bà mẹ cỡ 50 tuổi, với hai đứa con trai một đứa lên 16 tên Ben và một đứa 6 tuổi tên Aron, ăn ở miễn phí, lương tháng ba ngàn dollars, nếu làm việc giỏi sẽ được thưởng thêm. Mỗi ngày được nghỉ giải lao nhiều lần, buổi tối sau giờ cơm là được tự do, cuối tuần được nghỉ hai ngày, muốn đi đâu thì đi.

Vào cửa cao ốc hai tên Mỹ đầu đội cát–két đứng chào, lịch sự hôn tay bà Trang. Bà Tư được giới thiệu với chủ nhà là bà Jacob. Hai bên chào nhau lịch sự.

Bà chủ đối xử với nhân viên rất cởi mở, đưa bà Tư đi quan sát nhà cửa trang hoàng sang trọng đẹp mắt. Tất cả vật dụng đắt tiền đều được chùi rửa láng bóng, không dính một hạt bụi. Nhiệm vụ của Bà Tư là lo giữ nhà, nấu cơm tối và săn sóc Aron khi cậu đi học về. Nghe bà chủ nói cậu ấm nầy bất trị, khiến nhiều người trước đây đến làm công không chịu nổi phải đầu hàng. Bà Tư mỉm cười, hứa sẽ cố gắng và bắt tay ngay vào công việc của mình còn những phần khác đã có người lo. Sáng sớm hãng Perry's Florist cho người mang đủ thứ hoa tươi đến cắm vào bình, có người lo quét dọn nhà cửa.

Thịt cá rau cải, đồ ăn khô được Kosher Grocery đưa đến khỏi cần đi chợ. Những dịch vụ khác đều do người Do Thái cung cấp ngay tại chỗ. Cộng đồng của họ ở New York được tổ chức rất chặt chẽ. Người Do Thái có chợ búa, trường học, nhà thờ, bệnh viện, thư viện riêng cho đồng hương của họ.

Sau một tháng quan sát, bà Jacob thấy bà Tư làm việc giỏi, hợp ý với mình nên rất bằng lòng rồi lấy tiền trả công và khen thưởng. Bà Jacob là người Do Thái không phải là hạng người vứt tiền qua cửa sổ. Bà vui mừng đã mướn được một người trí thức hiền từ, có nhiều kinh nghiệm của người quản gia và ngoài ra còn có tài nấu ăn. Những buổi cơm tối thật là thịnh soạn và ngon miệng, không thua gì đi ăn ở tiệm Girazole trên đường 82 mà gia đình bà Jacob thường lui tới. Bà Tư khôn khéo nghiên cứu các món ăn mà người Do Thái ưa chuộng như Roasted fish, Fish with almonds, Chicken with tomatoes and Pilaf, Costillas, Fried aubergine v.v... rồi dọn xen kẽ với những món ăn Pháp là sở trường của bà hay những món ăn Việt Nam mà người ngoại quốc rất thích như chả giò, gỏi cuốn v.v... Bà tuân thủ theo tục lệ của người Do Thái như không nấu thịt bò với sữa, các loại thịt phải lấy hết huyết, hột gà cũng vậy, hễ thấy có chấm đỏ trong lòng trứng là phải vứt bỏ ngay. Xoong chảo phải dùng riêng cho từng món thịt hay rau cải.

Công việc xong là bà Tư rút vào phòng riêng của mình, giường nệm trắng tinh, ngồi lần tràng hạt đọc kinh cầu nguyện. Bà Jacob tôn trọng tự do cá nhân của nhân viên, không quan tâm đến tôn giáo của người khác. Tuy biết bà Tư theo Công giáo nhưng không bao giờ ngờ được bà Tư là một nữ tu. Ngược lại Bà Tư biết người Do Thái không tin Chúa Giê Su nhưng bà chẳng để ý đến vấn đề này, cho rằng hồn ai nấy giữ, đạo ai nấy theo. Những lúc rảnh rỗi bà Tư thường ghé qua Central Park, rộng 843 mẫu nằm bên cạnh, giữa đường 59th và 110th để đi bách bộ xem các loại kỳ hoa dị thảo, các loại thú vật hiếm có hoặc các loài chim quý hay ngồi nghe hòa nhạc.

Về phần cậu ấm Aron tự nhiên thấy bớt nghịch ngợm, nếp sống bắt đầu trở vào khuôn phép. Bà Jacob rất mừng và hỏi lý do. Bà Nhàn mới cặn kẽ giải thích là nhờ có theo học về tâm lý thiếu nhi và nghệ thuật giáo dục trẻ con hư hỏng nên bà đã áp dụng và cải hóa được Aron. Bà Jacob tỏ ra thán phục tài của Bà Tư. Nhờ vậy sau một thời gian ngắn được gia chủ tín nhiệm giao thêm công việc riêng tư. Bà Tư không những trở nên người quản gia thân tín mà bà được đối xử như người bạn thân của gia đình giàu có nầy.

Vậy là đầu tháng tính sổ, bà Tư thấy mình có ba thứ lợi tức: hai ở Pháp gồm tiền cho thuê nhà và tiền hưu cộng thêm tiền lương ở Mỹ, tổng cộng hơn 5 nghìn đô.

Bà Jacob rất vui vì có người làm giỏi, kể chuyện với hai vợ chồng người cháu ở dãy phòng bên cạnh, khen bà Tư nấu ăn ngon. Hai người nầy làm nghề buôn bán sỉ về kim cương và mỹ phẩm nên chỉ làm việc tại nhà qua điện thoại đặt hàng. Họ nghe như vậy liền nhờ bà Tư lợi dụng thì giờ rảnh buổi trưa qua nhà lo cơm trưa cho họ và đồng ý trả tiền công hậu hỹ. Bà Tư

vui vẻ nhận lời ngay, do đó bà có thêm lợi tức thứ tư.

Cả một chung cư gồm toàn họ hàng bà con giàu có sống quây quần bên nhau nên chuyện gì vừa mới xảy ra như chuyện Bà Tư, cả làng đều biết. Nhờ "xề xòa" vui tính và có tài nấu nướng, vào những ngày đầu tháng hay những ngày lễ lớn như Rosh HaShanah là ngày Tết Do Thái vào khoảng tháng 9, Yon Kippur là ngày Lễ Xá tội vào tháng 10, HanaKah là ngày Tưởng niệm vào tháng 12, nơi nào trong cao ốc có tổ chức tiệc tùng đông người họ đều mời bà Tư phụ trách phần ẩm thực, do đó bà có thêm lợi tức thứ năm.

Khi thấy thức ăn ngon thừa thãi bà Tư có nhã ý đem tặng mấy người gác cửa chung cư để gây cảm tình nên từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài mọi người đều thương mến bà.

Tiền dành dụm càng lúc càng nhiều mà không tiêu pha bao nhiêu, lại gặp người Do thái giỏi về tài chánh họ giúp bà đầu tư, hằng năm cũng kiếm thêm lợi nhuận.

Biết bà Tư giỏi về tâm lý, thích trẻ con và thường rảnh rỗi buổi tối, hàng xóm có nhiều cặp vợ chồng trẻ muốn đi chơi đêm đều nhờ bà đến giữ con giùm. Bà vui vẻ nhận lời giúp bà có thêm lợi tức thứ bảy.

Tuy làm những dịch vụ tầm thường như nấu ăn, săn sóc người già, con nít nhưng không phải ai cũng thành công được như bà Tư. Sở dĩ bà được người chung quanh trọng dụng là ngoài kinh nghiệm và kiến thức, bà còn có cái "TÂM" nơi con người thánh thiện của bà. Bà không hề có mặc cảm tự ti nên làm việc một cách thoải mái, siêng năng, tận tụy.

*

Bà Tư Nguyễn Thị Nhàn vừa làm xong công việc cuối cùng ở New York, được cám ơn và trả công xứng đáng. Bà sắp sửa trở qua Paris để bán nốt căn nhà, thanh toán tiền bạc còn lại rồi lên đường trở về quê hương.

Ở Sài Gòn vào tuổi tám mươi bà Tư sẽ bắt đầu một cuộc đời mới nhẹ nhàng hơn và một sự nghiệp mới là lo cho thế hệ tương lai. Từ một dòng nữ tu đi ra cuộc đời rồi liên tục làm việc lãnh lương hẳn bà đã thừa kinh nghiệm, biết cách xoay xở . Dù thế nào đi nữa bà tin tưởng vào sức mạnh của đồng dollar sẽ giúp bà vượt qua mọi khó khăn để đạt được điều mơ ước.

Là người công giáo nhưng bà Tư cũng tin ở số mạng của mỗi người, tuy nhiên theo bà ý chí và quyết tâm là những yếu tố không kém phần quan trong trong sự thành công ở đời. Bạn bè, bà con ở hải ngoại chúc bà Tư Nguyễn Thị Nhàn lên đường trở về quê hương gặp nhiều may mắn và không quên cảm phục tấm lòng vị tha của bà.

■ *Võ Văn Tùng*
(Trích trong "Vòng Tay Định Mệnh")

Trở lại Phú Xuân

Nguyễn Phúc Vĩnh Tung

Theo Đại Nam Liệt Truyện Tiền Biên, họ Nguyễn gốc ở huyện Tống Sơn, phủ Hà Chung, tỉnh Thanh Hóa. Từ đời Nguyễn Công Duật đã theo phò Lê Lợi khởi nghĩa nên được phong làm Thái Bảo Hoành Quốc Công, và con cháu về sau đều là đại thần của triều Lê.

Nhưng từ khi bị họ Mạc chuyên quyền, nhà Lê ngày càng suy yếu. Trong khi Nguyễn Kim đang tiến quân đánh chiếm lại vùng Thanh Nghệ cho nhà Lê, thì bị một hàng tướng của họ Mạc đầu độc chết. Hai con trai của Nguyễn Kim là Nguyễn Uông và Nguyễn Hoàng còn nhỏ, nên con rể là Trịnh Kiểm lên nắm quyền. Trịnh Kiểm một mặt vẫn đánh nhau với họ Mạc, một mặc lấn quyền của nhà Lê và giết Nguyễn Uông để diệt trừ hậu hoạn.

Nguyễn Hoàng tuy còn trẻ nhưng là người mưu trí, học theo cách của Lưu Bị xin vào đất Thục để lánh nạn. Nguyễn Hoàng nhờ chị là Nguyễn Bảo xin với anh rể Trịnh Kiểm cho mình vào trấn đất Thuận Quảng, là một vùng còn hoang vu và nằm ngoài tầm kiểm soát của Trịnh Kiểm, rồi từ đó nhà Nguyễn bắt đầu khởi nghiệp.

Nhìn lại lịch sử, qua bao triều đại, lãnh thổ của chúng ta chỉ đến xứ Quảng Nam mà thôi. Cho đến khi nhà Nguyễn dựng nghiệp, qua chín đời chúa Nguyễn, với chính sách "trước di dân, sau chiếm đất", lãnh thổ đã đến tận mũi Cà Mâu.

Sau khi diệt họ Mạc, chiến tranh giữa Trịnh – Nguyễn kéo dài gần cả trăm năm, cho đến năm 1771, khi Tây Sơn khởi nghĩa ở Quy Nhơn, diệt họ Trịnh ở đàng ngoài, đánh bại họ Nguyễn ở đàng trong và chia nước ra làm ba phần riêng biệt mà cai trị. Tuy vậy, ba anh em Tây Sơn vẫn thường nghi kỵ và tranh chấp quyền hành với nhau, chỉ mình vua Quang Trung Nguyễn Huệ là có thực tài, nhưng lại chết sớm, cho nên nhà Tây Sơn suy tàn nhanh chóng.

Nguyễn Ánh là một hậu duệ của nhà Nguyễn, người vẫn hằng nuôi chí phục quốc, cho nên Tây Sơn nổ lực truy sát đến cùng. Nhưng theo hồi ký của một vài vị giáo sĩ người Pháp đã từng theo sát Nguyễn Ánh lúc đó, đã ghi lại những giai thoại thoát hiểm ly kỳ của ông, khiến cho nhiều người phải tin tưởng rằng, ông chính là người có chân mệnh đế vương.

Và sau đây là trận đánh sinh tử, trận đánh cuối cùng giữa nhà Tây Sơn và nhà Nguyễn.

• *Đầu tháng 12 năm Kỷ Mùi, 1799.*

Đại binh Tây Sơn dưới quyền thống lãnh của tướng Trần Quang Diệu và Nguyễn Văn Dũng chia ra hai đạo thủy bộ từ kinh đô Phú Xuân kéo vào tấn công thành Bình Định.

Lúc đó ngoài Bắc là lãnh địa của Nguyễn Văn Nhạc, miền Trung là của vua Cảnh Thịnh Nguyễn Quang Toản, con của vua Quang Trung Nguyễn Huệ, và miền Nam là của Nguyễn Vương Nguyễn Phúc Ánh.

Thành Bình Định là ải địa đầu của miền Nam lúc bấy giờ và do tướng Võ Tánh cùng với Lễ bộ Ngô Tùng Châu trấn thủ.

• *Tháng giêng năm Canh Thân, 1800.*

Bộ binh của tướng Trần Quang Diệu tấn công vào Thạch Tân. Thủy binh của tướng Nguyễn Văn Dũng tiến vào cửa Thị Nại để chận đường cứu viện. Thế binh rất mạnh. Phó tướng Hậu quân Nguyễn Văn Biên phải bỏ Thạch Tân, lui quân về Bình Định. Võ Tánh đóng chặt cửa thành, án binh bất động và báo tin cho Nguyễn Vương.

Thấy Võ Tánh bình tĩnh thủ thành, tướng Trần Quang Diệu nói với tướng Nguyễn Văn Dũng:

– Tánh không ra đánh là muốn chờ quân ta mỏi mệt.

Hai người tính kế lâu dài, sai quân đào hào, đắp lũy, trải binh vây thành Bình Định ba vòng.

• *Tháng 4 năm Canh Thìn, 1800.*

Nguyễn Vương nghe thành Bình Định lương thực gần cạn, lòng quân đã mỏi, liền để Đông Cung Thái Tử Cảnh trấn giữ Gia Định, đích thân mình cùng bộ tướng kéo đại binh theo đường thủy ra cứu viện.

Thủy binh của Nguyễn Vương đến cửa biển Cù Huân thì chia ra làm hai đạo tiến về Diên Khánh. Trước khi xuất quân, Nguyễn Vương đăng đàn hịch với tướng sĩ rằng:

– Trong khi ra trận, thành bại quyết định trong giây phút, được thua phân nhau trong chốc lát, điều ấy quan hệ không phải nhỏ. Ta nay thân cầm đại quân, trừ được giặc hay không là ở trận này, vậy các ngươi hãy đồng lòng cố gắng.

Tướng Trần Quang Diệu nghe tin đại binh của Nguyễn Vương định tái chiếm Diên Khánh liền truyền lệnh cho Thủy binh Đô đốc Đào Công Giản đem binh đến Phú Yên họp cùng tướng Phạm Văn Điểm chia quân trấn giữ hai bảo Hội An và La Thai.

Thủy binh của Nguyễn Vương tiến vào cửa Tích Áo (Vũng Tịch) thuộc địa phận Phú Yên. Nguyễn Vương truyền lệnh cho tướng Nguyễn Văn Thành cùng các phó tướng Lê Chất, phó tướng Nguyễn Đình Đắc và phó tướng Trương Tiến Bảo điều 8 đạo quân tiến về cửa biển Xuân Đài giao tranh với quân Tây Sơn đang trấn giữ tại đây. Trận chiến xảy ra ác liệt tại hai địa điểm Xích Thổ và Thanh Kỳ.

Quân Nguyễn Vương chiếm được bảo Hội An. Phó tướng Tiền đạo Lê Chất bị thương và nhiều trận chiến khác đã xảy ra trong những ngày sau đó.

• *Tháng 12 năm Canh Thân, 1800.*

Viện binh của Nguyễn Vương vẫn chưa đánh thủng được vòng vây của quân

Tây Sơn để giải cứu cho thành Bình Định. Bộ binh của Tây Sơn vây thành rất ngặt, thủy binh của Tây Sơn tuần phòng cửa Thị Nại ngày đêm, khiến cho thủy binh của Nguyễn Vương không thể tiến vào tiếp ứng được.

• *Tháng 4 năm Tân Dậu, 1801.*

Thành Bình Định lương thực đã gần cạn mà quân Tây Sơn vẫn kiên trì vây chặt. Nguyễn Vương hội các tướng sĩ lại và bảo rằng:

– Thà mất thành chứ không để mất dõng tướng của ta.

Rồi sai thám tử tìm cách lẻn vào thành bảo Võ Tánh bỏ thành mà kiếm đường ra hội với đại quân. Võ Tánh không chịu, sai thám tử mang mật thư về cho Nguyễn Vương.

Thư viết: "Nhân lúc đại binh của Tây Sơn đang dồn hết về đây vây thành Bình Định thì Phú Xuân coi như bỏ ngỏ. Hãy nhân đây đem quân ra đánh lấy Phú Xuân. Lấy thành Phú Xuân đổi một mạng của thần thật mãn nguyện lắm rồi."

Nguyễn Vương xem thư xong thở dài, trong lòng rất lưỡng lự, nửa không đành bỏ lại dõng tướng của mình, nửa thấy rằng nếu đánh Phú Xuân theo cái kế "đánh Ngụy cứu Hàn" biết đâu vừa lấy được Phú Xuân vừa giải vây cho Bình Định. Sau khi họp tướng sĩ lại bàn luận, Nguyễn Vương cho mật báo với Võ Tánh là đại binh sẽ lên đường tiến đánh Phú Xuân, cố gắng cầm cự, lấy được Phú Xuân thì vòng vây không đánh cũng tan vỡ.

• *Ngày 1 tháng 5 năm Tân Dậu, 1801.*

Đại binh của Nguyễn Vương tiến vào cửa biển Tư Dụng (cửa Tư Hiền ngày nay). Vua Cảnh Thịnh Nguyễn Quang Toản sai Phò mã Nguyễn Văn Tri cùng Đô đốc Trần Văn Tạ đem binh trấn giữ núi Qui Sơn (tức là núi Linh Thái ngày nay).

Hai tướng tiên phong của Nguyễn Vương là Lê Văn Duyệt và Lê Chất không thể nào tiến quân lên được. Quân Tây Sơn dựa thế cao, từ trên núi bắn xuống, quân của Nguyễn Vương bị thương và chết khá nhiều.

Hai tướng Lê Văn Duyệt và Lê Chất chờ đến đêm, chia quân làm hai cánh, một đánh vào trước mặt, một đội ghe nhỏ vượt bãi cát, qua phá Hà Trung, đi vòng lên núi đánh úp đằng sau, quân Tây Sơn tan vỡ. Cánh quân của tướng Lê Văn Duyệt bắt sống được Phò mã Nguyễn Văn Tri và Đô đốc Phan Văn Sách.

Vua Cảnh Thịnh gom hết lực lượng phòng thủ Phú Xuân kéo về cửa Eo (cửa Thuận An, Huế) quyết một trận mất còn với Nguyễn Vương. Cho đến giờ này vua Cảnh Thịnh mới ân hận là đã không nghe theo lời di huấn của phụ hoàng mà ở lại Phú Xuân để cho sự việc xảy ra như ngày hôm nay.

Trước khi lâm chung, vua Quang Trung Nguyễn Huệ đã có lời trăn trối với con trai là Nguyễn Quang Toản:

– Thần kinh Phú Xuân không phải của ngươi có được. Nghệ An mới là đất của cha mẹ ta, đất ấy là nơi hiểm yếu có thể trông cậy. Ta đắp thành dày để làm Trung đô là làm kế Tấn Dương ngày khác cho ngươi. Sau khi ta mất, ngươi nên về đó, nếu có biến cố thì có thể giữ được.

(Tấn Dương là nơi Cao tổ đời Đường dựng nghiệp, ngày nay thuộc huyện Thái Nguyên, tỉnh Sơn Tây của Trung Hoa).

- *Ngày Đinh Sửu tháng 5 năm Tân Dậu, 1801.*

Nguyễn Vương đứng trước mũi soái thuyền, áo bào bay phần phật trong gió chiều của cửa Thuận An, mắt dõi theo đại binh đang truy kích quân địch. Vua Cảnh Thịnh gom tàn quân chạy ra Bắc Hà.

Đại binh của Nguyễn Vương thế như chẻ tre tiến thẳng về thành Phú Xuân.

- *Ngày Mậu Dần tháng 5 năm Tân Dậu, 1801.*

Quân tiền đạo của Nguyễn Vương tiến vào thành Phú Xuân. Nguyễn Vương hạ lệnh cho tướng Lê Chất dẫn quân truy kích vua Cảnh Thịnh theo đường bộ, tướng Nguyễn Văn Chương đưa thủy binh tiến ra Linh Giang (sông Gianh) để chận đầu. Tướng Phan Văn Nhân lo phòng thủ cửa Thuận An và cấp tốc sai bát mã truyền thư cho Võ Tánh, đồng thời cử hai tướng Lê Văn Duyệt điều động bộ binh và Tống Viết Phước đưa thủy binh vào cứu thành Bình Định.

Nguyễn Vương đi ngựa vào thành Phú Xuân, dừng chân trước Long các, đảo mắt nhìn quanh một vòng, những đền đài cung miếu, nơi mà ngày trước ông cha đã xây dựng nên, lòng không khỏi bùi ngùi.

Vương đi bộ một vòng, xem xét từng cung điện. Đến một dãy điện đằng sau Long các, giữa cái khung cảnh vắng lặng của một cuộc chiến vừa tàn, nơi đây còn nghe tiếng khóc của ai nghẹn ngào.

Vương đẩy cửa bước vào. Ba người đàn bà đứng nép vào nhau ở cuối góc phòng, nét mặt vô cùng hoang mang sợ hãi...

*

Thành Bình Định bị vây hãm gần hai năm lương thực đã cạn, phải giết cả voi ngựa mà ăn nhưng lòng quân không loạn, lòng dân không oán, là vì Bình Tây Đại Tướng Quân Võ Tánh quân lệnh nghiêm minh. Tướng sĩ có người khuyên ông đột phá vòng vây mà ra, ông không nghe bảo rằng:

– Ta vâng mệnh giữ thành, phải cùng còn mất với thành. Nay bỏ thành mà cầu lấy sống thì còn mặt mũi nào mà nhìn thấy chúa thượng nữa.

Mỗi ngày ông lên vọng địch lầu nhìn quân Tây Sơn vây thành trùng trùng điệp điệp, mà bóng dáng viện binh của Nguyễn Vương vẫn chẳng thấy đâu. Biết tướng sĩ không còn chống chỏi được bao lâu, ông sai người mở cửa thành mang hàng thư đến cho tướng Trần Quang Diệu. Thư hứa sẽ giao thành với điều kiện khi quân Tây Sơn vào thành, không được sát hại bất cứ một người nào.

Tướng Trần Quang Diệu chấp thuận và cho hồi báo.

Sáng hôm sau, Lễ bộ Ngô Tùng Châu tới tướng phủ hỏi Võ Tánh xem có kế sách gì. Võ Tánh chỉ về hướng vọng địch lầu mà bên dưới ông đã cho chất sẵn củi khô và nói với Ngô Tùng Châu:

– Đây là kế sách cuối cùng của tôi. Tôi làm chủ tướng thì không thể sống cùng với giặc, ông là văn thần thì quân địch tất không hại đâu, vậy nên tính cách tự toàn.

Lễ bộ Ngô Tùng Châu cười trả lời:

– Cứ gì văn hay võ, lòng trung cũng là một thôi. Tướng quân biết chết theo nạn nước, Chu này không biết làm tôi chết với trung sao?

Ngô Tùng Châu trở về mặc quan phục, đội mão chỉnh tề, quỳ hướng về cửa khuyết bái vọng rồi uống thuốc độc mà chết.

Võ Tánh nghe tin ngậm ngùi than rằng:

– Ngô quân đã đi trước ta một bước rồi.

Và đích thân ông đến cho người khâm liệm, đồng thời gửi thư cho tướng Trần Quang Diệu hẹn ngày giao thành và nhắc nhở: "Tướng quân nghĩa phải chết là việc của ta, quân sĩ không có tội gì, không nên giết hại".

Sắp xếp mọi việc xong, ông mặc triều phục lên vọng địch lầu, đổ thuốc súng vào củi khô và truyền tướng sĩ đến bảo rằng:

– Ta từ khi phụng mệnh giữ thành này, quân Tây Sơn đem toàn lực lượng vây đánh đã hai năm, thật nhờ tướng sĩ đồng tâm mới giữ được thành đến bây giờ, nhưng nay lương đã cạn, sức đã kiệt, nên ta có chết đi thì tướng sĩ cũng khỏi khổ thêm.

Tất cả tướng sĩ đồng quỳ mọp dưới chân vọng địch lầu mà khóc. Bình Tây Đại Tướng Quân Võ Tánh ra dấu cho tướng sĩ lui ra và châm lửa.

Khi con ngựa thứ tám trong toán bát mã truyền thư sùi bọt mép quỵ hai chân xuống trước cửa thành Bình Định, thì trên thành, vọng địch lầu chỉ còn là một đống tro tàn.

*

• *Thành Phú Xuân, điện Long các.*

Ba người đàn bà run rẩy phủ phục dưới đất không dám nhìn lên. Nguyễn Vương nhỏ nhẹ hỏi:

– Các ngươi là ai?

Người đàn bà quỳ ở giữa từ từ ngước mặt nhìn lên. Đối diện chỉ có hai người. Người đàn ông trung niên đứng phía trước dáng dấp oai nghiêm, lưng đeo trường kiếm, tay phải cầm một cây súng nòng dài, áo bào loang cả bụi đường và khói súng. Đằng sau ba bước là một võ tướng cầm gươm theo hầu. Người đàn bà đang lúc sợ hãi nhưng âm thanh cũng như tiếng ngọc chạm vào nhau:

– Thiếp là Ngọc Bình và hai đứa kia là thị nữ của thiếp.

Vương nhìn người đàn bà vừa trả lời mình hồi lâu mới hỏi tiếp:

– Ngươi là Ngọc Bình công chúa?

Ngọc Bình công chúa đáp rất nhỏ, giọng càng run hơn:

– Thưa, chính là thiếp.

Nguyễn Vương không hỏi gì thêm, đứng im lặng nhìn Ngọc Bình công chúa vẫn còn phủ phục trước mặt mình. Viên cận tướng đã theo chủ soái của mình bao nhiêu năm nay vào sanh ra tử, nhưng chưa bao giờ thấy vương có một cái nhìn kỳ lạ như hôm nay. Ánh mắt nhìn trong một thoáng có cái nét như si, như ngây, như sự chếnh choáng của người vừa uống nhằm một chung rượu mạnh. Nhưng chỉ trong chốc lát, con người của đầu tên mũi đạn đã trở lại nguyên trạng. Vương ra hiệu cho Ngọc Bình đứng lên rồi bảo:

– Các ngươi đừng sợ hãi, cứ ở lại đây sinh hoạt bình thường như trước.

Rồi hạ lệnh cho viên tùy tướng:

– Cấm không được ai vào đây quấy nhiễu.

Nguyễn Vương nhìn Ngọc Bình công chúa một lần nữa trước khi bước ra. Đúng là một đóa hải đường, trong cơn phong ba mà hương sắc vẫn làm say đắm lòng người. Vương đã từng nghe tiếng hai chị em Ngọc Hân và Ngọc Bình vẫn được người đương thời truyền tụng là nhị Kiều của đất thần kinh, không ngờ hôm nay trở

lại Phú Xuân, anh hùng mới gặp giai nhân.

Nguyễn Vương ngự ở điện Long các, quần thần, tướng sĩ bày tiệc chúc mừng. Khi tiệc nửa chừng, vương cho gọi Ngọc Bình công chúa vào diện kiến và chính thức phong làm Tam Phi. Tiệc chưa tàn, thám tử từ Bình Định trở về báo tin Võ Tánh đã tự sát trước khi viện binh đến. Nguyễn Vương ngước mặt nhìn trời mà than:

– Ta lấy được Phú Xuân, nhưng lại mất đi một dõng tướng. Tiếc thay! Tiếc thay!

▪ ***Nguyễn Phúc Vĩnh Tung.***

(Dựa trên sử liệu của Đại Nam Thực Lục Chính Biên).

Độc ẩm

Rượu buồn độc ẩm mà say
Nhìn sâu đáy cốc bóng ai như mình
Nhìn mình chẳng biết là mình
Nhìn qua nhìn lại thấy hình bóng ai
Thì ra ta đã thật say
Nhìn ta chẳng biết tưởng ai bên mình
Rượu ngon ta uống một mình
Nếu mai ta chết ai người xót xa!
Xuân qua xuân vẫn mặn mà
Thời gian rong ruổi tuổi già bỏ quên
Rượu nồng mấy cốc quên tên
Lang thang theo gió lênh đênh giữa trời
Rượu sầu mấp máy trên môi
Rượu cay vị đắng một mình với ta.
Cuộc đời dù có bôn ba
Xác thân vay mượn chỉ là hư vô
...
Rượu tình uống đã thật say
Ngất ngây một bóng mới hay mình buồn
Buồn mà giận, nhớ mà thương
Đắng cay đôi ngã, tình vương cuối trời

Mai-Lĩnh (Seattle)

CHUNG QUANH CÁI CHẾT CỦA NGUYỄN BÁ TRÁC

Nguyễn Lý Tưởng

Tại Việt Nam, trước 1975 cũng như tại Hải Ngoại, sau 1975, nhiều người biết đến bài thơ "Hồ Trường" qua giọng ngâm của Đinh Hùng, Hà Phương hay bất cứ một cuộc họp mặt, sinh hoạt văn nghệ nào, cũng thường nghe nhắc lại bài thơ nầy với tất cả tình cảm của một người "yêu nước, đi làm cách mạng, đem chí trượng phu mà đền đáp non sông..." nhất là trong hoàn cảnh "nước mất, nhà tan" sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, trong các nhà tù cải tạo của Cộng Sản, chúng tôi cũng thường nghe các bạn tù đọc hoặc ngâm bài thơ nầy. Một số người khẳng định tác giả bài nầy là ông Nguyễn Bá Trác. Nhưng Nguyễn Bá Trác là ai thì đa số thế hệ từ 1945 trở về sau ít người biết. Gần đây, qua một bài báo của ông Phạm Hải Hồ, viết tại San Jose ngày 18–07–2002, đăng trên Văn Nghệ Tiền Phong, số số 641 trang 93, cho biết Nguyễn Bá Trác đã bị Việt Minh giết tại Quảng Ngãi năm 1945 (Ất Dậu) và khẳng định Nguyễn Bá Trác chính là tác giả bài "Hồ Trường".

Trong bài nầy, chúng tôi xin đặt lại một số vấn đề:

– Tại sao Việt Minh giết Nguyễn Bá Trác tại Quảng Ngãi năm 1945 (Ất Dậu)?

– Cái chết của Phạm Quỳnh và cái chết của Nguyễn Bá Trác có liên hệ gì với nhau?

– Nguyễn Bá Trác thực sự có phải là Việt gian hay không?

– Nguyễn Bá Trác có phải là tác giả bài "Hồ Trường" như lời truyền tụng hay không?

– Trong lúc bị Pháp lưu đày, cụ Võ Bá Hạp có gặp Nguyễn Bá Trác tại Thanh Hóa và từ chối sự giúp đỡ của ông nầy hay không?

– Hai bài báo của Thiên Vũ Võ Huy Quang và ông Phạm Hải Hồ có liên quan đến ông Nguyễn Bá Trác và cụ Võ Bá Hạp có đúng sự thực hay không?

(Góp ý của cụ Võ Như Nguyện, trưởng nam của cụ Võ Bá Hạp về các trường hợp nêu trên)

- 1. Nguyễn Bá Trác là ai?

Theo tài liệu của những người đồng hương với ông ở trong nước cung cấp: Nguyễn Bá Trác, hiệu là Tiêu Đẩu, sinh năm 1881 (Tân Tỵ), tại làng Bảo An, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (nay là

xã Điện Quang, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam), thi đỗ cử nhân khoa Bính Ngọ (1906) tại trường Thừa Thiên. Sau đó, ông theo phong trào Duy Tân và Đông Du do các cụ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh khởi xướng, qua Tàu rồi qua Nhật. Ngày 10-07-1907, Pháp ký với Nhật một hiệp ước thương mãi, cho Nhật vay 300 triệu quan Pháp và dành cho Nhật nhiều quyền lợi khác, v.v.. để đổi lại, Nhật phải trục xuất các thanh niên Việt Nam theo phong trào Đông Du, hiện đang trọ học ở Nhật, phải về nước hoặc đi nơi khác. Cảnh Sát Nhật được lệnh lập danh sách học sinh Việt Nam và thông báo cho họ biết nước Nhật không muốn chứa chấp họ nữa. Tất cả các nhà cách mạng Việt Nam như Kỳ Ngoại Hầu Cường Để, cụ Phan Bội Châu, v.v.. và các thanh niên Việt Nam đang ở Nhật đều bắt buộc phải ra đi, tìm đến một nước khác. Trước tình thế đó, đa số học sinh đều muốn trở về Việt Nam, Nguyễn Bá Trác cùng một số bạn bè chạy qua Trung Hoa, số khác chạy qua Thái Lan. Tâm trạng của thanh niên Việt Nam đi làm cách mạng trong thời gian nầy gặp bước thất bại, đa số bị bắt, bị tù, bị xử tử hoặc sống thiếu thốn bệnh hoạn, cảm thấy hiện tại quá bấp bênh, vô vọng... nên đa số muốn trở về Việt Nam. Nguyễn Bá Trác cũng ở trong hoàn cảnh đó. Ở Trung Hoa được ít lâu, vì cùng đường, Nguyễn Bá Trác đã trở về Hà Nội tìm cách ra đầu thú với Pháp. Vốn biết ông là một thanh niên có tài, có học nên, vào khoảng 1916– 1918, Pháp đã cho ông làm việc ở Phòng Báo Chí, Phủ Toàn Quyền Đông Dương và trao cho phụ trách một tờ báo bằng chữ Hán (tờ Cộng Thị báo). Mục đích của tờ báo nầy là kêu gọi thanh niên trí thức Việt Nam ra hợp tác với Pháp. Năm 1917, Nguyễn Bá Trác được Pháp đưa qua làm việc với Phạm Quỳnh, phụ trách phần chữ Hán của báo Nam Phong (do Phạm Quỳnh làm chủ bút). Khoảng 1922-1932, ông vào làm Tham Tri Bộ Học ở Huế, (có sách ghi là Tá Lý Bộ Học tức là Phụ Tá cũng như Tham Tri). Trong thời gian nầy, ông đã biên soạn nhiều tác phẩm bằng Hán văn có giá trị như:

– Hoàng Việt Giáp Tý niên biểu (2 cuốn, tổng cộng 552 trang) xuất bản năm 1925 tại Huế. (Bản dịch do Bộ Giáo Dục VNCH Sài Gòn, 1963) nội dung ghi chép các biến cố quan trọng xảy ra trong lịch sử nước ta từ thời Hùng Vương về sau, có tham khảo nhiều tài liệu lịch sử của Trung Quốc, Nhật Bản và Việt Nam. Sách biên soạn rất công phu. Sách nầy được biên soạn trong thời gian ông làm việc tại Bộ Học ở Huế (1923-1925).

– Cổ học viện thư tịch thủ sách (11 cuốn) sách nầy do nhiều người cộng tác biên soạn, nội dung ghi chép và phân loại các sách vở, tài liệu trong thư viện của nhà vua tại Huế, nhiều tài liệu cổ rất giá trị. Sách biên soạn xong năm 1924.

– Các bài biên khảo bằng Hán văn đăng trên tạp chí Nam Phong như : Hán học Văn học khảo (thơ, văn từ 1917–1932), Hàn mạn du ký (1920), Bàn về Hán học (1920), Bàn về học thuật nước Tàu (1918), Mấy lời chung cáo với các bạn nhà Nho (1921), Hương Giang mộng (1920), Ngã An Nam dân tộc Nam tiến chi lịch sử (1921), Nguyễn Bá Học tiên sinh chi lược sử cập kỳ di ngôn (1921),

Lĩnh Nam dật sử nghi án (1921), Du thanh hòa ký (1921)...

Sau đó ông được thăng Tuần Phủ Quảng Ngãi rồi Tổng Đốc Thanh Hóa, Bình Định.

Tháng 8-1945, khi Việt Minh lên nắm chính quyền, ông bị bắt và bị xử bắn tại Quảng Ngãi.

- 2. Tại sao Việt Minh (Cộng Sản) lại xử tử hai Ông Nguyễn Bá Trác và Phạm Quỳnh trong tháng 8, 1945? Nguyễn Bá Trác có thực sự là Việt gian hay không?

Nguyễn Bá Trác cũng như Phạm Quỳnh là hai người đã ra cộng tác với Pháp, lúc đầu làm báo: Nguyễn Bá Trác làm báo chữ Hán (Cộng Thị Báo) tại Phủ Toàn Quyền Hà Nội; Phạm Quỳnh làm chủ bút Tạp Chí Nam Phong (gồm 3 phần: chữ Pháp, chữ Hán và chữ Việt). Sau đó, cả hai ông đều vào làm việc tại Bộ Học ở Huế: Phạm Quỳnh giữ chức vụ Thượng Thư và Nguyễn Bá Trác làm Tham Tri (hay Tá Lý). Xét cuộc đời của hai ông, chưa có hành động gì gọi là "tội ác dã man" đối với đồng bào. Chủ trương của hai ông cũng chỉ là hợp tác về phương diện văn hóa, bảo vệ cái di sản văn hóa của dân tộc (các sách vở bằng Hán văn của tổ tiên để lại). Những công trình biên khảo, sáng tác của hai ông, ngày hôm nay vẫn còn giá trị và được mọi người chú ý. Chúng ta cũng không thấy được những gì là xấu, là có hại... trong các tác phẩm của hai ông. Ông Nguyễn Bá Trác, trong khi giữ những chức vụ hành chánh như Tuần Vũ Quảng Ngãi, Tổng Đốc Thanh Hóa, Bình Định và ông Phạm Quỳnh trong chức vụ Ngự Tiền Văn Phòng, Thượng Thư Bộ Học, Thượng Thư Bộ Lại cũng chưa có hành động gì gọi là "dã man, tàn ác" đối với người khác. Chẳng qua cũng chỉ làm nhiệm vụ được cấp trên trao cho mà thôi.

Trong một bức thư đề ngày 02 tháng 10, 2002, gởi cho người bạn ở Huntington Beach, California, Hoa Kỳ, cụ Võ Như Nguyện (trưởng nam của cụ Võ Bá Hạp) có kể chuyện:

Khi cụ Phan Bội Châu bị bắt tại Thượng Hải đưa về giam tại nhà giam Hỏa Lò (Hà Nội), sau đó đưa về an trí ở Huế (1925)...

"Khâm Sứ Trung Kỳ "ủy thác" cho ông Nguyễn Bá Trác (Tham Tri Bộ Học) "tìm nơi ăn ở" hẳn hoi cho cụ Phan. Nhất định là có ẩn ý theo dõi... Trước hết là Quý vị sĩ phu ở Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam và một số nhân sĩ phản đối, yêu cầu Bảo Hộ cho quý vị lãnh trách nhiệm tìm nhà cửa, nơi ăn chốn ở cho Sào Nam Phan Bội Châu. Được quý vị trí thức, học giả, thân sĩ khắp 3 kỳ lên tiếng yêu cầu như vậy, nên Khâm Sứ cũng thỏa thuận. Vì nôn nóng, lật đật, quý vị gấp rút mua vội vàng một sở đất gần dốc Nam Giao, trả tiền sòng phẳng, nhưng đại đa số không bằng lòng, vì ai cũng nói rằng Nam Giao xa thành phố, chỗ hẻo lánh, phải đề phòng mọi bất trắc! Có một vị hảo tâm ở Bến Ngự bán rẻ sở vườn, nên quý vị chọn chỗ nầy". (Thư đề ngày 02 tháng 10, 2002 của cụ Võ Như Nguyện).

Qua đoạn trích dẫn trên đây, chúng tôi nhận thấy cụ Võ Như Nguyện đã ghi nhận "có sự nghi ngờ" đối với ông Nguyễn Bá Trác khi Khâm Sứ Trung Kỳ

trao cho ông nhiệm vụ "tìm nơi ăn chốn ở cho cụ Phan Bội Châu là có ẩn ý theo dõi..." Lúc đó ông Nguyễn Bá Trác đang làm Tham Tri Bộ Học tại Huế (1925). Nhưng về sau, Khâm Sứ Trung Kỳ cũng đã "thuận theo" đề nghị của học giả, trí thức và thân hào nhân sĩ ở Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam cũng như cả nước yêu cầu trao việc đó cho họ lo liệu. Như vậy, vai trò của ông Nguyễn Bá Trác trong việc "tìm nơi ăn chỗ ở" cho cụ Phan Bội Châu, xét ra cũng chẳng có gì gọi là "tội ác dã man"; chẳng qua cũng vì ông có quen biết với cụ Phan nên mới được Khâm Sứ Trung Kỳ trao cho công tác đó.

Việt Minh lên án hai ông là "Việt gian, bán nước, làm tay sai cho Pháp"... Một ông bị xử bắn (Nguyễn Bá Trác) và một ông bị chôn sống (Phạm Quỳnh), đó mới là hành động dã man!

- 3. Nguyễn Bá Trác có phải là tác giả bài "Hồ Trường" ?

Cho đến bây giờ, chúng tôi chưa tìm ra bài thơ "Hồ Trường" được chính thức đăng vào sách văn học trước 1945 hoặc trước 1975 tại Việt Nam. Thỉnh thoảng, chúng tôi cũng có nghe bạn bè ngâm hay đọc bài thơ nầy, hoặc đọc thấy trên báo, nhưng không biết rõ xuất xứ; và mỗi nơi một khác, có tính cách tùy tiện, tự ý thay đổi một vài chữ hay một vài câu, khiến cho người đọc không biết đâu là đúng, đâu là sai.

Sau đây chúng tôi xin trích lại một trong những bài Hồ Trường do anh em bạn bè nhớ và ghi lại:

Đại trượng phu nào ai hay xé gan bẻ cật phù cương thường.
Hà tất tiêu giao bốn bể, lưu lạc tha phương?
Trời Nam ngàn dặm thẳm,
Đất nước một màu sương.
Chí chưa thành, danh chưa đạt.
Trai trẻ chẳng bao lâu mà đầu bạc!
Trăm năm thân thế bóng tà dương!
Vỗ gươm mà hát,
Gõ bầu mà hỏi:
Thiên địa mang mang,
Ai người tri kỷ?
Hãy lại cùng ta cạn một hồ trường.
Hồ trường! Hồ trường!
Ta biết rót về đâu?
Rót về Đông phương,
Nước bể Đông chảy xiết sinh cuồng loạn.
Rót về Tây phương,
Mưa Tây Sơn từng trận chứa chan.
Rót về Bắc phương,
Ngọn Bắc phong vi vút, cát chạy, đá bay.
Rót về Nam phương,
Trời Nam mờ mịt.
Có người quá chén như điên, như cuồng.
Nào ai tỉnh? Nào ai say?
Chí ta, ta biết. Lòng ta, ta hay.
Nam nhi sự nghiệp: ờ hồ thỉ,
Hà tất cùng sầu với cỏ cây.

Người ta nói tác giả bài thơ nầy là Nguyễn Bá Trác. Nhưng tôi hỏi các cụ nhà Nho ở Huế, trong đó có những vị là Thầy dạy của tôi, nhiều người biết ông Nguyễn Bá Trác, nhưng không ai nghe nói đến bài "Hồ Trường" nầy. Chính cụ Võ Như Nguyện, người biết nhiều chuyện xưa liên quan đến các bậc tiền bối cách mạng, mà cũng không biết gì về bài thơ nầy. (Trong thư đề ngày 02 tháng

10 năm 2002, gởi cho người bạn ở Huntington Beach, California. Cụ viết: "Bài thơ 'Hồ Trường' và dinh Tổng đốc Thanh Hóa dưới thời ông Nguyễn Bá Trác, tôi chưa được nghe".

- 4. Về hai bài báo của Võ Huy Quang và Phạm Hải Hồ

Trong tháng 10, 2004, chúng tôi có gặp cụ Võ Như Nguyện (trưởng nam của cụ Võ Bá Hạp) từ Pháp qua thăm. Cụ có trao cho tôi hai tài liệu:

a.– của Thiên Vũ Võ Huy Quang: "Khắc Họa Chân Dung Tử Tù: trong lịch sử đấu tranh giữ nước giai đoạn 1858 – 1975 Thiên Vũ Võ Huy Quang sưu tập và biên khảo – Tư liệu sưu tập Lịch sử đấu tranh của nhân dân Thừa Thiên, trang 717: Vũ Bá Hạp, Bí danh: Trúc Khê..."

b.– của Phạm Hải Hồ viết tại San Jose, ngày 18–07–2002 đăng trên báo Văn Nghệ Tiền Phong số 93 trang 641 nhan đề "Vui Buồn Vùng Vịnh".

Cả hai tác giả nói trên đều có đề cập đến trường hợp của cụ Võ Bá Hạp với nhiều điều sai lạc quá trầm trọng:

Về quê hương của cụ Võ Bá Hạp: ông Thiên Vũ Võ Huy Quang viết: "Ông người làng Bao Vinh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên". Điều nầy không đúng. Cụ Võ Bá Hạp người làng Phong Lâm, huyện Gia Lộc, phủ Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (Bắc Việt). Tên của cụ theo cách đọc ở miền Bắc (quê hương của cụ) là Vũ Bá Hợp chứ không phải Vũ Bá Hạp. Theo cách đọc ở Huế (và cả miền Trung, miền Nam) thì tên của cụ là Võ Bá Hạp. Khi theo thân phụ (là cụ Vũ Văn Giáp), vào Huế học, cụ đã nhập làng Dương Xuân, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên chứ không phải làng Bao Vinh. Từ đó, cái tên Vũ Bá Hợp đọc là Võ Bá Hạp.

"Trúc Khê" là tên hiệu, không phải bí danh.– Thông thường, khi tham gia một tổ chức chính trị bí mật hay một đảng cách mạng, người ta chọn một Bí Danh để liên lạc với nhau trong tổ chức. Đây là cái tên bí mật, chỉ có người trong tổ chức biết mà thôi. Trúc Khê là tên hiệu của cụ Võ Bá Hạp, không phải là Bí Danh.

Về cái chết của cụ Võ Bá Hạp: ông Võ Huy Quang viết: "Năm 1948, ông bị Pháp bắt và xử tử vì ông đã ủng hộ phong trào yêu nước đấu tranh chống lại Pháp". Điều này hoàn toàn sai. Cụ Võ Bá Hạp chỉ bị Pháp bắt vào năm 1906 đến cuối năm 1914 thì được tha về. Cụ mất tại tư gia ngày 12–11–1948 (12 tháng 10 âm lịch năm Mậu Tý), thọ 72 tuổi. Cụ qua đời vì bệnh và tuổi già chứ không phải bị Pháp xử tử. Gia Phả họ Võ (mà chúng tôi đang giữ một bản sao) đã ghi lại đầy đủ các chi tiết nầy.

Về năm mất của cụ Tăng Bạt Hổ: ông Võ Huy Quang viết: "Năm 1908, Tăng Bạt Hổ qua đời, ông (Võ Bá Hạp) tự tay lo liệu chôn cất đàng hoàng". Điều nầy hoàn toàn sai, vì năm 1908, cụ Võ Bá Hạp đang bị Pháp lưu đày tại trại giam Lao Bảo (thuộc Quảng Trị, giáp biên giới Lào). Theo gia đình con cháu cụ Võ Bá Hạp cho biết: "Cụ Tăng Bạt Hổ chết tại nhà cụ Võ Bá Hạp vào năm 1906, một thời gian sau đó, cụ Võ Bá Hạp bị Pháp bắt".

Về ông Nguyễn Bá Trác (Tổng Đốc Thanh Hóa) và cụ Võ Bá Hạp, ông Phạm Hải Hồ viết: "Nói đến Việt gian thì thời

nào chẳng có. Thời nước ta bị Tàu, Pháp, Nhật xâm lăng, cai trị, cũng vô số tay sai, Việt gian. Thời Cộng Sản càng nhiều gấp bội, vì nó cùng nòi, cùng giống, lại tinh ranh hơn kẻ ngoại xâm. Kẻ thù thường chiêu dụ những người có khả năng chuyên môn về ngành nào đó, hoặc có kiến thức, có ít nhiều danh tiếng để làm tay sai mới đắc lực, chứ dùng dân gà mờ, ngu dốt làm chi.

"Tôi xin kể một chuyện liên hệ đến một nhân vật khoa bảng Hán học, một nhà cách mạng, một tác giả của bài thơ bất hủ còn phổ biến rộng rãi cho đến bây giờ được nhiều người biết và ca ngợi là quá hay. Nhân vật đó là ông Nguyễn Bá Trác, từng là nhà cách mạng bôn ba ở hải ngoại để mưu đồ đánh đuổi thực dân Pháp, giành Độc lập, Tự do cho dân tộc. Hình như ông là nhà cách mạng đồng thời với Phan Bội Châu. Ông Nguyễn Bá Trác là tác giả bài thơ Hồ Trường, chan chứa khí phách của một trượng phu, một chí sĩ yêu nước với tâm tư bi phẫn trước cảnh đất nước đang quằn quại dưới gót giầy sắt của bọn xâm lăng Pháp.

"Đại trượng phu nào ai xé gan bẻ cật. Phù cương thường hà tất tiêu dao bốn bể luân lạc tha phương..."

Vậy mà trong những giây phút yếu lòng nào đó, khiến cho nhà cách mạng Nguyễn Bá Trác đã về nước hàng phục xâm lăng Pháp và triều đình bù nhìn. Ông được bổ nhiệm làm chức Tham Tri rồi sau làm Tổng Đốc Thanh Hóa (2 chức vụ này tương đương nhau, nếu làm việc trong triều thì gọi là Tham Tri, làm việc ở ngoài triều thì gọi là Tổng Đốc).

Trong thời gian làm Tổng Đốc Thanh Hóa, ông Nguyễn Bá Trác can thiệp, vận động với Pháp để Pháp dễ dãi, khoan hồng cho đồng chí cũ của mình là nhà cách mạng Võ Bá Hạp bị Pháp bắt giam. Ông Võ Bá Hạp thường được đưa tới dinh Tổng Đốc Nguyễn Bá Trác để dọn dẹp lặt vặt, nhổ cỏ, quét dọn, vệ sinh. Mỗi khi thấy mặt quan Tổng Đốc, ông Võ lại mắng nhiếc thậm tệ như: anh là tên Việt gian, phản quốc, tay sai thực dân, v.v...

Quan Tổng Đốc Trác nghe xong chỉ cúi đầu lảng đi, không nói năng gì cả. Một bữa ông Hạp được lệnh tha, Tổng Đốc Trác đưa xấp tiền biếu để ông Hạp về với gia đình. Nhưng ông Hạp từ chối, vừa cầm nắm tiền vứt trả vừa buông lời xỉ vả quan Tổng Đốc một lần cuối: "Tôi không thèm nhận những đồng tiền dơ bẩn của anh". Tổng Đốc Trác vẫn im lặng. Sự im lặng này hàm chứa một ý nghĩa rõ ràng: Ông Nguyễn Bá Trác đã biết hối hận, biết sỉ nhục, biết mình đã đi vào con đường sai lầm. Bỏ con đường phi nghĩa, tà đạo, phản bội lại quốc dân, để mưu cầu sự vinh thân, phì gia trong hoàn cảnh quê hương đang mắc vòng nô lệ ngoại xâm.

Một thời gian sau, ông Nguyễn Bá Trác về hưu, sống ẩn dật trong nhà, không xuất hiện ngoài xã hội. Đến năm 1945, Việt Cộng lên cướp chính quyền, đã xử tử ngay Nguyễn Bá Trác, cũng như chúng đã xử tử Phạm Quỳnh, Cung Đình Vận,v.v....

Ấy là gương mờ đục của một nhân vật Việt gian. Nó trái ngược với tấm gương trong sáng Phan Bội Châu. Pháp bắt cụ Phan (do tên gian ác Hồ Chí Minh âm mưu mời cụ tới Thượng Hải, là nhượng

PO 4349 LA 90051 KLCS guilar

địa của Pháp, để diễn thuyết, rồi mật báo cho mật vụ Pháp biết chương trình, ngày giờ đến bắt cụ Phan để lấy tiền thưởng của Pháp) đem về Huế an trí. Nhiều lần Pháp dụ dỗ mời cụ Phan giữ chức Thượng Thư Bộ Học trong triều đình Huế, nhưng cụ vẫn một mực chối từ.

Nói tóm tắt, người Việt nào làm lợi, thông đồng với kẻ thù bị đồng bào ta gán cho cái tên là Việt gian. Suy cho cùng ông Nguyễn Bá Trác còn có nhất điểm lương tâm, còn biết hối hận, biết sỉ nhục, biết xấu hổ về cái việc hàng Tây và làm quan lớn của mình, còn nhận biết đến cả những lời mắng nhiếc, lăng nhục mình là đúng, mình là sai quấy, nên mới im lặng để bạn chửi rủa mình".

Sở dĩ chúng tôi phải trích lại nguyên văn cả một đoạn dài như thế để cho người đọc nắm bắt được ý chính của tác giả (Ông Phạm Hải Hồ). Ý của tác giả là "nói tốt", "vinh danh" cho cụ Võ Bá Hạp; đồng thời cũng tỏ ra thông cảm với ông Nguyễn Bá Trác: mặc dù đã ra đầu hàng giặc, nhưng còn chút tình cảm với anh em bạn bè, còn chút lương tâm, biết xấu hổ, biết hối hận về những việc của mình đã làm... Nhưng vấn đề đặt ra ở đây là "nói có sách, mách có chứng", không thể vì cảm tình mà thêu dệt những chuyện không có thực, nhất là câu chuyện có liên quan đến lịch sử. Nghiên cứu gia phả và tiểu sử của cụ Võ Bá Hạp, cũng như trực tiếp với con cháu của cụ... chúng tôi được biết: – Cụ Võ Bá Hạp chưa bao giờ bước chân đến tỉnh Thanh Hóa. Trong thời gian bị Pháp bắt, cụ chỉ bị dẫn độ đến các tỉnh: Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, để đối chất với những người trong tổ chức cách mạng của cụ, đã bị bắt mà thôi. Sau khi hoàn thành các cuộc điều tra, cụ bị lưu đày khổ sai biệt xứ tại nhà giam Lao Bảo là nơi rừng thiêng nước độc, ở phía Tây Bắc tỉnh Quảng Trị, giáp với biên giới Lào. Ngoài ra, trong gia đình con cháu cụ Võ Bá Hạp cũng xác nhận tính tình tư cách của cụ là một người hòa nhã, ăn nói lịch sự, dù bất đồng chính kiến, không cùng một lập trường, một tổ chức... thì cụ cũng vẫn giữ lễ độ, đối xử rất đúng đắn, mà không bao giờ thốt ra lời sỉ nhục kẻ khác. Ngay với người Pháp hay quan lính Việt Nam, khi hỏi cung, cụ cũng trả lời họ rất lịch sự. Cụ luôn giữ lập trường cứng rắn, nhưng trong lời nói, cụ luôn tỏ ra nhã nhặn. Cụ bị tù trong thời gian 8 năm từ 1906 đến 1914. Thời gian đó, ông Nguyễn Bá Trác còn ở Nhật, ở Tàu chưa về nước. Ông hợp tác với Pháp, phụ trách tờ báo chữ Hán của Phòng Báo Chí phủ Toàn Quyền Hà Nội từ 1916–1918, sau đó qua phụ trách phần Hán văn cho Tạp chí Nam Phong (do Phạm Quỳnh làm chủ bút). Sau đó, ông vào làm việc tại Bộ Học ở Huế. Cả chục năm sau, ông mới được thăng chức Tuần Phủ Quảng Ngãi rồi Tổng Đốc Thanh Hóa. Thời gian nầy cụ Võ Bá Hạp đã ra khỏi tù (từ 1914) và ở Huế, không hề đi đâu xa. Do đó không thể có chuyện Tổng Đốc Thanh Hóa Nguyễn Bá Trác gặp người tù Võ Bá Hạp trong thời gian nầy được.

(Xin xem "Thuyền Ai Đợi Bến Văn Lâu" của Nguyễn Lý-Tưởng, xb năm 2000 từ trang 27 đến trang 83: Phong Trào Yêu Nước Chống Pháp... phần nói về Võ Bá Hạp, Tăng Bạt Hổ...)

Nguyễn Lý Tưởng.

TÌNH TA XỨ NGƯỜI

YLA Lê Khắc Ngọc–Quỳnh

Cô bạn 'nối khố' Bùi Ngọc Mỹ đến đón tôi trước buổi họp mặt đến nửa tiếng. Ước mơ có đường phượng ở thủ đô tỵ nạn Little Saigon được cô bạn nhắc lại nhiều lần vì biết tôi yêu phượng. Nhưng lần thăm viếng này cô bạn cho hay phượng vỹ sẽ không chào đón tôi mà thay bằng những cây anh đào Nhật Bản mà gốc đã đặt xuống đường. Hy vọng trong tương lai, hoa anh đào sẽ hồng thắm đường đi của người Việt Nam tỵ nạn vùng California này. Câu chuyện chưa dứt, những gốc anh đào mới ươm chưa thấy mà địa điểm họp mặt đã trước mắt. Biết nói gì để cảm ơn cô bạn sành tâm lý, thỏa lòng nôn nóng vì nơi đến chắc chắn sẽ cho tôi tròn đầy kỷ niệm thời cắp sách. Nhà hàng Paracel Seafood, 15583 Brookhurst St. – Wesminster, CA 92683, quá gần nhà cho tôi một ngạc nhiên thích thú. Cô bạn cười nhìn tôi, đường quá ngắn chưa đủ thì giờ biểu diễn tài lái xe lả lướt của dân Cali cho người Canada sợ chơi. Tôi vẫn thường thú nhận với bạn 'Canada của tui là Huế mà Cali của bạn là Sài gòn rồi mà!' Bạn tôi cười 'Nói vậy là khen hay chê đây'.

Năm 1954, từ giã mái trường, các Quốc Học & Đồng Khánh mỗi người mỗi cảnh trên muôn vạn nẻo đường. Tháng tư 1975, biến cố đau buồn, bao người lại phải biền biệt xa Quê Hương. Những ngày đầu lưu lạc, nói chuyện hội nhập là nhận nỗi đắng cay, là cam chịu tim mình rướm máu, là quằn quại lìa bỏ quá khứ, quên chuyện tâm hồn... Sức mạnh của chịu đựng, kiên quyết đẩy lùi mọi khó khăn, tàn nhẫn. Ác mộng qua đi. Những ngày đầu đã xa. Mừng vì chúng ta còn đứng vững trên đôi chân qua biết bao đoạn đường thử thách. Hôm nay, ngày 23 tháng 7 năm 2004, sau 50 năm xa trường, các anh chị đã đến với nhau trong ý nghĩa tìm về trọn vẹn yêu thương. Đã nửa thế kỷ mà sao tưởng như mới hôm qua, vui nhộn nơi mái trường xưa yêu dấu. Buổi tổ chức mừng LỄ VÀNG (50th Anniversary Celebration) của các anh chị tưởng như ý nghĩa hơn, cảm động hơn khi xa Quê Hương cả 1/2 vòng trái đất, từ khắp mọi miền thế giới, anh chị cùng nhau họp mặt. Tình Huế thắm nồng trong lòng mỗi

người con xứ Huế tha hương. Nơi đâu có Huế là qui tụ được đông đảo, trọn vẹn tìm về. Nỗi niềm Sông Hương, núi Ngự được nhắc lại thắm thiết thương yêu. Họp mặt lần này còn mang nét trân quí biết bao, các anh chị đang có cùng một tâm tình, cùng trường, cùng lớp, cùng thầy cô, cùng thời gian, không gian, cùng một chặng đường lịch sử đất nước, trong gian đoạn đẹp nhất của đời người với tuổi trẻ vô tư trong sáng. Các anh chị đang cùng hướng về quê Huế, trường xưa yêu thương với cảm tình mang nặng mối cảm hoài sâu đậm như nhau.

Bước vào cửa, tôi gặp ngay nét tươi cười của chị Thanh Tâm, nhân vật đầy tích cực và là một trong những người quyết vượt mọi trở ngại cho có Đại Hội họp mặt 50 năm xa trường tưng bừng hôm nay. Chị may mắn có sự tiếp tay hữu hiệu, thân thương và đầy thông cảm của anh Đoàn Khoách, một người rể hiếm có của Đồng Khánh. Trong áo dài tím thướt tha trang trọng, chị đã cho tôi hình ảnh một trời Huế thân thương... Chị trao tôi hai vé vào tiệc có tên ông xã và tên tôi. Tấm vé mầu xanh hy vọng, mờ mờ hình ảnh trường xưa sau hàng cây gợi nhớ vô cùng những ngày hai buổi đi về 'áo trắng đơn sơ, mộng trắng trong'. Chị Thanh Tâm còn ân cần tặng một cuốn 'Trong Mê Cung' của anh Nguyễn Trung Hối. Cầm cuốn sách trong tay, tôi vội kéo ông xã đi tìm tác giả vì theo tôi biết anh hiện diện hôm nay. Ngay lối vào, gặp anh Trần Sĩ Lâm trong ban tổ chức, anh cho hay anh Hối không đến được vào phút chót vì không xin được phép. Một chút thất vọng vì những người bạn biết chắc sẽ cùng nhau hội ngộ,thì anh Hối và cả anh chị B.X. Nhiếp đã không thể có mặt vào phút chót. Một thoáng ngỡ ngàng tôi đã quên không hỏi anh Lâm xem tác giả 'TMC' đã không được phép ai, phu nhân? hay giám đốc sở làm? Anh Lâm cũng cho biết chính anh đã mang thùng sách đến đây vì vậy tôi mới có được thêm một cuốn TMC nữa.

Hàng chữ 'Cuộc họp mặt lớp 47– 54 ĐK–KĐ Kỷ– niệm 50 năm xa trường 1954 – 2004'nổi rõ trước tấm phông rộng lộng lẫy Hoàng Thành Huế của anh Nguyễn Ngọc Nhâm, đập vào mắt. Tôi rưng rưng cảm động. Chưa nhìn thấy ai quen. Không khí tưng bừng, rộn ràng và náo nhiệt vô cùng làm khựng chân người bước vào. Không như lo lắng của các anh chị trong ban tổ chức là sợ xa xôi các anh chị không tham dự được nhiều như mong ước, phòng họp mặt đã đông lắm. Những tà áo dài tha thướt, đủ sắc mầu, những bộ veston trang trọng nhưng buổi họp mặt lại chìm trong không khí trẻ trung không ngờ. Những tràng cười vang vang, tiếng gọi nhau 'chụp bóng' ồn ào vui vẻ như còn ngày nào 'trẻ dại' bên sân trường. Có quá nhiều lý do để phải ghi lại những tấm hình kỷ niệm, kỷ niệm nào cũng đáng ghi: bạn tìm bạn, bạn cùng lớp, cùng bàn, cùng đường đi học, cùng mê một giáo sư, cùng nghịch phá, và thậm chí có chung 'một cây si'... Rứa là flash máy ảnh nháy liên hồi. Một nhóm tụ lại, lóe sáng, nhóm người chưa kịp bước đi đã tươi cười đứng chung với nhóm khác, đèn chớp sáng, tiếng cười lại vang vang. Tôi cầm máy ảnh trong tay, chưa kịp mở máy tôi đã có chung không biết bao nhiêu tấm ảnh, lần

nào cũng cười toe vui tươi. Cám ơn các anh chị đã cho tôi trẻ lại, sá gì quá nửa thế kỷ tuổi đời! Ai cũng tham lam giữ ngày xưa thật tròn đầy. Chỉ có hôm nay, giờ phút này mới thấy ngày xưa đang thật gần, cứ tìm nhau, vui với nhau, nụ cười cho nhau sau 50 năm nào có dễ gì! Bên góc phòng vài anh chị thì thầm tâm sự. Có ai lặng lẽ khoanh tay, ánh mắt mơ màng, hân hoan nụ cười trên môi nhìn các bạn lao xao hạnh phúc tìm nhau, để thấy mình có lý hiện diện. Dù với cảnh đời nào thì hôm nay mới thật nhẹ nhàng sống lại ngày xưa thiên đường! Tôi không còn cảm giác là lớp 'đàn em' đến dự Lễ Vàng của các anh chị nữa mà thật sư trọn vẹn dự phần, tuổi trẻ của tôi được gọi về rõ nét và cảm động biết bao: Nhớ ngày 'dọn trường' lịch sử từ trường bạn học nhờ bao năm để sang trụ sở học riêng của Quốc Học vừa đòi lại, còn vương vãi dấu vết của một đồn lính... Cùng với các anh chị lớp Đệ Nhị, Đệ Nhất, chúng tôi lau hau lớp Đệ Tam, cứ hai bạn một cái bàn, hai bạn một băng ghế. Dù khiêng nặng trên đoạn đường đất không bằng phẳng, các bạn vẫn chạy vù vù, cười giỡn... Thoáng chốc lớp học mới đã ngay ngắn 30 bộ bàn ghế học sinh, bàn thầy giáo và bảng đen... Nữ sinh chúng tôi được miễn 'lao động nặng', chỉ khệ nệ 'na' dùm cặp sách, xe đạp... cho các bạn nam sinh phải mệt nhọc, nhễ nhại mồ hôi. Nhưng mọi người vui vẻ tươi cười. Chúng tôi vui mừng có trụ sở học riêng nhưng không khỏi bùi ngùi xa những tà áo trắng thướt tha, những ánh mắt mơ màng, nhất là mấy anh không thể nào tập trung khi trống ra chơi của trường bạn điểm. Bóng dáng ai bên kia sân phượng cứ chơi vơi trí tưởng... Thật khó quên những ngày học nhờ êm ái. Chỉ có Huế, có dân Quốc Học chúng ta và chỉ có thời của chúng ta mới có lần dọn trường lịch sử như thế! Hôm nay cả nửa thế kỷ còn có người nhắc tôi hình ảnh cô bé khệ nệ xách ba bốn cặp sách của bạn mà muốn xách dùm cũng không cho... Ngày xưa trở về như mới hôm qua đẹp ngời tuổi trẻ!

Không tìm ra bạn đồng khóa nhưng Bùi Ngọc Mỹ và tôi không thấy lạc lõng trong không khí tưng bừng của tổ chức Lễ Vàng. Đúng là cái ồn ào sống động của hai sân trường Đồng Khánh – Quốc Học giờ ra chơi, nói phải hét lên mới nghe được! Có ai nói vào tai 'Trời ơi vui chi lạ!' Một khuôn mặt thân quen, nhìn thấy ngay trong rừng người náo nhiệt: chị CHTN Tường Vy. Những ngày đầu định cư, văn phòng bệnh viện Hoa Kỳ phải 'give up' không làm được phiếu trả lương cho chị, lý do là cái tên 'quá dài' computer không đủ chỗ!! Trăm nghìn cái khổ của những ngày đầu nơi xứ người, còn cái khổ của cái tên dài nữa trời ợ! Chung quanh còn có những bạn trẻ hơn chúng tôi nhiều, Ngọc Mỹ khen tôi nhìn hay và nhớ giỏi. Thật ra trí nhớ của tôi đã 'phục hồi' là nhờ vô cùng những bảng tên dưới hàng chữ Hello đậm nét. Cám ơn những bảng tên cho tôi hình ảnh quen thân, những nhân vật thoáng qua, những người chỉ nghe tên giờ này mới diện kiến, những người đẹp một thời, những tài danh của trường xưa và cả những tên tuổi làm nên 'lịch sử', kể cả lịch sử của nghịch ngợm, phá phách. Một chị lạc quan ghé tai tôi nói thật lớn:

– Đàn bà mình dễ nhận hơn, một lúc là nhớ ra liền, nhiều người 'còn trẻ' mà sao 'mấy anh đàn ông' già quá, già hơn tụi mình nhiều. Q. có thấy rứa không?

– Mình có nhiều lợi điểm hơn, có phấn son để dối già, có áo dài đẹp, có mái tóc mới 'tân trang', có nhiều phương tiện để che dấu 'sự thật phũ phàng' của năm tháng, với lại...

Chưa dứt lời thì ông xã tôi mỉm cười chen vô:

– Với lại, mấy bà đâu phải 'có vợ'...

Chị bạn tôi ngẩn ngơ một hồi mới hiểu ra, chị bĩu môi cười lắc đầu không đồng ý. Thật ra sau một giây ngỡ ngàng nhưng chỉ cần một chi tiết rất nhỏ là chúng tôi nhìn ra nhau ngay dù không hề gặp nhau trong không khí lớp học bao giờ. 'Chị không nhớ ra tôi à? Hồi đó tôi hay theo anh Lê khắc Linh gửi xe đạp trong sân nhà chị trước khi qua trường Việt Anh...' Rứa là tôi lại nhớ một số bạn của anh họ tôi vẫn ngày ngày gửi xe ở sân nhà, có lúc vô ý dẫm lên làm gẫy mấy cây cà chua đang sai trái, bà vú già cứ lầu bầu bất bình. Một chị bước tới, tôi cúi chào mà chưa nhớ chị là ai thì chị đã thân mật:

– Nhớ có năm em được thêm phần thưởng 'đúng giờ', có đúng em không? Tôi cảm động thán phục chị còn nhớ ra, con bé vừa ngạc nhiên vừa bẽn lẽn bước lên sân khấu nơi Preau nhận chiếc đồng hồ khá to năm ấy... Bao chục năm qua, lời chị còn nhắc tôi nhớ được cảm giác lúng túng bước chân ngập ngừng về chỗ đưa ngay phần thưởng cho mẹ tôi: 'dị bắt chết !!' Rồi ba tôi còn ghẹo: 'Thưởng cho me vì sáng mô me cũng có công đánh thức con đi học cho đúng giờ, phải không?' Chỉ một hình ảnh, một chi tiết gặp hôm nay gợi lại muôn vạn kỷ niệm thơ ngây bên mái trường xưa. Thương nhớ lại tràn về, nao nao tình hoài hương, mộng hoa niên vời vợi bên mái trường xưa...

Tiếng của MC Nguyễn Khoa Phước nghe xa xôi, chung quanh vẫn vang vang tiếng cười nói. Hai vị điều hợp chương trình, anh Phước và chị Nguyễn thị Hồng đã sẵn sàng trước máy vi âm. Nhiều người vẫn còn say sưa trò chuyện. Anh Phước đưa tay gõ gõ lên micro, chỉ nhắc nhở được một số khán thính giả không nhiều, anh bắt đầu chương trình cho dù không khí tưng bừng nô nức òa vỡ của miềm hội ngộ vẫn đang cao độ. Tôi đưa tay ra dấu cho ông xã, chúng tôi im tiếng, sửa dáng ngồi, nghiêm túc nhìn lên sân khấu:

Đại diện ban tổ chức, anh Ngô Bút cảm ơn quan khách và tường trình sơ lược diễn tiến công việc tổ chức lễ kỷ niệm 50 năm xa trường của các anh chị ĐK – KĐ niên khóa 1947 – 1954. Thán phục các anh chị. Tôi đã hình dung được tất cả khó khăn, trở ngại của việc làm đòi hỏi phải rất nhiều nhiệt tâm, phải hết lòng với trường, với bạn, tình Huế tha thiết tìm về... Sự có mặt của rất nhiều anh chị đồng khóa, từ mọi miền ở hải ngoại, có anh chị đến từ Việt Nam và ngay cả từ quê Huế nghìn trùng xa đã là bằng chứng hùng hồn cảm kích lòng ta. Sáng kiến ban đầu và tinh thần vượt khó của một số anh chị trong ban tổ chức: anh chị Đoàn Khoách – Thanh Tâm, anh chị Sâm –Từ Diệm, anh chị B.X.Nhiếp – Hồi, anh chị N.K.Phước – Kim Đính, anh chị Ngô Bút – Minh

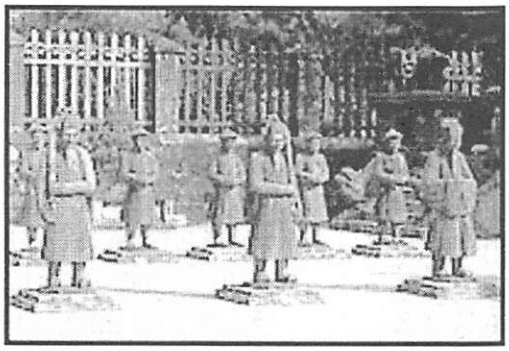

Nguyệt, Anh chị N.T.Hối – Hoàng... và rất nhiều anh chị khác tôi chưa được biết... đã cho Lễ Vàng ra mắt chúng ta hôm nay; một buổi họp mặt trân quý và đầy ý nghĩa mà tất cả các anh chị đồng khóa chắc chắn hân hoan vui mừng được cùng nhau hội ngộ, và cũng là mơ ước của các anh chị đồng khóa khác. Còn gì vui hơn, ý nghĩa hơn tìm được Thiên Đường Tuổi Trẻ trên xứ người lưu lạc sau cả nửa thế kỷ vời vợi xa quê hương. Anh Phước trở lại sân khấu giới thiệu thành phần tham dự, các giáo sư, thân hữu, các bạn đồng khóa. Tinh thần tôn sư trọng đạo truyền thống của Huế, của QH – ĐK được thể hiện rất cảm động qua lời nhớ ơn Thầy và bó hoa tình nghĩa từ một thành viên nòng cốt của ban tổ chức: Chị Từ Diệm trao tặng hai vị giáo sư hiện diện, cô Hoa Diên và Thân thị Hảo. Cô Hoa Diên trong phần phát biểu đã rất xúc động nhìn thấy sự thành danh của những học trò cũ trên xứ người và ca ngợi tinh thần đoàn kết giữ gìn nếp sống văn hóa Việt Nam nhất là truyền thống giáo dục tốt đẹp của hai ngôi trường để nêu gương sáng cho thế hệ con cháu ở hải ngoại. Có hai học trò cưng của hai cô cũng được mời lên sân khấu Chị Hồng và Khánh Trợ với *'Bài thơ này, em viết trên máy bay...'* đầy tình nghĩa làm xúc động mọi người. Thầy Võ Như Nguyện tuy đã cao tuổi vẫn cố gắng hiện diện để khích lệ ban tổ chức, sự gắn bó tình thầy trò rõ nét nhắc ta một truyền thống tốt đẹp. Hai chị Thanh Tâm và Từ Diệm với một danh sách các nữ sinh ĐK cùng khóa, từng người tham dự được nêu tên, mời lên sân khấu trình diện, ai cũng tươi cười hớn hở xếp hàng dài trong những chiếc áo dài tha thướt, tất cả như trẻ lại... quên hết những ngày đằng đẵng mà số con cháu trưởng thành nơi xứ người làm nên mái tóc bạc trắng tuyết sương... Tôi thích mãi lời đọc diễn cảm của chị MC Hồng qua bài thơ Huế dễ thương của M.M *'Về đi thôi O nớ chiều rồi...'* Rồi giọng ngâm thơ ngọt ngào của chị Thái Như Lý với bài *Lá Diêu Bông* của Hoàng Cầm dìu dặt đưa chân các chị ĐK trở về chỗ ngồi. Phần giới thiệu các nam sinh QH đồng khóa do anh Phan Ngọc Trình, anh Huỳnh văn Đốn và anh Trần Duy Tự (thay anh BXN vắng mặt vào phút cuối). Các anh cũng đứng thành hàng dài trước sân khấu, máy ảnh chớp liên hồi. Ai cũng chú ý đến hai nhân vật dáng dấp rất nghệ sĩ, mái tóc bềnh bồng trắng bạc là anh Lê Ngọc Sang, phu quân chị Hoàng Anh và họa sĩ Nguyễn Ngọc Nhâm, thân phụ của điêu khắc gia Nguyễn Tuấn, tác giả của tượng đài Việt Mỹ đẹp ngời nét lịch sử của cộng đồng Việt Nam tỵ nạn nơi FREEDOM PARK tọa lạc góc công viên Đường 13 vùng Wesminster. Anh Hoàng Trọng Hàn góp

vui bằng bài thơ vời vợi nét quê hương của Bùi Giáng *'Huế vẫn còn Núi Ngự bên bờ Sông Hương'*. Chị Hà Xuân Du đưa ta về lại quê Hương với giọng ca trầm ấm gợi một trời nhớ thương trong *'Trở Về'* của Châu Kỳ. Tôi bùi ngùi nhớ hình ảnh của ca sĩ Mộc Lan ngày nào còn đài Phát Thanh Huế... Phần văn nghệ tiếp theo cũng đầy tình cảm tìm nhau: hai bài ca của Chị Đoàn Văn Quảng và em Bích Ngọc. Kỷ niệm Hội Ngộ đặc sắc hơn khi anh chị Nguyễn văn Mơ trao tặng các bạn đồng khóa lá cờ có hình ảnh trường xưa yêu dấu, anh chị đã dày công đem từ xứ Mẹ xa xôi. Anh Hoàng Đống đọc tặng các bạn bài thơ *Nhuộm Hay Không Nhuộm*, nói lên tinh thần lạc quan của những người bước vào ngưỡng cửa *'Cổ Lai Hy'*. Được phép có vài lời cùng các anh chị mà tôi cũng chìm trong không khí hội ngộ đang tưng bừng. Lòng lâng lâng và tưởng như lời mình không làm sao nói hết thực tế tràn đầy hân hoan của họp mặt. Nhìn mọi người tha thiết phút gần nhau, lại lao xao hẹn hò, câu chuyện như đang đậm đà hơn, say sưa hơn và cũng vội vàng hơn.Tôi hấp tấp ghi nhanh mấy địa chỉ. Chung quanh các anh chị lớp trước nhưng hôm nay tưởng như được nhìn thấy trong sân trường năm xưa, tôi còn nhỏ bé mà bây giờ mái tóc cũng điểm sương, đang theo gót các anh chị Hậu–Thu Vân, Dung Đài, Trần Kim Chi, Thịnh Anh–Ấn, Chu– Toàn, Đôn – Như Khuê, Võ văn Tùng, Đỗ Kim Bảng – Yến, Tự – Như–Quý... và nhiều anh chị khác. Có cả anh chị Nguyễn Như Kiệt – Diệu Nguyên, gặp lại được anh Kiệt, ông xã tôi mừng lắm, một người bạn cùng khóa hiếm hoi trong đêm hội ngộ hôm nay. Chị Diệu Nguyên, chị của bạn tôi, những lần họp mặt được gặp chị tôi bùi ngùi nhớ bạn và bao giờ cũng nhận được nụ cười hiền dịu và thân tình của chị... Bao khuôn mặt thân quen cho tôi tìm về sân phượng tuổi thơ. Tôi bước đến chào chị Minh Đức, chị vẫn thế, thời gian chưa để lại dấu vết gì rõ rệt, 40, 50 năm thăm thẳm mới thấy lại chị hôm nay.Tôi nói thật lòng mình 'chị còn đẹp quá!' Đang cùng các bạn say sưa chuyện cũ, chị Lạp, chị Phương, chị M. Nguyệt, Thanh Trí, Ái Thu, Đoan Nghiêm,Thanh Nguyệt, Kim Loan, Như Quí, Xuân Lan... thì giọng chị Diệm qua micro cho biết chương trình xổ số bắt đầu. Lời nói của chị Diệm bao giờ cũng lôi kéo sự chú ý của tôi, đâu có chị Diệm là có tiếng cười. Tôi im lặng theo dõi. Kết quả xổ số xảy ra khá hào hứng vì con số may mắn đến với từng cặp hạnh phúc: anh chị Tôn Thất Thọ – Phụng, Anh chị Nguyễn Như Kiệt – Diệu Nguyên, Nguyễn Tấn Thọ – Hải. Anh Phan Ngọc Trình bước lên sân khấu nói lời cảm tạ. Giây phút từ giã đến trong luyến tiếc của mọi người, có kẻ trở về cố hương, có người còn hân hoan hẹn gặp ngày mai trong chuyến du ngoạn ba hôm để kéo dài giây phút gần nhau. Ngọc Mỹ và chúng tôi ra về còn chất ngất niềm vui hội ngộ ý nghĩa và trân quý. Xứ Huế đã nghìn trùng xa, trường xưa thay tên, đổi mầu, phố cũ mất hút trong dãy dài khách sạn, hotel, nhà du lịch, hàng ăn, tình tự Huế tưởng đã nhạt nhòa theo năm tháng, gặp lại nhau hôm nay là tìm lại cả một trời Huế xưa ấm áp tình thơ ngây. Tôi lặng người trong tình Huế tròn đầy. Cảm ơn

các anh chị đã làm sống lại cái tươi vui của hai ngôi trường thân yêu của chúng ta trên xứ người. Niềm vui theo tôi qua các phố phường của vùng LITTLE SAIGON, nhắc nhở những cảm nhận đầy xúc động lần thăm viếng Thủ Đô Tỵ Nạn hôm nay và cả những ngày vừa qua tại Sacramento, San Jose ấm áp nắng vàng và tình thương.

Nhìn những cánh hồng đủ mầu viền lối cỏ xanh dẫn vào nhà trong ngày vu qui của cháu Bồ Câu, tôi vui mừng với lý do cho đại gia đình tôi có mặt nơi đây. Gần như hầu hết bà con nội ngoại hiện diện đông đủ. Tay bắt mặt mừng. Kỷ niệm gia đình đầm ấm trở về.

Những lần đặt chân đến Thung lũng Hoa Vàng, tôi luôn nhận được niềm vui từ gia đình, từ bạn bè, từ những học sinh cũ... Năm nay đặc biệt, tôi sung sướng trẻ lại trước tình thương yêu của Thầy Cô. Ngày 11/7/04, cô giáo yêu kính Nhân Đức tổ chức cho một buổi họp bạn đông đảo các đồng nghiệp và bạn bè đã hằng chục năm không nghe tin tức nhau. Cô Nhân Đức năm ấy rời ĐK vào dạy trường Trưng Vương, tôi đã ở đó lâu năm, cô trò gặp nhau rưng rưng cảm động mừng rỡ. Cũng vì vậy Cô và trò có cùng một số đồng nghiệp hiện diện hôm nay. Vui mừng gặp lại bạn xưa, mọi người chưa quên cô giáo Huế ngày nào giữa rừng học sinh Hà Nội, tóc thề thả gió lê thê, giọng Bắc ríu rít ngọt ngào. Một số bạn cũ ban C, Quốc Học gặp nhau, chuyện cũ, chuyện mới không dứt. Nhìn mái tóc bạc trắng của bạn Quảng, rưng rưng tình bạn Đồng Khánh nửa thế kỷ. Thanh Giao, Thanh Hườn của những ngày ấu thơ. Chiếc bánh đông sương đẹp nét hoa cúc của chị Kim Khuê. Các bạn hiện diện cho tôi phút ấm lòng sau bao chục năm xa cách! Biết nói gì để tỏ lòng biết ơn vị giáo sư thân yêu và đức phu quân đã cho tôi gặp lại ngày xưa tròn đầy yêu thương? Ngày nào còn ở ban C, dốt Toán là thế mà hôm nay trên xứ người, gặp lại đã không bị la, mà còn được thầy Bùi Ngoạn Lạc và phu nhân Ngọc Thạch cho một buổi gặp gỡ thân mật với anh chị Quê –Trà (chị Trà là 'cố vấn tối cao' môn Triết của tôi ngày xưa), hai bạn đồng lớp anh chị Nguyễn Lâu và anh chị Nguyễn Đức Mai. Làm sao quên được món 'chả cá Lã Vọng' tuyệt vời hôm ấy... Câu chuyện nổ như bắp rang, vui như Tết bên nụ cười hiền hậu bao dung của Thầy và Chị. Chúng em thật may mắn nghe được những mẩu chuyện bàng bạc triết lý 'Thiền' của thầy... Hôm họp mặt các em học sinh cũ Trưng Vương, ngạc nhiên gặp lại anh bạn Quốc Học cũ chào 'thưa cô', thì ra nay anh là rể Trưng Vương! Hai bạn cùng dân Toronto, anh chị Phụng Thường đãi tôi món cơm hến phong phú, 'chất lượng' tại nhà bà chị Đ.T. Liệu. Cảm động và vui mừng vô cùng được gặp lại anh chị Dương Đức Phương, người bạn từ ngày rời Quốc Học tôi chưa một lần nghe tin. Tất cả những kỷ niệm xưa, nhiều hình ảnh bạn bè được cùng nhắc đến trong nỗi bùi ngùi sau gần nửa thế kỷ xa trường. Những ngày ở San Jose vui, đẹp và ấm áp như nắng vàng Cali để lòng lâng lâng thăm viếng lại vùng Orange County mà lần nào cũng thiếu thì giờ để bỏ sót nhiều nơi.

Đưa tay lướt nhẹ trên giòng chữ Freedom Park trên tấm bảng góc công viên đường 13, có tượng đài Việt Mỹ in nét hào hùng bên hai lá cờ căng gió giữa mây trời vời vợi cao xanh. Tôi bùi ngùi xúc động. Lần thứ hai tôi trở lại nơi này. Cái xao xuyến rưng rưng vẫn nguyên vẹn của lần đầu thăm viếng. Ngọn lửa phần phật trong chiếc lư đồng lớn ở giữa làm hồng đôi má và ấm trái tim. Ngước nhìn bức tượng sống động, đôi mắt nào còn vương vất buồn thế kia ! Nghe thổn thức cả lòng. Quê Hương ơi, xin sớm có ngày về !

Từ đường 13 trở về khu thương mại Việt Nam có khu chợ ABC không xa lắm. Khu cư xá trước góc chợ, nhà ai chợt sáng bóng cờ vàng ba sọc đỏ bay bay, cho mắt reo vui. Chung quanh không một bóng người khác, chỉ có 'phe ta': áo bà ba, nón lá, tiếng gọi nhau, lời trao gửi sao mà thân thuộc thế này! Xe đò Hoàng trờ tới. 'Bánh ú đây! Bánh ú đây! Dùng bánh mì Saigòn nóng không chị?' Chùm trái vải tươi hồng trong tay bà cụ mời mọc 'trái dải ngon dễ tào nề cô!'... Tôi bỗng chới với vui lây và cảm động thật sự với cái quen thuộc, quá quen thuộc của không khí quê hương. Kéo tay người bên cạnh nói nhỏ 'Việt Nam quá anh ơi!' Chúng ta quên là đang ở xứ người. Chung quanh đều dân ta. Hành khách lên xuống chỉ người Việt Nam. Tài xế người mình lành nghề, lịch sự theo cung cách xứ người, chào nói ân cần. Người ta vui với phương tiện di chuyển mới, đáp ứng nhu cầu cần thiết của cộng đồng Việt Nam trên xứ người. Quí vị cao niên hân hoan nhất, từ nay hết lo phiền con cái, trở ngại ngôn ngữ... Hộp xôi đậu xanh nóng hổi, thơm phức muối mè, đưa tận tay hành khách làm cho buổi điểm tâm trên xe ấm cúng, gần gũi biết bao! Cả một khu LITTLE SAIGON, biết bao hàng ăn, quán phở, tiệm quần áo mang tên Việt Nam, quán Hỷ, Phở Nguyễn Huệ, Van Fashion, Van Bakery... và đây rồi hàng ăn 100% Huế: Hương Giang. Bước vào khu Mini Mall, bảng hiệu VN nhan nhản. Dãy xe hơi đủ loại mà chủ nhân cũng toàn dân tóc đen, mắt nâu... Như ngày nào vui sướng có tấm hình bên con đường mang tên Nguyễn Huệ ở thành phố Houston, Texas hay đường Saigon ở Hồng kông... tôi lại mơ có ngày được nhìn đường phượng rực hồng tại Thủ Đô này. Tinh thần Việt Nam, hương quê mẹ, tình Huế bàng bạc đâu đây, xao xuyến lòng ta nơi xứ người.

Toronto, tháng 8, 2004

■ *YLA LÊ KHẮC NGỌC QUỲNH*

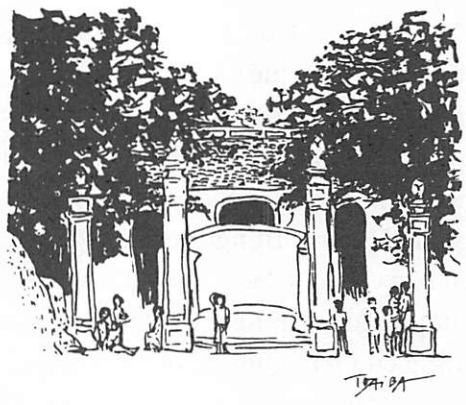

VUA CHÚA NHÀ NGUYỄN VÀ PHẬT GIÁO

Tôn Thất An Cựu

Từ ngàn năm qua, mỗi khi nhắc đến lịch sử Phật Giáo Việt Nam, người đời thường nhắc đến triều Lý, triều Trần. Đúng vậy, không ai có thể không công nhận rằng hai triều đại Lý, Trần là thời cực thịnh của Phật giáo tại Việt Nam. Sự thật là vậy, nhưng nếu không có những thế hệ sau tiếp nối và phát triển thì làm sao đạo Phật ở Việt Nam tồn tại cho đến hôm nay? Nếu muốn nhắc đến thế hệ tiếp nối nào đã làm được những gì cho Phật Giáo Việt Nam thì không thể không nhắc đến một số Vua và Công chúa nhà Nguyễn đã làm dù nhiều hay ít cho đạo Phật. Chẳng hạn như vua Gia Long đã không truyền ngôi cho Đông Cung Thái Tử Cảnh mà lại truyền ngôi cho người con thứ tư là Hoàng Tử Đảm, tức vua Minh Mạng, chỉ vì trong thời gian cùng phái đoàn đến Triều đình Pháp nhờ Pháp giúp quân đánh Tây Sơn, Thái tử Cảnh lúc đó mới 5 tuổi đã bị các vị Thừa sai dụ dỗ bỏ đạo tổ tiên để theo đạo Ky Tô.

Phải nói rằng, trong thời đại nhà Nguyễn, Phật Giáo Việt Nam có phát triển lớn rộng nên trong Tạp chí "Những Người Bạn Cố Đô Huế" (Bulletin Des Amis Du Vieux Huế) xuất bản năm 1915 đã ghi lại câu nói của một vị Thừa Sai người Pháp, Giáo sĩ Léopold Cadière: "Huế La Capitale Du Bouddishm" (Huế, Kinh Đô Của Phật Giáo).

Khi đọc thấy câu trên thực tình tôi không hiểu tại sao Giáo sĩ Léopold Cadière lại nhận xét như vậy? Mãi cho đến 10 năm sau, khi đọc cuốn LỊCH SỬ PHẬT GIÁO XỨ HUẾ tôi mới biết rằng không chỉ 3 ông Vua nhà Nguyễn mà còn có cả mấy bà Công chúa Nguyễn cũng đã góp công góp của trong việc xây dựng và trùng tu chùa chiền ở Huế, tạo điều kiện cho Phật giáo Huế tồn tại và phát triển.

1. Vua Gia Long: Sau khi lên ngôi, những năm đầu thì vua Gia Long cho xây dựng Văn Miếu ở Thăng Long (1804). Đúc "Cửu Vị Thần Công", trùng tu chùa Quốc An (1805). Dựng kỳ đài (cột cờ, năm 1806), tiếp theo là đại trùng tu chùa Thiên Mụ.

2. Vua Minh Mạng: Sau khi lên ngôi, vua Minh Mạng lập tức cho đúc "Cửu Đỉnh", xây "Hiển Lâm Cát" và "Phu Văn Lâu". Tiếp theo là xây trong kinh thành bốn ngôi chùa là Giác Hoàng, Thánh Duyên, Linh Hựu, Tường Vân và chùa Thúy Vân ở cửa bể Tư Hiền. Hai mươi năm ở ngai vàng vua Minh Mạng đã trùng tu những ngôi chùa cũ từ thời các

chúa Nguyễn và xây cất thêm rất nhiều chùa và đã tổ chức 5 lần Trai Đàn ở chùa Thiên Mụ, ý nghĩa của các lễ Trai Đàn là tế cầu siêu bạt độ, cầu nguyện cho quốc thái dân an.

Ngoài việc xây dựng chùa ở Thuận Hóa, trong dịp ngự giá Bắc tuần, vua Minh Mạng còn cho trùng tu chùa Hoằng Ân và đổi tên thành chùa Sùng Ân và trùng tu chùa Trấn Bắc ở cạnh Hồ Tây Hà Nội mà ngày nay gọi là chùa Trấn Quốc. Nhân dịp đi thăm Ninh Bình vào năm 1822, vua ghé vãn cảnh chùa Cổ Am ở động Nham Sơn. Thấy chùa bị hư cũ bởi thời gian, vua Minh Mạng đã xuất tiền trùng tu và đúc bốn tượng Phật bằng đồng thếp vàng. Về phía Nam kinh đô thì vua Minh Mạng đã xuất công quỹ xây chùa Bảo Quang, chùa Di Đà ở Quảng Nam. Xây chùa Diệu Giác, Phổ Tế ở Quảng Ngãi. Tỉnh Gia Định thì xây các chùa Thiên Trường, Khải Tường, Từ Ân và chùa Pháp Vũ. Đến khi số ghe thuyền đi chở quân lương bị bão đánh chìm làm chết một số binh sĩ, Vua liền lập đàn Tế ở chùa Thiên Mụ để cầu nguyện cho những người bị chết ngoài biển khơi.

Một điểm đặc biệt của vua Minh Mạng mà lịch sử không thể thờ ơ là ngoài các việc xây dựng chùa như đã liệt kê ở trên là vào năm Minh Mạng thứ 20 (1840), vua nghĩ rằng kiếp trước mình là một nhà sư tu đạo Phật nên vua đã lấy khu đất Cung Tiềm Đễ của mình ở phường Đoan Hà, nay là khu Tam Tòa để cải biến thành chùa và đặt tên là chùa Giác Hoàng, có nghĩa là ông Vua giác ngộ đạo Phật. Về sau vua Thiệu Trị có làm bài thơ tựa đề "Giác Hoàng Phạn Ngữ" ca ngợi âm thanh tụng kinh tại chùa Giác Hoàng. Đến Triều vua Tự Đức Pháp chiếm Phú Xuân, chúng đã phá chùa Giác Hoàng lập thành khu Tam Tòa.

Điểm đặc biệt thứ hai của vua Minh Mạng là vào năm 1830, nhân dịp tứ tuần khánh thọ (40 tuổi) của mình, Vua mời tất cả các sư tăng trong nước về chùa Bảo Quốc ở Huế dự cuộc sát hạch về giới luật. Sau cuộc sát hạch, chỉ nhà sư nào tinh thông giới luật của chân Tăng mới được cấp Giới Diệp để tiếp tục tu hành và được miễn sưu dịch, còn người nào không được cấp Giới Diệp thì phải hoàn tục và phải tuân hành luật lệ như mọi người dân bình thường.

3. Vua Thiệu Trị: Là vị Vua triều Nguyễn ở ngai vàng 7 năm nhưng cũng đã đóng góp công đức trong việc xây dựng tháp Phước Duyên ở chùa Thiên Mụ và lấy đất riêng của mình là Cung Tiềm Đễ ở bên bờ sông Đông Ba lập nên chùa Diệu Đế, là ngôi chùa đã tạo ra câu ca dao ghi vào tim óc của người dân Huế: "Đông Ba, Gia Hội hai cầu. Có chùa Diệu Đế một lầu hai chuông".

4. Vua Tự Đức: Sau khi vua Thiệu Trị băng hà thì vua Tự Đức lên ngôi. Riêng vua Tự Đức không giúp được gì cho Phật Giáo như các Tiên Đế đã làm vì lúc đó vua phải đương đầu với sự xâm lăng của thực dân Pháp và sự xâm nhập của đạo Thiên chúa mà các viên chức Tòa Khâm Sứ Trung Kỳ cùng các vị Thừa sai người Pháp và các Linh Mục Việt Nam luôn luôn kề cận thì làm sao vua Tự Đức có thể làm điều gì theo ý mình?

5. Hiếu Khương Hoàng Hậu: Trước khi trở thành Hoàng Hậu, Hiếu Khương là nữ Phật tử Nguyễn Thị Hoàng. Sau khi được tôn phong làm Hoàng Thái Hậu năm 1806, qua năm 1808 bà cúng dường tiền của riêng của mình để trùng tu Tổ đình Bảo Quốc vì trong thời gian vua Quang Trung đóng ở Phú Xuân, Thái sư Bùi Đắc Tuyên đã dùng chùa Bảo Quốc để làm kho chứa vũ khí và đúc súng đạn, do đó chùa đã bị liệt vào hạng đổi phế, suy tàn. Vì vậy trong lần đại trùng tu vào năm 1808, hầu như phải làm lại mới toàn bộ. Nhất là chánh điện và cái cổng chùa đồ sộ vẫn còn nguyên vẹn đến ngày nay, sau khi được trùng tu vào triều vua Tự Đức năm 1873. Ngoài việc trùng tu chùa, Hiếu Khương Hoàng Hậu còn để tâm xây cất nhiều tượng Phật và đúc một đại hồng chung lớn, nặng 836 cân ta, cao 3 thước 5 tấc, đường kính 2 thước 8 phân. Thân chuông có khắc tên Hiếu Khương Hoàng Hậu và tên người thợ tạo chuông như trong tạp chí Bulletin Des Amis Du Vieux Huế năm 1917 trang 233 có ghi rõ. Hiếu Khương Hoàng Hậu băng hà vào năm 1811, thọ 73 tuổi và được an táng tại làng Định Môn huyện Hương Trà với tên Lăng là Thoại Thánh.

Nhìn lại việc trùng tu chùa Bảo Quốc của Hiếu Khương Hoàng Hậu, tuy không phải là một đại công đức nhưng công quả của bà rất lớn đối với Phật giáo Huế vào thời gian chiến tranh với Tây Sơn, nhiều chùa bị hư hại nặng và nhiều nhà Sư bị Bùi Đắc Tuyên bắt hoàn tục để phục vụ quân đội. Theo Quốc Sử Quán triều Nguyễn thì ngoài các chùa ở Huế, Hiếu Khương Hoàng Hậu còn trùng tu chùa Từ Ân và chùa Thiên Trường ở tỉnh Gia Định.

6. Thuận Thiên Cao Hoàng Hậu: Tên thật của bà là Trần Thị Đang, sinh năm 1769 tại làng Văn Xá, huyện Hương Trà, con gái của Thọ Quốc Công Trần Hưng Đạt, được tiến cung năm 1783, được phong chức Tả cung tần và là người đã sinh ra vua Minh Mạng tại làng Hoạt Lộc, tỉnh Bình Dương ở miền Nam. Về sau, khi được lên ngôi, vua Minh Mạng đã cho xây chùa Khải Tường ở Bình Dương vào năm 1820 để kỷ niệm nơi mình đã sinh ra.

Trước khi quy y theo đạo Phật, Thuận Thiên Hoàng Hậu là một người rất thông minh, thuộc nhiều kinh sử Nho giáo. Theo truyền thuyết thì trong một dịp ngồi ăn cơm với vua Gia Long , bà đã nói với nhà vua một câu rất ý nghĩa: "Được làm chủ thiên hạ thì phải có trách nhiệm. Được thiên hạ phụng dưỡng thì phải chăm lo cho thiên hạ".

Là người sùng kính đạo Phật nên bà đã bỏ tiền riêng của mình ra trùng tu chùa Lựu Bảo, chùa Kim Long, chùa Bảo Sơn ở xã An Ninh thuộc huyện Hương Trà và chùa Phù Ốc ở làng Phù Ốc, huyện Quảng Điền. Thuận Thiên Cao Hoàng Hậu mất năm 1846, thọ 79 tuổi. Lăng của bà được lập tại Thiên Thọ Sơn, gần lăng vua Gia Long.

7. Công chúa Long Thành: Công chúa Long Thành tên thật là Nguyễn Phúc Ngọc Tú nguyên là vợ của cai cơ Lê Phước Diễn, bị Tây Sơn bắt và bị giết trong cuộc chiến.

Tuy lúc chồng chết bà còn trẻ và rất đẹp nhưng để trả nghĩa chồng đã liều

thân giúp nước, bà nhất định không tái giá. Ngọc Tú băng hà vào năm 1825 tại Phủ riêng ở làng Dương Xuân huyện Hương Trà. Mặc dầu không được xuất gia như ước nguyện song vua Minh Mạng đã cho xây lăng tháp theo kiểu tháp mộ Phật giáo và dựng bia vào năm 1838, ghi hàng chữ Hán "Long Thành Công Chúa thụy Trinh Tĩnh chi tẩm". Lăng được xây gần lăng Thoại Thánh, tức là lăng của Hiếu Khương Hoàng Hậu, thân mẫu của bà.

8. Người đàn bà có uy tín và cao sang nhất trong triều Nguyễn thành tâm phụng sự Phật giáo là ***Thừa Thiên Cao Hoàng Hậu***. Khuê danh là Tống Thị Lan, quê ở Tống Sơn, Thanh Hóa, sinh năm 1762, năm 18 tuổi được tiến cung, mất năm 1814, thọ 54 tuổi được truy phong Hoàng Hậu. Lăng của bà được xây trong vòng thành và sát bên phải lăng vua Gia Long ở núi Thiên Thọ.

Bà là người đã khởi xướng việc trùng tu chùa Thiền Lâm Ở Thuận Hóa. Theo sử liệu thì chùa Thiền Lâm do Thạch Liêm Hòa Thượng dựng và Trụ Trì, đến đời Tây sơn thì bị Thái Sư Bùi Đắc Tuyên lấy làm nhà cho ông ta ở. Khi Nguyễn Ánh chiếm lại Phú Xuân chừng 3 năm thì Thừa Thiên Hoàng Hậu bỏ tiền ra tu sửa và đúc một hồng chung lớn bằng đồng, cao 4 thước, mình tròn 6 thước. Theo sử liệu trong Quốc Triều Chính Biên thì thời gian Bùi Đắc Tuyên chiếm dụng chùa Thiền Lâm để làm nhà ở là vào khoảng năm 1793, đến năm 1801 Bùi Đắc Tuyên bị tướng Võ Văn Dũng đến vây bắt, đem dìm xuống sông An Cựu cho đến chết thì tướng Võ Văn Dũng lại dùng nhà của Tuyên làm kho chứa than nên đã hư hại rất nhiều. Thực ra, việc sửa chữa chùa Thiền Lâm của Thừa Thiên Hoàng Hậu phải gọi là "trùng kiến" (làm mới) chứ không phải "trùng tu", (sửa lại).

9. Công Chúa Ngọc Duệ là người đã đứng ra trùng tu chùa Thiên Thai. Hiện nay chùa còn giữ được quả đại hồng chung đúc vào năm Gia Long thứ 12 (1813) có ghi tên và Pháp danh của Thái Trưởng Công Chúa Ngọc Duệ và tên vị sư Trụ Trì chứng minh.

10. Ngoài hai Công Chúa trên đây còn có ***Công Chúa Ngọc Ngôn*** đã trùng tu chùa Huệ Lâm ở gần chùa Vạn Phước; ***Công chúa Diên Phúc*** trùng tu chùa Viên Giác; ***Công chúa Ngọc Nguyệt*** trùng tu chùa Phổ Hòa; ***Công chúa Định Hòa*** trùng tu chùa Đông Thuyền.

Để kết luận về việc các Vua, Chúa nhà Nguyễn đối với đạo Phật, chúng tôi xin mạo muội nhận xét là dù cho một số Vua và Công chúa dưới triều Gia Long đã bỏ công đức nhiều cho Phật sự và vào thời hai triều Minh Mạng và Thiệu Trị, các vua chúa nhà Nguyễn đều có sự hỗ trợ nhân dân xây dựng và trùng tu chùa chiền, nâng đỡ các vị chân Tăng, đặc biệt là mở trai đàn cầu nguyện "quốc thái dân an" nên Phật giáo vào thời đó (1820-1847) có phần tiến triển trên mặt rộng. Tuy nhiên, Phật giáo xứ Huế vào giai đoạn đó cũng chỉ được coi là một giai đoạn phục hưng, chứ chưa có thể nói là giai đoạn phát triển được, mặc dầu tại chùa Bảo Quốc, Thiền sư Phổ Tịnh đã có mở được một đại giới đàn. Qua triều Gia Long (1802-1819), đến triều Minh Mạng

(1820-1840) và Thiệu Trị (1841-1847) thì Phật giáo Huế có chiều khởi sự phát triển, nhưng đến triều Tự Đức (1848-1883) thì Phật giáo Huế lại bắt đầu thoái trào bởi bàn tay của thực dân Pháp và một số người Việt tay sai của Pháp, không muốn đạo dân tộc đã ba lần chiến thắng quân Mông Cổ được tiếp tục phát triển.

■ ***Tôn Thất An Cựu***

Tài liệu tham khảo :
– Bulletin Des Amis Du Vieux Huế
– Quốc Triều Chính Biên Toát Yếu
– Lịch Sử Phật Giáo Huế

Huế vẫn trong Tôi

Huế thương, Huế nhớ , Huế buồn
Đông Ba phố chợ mây vương cuối trời
Tràng Tiền hai ngã chia đôi
Tiếng chuông Thiên Mụ ngân xa cuối trời
Xa quê hơn thập niên rồi
Nhớ trăng soi bóng ta ngồi bên nhau
Nhớ Hồ Tịnh... nhớ Văn Lâu
Lang thang Thành Nội trao nhau chút tình
Đò khuya nỗi nhớ buồn tênh
Trăng soi sóng nước mênh mông nẻo về
Tiếng hò hòa ánh trăng treo
Trăng thu vàng úa, mái chèo buông lơi.
...
Tha hương tận cuối chân trời
Huế thương, Huế nhớ một đời lưu vong!
"Ai đưa con sáo sang sông"
Để con sáo khổ, long đong kiếp người!
Mong sao rồi có một ngày...
Quê xưa ta lại sum vầy bên nhau.

Trương Như Trấn

Hệ Quả của Đảo Chính Nhật 1945

TÔN THẤT ĐỆ

Nếu có ai hỏi rằng trong thế kỷ thứ 20 tại Việt Nam biến cố nào quan trọng nhất thì câu trả lời sẽ không giống nhau tùy theo lập trường, thiên kiến hoặc suy luận hay cảm quan của từng người. Có vị sẽ tung hô âm mưu lật đổ người Pháp của đảng Việt Nam Quang Phục do các ông Trần Cao Vân và Thái Phiên đề xướng với sự tham gia của vua Duy Tân năm 1916, có người sẽ ca ngợi cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quốc Dân Đảng của nhà cách mạng Nguyễn Thái Học năm 1930 mà kết quả là 13 yếu nhân của Đảng phải lên đoạn đầu đài và hàng ngàn người phải bị lưu đày, cũng có người tán tụng chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 với thiên tài quân sự Võ Nguyên Giáp làm cho Đại tá De Castries phải đầu hàng tại mặt trận và cũng có kẻ đề cập đến cuộc bức tử của miền Nam làm cho hàng triệu người phải bỏ nước ra đi.

Theo thiển kiến, nếu ta bình tâm suy xét lại, phải công nhận rằng cuộc đảo chính Nhật năm 1945 mới thật ra là biến cố lịch sử quan trọng nhất của nước nhà trong thế kỷ vừa qua.

Ta hãy nhớ lại, sau hòa ước Patenôtre (Giáp Thân 1884) với sự thiêu hủy chiếc ấn mà nhà Thanh phong cho vua Gia Long đã đánh dấu kỷ nguyên Việt Nam chịu lệ thuộc vào nước Pháp – Tiếp theo cuộc kình chống của ông Tôn thất Thuyết thất bại, kinh đô Huế thất thủ ngày 5 tháng 7 năm 1885 tức là ngày 23 tháng 5 năm Ất Dậu, vua Hàm Nghi phải chạy ra Tân Sở ở Quảng Trị và từ đấy người Pháp toàn quyền sắp đặt mọi việc ở triều đình rồi tôn vua Đồng Khánh lên ngôi. Sau đó biết bao nhiêu cố gắng của những người yêu nước lật đổ ách thống trị của người Pháp nhưng vẫn không thành công: nào là đội ngũ Cần Vương với Phan Đình Phùng, Đinh Công Tráng, nào là Phong trào Văn Thân với Hoàng Hoa Thám, Nguyễn Thiện Thuật, nào là hoạt động của những đảng cách mạng như Quốc dân đảng, Phục quốc quân, Đại Việt, Đông dương Cộng sản đảng, v.v..

Đến đầu nửa thế kỷ 20, địa vị của người Pháp trên toàn cõi Đông dương (kể cả Việt Nam) hầu như ngày càng vững chắc. Mặc dầu bất mãn, dân chúng gần

như cam chịu số phận đọa đày của người dân bị trị, thế mà, đùng một cái đúng 60 năm sau ngày thất thủ kinh đô năm Ất Dậu (1885), qua đêm mồng chín tháng ba năm 1945 (cũng là năm Ất Dậu), chính quyền Pháp bị quân đội Phù Tang giải giới trên toàn cõi Đông dương. Và đây là lần đầu tiên, dân chúng từ Nam chí Bắc, từ thôn quê đến thành thị lớn tiếng hô vang hai chữ "Độc Lập". Tuy độc lập ở đây chỉ là hình thức nhưng dù sao danh từ "Độc Lập" nghe vẫn thiết tha và ấm áp quá làm cho toàn dân say sưa như nung nấu bởi một thứ men kỳ diệu. Ai ai cũng phấn khởi khi thấy từ nay người Việt không còn bị những người Tây phương "mắt xanh, mũi lõ" đè đầu, đè cổ nữa. Nói thế không phải để tuyên dương tấm lòng hào hiệp của người Nhật vì họ hạ bệ người Pháp chẳng qua là vì lý do an ninh của Quân đội Thiên hoàng và họ "trao trả" độc lập cho Việt Nam để họ rảnh tay đối phó với chiến trận Đông Nam Á đang đến hồi quyết liệt. Vả lại, họ cũng có những toàn quyền, khâm sứ trá hình như Yokohama, Ysida, v.v.. để giám sát hành động của chính phủ ta. Tuy nhiên, người Nhật cũng dành cho ta phần nào tự do để điều hành các vấn đề nội bộ mà việc quan trọng nhất là về phương diện xã hội phải cấp thời cứu đói ở Bắc bộ và về chính trị là xuống chiếu "Đại xá chính trị phạm". Chính nhờ Đạo dụ này của vua Bảo Đại mà các chính trị phạm vừa tháo cũi, sổ lồng từ các trại giam Côn sơn, Ban Mê Thuộc, Lao bảo, Sơn la v.v.. khỏi phải hồi hộp, lo sợ bị chính quyền tập họp giam cầm trở lại. Từ đó, các "đồng chí" tha hồ hội họp để bàn bạc vấn đề củng cố nội bộ, tranh thủ quần chúng sắp đặt kế hoạch, chương trình hoạt động tương lai như tổng khởi nghĩa, cướp chính quyền...

Những sự việc đã đến tiếp theo coi như phải xảy ra. Sau khi Mỹ thả hai quả bom nguyên tử ở Trường Kỳ (Hiroshima) và Quảng Đảo (Nagasaki), Nhật hoàng đầu hàng vô điều kiện. Chính phủ Trần trọng Kim như rắn mất đầu bèn từ chức, vua Bảo Đại cô thế đành giơ hai tay dâng ấn kiếm cho chính quyền Việt Minh. Với việc giải giới của quân đội Nhật, người Pháp ở Nam bộ núp sau phái bộ Anh tái võ trang và hung hăng ra tay đoạt lại những vị thế và quyền lợi mà họ đã bị mất trước đây. Họ tích cực thi hành chủ trương tái chiếm các thuộc địa đã vượt khỏi quyền kiểm soát của họ trong thế chiến vừa qua theo quyết định của chính phủ De Gaulle.

Trước dã tâm của người Pháp muốn tước đoạt nền độc lập son trẻ của nước nhà, toàn dân Việt Nam, ngàn người như một, đã vùng dậy quyết tâm một trận thư hùng sống mái với quân thù. Khí thế của

quần chúng sôi sục như sóng vỡ bờ tưởng chừng như không có gì ngăn cản nổi. Khẩu hiệu mà mọi người đều tâm niệm là "Độc lập hay là chết". Họ hăng hái tham gia những công tác thiết yếu để bảo vệ Tổ quốc như "Ủng hộ Nam bộ kháng chiến" hay "Xếp bút nghiên lên đường tranh đấu". Họ không tiếc hy sinh đóng góp công của vào "Tuần lễ vàng", "Tuần lễ đồng", "Hũ gạo đồng tâm" v.v.. Với tinh thần bất khuất, họ hăng say chiến đấu vì không muốn trở lại làm nô lệ một lần nữa vì họ đã thấm thía những khổ nhục và bất công dưới thời Pháp thuộc.

Với sự quyết tâm ấy, quân xâm lược Pháp đã dần dần thất lợi trên các mặt trận, cuối cùng đã dẫn đến sự đầu hàng ở lòng chảo Điện Biên Phủ năm 1954. Tiếc thay, sau cuộc chiến thắng ấy, đất nước lại bị chia đôi ngang sông Bến Hải. Miền Nam, vì khát khao dân chủ nên đứng về phía "Thế giới Tự do" nhưng cuối cùng bị bạn Đồng minh phản bội để cho miền Bắc thôn tính vào giữa năm 1975 làm cho gần hai triệu người phải bỏ nước ra đi lưu lạc tha phương với vô số người bỏ mạng ngoài hoang đảo xa xôi hay giữa biển khơi ngàn trùng.

Nay nhìn lại, nếu không có cuộc đảo chính Nhật năm Ất Dậu (1945) thì cuộc diện của nước nhà chưa chắc đã có những thay đổi lớn lao như ta từng thấy. Sau khi đệ nhị thế chiến chấm dứt, nếu người Pháp vẫn còn chễm chệ làm chủ nhân ông của bán đảo Đông dương thì lúc ấy, nếu chính phủ De Gaulle có rộng rãi lắm thì họ sẽ cho nước Việt Nam "tự do trong Liên hiệp Pháp" với một vài thay đổi về Y tế, Xã hội, Giáo dục nhưng họ vẫn nắm giữ Quốc phòng và Ngoại giao như họ đã có lần thảo luận với hoàng đế quá cố Duy Tân.

Chúng ta vẫn còn chịu sự đè đầu, đè cổ của những toàn quyền, khâm sứ trá hình dưới những danh xưng mỹ miều như Ủy viên Cộng hòa, Thượng sứ.. và tiếp tục chịu sự bóc lột của Đông dương Ngân hàng cùng các công ty khai thác thuộc địa rồi cuối cùng, tình trạng nước nhà sẽ không mấy thay đổi cho đến đầu thiên kỷ 21 này.

Nhận xét cuộc đảo chính Nhật, chúng ta nghiệm ra rằng hình như sau một chu kỳ 60 năm (từ Ất Dậu 1885 đến Ất Dậu 1945) trời đất lại luân chuyển theo một tiến trình mới mẻ và vận hạn quốc gia cũng theo đó mà đổi thay. Đến năm 2005, cũng là năm Ất Dậu, sáu mươi năm sau đảo chính Nhật 1945, biết đâu nước nhà lại chẳng vươn mình tiến tới một thể chế tự do, dân chủ và dân chúng sẽ được sống trong một xã hội công bằng và nhân đạo hợp với đà tiến hóa chung của Nhân Loại.

■ ***Tôn Thất Đệ.***

Giặc i-MEO Hay

Trần Kiêm Đoàn

Ngôi nhà một thời là tổ ấm trên đồi bỗng trở thành rộng gấp đôi, gấp ba và vắng vẻ như một tòa lâu đài cổ từ khi Bé Út dọn ra khỏi nhà để lên miền Bắc học. Đứa con 18 tuổi trên đất Mỹ nầy rời nhà đi học xa thường có nghĩa là đang bước vào đời, ra khỏi vòng tay cha mẹ, thật khó lòng về lại. Những bước tiếp nối là học ra trường, kiếm việc làm, chọn nhiệm sở như cánh buồm đưa tuổi trẻ ra khơi. Bất cứ nơi nào có thể an cư lạc nghiệp trên 50 tiểu bang sẽ là nơi đất lành chim đậu. Tuổi thành niên tiêu biểu của văn hóa Âu Mỹ là tự lập, gắn liền với vai trò chuyên môn và xã hội chứ không phải quanh quẩn với đời sống gia đình.

Tiễn Bé Út đi rồi, trên đường từ phi trường San Francisco về nhà, ông Giáo vừa lái xe, vừa im lặng trầm ngâm như một nhà hiền triết. Bà Giáo ngồi bên cạnh ngủ lơ mơ hay làm bộ nhắm mắt không phải vì bà đã quá quen thuộc với con đường mà vì bà cảm thấy trí óc trống không. Hai vợ chồng già đã sống chung với nhau hơn 30 năm dưới một mái nhà nên hình như mọi góc cạnh của đời sống đã đạt đến trạng thái "bão hòa". Những xôn xao tình cảm và xúc cảm rạo rực quấn quyện nhau một thời rơi dần vào kho chuyện tình quá khứ và "đắm" xuống đến độ những bọt sóng trên mặt hồ ái ân tan loãng và mất dấu sau bầy sóng gợn lăn tăn. Hấp lực tạo hoa lá cành cho cuộc sống mất dần, để còn trơ lại những nhánh cây tình cảm Thu Đông. Hai ông bà Giáo bắt đầu mất đi cái nhìn sáng tạo của tình yêu, nên nhìn nhau bằng hình ảnh hiện thực khẳng khiu của những cành cây trụi lá. Chuyện ái ân thể xác đến và đi hiếm hoi, bất chợt như những đám mưa giông mùa Hè. Có cũng được mà không có rồi cũng dễ dàng quên đi. Nhưng quên đi để mà nhớ. Nỗi nhớ từ khát vọng rất người vắng bóng dần trong hiện thực, nên chỉ còn lại khung cảnh vẽ vời trong hoang tưởng ước mơ.

Hiện thực mất đi những cặp kính màu sương khói. Bà Giáo nhìn ông Giáo bằng cái nhìn "khám phá". Bà bắt đầu cảm thấy tiếng ngáy đêm đêm của ông Giáo cục cằn và thô thiển quá. Bà khám phá mùi mồ hôi toát ra từ thân thể của ông Giáo ngày một hăng nồng khó ưa. Bà không chịu nổi mùi thuốc lá thoang thoảng đâu đó từ hơi thở của ông ta mà bà đã từng làm thơ học trò thuở ban đầu hò hẹn: "Em vẫn yêu hương khói Capstan. Thoảng ra dìu dịu từ môi anh...!" Hương khói Capstan lãng mạn ngày xưa nay chỉ còn là sự ngu ngơ dại khờ của quá khứ.

Bà cảm thấy dáng nằm co quắp của ông Giáo quả là tội tình không quý phái... Sự khám phá không sáng tạo, mỗi ngày một thô và cứng hơn làm bà phải trăn trở đêm nầy qua đêm khác. Bà không ngủ được. Bệnh mất ngủ ngày một nặng hơn. Mãi cho đến khi ông phải tình nguyện xách gối qua phòng khác...

Ông Giáo nhìn bà Giáo bằng cái nhìn đầy... "triết lý trần trụi". Nhìn nụ cười hằn sâu nét chân chim hai bên khóe mắt của bà Giáo, ông Giáo ngậm ngùi yên lặng và cảm thấy thương Bà hơn. Nhưng đó là cái thương nghiêm trang và đủ mạnh để khoanh tay thi lễ chứ không phải tạo sự xúc động để ông mở rộng vòng tay ôm choàng lấy bà trong đam mê. Nhìn hàng chân tóc bạc chưa nhuộm kịp của bà, ông cảm thấy ngao ngán và thương cảm cho kiếp người ngắn ngủi "sớm như tơ mà tối đã như sương". Mái tóc bạc làm cho ý thơ về mái tóc trầm hương, tóc mây cuộn gió một thời bay đi không về lại. Mỗi lần bà Giáo leo lên xe, nếu không nằm ngủ thì cũng nhắm mắt lim dim như thể ông Giáo cũng là một cái máy chạy bằng cơm đang lái cái máy chạy bằng xăng chẳng ăn nhập gì đến bà.

Ông bà Giáo đã sống lặng lẽ những tháng ngày "bách niên giai lão" trong ngôi nhà sang trọng, tưởng như là tổ ấm của hạnh phúc nhưng quả thật đó là một "ngôi nhà ly dị". Sự ly dị thầm lặng của tâm hồn. Sau giờ làm việc về nhà, ông Giáo sống lui cui hết vườn trước, ra vườn sau để đào đất, trồng cây, tỉa hoa, cắt lá... cho đến tối mịt. Gặp khi trời mưa, ông sống đam mê trong việc trang trí nhà cửa. Bà Giáo cũng vẫn còn đi làm phụ để tiêu khiển nhiều hơn là vì sinh kế. Về nhà, bà không có thì giờ nghỉ tay. Ngôi nhà mênh mông cũng giống như người đẹp cần chút son phấn hàng ngày. Bếp núc tân kỳ, nền gạch hoa, thảm mới, bàn ghế đất tiền, giường tủ... đâu đâu cũng vướng bụi đòi hỏi bàn tay lau chùi chăm sóc của bà. Góc này chưa lau sạch, góc kia đã vướng bụi trần gian. Cũng như ông Giáo, bà Giáo làm cho đến khi đi ngủ.

Hai người lặng lẽ, rán sức gìn giữ ngôi nhà tươm tất từ trong ra ngoài. Nhiều khi suốt ngày người nầy nhận biết có sự hiện hữu của người kia trong nhà nhưng chẳng hề thấy nhau. Ông đăm đăm nhìn vào đối tượng cần làm với búa kềm, cuốc xẻng trong tay. Bà miệt mài kỳ cọ lau chùi nên chỉ thấy nền nhà và vật dụng. Đêm đêm bà ngủ trong phòng ngủ chính rộng thênh thang ở tầng trên một mình. Ông nằm lơ mơ coi truyền hình chút đỉnh ở phòng sinh hoạt gia đình ở tầng dưới và ngủ luôn trên ghế sô pha. Năm phòng ngủ trang bị tân kỳ để trống cho bụi tháng ngày phủ xuống, mời gọi bàn tay lau chùi thoăn thoắt của bà ngày lại ngày.

Mỗi người đều có nỗi "đang bận tay nửa chừng" nên thản nhiên khuyên người kia cứ ăn cơm trước. Bữa ăn chiều thưa dần hình ảnh hai mái đầu tiêu muối so đũa cho nhau. Cơm canh chỉ là phương tiện làm no bụng. Miệng ông nhai nhưng đầu óc vẫn gắn chặt với công việc đang làm còn bỏ dở ngoài kia. Bà nuốt miếng cơm như cái máy xay sinh tố, không một chút quan tâm vì tâm trí còn nằm lăn lóc đâu đó trên nền nhà, mặt ghế.

Ông bà đã sống gần như ly thân một cách êm ái từ trên giường ngủ và ly dị

một cách vô hình chung từ trong suy nghĩ về nhau.

Ngôi nhà đã âm thầm quyết định và làm chứng cho sự ly thân không có lệnh tòa phán quyết của hai ông bà Giáo.

Ngôi nhà rồi cũng cũ dần như tuổi già mệt mề của hai ông bà Giáo. Hai ông bà chỉ có chung một niềm vui là ngôi nhà càng ngày càng lên giá, nhưng lại có riêng nỗi buồn là tình già càng ngày càng xuống giá. Sự lên giá vật chất không chuộc được sự phá sản tâm hồn. Bè bạn đến thăm để chung vui, nhưng chẳng có ai đến chia sẻ nỗi buồn vì niềm vui có thể tính toán được bằng giá trị vật chất, nhưng nỗi buồn lại được gói trong trong chăn bông và bên ngoài bọc giấy kiếng nên thiên hạ làm sao thấy được giọt nước mắt của thằng hề nơi hậu trường sân khấu.

Rồi có những lúc ông bà nhìn nhau thật xa lạ. Mỗi người có cảm tưởng như đã gặp người kia đâu đó nhưng chả có gì quan trọng để nhớ lại. Tình cảm như tấm thẻ tín dụng đã hết hạn không "renew". Đó là tấm thẻ chết và tình cảm vô tri. Khi không có một bình minh thì làm sao thấy được một hoàng hôn. Nếp sống ngày lại ngày chỉ còn là một chuyến tàu tình cảm bay lạc mất trong không gian.

Lại đến sinh nhật thứ 60 của ông Giáo.

"Kính mừng Ba lên Lục Tuần Thượng Thọ – Happy to your 60th Golden Birthday, Daddy!"

Đọc hàng chữ đỏ ghi trên tấm thiệp vàng dán ngoài thùng quà, ông Giáo bỗng thấy một cảm giác là lạ như đang chứng kiến chuyện của ai kia! Cái gã "lục tuần" đó là ai thế? Mình đang trở thành ông Cả, ông Lý, ông Hương... như ngày xưa các vị bô lão chức sắc trong làng, trong xã chiều chiều khăn đóng, áo dài đen chống dù đi ăn giỗ rồi sao? Hình như vào chặng tuổi năm lăm, sáu chục về sau, người ta không lớn kịp với tuổi trẻ và không già kịp với tuổi già. Thời gian thì qua nhanh vun vút mà giới tài tử giai nhân ngũ thập, lục tuần vẫn cứ quen nhìn thằng Cu, con Bé hai chục năm xưa qua hình ảnh ngây thơ thời tiểu học và quên mất cảnh gối lỏng, chân mòn hôm nay của gã hào hoa tam tứ núi cũng trèo thuở nọ.

Tâm lý "ngồi lại bên cầu" làm ông Giáo cảm thấy bâng khuâng. Ông thở dài, nhìn ngôi nhà nguy nga đồ sộ, nhìn lại dáng vẻ mệt mỏi, bạc màu của bà Giáo và của chính mình. Ông cảm thấy như đang làm kẻ thua cuộc. Quay lại nhìn ngày qua, cây non trong vườn đã thành đại thụ và ông thành gỗ mục tuổi già. Cây đại thụ thì vươn mình với nắng gió mà tuổi già của ông thì lặng lẽ thu mình.

Nhưng rõ ràng trước mắt là cảnh tre già măng mọc. Ngôi nhà lại rộn lên với bóng dáng của con cháu đầy đàn. Ông bà vui cười hể hả vì thấy rõ ràng mình chính là tác giả của bầy nhân loại trẻ trung, nhiệt thành, đầy sức sống đang vây quanh. Quà sinh nhật cho ông Giáo năm nay là cái máy computer Dell xách tay đời mới nhất, thay cho cái máy để bàn sẽ được chuyển giao lại cho bà Giáo. Quà kèm theo là việc gắn hệ thống "internet" chạy nhanh DSL trong nhà. Cũng trong dịp nầy, bầy con dùng áp lực bắt ba mẹ già phải nghỉ ngơi, bằng cách thuê bao người làm vườn và chùi dọn nhà cửa hàng tuần.

Lại hết một cuối tuần sinh nhật rộn ràng, bầy con ai về nhà nấy, trả lại cho

ông bà Giáo cái không khí yên tĩnh gần như cô liêu của căn nhà.

*

Khi một thế giới tình cảm rơi vào im lặng của một trật tự mới, những kẻ có lòng thường không chịu buông xuôi. Người ta làm văn, làm thơ, và thậm chí,... làm ồn – để khỏi... làm thinh!

Thiên tài văn nghệ phát xuất từ ngạch đất của bà Giáo. Sự nghiệp văn chương le lói hay lẫy lừng của bà Giáo chỉ thật sự bắt đầu từ ngày bà làm chủ riêng cái máy computer và biết sử dụng i–meo (email). Từ một mình cô độc trên mạng lưới "Yahoo.com", bà Giáo đã dần dà quy tụ được hàng chục, rồi hàng trăm bạn hiền trên trường văn trận bút của mạng lưới khắp năm châu, bốn bể. Những người bà chưa biết mặt, cũng chẳng biết tên. Khuôn mặt và lai lịch mỗi người chỉ có một dãy chữ số. Có người thầm lặng, có kẻ lao xao. Có người bốn mùa chỉ đọc mà không lên tiếng, có kẻ siêng năng vẫy vùng trên mạng lưới suốt ngày.

Làm sao quên được cái quán thơ của bà Giáo thuở mở hàng chỉ có lơ thơ dăm ba hàng chữ nghĩa mây bay: Đấy là vài bài thơ xào nấu lại từ thuở học trò. Thế nhưng cái "lộc" văn chương từ đâu lại đến. Chỉ mới dăm bài thơ tung ra chưa hết quyền cước thi ca thì đã có lời khen tặng tung ra trên mạng lưới. Lần đầu, bà cảm thấy vừa vui vui, vừa đỏ mặt một mình, vừa có chút xôn xao đâu đó mới dấy lên trong lòng như thuở mới yêu đương lần đầu có chàng tán tỉnh: "Em yêu ơi! Em đẹp quá!". Đó là khi có người gọi bà là "Nhà Thơ", là "Thi Sĩ"! Ôi! Cái huyền thoại thi nhân không lẽ chỉ dành riêng cho Lý Bạch, cho Nguyễn Du, cho Xuân Diệu, Tản Đà, Hàn Mặc Tử... ngồi mòn đũng quần trên những chiếc chiếu hoa cạp điều làng thơ muôn thuở hay sao.

Ngay cái việc chọn bút hiệu cũng đủ làm bà nhiều đêm thao thức. Nếu chọn những tên hay nhưng quá xa lạ, lỡ bà làm thơ hay thì người đời còn lâu mới biết thân thế sự nghiệp thực sự của bà. Còn nếu chọn tên thật lỡ biết đâu thơ bà dở như hạch thì sẽ muối mặt muối mày với bà con bằng hữu! Thôi thì cứ níu áo đức Khổng Tử mà nương theo cái thuyết Trung Dung vô thưởng vô phạt của ngài. Bà giáo xin cắt phần trước cái tên cúng rượu Lê Thị Trâm của bà để thành "Trâm Anh" cho nhẹ bước đi vào đường văn học sử. Nhà thơ Trâm Anh, thi sĩ Trâm Anh... nghe ra cũng chan chứa hồn thơ! Bên cạnh địa chỉ email chính thống của mình, Trâm Anh còn tạo ra thêm vài ba địa chỉ email "vệ tinh nhân tạo" bay vòng vòng xung quanh nàng, đóng vai tam nương phò đại hãn. Lỡ có bề nào cãi cọ nhau thì vẫn còn bên vuốt, bên thoa.

Với Trâm Anh thì hồn thơ lai láng, nhưng với ông Giáo thì hồn thơ "ngao ngán" vì từ ngày hồn thơ nhập xác bà Giáo rồi thì ăn ngủ, chơi đùa, mua sắm, rửa chén, chùi nhà... nơi đâu cũng thấy lãng đãng một trời thơ. Có lẽ cũng nhờ thế mà bà Giáo bỗng nổi tiếng trên thi đàn hải ngoại khá nhanh. Chỉ trong một thời gian ngắn, thơ bà chuyển từ thế thủ sang thế công, từ tĩnh sang động, từ phóng tác sang sáng tạo. Như một môn sinh môn phái thần quyền trong thi ca, bà niệm chú và múa quyền là nguồn thơ tuôn trào như thác đổ. Bà quên dần những

tượng đài thi ca sừng sững của Nguyễn Du, Hàn Mặc Tử, Quang Dũng, Xuân Diệu... từng có một thời bám sát theo dòng tưởng tượng của bà. Mỗi ngày, có cả hàng chục, đôi khi hàng trăm i-meo ào ạt gửi tới xông đất nhà bà. Cái đòi xướng họa, cái khen tặng, cái phân tích, cái bình phẩm thơ Trâm Anh. Khách mộ điệu "hàng sỉ – whole sale, bulk rate" thì bà trả lời chung chung hàng loạt. Khách yêu thơ "hàng lẻ – celebrity" có chút tiếng tăm thì bà lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau. Bà đã mất nổi lòng ngượng ngập của cô dâu mới khi có ai gọi bà là "nhà thơ" là "thi sĩ". Tiếng trống múa lân đã làm cho đầu rồng thi ca hứng chí bay lên chín tầng mây. Bà cảm thấy thơ mình hay qua lời ca tụng của khách i–meo nườm nượp trên màn ảnh nhỏ. Bà bắt đầu cảm thấy khó chịu khi có những i-meo lạc loài tỏ ra ương ngạnh chưa chịu "mê" thơ bà. Gặp những trường hợp như thế thì bà chỉ cần vươn tay bóp chuột "đi lết" (delete) một phát là xong đời thằng nhỏ. Cái màn ảnh computer còn phù du hơn cuộc sống. Cả một thành quách lâu đài của vẻ đẹp, khôn ngoan, trí thức, ân tình... chỉ cần dòng điện không qua hay một động tác bấm nút chớp mắt thì tất cả chỉ còn là cái màn ảnh trống trơn, đen ngòm, lạnh lẽo.

Thế nhưng, cái thế giới tưởng như ảo ảnh phù du đó trở thành lẽ sống của người đàn bà ở lứa tuổi ngoài 50 ấy. Bà chuyện trò với nó, vui buồn với nó, ôm ấp nó. Trừ những lúc bận rộn thái quá hay ngủ say, bà siêng năng và nhẫn nại "check email" trong mỗi 15 phút.

Thế giới i-meo là một thế giới của "thực tế ảo". Người đó nhưng là ma đó! Phải có người thật làm chủ i-meo, nhưng người đó là ai, ở đâu, già trẻ thế nào, mặt mũi ra làm sao thì chỉ có trời mới biết. Những dòng chữ hiện ra trên màn ảnh đôi khi ngỡ gần gũi và nồng ấm như đang thì thào bên mang tai. Nhưng thật ra là muôn trùng xa cách. I-meo như tiếng hát của loài mỹ nhân ngư gần gũi mà xa vời trên bờ đại dương. Vì chưa gặp nhau, chưa biết nhau và thường thì sẽ chẳng bao giờ gặp nhau nên cái biên giới ngượng ngùng của hai cõi riêng tư không có người canh gác, hai "emailers" tha hồ thủ thỉ tâm tình mây mưa, vặn hết "volume" nói trạng hay đăng đàn diễn thuyết răn đời mà chả sợ khán giả khen chê.

Ông Giáo là người nhạy cảm, thông minh, nhưng nhiều mặc cảm tự tôn và tự ty lẫn lộn. Xuất thân là nhà mô phạm dạy văn chương nên ông canh gác nền văn học nghệ thuật của thế giới rất nghiêm túc. Ông cười nhạt nhìn hiện tượng "nhà thơ vợ" Trâm Anh với đôi mắt đầy nghi ngờ và phê phán về mặt giá trị văn chương. Ông rất sợ đọc "thơ vợ". Thơ tình yêu thì ông chẳng thấy mình trong đó. Thơ tả cảnh mây nước thì ông chỉ thấy toàn chén dĩa mệt mề mà ông phải rửa hàng ngày. Thơ nói chuyện trời biển thì ông chỉ thấy "má sáp nhỏ" một thời vừa vạch áo cho con bú, vừa với tay lặt rau cho kịp giờ nấu ăn đi làm. Bụt ở nhà không thiêng nên "thơ vợ" chưa có cơ hội ngàn vàng lọt vào mắt xanh ông Giáo.

Thế nhưng, thực tế cuộc đời vẫn thường xảy ra là cây muốn lặng mà gió chẳng ngừng. Bà Giáo bỗng in thơ, phát hành thơ, tổ chức ra mắt thơ... làm xáo động cả vùng trời và mảnh đời yên tĩnh

của ông giáo. Điện thoại nhà reo liên miên. Những "độc giả trung thành" với giọng lưỡi khen tặng trơn tru khó ưa muốn gặp thi sĩ Trâm Anh cứ thường xuyên quấy nhiễu lòng thanh tịnh của ông Giáo. Nhất là trong ngày ra mắt tác phẩm thơ đầu tay của bà Giáo, ông Giáo bấm bụng tươi cười như phải thi hành án khổ sai khi trước mặt ba quân phải cùng với bầy con lên sân khấu tặng hoa cho thi sĩ Trâm Anh và nói đôi lời với quý vị quan khách. Ông Giáo nghĩ bụng: "Quái thật! Ai cũng nghĩ rằng, mình là một người chồng có máu nghệ sĩ, khuyến khích vợ làm thơ, nay bà ra mắt ra mũi mình có chút hãnh diện. Thế nhưng ngược lại, mình bực bội. Từ lâu, không hề đọc một dòng nhưng mình vẫn yên chí là thơ bà ấy nhạt phèo như nước ốc. Một triền núi xưa nay chỉ có cây dại và hoa đồng thì làm sao bỗng dưng có cỏ hoa vương giả? Cho nên, bà ấy bày đặt làm thơ là làm chuyện vác chữ chăn chim!"

Chất keo giữa ông Giáo và bà Giáo mỗi ngày một loãng đi gần như nước lạnh. Khoảng cách vật lý chỉ cần vươn tay ra đã níu được nhau, nhưng khoảng cách tâm lý lại thăm thẳm nghìn trùng. Hai cái computer như hai chiếc tàu vũ trụ bay ngược chiều, chở ông bà Giáo mỗi ngày một cách xa. Mỗi thế giới i-meo là một vũ trụ chưa khai phá. Trong đó, những dòng chữ Việt thường không dấu nên người đọc phải cố mà hình dung cho ra cái văn cảnh của lá thư, mường tượng phong thái của người viết, ước đoán mối giao tình của bên gửi và bên nhận mới khỏi nhầm "tài hoa" với "tai họa"; "mất dấu" với "mắt đau", "mất đầu"; "vô đề" với "vỡ đê" hay "vợ đẻ"...! Những chữ không dấu có thể kéo theo 9 dạng khác nhau: Sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng, mũ, râu, ria, đờ... nên rất dễ biến "hiểu lầm" thành "hiểu lắm"!

Thi sĩ Trâm Anh bắt đầu nếm cái hương vị phù phiếm của "nhà thơ nhớn". Bà Giáo mất dần sự hồn nhiên của mơ mộng tung tăng. Bà có cảm tưởng như mình không còn có tự do để sáng tác, để làm thơ cho sự rung động của chính mình. Bà làm thơ để thỏa mãn sự đòi hỏi của những độc giả ái mộ đang đợi bà một cách vô hình, vô ảnh đâu đó ngoài kia hay trên màn ảnh nhỏ. Những kiểu cách tình yêu không phải là của kho vô tận. Những cuộc tình ảo ảnh cũng như những cuộc cờ hết nước, bà Giáo đã lôi hết tất cả các từ nào về cảm xúc, tình tự, nhung nhớ và thương yêu... mà bà cho là tuyệt vời nhất ra xào đi nấu lại trong thơ. Người trốn chạy thì phải tìm vào hang động để ẩn núp. Thi nhân trốn chạy thì tìm vào thơ bí hiểm. Cờ hết nước thì cờ bí, thơ hết ý thì thơ... bay. Chữ và chữ nối đuôi với những gạch ngang, gạch dọc. Nhân gian chưa hề thấy Hằng Nga nên Hằng Nga mới đẹp; người đọc thơ mà không hiểu thơ, thơ mới thành kỳ tú. Thi nhân không hiểu thơ mình thì lại càng huyền diệu hơn vì thơ sẽ thành thánh, thành thần, thành chú ngôn, sấm ký... Nhân gian ngoài kia có yêu thơ thì rán giả vờ rằng hiểu hay chẻ thơ ra để hiểu.

Cho đến một ngày, ông Giáo đọc trong một cái i-meo gởi tập thể nhận định về thơ Trâm Anh một cách hảo hớn là "...nay thơ bà ta đã thành danh, thành giá, thành thần chú và sấm ký trạng Trình." Ông

Giáo gục gặt đầu cười khoái chí, nói một mình: "Già đời rồi mà còn muốn chặt sừng làm nghé. Bày đặt làm thơ làm thẩn!" Rồi như một cuộc cờ mỗi nước một tân, cuộc tranh luận về thơ "bí hiểm" của Trâm Anh mỗi lúc một hăng. Chiến trường chữ nghĩa sôi động. Bắt đầu có tiếng tên réo đạn bay vi vu lời qua tiếng lại. Ông Giáo ngồi canh trên computer như canh nạn đói năm Thân, Dậu. Đến khi phe ủng hộ Trâm Anh thưa dần trong lúc phe tiến công xung phong vào sào huyệt của thơ Trâm Anh làm chủ chiến trường, ông Giáo mới bắt đầu cảm thấy chột dạ. Chỉ còn một giọng nói phản công yếu ớt của một nhân vật nữ nào đó với địa chỉ i-meo rất Huế là "Dongkhanh @...com" dưới biệt danh Hương Giang thì vẫn còn chiến đấu. Không rõ nguyên động cơ nào đã lôi kéo ông Giáo bước vào sân đấu. Không biết vì cảm mến nhân vật Hương Giang hay vì từ trong sâu thẳm của tâm tư, thi sĩ Trâm Anh vẫn còn nghiêng nón vẫy gọi chàng trai xứ Huế về chiều, mặc dầu bà Giáo đã làm chàng ta nguội lạnh.

Để chuẩn bị cho đợt phản công tái chiếm hồn thơ, ông Giáo đã âm thầm tìm đọc tất cả những bài thơ lớn nhỏ đủ các thể loại của Trâm Anh. Ông hơi ngạc nhiên vì có khá nhiều bài, nhiều câu, nhiều từ trong thơ Trâm Anh làm cho ông Giáo thực lòng cảm động. Người đàn bà luống tuổi sống ngày lại ngày như chiếc bóng đã phôi pha bên cạnh ông không phải là Hòn Vọng Phu hóa đá. Đó là một người đàn bà sống thực. Một người có dòng máu nghệ sĩ và sự nhạy cảm tinh tế của trần gian. Một tâm hồn đầy khát vọng yêu thương và chia sẻ già dặn nhưng vẫn còn nồng nàn và mơ mộng. Tuy ông Giáo vẫn chưa ra khỏi cửa cái pháo đài của định kiến và khước từ, nhưng ông cũng cảm nhận được lòng mình đang mềm lại. Càng gần gũi với thơ Trâm Anh, ông Giáo lại càng hăng hái hơn trong quyết tâm đứng vào trận tuyến với Hương Giang. Ông mở ngay một địa chỉ email mới, "đối bóng" với Hương Giang: "Quochoc@...com" dưới biệt danh là Ngự Bình. Tận dụng sở học văn chương trong bao năm qua, ông Giáo tự thổi còi mở màn cho trận đấu. Cùng với Hương Giang, người bạn đồng hành trên mạng lưới email chẳng biết là ai, ông Giáo thúc ngựa, cầm thương xung trận chạy bao sân. Từ trong thinh lặng của vô thức, sau mỗi đợt email công đồn đả viện, ông Giáo đều cảm nhận như có tiếng reo hò đâu đó thật ngọt ngào và dễ thương của chiến hữu Hương Giang ấm hơi thở dập dồn bên cạnh. Ông Giáo lý luận văn chương càng rạch ròi và khúc chiết chừng nào thì sự hỗ trợ và tán đồng của Hương Giang càng uyển chuyển và đầy sức thuyết phục ngọt ngào chừng ấy.

Thi ca là đám mây ngũ sắc mà màu nào cũng có vẻ đẹp rực rỡ riêng của nó. Đẹp hay không là tùy người biết lựa chọn và pha màu. Hương Giang chọn màu dịu và ấm. Ngự Bình chọn màu nóng và đậm. Họ hòa lại với nhau thành một bản sắc màu đầy ấn tượng. Chiến trường email xoay chiều rõ rệt. Trận giặc email với đoàn quân xa lạ nên tụ cũng nhanh mà tán cũng vội. Ngày thơ Trâm Anh ca khúc khải hoàn thì cũng là ngày dòng thơ Trâm Anh mất hút trong nội dung trao đổi email

giữa ông Giáo và Hương Giang. Thế giới của họ càng gần lại thì sự hiện diện của người thứ ba không có lý do tồn tại. Hương Giang tự giới thiệu mình là cựu nữ sinh Đồng Khánh. Ngự Bình cũng tự giới thiệu là một cựu học sinh Quốc Học. Điểm gặp gỡ của hai người bây giờ là chuyện ngày xưa của bến đò Thừa Phủ, có áo trắng, có phượng hồng và những khung trời nhuộm màu kỷ niệm của Huế. Tuổi lục thập đàn ông, và tuổi ngũ tuần đàn bà là lứa tuổi đứng trước ngưỡng cửa hoàng hôn; mệt mỏi nhìn tới, thơ thẩn nhìn lui và phân vân nhìn hiện tại. Cuộc đời còn lại quá ngắn để cho một sự bắt đầu và quá dài cho một sự đợi chờ không hứa hẹn. Nhu cầu tình cảm thầm lặng và lành mạnh ở lứa tuổi này tuy không phải là tình tự, bướm ong như thời son trẻ; nhưng cũng không thể là sự hóa vôi tình cảm và ly thân hóa mối quan hệ để rút vào căn nhà tiền chế của định kiến, kiêu hãnh và chán chường kiểu ông bà Giáo. Bởi vậy, khi ông Giáo biến thành Ngự Bình là khi ông ta "thanh xuân hóa tuổi già" của mình. Ông cảm thấy thoải mái và hồn nhiên với một người chưa biết mặt vì người Hương Giang đối với ông là một trang mới của cuốn sách đời không dấu vết của trói buộc, đòi hỏi, khen chê, tranh cãi... mà chỉ có niềm vui thoáng mát và nhẹ nhàng chia sẻ. Hai người bạn trên email như ánh nắng và dòng sông. Như biết rõ mà vẫn là xa lạ. Khi song hành thì soi bóng; khi một phía quay lưng thì chỉ còn khoảng trống lạnh lẽo ngoài khung kính nhỏ vô tri.

Không một tiếng súng, không một chiến trường, không một lời tuyên chiến nhưng mặt trận email vẫn trùng trùng sôi động đêm ngày ở bất cứ nơi đâu có ánh sáng của con người rọi đến. Giặc email có một đạo quân hùng hậu trên toàn thế giới. Và có lẽ trong lịch sử cổ lai chinh chiến của sinh vật địa cầu, không có cái tinh thần tự nguyện nào lại thường hằng và năng nổ đến như thế. Người ta mở nút email trước khi mở tất cả các loại nút khác, kể cả nút cà vạt và nút áo quần sau giờ làm việc, ngay khi vừa về đến nhà. Vũ khí nào đã làm cho giặc email mạnh đến thế? Đó là khi tri thức và tình cảm trong tay không đủ lấp đầy cho sự cô đơn của hiện thực! Thế giới vật chất càng tràn đầy, thông tin khoa học càng nhanh chóng làm cho địa cầu ngày càng nhỏ lại, con người càng cảm thấy cô đơn. Cô đơn vì tình cảm mất dần bóng im thần thoại để ẩn núp. Cô đơn vì nỗi sợ hãi khó tìm những miếu đền thần linh để nép mình. Và cô đơn vì quan hệ giữa người với người mất đi lớp vỏ hào hoa của đợi chờ và mơ ước. Sự thật trần trụi bao giờ cũng cô đơn như pho tượng lõa lồ... Có vẻ như ông Giáo và Hương Giang đi tìm chỗ núp vì cả hai đều sợ nỗi cô đơn của chính mình. Sợ đối diện với những pho tượng vợ chồng đang dần dần hóa đá. Đá triệu năm không hóa được thành người, nhưng con người trong cuối cuộc vợ chồng mà ngày lại ngày không biết nâng niu vun xới cho nhau thì thật dễ dàng hóa đá.

Sau bữa tiệc cưới về nhà còn ngây ngây men rượu, ông Giáo sà ngay vào máy và mở i-meo. Ông Giáo hình dung Hương Giang với vẻ quyến rũ của một nàng thơ. Cái tên làm ông gợi nhớ tuổi học trò bên dòng sông con gái một đời

không bao giờ thành thiếu phụ. Dòng sông ấy có cố nhân là Ngự Bình và người tình là Kim Phụng. Những người tình trông bóng nhưng không bao giờ gặp nhau, nên tình đẹp nhất của Huế là tình cảm trông vời... Trong phút lãng mạn bất chấp, thay vì xưng tên như mọi khi, ông bắt đầu thư i-meo cho Hương Giang với chữ "Em" ngọt lịm. Click! "Em" bay vào không gian. Ông Giáo hơi ngẩn ngơ một chút vì sự xua quân qua lằn ranh hơi táo bạo của mình. Sáng mai, thư không có hồi âm. Hôm sau và hôm sau nữa khung "inbox" vẫn trống không. I-meo là giống bạc tình. Lỡ bước bay đi không bao giờ gượng lại. Những tờ thư trên giấy còn có địa chỉ dò la, nhưng những cánh thư i-meo chỉ là ảo ảnh. Không ai rõ nguồn cội nhân vật nơi mô mà tìm. Giữa khi bất ngờ nhất, thư Hương Giang chợt đến. Tất cả chỉ vỏn vẹn mấy dòng từ biệt: "Anh! Thư nầy là thư cuối của em. Có những giới hạn tuy vô hình, nhưng nếu mình vượt qua là bị lạc và sẽ tự đánh mất mình vĩnh viễn. Ai cũng có những phút ngoài chồng ngoài vợ. Đừng trách chi một chút xao lòng"... Em HG. Ông Giáo lẩm bẩm lập lại câu thơ của một nhà thơ nào đó mà Hương Giang nhắc lại: "Ai cũng có những phút ngoài chồng ngoài vợ. Đừng trách chi một chút xao lòng..."

"Chút xao lòng" có khi chỉ là cái nghiêng nón che tia mắt nhìn của người khách lạ. Nhưng "chút xao lòng" ấy cũng có khi là cái lách mình qua ngã khác của một mảnh đời bão nổi, buông tay.

Email là sản phẩm của con người và kỹ thuật, là dụng cụ để phá màn bí mật chứ không phải để tạo ra sự bí mật mới nên i–meo chẳng bao giờ là vùng đất riêng tư của ai cả. Với một số kiến thức căn bản về vi tính, chẳng khó khăn lắm để ông Giáo tìm xuất xứ cội nguồn của Hương Giang bằng phương pháp "tầm nguyên". Bất ngờ như mũi tên bắn sẻ: Hai địa chỉ email "Dongkhanh@...com <mailto: Dongkhanh @...com>" và "Tramanh @...com <mailto:Tramanh @...com>" đều phát xuất từ một chỗ. Nghĩa là Hương Giang cũng chính là Trâm Anh. Với phản ứng tức thời, ông Giáo ngửa mặt lên trời cười khan. Nhưng cái cười đột phát ấy lại tức khắc rơi xuống lòng ông làm cho tay chân ông bắt đầu run rẩy và trái tim nhói lên như khi An Dương Vương khám phá ra "ả giặc yêu quý" Mỵ Châu đang cùng ngồi trên mình ngựa sau lưng mình. Ông có thể tin Liz Taylor cặp bồ với gã tình nhân thứ 100, nhưng lại không cho phép lòng tự hào của ông tin là bà Giáo đã có một phút "xao lòng". Ông chạy bổ lên lầu, vào phòng bà Giáo, nhưng đứng sững lại trước vẻ mặt đăm chiêu và câm lạnh như bức tượng sành sứ của bà. Không nói một lời, ông Giáo đóng sầm cửa lại và đi ra. Cái nhà rộng thênh thang đứng trên đỉnh đồi lộng gió bỗng trở thành nực nội và chật chội, không đủ chiều cao và chiều sâu để chứa cho hết một trời thất vọng và nhức buốt của ông Giáo. Nổi loạn, câm lặng hay quên đi trong hoàn cảnh nầy đều là cách dễ dãi để trốn chạy chính mình.

Đã bao nhiêu năm, với một niềm tin không cần kiểm chứng, ông Giáo yên chí là bà Giáo đã hoàn toàn thuộc về ông, cả thân xác lẫn tâm hồn. Ông mặc nhiên coi bà Giáo là vật sở hữu của riêng mình. Từ

đó, sống chung dưới một mái nhà, cả hai ông bà hùng hục làm việc lo cho con, lấy tương lai và sự thành đạt của con cái làm hạnh phúc của mình. Ông Giáo đã quên rằng, có một "cây hoa biết nói" hàng ngày sống bên cạnh. Cây hoa cũng cần tưới bón và chăm sóc để đừng khô héo với thời gian, nhưng cây hoa mẹ đã hoàn toàn bị lãng quên cho vườn hoa con đâm chồi nẩy lộc. Hai ông bà ngày lại ngày chỉ "thấy" nhau qua hình ảnh trung gian của đàn con. Khi đàn con lớn khôn và tung cánh ra đời, hai người tình năm xưa vẫn nhìn nhau dưới một mái nhà nhưng chẳng thấy nhau mà chỉ thấy khoảng trống vì những đôi mắt vẫn còn bị lực quán tính của những năm dài "không nhìn nhau mà cùng nhìn về một hướng... nuôi con" lôi đi xềnh xệch. Email như một viên sỏi ném vào con cọp ngủ. Email khiến họ thức giấc và tò mò khám phá lại mình; đánh động nguồn cảm xúc tiềm ẩn trong chiều sâu lên tiếng.

Sau "biến cố email" ông bà Giáo lại càng lặng lẽ với nhau hơn. Những đêm sâu trăn trở nghe tiếng ho húng hắng của bà Giáo ở tầng trên vọng xuống, ông Giáo cảm thấy lòng se lại. Ông cũng rán ho trả lời như để xác nhận sự hiện diện của mình với bà Giáo. Sự lặng lẽ sâu hút của hai ông bà như là một cuộc thi gan ai là người bản lĩnh hơn ai. Hình như dần dần cả hai ông bà khám phá ra rằng cả hai đều mệt mỏi và thua cuộc. Chỉ có cái đồng hồ treo tường là bản lĩnh nhất, là kẻ thắng cuộc trong ngôi nhà mênh mông nầy, vì đêm ngày nó vẫn thản nhiên chạy tí tách và đúng giờ reo lên hát hỏng một mình.

Rồi một đêm khuya, ông Giáo ngồi lặng lẽ trong bóng tối. Chẳng phải là thiền định hay ngủ gật, nhưng là để lặng lẽ suy tư. Cuốn băng email quay lại trong dòng suy tưởng của ông. Sao ông không là Ngự Bình; sao bà Giáo không là Hương Giang. Sao cả hai người đang sống thực mà phải đóng vai những bức tượng cổ bị trói buộc và đặt ngay ngắn trong ngôi nhà rộng lớn nầy, để đợi chờ một điều gì đó mơ hồ không ai hình dung nổi của một mảnh đời chưa đến gọi là tương lai. Ông Giáo vào phòng mở lại email và bấm nút hộp thư lưu trữ có tên là "Hương Giang". Từng mảnh nhỏ tâm sự hiện ra. Bà Giáo đó, Trâm Anh đó, Hương Giang đó... trong cùng một con người khao khát sống trở về. Ông Giáo cảm thấy mắt mình nhòa đi trong nỗi xúc động vô chừng. Ông thẫn thờ ôm mặt cúi gục trên bàn. Đêm khuya khoắt, ông nói thì thào qua kẽ tay: "Anh thật vô tình! Anh có lỗi!" Tưởng như đêm có một bàn tay kỳ bí. Rồi hai bàn tay mềm và ấm từ phía sau đặt lên vai ông. Có tiếng nói thì thào đáp lại: "Em cũng vô tình! Em thật có lỗi!" Im lặng như chứng nhân của ân tình vừa sống lại. Hai người áp má vào nhau. Rất xa mà gần, có mùi vị mặn. Trên màn ảnh của bóng tối, hai hình mường tượng hiện lên: Hương Giang và Ngự Bình từ một quá khứ chưa phai.

■ *Trần Kiêm Đoàn*
Sacramento, mùa Valentine 2004

Nhớ Tuổi Đá Buồn

Giáp Cẩm Tú

Trong buổi dạ tiệc ra mắt tuyển tập Nhớ Huế số 15 tại nhà hàng Seafood World tối hai mươi bảy Tết, chúa nhật 18 tháng 1 năm 2004, thuộc quận Cam California, ban vũ Xuân Xanh trình diễn một điệu vũ rất dễ thương theo bài nhạc *Tuổi Đá Buồn* của Trịnh Công Sơn. Những cô gái xuân thì mảnh mai trong chiếc áo dài trang nhã, lả lướt nhún nhẩy theo âm thanh rậm rực phập phềnh. Mái tóc óng mượt bồng bềnh trôi trên đôi bờ vai gầy nặng trĩu ánh đèn màu sân khấu, thể hiện một cái gì âu yếm thân thương. Trinh trắng hồn nhiên dịu hiền khép nép, những con chim oanh đang ôm ấp tuổi hồng. Nghe nhạc mới, nhìn những vóc dáng diễm kiều múa lượn, hình ảnh người xưa như chợt hiện về.

Gót chân son nho nhỏ. Tà áo trắng thướt tha. Chiếc cặp sách đong đưa theo nhịp bước. Môi hồng mắt biếc. Vành nón lá nghiêng nghiêng. Một chút bâng khuâng thấy tâm hồn xao xuyến. Gió sông Hương mát rượi. Chuông Quốc Học ngân xa. Trống Đồng Khánh hiền hòa. Ta lang thang mấy độ. Thương quá đi thôi con đường Nguyễn Trường Tộ. Theo gió Hương Giang, mây trốn trong tà áo trắng dễ thương. Một chút quen quen như tình cây muối mến lề đường. Đi lêu bêu rồi đặt bày thơ với thẩn. Vòng tay ôm trống vắng như khúc đường Nguyễn Trường Tộ thiếu cây. Thiếu một khúc thôi, chứ khi vượt qua hai ngôi trường Đồng Khánh và Quốc Học kề cạnh bên nhau, những cây muối già nua thấp thấp trước trường Cán Sự Điều Dưỡng, qua đồn Công Binh, lên đến Tòa Tổng Giám Mục bên chân cầu Phủ Cam thầm lặng. Trên lầu hai cư xá, giờ tan trường nhìn sang Tòa Giám Mục cầu xin Chúa ngôi ba cho con gặp được người có dáng kiều thơm bằng lòng đưa con về xóm đạo Phủ Cam. Lạy Chúa rất nhân từ, con sẽ vác thánh giá theo người trong mộng. Hàng đêm đọc kinh, nhìn ảnh tượng thánh gia nên mắt em dịu hiền đẹp như đôi mắt mẹ Maria. Tay em lần chuỗi hạt nên mềm nhuyễn như em vẫn thường nhấn phím ngà của đàn dương cầm trưởng giả. Ta tội lỗi nên van xin ông Thánh Đá tức ông Thánh Phêrô cho đời ta được phép có người tình. Thánh Đá cứ lặng thinh, ta buồn câm như đá! Phủ Cam xóm Đá có Thánh Đá vác chìa khóa giữ

cửa Thiên Đàng. Đời lang thang nên tình đi hoang mới thấy buồn cho cuộc đời sỏi đá. Buồn đến độ mọc rêu. Rêu hay mọc trên đá. Một ngày trôi qua, đá buồn thêm một ngày. Một tháng trôi qua, đá buồn thêm một tháng. Thời gian trôi làm tuổi đá thêm buồn. Buồn chứ không tủi hờn sầu muộn. Thời gian buồn nhất trong tuần là chiều chúa nhật. Khoảng sân trước cư xá được rải sỏi, ồn ào lạo xạo vì những bước chân em. Sáng thứ bảy em còn đi học, ôm cặp đi ngang mắt nhìn thẳng hướng nhà trường. Lúc tan trường, em lùa gió sông Hương, gây xào xạc trong mấy cành lá muối. Chúa nhật buồn thiu, cái lạnh tê tê ẩm ẩm của mùa đông xứ Huế có lúc cũng căng da. Cơn mưa tháng chạp trong bầu trời xám thấp. Đường chiều chúa nhật rộn rã dép lốp xe đen với áo lụa vàng gây hứng khởi cho người nhạc sĩ nên có một phòng cho người ở ké trong cư xá chợt buồn tênh. Không biết Trịnh Công Sơn sáng tác bài *Tuổi Đá Buồn* khi đang còn ở trong căn nhà dưới chân dốc Bến Ngự số 40 đường Phan Chu Trinh hay đã qua cư xá Nguyễn Trường Tộ đối diện tòa Tổng Giám Mục Huế. Mưa làm ướt đá. Đá ẩm sinh rêu. Đời rong rêu sỏi đá đã nhiều. Chút mộng ước theo triền chiều xuống thấp. Trong thầm lặng ta nhớ thương mái tóc, rất mượt mà rất gấm vóc nhung tơ. Trên lầu cao ta đứng ngóng đúng giờ: chờ xem con chim se sẻ thả thơ trên sỏi đá. Thiệt là vui chi lạ, khi nhìn thấy người quen. Lá cây muối rơi lên trên lối nhỏ. Em đi dưới đó, ta ngắm trên đây. Lòng những muốn hành lang sà xuống thấp. Để ta được cận kề nói khẽ vào tai. Hoặc tình cờ em ngước mắt nhìn lên. Ôi thân thương đôi mắt nhung đen, chứa tất cả khung trời mộng ước. Ơi Chút Tí lạ quen vẫn thường hay *"mặc nính"* chiếc áo dài của mẹ hay của chị mà thấy lỏng le thủng thỉnh thùng thình! Sơn ơi Sơn, thôi ngừng tay một chút. Ra mà coi cái con bé áo vàng. Người chi mô ngổ ngáo ngang tàng, nhưng càng ngắm thấy càng xinh, càng *"chảu lảy"*. Mẹ Sơn gọi, giọng thanh tao biết mấy. Áo lụa vàng em cắt ngắn hai tay, còn vạt áo cũng hớt lên cho gọn. Áo cắt xong khỏi cần luôn đột, có rộng thùng thình thì mặc kệ người ta. Đôi dép lốp xe trông thiệt mặn mà, làm nổi bật làn da chân trắng bóc, quả là bất cần đời người con gái Phủ Cam xóm Đá. Thấy dáng em qua, lòng buồn chi lạ. Buồn vì ta không biết viết nhạc làm thơ. Cứ ngẩn người ra ôm tiếng dại khờ, rồi ấm ức đêm dài đi ngủ muộn. Nghe lá muối rơi, nỗi buồn gió cuốn. Ông hàng xóm hiền lành và danh tiếng, nhưng ta vì sợ mang lấy hai chữ *"theo đuôi"* nên không muốn làm quen. Tiếng đàn ghi ta khảy giữa đêm đen. Từng nốt lẻ, đều đều, thủng thẳng. Mấy ngón tay cong nhấn phím, miệng lẩm nhẩm đặt lời. Trịnh Công Sơn soạn nhạc theo từng hơi thuốc lá. Mẹ của Trịnh Công Sơn thanh

nhã. Muốn Sơn quen với cô bé áo vàng, chỉ xuất hiện vào những chiều chúa nhật! Em là gái con nhà danh gia vọng tộc. Ta là thằng ốm đói nhà quê! Lo học sói đầu để hàng năm có giấy hoãn dịch về, tối tối phải dạy kèm kiếm thêm tiền uống cà phê mua thuốc lá. Còn cứ mơ mộng lỡ ra bài làm không đủ điểm, có ngày bị đôn quân vô thao trường Thủ Đức đổ mồ hôi! Ta công danh chưa có, trong khi Sơn đã được cả nước biết tên. Cô bé áo vàng mạ muốn Sơn quen... Ta biết phận, lặng lẽ trên hành lang ngắm xuống. Từ thứ hai cho tới thứ bảy, ta thuộc lòng giờ giấc em qua. Áo trắng như nhau tha thướt ngọc ngà, từng toán nhỏ khoan thai chuyển bước, ta vẫn nhận ra em từ đàng xa mút mắt. Ta biết tên em cho dù em cố lấy cặp che ngang bảng tên mang trên ngực. Bảng tên thêu màu tím thân thương, màu thống hối hoa sầu đông thơm ngát. Màu dành cho học sinh lớp đệ nhất của trường Đồng Khánh, tức là lớp mười hai thuộc hàng chị cả. Màu tương tư hoài niệm đơn côi. Màu e ấp theo nhau tiếng thở dài rất khẽ. Tuổi đá buồn long lanh ngấn lệ, từ tủi hờn vô cớ bâng khuâng... Em có ba màu áo: Trắng đen vàng và thiếu mất màu xanh. Nắng chiều chúa nhật mong manh, chỉ có áo lụa vàng làm mẹ của Sơn lưu ý. Da trắng nõn nà trong áo lụa kiêu sa, càng nổi bật vì cách cắt may khác lạ. Áo trắng trinh nguyên, áo đen đài các. Cùng một buổi chiều em thay ba màu áo luân phiên. Em chuyển dời khuấy động giấc cô miên. Ta cảm tạ vì em mà mất ngủ. Trước cư xá cũng có mấy cây me nhỏ, hoa trắng tròn chùm nụ cọng li ti, trái dẹp xanh nâu buông rũ lưa thưa. Cành khẳng khiu chịu đựng lúc trời mưa, lá đổi màu xong rơi từng phiến nhỏ. Xưa thật là xưa: Từ trên hành lang, phía sau khung cửa sổ, Trịnh Công Sơn thường hay ngó xuống đường. Dáng một người rất xa lạ thân thương, ngày hai buổi thường đi ngang cư xá. Bên kia sông Phủ Cam là xuân hồng cát hạ, phía bên này cư xá là nhã nhạc xa xưa. Âm điệu cung thương đến thật bất ngờ... Một chút gió, một chút mưa, một chút đong đưa dưới chân tháp cổ. Đứng ở bên nầy, mơ qua Thiên Mụ. Quên chiếc cầu Phủ Cam, nhắc chi căn nhà cũ cũ cạnh bờ sông... Cây trứng cá trước sân, chín những quả hồng... Hàng phượng vỹ âm thầm rực rỡ. Căng tràn nỗi nhớ, chất ngất hương xưa. Ờ, thương yêu nói mấy cho vừa... Con đường nhựa, gót chân chim theo gió sông Hương vờn mây trắng. Em đếm trống vắng. Diễm đi về mang chút nắng sang sông. Khiến cho Sỏi ở bên này mà lòng cứ hướng qua bên kia xóm Đá. Khúc hát trong veo cao vút tầng trời. Dư âm chất ngất những lời xót xa. Chờ bóng em qua trong cơn mưa bụi. Mưa thật buồn tơi tả tâm can. Chới với cách ngăn lầu sân cư xá. Mưa gió đầy trời mờ khuất chân dung. Bão Giáp Thìn quay cuồng thác loạn, nên các trường đều cho học sinh về. Gió trên đường phần phật ngăn cản lối em đi. Hạt nước tạt những trái phượng già vương vãi. Mưa quá là mưa nên em không lại. Suốt cả buổi chiều thiếu bước chân em. Trời xám đêm đen, anh tê mắt đợi. Hun hút mịt mù vắng ánh sao rơi. Em hiện hữu cuối chân trời mộng tưởng, ta xin em nhẹ chuyển bước về. Đường ướt nước, lá me trôi mấy phiến. Chiều hôm qua vừa thấy Diễm

trong mưa, hôm nay Diễm đã xa xưa ngăn cách. Đám sỏi buồn tí tách hạt mưa rơi. Có lúc hành lang chứa thật đông người và phòng Sơn tràn đầy tiếng nhạc, nhưng hoang vu và quay quắt tràn trề. Khách của Sơn bao gồm nhiều thành phần, nhiều thế hệ. Từ học sinh măng sữa, đến các bậc trưởng thượng quyền uy. Thân tình nhất có lẽ là ca sĩ Khánh Ly,... Kể lần xuống cho đến ông Quân Trấn Trưởng, thường mời Sơn đi kéo ghế quán Cô Ba! Ta vẫn tự hào ta mãi là ta! Đến bây giờ ta chưa hề biết Diễm. Diễm của Sơn là Diễm của ngày xưa. Sau Tết Mậu Thân lại có thêm cô bé áo vàng nghịch sỏi, tuổi đá buồn đến độ đê mê.

Nhà văn Nhất Huy dạy môn Pháp Văn ở trường quận Hương Điền, học Văn Khoa theo ban Việt Hán. Anh Nhất Huy với ta là bạn. Cùng các anh Đăng, Đức, Quý, Cam và Văn lập "Hội Trà". Tất cả hội viên đều thuộc lớp Việt Hán gốc Sư Phạm. Mỗi tháng họp một lần vào sáng chúa nhật. Địa điểm luân phiên thay đổi từng nhà. Ngồi cùng nhau uống trà ăn bánh ngọt, bàn chuyện văn chương. Xuân 1970, một hôm trong buổi họp, anh Nhất Huy cho cả hội biết là anh có ý định mở một quán cà phê thuần túy văn nghệ, không xen chính trị như quán cà phê của Tổng Hội Sinh Viên. Tất cả hội viên đều tán thành và sẵn sàng giúp sức. Địa điểm được chọn nằm trên góc đường Nguyễn Biểu và Nguyễn Hiệu, phía trong cửa Đông Ba, gần ngã tư Âm Hồn. Quán lấy tên là cà phê Doanh Doanh. Người đến uống sẽ là những Lệnh Hồ Xung hào hiệp. Thuê được khoảnh vườn bên hông nhà và gian nhà bếp có nền đúc xi măng, mái lợp tôn và ba bức vách. Quán lộ thiên, bàn ghế bằng gỗ thông xếp quanh các gốc cây và một phía hè nhà. Bếp dùng làm nơi pha cà phê và nước trà cùng các thức giải khát. Các nữ sinh viên phụ trách bưng ly! Gần nửa năm sắp xếp. Quán khai trương trước khi trường khai giảng. Thời gian đầu, khách đông nghẹt. Đủ mọi thành phần của các phân khoa và các trường trung học. Có khi ngồi ra cả ngoài đường. Một số lớn sinh viên không thuộc "Hội Trà" vào giúp sức. Không khí thật thoải mái vui tươi. Cô bé áo vàng mang đôi dép Bình Trị Thiên cũng đến uống. Vài tuần sau khi mở quán, anh Nhất Huy báo là tối thứ bảy, quán Doanh Doanh sẽ có hai người khách quý: Thế Uyên và Trịnh Công Sơn! Toàn thể "Hội Trà" gồm bảy hội viên. Đi theo Thế Uyên và Trịnh Công Sơn còn có thêm một anh nữa. Ba cái bàn kê liên tiếp cho đủ chỗ mười người. Nhóm Thế Uyên và Trịnh Công Sơn đến vào chập tối. Thân mật yên vui. Tuy giữ kín nhưng quán cũng đầy người đến dự để vừa uống cà phê vừa nghe các anh Sơn, anh Thế Uyên nói chuyện. Thế Uyên khen cà phê ngon và than phiền lon bia Hamm's của Mỹ mà mấy anh uống trên lầu Ngọ Môn hồi chiều mang vị đắng quê hương! Nghe lời anh Thế Uyên, ta thấy thương vua Minh Mạng chưa hề được uống bia. Kế đó là anh Trịnh Công Sơn kể chuyện vợ chồng nhạc sĩ Lê Uyên và Phương làm nhà trên mấy cây thông ở đâu đó trên thành phố Đà Lạt. Lên xuống dùng thang dây cuốn thả nhùng nhằng. Anh Sơn kể xong, anh Thế Uyên tặng sách. Ta được anh tặng

cuốn khảo luận: *Nghĩ trong một xã hội tan rã*. Cuốn sách này ta trân trọng giữ kỹ cho đến khi bị ăn cắp trong mùa hè đỏ lửa 1972. Trịnh Công Sơn nói là vừa sáng tác được mấy bài, nhưng không hát vì bị ho từ hôm trước. Thế Uyên phê bình việc làm của ông Hồ Chí Minh với những cuộc tổng tiến công vào miền Nam Việt Nam. Anh Nhất Huy khéo léo lái sang chuyện khác. Đêm càng khuya càng mát. Gió thu lùa lá cây xào xạc trên đầu. Khói thuốc trắng, ánh đèn mầu mờ ảo. Anh Thế Uyên đề nghị Trịnh Công Sơn là người mới có đủ thẩm quyền yêu cầu Khánh Ly lúc lên sân khấu nên mặc lại bộ bà ba đen, đi chân đất như những lần trình diễn trước kia. Người đi theo Uyên-Sơn góp vui hát điệu hò ba que... chim nhạn. Suốt buổi mạn đàm, ta ngồi im từ đầu đến cuối, không phê bình hay ý kiến này kia. Trên Ngọ Môn cổ kính, chiều thứ bảy chứ không phải chiều chúa nhật, mấy người phong lưu cùng nhau thoải mái uống bia lon, xong nhẹ trách sao vị bia đăng đắng! Bàn ghế gỗ của quán làm bằng thùng chứa đạn, bây chừ ngồi thưởng thức ly cà phê ngoại hạng của Doanh Doanh, rít sướng tê lừ đầu lưỡi vị thuốc lá Capstan đế quốc, nghĩ càng thấy thương cho gói Bastos xanh nội hóa nặng mùi! Ta lặng lẽ nhìn những người nô lệ. Trịnh Công Sơn có vầng trán thông minh. Nói năng nhỏ nhẹ, dùng nhiều tiếng *"mình"* và những từ *"dễ sợ"*. *"Tối hôm qua mình ho dễ sợ!"*, *"Thức viết mấy tông thiệt dễ sợ mình luôn!..."* Chút râu râu lám nhám bóng đèn vườn. Đôi kính cận to to sáng trắng! Da Thế Uyên rám nắng. Chiếc răng cửa hơi vênh. Khuôn mặt trông giống Duy Lam trên đài truyền hình quân đội. Nghe người ta đồn rằng nhà văn Duy Lam thường duyệt xét hồ sơ động viên hoãn dịch cho vùng quân khu một, xong chuyển trình lên Thiếu Tướng Bùi Đình Đạm ký tên. Ta ngồi đây, ốc sên chưa bò trên cổ áo, dấu hiệu alpha của lon chuẩn úy, có nghĩa là chưa bị vào quân trường học cách giết người xong ra chỉ huy ba mươi ông lính. Hàng năm vẫn nạp đơn chờ lãnh tấm giấy triển hạn nhập ngũ màu vàng nhạt in chữ xanh đóng khuôn dấu đỏ chữ ký mực đen ấn định ngày hết hạn, nếu không được hoãn dịch tiếp thì phải trình diện nhập ngũ theo luật lệ hiện hành. Ta được hoãn dịch vì lý do học vấn, nhưng sau đó ta thấy rằng không chắc chắn nên mới nạp đơn xin hoãn dịch theo lý do gia cảnh, điều thứ năm *"thanh niên độc nhất còn lại trong gia đình có anh đang tại ngũ"*. Giấy hoãn dịch từ màu vàng nhạt chuyển sang màu trắng. Sau khi tốt nghiệp Sư Phạm, được hoãn dịch vì lý do công vụ, giấy cũng cùng màu. Lên Pleiku dạy trường Nữ trung học Pleime cho đến ngày tan hàng bể dĩa. Thế Uyên nói năng điềm đạm, thoải mái chứ không ức chế như ta đã nghĩ sau khi đọc cuốn *"Tiền Đồn"*. Có lẽ vì vừa được biệt phái về ngành giáo dục hay cá tính xưa nay vẫn vậy. Thế Uyên giờ này đang ở Mỹ, còn Trịnh Công Sơn đi về thăm sỏi đá đã lâu. Lần ta gặp Trịnh Công Sơn ở quán Doanh Doanh là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng. Còn tất cả những gì ta biết về Sơn đều do những người chung quanh nói lại. Hoặc nghe được từ nơi hành lang qua những lời thì thầm oang oang của một vài người quen biết với ông

hàng xóm hiền lành là Trịnh Công Sơn trong khi ta giả cách đến thăm người bạn tu xuất họ Trương, nhưng thực ra là với mục đích muốn ngắm dáng em đi ngang cư xá.

Ba mươi mấy năm qua, ba mươi mấy năm đá buồn không nói. Buổi họp hàng năm dành cho Ngày Nhớ Huế, số người tham dự càng lúc càng thưa, thiếu vắng dần những khuôn mặt của ngày xưa tháng cũ. Năm nay, ta được xếp ngồi cùng bàn với vợ chồng anh họa sĩ Vi Vi, người đã từng theo học ở trường Pellerin thuở trước. Chị Diễm Châu TNQG đa tài, thường đi show và đang lo tờ Phụ Nữ Thời Nay Hải Ngoại tại thành phố San Bernardino, cách quận Cam cả trăm cây số. Hôm nay thật vui vì chương trình đặc biệt. Vui hơn nữa là được dịp làm quen với vợ chồng Vi Vi, người họa sĩ mà ta rất thích từ cái hồi đọc báo Tuổi Hoa hơn bốn mươi năm trước. Anh Vi Vi đội mũ bê rê đen làm ta nhớ đến anh Nhất Huy. Vốn người mảnh khảnh nên khi gió chuyển mùa, anh Nhất Huy thường bị ta trêu là cần phải đội thêm mũ bê rê cho ấm áp, mặc dù anh vẫn thường đội mũ quanh năm. Đôi mắt sáng của Vi Vi có tia nhìn tiết ra những cái gì êm êm khó tả của một tâm hồn nghệ sĩ, thoáng chút long lanh như ánh mắt Trịnh Công Sơn nhìn ta khi Thế Uyên trao tặng ta cuốn sách. Cuối bữa tiệc, anh Vi Vi tặng ta tờ Phụ Nữ Thời Nay Hải Ngoại số Thu Đông 2003. Ta chợt nhận ra các nghệ sĩ thường có ánh mắt thật quen thật lạ thân mật hững hờ xa xăm gần gũi giông giống như nhau. Qua tia nhìn khi đón nhận tác phẩm anh trao, ta hứa là sẽ gởi bài viết về tình yêu ngày đó... Thứ tình yêu ta chưa có bao giờ... Thôi thì cứ y như người ươm mộng, thấy quanh mình một số những em mơ... Bất chợt qua vũ khúc giúp vui cho dạ tiệc tâm tình làm dậy niềm hoài cổ. Các nữ vũ công có cô nói không rành tiếng Việt, hát bài Tuổi Đá Buồn trong âm hưởng tây phương. Chẳng cần biết các cô khi cất tiếng ca đã hiểu được bao nhiêu ý nhạc. Vũ khúc thành công. Trong phút xúc động bồi hồi lòng thầm khen ngợi toàn ban vũ có tâm hồn hướng về quê mẹ. Một chút tình quê hương nơi nước ngoài. Thỉnh thoảng ta cũng viết góp nhớ vài bài, cẩn thận rất ít dùng mấy danh từ ta hay tôi này nọ. Nhưng giờ đây man man niềm nhớ, *Ta* và *Em* cùng chuyện sỏi đá loanh quanh trùng hợp như một việc tình cờ. Chỉ năm ba trang ngắn ngủi mà hai tiếng *ta* và *em* đã được lập đi lập lại đến mấy mươi lần. Chẳng qua là bài Phủ Cam Xóm Đá trong tuyển tập Nhớ Huế số 15 cần thêm vài hàng tâm sự, điều mà tác giả trước khi gởi đi, đã chỉ nhắc qua bằng vài lời thăm hỏi vô duyên.

▪ ***Giáp Cẩm Tú.***
California – Tết Giáp Thân 2004

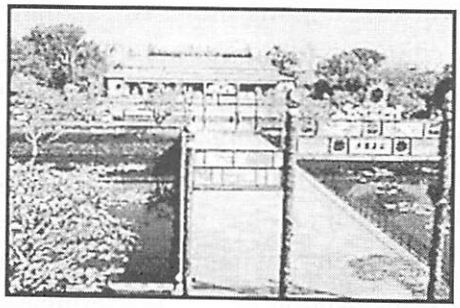

Khảo chứng về Nữ Sắc và Nữ Tướng

Lê Văn Lân

- ***Nhận định chung về vai trò của phụ nữ trong văn hóa Cổ Á Đông***

Về bản thể cơ-sinh lý và bản năng tính dục thiên nhiên, người đàn bà với tư cách là một đối tác phối ngẫu với người đàn ông nên đã đóng những vai trò liên tiếp như một tình nương, người vợ, người mẹ, người con gái cho người đàn ông trong địa vị tình lang, người chồng, người cha... Trong nhãn quan dịch lý Đông phương, đàn bà tượng trưng cho Âm có tác năng vừa giao hòa, vừa nghịch đối với đàn ông tượng trưng cho Dương trong sự điều hành và sanh tồn của vũ trụ thiên địa.

Trên phương diện lịch sử tiến hóa của nhân loại, trong xã hội sơ khai thì đàn bà từng đóng vai trò chỉ huy và cai quản gia đình trong chế độ Mẫu hệ vì con cái đẻ ra chỉ biết mẹ mà không biết cha, nên mang họ của mẹ. Rồi dần dà về sau, đàn ông dành chủ quyền sản xuất về kinh tế nên cơ chế gia đình chuyển sang chế độ Phụ hệ, con cái mang họ cha.

Trong chữ Nho, chữ Tính 姓 là họ viết ra bằng cách ghép chữ Nữ 女 là đàn bà và chữ Sinh 生 là đẻ. Chữ Nữ 女 nguyên thủy là hình một người đang quì nhưng sau biến thành chữ Mẫu 母 với cặp vú là hai chấm ở ngực. Lấy vợ là Thú 娶 viết với chữ Thủ 取 là nắm bắt và chữ Nữ 女. Địa vị của người đàn bà trong lịch sử theo giai đoạn lịch sử mà thay đổi thăng trầm như bị bắt là nô tì 奴 婢 và ca kỹ 妓 hay thê 妻 thiếp 妾 được làm con nhà quí phái (cơ 姬) phi tần 妃 嬪...) Những nét đẹp của nhan sắc đều viết với bộ Nữ như gái đẹp gọi thiền quyên 嬋 娟, nga 娥, mị 媚... Nhưng những tật xấu như gian 姦, ghen (đố 妒), dâm bôn 婬.

Trong vai trò làm người phối ngẫu với đàn ông thì một yếu tố mà người đàn ông dưới chế độ phụ hệ Nho giáo chọn ưu tiên là cái diện mạo đẹp đẽ, cái dáng mềm mại uyển chuyển, cái đức hạnh tốt và tính tình nhu thuận, hiền thục, đảm đang nghĩa là thứ yếu, phục tùng đối với đàn ông.

Nhưng vào giai đoạn mẫu hệ khởi thủy thì đàn bà làm chủ. Trong những dâm kinh, dâm điển của Trung hoa thì người đàn bà vốn là cái lò sanh đẻ nên về tính dục người đàn bà là những vị thầy huấn luyện chỉ dạy cho đàn

ông như vai trò của những bà như Tố Nữ, Thải nữ, Động huyền nữ đã chỉ dậy cho Hoàng Đế. Theo dịch lý về vũ trụ quan làm nòng cốt cho Lão giáo, thì Âm bao giờ cũng thắng Dương, Tĩnh bao giờ cũng ưu thế hơn Động. Đàn bà là Mẹ của nhân loại ngoài nhiệm vụ thiên nhiên đã thai dựng và nuôi dưỡng bào thai trong tử cung nhưng qua hành động giao cấu, người đàn bà với tiềm lực sung mãn không hề cạn đã là nguồn tiếp liệu cho người đàn ông phối ngẫu. Do đó, theo danh từ của Lão giáo, cửa mình của phụ nữ được gọi bằng những danh từ huyền bí,cao quí như là "huyền môn", "thâm cốc", "tử môn", "tử hộ", "ngọc hộ", "huyền động", "đan huyệt"... Kẻ sĩ trong xã hội Trung hoa cũng như Việt Nam thường đã dung hòa giữa hai thái độ sống: thái độ Nho giáo trong cuộc sống xã hội là tuân giữ qui củ, lễ giáo, tam cương ngũ thường, nam trọng nữ khinh... và thái độ Lão giáo khi về hưu hay ở ẩn với lối sống tự tại, buông thả, không gò bó, an hưởng thiên nhiên... như Nguyễn Công Trứ, Cao bá Quát v.v... [For many Chinese the choice between Confucianism and Taoism has be delightfully convenient: one can be a Confucianist in success and a Taoist in failure; a Confucianist in public and a Taoist in private, a Confucianist by day and a Taoist by night – Valentin Chu trang 15 The Yin- Yang Butterfly]. Người phụ nữ do đó trong xã hội Á Đông cổ truyền đóng một vai trò nhị nguyên, lưỡng diện: vừa thứ yếu, phục tùng, vừa quyền uy cai quản trong khuôn khổ gia đình... và nhiều lúc *"Lệnh ông không bằng cồng bà"!*

Một Yên Đổ há chẳng nói rằng:
Té ra vợ cũng hơn trời nhỉ,
Vợ chỉ hơn trời... một cái trai !

Một bà Tú Xương giữ tay hòm chìa khóa, và *tần tảo nuôi đủ năm con với một chồng.*

- ***Nữ sắc và Nữ tướng qua tục ngữ và ca dao Việt Nam***

Trong văn hóa Á Đông, ngành tướng thuật về Nữ Nhân đã được người ta tin tưởng rất mãnh liệt trong sự lựa chọn hôn nhân cưới vợ gả chồng và trong sự ân ái ở chốn phòng the.

Trong kho tàng ca dao tục ngữ Việt Nam cũng trong rừng thư tịch Hán văn, đã có rất nhiều điều dậy về nữ tướng vì đây là một học thuật quan trọng của văn hóa Trung Quốc.

Đại khái để khảo sát ta có thể chia làm hai loại:

1) Loại coi *số tướng* hay *mệnh tướng* hay như coi về tướng của phụ nữ tiện cách hay quí cách, sang hay hèn, giàu hay nghèo;

2) Loại coi *hình tướng*: xét ngoại hình thân thể để đoán nội hình, tính nết hay hành xử.

a- Ví dụ về số tướng: ta thấy trong truyện Trinh Thử có câu về tướng người phụ nữ vượng phu ích tử, mắn đẻ và sinh quí tử:

To đầu vú, cả dái tai,
Dài nơi ngư vĩ, cao nơi ngọa tàm

(Ngư vĩ 魚尾 là đuôi mắt, Ngọa tàm 臥蠶 là phần bên dưới mí mắt như hình con tằm nằm).

To đầu vú thì đương nhiên về cơ thể học có nhiều tia sữa cho con bú nhưng ý niệm dái tai to, ngư vĩ dài và ngọa tàm cao rõ ràng là tướng số.

Hoặc trong kho tàng ca dao, tục ngữ có những câu:

- Đàn ông rộng miệng thì sang,
Đàn bà rộng miệng tan hoang cửa nhà

- Những người ti hí mắt lươn,
Trai thì trộm cướp, gái buôn chồng người…

- Trong truyện Chiêu Quân cống Hồ thì có nhắc đến chuyện bà bị tên Mao Diên Thọ vì không ăn tiền được nên vẽ chân dung của bà với một nốt ruồi Thương phu trích lệ 傷夫滴淚 (giọt lụy hại chồng).

Ngoài ra, gò má hay lưỡng quyền cao là tướng đàn bà cao số.

b- Ví dụ về ngoại hình tướng, tục ngữ ca dao Việt Nam có những câu sau:

- Đàn bà béo trục béo tròn,
Ăn vụng như chớp, đánh con cả ngày

- Dầy nây, xây con (vùng hông dày thì nhiều con)

Ngoài ra, theo sách tướng pháp thì phụ nữ dâm đãng có ánh mắt ướt rượt, dáng đi nhảy nhót như chim sẻ hay uốn éo như rắn (tước bộ xà hành 雀步蛇行).

Lại có những câu nói lên một quan niệm thẩm mỹ, hay một sự chê bai:

- Những người mắt liếc lá răm,
Miệng cười hớn hở đáng trăm quan tiền (?)

- Mặt má bầu nhìn lâu muốn chửi,
Mặt chữ điền, tiền rưỡi cũng mua

- Lưng chữ Cụ 具, vú chữ Tâm 心.

- Những người thắt đáy lưng ong,
Vừa khéo chiều chồng lại khéo nuôi con

[Trong câu hát: *Một ngày ba bận trèo đèo, Còn đâu vú xếch lưng eo hỡi chàng!* thì vú xếch là lại vú chữ Tâm, cò lưng eo là lưng ong. Phân loại về vú của Việt Nam thì có: vú đá, vú sừng, vú chiêng, vú dừa (VN Tự điển Khai trí Tiến đức). Trong VNTĐ Lê văn Đức & Lê ngọc Trụ còn thêm: vú cau, vú giảnh, vú mướp, vú núm, vú sừng, vú vin, vú vung, vú xệ. Qua những bức tranh Tố nữ hay tranh vẽ ái ân (Xuân Đồ) hay những mẫu minh tinh điện ảnh Trung Quốc hay của Hàn Quốc thì dung mạo tuy đẹp nhưng ngực hiếm khi lớn kiểu sex-appeal như Âu Mỹ hay kếch xù quái gở như Mỹ đen!]

A- Đâu là những tiêu chuẩn về dung mạo và tướng cách của người phụ nữ

Tôi tạm chia ra làm hai phương diện để tiện khảo sát là ngoại diện và nội hình.

Dung mạo ngoại diện là cái nét đẹp mà ai cũng thấy bên ngoài, còn cái ẩn tướng nội hình vì nó nằm ẩn nơi bộ phận kín trong người.

a) Dung mạo ngoại diện: Người phụ nữ theo con mắt Trung hoa phải gồm những điểm sau mới gọi là đẹp. Văn hóa Việt Nam đã chịu ảnh hưởng này rất sâu đậm và thường biểu lộ qua văn chương.

- Về vóc dáng chung phải *Mai cốt cách, tuyết tinh thần* (Mai cốt: xương mai nghĩa là tầm vóc phụ nữ phải dong dỏng, xương cốt phải thanh tú mảnh dẻ như cành mai; tuyết tinh thần là nét vẻ trong trắng như tuyết) hay còn nói *Dáng buồn như cúc, điệu gầy như mai* (Sấu cốt như mai 瘦骨如梅)

- Lưng chữ Ngũ 五 Vú chữ Tâm 心 (nhiều khi về lưng thì cũng nói Lưng chữ Cụ 具; lưng chữ Ngũ thì dáng hơi khom gù!)

- Về khuôn mặt thì *Hoa diện phấn bì* 花面粉皮 (Mặt hoa da phấn), *Mi thanh mục tú* (mày xanh mắt đẹp) hay Mặt ngọc da ngà. Khuôn mặt phụ nữ phải đầy đặn. *Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang* là khuôn mặt phúc hậu, vượng phu ích tử như Thúy Vân. Thường khi, *mặt trái xoan* là đẹp và thường tươi đỏ như hoa phù dung (phù dung như diện 芙容如面) hay như đóa hải đường.

Về mắt thì *Phượng nhãn tàm mi* (鳳眼蚕眉 mắt phượng, mày ngài); Ngọa tàm mi là nét lông mày cong, đậm mà thanh. Ca dao Việt lại có câu:

Những người con mắt lá răm,
Lông mày lá liễu đáng trăm quan tiền.

Về lông tóc thì *Tóc mây lông mịn, trơn lông đỏ da* là đẹp; còn *Tóc rễ tre chải lược bồ cào* là thô kệch. Đàn ông chủ về khí, đàn bà chủ về huyết nên khí huyết điều hòa thì da tươi nhuận như sáp nặn, tóc mướt như tơ. *Cái răng cái tóc là góc con người*; Người Việt có tục ăn trầu cho nên tục nhuộm răng: nên có câu: *Đen răng một góc, tóc tốt một phần ; Răng đen rưng rức như hạt na* (mãng cầu). Người Việt xưa hình như không mấy gì chuộng tóc quăn kíu: *Tóc quăn chải lược đồi mồi, Chải đứng chải ngồi quăn vẫn hoàn quăn.*

Những nét đẹp tiêu chuẩn của diện mạo thông thường như sau: mũi dọc dừa, môi đỏ như son, miệng nhỏ chúm chím cười tươi giống hoa hạnh (*Khi khóe hạnh, khi nét ngài, Khi ngâm ngợi nguyệt, khi cười cợt hoa*). *Cổ cao ba ngấn* nghĩa là không to bạnh nhưng vừa nhỏ và hơi dài với 3 nếp da đẹp. Quá ngắn thì gọi là cổ rùa, dài quá thì là cổ cò.

Về da thì *Da trắng như tuyết*, hay da trắng như trứng gà bóc hoặc như ngó cần.

Vai phụ nữ phải nhỏ nhưng tròn trịa thịt, trong khi vai đàn ông phải rộng. Eo lưng phải thắt lại gọi là *Thắt đáy lưng ong* (Phong yêu 蜂腰).

Giò cẳng thường là thon dài. Chân ngắn là chân vịt dáng đi lạch bạch, còn chân dài và ốm khẳng khiu là chân cò.

Theo sách "Tạp sự bí tân 雜事秘辛" mà nội dung ghi chép kỹ tỉ mỉ về tiêu chuẩn kích thước tuyển phi tần của vua Hằng đế 恆帝 đời Hậu Hán như sau (mà tôi xin ghi ra để quí bạn có ý niệm về phương diện tỉ lệ):

- Vai rộng một xích 6 thốn; mông đít so với vai hẹp hơn 3 thốn; từ vai đến ngón tay dài 2 xích 7 thốn, ngón tay dài khỏi bàn tay 4 thốn nhưng sự thuôn nhỏ hơn thì được ưa chuộng.
- Từ bắp đùi đến ngón chân dài 3 xích 2 thốn, bàn chân dài 8 thốn; bắp chân và ngón chân phải thon thả và hơi đầy; gan bàn chân bằng phẳng, ngón chân thật ngắn, không có nám đen và lấm tấm hột mè.

Dương quí phi của Vua Đường Minh Hoàng có lẽ là một trong những người mẫu *mặt đẹp như hoa* nhưng theo khiếu thẩm mỹ của đời Đường, thân thể *không mấy gì mảnh mai!*

Trong bài Thanh bình điệu, nhà thơ Lý Bạch đã ca tụng bà như sau:

Vân tưởng y thường, hoa tưởng dung
Xuân phong phất hạm lộ hoa nùng

雲想衣裳花想容
春風拂檻露華濃

(Mặt tưởng là hoa, áo ngỡ mây
Hiên sương phơ phất gió xuân bay)
(Trần trọng San dịch)

Nhưng chính Lý Bạch về sau vì bài thơ Thanh Bình Điệu lại bị Cao Lực Sĩ có tư thù bị Lý Bạch say khướt bắt cởi giày và mài mực nên dã dèm pha với Dương Quí Phi là Lý Bạch đã dám chê bà "mập" khi đem bà so với một cung phi đời Hán là Triệu Phi Yến, thân hình mảnh khảnh nhẹ như chim én, có thể khiêu vũ trên bàn tay:

Tá vấn Hán cung thùy đắc tự
Khả lân Phi yến ỷ tân trang
借問漢宮誰得似
可憐飛燕倚新妝

(Hỏi nơi cung Hán ai người giống
Phi yến còn nhờ mới điểm trang – TTSan dịch)

b) Ẩn tướng nội hình:

Thân thể của người phụ nữ chính là một điều vưu vật 尤物 - một sự lạ của muôn đời thế kỷ: *thù vưu tuyệt tích* 殊尤絕跡- một sự lạ lùng hết mực, hơn tất cả những tầm thường trong thế gian.

A- ***Ca dao tục ngữ là cái gương phản chiếu quan niệm thẩm mỹ và nhãn quan tính dục của giới đại chúng bình dân; Tuy nhiên, đôi khi chính nhiều "kẻ sĩ" tinh quái văn chương chữ nghĩa bề bề lại là những tác giả nặc danh trong sự sáng tác những câu ca dao hay bài hát nói***

"tục" để tạo thành những giai thoại tiếu lâm!

* Trước hết, xin nói về ***nhũ bộ***. Ca dao Việt có câu:

Đàn ông không râu bất nghì,
Đàn bà không vú lấy gì nuôi con.

Như vậy về vú, đương nhiên đàn bà phải có, nếu không lấy gì cho con bú. Tuy nhiên, theo quan niệm VN xưa, vú vung là đẹp còn vú lớn quá không phải là khiếu thẩm mỹ, mà một đề tài cho sự chọc ghẹo nên cái yếm là nhắm chủ đích ép nhũ hoa lại khỏi làm người khác động lòng chứ không phải như hiện nay dùng loại nịt ngực để nâng vú lên (soutien gorge) hay còn độn thêm. Những trường hợp sau là bị chế diễu:

- Cô gái Sơn Tây, yếm thủng tày giần
Răng đen hạt nhót, chân đi cù nèo.

- Con gái chơi với con trai,
Về sau cái vú bằng hai quả dừa.

Về kích thước của nhũ hoa, thì thường liên quan đến vấn đề nòi giống chủng tộc nhiều hơn. Phân loại về vú ở Việt Nam thì có: vú đá, vú sừng, vú chiêng, vú dừa (VN Tự điển Khai trí Tiến đức). Trong VNTĐ Lê văn Đức & Lê ngọc Trụ còn thêm: vú cau, vú giảnh, vú mướp, vú núm, vú sừng, vú vin, vú vung, vú xệ. Qua những bức tranh Tố nữ hay tranh vẽ ái ân (Xuân Đồ) hay nhìn những mẫu minh tinh điện ảnh Trung Quốc hay của Hàn Quốc thì dung mạo tuy đẹp nhưng ngực hiếm khi lớn kiểu sex-appeal như Âu Mỹ hay kếch xù quái gở như Mỹ đen. Trong câu hát:

Một ngày ba bận trèo đèo,
Còn đâu vú xếch lưng eo hỡi chàng!

thì vú xếch chính là vú hình chữ Tâm, còn lưng ong là hai nét đẹp lý tưởng nơi thân thể của nữ nhân. Trong thực tế, dù kích thước nào đi nữa, nhũ hoa của phụ nữ vẫn luôn là cái "điểm nóng" trong mắt háo sắc hay cái tay táy máy của đàn ông:

- Đôi gò Bồng đảo sương còn ngậm
Một lạch Đào nguyên suối chửa thông

- Sáng trăng vằng vặc, Vác C. đi chơi
Gặp đàn vịt trời, Giương cung anh bắn
Gặp cô yếm thắm, Đội gạo lên chùa
Thò tay bóp vú,
"Bóp nhè nhẹ chứ
Kẻo đổ gạo tôi"
Bụt thấy mỉm cười:
"Của Tam bảo làm gì chẳng bóp"

* ***Về vấn đề lông tóc***, hình ảnh cô gái sau thật là Chung Vô Diệm: *Tóc rễ tre chải lược bồ cào, Xù xì da cóc, hắc lào tứ tung.* Vùng mu hạ bộ đương nhiên thường có bao phủ âm mao trông mới đồng thanh đồng thủ, hữu tình như hang động có cỏ cây, trừ phi

là con gái mới sớm dậy thì chỉ lún phún. Dầu lún phún hay rậm rạp, thì vẻ nào cũng nên thơ cả trong thơ của Hồ Xuân Hương cả:

Cỏ gà lún phún leo quanh mép
Cá diếc le te lách giữa giòng
(Cái giếng)

Cửa son đỏ loét tùm hum nóc
Bậc đá xanh rì lún phún rêu
(Đèo Ba Dội)

Sườn đá cỏ leo sờ rậm rạp
Lách khe nước rỉ mó lam nham
(Hang Chùa Thày)

Việt Nam có câu *"trơn lu như mu bà bóng"*, dân gian thường bịa đặt để đàm tiếu là những người nữ dâm đãng cỡ như Võ Tắc Thiên thì âm mao xoắn lại nhưng kéo thẳng ra thì tới gối! Chuyện *"âm hộ vô mao bần chí tử"* hay *"bạch bản"* là một sự tin tưởng về tướng số, nào ai đã phối kiểm phải chăng là một biến thái hùng-tính hóa vì hùng kích tố (Testosterone). Âm mao quá dài rậm là đầu đề cho chuyện tiếu lâm:

Cô kia cắt cỏ bên sông,
Cái váy thì cộc, cái lông thì dài
Thuyền chài nó trả quan hai,
Rằng tôi không bán, để dài quét sân.

Sau đây là hình ảnh *"rõ ràng trong ngọc trắng ngà"* của Thúy Kiều trước đôi mắt ngưỡng mộ tình si của Thúc sinh, như ống kính xoáy vào hiểm địa diễn tả mờ ảo diễm tuyệt như sau:

Băng cơ thiềm phách tranh minh mị
Tuyết thái hoa âm bán hữu vô
冰肌蟾魄爭明媚
雪態花陰半右無

Nguyên văn diễn văn xuôi là: *Vóc mình như khối băng đua tranh với ánh trăng, Vẻ trắng như tuyết nằm núp dưới bóng hoa nửa như có nửa như không*. Rõ ràng tả thân thể Thúy Kiều như một bức tượng băng tuyết với con "sò tiên nằm lấp lô" dưới bóng của đám âm mao (hoa âm: bóng râm của hoa- 花陰) khá râm ri hữu tình trên nền da trắng ngần nên tôi thấy Cụ Tô Nam dịch rất tuyệt:

Mình băng phách quế hòa trong trẻo,
Bóng tuyết hồn hoa nửa lấp lô!

* ***Về hình dáng*** của vùng kín.

Cái "Sự đời" tùy theo khổ mặt mà có các hình sau:

- Sự đời như cái ***lá đa,***
Đen như mõm chó, chém cha sự đời!

- Rành rành ***múi mít*** *hai bên*
Lùm lùm ***trai*** *úp ở miền hạ thôn.*
Cỏ rêu mọc xanh um cửa tía
Suối nước reo đỏ khé song đào.
Môi dày, miệng rộng, trán cao
Đúng trong tướng pháp, anh hào nghi dâng
Ấy mới thực ***lá vông*** *dầy dặn*

Khiến lương dân trông thấy mà mê.
*Khá như **lá chóc, lá tre**,*
Mà sờ, mà ngắm, mà kề, mà hôn

Nhưng hình như, "lá vông" và "đa mao" mới là quí tướng, còn "lá tre" và bạch bản" là số làm táng gia bại sản:

Nghe lời thầy tướng tinh thông,
To: chồng hưởng phúc; lép: không ra gì!
*Anh nào vớ phải **"lá tre"**,*
Tiền không dính túi, danh gì cũng không.
*Anh nào vớ được **"lá vông"**,*
Bạch đinh rồi cũng nên ông nên thầy.
Sự đời ngẫm nghĩ mà hay,
Hèn sang cũng ở nơi này mà ra.

***"Vô mao"** thì lại oan gia,*
Anh nào vớ phải cửa nhà sạch trơn.
*Bà nào **dầy, rậm, mẫm tròn**,*
Thì chồng vinh hiển, cái con hiền tài.
Người năm đấng, của vạn loài,
Lá vông quí giá gấp mười lá tre!

Về nữ tướng hình lá vông hay lá vả, lá tre, ta có thể nghĩ đây là sáng tác của một "kẻ sĩ" nào đó. Nếu ai tìm được sách tướng thuật nào về hình các thứ lá thì tôi xin bái phục tôn sư.

B- Bây giờ, chúng thử khảo chứng qua cuốn ***Tố Nữ Kinh của Cổ Trung hoa trên phương diện tướng thuật đã nói gì về tướng của những người phụ nữ khiến người ta say đắm trong việc ái ân?***

Cuốn sách Tố Nữ mà tôi hiện có viết bằng Hoa ngữ có tên là **Trung Quốc Tố Nữ Kinh** 中國素女經 (**Trân tàng bản** 珍藏版) soạn do một ban biên tập, phát hành do Chu Phúc Căn, Giang Nam xuất bản xã, Đài Bắc. Tôi xin trích dịch đoạn sau:

*"**Hoàng Đế** hỏi: Những điều mà phụ nữ gọi là làm say đắm lòng người do những đâu, xin hãy nói cho ta nghe! **Tố nữ** bèn đáp: Đó là cái thiên tính ôn hòa, âm thanh tiếng nói không khô cộc, đầu tóc đen huyền mướt mịn như tơ, bắp thịt nhu nhuyễn, xương cốt tinh tế, thân vóc chẳng cao chẳng thấp, không mập không ốm; bắp chuối chân chắc nịch, cục bộ vùng kín bao phủ với âm mao không dài nhưng niêm dịch chan chứa như khác nào một cái lạch ngòi ẩm ướt; niên kỷ khoảng giữa 25 đến 30. Ngoài ra khi ân ái, nữ nhân nước tình linh láng, thân hình tự nhiên uyển chuyển; mồ hôi rướm ra khắp người để cho nam nhân biết ý tứ mà dìu dặt trong cuộc truy hoan cơ hồ không thấm mệt. Nếu đúng quả được một nữ nhân như vậy, dù rằng người nam nhân không rành qui tắc về giao cấu thì thân thể sẽ không bao giờ bị hư tổn".*

Trong cuốn Tố Nữ Kinh nêu trên, ở phần chú thích, nhóm soạn giả còn bàn thêm vài điểm sau:

1) "Theo sách Sỉ khâu* ân thật" 恥丘殷實 – Gò mu phong phú (sic), thì

cái tướng cách để trắc định là "âm hộ hướng tiền 陰戶向前" (cửa âm quay về trước) là một đặc trưng cấu tạo của xương chậu đàn bà rất lý tưởng cho hai tư thế giao hợp là thế thứ 3 là thế Vượn leo cây (Viên bác 猿搏) và thế thứ 5 là thế rùa bay (Qui đằng 龜騰). Hai thế này nằm trong Chín Phép (Cửu Pháp) giao hoan được vẽ rõ trên bức Xuân cung họa để huấn luyện người ta.

[Tôi xin chú thích thêm là: Gò mu - pubes hay pubis hay sỉ coát – xương thẹn Pubes do Ngữ nguyên *pudenda* do chữ *pudere* là to be ashamed. Khi con người mắc cỡ thì bụng nghĩ gì cả thẹn thì tai đỏ lên nên Sỉ trong chữ Nho viết với vành tai (Nhĩ) và chữ Tâm!]

2) Người ta thường nói: Gái dâm, âm mao không dài (*Hiếu dâm giả, tẫn thượng bất trường mao* 好淫者, 牝上不長毛) nên muốn biết âm mao rậm hay không thì người ta căn cứ vào lông mày, lông nách hay các nơi khác mà biết [Người Trung hoa đôi lúc gọi bộ phận kín của phụ nữ là chim muông giống cái tẫn 牝, nên tẫn mao tức là âm mao vậy! Họ cho âm mao mềm mịn và nằm rạp xuống là đồ "thượng phẩm", còn màu hung hung đỏ là thứ "kỵ úy". Sau đây là câu thiệu 5 chữ về các loại âm mao: *Bạch, Cổ, Nhuyễn, Hồng, Khẩn* 白鼓軟紅緊– trắng trơn, lún phún như da mặt trống, mềm, hung đỏ, xoắn tít lại].

3) Âm sắc của giọng nói lúc ái ân là một yếu tố tuyệt vời êm ái như du hồn trong mộng khiến đối phương giao hoan không biết mệt, không hao tổn tinh khí và giúp sống lâu.

4) Theo đạo tu tiên ngày xưa, nam nhân có một dương khí có mãnh lực biến một nữ nhân dung phàm thành một mỹ nhân nếu nữ nhân đó lọt vào sự ưa thích của nam nhân.

5) Theo cổ thư về phòng trung thuật, thì có bốn tiêu chuẩn để lựa chọn người nữ:

Mi thanh 眉清, *Mục tú* 目秀, Thần hồng 唇紅, *Xỉ bạch* 齒白[chân mày xanh,đôi mắt đẹp, cặp môi đỏ, hàm răng trắng]:

Về tướng chân mày, thì phụ nữ có chân mày chữ Nhất giao cấu dở ẹt, phụ nữ có chân mày hai đầu có nếp nhăn thì thể lực đang suy yếu. Còn loại chân mày xanh tự nhiên – mi thanh - vì các chân lông rậm khít thì rất thiện nghệ trong việc ái ân.

Về tướng mắt, thì cặp mắt đẹp hay mục tú- có đồng tử- con ngươi- hơi nhìn lên như mời mọc hay ướt linh lung nhiều nữ tính là cặp mắt đầy sóng tình làm chìm đắm anh hùng (*Sắc bất ba đào dị nịch nhân* 色不波濤易溺人 là thứ này đây).

Về môi miệng thì sắc đỏ tía thì làm người ta mê mệt, còn đỏ hồng thì là

sức khỏe của nữ nhân rất kiện khang: *Môi hồng không thuốc mà say, lời ăn tiếng nói rót ngay vào hồn!*

Còn hàm răng trắng là thận dương khí dồi dào vì cái răng cái tóc là gốc con người, chứng tỏ nữ nhân cường kiện.

Chuyện khoa tướng thuật của Trung hoa về phụ nữ chắc còn lắm điều mà khả năng tra cứu của hậu sinh chúng ta chưa khám phá thêm chăng trong rừng sách vở Hán văn. Nhưng một điều mà chúng ta có thể khẳng định là trải qua mấy ngàn năm lịch sử, người Trung Hoa đã có một tin tưởng về tướng thuật và số mệnh, khiến nó trở thành một yếu tố không những trong sự kết bạn, chọn vợ, giao kết đầu tư trong việc làm ăn mà lại còn đóng một vai trò quyết định về chính trị hay chiến tranh nữa. Nhiều khi, chuyện tướng thuật cũng dẫn đến những điều giai thoại kỳ thú ngoài trí tưởng tượng Ví dụ trường hợp nhà tướng sĩ trứ danh Liễu Tôn Nguyên tương truyền rất tài ba trong sự đoán một người đàn bà đã sanh những quí tử đạt đến đỉnh cao quyền quí vì nhờ núm vú hồng như son và lỗ rốn sâu nhìn lên. Một lỗ rốn có lông nơi người đàn bà là điềm đẻ ra một tài tử văn nhân. Mông đít lép kẹp thì tài sản nghèo túng. Ông còn nói hậu môn phải nằm ẩn náu giữa hai mông đít,và không lộ tướng, nếu có chòm lông thì tuyệt hảo! Khi phụ nhân tiểu tiện, tiếng khoan như gió thổi ngoài chứ nếu nghe tồ tồ dồn dập như trời đổ mưa là thiếu sức khỏe. Một luồng nước chảy khoan thai dài và nhẹ là quí tướng.

Về nữ tướng thì có thày lại nói: Khi đại tiện mà phẩn chui ra nằm vắt vẻo như một dải dây thừng xoắn (kiểu như chantilly nằm trên ly kem - sic!) là tướng phú quí cao sang. Lại có nhiều giai thoại về những ông thầy rất thính tai và vô cùng thiện nghệ, chỉ nghe phụ nữ ở cách vách tường tiểu tiện là biết tướng cách ra sao? (phỏng theo The Yin-Yang Butterfly – Ancient Chinese Sexual Secrets for Western Lovers của Valentin Chu).

Ta có thể kết luận rằng ***"người phụ nữ xứng đáng là một vưu vật của thế giới loài người, một sự lạ của muôn đời thế kỷ"! Một bà E-và muôn thuở (Éternelle Ève) như người Pháp thường tôn xưng!*** Sông kia có thể cạn, núi kia có thể mòn, nhưng đề tài về người phụ nữ không bao giờ hết chuyện nói! Càng nói lại càng hay!

Kỳ sau, tôi sẽ viết về khảo chứng Nữ sắc và Nữ tướng qua lối nhìn lịch sử văn hóa và nhân chủng học.

LÊ VĂN LÂN.

ĐỒNG KHÁNH ĐỊA DƯ CHÍ

Cuốn Địa Lý Cuối Cùng Của Quốc Sử Quán Triều Nguyễn

Nguyễn Phúc Bửu Diên
Phạm Thị Hoàng Oanh

Sách địa lý của Việt Nam khá nhiều, đáng chú ý là các sách dưới đây:

– Dư Địa Chí của Nguyễn Trãi.

– Hồng Đức Bản Đồ do Đổ Bá soạn năm 1490, thời nhà Lê, gồm có 1 bản đồ toàn quốc, 1 bản đồ Trung Đô, 13 bản đồ Thừa Tuyên (Tỉnh).

– Ô Châu Cận Lục, năm Ất Mão, niên hiệu Cảnh Lịch, đời Mạc Phúc Nguyên (1555) của Dương Văn An. Cuốn này cho ta những địa danh đến tận cấp thôn xã của tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam.

– Phủ Biên Tạp Lục của Lê Quý Đôn là một bộ địa phương chí của hai xứ Thuận Hóa, Quảng Nam có địa danh đến cấp xã thôn.

– Hoàng Việt Nhất Thống Địa Dư Chí do Thượng thư Lê Quang Định soạn theo chỉ thị của vua Gia Long, năm 1806.

Đây là bộ địa dư chí đầu tiên được biên soạn công phu, sau thời kỳ đất nước bị phân chia.

– Hoàng Việt Địa Dư Chí của Phan Huy Chú, đời vua Minh Mạng, là sách địa lý đầu tiên được khắc in.

– Đại Nam Nhất Thống Chí. Năm 1865, vua Tự Đức chỉ thị cho Quốc sử quán biên soạn bộ sách này.

– Đồng Khánh Địa Dư Chí.

▪ *ĐỒNG KHÁNH ĐỊA DƯ CHÍ.*

Bộ sách này hoàn thành dưới triều vua Đồng Khánh, gồm 25 Tỉnh từ Cao Bằng đến Bình Thuận.

Đồng Khánh Địa Dư Chí là bộ sách Hán Nôm đồ sộ: Tất cả là 25 tập (mỗi tập riêng một tỉnh), gồm 1.416 tờ, mỗi tờ 2 trang, tổng cộng là 2.832 trang, kèm theo 314 bản đồ. Đây là các tập tâu của các quan đầu tỉnh.

Sách có các mục như:

– Tỉnh thành (hoặc Phủ Huyện thành): Giới thiệu vị trí của Tỉnh (hoặc phủ, huyện), giáp giới những tỉnh, huyện nào, khoảng cách Đông, Tây, Nam, Bắc, cách nhau bao nhiêu dặm v.v...

– Danh sách các cấp hành chánh.

Tỉnh: kê đến phủ, huyện.

Phủ: kê đến huyện, tổng.

Huyện: kê đến tổng, xã, thôn, phường, giáp, trại, ấp, lý...

– Thành trì: Địa điểm, cách xây dựng thành, cổng thành, tường thành, đài quan sát...

– Binh: Số lính tuyển.

– Dân: Số dân đinh.

– Điền: Số ruộng đất.

– Thuế: Thuế nộp bằng tiền, thuế nộp bằng thóc, thuế nộp bằng sản phẩm.

– Đền miếu, Phong tục, Sản vật, Khí hậu, Sông núi, Danh thắng, Đường đi, v.v...

Trước đây Trường Viễn Đông Bác Cổ tại Hà Nội đã đưa Đồng Khánh Địa Dư Chí vào sưu tập thư tịch Hán Nôm của Trường. Năm 1933, ông Matsumoto, người Nhật cũng có giới thiệu Đồng Khánh Địa Dư Chí trong Thư mục sách An Nam ở Viễn Đông Bác Cổ.

So với Đại Nam Nhất Thống Chí thì Đồng Khánh Địa Dư Chí có những điểm đáng chú ý:

– Đại Nam Nhất Thống Chí giới thiệu 31 tỉnh từ Cao Bằng đến Hà Tiên, trong khi đó Đồng Khánh Địa Dư Chí chỉ giới thiệu có 25 tỉnh từ Cao Bằng đến Bình Thuận mà thôi. Đồng Khánh Địa Dư Chí, nội dung rất phong phú, được biên soạn từ cuối đời vua Tự Đức, đến đời vua Đồng Khánh mới hoàn tất.

– Đại Nam Nhất Thống Chí là một bộ Địa dư chí lấy cấp tỉnh làm cơ sở biên soạn. Các mục: địa giới, hình thể, khí hậu, thành trì, trường học, số hộ khẩu, thuế ruộng đất v.v... đều viết cho một tỉnh. Còn Đồng Khánh Địa Dư Chí là một bộ địa dư chí lấy cấp phủ và huyện làm cơ sở biên soạn. Đồng Khánh Địa Dư chí trình bày tỉ mỉ các phủ huyện: địa giới, hình thế, thành trì, dân, binh, phong tục, sản vật, khí hậu v.v..

– Đồng Khánh Địa Dư Chí cung cấp cho chúng ta rất nhiều địa danh xã, thôn, phường...của 25 tỉnh nước ta. Đại Nam Nhất Thống Chí không có.

Điều đáng chú ý là Đồng Khánh Địa Dư Chí đã được Đông Dương Văn khố (Toyo Bunko) của Nhật Bản xuất bản * Tokyo, cách đây 59 năm, vào tháng 7 năm 1945 với nhan đề Đồng Khánh Ngự Lãm Địa Dư Chí Đồ.

Mãi đến năm 2003, Bộ Đồng Khánh Địa Dư Chí mới được xuất bản tại Việt Nam với sự hợp tác của Trường Cao Học Thực Hành, Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp, Viện Nghiên Cứu Hán Nôm Việt Nam...

Bộ sách này chỉ mới giới thiệu 19 tỉnh từ Hà Nội đến Thừa Thiên mà thôi (chưa có 6 tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận), gồm có 3 tập.

. Tập I: Giới thiệu các tỉnh: Hà Nội, Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định, Quảng Yên, Bắc Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hưng Hóa, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Sơn Tây, Ninh Bình.

. Tập II: Giới thiệu các tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, đạo Hà Tĩnh, tỉnh Quảng Bình, đạo Quảng Trị, phủ Thừa Thiên.

. Tập III (Bản đồ): Giới thiệu những bản đồ tỉnh, phủ, huyện thuộc 19 tỉnh từ Hà Nội đến Thừa Thiên.

Mỗi tập (Tập I, Tập II) chia làm 3 phần:

– Phần thứ nhất là bản dịch chữ quốc ngữ cùng với nguyên văn bằng chữ Hán-Nôm.

– Phần thứ hai là bản dịch tiếng Pháp và tiếng Anh.

– Phần thứ ba là bản tra cứu.

Tập I gồm 1.070 trang, tập II, 960 trang, tập III, 300 trang. Tổng cộng là 2.330 trang, nặng 13 kilô (28 pound 6). Vì quá nặng nên gây khó khăn cho những người lớn tuổi muốn nghiên cứu.

Các dịch giả của Đồng Khánh Địa Dư chí đã chú giải về địa lý lịch sử, về các từ ngữ Hán Nôm, về tên thực vật, động vật... và cung cấp những đơn vị về cân, đo, đong đếm v.v...

Quốc Sử Quán do vua Minh Mạng sáng lập, Cơ quan này đã soạn thảo những tác phẩm có giá trị như:

– Đại Nam Thực Lục,

– Đại Nam Liệt Truyện,

– Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục,

– Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sự Lệ,

– Đại Nam Nhất Thống Chí,

– Minh Mạng Chính Yếu,

– Đồng Khánh Địa Dư Chí.

So với các công trình sử địa các triều vua trước, Quốc Sử Quán đã đóng góp những tài liệu rất quan trọng.

Nhờ những công trình to lớn của Quốc Sử Quán mà chúng ta hiểu rõ địa lý, lịch sử, kinh tế, xã hội nước ta dưới triều nhà Nguyễn.

▪ ***Nguyễn Phúc Bửu Diên***
Phạm Thị Hoàng Oanh

THƠ VÕ NGỌC LAN

Vào Xuân

Em trong em trắng tựa mây
Mùa Xuân biêng biếc ô hay đến rồi
Suối tóc em xõa bên trời
Hàng thông gọi gió hát lời thanh tao
Cuộc tình một thoáng chiêm bao
Con sông bến nước - bờ ao nhắc thầm
Mái chèo khua sóng từ tâm
Hương tóc em thoảng hỏi làm ai say
Cõi trần phải mộng sơ khai
Đẹp nhất là thuở thơ ngây thẹn thùng.

Võ Ngọc Lan

THƠ VÕ NGỌC LAN

Tình Khúc

Huế còn nhận tôi không!
Bao ngày tháng ra đi nay về lại
Dòng Hương Giang
Nắng mưa dầu dãi
Mà tình người trong suốt đến trăm năm

Bước vào nhau dưới ánh trăng rằm
Không thành tiếng,
Sao hồn rung động!
Thèm nụ hôn của anh dẫu là mộng
Nhẹ lên môi quyện mái tóc hương trầm

Bao lần về- mang hành lý sang sông
Làn gió mát
Khúc Nam Bình xao xuyến
Một chấm mờ trên thành cổ rêu phong

Phấn son ơi! Tô lại chút phiêu bồng
Hương con gái bỗng chiều nay thoảng lại
Lên Thiên Mụ theo từng bậc cấp
Thương con đò trôi dạt cuối trời xa...

Hội Làng

Tôi về thăm Cầu Ngói
Thả hồn trên mái cong
Lãng du hòa sắc thắm
Trưa đứng bóng bạc lòng

Lời hô bài trong gió
Nhớ thuở nào Tết về
Em ngồi trên chòi lá
Xòe những cánh bài quê

Bao trò chơi dân dã
Em bịt mắt bắt dê
Anh cười vui hể hả
Rộn ràng giữa chợ quê

Gió chiều về mát lạnh
Đưa từng sợi tóc em
Chợt cơn mưa nhẹ hạt
Thống một chút êm đềm

Chừ về thăm Cầu Ngói
Cảnh cũ đâu người xưa
Thôi thì vui - như đã...
Một thuở nào đón đưa

VÕ NGỌC LAN

Bài Ca Vọng Cổ

Tôi vượt biên một mình rồi định cư ở Pháp. Năm đó tôi mới 49 tuổi, vậy mà đi tìm việc ở đâu người ta cũng chê là tôi già! Một hôm, khi chải tóc, nhìn kỹ tôi trong gương. tôi bỗng thấy ở đó có một người có vẻ như quen nhưng thật ra thì rất lạ: mắt sâu, má hóp, mặt đầy nếp nhăn trên trán, ở đuôi mắt, ở khoé môi, mái tóc đã ngả bạc. Từ bao lâu nay tôi không để ý, bây giờ vì bị chê già, soi gương tôi mới thấy rằng tôi của hồi trước ''Cách mạng thành công'' và tôi của bây giờ – nghĩa là chỉ sau có mấy năm sống dưới chế độ gọi là ưu việt – thật không giống nhau chút nào hết. Tôi già thiệt, già trước tuổi. Cho nên, tôi nhìn tôi không ra. Từ đó, mỗi ngày tôi... tập nhìn tôi một lần, nhìn kỹ, cho quen mắt!

Một người bạn làm việc lâu năm ở Côte d'ivoire (Phi Châu) hay tin tôi đã qua Pháp và vẫn còn thất nghiệp, bèn giới thiệu cho tôi Công ty Đường mía của Nhà nước. Không biết anh ta nói thế nào mà họ nhận tôi ngay, còn gửi cho tôi vé máy bay nữa!

Xưa nay, tôi chưa từng quen một người da đen gốc Phi Châu nào hết. Và chỉ có vài khái niệm thô sơ về vùng Phi Châu da đen như là: Ở đó nóng lắm, đất đai còn nhiều nơi hoang vu, dân chúng thì da đen thùi lùi, tối ngày chỉ thích vỗ trống, thích nhảy tưng tưng v.v..

Vì vậy, tôi hơi... ngán. Nhưng cuối cùng rồi tôi quyết định qua xứ da đen để làm việc, danh dự hơn là ở lại Pháp để tháng tháng vác mặt Việt Nam đi xin trợ cấp đầu nọ, đầu kia...

Nơi tôi làm việc tên là Borotou, một cái làng nằm cách thủ đô Abidjan gần 800km! Vùng này toàn rừng là rừng. Không phải là rừng rậm cây cao như ở Việt Nam. Rừng ở đây cây thấp lưa thưa, thấp thấp cỡ mươi, mười lăm thước... coi khô hóc. Không có núi non, chỉ có một vài đồi trũng.

Nhà nước phá rừng trồng mía. Ruộng mía ngút ngàn! Nằm ở trung tâm là khu nhà máy, khu cơ giới, khu hành chánh, khu cư xá v.v.. cách nhau cỡ vài cây số. Muốn về thủ đô Abidjan, phải lái xe hơi chạy theo đường mòn xuyên rừng gần ba

chục cây số mới ra tới đường cái tráng nhựa. Từ đó chạy đi Touba, một quận nhỏ với đông đảo dân cư. Từ đây, lấy máy bay Air Afriqua về Abidjan, mỗi ngày chỉ có một chuyến.

Phi trường Touba nhỏ xíu, chỉ có một nhà ga xây cất sơ sài và một phi đạo làm bằng đá đỏ, mỗi lần máy bay đáp lên đáp xuống là bụi bay... đỏ trời!

Tôi hơi dài dòng ở đây để thấy tôi đi "làm lại cuộc đời" ở một nơi hoang vu hẻo lánh mà cảnh trí thì chẳng có gì hấp dẫn hết! Thêm vào đó, tôi là người Á Đông duy nhứt làm việc chung với Tây trắng (chỉ có năm người) và Tây đen (đông vô số kể). Ở đây, thiên hạ gọi tôi là "le chinois" – thằng Tàu – Suốt ngày, suốt tháng tôi chỉ nói có tiếng Pháp. Cho nên, lâu lâu thèm quá, tôi soi gương rồi... nói chuyện với tôi bằng tiếng Việt, trông giống như thằng khùng! Chưa bao giờ tôi thấy tôi cô đơn bằng những lúc tôi đối diện tôi trong gương như vậy.... Một hôm, sau hơn tám tháng "ở rừng", tôi được gọi về Abidjan để họp (Đây là lần đầu tiên được về thủ đô!). Anh tài xế đen đưa tôi ra Touba. Chúng tôi đến phi trường lối một giờ trưa.

Sau khi phụ tôi gởi hành lý, anh tài xế nói:

– Tôi ra ngủ trưa ở trong xe. Chừng Patron (ông chủ) đi được rồi tôi mới về. Ở xứ đen, họ dùng từ "Patron" để gọi ông chủ, ông xếp, người có địa vị, có tiền, người mà họ nể nang v.v... Nghe quen rồi, chẳng có gì chói lỗ tai hết!

Tôi nói:

– Về đi! Đâu cần phải đợi!

Hắn nhăn răng cười, đưa hàm răng trắng toát:

– Tại Patron không biết chớ ở đây lâu lâu họ lại hủy chuyến bay vào giờ chót, nói tại máy bay ăn-banh ở đâu đó. Máy bay cũng như xe hơi vậy, ai biết lúc nào nó nằm đường.

Rồi hắn đi ra xe. Tôi ngồi xuống một phô-tơi, nhìn quanh, hành khách khá đông. Nhiều người ngồi với một số hành lý như thùng cạc-tông, bao bị, va-ly v.v... Không phải họ không biết gởi hành lý, nhưng vì những gì họ đã gửi đã đủ số ký-lô giành cho mỗi hành khách, nên số còn lại họ... xách tay, cho dầu là vừa nhiều món vừa nặng vừa cồng kềnh!

Không khí nóng bức. Mấy cái quạt trần quay vù vù, cộng thêm mấy cây quạt đứng xoay qua xoay lại, vậy mà cũng không đủ mát.

Thiên hạ ngủ gà ngủ gật, tôi cũng ngã người trên lưng ghế, lim dim... Trong lúc tôi thiu thiu ngủ thì loáng thoáng nghe có ai ca vọng cổ. Tôi mở mắt nhìn quanh rồi thở dài, nghĩ: "Tại mình nhớ quê hương xứ sở quá nên trong đầu nghe ca như vậy". Rồi tôi nhắm mắt lim dim... Lại nghe vọng cổ nữa. Mà lần này nghe rõ câu ngân nga trước khi "xuống hò":

"Mấy nếp nhà tranh ẩn mình sau hàng tre rũ bóng... đang vươn lên ngọn khói... á... lam... à... chiều..." Đúng rồi! Không phải ở trong đầu tôi, mà rõ ràng có ai ca vọng cổ ngoài kia. Tôi nhìn ra hướng đó, thấy xa xa dưới lùm cây dại có một người đen nằm võng. Và chỉ có người đó thôi. Lạ quá! Người đen đâu có nằm võng. Tập quán của họ là nằm một loại ghế dài bằng gỗ cong cong. Ngay như loại ghế bố

thường thấy nằm dưới mấy cây dù to ở bãi biển... họ cũng ít dùng nữa.

Tò mò, tôi bước ra đi về hướng đó để xem là ai vừa ca vọng cổ lại vừa nằm võng đong đưa. Thì ra là một anh đen còn trẻ, còn cái võng là cái võng nhà binh của quân đội Việt Nam Cộng Hòa hồi xưa.

Tôi nói bằng tiếng Pháp:

– Bonjour!

Anh ngừng ca, ngồi dậy nhìn tôi mỉm cười, rồi cũng nói "Bonjour".

Tôi hỏi, vẫn bằng tiếng Pháp:

– Anh hát cái gì vậy?

Hắn đứng lên, vừa bước về phía tôi vừa trả lời bằng tiếng Pháp:

– Một bài ca của Việt Nam. Còn ông? Có phải ông là le chinois làm việc cho hãng đường ở Borotou không?

Tôi trả lời, vẫn bang tiếng Pháp:

– Đúng và sai! Đúng là tôi làm việc ở Borotou. Còn sai là vì tôi không phải là người Tàu. Tôi là người Việt Nam.

Bỗng hắn trợn mắt có vẻ vừa ngạc nhiên, vừa mừng rỡ, rồi bật ra bằng tiếng Việt, giọng đặc sệt miền Nam, chẳng có một chút lơ lớ:

– Trời ơi!... Bác là người Việt Nam hả?

Rồi hắn vỗ lên ngực:

– Con cũng là người Việt Nam nè!

Thiếu chút nữa là tôi bật cười. Nhưng tôi kềm lại kịp, khi tôi nhìn gương mặt rạng rỡ vì sung sướng của hắn. Rồi tôi bỗng nghe một xúc động dâng tràn lên cổ. Thân đã lưu vong, lại "trôi sông lạc chợ" đến cái xứ "khỉ ho cò gáy" này mà gặp được một người biết nói tiếng Việt Nam và biết nhận mình là người Việt Nam, dù là một người đen, sao thấy quý vô cùng. Hình ảnh của quê hương như đang ngời lên trước mặt...

Tôi bước tới bắt tay hắn. Hắn bắt tay tôi bằng cả hai bàn tay, vừa lắc vừa nói huyên thuyên:

– Trời ơi!... Con mừng quá! Mừng quá! Trời ơi!... Bác biết không? Bao nhiêu năm nay con thèm gặp người Việt để nói chuyện cho đã. Bây giờ gặp bác, thiệt... con mừng "hết lớn" bác à! Rồi hắn kéo tôi lại võng:

– Bác nằm đi! Nằm đi!

Hắn lại đống gạch "bờ-lóc" gần đấy lấy hai ba viên kê bên cạnh võng rồi ngồi lên đó, miệng vẫn không ngừng nói:

– Con nghe thiên hạ nói ở Borotou có một người Tàu. Con đâu dè là bác. Nếu biết vậy con đã phóng Honđa vô trỏng kiếm bác rồi! Đâu được tới bây giờ...

Hắn móc gói thuốc, rồi mời tôi:

– Mời bác hút với con một điếu.

Hắn đưa gói thuốc về phía tôi, mời bằng hai tay. Một cử chỉ mà từ lâu tôi không còn nhìn thấy. Một cử chỉ nói lên sự kính trọng người trưởng thượng. Tôi thấy ở đó một "cái gì" rất Việt Nam.

Tôi rút điếu thuốc để lên môi. Hắn chẹt quẹt máy, đưa ngọn lửa lên đầu điếu thuốc, một tay che che như trời đang có gió. Tôi bập thuốc rồi ngạc nhiên nhìn xuống cái quẹt máy. Hắn nhăn răng cười:

– Bộ bác nhìn ra nó rồi hả?

Tôi vừa nhả khói thuốc vừa gật đầu. Đó là loại quẹt máy Việt Nam, nho nhỏ, dẹp lép, đầu đít có nét cong cong. Muốn quẹt phải lấy hắn cái nắp ra chớ nó không

dính vào thân ống quẹt, bằng một bản lề nhỏ như những quẹt máy ngoại quốc. Hắn cầm ống quẹt, vừa lật qua lật lại vừa nhìn một cách trìu mến:

– Của ông ngoại con cho đó! Ông cho hồi ổng còn sống lận.

Rồi hắn bật cười:

– Hồi đó ông gọi con bằng "thằng Lọ Nồi".

Ngừng một chút rồi tiếp:

– Vậy mà ổng thương con lắm à bác!

Hắn đốt điếu thuốc, hít một hơi dài rồi nhả khói ra từ từ. Nhìn cách nhả khói của hắn tôi biết hắn đang sống lại bằng nhiều kỷ niệm... Tôi nói:

– Vậy là cháu lai Việt Nam à?

– Dạ. Má con quê ở Nha Trang. Vì nước da con đen nên thấy con ai cũng sợ muốn xa lánh chứ thật ra tâm hồn con cũng như Bác, có khác gì đâu. Con chưa bao giờ hành hung hay đánh đập ai. Bản tính con là Việt Nam mà Bác.

– Rồi má cháu bây giờ ở đâu?

Giọng của hắn như nghẹn lại:

– Má con chết rồi.

– Còn ba của cháu?

– Ổng hiện ở Paris, nghèo lắm, thất nghiệp hoài. Gia đình con nhờ có dân Tây nên sau 1975 được hồi hương. Con đi quân dịch cho Pháp xong rồi, về đây ở với bà nội. Con sanh ra và lớn lên ở Sài Gòn, về đây, buồn thúi ruột thúi gan luôn!

Tôi nhìn hắn một lúc, cố tìm ra một nét Việt Nam trên con người hắn.

Thật tình, hắn không có nét gì lai hết. Hắn lớn con, nước da không đến nỗi đen thùi lùi như phần đông dân chúng ở xứ này, nhưng vẫn không có được cái màu cà phê lợt lợt để thấy có chút gì khác khác. Tóc xoắn sát da đầu, mắt lồi môi dầy... Tôi chợt nói, nói một cách máy móc:

– Thấy cháu chẳng có lai chút nào hết!

Hắn nhìn thẳng vào mắt tôi, giọng nghiêm trang:

– Có chớ bác. Con có lai chớ bác.

Hắn xòe hai tay đưa ra phía trước, lật qua lật lại:

– Bên nội của con là nằm ở bên ngoài này đây nè.

Rồi hắn để một tay lên ngực, vỗ nhè nhẹ về phía trái tim:

– Còn bên ngoại nó nằm ở bên trong. Ở đây, ở đây nè bác.

Bỗng giọng hắn nghẹn lại:

– Con lai Việt Nam chớ bác!

Trong khoảnh khắc, tôi xúc động đến quên mất màu da đen của hắn, mà chỉ thấy trước mặt một thanh niên Việt Nam, Việt Nam từ cử chỉ tới lời lẽ nói năng. Tôi nói vỗ nhẹ lên vai hắn mấy cái, gật đầu nói:

– Ờ... Bác thấy. Bây giờ thì bác thấy...

Hắn mỉm cười:

– Ở đây người ta nói con không giống ai hết, bởi vì con hành động cư xử, nói năng không giống họ. Bà nội con cũng nói như vậy nữa! Còn con thì mỗi lần con nhìn trong kiếng, con vẫn nhận ra con là người Việt Nam. Bác coi có khổ không?

Rồi nó nhìn tôi, một chút trìu mến dâng lên trong ánh mắt:

– Bây giờ con gặp bác rồi, con thấy không còn cô đơn nữa. Gặp một người giống mình, ở cái xó xa xôi hẻo lánh này, thiệt là trời còn thương con quá!

Tôi im lặng nghe hắn nói, nhìn hắn nói mà có cảm tưởng như hắn đang nói cho cả hai: cho hắn và cho tôi. Bởi vì cả hai cùng một tâm trạng...

Hắn vẫn nói, như hắn thèm nói từ lâu:

– Nhớ Sài Gòn quá nên con hay ca vọng cổ cho đỡ buồn.

Hồi nãy bác lại đây là lúc con đang ca bài *"Đường về quê ngoại"* đó bác.

– Bác không biết ca, nhưng bác rất thích nghe vọng cổ.

Giọng nói hắn bỗng như hăng lên:

– Vọng cổ là cái chất của miền Nam mà bác. Nó không có lai Âu lai Á gì hết. Nó có cái hồn Việt Nam cũng như cá kho tộ, tô canh chua. Bác thấy không? Bởi vậy, không có gì nhắc cho con nhớ Việt Nam bằng bài ca vọng cổ hết.

– Bác cũng vậy.

Tôi nói mà thầm phục sự hiểu biết của hắn. Và tôi thấy rất vui mừng có một người như vậy để chuyện trò từ đây về sau...

Có tiếng máy bay đang đánh một vòng trên trời. Chúng tôi cùng đứng lên, hắn nói:

– Nó tới rồi đó. Con phải sửa soạn xe trắc-tơ và rờ-mọt để lấy hành lý. Con làm việc cho hãng Air Afriqua, bác à.

Rồi hắn nắm tay tôi lắc mạnh:

– Thôi, Bác đi mạnh giỏi. Con tên là Jean. Ở đây ai cũng biết "Jean le Vietnamien" hết. Chừng về bác ghé con chơi, nghen.

Bỗng, hắn ôm chầm lấy tôi siết nhẹ rồi giữ như vậy không biết bao nhiêu lâu. Tôi nghe giọng hắn lạc đi:

– Ghé con nghe bác... Ghé con...

Tôi không còn nói được gì hết. Chỉ vừa gật đầu vừa vỗ vỗ vào lưng hắn như vỗ lưng một người con... Khi hắn buông tôi ra, tôi thấy hai má của hắn ướt nước mắt. Tôi vội quay đi, lầm lũi bước nhanh nhanh về nhà ga mà nghĩ thương cho "thằng Jean le vietnamien". Hồi nãy nó ôm tôi, có lẽ nó đã tưởng tượng như là nó đang ôm lại được một góc trời quê mẹ...

...Trên máy bay, tôi miên man nghĩ đến "thằng Jean" rồi tôi hứa sẽ gặp lại nó thường. Để cho nó bớt cô đơn. Và cũng để cho tôi bớt cô đơn nữa!

(Bài đọc trên Internet không thấy tên tác giả, xin được trích đăng)

Trăng Lặn Cổ Thành Khóc Cố Nhân

TÔN THẤT XỨNG

Một mình ngồi, mặc lá phong rơi ngoài cửa, tôi đọc lại bài Đường thi "Phong Kiều Dạ Bạc" của Trương Kế. Bối cảnh thật đẹp, lời thơ thật buồn và khá hay khiến tôi cũng buồn lây và nhớ đến phong cảnh sông Hương núi Ngự mà thợ Tao đã dành riêng cho đất Thuận Hóa của nước Việt Nam ta. Theo như lời M.K.N trong chuyến viễn du Giang Nam năm 2004 thuật lại thì chùa Hàn San thuộc rặng núi Thái Sơn của Trung hoa và không đẹp bằng chùa Thiên Mụ về mặt kiến trúc. Con kênh trước chùa Hàn San nơi Trương Kế ghé thuyền cũng chẳng bì được với bến Văn Lâu, bến Kim Long của đất Thừa Thiên, nơi các vị vua chúa nhà Nguyễn xây dựng Kinh đô. Con kênh trước chùa Hàn San chỉ là một chi nhánh tầm thường của mạng thủy lợi chằng chịt của Giang Nam không đủ rộng như sông Hương phát nguồn từ rừng núi thâm cao của dải Trường sơn ngạo nghễ xuôi dòng về biển cả mênh mông.

Với Trương Kế thì quanh cảnh buồn mênh mang của đêm thâu khi trăng vừa lặn trong sương, xa xa lửa chài le lói dưới hàng phong, tiếng quạ kêu, tiếng chuông chùa Hàn San vẳng đến thuyền đã đánh thức ông ta ra khỏi cơn mê lợi danh phù phiếm.

Đậu tiến sĩ vào năm 753 đời Đường Huyền tông, vào triều làm quan chưa được bao lâu thì An Lộc Sơn nổi loạn, vua và triều đình chạy về Tứ Xuyên, bản thân Trương Kế phiêu dạt về Giang Nam, để rồi một đêm định mệnh đưa đẩy ông ta ghé thuyền lại bến Phong Kiều, rồi đem tâm sự qua những chuỗi ngày sống bất an, loạn ly, vất vả, nếm đủ mùi vị đắng cay, bạc bẽo của nhân tình thế thái gởi vào những vần thơ bất hủ "Phong Kiều Dạ Bạc".

Bỏ qua những huyền thoại về sơn, thủy, địa danh v.v.. của bến Phong Kiều, lời thơ buồn mênh mang "Đêm Trăng Đậu Bến Phong Kiều" cũng đủ gây cho tôi niềm xúc động để viết thành bài thơ tứ tuyệt "Trăng Lặn Cổ Thành Khóc Cố Nhân", bởi cách đây trên một nửa thế kỷ, tôi đã có lần với một con đò ngược dòng sông Hương, và, khi đò vừa qua khỏi cầu Bạch Hổ gần đến chợ Kim Long thì trăng Thuận Hóa cũng bắt đầu lặn, nhường lại khung trời Cố đô cho mây trắng ngàn năm bay, cho sương mù lành lạnh rơi, xa xa dưới hàng tre xanh dọc theo bờ sông đối diện với xã Nguyệt Biều, Long Thọ, le lói năm ba ngọn đèn chài, tiếng chuông chùa Thiên Mụ vọng về tận cầu Trường Tiền, Đập Đá, và khi trời rờn rợn sáng thì tiếng

gà Thọ Xương cũng bắt đầu gáy. Nghĩ cho cùng thì Trương Kế quả cũng có nhiều tâm sự đáng buồn, kể từ khi triều đình Đại Đường-tông bị loạn An Lộc Sơn nên vua tôi mỗi người mỗi ngả, công danh phú quý bỗng chốc tiêu tan, đem thân phiêu dạt về Giang Nam, nhưng riêng về phần tôi thì ba chìm bảy nổi, cay đắng bội phần bởi cảnh nước mất nhà tan, chí nguyện không thành, đem thân sống nhờ đất khách, chẳng chút hy vọng về lại Huế thần kinh, nơi chôn nhau cắt rốn, để được thêm một lần cuối ngược dòng sông Hương nghe tiếng chuông Thiên Mụ vang vọng trong sương khi trăng vừa lặn, tôi đành mượn mấy vần thơ gởi vô cổ thành Thuận Hóa với muôn ngàn nhung nhớ, như một kỷ niệm của kẻ tha hương, trước khi thật sự xóa sổ nợ đời, trả lại cho thế gian những gì đã vay mượn.

TRĂNG LẶN CỔ THÀNH KHÓC CỐ NHÂN

Trăng lặn cổ thành hóa bạch vân
Hương giang ngư hỏa, trúc đàn ngân
Canh thâu Thiên Mụ chuông chùa vọng
Thiên hạ ai người khóc cố nhân (1)

■ ***Tôn Thất Xứng***
Mộng Lệ An mùa Thu năm 2004.

(1) Thiên hạ hà nhân khấp cố nhân
(2) Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như (Nguyễn Du)
(3) Thiên hạ hà nhân bất thức quân (Cao Thích 768 Đường Thi).

PHONG KIỀU DẠ BẠC

Nguyệt lạt ô đề sương mãn thiên
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên
Cô tô thành ngoại Hàn San tự
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền.

Trương Kế

HUẾ HẠ-HUYỀN (I)

Mấy thập niên rồi anh ở mô ?
Tây Âu, Bắc Mỹ hay Trung, Sô
Từ khi nước mất anh phiêu bạt
Chưa một lần về thăm Cố đô.

Nhớ Huế không anh mỗi độ hè
Ve sầu điệp khúc giọng buồn thê
Khói sương Vĩ Dạ mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có trọn thề

Và những ngày thu đẹp tuyệt vời
Sông Hương nước biếc lững lờ trôi
Thuyền trăng em gái buôn trăng hát:
Trăng bán, ai mua – hỏi chợ trời.

Chẳng hẹn hò mà ta gặp nhau
Tưởng như gió thoảng nước qua cầu
Ngờ đâu cái phút ban đầu ấy
Là cả trăm thương vạn cổ sầu

Là để suốt đời sống mộng mơ
Tóc huyền trinh nữ dệt thành thơ
Nắng chiều âu yếm hôn đôi má
Chinh chiến người đi kẻ đợi chờ.

Bỏ lại hoa tàn cánh bướm nghiêng
Hoàng thành lạnh lẽo bước chân tiên
Giang đầu ngư phủ buông câu đợi
Còn nhớ không anh Huế Hạ-Huyền.

■ ***T.T.X.***
Montréal, 06–11–2001

Huế Hạ–Huyền: Huế ngày 22 với vầng trăng khuyết, ngày kỷ niệm của chinh nhân gặp cô gái buôn trăng trên sông Hương.

Hạ–Huyền: ngày 22 mỗi tháng âm lịch, mặt trăng khuyết nửa dưới như hình vòng cung (trăng lưỡi liềm).

HUẾ HẠ-HUYỀN (II)

Chẳng biết xuân này anh ở mô?
Chao ôi! Sao mãi nợ sông hồ
Mỏi mòn em đợi chờ tin nhạn
Nhạn vẫn không về với Cố đô.

Đã mấy mùa qua, mấy độ hè
Trời không mưa, Huế vẫn buồn thê
Đêm tàn Bến Ngự, sầu cô quạnh
Nhớ thuở bên anh dưới nguyệt thề

Trách cứ ông xanh khéo vẽ vời
Bày chi bèo giạt với mây trôi
Trăm năm một giấc hoàng lương mộng
Thương mãi anh đi, hận ngút trời.

Nhớ Hạ–huyền xưa ta gặp nhau
Đứng trên Bạch Hổ ngó chân cầu
Hương giang lấp lóe đèn ngư phủ
Nước chảy hoa trôi vạn lý sầu

Dù biết đời như một thoáng mơ
Thời gian xóa trọn chuỗi ngày thơ
Anh như tráng sĩ qua sông Dịch
Em mãi đầy vơi lệ ngóng chờ

Thôi đã hết rồi nón lá nghiêng
Trường Tiền ngùi ngậm bước chân tiên
Bến đò Thừa Phủ chờ tin lái
Còn nhớ không anh Huế Hạ-Huyền.

■ ***T.T.X.***
Mộng Lê An 05–2004

HUẾ HẠ-HUYỀN (III)

Đâu còn thỏ thẻ tiếng ni, mô
Tay nắm tay nhau dạo Tịnh hồ (1)
Suối tóc em đùa trăng nước biếc
Hương trinh ngào ngạt ngát thành đô.

Đâu còn cái thuở nắng trưa hè
Thượng Tứ ve sầu kêu thảm thê
Điện Thái Hòa nỉ non tiếng dế
Thương anh trót nguyện nước non thề

Từ khi chinh chiến phải xa vời
Hương, Ngự lạnh lùng mây nước trôi
Bến cũ Văn Lâu em đứng đợi
Sao anh còn mãi bốn phương trời!

Như sông cách núi chẳng gần nhau
Vỡ mộng uyên ương, gãy nhịp cầu
Cồn Hến bốn bề trăng với nước
Nhớ anh – em hận nước trăng sầu

Thần kinh giờ chỉ sống trong mơ
Vọng cảnh ngậm ngùi dấu tuổi thơ
Buồn tiếng thông reo lăng Tự Đức
Sương rơi như lệ cố nhân chờ.

Hận gió Thuận, đùa cau Vĩ, nghiêng (2, 3)
Trường–tiền, Đập–đá vắng chân tiên
Tháng tư nước mất anh phiêu bạt
Còn nhớ không anh Huế Hạ–huyền!

■ ***T.T.X***
2004–2005

(1) Tịnh hồ: hồ Tịnh Tâm
(2) Gió Thuận: gió Thuận–an
(3) Cau Vĩ: cau làng Vĩ–dạ.

Vòng Tay Định Mệnh, BS Võ Văn Tùng.

BÙI BÍCH HÀ

Biến cố 30/4/75 được coi là mốc thời gian cho một cuộc đổi đời của đất nước và đặc biệt, của con người Việt Nam đã góp phần hình thành lịch sử của đất nước ấy. Tất nhiên hôm nay, ở đây, trong phần góp ý thô thiển được cho phép, chúng tôi sẽ không bàn tới địa bàn rộng lớn chịu tác động của cuộc đổi đời này trên bình diện xã hội ở cả hai bên bờ Thái Bình Dương. Chúng tôi chỉ xin nói tới con người và hoàn cảnh sống của con người VN trên phần đất lưu vong này, càng thu hẹp hơn, hướng ngọn đèn sân khấu vào khuôn mặt một người bạn của chúng ta: bác sĩ Võ Văn Tùng, tâm sự của ông: *Vòng Tay Định Mệnh*.

Thưa quý vị,

Cứ mỗi buổi tối khi thành phố đã lên đèn, tôi chạy xe qua những khu nhà hai bên đường, vô tình nhìn lên các khung cửa sổ mở, lòng lúc nào cũng bâng khuâng mường tượng ra những cảnh đời bên sau các khung cửa ấy, có tiếng cười, có những hạt lệ, ao ước một cách bâng quơ giá như mình có cách nào thâm nhập vào được cái không gian đầy những sự ẩn mật và kỳ diệu kia, chắc đời sống sẽ hiện ra với một dung mạo ngàn ngàn lần phong phú hơn những gì mình đã thấy trong cảm nhận hạn hẹp thường tình hàng ngày.

Thật ra, những con người bên sau các khung cửa chật ấy, một lúc nào đó, cũng có nhu cầu mở hé vùng trời riêng tư của họ, mời gọi một chút cảm thông và chia sẻ. Nguyên nhân sâu xa thúc đẩy tâm lý này có lẽ đã do hoàn cảnh mỗi người đang phải sống một cảnh ngộ quá sức mình, dù hạnh phúc, dù khổ đau, và trùm phủ lên tất cả, là cảm giác mất mát, thất lạc, bị bứng khỏi nguồn cội. Người ta phải kêu lên, phải tháo gỡ, để tự giải tỏa sự bức xúc vượt ra ngoài sức cưu mang của chính mình. Người ta hoảng hốt biết thời gian đang vùn vụt bay đi, bước chân lữ hành rồi ra chẳng có cách nào lưu dấu một thời. Hơn bao giờ hết, chừng hơn hai thập niên trở lại đây, thế giới văn chương, chữ nghĩa của chúng ta bỗng nhiên có một mùa gặt hái tươi tốt, sum xuê, của hàng nghìn ấn phẩm được viết ra như một trao gởi đầy tình tự băn khoăn của tác giả với tâm ý *Của tin còn một chút này*... Tác phẩm *Vòng Tay Định Mệnh* của bác sĩ Võ Văn Tùng là một điển hình.

Quí vị đã nghe phần giới thiệu tập truyện do bác sĩ Lê Văn Lân trình bày, phần cảm nghĩ uyên bác của giáo sư bs Trần Ngọc Ninh. Chúng tôi sẽ không dám lạm bàn thêm, e làm rườm tai quí vị và thất lễ với các bậc đàn anh đi trước, chỉ xin làm đúng công việc được giao phó, góp cùng tác giả vài ba điều tâm cảm của riêng mình.

Trên tổng số 320 trang sách, ngoài khoảng 90 trang dành cho chính tác giả kể lại ba chuyến thoát hiểm trong gang tấc bên bờ sinh tử: chuyến di tản từ Đà Nẵng về Sài gòn những ngày miền Nam hấp hối, từ Sàigòn đi Mỹ trong một cơ may hiếm hoi giữa muôn trùng tuyệt vọng và chuyến mổ tim không phải lúc nào cũng an toàn cho bệnh nhân, để ông viết về Thầy, về Bạn, về vị Quân vương cuối cùng triều Nguyễn, biểu tượng một thời huy hoàng của cố đô Huế, về kỷ niệm vài chuyến đi hội ngộ cùng bằng hữu hay đồng nghiệp, số trang sách còn lại là sáng tác, đưa ra những khuôn mặt nữ giới thật đặc thù.

Nhân vật nữ trong hai truyện *Chung Thủy* và *Vòng Tay Định Mệnh* đều là nạn nhân của cuộc chiến kết thúc vào ngày 30/4/75. Mỗi người có một hoàn cảnh và những cơn cớ đẩy đưa riêng, khiến họ rơi vào những bi kịch mà dù cho éo le, oan trái cỡ nào, cuối cùng, trong nhãn quan từ ái của bác sĩ Võ văn Tùng hằng ngày lo chữa lành các bệnh nhân tới với ông, họ cũng đều đi tới một chung cuộc êm ái, không phải dưới móng vuốt khắc nghiệt hay trong bàn tay sắt của Định Mệnh mà chính là trong Vòng Tay bao dung của Định Mệnh đời họ. Người chồng quảng đại, người tình quan tâm và hào phóng hết mực trong *Chung Thủy* chắc chắn là những tặng phẩm hiếm hoi chỉ có thể tới từ Thượng Đế toàn năng và nhân từ mà nhân loại chỉ bắt gặp trong những lời kinh cầu đầy hy vọng. Lần đầu tiên, với *Chung Thủy*, tôi được thấy mô tả thật linh động, cái chết dần mòn, khủng khiếp của bệnh nhân phụ nữ mắc bệnh liệt kháng. Với truyện *Vòng Tay Định Mệnh*, cuộc tình một đêm mưa đã chia xa, người tình đã vì hoàn cảnh bỏ đi, nhưng nếu quả thật định mệnh đã gieo vào đời người đàn bà sự trớ trêu, làm đời nàng lao đao, cũng chính định mệnh ấy sẽ đền bù cho nàng một cuối đường hạnh phúc.

Giữa nghịch cảnh, nhân vật nữ của bác sĩ Võ văn Tùng biết tự mình đứng dậy, vươn lên, biết làm những quyết định hợp lý, biết đảm đương hậu quả những việc do mình gây ra. Đây chính là giấc mơ tha thiết của chị em bạn gái chúng tôi trên con đường tự hoàn thiện, không có gì lạ cả, nó chỉ lạ ở chỗ được mách bảo từ một ngòi bút trượng phu.

Nhân vật nữ thứ ba của bs Võ Văn Tùng trong *Mẹ Bỏ Con* cũng vẫn là nạn nhân của cuộc chiến vừa tàn trên quê hương. Tôi không biết liên hệ giữa tác giả có lúc tự thú là có "gene" đỏ đen từ thân phụ với các casinos ông lui tới để giải trí, đậm đà hay thưa thớt thế nào nhưng tôi đoán là ông không say sưa lắm ở những nơi này khi ông còn đủ tỉnh táo quan sát cô dealer, hình dung ra cả một cảnh đời oan trái, cả một chuyến đi kỳ thú từ núi rừng cao nguyên Việt Nam tới thành phố đổ bác cực kỳ hoa lệ Las Vegas, nếu không qua trò chuyện với đương sự thì

chính là do trực cảm hay tưởng tượng từ khuôn mặt sơn nữ của cô hầu bài chập chờn dưới ánh đèn và khói thuốc lá. Bên cạnh cô sơn nữ Cinderella, *con bé nghèo nàn, tội nghiệp của buôn thượng năm xưa nay lột xác trở thành một phụ nữ đẹp đẽ, giàu có, lịch thiệp,* nhân vật chị Huệ trong cùng truyện, là một bà trùm du đãng thứ thiệt, dưới trướng có nhiều em út đi kiếm tiền cho bà xài nhưng bà lại để yên, không mảy may muốn khai thác cái mỏ vàng là cô sơn nữ lạc loài 16 tuổi, thân hình nẩy nở, mắt xanh, mũi cao, môi thắm mà bà đem về nuôi, một cách lành lặn, cho tới ngày hai người cùng đi Mỹ theo diện con lai. Bất luận nhem nhuốc hay sa sẩy thế nào, các nhân vật nữ của bs Võ văn Tùng, căn bản là những người đàn bà lương hảo. Nhân vật nữ của ông cũng gồm cả chân dung người đàn bà chấp nhận mình là một mảnh puzzle lấp đầy một khoảng trống nhỏ hay một nhu cầu tầm thường của một người đàn ông, sinh con đẻ cái với người này mà tự biết không bao giờ được là tất cả hay thậm chí, một nửa của người đàn ông ấy, sẵn sàng bị bỏ lại đằng sau bất cứ lúc nào. Nhân vật nữ của ông cũng còn là người vợ, vì con cái, phải ngậm đắng, nuốt cay, vờ vĩnh khoác áo từ bi để cho chồng được lén lút nuôi dưỡng đứa con rơi và mẹ nó. Nổi bật và táo bạo hơn hết là nhân vật cô giáo làng, cô Thúy. Trải qua hết một thời thanh xuân trong vùng chiến tranh, tất cả đàn ông, trai tráng bị lùa ra mặt trận, cô giáo thèm khát có đứa con bầu bạn nên đã ngỏ lời van xin viên sĩ quan đóng quân trong làng cho cô cơ hội này, hứa chắc sẽ không làm tan vỡ gia đình anh ta, cũng không để lại một hệ lụy nào cho riêng anh. Chuyện xảy ra như cô mong đợi nhưng tiếc thay, đứa con ấy sẽ mãi mãi chỉ là giấc mơ không thành tựu như biết bao giấc mơ khác của cô bị dập vùi trong thời loạn ly. Rõ ràng là cô đã giữ lời hứa hẹn, chịu chết một mình để gánh vác số phận nghiệt ngã, không hề muốn di lụy cho người ơn nhưng, một cách công bằng trước Thượng Đế, người cha hụt này cũng phải trả giá việc ông đã làm bằng những lỡ làng của chính ông trong cuộc đời riêng. Cả ba nhân vật nữ khá tiêu biểu tôi vừa trình quí vị xuất hiện trong truyện *Tình và Nghĩa.* Chưa hết, nhân vật nữ cuối cùng của *VTĐM* càng độc đáo hơn nữa: bà Nguyễn thị Nhàn (truyện *Một Tấm Lòng*). Xuất thân từ một gia đình đại điền chủ giầu có miền Hậu Giang, cô NTN được theo học nội trú trường công giáo rồi trở thành bà sơ khấn trọn đời, thánh danh Denise. Sau gần 20 năm sống đạo trong nhà dòng, sơ Denise quyết định rời bỏ cái thế giới an bình chỉ ích lợi cho riêng mình, dấn thân vào đời để có thể giúp đỡ một cách tích cực hơn những người phụ nữ kém may mắn hơn sơ, đang sống lầm than, cơ cực ở quê nhà thời hậu chiến. Vẫn là một nữ tu tuy không mặc áo dòng, N.T.Nhàn bắt đầu mưu sinh bằng công việc săn sóc người già cô quả trong vùng Aix En Provence. Dần dần, với kiến thức sẵn có, N.T.Nhàn thăng tiến trong nghề nghiệp, trở thành cấp chỉ huy trong một công ty bảo hiểm và mua được một căn nhà nhỏ ở ngoại ô Paris. Suốt thời gian này, thêm 20 năm nữa trong đời, cô NTN liên tục gởi tiền về giúp bà con, bạn bè và người nghèo khó ở quê nhà. Thời

thế đưa đẩy, cuối cùng, NTN trôi tuốt qua Mỹ, làm việc giữa cái xã hội những gia đình thượng lưu Do Thái ở New York, trái tim kinh tế nóng hổi của cả thế giới hùng cường đương đại. Giấc mơ cuối cùng của NTN là kiếm đủ tiền để trở về VN, *tạo lập một nhà nuôi trẻ, giáo dục cho chúng thành người.*

Ở tuổi gần 80, bà NTN vẫn *đi đứng khoan thai, thân thể tráng kiện, trí óc minh mẫn, phản ứng bén nhậy và ăn nói dịu dàng, từ tốn*, vẫn một mình đáp máy bay từ VN đi Nữu Ước để làm việc cho người chủ cũ với khế ước một tháng và 3,000 đô la thù lao. Tất cả những biểu hiện hy hữu này, theo tác giả, chỉ do một chữ TÂM lúc nào cũng tỏa sáng để soi đường cho người biết nuôi dưỡng nó. Tôi tin rằng dù tưởng tượng của người viết có phong phú cách nào, nhân vật NTN không thể do hư cấu mà có. Hoặc bà là bệnh nhân lui tới phòng mạch bs Võ văn Tùng, hoặc bác sĩ nhà văn đã nghe kể câu chuyện về bà hay thậm chí, có dịp gặp gỡ bà đâu đó.

Sinh ra và lớn lên ở đất thần kinh, vào cái thời xã hội còn bị chi phối mãnh liệt bởi nền luân lý phong kiến, coi rẻ nữ giới, đồng hóa họ với những cái bóng mờ nhạt trong cuộc đời, bs Võ văn Tùng hẳn đã chứng kiến rất nhiều những bất công xã hội đè nặng lên thân phận người đàn bà sống trong cái xã hội đó. Sau này, cộng thêm nhãn quan của một y sĩ thấu hiểu những vấn đề sinh học của loài người, dường như tác giả *VTĐM* luôn cảm thấy băn khoăn vì nhìn ra sự ức chế tình dục nơi những người phụ nữ VN làm vợ và làm mẹ. Ông nói về tuổi hồi xuân, về sự thất vọng ray rứt, thầm kín nơi họ khi những người đàn ông trong gia đình không chu toàn được chức năng phái tính của mình.

Nói tóm lại, những nhân vật nữ dưới ngòi bút của bs Võ văn Tùng là những người đàn bà trong đời thường. Họ sống hồn nhiên, phải chăng với mình và với người, nhân bản, hiền hậu, chân thật, luôn luôn có một cách thu xếp để làm cho cuộc sống trở nên chấp nhận được. Vật liệu để tác giả làm nên *VTĐM* như những phiến gỗ tươi, nồng nàn nhựa sống mà những đường dao khắc họa dịu dàng của người nghệ sĩ đủ làm dậy lên mùi hương mộc chìm khuất trong những thớ gỗ lặng thầm.

Thưa quý vị,

Bao lâu người ta nhìn nhận vai trò của tiểu thuyết trong việc giúp phác họa chân dung một thời đại, chúng tôi nghĩ *VTĐM* sẽ là một đóng góp nhỏ nhưng cụ thể cho các nhà nghiên cứu xã hội học tương lai về những thập niên cuối thế kỷ 20 của đất nước và con người VN. Riêng chúng tôi, xin đa tạ tấm lòng mẫn cảm của tác giả *VTĐM* đối với người phụ nữ nói chung, niềm tin như một khuyến khích, một xác quyết chân thành của ông đặt vào tiềm năng tự hoàn thiện để vượt thoát và thăng tiến của những người đàn bà trong nghịch cảnh, nói riêng.

Xin cảm ơn quý vị.

■ ***Bùi Bích Hà***

(Bài Góp Ý của Nhà văn Bùi Bích Hà đọc trong ngày Ra Mắt Sách Vòng Tay Định Mệnh của Võ Văn Tùng tại Quận Cam ngày 23 tháng 5, 2004).

Đã Phát Hành Tập Truyện

Vòng Tay Định Mệnh

của **Võ Văn Tùng**

"... Đọc Võ Văn Tùng như thưởng lãm một viên ngọc chưa mài dũa. Ai không vướng bận những tiểu tiết kỹ thuật, sẽ rất thú vị vì khám phá được những nét xuất sắc hiếm hoi. Trước hết anh viết rất thật, không nói dối là cuộc sống vẫn tròn khi nó đã méo đi vì những nghiệt ngã của thời loạn. Nhân vật của anh không phải là anh hùng liệt nữ, lại cũng không phải những bậc cha mẹ gương mẫu..."

Mai Kim Ngọc.

... Đây không chỉ là "Vòng Tay Định Mệnh" riêng cho một người tình, một chuyện tình. Trong tác phẩm của Võ Văn Tùng, có những mảnh vỡ đủ loại được gom góp, hàn gắn từ định mệnh chung của cả một dân tộc. Có người mẹ bỏ con trong lửa đạn. Có người vợ thất thân trong giông tố vượt biển. Cũng có cả ông vua bỏ ngai vàng trong oan nghiệt lịch sử... Từ chuyện người tới chuyện của chính mình, tác giả đều viết bằng tấm lòng chân thực, trung hậu, hiền hòa. Đọc anh Tùng, tôi thấy mình nhớ ra nhiều thứ, hiểu ra nhiều chuyện, thấy con người và cuộc đời sao đáng yêu, đáng sống, quý giá biết bao. Hy vọng người đọc cũng như tôi, sẽ tìm thấy một phần của chính mình trong "Vòng Tay Định Mệnh".

Nhã Ca.

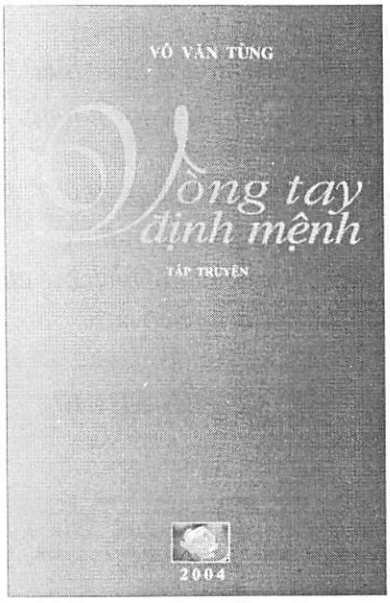

Bìa trang nhã. Giấy tốt.
Sách dày 320 trang. Giá 15 Mỹ Kim.

Xin liên lạc:

Võ Văn Tùng
9559 Bolsa Ave., #D,
Westminster, CA 92683
Tel. **(714) 531-5754**

Nhà sách Tự Lực
14318 Brookhurst St.,
Garden Grove, CA 92843
Tel. (714) 531-5290
Fax. (714) 531-2280
Email: www.tuluc.com

THƠ NGUYỄN KHUÊ

Hoa Phượng Hương Giang

Phượng vui bừng sắc huyết,
Phượng buồn xanh biêng biếc.
Bên thành cổ rêu phong,
Vui buồn bao tuế nguyệt.

Đêm phượng buồn không ngủ
Đầm đìa sương lá rủ.
Dòng Hương phẳng lặng tờ,
Chênh chếch trăng Bạch Hổ.

Ngày phượng vui rực nắng,
Mộng mơ tà áo trắng.
Đỏ thắm hoa học trò,
Bên dòng Hương loang loáng.

Nay phiêu bạt tha phương,
Vẫn nhớ về sông Hương.
Với hai hàng phượng vĩ,
Xanh biếc màu quê hương.

Buồn giở tập lưu bút,
Ồ! phượng vẫn còn đây.
Phượng giờ khô nhựa huyết,
Ta giờ tóc bạc mây.

Về thăm Huế

Mấy mươi năm làm khách tha phương,
Giờ trở về đây với Huế thương.
Xuôi ngược dòng người, ai kẻ biết!
Thẫn thờ đứng lặng giữ quê hương.

Bạn xưa còn lại mấy người đây!
Dâu biển cuộc đời lắm đổi thay.
Phẳng lặng dòng Hương hờ hững chảy,
Biết ai mà kể chuyện bèo mây.

NGUYỄN KHUÊ

Chiều Sài Gòn Nhớ Huế

Gặp em ở Sài Gòn
Mà tưởng chừng gặp nhau ngoài nớ,
Nơi quê mình xứ Huế xứ thương.
Nghe giọng em "rứa răng" ngọt vị quê hương,
Lòng ấm áp như trở về nguồn cội.
Chợt nhận ra ta trong dòng đời trôi nổi,
Tiếng Huế trong ta đã pha lẫn tiếng ba miền.
Ôi, em khúc khích cười rộn rã hồn nhiên,
Ríu rít tiếng chim sân trường Đồng Khánh.
Buổi tan học tiếng nói cười nhí nhảnh,
Áo trắng tung bay bóng nhỏ đường về.
Nón bài thơ nghiêng nghiêng che mái tóc thề,
Hay che cái nhìn của chàng trai Quốc Học!
Những chùm hoa học trò đong đưa đỏ rực,
Hàng phượng xanh đứng ngóng đôi bờ.
Chiều Sài Gòn em rạng rỡ kiêu sa.
Nhớ làm sao những ngày Huế rất xa,
Ta lạc bước trên đường về thôn Vĩ,
Thuở ta yêu ai và trở thành thi sĩ,
Đem mộng mơ dệt những đoạn thơ tình.
Chiều Sài Gòn, em mặc áo đầm xanh,
Ta chợt mơ về một tà áo tím,
Tà áo tím đong đầy bao kỷ niệm
Một thời hoa niên giờ đã mù sương
Mà bóng hình xưa vẫn mãi vấn vương.
Chiều Sài Gòn, cuối năm nắng vàng rực rỡ,
Ta thả hồn về đêm ba mươi nhung nhớ,
Bên bếp hồng đốm lửa ai nhen!
Ôi, chiều cuối năm bao kỷ niệm nhạt nhòa,
Nhớ da diết về quê mình ngoài nớ.
Xứ Huế xứ thương, nhớ ơi là nhớ!

NGUYỄN KHUÊ

THƠ HOÀNG BÍCH ĐÀO

Lệ đá

Ta yêu em vì tim còn nhịp thở
Dù tháng năm nhen nhúm nụ điêu tàn
Ta yêu em ôm mộng đời nhịp lỡ
Sầu trăm năm thu ngắn một đêm dài

Ta yêu em nhưng nhớ hoài dư ảnh
Hai tay ôm không hết nổi tháng ngày
Mắt quầng sâu môi ngậm hạt đắng cay
Tâm là gió sầu miên man mây bạc

Ta yêu em nên yêu ngàn ly biệt
Yêu nỗi buồn sầu úa cỏ xanh xao
Cánh vàng rơi giữa chiều thu tiễn biệt
Em trăng sao nhập mộng giữa đêm dài

Ta yêu em nên thương hồn hoang phế
Công viên buồn ghế đá quạnh hiu xưa
Bước cô miên một lần âm thầm kể
Bởi yêu em biết nói mấy cho vừa

Ta yêu em ngậm trên môi lửa ngọn
Triều mắt dâng lệ đá ngẩn ngơ hồn
Đôi tay buồn ôm cả mộng ước non
Tâm se thắt sầu miên em nhập mộng

Ta yêu em nên yêu dòng lệ máu
Yêu tủi hờn thiên cổ ngậm ngùi đau
Yêu điên mê mặc năm tháng phai màu
Yêu nức nở vỡ tung từng mạch máu

Xin yêu em giữa vần thơ tuyệt mệnh
Nụ tầm xuân còn nở giữa tịch liêu
Xin yêu em với thương đau mầu nhiệm
Dẫu tháng năm còn đó những ưu phiền

Hoàng Bích Đào

Địa danh, Thắng cảnh, Di tích lịch sử xứ Huế

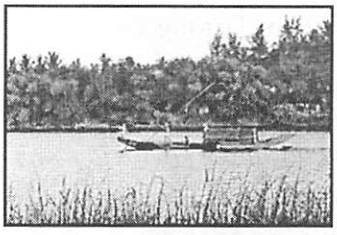

Bửu Biền

Năm Mậu Ngọ (1558) Nguyễn Hoàng vào trấn đất Thuận Hóa, tính đến nay (2005) đúng 447 năm.

Qua 9 đời chúa, 13 đời vua, xứ Huế đã trải qua một chuỗi dài lịch sử, có lúc thanh bình, thịnh vượng, an lạc, nhưng cũng có lúc tang thương đầy nước mắt, khăn tang.

Xứ Huế có cảnh thiên nhiên, có sông Hương, có núi Ngự hòa hợp với cấu trúc nhân tạo: am miếu, đình chùa, lăng tẩm, tạo nên cảnh đẹp hữu tình, nhưng xứ Huế hằng năm phải chịu đựng thiên tai bão lụt, mưa dầm đìa buồn thê thảm.

Chuỗi dài lịch sử đó, khung cảnh thiên nhiên đó, qua nhiều thế hệ, đã ảnh hưởng sâu xa vào tâm hồn con người xứ Huế, cho người Huế giàu tình cảm, nhiều suy tư, có năng khiếu văn học và thẩm mỹ.

Để kỷ niệm 447 năm ngày Nguyễn Hoàng vào trấn đất Thuận Hóa và 203 năm ngày cố đô Huế được chọn là kinh đô (1802–2005) của nước Việt Nam, chúng tôi xin ghi chép một số thơ, ca dao, câu hò ghi dấu những địa danh, thắng cảnh, di tích lịch sử của xứ Huế xa xưa, có thể ngày này không còn nữa.

- 1) An Cựu

Tôm rằn bóc vỏ bỏ đuôi,
Gạo de An Cựu em nuôi mẹ già.

- 2) Bạch Mã, Lộc Trì, Đá Bạc, Cầu Hai

Núi Bạch Mã hai hàng sau trước,
Đất Lộc Trì khi ướt khi khô,
Đường về Đá Bạc lô nhô,
Cầu Hai đàm nước xô bờ ngày đêm.

- 3) Bến Mai, Linh Mụ (Thiên Mụ)

Bao giờ lụt lút bến Mai,
Lút chùa Linh Mụ mới phai nghĩa tình.

- 4) Cần Chánh, Ngọ Môn

Ai ơi chớ phụ đèn chai,
Thắp trong Cần Chánh, rạng ngoài
Ngọ Môn.

- 5) Cầu ngói Thanh Toàn

Ai về cầu ngói Thanh Toàn,

Cho em đi với một đoàn cho vui.
Ai còn đi nữa hay thôi,
Cho em đi với thành đôi vợ chồng.

- 6) Cầu Trường Tiền

Cầu Trường Tiền mười hai vài, sáu nhịp,
Em qua không kịp tội lắm anh ơi.
Đêm nằm tấm tức lụy nhỏ tuôn rơi,
Dẫu có xa nhau đi nữa cũng tại ông
Trời mà ra.

- 7) Chợ Cống

Giả đò buôn hẹ bán hành,
Vô ra chợ Cống thăm anh kẻo buồn.

- 8) Chợ Đông Ba, Cầu Tràng Tiền (Trường Tiền)

Chợ Đông Ba đem ra ngoài Giai,
Cầu Tràng Tiền đúc lại xi-măng.
Ơi người lỡ hội chồng con,
Cho ta kết nghĩa vuông tròn đặng
không ?

- 9) Chợ Quán, chợ Cầu, Chợ Dinh, Nam Phổ, Mậu Tài, Triều Sơn

Ru con, con théc cho muồi,
Cho mẹ đi chợ mua vôi ăn trầu,
Mua vôi chợ Quán, chợ Cầu,
Mua cau Nam Phổ, mua trầu chợ Dinh,
Chợ Dinh bán áo con trai,
Triều Sơn bán nón, Mậu Tài bán kim.

- 10) Dạ Lê

Ai về cầu gỗ Dạ Lê,
Cho em về với thăm quê bên chồng.

- 11) Diệu Đế, Đông Ba, Gia Hội

Đông Ba, Gia Hội hai cầu,
Ngó qua Diệu Đế bốn lầu hai chuông.

- 12) Đại Lược, Kim Long

Thuyền về Đại Lược,
Duyên ngược Kim Long.
Đến đây là chỗ rẽ của lòng,
Gặp nhau còn biết trên sông bến nào.

- 13) Đập Đá

Ai về Đập Đá cho em gởi cặp cá thia
vàng
Trước thăm thây mạ sau thăm chàng
cho luôn.

- 14) Đông Ba, Đập Đá, Ngã ba Sình, Sông Hương, Vỹ Dạ

1. Đứng bên ni Đông Ba, ngó qua bên
tê Đập Đá,
Đứng nơi Đập Đá ngó về thôn Vỹ Dạ
phố xá nghinh ngang.
Kể từ ngày Tây lại, sứ sang,
Em theo đồng xu, bạc giác bỏ chàng bơ
vơ.
2. Đò từ Đông Ba, đò qua Đập Đá,

Đò về Vỹ Dạ thẳng ngã ba Sình.
Đoái nhìn sông Hương nước chảy xinh xinh,
Sông bao nhiêu nước dạ em si tình bấy nhiêu.

- 15) Hải Vân (Ải Vân)

Chiều chiều mây phủ Hải Vân
Chim kêu ghềnh đá gẫm thân lại buồn.

- 16) Hương Cần

Sông Hương Cần vừa trong vừa mát,
Đường Hương Cần nhỏ cát dể đi,
Trai Hương Cần như bông hoa lý,
Gái Hương Cần đẹp ý dễ thương.

- 17) Hồ Tịnh Tâm, Hương Cần

Hồ Tịnh Tâm nhiều sen bách diệp,
Đất Hương Cần ngọt quít, thơm cam.

- 18) Kim Long

Kim Long có gái mỹ miều,
Trẫm thương, trẫm nhớ, trẫm liều, trẫm đi.

- 19) Ngọ Môn

Ngọ Môn năm cửa chín lầu,
Một lầu vàng, tám lầu xanh.
Ba cửa thẳng, hai cửa quang
Sinh em ra phận gái, hỏi chốn kinh thành mần chi.

- 20) Ngọc Trản (Hòn Chén), Kim Long

Nước đầu cầu khúc sâu khúc cạn,
Chèo qua Ngọc Trản đến vạn Kim Long.
Sương sa gió thổi lạnh lùng,
Sóng xao trăng lặng chạnh lòng nhớ thương.

- 21) Nong, Phú Bài

Nước nguồn Nong vừa trong vừa mát,
Đất Phú bài nhỏ cát dễ đi.
Dang tay lên hái ngọn từ bi,
Chàng mà đối được em thì kết duyêt.

- 22) Ngự Bình, An Cựu

Núi Ngự Bình trước tròn sau méo,
Sông An Cựu nắng đục mưa trong,
Dầu ai ăn ở hai lòng,
Em đây một dạ thủy chung với chàng.

- 23) Núi Truồi, sông Dinh

Núi Truồi ai đắp mà cao,
Sông Dinh ai bới ai đào mà sâu.
Nong tằm ao cá nương dâu,
Đò xưa bến cũ nhớ cau hẹn hò.

- 24) Ô Lâu, Phong Nguyên

Sông Ô Lâu nước chảy vòng quanh xã,
Xứ Phong Nguyên lắm cá nhiều mung,
Khoai thừa sắn đủ gạo thơm,
Bốn mùa hoa quả ấm áo, no cơm đủ đầy.

- 25) Phá Tam Giang, Đèo Hải Vân

Thương nhau chẳng quản chi thân
Phá Tam Giang cũng lội, đèo Hải Vân cũng trèo.

- 26) Phá Tam Giang, Truông nhà Hồ

Đường vô xứ Huế quanh co,
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.
Thương em anh cũng muốn vô,
Sợ truông nhà Hồ, sợ phá Tam Giang.

- 27) Quảng Điền

Quảng Điền có gái hữu duyên,
Có trai lực lưỡng chèo thuyền Tam Giang.

- 28) Sình, Kim Long

Kim Long dãy dọc tòa ngang,
Em chèo một chiếc thuyền nan về Sình.
Đôi đứa mình đã lỡ hen ba sinh,
Có mần răng đi nữa cũng trọn tình với nhau.

- 29) Sông Hương, non Bình (núi Ngự Bình)

Ai đã từng vào Nam ra Bắc,
Thấy nhiều nơi cảnh sắc cũng xinh,
Đi mô cũng nhớ quê mình
Nhớ sông Hương nước biếc, nhớ non Bình trăng trong.

- 30) Thiên Mụ

Tiếng chuông Thiên Mụ dặn dò,
Em đi canh vắng, hẹn hò cùng ai?

- 31) Thọ Lộc, Đông Ba, sông Hương

Bên chợ Đông Ba tiếng gà gáy sáng,
Bên làng Thọ Lộc tiếng trống sang canh.
Giữa sông Hương tiếng sóng khuynh thành,
Đêm khuya một chiếc thuyền tình ngửa nghiêng.

- 32) Thọ Xương, Chùa Thiên Mụ, Sông Hương

Gió đưa cành trúc là đà,
Tiếng chuông Thiên Mụ, canh gà Thọ Xương.
Thuyền về xuôi mái sông Hương,
Có nghe tâm sự đôi đường đắng cay.

- 33) Thừa Thiên, Thánh Miếu, chùa Ông, Diệu Đế, Tam Tòa, Trường Tiền, Thanh Long, Bạch Hổ

Tỉnh Thừa Thiên dân hiền, cảnh lịch,
Non xanh, nước biếc, điện ngọc, đền rồng.
Tháp bảy tầng, Thánh Miếu, chùa Ông,
Chuông khua Diệu Đế, trống rung Tam Tòa.
Cầu Trường Tiền sáu nhịp bắc qua,

Tả Thanh Long, hữu Bạch Hổ, đợi khách âu ca thái bình.

- 34) Thuận An

Nước chảy xuôi, con cá buôi lội ngược,
Nước chảy ngược, con cá vượt lội ngang.
Thuyền em xuống bến Thuận An,
Thuyền anh lại trẩy lên ngàng anh ơi !

- 35) Vạn Niên

1. Tứ bề núi phủ mây phong,
Mảnh trăng thiên cổ, bóng tùng Vạn Niên.
2. Em là con gái Vạn Niên,
Bán rau mua bút mua nghiên cho chồng.
Một mai chồng chiếm bảng rồng,
Bỏ công tẩm tưới vun trồng cho rau.

- 36) Văn Lâu

Chiều chiều trước bến Văn Lâu,
Ai ngồi, ai câu, ai sầu, ai thảm,
Ai thương, ai cảm, ai nhớ, ai trông ?
Thuyền ai thấp thoáng bên sông,
Đưa câu mái đẩy chạnh lòng nước non !

- 37) Vỹ Dạ

Sao anh không về chơi thôn Vỹ ?
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên.
Vườn ai mướt quá, xanh như ngọc,
Lá trúc che ngang mặt chữ điền.

Gió theo lối gió, mây đường mây,
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay.
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó,
Có chở trăng về kịp tối nay ?
Mơ khách đường xa, khách đường xa,
Áo em trắng quá nhìn không ra...
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh,
Ai biết tình ai có đậm đà ?

- 38) Huế

Huế đẹp, Huế thơ, Huế mơ, Huế mộng,
Huế hồng hồng tía tía, Huế nhặt nhặt khoan khoan.
Huế êm đềm như dòng nước Hương Giang,
Huế du dương như cành thông reo đình Ngự.
Biết bao tình tự điệu hát cung đàn,
Nhớ ai đòng điệu tha phang (phương),
Nhớ cau hò nhắn nhủ quãng đàng (đường) xa xôi.

Địa danh, Thắng cảnh, Di tích lịch sử xứ Huế sắp xếp theo thứ tự:

An Cựu, bạch Mã, Bến Mai, Cần Chánh, Cầu Bạch Hổ, Cầu Đông Ba, Cầu Hai, Cầu Ngói Thanh Toàn, Cầu Trường Tiền (Cầu Tràng Tiền), Chợ Cầu, Chợ Cống, Chợ Dinh, Chợ Đông Ba, Chợ Quán, Chùa Linh Mụ (Thiên Mụ), Chùa Ông, Chùa Diệu Đế, Dạ Lê, Đá Bạc, Đại Lược, Đập Đá, Gia Hội, Hải Vân (Ải Vân), Hồ Tịnh Tâm, Hương Cần, Kim Long, Lộc Tri, Mậu Tài, Nam Phổ, Ngã Ba Sình, Ngọ Môn, Ngọc Trản (Hòn Chén), Nong, Núi Ngự Bình, Ô Lâu, Phong Nguyên, Phá Tam Giang, Phú Bài, Quảng Điền, Sông Dinh, Sông Hương, Sình, Tam Tòa, Thọ Lộc, Thọ Xương, Triều Xương, Truồi, Thanh Long, Thánh Miếu, Thuận An, Thừa Thiên, Truông Nhà Hồ, Vạn Viên, Văn Lâu, Vỹ Dạ.

THƠ LỆ VÂN

Thương người chị Huế

Chị nằm đây như trẻ thơ bé nhỏ
Hồn mong manh lơ lửng giữa cơn mê
Thân bé lại nhưng trí vượt trăm bờ
Qua trái đất để hướng về vĩnh cửu

Mới ngày nào thu vàng ru lối cũ
Bước chân ai xào xạc đếm ngàn cây
Êm ái chim quen chim chíp gọi bầy
Chim ấy lòng đây cỏ cây hòa nhịp

Ôi dịu dàng trời trong mơ thiêm thiếp
Lơ lửng chiều hôm sương tỏ mênh mông
Phiêu diêu gió nhẹ lay lá thu hồng
Gợi cảm gợi thương nhớ nhà nhớ Huế

Trời phượng nở thông reo thơm lan huệ
Dòng sông Hương đò chở nắng mây về
Mình thật vui nhưng nào biết say mê
Quen hưởng sen thơm cúc vàng xuân đẹp

Nhớ chị nữ sinh má hồng khép nép
Trong dịu dàng e ấp nỗi bâng khuâng
Trông xa xăm mà cũng rất gần gần
Nhiền bạn ngắm khen chị hiền ngoan ngoãn

Chị nằm đây trắng trong cơn gió thoảng
Hướng về quê trong phút mộng êm đềm
Chuông nhà thờ vang nhẹ dâng lên
Hồn Thiên Mụ sáng soi người thục nữ

Chị mộng thơ dịu dàng cô gái Huế
Sắc nước hương thanh trong ngọc trắng ngà
Trên đất lạ người như một loài hoa
Khiêm tốn ẩn mình hoa thơm lặng lẽ

Não nùng phân ly hàng mi đẫm lệ
Kỷ niệm năm xưa muốn bớt thêm đầy
Cô gái Nam Giao thường mến cỏ cây
Rừng thông biếc đón chị về với Huế.

Lệ Vân – Ottawa

PHÒNG MẠCH NỘI THƯƠNG TỔNG QUÁT

BÁC SĨ TRẦN NHƠN, M.D.

14982 Magnolia Ave., Suite 109 - Westminster, CA 92683

(Góc Magnolia và Westminster, trong khu chợ Phát Tài)

Điện Thoại: (714) 895-8583

- *Tốt nghiệp Chuyên Môn Nội Thương Hoa Kỳ (Internal Medicine)*
- *Bác sĩ Điều Trị các Bệnh viện quanh vùng*
- *Hội Viên Hội Y Sĩ Hoa Kỳ*
- *Nguyên Giảng viên Đại Học Y Khoa Huế*
- *Nguyên Nội Trú Bệnh viện Đồn Đất (Grall, Saigon).*

CHUYÊN TRỊ CÁC CHỨNG BỆNH NỘI THƯƠNG

- Bệnh Dị Ứng: Sổ mũi, nghẹt mũi kinh niên, suyễn, mề đay, phong ngứa, thử allergy và dùng tiêm chích miễn dịch trị liệu.
- Bệnh Tim Mạch: Tim loạn nhịp, hồi hộp, đau tức ngực, cao máu, suy tim.
- Bệnh Phổi: Ho kinh niên, khó thở, viêm phổi, lao phổi, ung thư phổi.
- Bệnh Tiêu Hóa: Đau bụng, tiêu chảy, táo bón kinh niên, khó tiêu, ợ chua, loét bao tử, ung thư ruột, bệnh gan mật.
- Bệnh Thần Kinh: nhức đầu, lo âu, mất ngủ, động kinh.
- Bệnh Tiết Niệu: Viêm thận, viêm tiết niệu, bệnh hoa liễu.
- Bệnh Máu: Thiếu máu, ung thư máu.
- Bệnh Nội Tiết: Bướu cổ, đái đường.
- Bệnh Phong Thấp: Viêm đau khớp xương.
- Bệnh Ngoài Da: Mụn, ghẻ, Eczema, lang ben.

Giờ làm việc:
Thứ Hai - Thứ Sáu:
10am - 6pm
Thứ Bảy: 10am - 3pm
Chủ Nhật: Nghỉ.

☆ NHỮNG BỆNH LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI GIÀ

☆ KHÁM TỔNG QUÁT ĐỊNH KỲ, CHÍCH NGỪA NHẬP HỌC, THI ĐUA THỂ THAO, CẢM CÚM, VIÊM PHỔI.

☆ NHẬN LÀM BÁC SĨ GIA ĐÌNH.

☆ TRUY TẦM UNG THƯ MÁU, RUỘT, PHỔI.

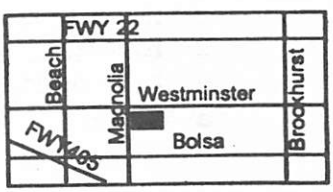

Royal

NHÀ HÀNG NỔI TIẾNG VỀ TIỆC CƯỚI

Chinese Seafood Restaurant

12342 Brookhurst St., Garden Grove, CA 92840

(Ngay góc Bixby, giữa Lampson và Chapman)

Nhà hàng tiệc cưới đẹp lộng lẫy, trang hoàng mới mẻ, đẹp mắt với trên 400 chỗ ngồi, rộng rãi, thoải mái

- Đầu bếp Hồng Kông chuyên nghiệp với các món ăn cho tiệc cưới hết sẩy.
- Phòng trang điểm cô dâu đầy đủ tiện nghi.
- Sân khấu đẹp, sàn khiêu vũ đúng tiêu chuẩn.
- Nơi đặt tiệc lý tưởng cho những đôi uyên ương.
- Nhà hàng sang trọng.
- Tiếp viên lịch sự.

Ngoài ra còn có:
- *Cơm gia đình với các món ăn ngon miệng*
- *Các món ăn seafood ít dầu mỡ*

Mở cửa: *5 ngày trong tuần*
10 AM - 10 PM
Nghỉ: *Thứ Hai & Thứ Ba*
Nhận: VISA - MASTERCARD

PARKING RỘNG RÃI - AN TOÀN

(714) 636-5028

Phương Restaurant

10722 Westminster Ave., Garden Grove

(714) 534-3339

SAU 4 GIỜ CHIỀU:

- Bánh khoái
- Bún riêu
- Nem nướng
- Bún ốc

Danh Tiếng
HỦ TIẾU MỸ THO

ĐẶC BIỆT
Có Cơm Thái

CƠM PHẦN GIA ĐÌNH

- Gà chiên dòn
- Steak nướng
- Steak tiêu đen
- Lưỡi bò sốt cà

MỞ CỬA 6 NGÀY:
8:00 AM - 10 PM

NGHỈ NGÀY THỨ BA

HƯỞNG GIANG

NHẬN ĐẶT TIỆC
SINH NHẬT - HỌP BẠN - ĐÁM HỎI

Địa Điểm I:
14282 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92843
Bus: (714) 531-1798
Res: (714) 531-2464

Địa Điểm 2:
14561 Brookhurst St.
Westminster, CA 92683
(Khu Bò 7 món Pagolac)
Bus: (714) 531-4930

- Giò chả Huế - Bánh Canh - Cơm Hến - Chả Tôm - Chạo Tôm.
- Cơm Chiên - Mì Xào - Miến Sào - Gỏi Sứa Tôm Thịt - Gỏi Ngó Sen Tôm Thịt - Gỏi Mít - Bì Cuốn - Bò Bía - Gỏi Cuốn - Súp Măng Cua - Nem Nướng.

ĐẶC SẢN HUẾ:

Bún Bò Huế - Bánh Bèo - Bánh Nậm - Bánh Bột Lọc - Bánh Ít Ram - Bánh Ướt Thịt Nướng - Bánh Ướt Tôm Chấy.

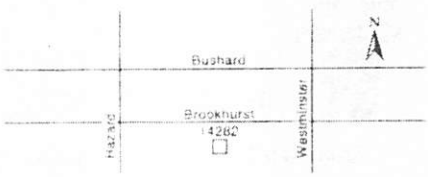

ENSURE

Similac®
Infant Formulas

* Sữa Similac dùng cho trẻ em.
* Máy đo máu và đo nhịp tim sản xuất tại Nhật Bản.

✶ Mọi người đều dùng được
✶ Tăng cường sức khỏe
✶ Bồi bổ cơ thể
✶ Lên cân nhanh chóng

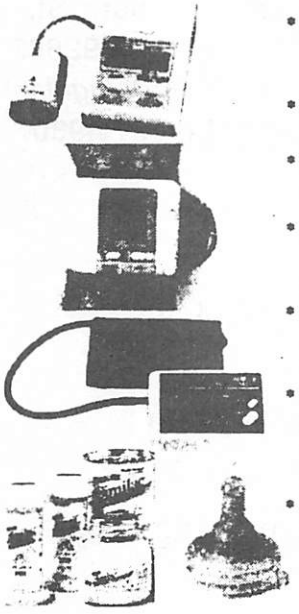

- **Sữa Ensure** có đầy đủ chất dinh dưỡng như thức ăn, rất được người Việt Nam ưa dùng.
- **Sữa Ensure** có nhiều mùi vị khác nhau.
- **Sữa Ensure** thay thế được thức ăn hàng ngày. Rất tốt khi quý vị không ăn uống bình thường được.
- **Sữa Ensure** giúp quý vị lên cân nhanh chóng.
- **Sữa Ensure** dùng để tăng sức hoặc hồi phục sức khỏe khi bệnh hoạn.
- **Sữa Pediasure** dành cho trẻ em từ 1 đến 6 tuổi. Có đầy đủ chất bổ dưỡng cần thiết.
- **Sữa Pediasure** giúp trẻ em lên cân nhanh chóng, tăng cường sức khỏe và tăng trưởng đều đặn.
- **Sữa Pediasure** dành cho trẻ em biếng ăn - không lên cân - sau cơn bệnh - ăn nhiều nhưng chậm lớn - sau giải phẫu.
- **Sữa Glucerna** dành cho người bị bệnh tiểu đường.

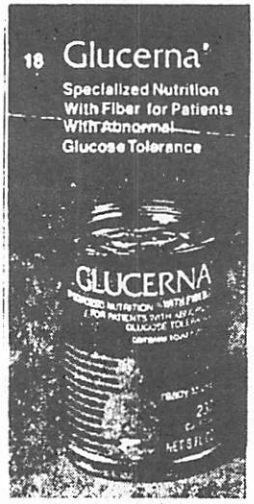

TÌM MUA TẠI:

Nhận Bán Thuốc theo toa Bác Sĩ
Nhận Visa Mastercard

LINH'S PHARMACY
9191 Bolsa Avenue # 102
Westminster, CA 92683
(Khu Chợ 99)
TEL: (714) 892-8773
DS NGUYỄN THỊ TÚY SƯƠNG

DANH PHARMACY
Nhà thuốc tây VN đầu tiên tại Mỹ
9182 Bolsa Avenue,
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 892-4407
DS QUÁCH NHỨT DANH

LINH'S PHARMACY II
9500 Bolsa Ave. # N
Westminster, CA 92683
(Khu chợ Bolsa Supermarket)
Tel: (714) 775-0550
DS QUÁCH THỊ THÙY LINH

Nhận CalOPTIMA và các loại bảo hiểm PCS - Pacificare - Paid Prescription - Health Net Aetna - Foundation Health - Express Scripts - Care Mark - ScripCard - ValueRx - Blue Shield - Blue Cross. v.v...

Bác Sĩ THƯỢNG HẢI Ph.D., C.A., O.M.D.

13878 Brookhurst Street, Garden Grove, CA 92843
(Trong khu Chợ Đồng Hương và Seafood Đông Lợi)
Tel.: (714) 636-8166

- *Tốt nghiệp Bác Sĩ Chuyên Khoa Đông Y Châm Cứu Hoa Kỳ*
- *Diplomate in Acupuncture of the N.C.C.A.*
- *Hội viên Hội Cổ Văn Đông Y Châm Cứu Hoa Kỳ*
- *Giám Khảo Hội Đồng Châm Cứu tiểu bang California*
- *Nguyên Y Sĩ Đông Y Châm Cứu Trung Tâm Y Tế Phát Giáo*
- *Nguyên Cố Vấn Đông Y các bệnh viện Quảng Đông Triều Châu Sùng Chính Phước Kiến*

CHUYÊN TRỊ CÁC BỆNH NỘI NGOẠI THƯƠNG BẰNG CHÂM CỨU VÀ CÁC BỆNH KẾT HỢP PHƯƠNG PHÁP ĐÔNG TÂY

Số #2 — THƯỢNG HẢI BÁ BỔ NGŨ TẠNG THẦN DƯỢC — 1 chai $30

Được bào chế bằng tinh chất sữa ong chúa phối hợp với các dược phẩm cực quý Đông Y như Nhân Sâm, Yến, Quế, Hà Thủ Ô và các dược phẩm thượng hạng, giúp cho cơ thể chống lại bệnh tật, trị đau nhức bắp thịt, gân cốt, đau khớp xương, phong thấp, thân suy, già trước tuổi, tóc bạc sớm, ăn không ngon, mất ngủ. Phòng ngừa các bệnh ung thư vì rối loạn cơ thể, kinh mạch do hoàn cảnh đến sống và căng thẳng thần kinh. Gia tăng sức khỏe cho các quí vị vì hoàn cảnh công việc làm việc quá sức, mất gan, bổ phổi, trị thần kinh suy nhược, bồi bổ ngũ tạng, ngủ ngon.

Maletonix số #3 — BỔ THẬN TINH (BẢO ĐẢM 100%) — 1 chai 80 viên $20

Bổ thận tinh Maletonix lần đầu tiên được bào chế bằng Bách Hoa Lộ phối hợp với các dược thảo thượng hạng bằng các phương pháp trích tinh cô đặc, tăng cường sinh lực cho nam giới, tăng cường sức khỏe cho thanh niên, giúp cơ thể trẻ trung, khỏe mạnh, yêu đời, chữa trị thận khí suy yếu, dương sự kém, tâm thần bất giao, di mộng tinh yếu sinh lý, xuất tinh sớm, hạ bộ suy nhược, phòng sự yếu kém hay tiểu đêm, tiểu vặt, nước tiểu vẩn đục, thêm tinh ích tủy rắn chắc gân xương, tai mắt thông minh, bổ tinh trạng dương làm cho khỏe mạnh lâu già, uống lâu thân thể nhẹ nhàng.

Woman Fitness - Man Fitness Số #8B — DƯỢC THẢO TAN MỠ GIẢM CÂN — 1 chai 90 viên $20

Dược Thảo Tan Mỡ Giảm Cân đặc biệt làm tan lượng mỡ dư thừa ở bụng, đùi và cằm, giúp chuyển hóa mỡ dư thừa thành năng lượng làm việc, giúp cơ thể khỏe mạnh, làm việc không bị mệt mỏi. Tạo cho phụ nữ và nam giới có thân hình gọn gàng và trẻ đẹp.
Dược Thảo Tan Mỡ Giảm Cân có công dụng điều hòa cơ thể, giảm bớt sự thèm ăn quá độ vì căng thẳng hay rối loạn cơ thể và chức năng của gan, làm sáng mắt, mát gan, lọc máu, làm da dẻ hồng hào. Giúp hạ mỡ trong máu, giảm cholesterol, phòng ngừa bệnh cao máu, bệnh tiểu đường, sáng mắt, phòng ngừa các bệnh ung thư rất tốt.
Dược Thảo Tan Mỡ Giảm Cân được điều chế hoàn toàn bằng dược thảo thiên nhiên rất tốt cho cơ thể, làm mát gan, lọc máu, giải độc, điều hòa khí huyết cho phụ nữ, bổ thận cho nam giới. Uống lâu giúp da dẻ mịn màng, nhan sắc tươi đẹp, giảm đi lo âu căng thẳng, bực dọc vì hoàn cảnh công việc hay đời sống. Đặc biệt khi giảm cân đến trọng lượng như ý, ngưng thuốc không bị mập lại. Kết quả trong hai tuần lễ.

Hairtonix - Số #6 — THUỐC TRỊ RỤNG TÓC VÀ MỌC TÓC — 1 chai 90 viên $20

Thuốc trị rụng tóc và mọc tóc HAIRTONIX được bào chế bằng phương pháp tối tân với phương thức cổ truyền của hãng BIONIX Pharmaceutical Natural Products, đã dùng tinh chất của các Đông y dược thảo thiên nhiên thượng hạng công dụng:
- Bổ bổ, nuôi dưỡng sợi tóc, chân tóc - Ngưng bệnh rụng tóc lập tức trong vòng 10 đến 15 ngày - Giúp cho sợi tóc mọc nhanh hơn, bền chắc - Làm cho sợi tóc cứng cáp, hết khô khan, không dễ gãy - Tạo mái tóc tươi sáng, khỏe đẹp - Điều hòa khí huyết, quân bình cơ thể, làm tóc đen mượt.

Ngoài tác dụng chống rụng tóc, thuốc bổ HAIRTONIX còn là một sinh tố dược thảo giúp quí vị không bị rụng tóc nhưng muốn tăng [illegible] cho mái tóc mình trở nên tươi đẹp, ngăn ngừa bệnh rụng tóc, điều hòa khí huyết. Thuốc bổ HAIRTONIX là một loại dược thảo sinh tố bồi bổ cho sợi tóc, giúp chúng ta có một mái tóc khỏe mạnh, tươi đẹp.

Musselloskeletal Rehab Số #17 — DƯỢC THẢO THÔNG HUYẾT HOÀN — 1 chai 90 viên $20

Dược Thảo Thông Huyết Hoàn có công dụng thông hóa khí huyết, bồi bổ bắp thịt gân xương, bồi bổ máu huyết trị bệnh đau nhức, sưng khớp xương, vọp bẻ bắp thịt, tay chân tê cứng khi ngủ dậy, hay dang làm việc. Thông Huyết Hoàn được điều chế hoàn toàn bằng dược thảo thiên nhiên tương lâu đại bổ bổ khí huyết, tăng cường sức khỏe, bồi bổ tỳ vị, giúp ăn ngủ điều hòa, giúp trị đau lưng, nhức mỏi gân cốt, đau cổ, đau đầu gối, cánh tay, [illegible] đau nhức. Trị bệnh gân xương mỏi mệt, bắp thịt yếu đuối, chân tay tê bại cất nhắc khó khăn, trị bệnh phong thấp sưng khớp, uể oải trong mình. Dược Thảo Thông Huyết Hoàn nuôi dưỡng bồi bổ kinh mạch, da thông kinh mạch, phòng ngừa bệnh tật. Uống lâu thân thể nhẹ nhàng. Dược Thảo Thông Huyết Hoàn công dụng bồi bổ gân xương, thêm tinh ích tủy, đại bổ gân cốt, thông kinh huyết mạch, là một thần dược trị bệnh đau nhức, phong thấp.

NHẬN GỞI THUỐC ĐI KHẮP NƠI
Nhận: VISA - MASTERCARD

MUỐN MUA THUỐC XIN GỌI
Điện thoại miễn phí 1-800-458-1889 www.thuonghai.com
CẦN MỘT ĐẠI LÝ CHO MỖI THÀNH PHỐ

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 10AM-6PM
Thứ Bảy: 10AM-3PM

CƠM TẤM
TRẦN QUÝ CÁP

Cống hiến hương vị thơm ngon bất hủ của
Cơm tấm Trần Quý Cáp ngày nào.

Địa Điểm I:
10522 Mc Fadden Ave.
(Góc Mc Fadden và Ward)
Garden Grove, CA 92843
Nghỉ Thứ Hai
Tel: (714) 839-3069

Địa Điểm II:
9607 Bolsa Ave.
(Trong khu Bolsa Mini Mall,
gần Nhà sách Tú Quỳnh)
Westminster, CA 92683
Nghỉ Thứ Ba
Tel: (714) 839-3173

ĐÀ NẴNG
Restaurant:
Thêm các món ngon:
BÚN BÒ HUẾ - MÌ QUẢNG -
BÁNH BÈO - MÍT TRỘN

ĐẶC BIỆT: TÀU HŨ KI

MỞ CỬA: 9:00 AM - 8:00 PM
Kính Mời

POMONA OPTOMETRY
1101 East Holt Ave., Ste. D
Pomona, CA 91787
(Trong khu Pomona Square,
cạnh chợ Pomona Supermarket)
(909) 620-4546

DR. TÔN NỮ KIỀU TIÊN, O.D.
DR. DƯƠNG THÙY TRANG, O.D.
DR. JOSEPH MOSTOW, .O.D.

- Tốt nghiệp Bác Sĩ Nhãn Khoa tại Southern Calif. College of Optometry, Fullerton, TDA Certified
- Hội viên California Optometry Association (COA).
- American Optometric Association (AOA), BETA SIGNA KAPPA, Honor Society.

- Đủ kiểu kính thời trang của Mỹ, Pháp, Ý... và kính mát.
- Đủ loại contact lenses trong hoặc màu.
- Làm kính lão bằng contact lenses.

- Làm đủ loại kính cận thị, viễn thị, loạn thị và lão.
- Kính mỏng cho độ cao.
- Kính hai tròng, có lằn hoặc không lằn.
- Chuyên khám mắt tổng quát: Khám mắt hột cườm, glaucoma, tiểu đường, áp suất cao, v.v... **CÓ THỂ CHO TOA THUỐC CHỮA BỆNH MẮT NẾU CẦN.**

NHẬN MEDICAL, MEDICARE,
INSURANCE, VISA / MASTER CARD

Nhà Thuốc Tây

TAM'S RX PHARMACY

14024 Magnolia, #103 - Westminster, CA 92683

(Khu Shopping Center mới, góc Magnolia và Westminster)

(714) 892-9808 / (714) 895-9044

- *Nhà thuốc Gia đình của Quý vị do Dược Sĩ tốt nghiệp, hành nghề lâu năm tại Việt Nam và Hoa Kỳ, luôn luôn có mặt, đích thân tận tình chỉ dẫn cách xử dụng các loại thuốc đúng theo tiêu chuẩn Hoa Kỳ.*
- *Nhận MEDICAL, THẺ THUỐC PCS, BLUESHIELDS, BLUE CROSS, MEDI-MET và các loại BẢO HIỂM.*
- *Địa điểm thuận tiện, góc Magnolia và Westminster (gần chợ Phát Tài), bãi đậu xe rộng rãi, an toàn.*
- *Tiếp đãi ân cần. Quý khách không phải chờ lâu.*
- *Có máy Photocopy.*

Giờ mở cửa:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 10 AM - 7 PM
Thứ Bảy: 10 AM - 5 PM

Dược sĩ Tôn Nữ Diệu Hoa, tự Tâm Thường Kính Mời.

TRUNG TÂM Y NHA KHOA POMONA

Y VIỆN POMONA

1182 E. Holt Ave. - Pomona, CA 91766

Tel: (909) 623-8502

Bác Sĩ

VÕ ĐÌNH HỮU, M.D.

- Chief of Staff Bệnh viện Lenterman.
- Bác sĩ Department of Family Practice Pomona Valley Hospital.
- Hội viên American Academy of Pediatrics.
- Tốt nghiệp Chuyên khoa tại University of Florida.
- Cựu Y sĩ Hồng Thập Tự Việt Nam.
- Cựu Nội trú Sản phụ khoa Từ Dũ, Giải phẫu Bình Dân, Bệnh viện Nhi Đồng.

Bác Sĩ

LÊ MINH ĐỨC, M.D.

- Hội viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ.
- Hội viên Hội Y Sĩ California.
- Hội viên Hội Y Sĩ L.A County.
- Bác sĩ Điều trị các Bệnh viện vùng Pomona.
- Cựu Nội trú Sản phụ khoa Bệnh viện Hùng Vương, Nội khoa Nguyễn Văn Học.
- Cựu Nội trú Bệnh viện Huntington Memorial California.

□ Chuyên Khám bệnh Trẻ em, Khám bệnh Nhập học, Chích ngừa, Khám bệnh Toàn khoa Người lớn, Bệnh Phụ nữ, Khám thai, Săn sóc sức khỏe gia đình, Khám bệnh định kỳ hàng năm, Thử nghiệm tìm Ung thư Đàn bà.

✦ **Khi cần nằm Bệnh viện, Bác sĩ sẽ đích thân theo dõi. Trung tâm có Bác sĩ chuyên môn, Bác Sĩ Nha Khoa đầu tiên vùng Pomona và phụ cận.**

NHẬN MEDICAL - MEDICARE VÀ BẢO HIỂM

Ngày giờ làm việc:
Ngày thường: 4 PM - 8 PM
Thứ Bảy, Chủ Nhật: 10 AM - 3 PM

Nhận Làm Bác Sĩ Gia Đình
Khám bệnh theo hẹn
Khi cần gọi 24 giờ (909) 623-8502
Bác Sĩ Võ hay Bác Sĩ Lê

TRUNG TÂM NHI ĐỒNG & Y KHOA TỔNG QUÁT

BS VÕ VĂN TÙNG, M.D & BS BRIAN THỐNG VÕ VĂN, M.D

American Board of Pediatrics

BS LAURA ĐOAN-PHƯƠNG VÕ VĂN, M.D.

American Board of Family Medicine

- **Chuyên khám Bệnh Trẻ con từ thuở sơ sinh đến tuổi trưởng thành.**
- **Khám Bệnh Nội thương Người lớn.**
- **Nhận làm Bác sĩ Gia đình.**

Nhận Medical, CalOptima, Healthy Families và Hầu hết các loại Bảo hiểm HMO, PPO như Pacific Care, HealthNet, Aetna, Blue Cross, Blue Shield, Universal Care, Cigna v.v..

9559 Bolsa Ave., Suite D • Westminster, CA 92683

(Khu Mini Mall, trên lầu nhà hàng Thành Mỹ)

Tel: (714) 531-5754 ☎ Fax: (714) 531-5824

Web Site: www.vovan.yourmd.com

TIỆM VÀNG HỘT XOÀN

KIM THỌ JEWELRY

Asian Garden Mall (Khu Phước Lộc Thọ)
9200 Bolsa Ave., Suite 227 # 3 - 2nd Floor
Westminster, CA 92683

Tel: (714) 892-5007

- **Hột Xoàn, Cẩm Thạch, Nữ Trang, Vàng Lá.**
- **Đủ Loại, Đủ Kiểu.**
- **Bảo Đảm Đẹp và Đầy Đủ Phẩm Chất.**

BÁC SĨ NHA KHOA **HỒ VĂN PHÚ, D.D.S.**

BÁC SĨ NHA KHOA **HỒ NHƯ MAI, D.D.S.** NHA KHOA GIA ĐÌNH

BÁC SĨ NHA KHOA **HỒ LÝ KELLY, D.D.S., M.D.S.**

SPECIALIST IN ORTHODONTICS

BÁC SĨ CHUYÊN MÔN VỀ NIỀN RĂNG (Braces) Người Lớn và Trẻ Em.

SOUTH BAY CENTER
15024 PRAIRIE Ave.
Hawthorne, CA 90250
Tel. (310) 978-8993

Giờ làm việc:
THỨ BA, NĂM: 9:00AM - 6:00PM
THỨ BẢY: 9:00AM - 4:00PM

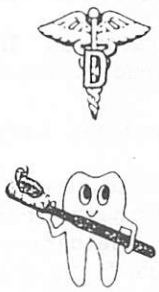

CHINATOWN CENTER
625 W. COLLEGE ST.,#104
Los Angeles, CA 90012
Tel. (213) 617-0096

Giờ làm việc:
THỨ HAI - THỨ TƯ - THỨ SÁU:
9:00AM - 6:00PM

XIN VUI LÒNG ĐIỆN THOẠI LẤY HẸN TRƯỚC
Nhận MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

TẠI LONG BEACH **BÁC SĨ Y KHOA**

VÕ VĂN PHÁC, MD.

CHUYÊN MÔN NỘI THƯƠNG NGƯỜI LỚN & TRẺ EM
Y KHOA GIA ĐÌNH

CHUYÊN MÔN:
- Y Khoa gia đình
- Các bệnh nội ngoại thương tổng quát
- Bệnh toàn khoa người lớn và trẻ em (Các bệnh về tim, phổi, thực quản, bao tử, gan, ruột, cao huyết áp, phong thấp, tiểu đường.)
- Bệnh ngoài da, hoa liễu, dị ứng (Allergy).
- Bệnh phụ nữ, đàn bà, thăm thai, kế hoạch hóa gia đình.
- Chích ngừa, khám bệnh nhập học, theo dõi sức khỏe, định kỳ trẻ em.
- Cộng tác với chương trình WIC cho sản phụ, trẻ em.
- Tiểu giải phẫu các bướu dưới da, mụn cóc, nốt ruồi, cắt da qui đầu.

NHẬN LÀM BÁC SĨ GIA ĐÌNH NHẬN MEDICAL, MEDICARE

Giờ Khám Bệnh:
Mon - Fri: 9:30 am - 6:30 pm
Sat: 9:00 am - 3:00 pm

THỬ NGHIỆM:
- Mỡ trong máu (Cholesterol)
- Các loại về máu, nước tiểu.
- Thử máu hôn thú.
- Truy tầm ung thư vú, tử cung.

Trang bị máy đo tim, đo phổi, máy massage.

611 E. Anaheim St.
Long Beach, CA 90813
(Giữa AtlanticBlvd. & Lime Ave.)
Tel: (310) 591-8982

Bác Sĩ PHẠM GIA KHÁNH

9191 Bolsa Ave., Suite #205 ◆ Westminster, CA 92683
(Trong khu chợ 99)

Tel: (714) 891-7035

- *Nguyên Bác sĩ điều trị Trung Tâm Y Tế Toàn Khoa Đà Nẵng.*
- *Nguyên Bác sĩ điều trị Tai - Mũi - Họng bệnh viện Malteser Việt- Đức Đà Nẵng.*
- *Nguyên Bác sĩ điều trị Sản Phụ Khoa và Ngoại Thương Dưỡng Đường và Bảo Sanh Viện Hàm Nghi, Đà Nẵng.*
- *Hoàn tất Hậu Đại Học UCLA - Hội viên Hội Y Sĩ Hoa Kỳ.*

CHUYÊN TRỊ: BỆNH TOÀN KHOA VÀ TAI MŨI HỌNG

- **BỆNH NỘI THƯƠNG NGƯỜI LỚN:** Huyết áp cao, tiểu đường, bệnh tim, phổi, bao tử, bệnh gan, nhức đầu kinh niên, phong thấp, nhức mỏi, đau lưng, xây xẩm, thiếu máu, bệnh đường tiểu.
- **BỆNH TRẺ EM:** Nóng sốt, tiêu chảy, ho, suyễn, sưng phổi, ói mửa, chậm lớn, chích ngừa, khám sức khỏe nhập học.
- **TAI MŨI HỌNG:** Bệnh dị ứng, nghẹt mũi, sổ mũi kinh niên, ngứa mũi, nhảy mũi, tai thối, đau và sưng hạch cổ họng.
- **BỆNH NGOÀI DA VÀ HOA LIỄU:** Chữa tuyệt các loại mụn lác, lang ben, mụn cóc, phong ngứa, lậu mủ, giang mai.
- **BỆNH PHỤ NỮ:** Thăm thai, thử thai, ngừa thai, kinh nguyệt không đều, huyết trắng, có kinh đau bụng, thử nghiệm ung thư tử cung.
- **GIẢI PHẪU:** Đốt mụn cơm, mổ bướu da, xẻ nhọt, may vết thương.

☐ KHÁM BỆNH LÀM THẺ XANH CỦA SỞ DI TRÚ (INS)
☐ CẤP BÔNG SỮA (WIC)

NHẬN MEDICAL & BẢO HIỂM

Giờ mở cửa:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 am - 6 pm
Thứ Bảy: 9:30 am - 2 pm

TRUNG TÂM SẢN PHỤ KHOA

BÁC SĨ VÕ VĂN CẦU, MD., FACOG., INC.

- *Tốt nghiệp Bằng Chuyên môn Sản Phụ Khoa Hoa Kỳ.*
- *Diplomat American Board of Obstetrics & Gynecology.*
- *Fellow American College of Obstetrics & Gynecology.*
- Nguyên Bác sĩ Sản Phụ Khoa, Giải Phẫu, Trưởng Bảo Sanh Viện Lê Trung Đình, Quảng Ngãi.
- Nguyên Trưởng Khu Sản Phụ Khoa và Bác sĩ Giải Phẫu Bệnh viện Sùng Chính, Saigòn.
- Tốt nghiệp Chuyên môn Sản Phụ Khoa, Nguyên Giảng Huấn viên tại Bệnh viện John Sealy University Hospital, Texas.

CHUYÊN TRỊ: SẢN KHOA VÀ TẤT CẢ CÁC BỆNH ĐÀN BÀ

- **SẢN KHOA:** Thăm thai và đích thân đỡ đẻ, kể cả trường hợp khó khăn. Kế hoạch gia đình (OCA, Deproprovera, Norplant). Cột kẹp hoặc đốt ống dẫn trứng. Có thể sinh thường những trường hợp đã mổ (previous C/section). Hướng dẫn để sinh trai gái theo ý muốn. Hiếm muộn và giải phẫu hiếm muộn.
- **PHỤ KHOA:** Kinh nguyệt bất thường. Nhiễm trùng bộ phận sinh dục. Huyết trắng. Rối loạn sinh lý. Truy tầm ung thư vú. Ung thư cổ tử cung và điều trị tiền ung thư cổ tử cung. Chẩn đoán và điều trị bướu âm đạo, tử cung và buồng trứng.
- **GIẢI PHẪU:** Bướu tử cung, buồng trứng, ống dẫn trứng. Ngưng sanh. Bệnh sa tử cung và sửa âm đạo. Bệnh không điều khiển nước tiểu. Các bệnh điều trị bằng Laser.

Giờ làm việc:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 10:00 am - 6:30 pm
Thứ Bảy: 10:00 am - 3:00 pm
Xin vui lòng lấy hẹn

NHẬN MEDICAL, MEDICARE & BẢO HIỂM CÁC LOẠI
14024 Magnolia, Suite 104
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 898-1375
(24 Hrs)

PHÒNG MẠCH ĐẦU TIÊN

Về **NHI KHOA**
Tại **VAN NUYS**

6900 Van Nuys Blvd., Suite #7
Van Nuys, CA 91405
Tel: (818) 989-2406
& (818) 989-2407
Beeper: (818) 379-9071
Canh Pharmacy of Phan's
canh Nha Sĩ Phan Mỹ Hanh

Bác Sĩ

LÊ PHƯỚC LỘC (Richard Le), M.D.

NHI KHOA & Y KHOA TỔNG QUÁT

- *Tốt nghiệp Michael Reese Hosp. Med Center University of Chicago (Illinois)*
- *Nội trú Tulane Med Center - University of Tulane New Orleans*
- *Nguyên thường trú White Memorial Med Center University of Loma Linda, Los Angeles*
- *Hội viên Y sĩ đoàn Hoa Kỳ từ 1985*
- *Hội viên trung cấp Hàn Lâm Viện Nhi Khoa Hoa Kỳ*
- *Từng hành nghề tại New Orleans từ 1984-1985*

NHI KHOA & Y KHOA TỔNG QUÁT

★ Khám và trị bệnh trẻ em sơ sinh Việt, Miên, Lào, Hoa
★ Chích ngừa & Khám nhập học - Free
★ Khám sức khỏe định kỳ (CHOP) nếu lợi tức thấp - Free
★ Lập giấy sức khỏe tiền Hôn nhân
★ Nhận làm Bác Sĩ gia đình
★ Hợp tác với Chương trình Bông sữa WIC
★ Trực tiếp điều trị liên tục nếu nhập viện tại vùng Van Nuys
★ Giới thiệu chuyên khoa nếu cần

CHUYÊN TRỊ:

★ *Các bệnh trẻ em liên quan đến tăng trưởng - Tiêu hộ - Hô hấp - Xương khớp - Đầu - Đau ngực - Phong thấp - Ho - Suyễn - Táo bón - Hô hấp - Các bệnh ngoài da - Các bệnh dinh dưỡng - Các bệnh phụ khoa - Các bệnh thanh thiếu niên - Các thương tích tai nạn nghề nghiệp.*

Phòng mạch trang bị máy thử nghiệm Vật lý Trị liệu và Quang Tuyến X

ĐẶC ĐIỂM:

- **Phòng mạch có máy điều hòa không khí, trang bị dụng cụ tối tân - Điện tâm đồ**
- **Đo thính lực - Phân tích máu - Nước tiểu - Đo nhãn lực**
- **Bảo đảm không chờ lâu và có thể tham khảo trực tiếp bất cứ lúc nào bằng điện thoại**
- **Bãi đậu xe rộng rãi**

Đặc Biệt: Có máy truy tầm Ung thư và máy Siêu âm để truy tầm các loại Bướu trong bụng và trong các Xoang

Giờ làm việc:
Thứ 2 - Thứ 6: 9 AM - 7 PM
Thứ 7: 9 AM - 5 PM
Chủ Nhật nghỉ

NHẬN MEDICAL & MEDICARE & BẢO HIỂM

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA

TAI ★ MŨI ★ HỌNG

Ba địa điểm để phục vụ Quý Đồng Hương

BÙI MINH TÂM, MD, FACS

11180 Warner Ave., Suite 459
Fountain Valley, CA 92708
(714) 545-1133
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9 AM - 5 PM
Thứ Bảy: 9 AM - 2 PM

BÙI MINH ĐỨC, MD

9131 Bolsa Ave., Suite 201
Westminster, CA 92683
(714) 894-5581
Thứ Hai - Thứ Sáu: 10 AM - 5 PM
Thứ Bảy: 10 AM - 2 PM

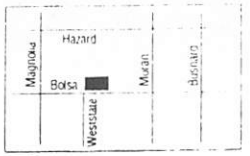

BÙI THANH HẰNG (HANA), MD

1321 N. Harbor Blvd., Suite 101
Fullerton, CA 92835
(714) 870-4822
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9 AM - 5 PM
Thứ Bảy nghỉ
* Không nhận Medical

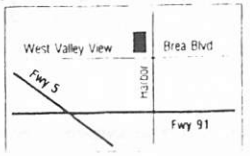

XIN GỌI ĐỂ LẤY HẸN TRƯỚC

CHUYÊN ĐIỀU TRỊ VÀ GIẢI PHẪU NGƯỜI LỚN VÀ TRẺ EM:

TAI: Đau, thối, chảy mủ, thủng màng nhĩ, ù tai, điếc tai, bướu tai.

MŨI VÀ XOANG: Viêm, nghẹt, khó thở, chảy máu, thối, nhức đầu.

HỌNG: Nghẹt thở, ngáy, đau, khàn giọng, khó nuốt, khạc ra máu, bướu, ho.

CHÓNG MẶT: Quay cuồng, xây xẩm, hay xỉu.

GIÂY THẦN KINH MẶT: Méo mặt, tê liệt một bên mặt.

NHẬN BẢO HIỂM, MEDICARE, MEDICAL

TRUNG TÂM PHỤC HỒI MAGNOLIA

TRUNG TÂM ĐẦU TIÊN CỦA NGƯỜI VIỆT PHỤC VỤ NGƯỜI VIỆT
DƯỚI SỰ ĐIỀU HÀNH CỦA

Bác Sĩ DIỆU-MY MICHELLE THÁI, M.D.

Diplomate American Board of Physical Medicine & Rehabilitation

- *Tốt Nghiệp Bác Sĩ Y Khoa - U.C. Davis*
- *Tốt Nghiệp Bác Sĩ Chuyên Khoa - UC Irvine*
- *Hiện là giám đốc điều hành của Orthopedic & Spinal Coard Injury Rebab. St JUDE Hospital, Fullerton, California*
- *10 năm kinh nghiệm phục vụ vùng Orange County*

PHƯƠNG PHÁP CHỮA TRỊ:

- Trung tâm trang bị máy móc và vật lý trị liệu tối tân để phục vụ bệnh nhân.
- Trung tâm mới rộng rải 5000 S/F, hơn 100 parkings Bác Sĩ sẽ đích thân săn sóc và hướng dẫn chữa trị từng bệnh nhân.
- Trung tâm có nhóm chuyên viên người Việt Physical Therapist, Occupational Therapist, Speech Therapist phụ trách chương trình thể dục đặc biệt cho bệnh nhân.
- Chích thuốc trong những trường hợp cần thiếc.
- Cập nhật hóa các loại thuốc mới nhất.
- Máy điện tử để xác định bệnh nghẽn thần kinh (EMG, NCV)
- Máy quang tuyến đặc biệt để chẩn bệnh ngay tại trung tâm.

CHỮA TRỊ VÀ PHỤC HỒI CHO NHỮNG TRIỆU CHỨNG:

- Tai biến mạch máu não (stroke)
- Tai biến tủy sống và tê liệt (Spinal Cord Injury)
- Sau những cơn mổ xẻ hoặc đau cấp cứu, kinh niên.
- Sau khi bị tai nạn xe hơi, thể thao.
- Sau những cơn bệnh hiểm nghèo.
- Phục hồi do những bệnh:
  - *Ung Thư, Bệnh Tim, Bệnh Phổi, và những bệnh gây ra từ hút thuốc.*
  - *Bệnh Gẫy Xương, Phốp Xương.*
  - *Total Hip Replacement.*
  - *Total Knee Replacement.*
  - *Các Bệnh Đau Nhức, Phong Thấp và Thấp Khớp (Arthritis)*

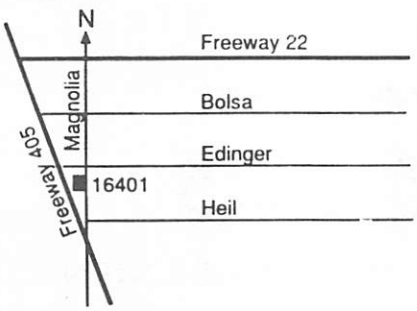

THAM KHẢO

- Cách dùng dược thảo để tránh phản ứng hiểm nghèo.
- Ý kiến về mổ xẻ.
- Chuẩn định cho xe lăn tay (Evaluation for Wheel Chair)
- Chứng nhận để cấp phát dụng cụ Y Khoa (Xe Lăn Tay, Nạn Chống, Nạn Tập Đi, Giường Nhà Thương, v.v.v.)
- Chứng Nhận Disability.

ĐỊA CHỈ MỚI:

16401 MAGNOLIA ST., WESTMINSTER, CA 92683

TEL: (714) 596-4288 FAX: (714) 596-2388

TÔN THẤT VINH

REAL ESTATE BROKER

Bus: (714) 839-6486 - Res: (714) 531-8878

WINSTAR REALTY

17330 Brookhurst St., Ste. 100 - Fountain Valley, CA 92708

Tiền lời đang xuống thấp. Quý vị muốn mượn nợ, Refinance, mua bán nhà

Xin liên lạc:
TÔN THẤT VINH

VỚI TRÊN 10 NĂM KINH NGHIỆM TRONG NGÀNH ĐỊA ỐC, CHÚNG TÔI SẼ ĐEM QUYỀN LỢI TỐI ĐA VỀ CHO QUÝ VỊ.

Bác Sĩ

LÊ VĂN CẨM, M.D.

J. Fellow Of American Academy Of Pediatrics

9341 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683

Điện thoại: (714) 894-9666

CHUYÊN KHOA NHI KHOA

SƠ SINH, TRẺ EM VÀ CÁC BỆNH THANH THIẾU NIÊN.

Y KHOA TỔNG QUÁT NGƯỜI LỚN

Bác Sĩ điều trị tại Bệnh viện Fountain Valley Regional Hospital

TRUNG TÂM ĐIỀU TRỊ ĐAU NHỨC VÀ CHỈNH XƯƠNG

DALAT CLINIC

ADVANCED CHIROPRACTIC CARE

9613 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683

(Khu Bolsa Mini Mall)

Tel: (714) 839-9384

- Văn phòng trang bị máy X-Ray tối tân (High Frequency Computerized Programable) giảm thiểu tối đa độ nhiễm xạ
- Trang bị đầy đủ máy Vật Lý Trị Liệu tối tân.

Bác Sĩ BỬU PHỤNG

Doctor Of Chiropractic

- *Nguyên Bác sĩ Bệnh viện Đà Lạt, Việt Nam.*
- *Tốt nghiệp Bác sĩ Chuyên Khoa Chỉnh Xương tại Đại Học Southern Cali CC.*
- *Certified National and State Board of Chiropractic Examiners.*
- *Certified Industrial Work Injury Disability Evaluation Examiners by ICAC.*
- *California Radiography X-Ray supervisor and operator.*

CHUYÊN TRỊ:

- Đau lưng, đau cổ, đau đầu, cụp xương sống.
- Đau khớp xương, trật khớp xương, bong gân.
- Nhức mỏi, đau bắp thịt, mệt mỏi do thời tiết, phong thấp.
- Các chấn thương do tai nạn té ngã, xe cộ, nghề nghiệp lao động, thể thao...
- Các chứng bệnh đau nhức liên quan đến hệ thống thần kinh, cột xương sống và bắp thịt.
- Đặc biệt chỉnh cột xương sống bị xiêu vẹo.

Giờ làm việc:
Mon - Fri: 10:00 am - 6:00 pm
Wed: 10:00 am - 12:00 pm
Sat: 10:00 am - 1:00 pm

PHỐI HỢP KIẾN THỨC Y KHOA VÀO CHIROPRACTIC ĐỂ ĐEM LẠI KẾT QUẢ ĐIỀU TRỊ TỐT CHO BỆNH NHÂN

Catinat PHARMACY INC

CATINAT PHARMACY, Inc.

9549 - A Bolsa Ave., Westminster, CA 92683

Tel: (714) 531-3560

Fax: (714) 531-4601

Dược sĩ TRỊNH LÊ HỒNG

Dược sĩ LÊ THỊ MINH TÂM

- **Bán thuốc theo toa Bác Sĩ, nhận Medie-Cal, CalOptima và Bảo Hiểm (PCS, PAID, FHP, NPA, MPN, Rx Net, Gold Net, APS, Rx America, EXPRESS SCRIPT, ALTA Rx, RESTAT, AETNA, etc...**
- **Nhận chuyển FAX, thư nhanh và gửi thuốc tây về Việt Nam.**
- **Đại lý thuốc *BỔ SÂM PHARMAX G2* (Tăng cường sinh lực, tươi vui, trẻ đẹp, bổ trí nhớ).**

THUỐC BỔ SÂM

PHARMAX

MAXIMUM STRENGTH GINSENG 80000 & HIGH POTENCY VITAMIN

TĂNG CƯỜNG SINHLỰC

TƯƠI VUI TRẺ ĐẸP

MỞ CỬA 6 NGÀY:
Từ Thứ Hai đến Thứ Sáu: 10 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 10 AM - 6 PM.

9549 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683

Tel: (714) 531-3560

Fax: (714) 531-4601

Chợ Mới, Chợ Mới !!!

SAIGON CITY

首都超級市場

GRAND OPENING

Ngôi chợ này nguyên là chợ Ralph rộng 45.000 Sf., parking mênh mông, tọa lạc trên đường Brookhurst góc Mc Fadden, Westminster Little Saigon. Vào tháng 11 nó sẽ trở thành siêu thị Sàigon City, cửa ngõ kinh doanh phục vụ cho hàng chục ngàn cư dân dọc theo đường Brookhurst và khu vực phía nam, đông nam của bốn thành phố Fountain Valley, Huntington Beach, Costa Mesa và Santa Ana.

Anh: VĂN HÓA

MỞ CỬA MỖI NGÀY
TỪ 7 GIỜ SÁNG ĐẾN 11 GIỜ KHUYA
QUÍ KHÁCH ỦNG HỘ ĐI CHỢ
DÙ MUA NHIỀU HAY ÍT
ĐỀU CÓ QUÀ TẶNG NHƯ: GẠO, TÔM, DẦU ĂN, v.v

15471 BROOKHURST ST., WESTMINSTER, CA 92683 TEL: (714) 531-9800 FAX: (714) 531-9700

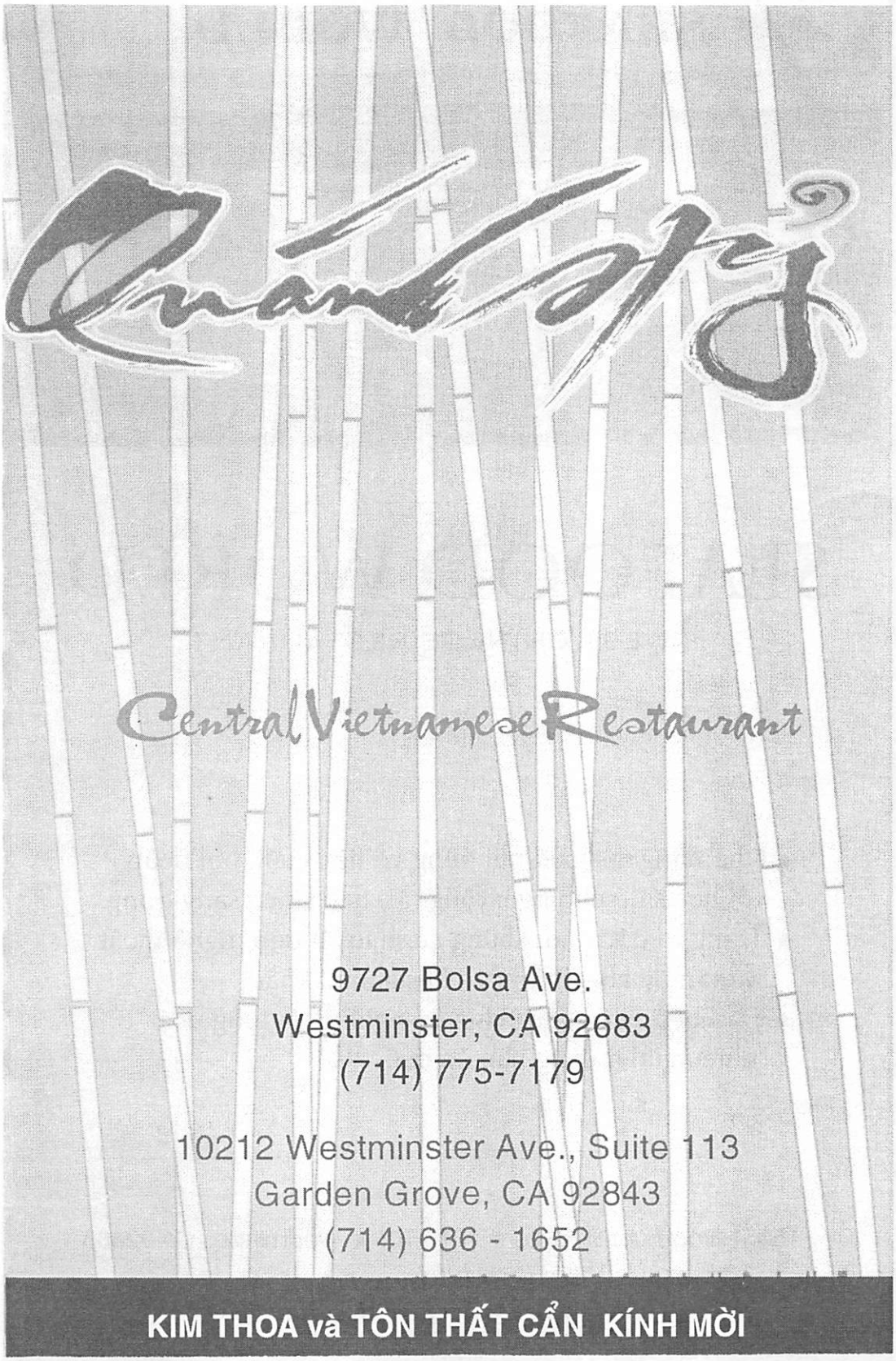
Quán Tý
Central Vietnamese Restaurant
9727 Bolsa Ave.
Westminster, CA 92683
(714) 775-7179
10212 Westminster Ave., Suite 113
Garden Grove, CA 92843
(714) 636 - 1652
KIM THOA và TÔN THẤT CẨN KÍNH MỜI

SEAFOOD WORLD

FINEST CHINESE RESTAURANT

★ Nhà hàng Seafood nổi tiếng về tiệc cưới, hội đoàn với hơn 600 chỗ ngồi rộng rãi, lịch sự và sang trọng.
★ Trang trí độc đáo, khung cảnh tuyệt đẹp, nghệ thuật và tân kỳ khác hẳn các Restaurant khác.
★ Đầu bếp Hongkong chuyên nghiệp đã từng đoạt nhiều giải thưởng nấu ăn quốc tế.

15351 Brookhurst St., Suite # 101 - 106 ★ Westminster, CA 92683

(Giữa Mc Fadden và Bolsa)

Tel: (714) 775-8828 - Fax: (714) 775-2317

N-866-866-8660

K-T Furniture GALLERY

2775 W. Lincoln Ave. ▫ Anaheim, CA 92801

(Giữa Dale & Magnolia)

(714) 821 - 4989

Với 15,000 sqft Showroom, chúng tôi có đủ loại bàn ghế, tủ, nệm từ Italy đến Hi-Tex. Tha hồ để Quý vị lựa chọn.

CALIFORNIA AESTHETIC SURGERIES

Cosmetic - Plastic - Reconstructive Specialists

PHƯƠNG HIỀN

Hãy làm cho bạn trẻ hơn, đẹp hơn!
Trung tâm do các bác sĩ chuyên khoa, nhiều năm trong nghề đảm trách.

- Có giấy hành nghề của tiểu bang
- Phòng mổ tối tân hiện đại
- Gây tê không đau
- Thời gian phục hồi nhanh chóng, an toàn.

Mọi tham khảo, xin gọi số:

714.771.9252 hoặc 714.771.6363

1310 West Stewart Dr. #309 - Orange, CA 92868

Giá 10 Mỹ Kim